

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
TÒA THÁNH TÂY NINH

BƯỚC ĐẦU HỌC ĐẠO

(Dành cho Tân tín đồ Cao Đài)

Soan giả : *Hiền tài* Nguyễn Văn Hồng

Khi Bản thảo này hoàn thành,
soạn giả có tâm nguyện
hiển Bản quyền cho Hội Thánh sử dụng.

BƯỚC ĐẦU HỌC ĐẠO

(Dành cho Tân tín đồ Cao Đài)

Soạn giả: **Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng**

Ấn bản 2004

CĂN TỪ **của Thánh Thất NSW - AUSTRALIA.**

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu học Đạo hiện nay của đồng đạo. Chúng tôi xin trình bày và phổ biến tài liệu **BUỐC ĐẦU HỌC ĐẠO** do cố Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng biên soạn vào những năm 2004.

Tác phẩm Bước Đầu Học Đạo cũng như những tác phẩm biên soạn khác của cố Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng chưa được Hội Thánh chánh thức kiểm duyệt, tuy hiện thời đã được đồng đạo đồng đạo trong và ngoài nước tham đọc.

Lý Đạo vốn cao siêu thâm viển, ngôn từ lại thiên cận đặc thù, trí phàm của chúng ta khó thông hiểu tận tường hoặc diễn đạt đủ đầy nghĩa lý. Thế nên sẽ không thể nào tránh khỏi những quan điểm bất đồng, vì mỗi người trong chúng ta ai cũng có thể đạt đến sự hiểu biết cao thấp khác nhau, tùy theo trình độ giác ngộ của mình.

Thánh Thất NSW xin được phép miễn nghị bàn về những gì mà tác giả đã trình bày giải thích, về nghĩa lý đúng hay sai, chúng tôi đề nghị đồng đạo tham cứu thêm các tài liệu khác như: **THÁNH NGÔN HIỆP TUYỀN, TÂN LUẬT, PHÁP CHÁNH TRUYỀN, KINH THIÊN ĐẠO VÀ THẾ ĐẠO, QUAN HÔN TANG LỄ, HẠNH ĐƯỜNG** Tài Liệu Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Nam Nữ (Khóa **CANH TUẤT 1970**), v.v... do Hội Thánh ban hành, để tự mở cái "**Thiên thiều**" cho chính mình.

Xin trân trọng giới thiệu đến quý Đạo đồng, cùng chư Thiện Tín gần xa.

Kính cáo.

Tháng tám, năm Mậu Tý (dl. 09-2008)

Thánh Thất New South Wales - Australia

Email: **thanhthatnsw@yahoo.com.au**

Mục Lục

- Lời của Hội Thánh
- Những chữ viết tắt

1. Nhập môn cầu đạo - Minh Thệ

- o Câu chuyện Nhập môn cầu Đạo.
- o Giải thích lời Minh Thệ.
- o Tại sao phải Minh Thệ? Có ích lợi gì?
- o Lập Minh Thệ trái với tự do tín ngưỡng không?
- o Thắt Thệ thì sao?
- o Phần kết. * Giải nghĩa vài từ ngữ đã dùng.

2. Cách lạy

- o Ấn Tý - Cách bắt ấn Tý
- o Cách lạy và xá
- o Giải nghĩa các từ ngữ đã dùng

3. Ăn chay

- o Định nghĩa - Trai kỳ - Trường trai.
- o Ích lợi của việc ăn chay.
- o Giải đáp một số câu hỏi về ăn chay.
- o Giải thích vài từ ngữ đã dùng.

4. Thờ phượng

- o Thiết lập Thiên bàn tại tư gia.
- o Ý nghĩa cách sắp đặt trên Thiên bàn.
- o Ý nghĩa Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi.
- o Cách cắm nhang.
- o Nghi tiết lễ Thượng tượng.
- o Tính chất sự thờ phượng và nghi lễ.
- o Lập bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ.
- o Giải nghĩa Sớ văn.

5. Cúng Tứ thời

- o Tứ Thời là gì?
- o Nghi thức cúng Tứ Thời tại tư gia.
- o Bí pháp giải thoát trong Dâng Tam bửu.
- o Ích lợi của việc cúng kiếng.

- o Giải nghĩa các từ ngữ đã dùng.

6. Nghi tiết cúng đàn tại Thánh Thất

- o Nghi tiết cúng Đại Đàn.
- o Nghi tiết cúng Tiểu Đàn.
- o Nghi tiết cúng Tứ Thời.
- o Nghi tiết cúng Cửu Huyền Thất Tổ.
- o Giải thích các chi tiết.

7. Nghi tiết cúng đàn tại Điện Thờ Phật Mẫu

- o Tại sao chúng ta thờ Đức Phật Mẫu?
- o Hai kiểu thờ tại ĐTPM.
- o Nghi tiết cúng đàn tại ĐTPM.
- o Nghi tiết cúng Tứ Thời tại ĐTPM.
- o Giải thích các chi tiết.

8. Hành Chánh Đạo địa phương

- o Các cấp Hành Chánh Đạo địa phương.
- o Tổ chức điều hành một Thánh Thất.
- o Nhiệm vụ của Đầu Tộc Đạo.
- o Nhiệm vụ của Chức việc Bàn Trị Sự.
- o Bồn phận của Đạo hữu.
- o Luật công cử Chức việc Bàn Trị Sự.
- o Phụ lục: Sắc lệnh của Đức Hộ Pháp qui định về: Lễ sĩ, Giáo nhi và Bộ Nhạc..

9. Pháp Chánh

- o Thành lập Bộ Pháp Chánh.
- o Nhiệm vụ và quyền hành.
- o Tổ chức Bộ Pháp Chánh.
- o Đức Cao Thượng Phẩm dạy về Pháp Chánh.

10. Phước Thiện

- o Quá trình thành lập Cơ Quan Phước Thiện.
- o Các phẩm Chức sắc Phước Thiện.
- o Tổ chức Cơ Quan Phước Thiện.
- o Chơn pháp Phước Thiện.

- o Đối phẩm Chức sắc các cơ quan..

11. Cơ quan Lập Pháp (Ba Hội lập Quyền Vạn linh)

- o Quyền Vạn linh là gì?
- o Hội Nhơn Sanh.
- o Hội Thánh.
- o Thượng Hội.

12. Lược sử thành lập Đạo Cao Đài

13. Tôn chỉ của Đạo Cao Đài

- o Định nghĩa.
- o Tam Giáo qui nguyên.
- o Ngũ Chi phục nhứt.
- o Kết luận..

14. Nho tông chuyển thế

- o Nho tông chuyển thế.
- o Quốc Đạo - Nam phong..

15. Phương pháp tu hành thời Đại Ân Xá

- o Câu chuyện luyện đạo.
- o Đại Ân Xá là gì?
- o Hai giai đoạn tu hành.
- o Phương pháp tu hành thời Đại Ân Xá.
- o Cách lập Thiên vị: Tu Tam lập.
- o Lập Đức * Lập Công * Lập Ngôn..

16. Luật công bình thiêng liêng

- o Nhân Quả
- o Luân hồi.
- o Quả báo.
- o Nhồi quả..

17. Thiên đạo - Nhơn đạo

- o Thiên đạo.
- o Nhơn đạo.
- o Thánh Ngôn dạy về Thiên đạo và Nhơn đạo..

18. Tu thân

- o Tu thân theo Nho giáo.
- o Tu thân phải làm gì?
- o Đức Chí Tôn dạy về Tu thân..

19. Cách xưng hô

- o Cách xưng hô.
- o Hạnh khiêm nhượng..

20. Ma khảo

- o Khảo thí: - Công quả. - Đạo đức.
- o Ma khảo: - Nội khảo. - Ngoại khảo.
Thuận khảo. - Nghịch khảo.

21. Nhơn Sanh Quan

- o Nguồn gốc của loài người.
- o Con người có linh hồn không?
- o Con người khi chết đi về đâu?
- o Đầu thai và chuyển kiếp.
- o Địa vị con người trong vũ trụ.
- o Quan niệm về Thượng Đế.
- o Quan niệm về Quỷ vương.
- o Thiên đàng và Địa ngục - Cõi Âm quang.
- o Quan niệm đúng đắn về cuộc sống.
- o Phần kết..

22. Vũ Trụ Quan

- o Phần HỮU HÌNH của VŨ TRỤ:
 - Sự hình thành vũ trụ.
 - Vũ trụ của Đức Thượng Đế.
 - Vũ trụ có vô thủy vô chung không?
 - Sự hủy diệt vũ trụ.
 - Sự tái tạo vũ trụ.
 - Địa vị của địa cầu chúng ta trong CKVT.
- o Phần VÔ HÌNH của VŨ TRỤ:
 - Tam thập lục Thiên.

- Cửu Trùng Thiên và Thập nhị Thiên.
- Tứ Đại Bộ Châu.
- o Tổng kết.

23. Tận Thế - Hội Long Hoa

- o Định nghĩa.
- o Đã có mấy lần Tận thế?
- o Tiên tri Tận thế lần thứ ba.
- o Mỗi lần Tận thế có Hội Long Hoa.
- o Sách: Tận Thế và Hội Long Hoa.
- o Phần kết..

24. Tang lễ

- o Phần thứ nhất: CẦU GIẢI BỆNH.
- o Phần thứ nhì: TANG LỄ.
 1. Cầu hồn khi hấp hối.
 2. Cầu hồn khi đã chết rồi.
 3. Thượng sớ Tân cổ.
 4. Tẩn liệm (Nhập mạch).
 5. Tắm phủ quan - Đốt đèn trên và dưới quan tài.
 6. Thiết lập bàn vong, khay vong, linh vị.
 7. Cáo Từ Tổ - Thành phục - Tang phục.
 8. Cúng vong triêu tịch.
 9. Tế điện: Chánh tế và Phụ tế.
 - Tế điện hàng Thiên Thần.
 - Tế điện hàng Nhơn Thần và Địa Thần.
 10. Lễ cầu siêu.
 11. Lễ chèo hầu tại Khách đình (phẩm Lễ Sanh).
 12. Hành pháp độ hồn: phép xác, đoạn căn, độ thẳng.
 13. Lễ động quan: Khiển điện.
 14. Đưa linh cữu đến Nghĩa địa.

15. Điều văn - Cảm tạ - Hạ huyết.
16. Tuần cữu - Tiểu tường - Đại tường - Xả tang.
17. Nghi tiết Tang lễ hàng Thiên Thần.
18. Nghi tiết Tang lễ hàng Nhơn Thần và Địa Thần.
19. Tang lễ của Đạo hữu giữ Lục trai.
20. Tang lễ Bạt tiến.
21. Trường hợp: -Tự tử, - Sét đánh, - Nhi đồng.
22. Giải thích: Thuyền Bát Nhã, Dàn bắc, Dàn nam.

Khi Bản thảo này hoàn thành,
soạn giả có tâm nguyện
hiển Bản quyền cho Hội Thánh sử dụng.

Lời của Hội Thánh



TÒA THÁNH TÂY NINH

(Đền thờ Đức Chí Tôn)

Phàm con người phải biết có chi trên đầu. Cái không trung trên đầu ta đó là Trời. Đáng cảm quyền trên ấy là Đấng Tạo Hóa, là Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Chúa Tể cả càn khôn thế giới.

Nay Đấng Tạo Hóa lấy danh lập Đạo là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, dùng huyền diệu Tiên gia đến dựng nơi nước Nam ta một nền Chơn Đạo rất cao thượng mà độ rỗi nhơn sanh khỏi luân hồi, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Thượng Đế, vì thương yêu nhơn loại, đến độ rỗi chúng ta, lại còn gọi mình là Thầy, kêu chúng ta là môn đệ. Vậy nên chúng ta phải hết lòng kính mến và sùng bái Đấng Tạo Hóa và hết dạ tín ngưỡng cái Đạo rất huyền vi mà nhiệm của Đấng Chí Tôn.

(Trích phần đầu Tiểu Tự của Tân Luật)



BẢO ÂN TỪ
(Đền Thờ Đức Phật Mẫu)

Những chữ viết tắt:

BQĐ	Bát Quái Đài.
CTĐ	Cửu Trùng Đài.
CQPT	Cơ Quan Phước Thiện.
CKVT	Càn khôn vũ trụ.
CKTG	Càn khôn thế giới.
CLTG	Cực Lạc thế giới.
DTC	Điều Trì Cung.
ĐĐTKPĐ	Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
HTĐ	Hiệp Thiên Đài.
PCT	Pháp Chánh Truyền.
PT	Phước Thiện.
TLHS	Thiên Liêng Hằng Sống.
TNHT	Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
TNST	Thánh Ngôn Sư Tập.

Nhập môn cầu Đạo

MINH THỆ

- Câu chuyện Nhập môn cầu Đạo.
 - Giải thích lời Minh Thệ.
 - Tại sao phải Minh Thệ? Có ích lợi gì?
 - Lập Minh Thệ trái với tự do tín ngưỡng không?
 - Thất Thệ thì sao?
 - Phần kết.
- * Giải nghĩa vài từ ngữ đã dùng.

I. Câu chuyện Nhập môn cầu Đạo:

Trong một xóm nghèo ở ngoại ô Thị Xã VL có vợ chồng ông Hai Thiệt đều theo Đạo Cao Đài, căn nhà của hai ông bà đang ở là nhà xưa, lợp ngói âm dương, cột gỗ và vách ván đều hư mục gần hết, cửa nẻo xệch xạc, trong nhà không có gì quý giá ngoài hai bàn thờ: bàn thờ giữa nhà để thờ Đức Chí Tôn, bàn thờ bên cạnh để thờ Tổ Tiên. Hai ông bà đều già, gần 70 tuổi, không còn sức lao động, sống được là nhờ vợ chồng đưa con gái làm nghề bán gạo lẻ tại chợ nhỏ CL, cung cấp lương thực tạm đủ để nuôi sống ông bà, vợ chồng đưa con gái ấy không khá giả chi, chỉ đủ tay làm hàm nhai. Vả lại ông bà Hai Thiệt đều ăn chay trường, cũng ít tốn kém. Hai ông bà đều siêng năng cúng kiếng tại nhà, hàng xóm thường nghe tiếng chuông mõ nhẹ nhàng phát ra từ ngôi nhà cũ kỹ ấy. Khi đến ngày mùng 1 hay rằm, ông bà Hai Thiệt thường tới Thánh Thất hay Điện Thờ Phật Mẫu để cầu lễ Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu, cách nhà của ông bà khoảng hai ngàn thước.

Những người trong xóm đều rất cảm mến ông bà Hai Thiệt, vì tánh nết hiền hậu và thật thà.

Trong số láng giềng có ông Út Mô thường qua nhà nói chuyện chơi. Gia đình Út Mô không có Đạo, chỉ thờ ông bà, rất có cảm tình với ông bà Hai Thiệt, nên cũng có cảm tình với Đạo Cao Đài.

Thình lình ông Hai Thiệt bị cảm nặng, nằm một chỗ không dậy nổi. Ông Út Mô thấy có nhiều vị Đạo Cao Đài mặc áo trắng quần trắng đến thăm ông Hai Thiệt bệnh, có xách theo đường sữa và trái cây tặng cho người bệnh. Vài ngày sau, bệnh ông Hai Thiệt trở nặng hơn, khó bề thang thuốc.

Ông Út Mô thấy có vài vị Đạo Cao Đài mặc đạo phục nghiêm chỉnh, đem theo mấy đứa con gái nhỏ tuổi làm đồng nhi đến nhà ông Hai Thiệt để tụng Kinh Hấp Hối cho ông. Chừng một lúc sau, ông Hai Thiệt thở hơi cuối cùng. Mọi người đều không cảm giọt lệ.

Ông Út Mô cảm thấy thương xót ông Hai Thiệt, nghĩ rằng gia đình ông rất nghèo, bà Hai thì già, không còn sức lao động, đứa con gái làm chỉ đủ ăn, làm sao lo hòm rương và làm đám tang cho ông Hai Thiệt. Ông Út Mô đang lo lắng nghĩ cách giúp đỡ thì bỗng nhiên Út Mô thấy nhiều người Đạo Cao Đài chờ đến nhà ông Hai Thiệt một cái hòm, thấy cũng khá tốt, có đủ đồ tẩm liệm, có vài ông mặc áo đạo tỳ đi theo lo việc tẩm liệm. Mấy ông cúng vái nơi bàn thờ giữa, rồi đến chỗ xác ông Hai Thiệt nằm, đồng nhi tụng kinh rồi mấy ông đạo tỳ liệm xác ông Hai Thiệt vào quan tài.

Một nhóm người đạo khác, đủ cả nam nữ, chờ tới bàn ghế, chén đĩa, son nồi nấu nướng, rồi phân công ra, người đi chợ mua rau cải củ đậu, người lo chẻ củ đun bếp, người lo dựng rạp, trái bần, sắp ghế. Còn các vị trong ban nhạc thì chờ nhạc cụ tới gồm: cặp trống, đòn cò, đòn kìm, kèn, mõ, v.v... rồi có người đi mua đồ cúng

gồm: nhang, đèn sáp, bông, trái cây, rượu, trà cũng vừa mang tới.

Những người đạo đến giúp đám tang làm việc rất trật tự, mỗi người một việc rất ăn khớp nhau, làm rất quen tay, không nghe một tiếng nói lớn, không một tiếng chửi thề, không một tiếng cười giỡn, mọi người đều tỏ dấu bí ai.

Hôm sau, ông Út Mô thấy một nhóm thanh niên của Đạo Cao Đài đến đám tang, vào nhà thay quần áo lễ sĩ màu xanh đậm, đội mũ lễ sĩ trắng có thêu hoa thị đen phía trước, để làm lễ cúng tế. Ban nhạc đánh trống và đàn, đồng nhi tụng kinh, lễ sĩ hiến lễ, hai tay cung tròn ngang mày, cầm đĩa cúng phẩm, chân bước đi rập ràng theo tiếng trống, bước tới, rồi đi xen qua lộn lại hay xây vòng theo bài bản rất trật tự, tập luyện rất công phu, đem cúng phẩm dâng lên bàn vong.

Các người đạo đi đám thì mặc toàn áo dài trắng, quần trắng, nữ để đầu trần, nam thì đội khăn đóng đen, đứng hầu xung quanh nghiêm trang, trật tự, đồng nhi tụng kinh giọng trầm bổng bí ai, lúc nhanh lúc chậm, tạo thành một khung cảnh tôn nghiêm, huyền bí.

Đặc biệt vào buổi sáng hôm sau, ông Út Mô thấy một vị Chức sắc mặc áo rộng đỏ, đầu đội mũ tròn cũng màu đỏ, giữa mũ có thêu một con mắt, đến làm phép cho người chết. Đồng đạo đến dự rất đông, đứng vào hai bên phía trước quan tài, nam bên trái, nữ bên phải. Vị Chức sắc cúng nơi bàn thờ giữa xong thì đến đứng trước quan tài, ra hiệu lệnh cho đồng nhi tụng kinh. Út Mô để ý thấy vị Chức sắc ấy đi rất chậm quanh quan tài, bước đi chắc chắn, nghiêm nghị, tay mặt cầm cành dương rảy nước làm phép, sau đó đi vòng thứ nhì, tay trái cầm cây kéo như lựa chỗ rồi cầm kéo cắt khơi khơi trong không khí, đi giáp vòng rồi trở lại đứng trước quan tài, kế đó có

người phụ lễ đưa cho ông bó nhang đang cháy để ông tiếp tục làm phép. Khi ông làm phép xong thì đồng nhi tụng kinh vừa dứt.

Ông Út Mô hỏi một người đạo, ông Chức sắc mặc áo đỏ ấy làm phép gì vậy? Vị ấy trả lời: Đó là ông Giáo Hữu đến làm phép xác, phép cắt dây oan nghiệt và phép độ thăng cho ông Hai Thiệt, để linh hồn của ông sớm được siêu thăng lên cõi thiên liêng. Buổi lễ diễn ra rất trật tự, trang nghiêm, đầy vẻ thiêng liêng.

Buổi lễ làm phép vừa xong, ông Út Mô thấy một chiếc xe có hình dáng là một con rồng, đầu xe làm hình đầu rồng, cuối xe làm hình đuôi rồng, mình xe làm nhà vàng, trước và sau xe đều có cấm cờ đạo 3 màu: vàng, xanh, đỏ. Chiếc xe này sơn và vẽ hình con rồng màu vàng rất đẹp, đậu trước nhà ông Hai Thiệt. Ông Út Mô hỏi một người đạo thì được biết đây là tượng trưng chiếc thuyền Bát Nhã chở xác người chết đem chôn nơi nghĩa địa.

Trong nhà lúc đó, đồng nhi tụng kinh, hết bài kinh này tới bài kinh khác, sau đó đứng dạt ra hai bên để ban đạo tỳ vào đứng trước quan tài làm lễ, có người chỉ huy cầm nhịp gõ lớn làm hiệu lệnh, các đạo tỳ đi vòng qua lộn lại rồi đi xen kẻ rất trật tự, có tập luyện thuần thục. Bàn vong được dẹp bỏ, các đạo tỳ vào đứng quanh quan tài, chuẩn bị khiêng quan tài ra đặt lên thuyền Bát Nhã.

Đoàn đưa đám tang khởi hành, đi đầu là tám bảng lớn bằng vải đen có thêu 6 chữ lớn màu trắng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tiếp theo là một người cầm phướn 3 màu vàng xanh đỏ, trên phướn có hai chữ nhỏ, đi tiếp theo là bàn vong, hai bên có hai hàng đồng nhi vừa đi vừa tụng kinh, kế đó là thuyền Bát Nhã đặt trên 4 bánh xe chạy chậm chậm nối theo, tang gia đi tiếp theo và sau cùng là các đồng đạo nam nữ đi tiễn đưa. Ông Út Mô để

ý thấy không có việc rải giấy tiền vàng bạc khi đám tang đi dọc đường.... .. (Nghĩ thức của đám tang sẽ được trình bày đầy đủ chi tiết trong Chương 24 sau cùng)

Út Mô quan sát đám tang của Hai Thiệt do Đạo Cao Đài tổ chức, đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, không ngờ Hai Thiệt nghèo như vậy mà Đạo Cao Đài tổ chức cho ông một đám tang rất long trọng, đầy đủ nghi lễ, trật tự trang nghiêm, bi ai, trong sự trợ giúp hết sức nhiệt tình của đồng đạo, với tính cách là làm công quả. Dù gia đình giàu có ở ngoài đời, chịu tốn nhiều tiền, cũng không thể tổ chức được một đám tang tốt đẹp như vậy.

Ông Út Mô cảm thấy rất khâm phục Đạo Cao Đài và trong trí ông lóe lên tư tưởng: hay là mình xin gia nhập vào Đạo Cao Đài.

Ông Út Mô suy nghĩ mấy ngày, rồi quyết định xin nhập môn vào Đạo Cao Đài. Ông liền tìm đến Thánh Thất, nói rõ ý muốn của mình, được người đạo đưa vào gặp vị Lễ Sanh Cai Quản Thánh Thất.

Ông Út Mô nói:

- Xin ông Lễ Sanh cho tôi theo Đạo Cao Đài.

Ông Lễ Sanh hỏi: - Bạn vui lòng có thể cho biết lý do nào khiến bạn muốn nhập môn vào Đạo Cao Đài?

Út Mô thành thật trình bày: - Thưa ông Lễ Sanh, tôi tên là Nguyễn Văn Mô, ở kế cận nhà ông Hai Thiệt vừa mới mất đó, tôi thấy ông Hai Thiệt là người Đạo Cao Đài, rất hiền lành nhưng rất nghèo, được Đạo Cao Đài tổ chức cho một đám tang rất long trọng, lại giúp đỡ tiền bạc vật chất đủ hết, làm cho tôi rất kính phục Đạo Cao Đài, nên tôi muốn xin nhập vào Đạo Cao Đài.

Ông Lễ Sanh nói: - Tu theo Đạo Cao Đài phải cúng kiếng hằng ngày, như bạn đã thấy ông Hai Thiệt đó, phải

ăn chay và đi làm công quả cực lắm ! Bạn chịu nổi không?

Út Mô mạnh dạn đáp:

- Người ta làm nổi thì nhứt định tôi cũng làm nổi.

Ông Lễ Sanh gọi một em công quả đến, bảo em đạp xe gấp, gọi ông Chánh Trị Sự và Thông Sự nơi hương đạo của ông Út Mô đến Thánh Thất vì ông Út Mô đến xin nhập môn cầu đạo.

Vị Lễ Sanh nói tiếp:

- Trong lễ nhập môn cầu đạo, bạn phải lập minh thệ trước Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn. Lập minh thệ là nói lên lời thề nguyện của mình quyết tâm theo đạo.

Ông Lễ Sanh liền lấy ra một tờ giấy nhỏ, trên đó có in sẵn lời Minh Thệ, đưa cho Út Mô xem, rồi nói tiếp:

- Bạn phải đem sanh mạng của bạn ra mà thề với Đức Chí Tôn, quyết tâm theo Đức Chí Tôn tu hành, không lui lại đường đời hay rẽ qua ngã khác, bạn có chịu không?

- Thề với Đức Chí Tôn thì tôi chịu thề liền.

- Tôi đọc lời Minh Thệ, bạn nhìn vào giấy dò theo: ***"Tên họ của bạn, tuổi của bạn, Thề rằng: từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục."*** Thiên tru Địa lục là Trời Đất giết chết đó. Bạn dám thề không?

- Thề với người khác thì tôi sợ, còn thề với ông Trời thì tôi bằng lòng.

Lúc đó, ông Chánh Trị Sự và Thông Sự của Hương đạo ông Út Mô ở cũng vừa tới Thánh Thất. Ông Lễ Sanh nhờ hai vị này tiến dẫn Út Mô nhập môn vào Đạo, rồi nói tiếp:

- Hôm nay là ngày mùng 10, còn mấy ngày nữa là đến ngày rằm, có cúng Tiểu Đàn nơi Thánh Thất, sau khi châu lễ Đức Chí Tôn xong thì làm lễ nhập môn cho anh và các vị khác. Đây cũng là dịp để anh quan sát nghi lễ cúng Tiểu Đàn. Từ nay đến rằm, tôi đề nghị ông Chánh Trị Sự hướng dẫn anh Út may một bộ đạo phục: áo dài trắng, quần trắng, khăn đóng đen để mặc khi làm lễ Nhập môn, chỉ dẫn anh cách bắt Ấn Tý, cách lạy Đức Chí Tôn và cách lạy Thần Thánh Tiên Phật. Tôi tặng anh Út cuốn Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo để anh học thuộc Kinh Cúng Tứ Thời.

Ông Chánh Trị Sự dẫn Út Mô lên Thánh Thất xem Thiên Bàn thờ Thiên Nhân tượng trưng Đấng Thượng Đế, ý nghĩa là Trời thấy hết biết hết mọi việc của con người, không có gì mà giấu giếm được Trời, rồi hướng dẫn Út Mô cách bắt Ấn Tý, cách xá và cách lạy Đức Chí Tôn.

Đến sáng ngày rằm, Út Mô mặc Đạo phục trắng, đầu đội khăn đóng đen, đi tới đi lui trong nhà, cảm thấy mới lạ, lòng nôn nao, đi đến Thánh Thất lúc 11 giờ, vào Văn phòng chào ông Lễ Sanh và các vị Chức việc Bàn Trị Sự, thấy nhiều vị đang lăng xăng chuẩn bị thời cúng Tiểu Đàn vào giờ Ngọ. Gần đến 12 giờ, tất cả Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ đều tụ trước Thánh Thất, nam phái đứng bên trái, nữ phái đứng bên mặt Thánh Thất.

Đúng 12 giờ, khởi đánh trống nơi Lầu Trống, dứt trống thì động chuông nơi nơi Lầu Chuông. Mọi người từ từ đi vào Chánh Điện theo hàng một, nam theo nam, nữ theo nữ, Chức sắc đi trước, kế đến Chức việc và sau cùng là các Đạo hữu, ông Út Mô cũng đi vào và đứng sau chót hết.

Mọi người trong Đàn cúng đều hành lễ theo tiếng chuông gõ làm hiệu lệnh. Các Lễ sĩ chấp 2 tay thành cung tròn xướng lễ, Ban nhạc tấu nhạc cổ, các Đồng nhi tụng kinh giọng thanh tao rõ ràng. Ông Út Mô quan sát các nghi tiết suốt thời cúng, tất cả đều rất mới lạ đối với ông, một sự tôn kính trang nghiêm bao trùm đàn cúng....

Sau khi bãi đàn, ông Chánh Trị Sự dẫn Út Mô trở lại Chánh điện để làm lễ nhập môn. Kế ông Lễ Sanh mặc đạo phục vàng, mũ trắng có thêu Thiên Nhân phía trước, bước vào Chánh điện, làm lễ Đức Chí Tôn, cầu nguyện, lạy xong thì đứng dậy, xá rồi bước ra nói:

- Ông Chánh Trị Sự hướng dẫn Anh Út vào làm lễ.

Ông Chánh Trị Sự nói:

- Anh Út vào đứng trước Chánh điện, mặt hướng lên Thiên bàn, hai tay bắt Ấn Tý, xá 3 xá, quỳ xuống:

▪ đưa Ấn Tý lên giữa trán, niệm: *Nam mô Phật,*

▪ đưa ấn Tý qua màng tang trái niệm: *Nam mô Pháp,*

▪ rồi đưa qua bên phải, niệm: *Nam mô Tăng,*

▪ đem Ấn Tý xuống đặt giữa ngực, niệm: *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,*

▪ cúi đầu, niệm tiếp: (mỗi niệm mỗi cúi đầu)

Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát,

Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo

Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân,

Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

Ông Chánh Trị Sự bảo Út Mô đưa Ân Tý lên trán cầu nguyện: *"Tôi tên Nguyễn Văn Mô,tuổi, hôm nay tự nguyện xin nhập môn vào Đạo tu hành."*

Kế đó bảo Anh Út Mô lạy Đức Chí Tôn 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm: *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*. Phải gật chậm chậm để kịp câu niệm.

Ông Lễ Sanh bảo Út Mô tự mình đọc lớn lên câu Minh Thệ: *Tôi tên tuổi Thề rằng từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, v.v... ..*

Lập thệ xong, lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật như đã hướng dẫn, đứng dậy, xá Đức Chí Tôn 3 xá, quay lại xá chữ Khí 1 xá rồi lui ra.

Út Mô mới làm lễ lần đầu nên rất lóng cọng, vị Chánh Trị Sự phải sửa tới sửa lui, nhưng ai cũng vậy, vì chưa quen. Thề là buổi lễ Nhập môn vào Đạo Cao Đài của ông Út Mô đã xong.

Ông Chánh Trị Sự đưa Út Mô trở lại văn phòng, đến bàn viết, lấy sổ bộ ra ghi tên Nguyễn Văn Mô vào, cấp cho ông Út Mô một giấy Sớ Cầu Đạo Tạm, rồi nói:

- Bây giờ, Anh Út là tín đồ của Đạo Cao Đài, anh cần tập cúng lạy cho quen, bắt đầu tập ăn chay mỗi tháng 6 ngày, rồi học thuộc Kinh Cúng Tứ thời. Sau 6 tháng, anh làm tròn bổn phận Đạo hữu thì anh sẽ được cấp Sớ Cầu Đạo Thiết Thọ, dùng cho đến mãn đời, khi chết cũng phải đốt đem theo. Anh nên có thêm 3 quyển sách cần bản để học đạo:

- * Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I-II,
- * Pháp Chánh Truyền.
- * Tân Luật.

Tôi sẽ thỉnh giùm anh các sách này, ngoài ra còn nhiều sách Đạo quan trọng khác nữa. Anh là Đạo hữu trong Hương đạo của tôi, có việc gì cần, anh liên lạc với

tôi hay vị Phó Trị Sự và Thông Sự, chúng tôi sẽ đến giúp anh.

II. Giải thích lời Minh Thệ:

Lời Minh Thệ này do Đức Chí Tôn giảng cơ lập ra, chớ không phải do một người phàm nào đặt để, nên có tính cách thiêng liêng huyền bí.

Câu Minh Thệ gồm 36 chữ, số 36 là bội số của 12, mà số 12 là số riêng của Đức Chí Tôn.

Tên gì? Họ gì?

*"Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng
1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12
đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ
13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24
Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục."
25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36*

1* Biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế:

Là trọn nhìn một Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn, ngoài ra không đảng xu hướng theo ngoại giáo, tà quyền, lập nên phe đảng, chia rẽ tâm lý, gây nên sự rắc rối chia ly làm mất đức tin trong cửa Đạo.

2* Hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài:

Tín đồ nhập môn rồi phải tuân hành luật pháp chọn truyền của Đại Đạo là: Tân Luật, Đạo Luật, Pháp Chánh Truyền, v.v... và thi hành các qui điều giáo huấn của Hội Thánh để làm tròn phận sự mình. Ấy là phương hiệp đồng nhứt trí của toàn đạo, tín đồ, Chức việc, Chức sắc Hội Thánh để nhất gìn luật lệ Cao Đài của Đấng Chí Tôn.

3* Như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục:

Ăn ở hai lòng, bất trung bất chánh, dối Thầy phản bạn và làm những việc trái với luật lệ của Đại Đạo, cùng

hành động vô nhân vô nghĩa, mất sự thương yêu, mất điều tín nhiệm, gieo rắc những điều ngờ vực hiểm khích giữa tình đồng đạo và manh tâm bội nghịch cùng Hội Thánh, sẽ chịu luật công bình của Trời Đất tru diệt (giết phạt).

Minh Thệ đối với luật vô vi tức là Thiên điều của Chí Tôn và các Đấng Phật Tiên Thánh Thần cầm quyền trị thế là một ân huệ được chọn làm môn đệ của Đấng Chí Tôn.

Khi giữ tròn lời Minh Thệ sẽ được các Đấng hộ trì, ban ân lành, đạo tâm sáng suốt, trọn vẹn đức tin, đến ngày thành công đắc đạo, được ghi tên vào Tiên tịch (Bộ Tiên).

Minh Thệ đối với luật hữu hình của Hội Thánh là một giá trị uy tín đối với Đạo và Hội Thánh. Khi giữ tròn lời Minh Thệ sẽ được tín nhiệm kính nể, bảo trợ hưởng mọi đặc ân với luật công bình của Hội Thánh.

Lời Minh Thệ nhập môn cầu Đạo là một điều rất quan hệ của người giữ Đạo và là một lời hứa trọn vẹn tín thành với Hội Thánh cùng các Đấng thiêng liêng.

Một kiếp sanh ở hiện tại và tương lai, phước hay tội, cũng do nơi lời Minh Thệ này.

Vậy, toàn đạo nam nữ nên trân trọng gìn theo lời Minh Thệ.

(Trích văn thư của Hội Thánh: Dẫn giải lời Minh Thệ
nhập môn cầu Đạo
ngày 27-1-Tân Mão, dl 4-3-1951)

III. Tại sao phải Minh thệ? Có ích lợi gì?

Bản đạo nói thật, buổi Đức Chí Tôn đến tạo Quốc Đạo cho nòi giống Rồng Tiên này, chính Ngài cầm cơ đi đến các tỉnh kêu từ nhà, gọi từ đứa con, cho không biết

bao nhiêu bài khuyên dạy, tạo thành một nền tôn giáo Cao Đài là Quốc Đạo. Bản đạo tưởng chưa có người nào đem cả tinh thần tâm đức mà thi ân cho đường ấy, Đức Chí Tôn đến độ rồi, lập giáo, rồi lại bắt Minh thệ.

Hỏi tại sao Ngài lại bắt Minh thệ? Là buộc con cái phải hiệp đồng cùng nhau. Mỗi người có một chút đức tin. Thấy bảo qui đức tin ấy lại, phải có tâm đức tin tưởng, yêu ái lẫn nhau, phải nhìn nhận có Thầy, có đức tin nơi Thầy. Hại thay! Có nhiều đứa con của Ngài cũng nghe, cũng tìm Đạo, cũng thọ giáo, cũng Minh thệ đủ phép tắc, biết bao nhiêu khi mới đến cùng Thầy, qui dưới chơn Thầy, mà hễ ra khỏi chơn Ngài rồi thì lại phản phúc Ngài và con cái của Ngài.

(Trích Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp)

Mục đích của Minh thệ là gì?

- **Về phần người:** Minh thệ cốt để người tín đồ dứt khoát tư tưởng mà thủ tín với lời thề, không dám làm điều gì trái với lời thề tức là trái với luật đạo, để hết lòng lo lập công bồi đức, trau tâm luyện tánh mà đạt đến phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng.

- **Về phần thiêng liêng:** Người có lập Minh thệ thì các Đấng thiêng liêng mới nhìn nhận là môn đệ của Đức Chí Tôn, tức là tín đồ của Đại Đạo, mới hộ trì không cho tà ma khuấy phá, gây trở ngại bước đường tu tiến.

Minh thệ có ích lợi gì?

Khi lập Minh thệ rồi mới được làm môn đệ của Đức Chí Tôn, mới hưởng được hồng ân của Chí Tôn ban cho:

* **Thứ nhất**, môn đệ giữ tròn luật đạo, ăn chay 10 ngày trong một tháng thì vào hàng Đạo hữu, đối phẩm Địa Thần trong Cửu phẩm Thần Tiên.

* **Thứ nhì**, môn đệ giữ tròn luật đạo, ăn chay 10 ngày mỗi tháng thì khi qui liễu được làm Phép Xác, Phép Đoạn Căn, Độ Thăng, làm Tuần Cửu, Đại Tường, Tiểu Tường, để đưa chơn hồn đi lên qua 12 tầng Trời, bái kiến các Đấng Tiên Phật, bái kiến Đức Phật Mẫu và Đức Chí Tôn, sau đó được Tòa Tam Giáo Ngọc Hư Cung định phận.

Ngoài ra, từ xưa tới nay, muốn đạt những thành công vĩ đại thì bản thân người đó phải có chí khí kiên cường bất khuất vượt qua các trở ngại lâm nguy; còn muốn đạt đến phẩm vị Tiên, Phật thì phải có lòng Đại nguyện, giống y lời Minh thệ:

- Trước khi thành Phật A-Di-Đà, Ngài có 49 điều Đại nguyện.

- Thái Tử Sĩ Đạt Ta lúc mới xuất gia, có phát ra 4 điều Đại nguyện.

Vậy, việc Minh thệ là một việc làm rất có ích và rất có ý nghĩa đối với mỗi tín đồ Cao Đài, về phương diện phàm trần cũng như về phương diện thiêng liêng.

IV. Lập Minh thệ có trái với tự do tín ngưỡng không?

Từ ngày lập đạo, Đức Chí Tôn chưa hề bắt buộc người nào theo Đạo cả. Đức Chí Tôn chỉ vạch ra cho nhơn sanh thấy con đường nào chánh, con đường nào tà, con đường nào chơn thật đưa đến giải thoát khỏi luân hồi, con đường nào quanh co đưa đến tội tình sa đọa. Nhơn sanh hiểu biết rõ như thế để giác ngộ, rồi đi con đường nào hay không đi là tùy ý nhơn sanh lựa chọn và định đoạt.

TNHT: *Nếu kẻ nào biết hiểu Thánh Ngôn của Thầy nơi miệng các con mà tỉnh ngộ thì số hăng sống*

của nó vốn còn, còn chẳng thì thôi, để chúng nó theo Tà quái.

Rõ ràng Đức Chí Tôn để nhơn sanh tự định đoạt đời mình, Chí Tôn chỉ đem lòng thương yêu hướng dẫn.

TNHT: *Đạo là quý, của quý chẳng bán nài, các con đừng thối chí.*

Như vậy nhơn sanh tự do chọn lựa tín ngưỡng, hoặc không tín ngưỡng tùy ý, không bắt ép hay nài nỉ ai cả.

Nhưng lập Minh thệ là sự biểu lộ quyết tâm theo Đạo tu hành đến trọn đời. Đừng bao giờ nghĩ rằng, theo Đạo Cao Đài để thử nghiệm hay có mục đích vụ lợi, mượn danh Đạo tạo danh đời.

Theo Đạo là một đại sự trong cuộc đời mình, nhập môn cầu Đạo và lập Minh thệ là một khúc quanh vô cùng quan trọng trong cuộc đời mình, nên cần phải cân nhắc cẩn thận, tìm hiểu cho kỹ lưỡng, xét nét cho thật nghiêm chỉnh các phương diện.

Đạo Cao Đài không bắt buộc ai theo Đạo, nhưng khi đã giác ngộ theo Đạo thì buộc phải theo trọn đời bằng việc lập Minh thệ, không cho người tín đồ Cao Đài thối lui trở lại đường đời, mà phải tiến mãi trên con đường Đạo, để được trúng tuyển vào Đại Hội Long Hoa trước khi xảy ra cuộc Tận Thế thay đổi cuộc diện nơi Địa cầu 68 này.

Tại sao khi ở ngoài vòng thì không buộc, mà khi đã vào cửa Đạo rồi thì lại buộc?

Bởi vì thời kỳ này là mạt kiếp của Hạ Nguơn Tam Chuyển, bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển lập đời Thánh đức, nhơn loại phải trải qua một cuộc Đại Phán Xét cuối cùng, để chấm dứt một chu kỳ tiến hóa cũ, bắt đầu một chu trình tiến hóa mới. Do đó, Đức Chí Tôn đại

khai ân xá cho các đảng chơn hồn, nếu ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về ngôi vị cũ. Thời kỳ này cần phải tu gấp, tu rút, không còn thời giờ để chân chờ nữa. Bởi vậy Đức Chí Tôn buộc Minh thệ là thể lòng thương yêu vô lượng của Đấng Cha Lành, buộc con cái phải gấp rút tu hành để kịp trở về cùng Ngài.

Địa cầu này sắp phải chịu một lần đổi thay, nhơn loại bị nạn chết chóc đủ cách sâu thảm, 10 phần chỉ còn sống có 1 phần mà thôi. Số nhơn loại sống sót là những người đủ trình độ đạo đức, đủ bác ái công bình, để các Đấng lập đời Thánh đức, tạo lập một xã hội đại đồng.

Cho nên việc lập Minh thệ là một quyền lợi tất yếu của người tín đồ Đạo Cao Đài.

Đương nhiên luật công bình thiêng liêng mở ra có thưởng ắt có phạt. Nếu thực thi đúng theo lời Minh thệ thì chắc chắn sẽ được thiêng liêng ân thưởng như đã trình bày bên trên, còn nếu không giữ đúng lời Minh thệ hay làm ngược lại lời Minh thệ thì ắt bị phạt.

Cho nên, theo Đạo là để chí cốt tu hành, còn nếu cảm thấy không thể giữ được lời Minh thệ thì chưa nên theo Đạo.

(Trích trong Cao Đài Từ Điển của Đức Nguyên)

V. Thất Thệ thì sao?

Thế nào là Thất Thệ? Thất Thệ là làm mất lời thề, tức là không giữ được lời thề, không thực thi đúng lời thề, là vi phạm lời thề.

Trong phần II của bài này (đã trình bày ở các trang trước): Giải thích lời Minh Thệ của Hội Thánh có ba mục: 1*, 2*, 3*, nếu không giữ đúng theo ba mục này thì phạm vào tội Thất Thệ.

Như Thất Thệ có bị Thiên tru Địa lục không?

Đáp: Theo nguyên tắc thì phải bị Thiên tru Địa lục đúng theo lời thề, nhưng đối với một ông Cha hiền từ là Đại Từ Phụ, chỉ biết hăm he phạt nặng cho con cái sợ sệt mà lo tu hành, chớ có bao giờ Ngài giết chết con cái của Ngài. Những người thất thệ chỉ bị đọa vào Phong Đô, tức Cõi Âm Quang, để học đạo, nơi đó có Thất Nương DTC giáo hóa nữ phái và Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy nam phái cho biết rõ lẽ đạo, đâu là phước, đâu là tội. Khi đã thức tỉnh biết rõ thì các Đấng nơi ấy cho đi đầu thai chuyển kiếp để trả quả theo đúng luật công bình thiêng liêng, đồng thời lo tu hành để được Đức Chí Tôn cứu vớt.

TNHT: *Hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy, đó là mấy Đạo hữu tín đồ **thất thệ**.* (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 165)

Sau đây là kết quả việc Thất thệ của một tín đồ, tại Hương đạo Bá Hữu, Phận đạo đệ nhứt, có Phúc Trình dâng lên Hội Thánh. Nội dung Phúc Trình, xin chép ra sau đây:

Kính bạch Hội Thánh,

Chúng tôi là Bàn Trị Sự đương quyền Hành Chánh Hương đạo Bá Hữu thuộc Đệ I Phận đạo, đồng kính phúc trình một việc như sau:

Nguyên trong Hương đạo chúng tôi có vị Đạo hữu Lê Văn Lòng 60 tuổi, qui vị ngày 17-giêng-Đinh Mùi, nhưng vị này trước kia còn sống thì có tánh hiền lương chơn thật, biết lập công bồi đức cùng Đạo, nhưng ông còn thiếu sự chay lạt và cúng kiếng. Ông không biết nên ngày qui vị của ông, Bàn Trị Sự chúng tôi hành lễ theo Châu Tri số 61 của Hội Thánh, thì có người con trai lớn của ông là Lê Văn Sen 29 tuổi, thợ hồ, yêu cầu Bàn Trị

Sự chúng tôi hành lễ đủ kinh cho thân phụ người rồi thì sẽ ăn chay trong 81 ngày và tụng kinh trong Tuần Cửu, nhưng nói mà thông qua chớ không ăn chay, nên 10 giờ đêm ngày 17-3-Đinh Mùi, ông Lê Văn Lòng về nhập xác cho con về việc nói trên và cung khai các việc như sau:

Do sự chứng kiến của Liên gia trưởng và nhiều người lân cận nói lại, ông về mách bảo vợ con biết là ông **thất thệ**, hồi còn sống không ăn chay, nên bị tội ở Khách Đình của Hội Thánh, để chờ ngày thưởng phạt của các Đấng.

Ông nói với vợ con rằng: Yêu cầu Bàn Trị Sự tụng kinh cho ông 3 đêm Sám Hối xin tội giùm ông, ông mới đăng siêu thăng, và ông đính chánh ông có hai tên: **Nguyễn Văn Lòng** tự là **Lê Văn Bộ**, mới đứng trong Bộ thiêng liêng và khi dâng sớ cầu nguyện cũng viết y như vậy.

Ông còn nói: Linh hồn ông hiện giờ còn ở lưng chừng, muốn đi đâu phải xin phép mới có người hướng dẫn, và muốn vô nhà nào cũng không được vì nơi gia đình tư nhân có thờ Chí Tôn thì không dám vô vì ở đó có Thần Thánh, mà ông là người có tội, vì ông không giữ đúng lời Minh Thệ khi nhập môn cầu đạo.

Ông Trưởng liên gia hỏi thêm ông: Hiện giờ ở Khách Đình có một mình ông hay có ai nữa không?

Ông trả lời: Trùng trùng điệp điệp, những người thất thệ lưng chừng như ông còn ở đó mấy chục năm nay.

Ông nói đến đây rồi khóc òa lên và nói cho vợ con tin làm bằng chứng là cái mả của ông, mưa lở một phía bên trái, gần đầu. Việc này cũng đúng sự thật.

Đến đây ông xuất đi luôn.

Bá Hữu, ngày 18 tháng 3 năm Đinh Mùi (1967).
(Bàn Trị Sự ký tên)

VI. Phần kết:

Những người đến nhập môn vào Đạo Cao Đài phần lớn không phải do hiểu biết giáo lý của Đạo, hay có đức tin Thượng Đế, mà là do cảm phục sự linh hiển hay sự cao cả của Đạo trong việc phụng sự bất vụ lợi giúp ích nhơn sanh.

Như trường hợp của ông Út Mô đã kể nơi phần I, ông cảm phục Đạo Cao Đài tổ chức một đám tang cho người đạo nghèo với đầy đủ nghi lễ, trong trật tự trang nghiêm và huyền bí, với tinh thần làm công quả bất vụ lợi, khiến cho người nghèo được làm đám cũng long trọng như người giàu. Ông cảm phục lẽ đó mà nhập môn vào Đạo.

Ông Út Mô chưa có đức tin tôn giáo, chưa có tín ngưỡng Trời Phật, chỉ thấy một mặt thể hiện tốt đẹp về nghi thức đám tang mà ông theo Đạo.

Nhưng đó là cái duyên rất cần thiết cho một người đến với Đạo. Nếu chưa có cái duyên này thì ông Út Mô chưa đến với Đạo.

Do đó, các Chức sắc trong cơ Phổ Độ của Đạo Cao Đài cần phải thuyết minh giáo lý cho các tín đồ hiểu rõ, để chuyển từ cái mê tín (là cái duyên) thành chánh tín thực sự, hoàn toàn tin tưởng Đạo Cao Đài là chánh đạo có một giáo lý chơn thật đủ sức giải thoát con người ra khỏi biển khổ luân hồi, tin tưởng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là hai Đấng Cha Mẹ chung của toàn cả chúng sanh, luôn luôn thương yêu và tìm cách cứu độ chúng sanh.

Riêng bản thân của người Đạo hữu Cao Đài, ngoài việc cúng kiếng và làm công quả, phải dành nhiều thời giờ để học luật pháp và giáo lý của Đạo có in trong các kinh sách thì mới hiểu rõ chơn truyền của Đạo, mới có

đức tin vững chắc và mới không bao giờ xa Đạo hay bỏ Đạo mà thất thệ với Đức Chí Tôn.

* Giải nghĩa vài từ ngữ đã dùng:

1. Tại sao tín đồ Đạo Cao Đài gọi Đức Chí Tôn là Thầy?

Đức Chí Tôn là từ mà tín đồ Đạo Cao Đài thường gọi Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, hay vắn tắt là Thượng Đế, Ông Trời, là Đấng Chúa tể CKVT và vạn vật.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy đạo, xưng mình là Thầy, gọi các người nhập môn vào đạo là các con, là chư môn đệ.

Vì thế, các tín đồ Cao Đài đều là môn đệ của Đức Chí Tôn và gọi Đức Chí Tôn là Thầy.

Đức Chí Tôn là cha của linh hồn, Đức Phật Mẫu là mẹ của chơn thân, nên chúng ta gọi Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ và Đức Phật Mẫu là Đại Từ Mẫu, là hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng của toàn cả chúng sanh.

2. Cõi Âm quang là gì? ở đâu?

Trong TNHT I-II hợp nhứt, bài Thánh Ngôn số 159 và 165, Bát Nương và Thất Nương có giải rõ về Âm quang. Đây là cõi giữa Thiên đường và Địa ngục, được Đức Chí Tôn lập ra, sau khi đóng Địa Ngục mở tầng Thiên vào thời ĐĐTKPĐ trong Đại Ân Xá của Ngài.

Thời trước, các linh hồn phạm tội bị giam vào Địa ngục để qui sứ hành hình như đã nói trong Kinh Sám Hối, nhưng khi Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài cũng là Đại Ân Xá kỳ ba, Đức Chí Tôn phế bỏ Địa ngục, lập ra một cảnh mới là cõi Âm quang, để đưa các linh hồn tội lỗi đến đó học đạo.

Thất Nương DTC dạy dỗ các nữ tội hồn, Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn. Ở cõi Âm quang chỉ có giáo hóa chứ không có trừng phạt. Khi các tội hồn thức tỉnh, biết lẽ thiện ác thì được cho đi đầu kiếp nơi cõi trần để trả quả và tu hành, để được siêu thăng về cõi thiêng liêng.

3. Chánh tín và mê tín là gì?

Chánh tín là tin tưởng đúng đắn, chơn chánh.

Mê tín là tin tưởng mù quáng, quàng xiên, lầm lẫn.

Chánh tín thì chánh niệm, mê tín thì vọng niệm.

Chánh tín là tin tưởng tuyệt đối lời giáo huấn của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Tiên, Phật là chơn thật, tin tưởng luật công bình thiêng liêng của Trời Đất.

Mê tín thì không tin luật công bình, luôn luôn vụ lợi, cầu cúng nhiều để Thần Thánh ban phước cho mình và gia đình mình. Thần Thánh công bình đâu bao giờ ăn hối lộ mà cầu cúng như vậy.

Muốn chuyển Mê tín qua Chánh tín thì chỉ có một cách là học đạo cho thấu đáo mà thôi.

4. Cửu phẩm Thần Tiên:

Cửu phẩm Thần Tiên là 9 phẩm vị từ Thần đến Tiên, kể ra:

Địa Thần, Nhơn Thần, Thiên Thần,
Địa Thánh, Nhơn Thánh, Thiên Thánh,
Địa Tiên, Nhơn Tiên, Thiên Tiên.

Theo Pháp Chánh Truyền:

* Đạo hữu giữ tròn Minh Thệ và Tân Luật thì được đổi phẩm Địa Thần.

* Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, làm tròn phận sự thì được đối phẩm Nhơn Thần.

* Lễ Sanh đối phẩm Thiên Thần.

* Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh. v.v....

CÁCH LẠY

- Ấn Tý - Cách bắt ấn Tý
- Cách lạy và xá
- Giải nghĩa các từ ngữ đã dùng

I. Ấn Tý - Cách bắt Ấn Tý:

1. Ấn Tý là gì?

Ấn là dấu hiệu đặc biệt về mặt đạo có tác dụng huyền bí do hai bàn tay kết lại tạo ra. Tý là chỉ đầu tiên trong Thập nhị Địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, v.v...

Trên bàn tay trái, vị trí của Tý ở tại chân ngón áp út, Sửu ở chân ngón giữa và Dần ở chân ngón trỏ.

Ấn Tý là cái ấn mà ngón tay cái của bàn tay trái co lại chỉ vào chi Tý rồi nắm lại, bàn tay mặt ốp bên ngoài mà ngón cái chỉ vào chi Dần của bàn tay trái.

2. Cách bắt Ấn Tý:

Ấn Tý là cái ấn đặc biệt của Đạo Cao Đài, cách bắt như sau: (Xem hình vẽ 1,2,3,4)

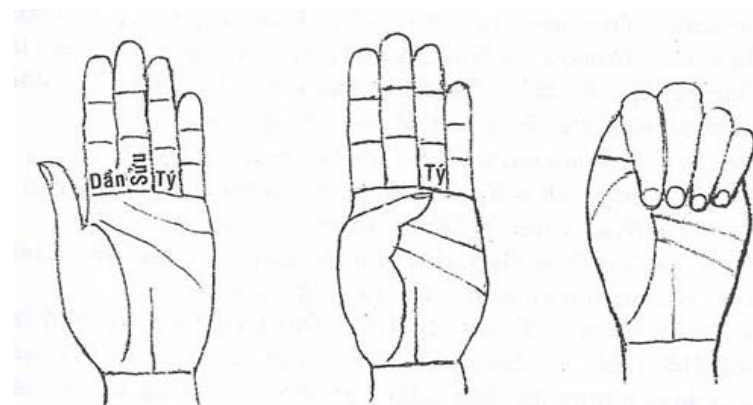
- Hình 1: vị trí của ba Địa chi: Tý, Sửu, Dần trong thập nhị Địa chi nơi bàn tay trái.

- Hình 2: ngón cái co lại đặt tại chi Tý, ý nghĩa là: Thiên khai ư Tý (Trời mở ra ở hội Tý).

- Hình 3: nắm bốn ngón tay trái lại, bên trong có ngón cái làm như cái hột ở giữa.

- Hình 4: bàn tay mặt ốp bên ngoài nắm tay trái ấy, ngón cái của bàn tay mặt đặt vào vị trí chi Dần của tay trái, ý nghĩa: Nhơn sanh ư Dần (Người sanh ra ở hội Dần).

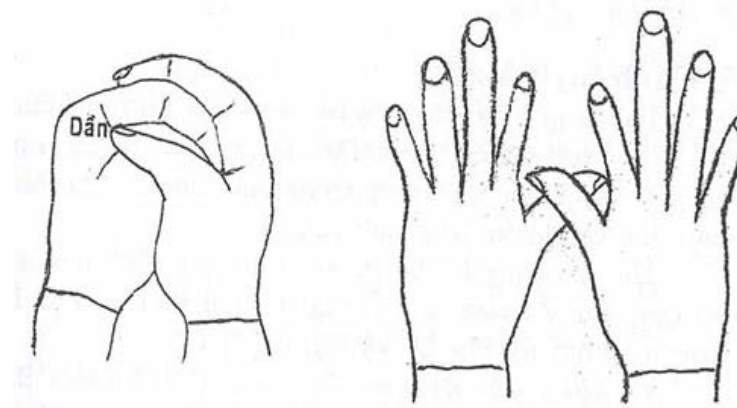
Hai tay bắt như vậy gọi là Ấn Tý.



Hình 1

Hình 2

Hình 3



Hình 4 (ẤN TÝ)

Hình 5 (khi lạy)

Cách bắt Ấn Tý có ý nghĩa về sự tạo thành Trời Đất và Nhơn loại, theo quan niệm của người xưa ở đông phương: Thời gian tạo thành căn khôn vũ trụ và vạn vật được chia làm 12 khoảng, mỗi khoảng thời gian được gọi là Hội và đặt tên theo Thập nhị Địa chi: Hội Tý là Hội đầu tiên, kế đến Hội Sửu, sau đó là Hội Dần, v.v....

▪ Thiên khai ư Tý: Trời mở ra ở hội Tý.

- *Địa tịch u Sứu*: Đất mở ra ở hội Sứu (tịch là mở).
- *Nhơn sanh u Dân*: Người sanh ra ở hội Dân.

Các hội tiếp theo là sự tiến hóa của trời, đất, người và vạn vật đến chỗ hoàn hảo.

Ấn Tý là ấn đặc biệt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Đức Chí Tôn đặt ra. Cho nên trong thời ĐĐTKPD, mỗi khi lạy, chúng ta đều phải bắt Ấn Tý, trong tất cả các trường hợp, dù đó là lạy Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, lạy các Đấng Thần Thánh Tiên Phật, hay lạy Cửu Huyền Thất Tổ, lạy Vong phàm.

II. Cách lạy và xá:

Lạy là gì? Lạy là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng.

Tay trái tượng trưng Dương, tay mặt tượng trưng Âm, hai tay chấp lại tượng trưng Âm Dương hiệp nhưt phát khởi càn khôn, hóa sanh vạn vật.

Hai tay chấp lại bắt theo Ấn Tý tạo hình như một trái cây, tượng trưng sự kết quả của hai thời kỳ Phổ Độ trước là: Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ.

- **Thời Nhứt Kỳ Phổ Độ**: Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy cách bắt tay: Bàn tay trái nắm lại, ngón cái để ngoài, bàn tay mặt ộp vào bên ngoài, hai ngón cái đặt song song sát nhau, giống như cái bông búp. Khi lạy thì đứng chấp tay nơi ngực, cúi người xuống thấp, hai bàn tay chống lên đất, hai đầu gối lần lượt quì xuống, cúi đầu gần sát đất. Xong rồi rút hai tay lên, kế chống một gối, đặt hai tay lên gối rồi đứng dậy. Lạy như vậy gọi là phủ phục.

- **Thời Nhị Kỳ Phổ Độ**: Đức Phật Thích Ca dạy cách bắt tay và lạy như sau: Hai bàn tay xòe ra và chấp

lại cho hai lòng bàn tay ộp sát vào nhau, giống như cái hoa sắp nở, khi lạy thì cúi người xuống thấp, mở hai bàn tay ra đặt ngửa trên mặt đất, giống như cái hoa nở (gọi là hoa khai), cúi đầu xuống cho trán chạm vào lòng hai bàn tay, xong rút tay lên chấp lại như cũ và đứng dậy.

- **Thời Tam Kỳ Phổ Độ**: Đức Chí Tôn dạy chúng ta chấp hai tay bắt Ấn Tý, giống như trái cây có cái hột bên trong (gọi là kết quả), quì xuống, cúi đầu và mở hai bàn tay ra đặt úp lên mặt đất, hai ngón tay cái gác chéo nhau (Hình 5), giống như chúng ta gieo hột giống xuống đất, trán cúi xuống chạm nhẹ lên mô bàn tay, rồi cất người lên.

Tóm lại, Ấn Tý của Đạo Cao Đài có hai ý nghĩa:

* Một là biểu thị ba thời kỳ đầu tiên tạo dựng CKVT (gồm Trời, Đất, Người) của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

* Hai là tượng trưng sự kết quả của hai thời kỳ Phổ Độ trước (Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ).

Cách xá:

Khi đứng xá, hai tay bắt Ấn Tý, đưa lên trán, ý nghĩa là kính Thiên (Trời), xá sâu xuống, ý nghĩa là kính Địa (Đất), rồi rút Ấn Tý lên đặt nơi ngực, ý nghĩa là kính Nhơn (Người). Xá như vậy nhắc chúng ta kính Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn.

Chỉ xá trước khi lạy và sau khi lạy xong, phải xá sâu xuống. Lưu ý là giữa hai lạy, không có xá nhỏ xen vào.

① (giữa trán)

* Nam mô Phật

② (màng tang trái)

* Nam mô Pháp

③ (màng tang mặt)

- * Nam mô Tăng

④ (giữa ngực)

- * Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
- * Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát
- * Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- * Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân
- * Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

1. Cách lạy Đức Chí Tôn:

- Đứng thẳng người, mặt hướng vào Thiên bàn, tay bắt Ấn Tý, xá sâu 3 xá, quì xuống (chân trái bước tới, chân phải quì xuống, chân trái quì theo), đặt Ấn Tý trước ngực.

- Lấy dấu Phật Pháp Tăng:

- Đưa Ấn Tý lên giữa trán niệm: Nam mô Phật.
- Đưa qua màng tang trái, niệm: Nam mô Pháp.
- Đưa qua màng tang mặt, niệm: Nam mô Tăng.

(Khi đưa Ấn Tý qua Pháp hay qua Tăng, nhớ giữ cái đầu luôn luôn thẳng đứng, đừng nghiêng đầu qua nghiêng đầu lại)

- Đưa Ấn Tý xuống đặt giữa ngực, cúi đầu và niệm:
 - Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

- Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.
- Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ
- Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.
- Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

- Đưa Ấn Tý lên giữa trán cầu nguyện Đức Chí Tôn.

- Lạy xuống lần thứ nhứt, nhớ hai bàn tay mở ra úp xuống, hai ngón cái gác chéo nhau (Hình 5), đầu gật xuống:

- gật thứ 1 niệm: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
- gật thứ 2: cũng niệm y như vậy.
- gật thứ 3: cũng niệm y như vậy.
- gật thứ 4: cũng niệm y như vậy.

Xong rồi cất mình lên, vẫn quì.

- Lạy xuống lần thứ nhì, lần lượt gật 4 gật, mỗi gật cũng niệm câu Chú của Thầy y như vậy.

- Lạy xuống lần thứ ba, làm y như lần lạy thứ nhì.

Như vậy, có 3 lần lạy (tức là lạy 3 lạy), mỗi lạy gật đầu 4 gật, mỗi gật niệm Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Câu niệm đó gọi là câu Chú của Thầy. Tổng cộng lạy 3 lạy, 12 gật, 12 lần niệm.

Lạy xong, đứng dậy, xá sâu xuống 3 xá.

Nếu nơi Thánh Thất thì có bàn thờ Đức Hộ Pháp, phải quay lại, xá chữ KHÍ 1 xá.

Nếu không phải nơi Thánh Thất, không có bàn thờ Đức Hộ Pháp và chữ KHÍ thì khỏi quay lại xá. Xong lui ra.

Thật ra, phải lay Đức Chí Tôn 12 lay, nhưng Đức Chí Tôn ân xá, chỉ cho lay 3 lay và 12 gặt, mỗi gặt thay thế một lay. Số 12 là số riêng đặc biệt của Đức Chí Tôn.

Lưu ý: Nhận thấy có một vài vị, khi lay xong, cất mình lên, rút tay bắt ấn Tý đặt lên ngực, lại xá nhỏ xuống một cái. Cái xá nhỏ này thừa.

2. Cách lay Đức Phật Mẫu:

Khi đến Điện Thờ Phật Mẫu, chúng ta vào chánh điện, đứng thẳng người hướng vào bàn thờ Đức Phật Mẫu, tay bắt ấn Tý, xá sâu 3 xá vừa cúi đầu, rồi quỳ xuống.

- Đưa ấn Tý lên trán, xá sâu xuống một xá, vừa xá vừa niệm: Nam mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

- Rút ấn Tý đặt trở lên ngực, rồi đưa lên trán, xá sâu xuống lần thứ nhì, vừa xá vừa niệm: Nam mô Cửu vị Tiên Nương.

- Xá sâu xuống lần thứ ba, vừa xá vừa niệm: Nam mô Bạch Vân Động chư Thánh.

- Đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện với Đức Phật Mẫu. . Lay xuống 3 lay, mỗi lay 3 gặt, mỗi gặt niệm: Nam mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

Như vậy, lay 3 lay, 9 gặt, 9 lần niệm danh hiệu của Đức Phật Mẫu.

Lay xong đứng dậy, xá 3 xá, day ngược ra sau, xá cái phong màu trắng 1 xá. Cái phong ấy tượng trưng Khí Sanh quang mà Đức Phật Mẫu dùng để nuôi sống chúng ta. Xá xong lui ra.

3. Cách lay Tiên, Phật:

Trước khi lay, vào đứng, bắt ấn Tý, xá 3 xá, rồi quỳ xuống, nếu có cầu nguyện chi thì đưa ấn Tý lên trán cầu

nguyện, xong lay xuống 3 lay, mỗi lay gặt 3 gặt, mỗi gặt niệm danh hiệu của Đấng ấy.

Thí dụ: Lay Đức Phật Thích Ca thì niệm: Nam mô Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Lay Cửu vị Tiên Nương thì niệm: Nam mô Cửu vị Tiên Nương.

4. Cách lay Thần, Thánh:

Trước khi lay, vào đứng, bắt ấn Tý, xá 3 xá, rồi quỳ xuống, nếu có cầu nguyện chi thì đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện, xong lay xuống 3 lay trơn (không gặt), mỗi lay niệm danh hiệu của Đấng ấy.

Thí dụ: Lay Bạch Vân Động chư Thánh thì mỗi lay niệm: Nam mô Bạch Vân Động chư Thánh.

Lay Thần Hoàng Bồn Cảnh thì mỗi lay niệm: Nam mô Thần Hoàng Bồn Cảnh.

5. Cách lay Cửu Huyền Thất Tổ:

Giống y như lay Thần, Thánh, nghĩa là 3 lay trơn, mỗi lay niệm: Nam mô Cửu Huyền Thất Tổ.

6. Cách lay Vong phàm:

Vong phàm là vong linh của người phàm tục.

Người phàm tục là người chưa giác ngộ lẽ đạo, chưa có tín ngưỡng Trời Phật hay tôn giáo, chưa tin tưởng con người có một linh hồn bất diệt.

Trong PCT Chú Giải, phần Quyền hành của Chánh Phối Sư, người phàm tục được định nghĩa như sau:

PCT: "Kẻ ngoại giáo, Tả đạo Bàng môn, người vô đạo, riêng nắm quyền hành thế tục, nghịch cùng chơn lý chánh truyền, mượn thể lực phàm tục mà diệt lành đường dữ, mê hoặc nhơn sanh, lưu luyện trần thế, trên không biết Trời, dưới không kính Đất, lấy người làm lợi khí

đặng vụ tất công danh, quyền quyền thế thế, chẳng kiêng nề luân hồi, ham vật chất hơn tinh thần, lấy vinh hoa của kiếp sanh làm sở nguyện, như thú vật, cây cỏ, sắt đá, chỉ biết sống mà không biết sống làm gì, còn không hay, mà mất cũng không biết. Ấy là hạng phàm, gọi là đời đó vậy."

Lạy Vong phàm gồm 4 lạy: 2 lạy quì và 2 lạy đứng, thực hành như sau:

Trước khi lạy, vào đứng, hai tay bắt ấn Tý, xá 3 xá.

Quì xuống, nếu có cầu nguyện chi thì đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện, xong lạy xuống 2 lạy trơn (không gật).

Hai lạy quì ý nghĩa là 1 lạy kính Thiên và 1 lạy kính Địa.

Xong rồi đứng lên, tay vẫn bắt ấn Tý, cúi mình lạy xuống theo lối phủ phục, chống đầu gối đứng dậy, rồi lạy xuống như vậy một lần nữa. Đó là 2 lạy đứng dành cho phần người, ý nghĩa là 1 lạy Âm và 1 lạy Dương. Xong thì xá 1 xá rồi lui ra.

7. Cách lạy Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu đã qui liễu:

Cách lạy tùy theo phẩm tước của vị Chức sắc ấy đối phẩm với hàng nào trong Cửu phẩm Thần Tiên.

a) Chức sắc đối phẩm Phật vị và Tiên vị:

gồm Đức Giáo Tông, Đức Chương Pháp, Nam Đầu Sư, Nữ Đầu Sư, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh, Thập nhị Thời Quân.

Lạy theo cách lạy Tiên, Phật, nghĩa là 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm danh của Chức sắc ấy.

Thí dụ: Lạy Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung thì niệm: *Nam mô Đức Quyền Giáo Tông*.

(Ở đây không dùng Thánh danh Thượng Trung Nhựt vì Thánh danh này là của phẩm Đầu Sư).

Lạy Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu thì niệm: *Nam mô Nữ Đầu Sư Hương Hiếu*.

Lạy Đức Phạm Hộ Pháp thì niệm: *Nam mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn*.

Lạy Đức Cao Thượng Phẩm thì niệm: *Nam mô Đức Cao Thượng Phẩm*.

Lạy Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa thì niệm: *Nam mô Trần Khai Pháp Chơn Quân..... v.v...*

b) Chức sắc đối phẩm Thánh vị:

Đối phẩm hàng Thánh vị gồm các phẩm Chức sắc:

- Bên Cửu Trùng Đài, từ Chánh Phối Sư đổ xuống tới hàng Giáo Hữu,

- Bên Hiệp Thiên Đài, từ phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đổ xuống tới Truyền Trạng,

- Bên Cơ Quan Phước Thiện thì từ phẩm Thánh Nhơn đổ xuống tới phẩm Chí Thiện,

- Và các phẩm Chức sắc tương đương trong các cơ quan khác của Đạo như: Bộ Nhạc, Ban Kiến Trúc, Ban Nhà Thuyền, Ban Thế Đạo, v.v... (Xem Bảng Đối phẩm nơi cuối Chương Phước Thiện)

Cách lạy giống y như lạy Thánh, nghĩa là 3 lạy trơn, mỗi lạy niệm phẩm tước và Thánh danh của vị ấy, nếu không có Thánh danh thì niệm Thế danh.

c) Lễ Sanh, Chức việc Bàn Trị Sự và Đạo hữu:

- Lễ Sanh và các phẩm Chức sắc tương đương được đối phẩm Thiên Thần, nên khi qui liễu, được lạy theo hàng Thần vị, nghĩa là 3 lạy trơn.

- Chức việc BTS gồm: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự làm tròn nhiệm vụ thì được đối phẩm Nhơn Thân; Đạo hữu giữ tròn bổn phận và ăn đủ 10 ngày chay mỗi tháng được đối phẩm Địa Thân; các phẩm này và các phẩm tương đương khi qui liễu thì được lay theo hàng Thần vị: 3 lay trọn.

Điều này rất hợp lý, vì theo PCT: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự đối phẩm Nhơn Thân; Đạo hữu đối phẩm Địa Thân, nên các phẩm này đều thuộc Thần vị.

Nếu cho rằng các phẩm này khi qui liễu là Vong phạm thì trái với PCT, hơn nữa 3 phẩm Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự là Hội Thánh Em (Đầu Sư Em, Giáo Tông Em, Hộ Pháp Em), thay mặt Hội Thánh Anh, cầm quyền hành đạo nơi hương đạo thì không thể xem là Vong phạm được.

PCT: (Đoạn này trích trong Quyền hành Chánh Phối Sư)

"Trong Cửu Trùng Đài có Đầu Sư thì đối với phẩm *Địa Tiên*; Chương Pháp thì đối với phẩm *Nhơn Tiên*; Giáo Tông thì đối với phẩm *Thiên Tiên*; Tam Trấn Oai Nghiêm thay quyền Phật vị tại thế này. Ấy vậy, các Đấng ấy đối phẩm cùng các Đấng Trọn lành của Bát Quái Đài.

Giáo Tông giao quyền cho Đầu Sư, Đầu Sư lại phân quyền cho Chánh Phối Sư (Hay!) lập Đạo đăng độ rồi Nhơn sanh; cũng như Hộ Pháp giao quyền cho Thượng Sanh và Thượng Phẩm.

Còn Chánh Phối Sư và Phối Sư đối phẩm *Thiên Thánh*; Giáo Sư đối phẩm *Nhơn Thánh*; Giáo Hữu đối phẩm *Địa Thánh*; Lễ Sanh đối phẩm *Thiên Thần*; Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự đối phẩm *Nhơn Thần*, chư Tín đồ đối phẩm *Địa Thần*. (Hay!)

Ấy vậy, các vị ấy đối phẩm vào hàng Thánh của Bát Quái Đài là cầm quyền lập Đạo."

d) Chức sắc và Đạo hữu thất thế, làm đám tang theo cách Bạt tiến:

Trong trường hợp này, dầu ở phẩm cấp nào, chúng ta cũng lay theo hàng Vong phạm, nghĩa là 2 lay qui và 2 lay đứng.

8. Lay người sống:

Khi con cháu lay cha mẹ hoặc ông bà còn sống, hay trò lay thầy còn sống, thì đứng hướng vào vị đó, chắp hai tay ấn Tý, xá 1 xá, rồi lay 2 lay đứng theo lối phủ phục, lay xong xá 1 xá.

Chúng ta nhớ, trong tất cả cách lay thời ĐĐTKPD, hai tay phải bắt ấn Tý, vì ấn Tý là ấn của ĐĐTKPD.

III. Giải thích các từ ngữ đã dùng:

1. Câu chú của Thầy:

Câu chú của Thầy là câu niệm danh hiệu của Đức Chí Tôn, có tác dụng huyền bí do Đức Chí Tôn đặt ra để hộ trì các môn đệ trong thời ĐĐTKPD.

Câu chú của Thầy gồm 12 chữ là: ***Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.***

Trong Câu chú có danh xưng của Đức Chí Tôn là: Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Danh xưng này có ý nghĩa bao gồm Tam giáo:

- **Cao Đài** tượng trưng Nho giáo, vì đây là cái đài cao nơi Linh Tiêu Điện Ngọc Hư Cung, nơi Đức Chí Tôn ngự để họp Thiên triều của Ngài. Chữ Cao Đài tượng trưng phẩm trật nơi triều đình, là chủ trương của Nho giáo.

- **Tiên Ông** tượng trưng Tiên giáo.

- **Đại Bồ Tát Ma Ha Tát** tượng trưng Phật giáo.

Trong danh hiệu này, Đức Chí Tôn ngụ ý Tam giáo vốn cùng một gốc mà ra, gốc đó là Thượng Đế. Ngày nay, Đức Chí Tôn đến mở ĐĐTKPĐ là qui hiệp Tam giáo về một mối do Đức Chí Tôn chương quản.

2. Ba thời kỳ Phổ Độ:

Tại sao có 3 thời kỳ phổ độ?

Bởi vì từ khi xuất hiện loài người trên mặt địa cầu này, Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu cho 100 ức nguyên nhân giáng trần để khai hóa nhơn loại. (1 ức = 100 000)

Số nguyên nhân ấy khi sống nơi cõi trần, ăn thực phẩm của cõi trần nên bị qui phạm, không thể trở về được với Chí Tôn và Phật Mẫu. Đức Chí Tôn thương xót, mở ra Nhứt Kỳ Phổ Độ để cứu độ các nguyên nhân này.

■ Các tôn giáo lớn thuộc **Nhứt Kỳ Phổ Độ** mở ra vào thời thái cổ gồm:

- Nhiên Đăng Cổ Phật mở Phật giáo ở Ấn Độ.
- Brahma Phật mở đạo Bà La Môn ở Ấn Độ.
- Thái Thượng Đạo Tổ mở Tiên giáo ở Trung Hoa.
- Vua Phục Hy khởi đầu Nho giáo ở Trung Hoa.
- Thánh Mose mở Do Thái giáo ở nước Do Thái.

Các tôn giáo này chỉ cứu độ được 6 ức nguyên nhân, nên vẫn còn 94 ức nguyên nhân bị đọa trần.

Đức Chí Tôn lại thương xót, nên mở ra Nhị Kỳ Phổ Độ để tiếp tục cứu độ các nguyên nhân còn lại.

■ Các tôn giáo lớn thuộc **Nhị Kỳ Phổ Độ** mở ra vào thời thượng cổ, gồm:

- Phật Thích Ca mở Phật giáo ở Ấn Độ.
- Lão Tử mở Tiên giáo ở Trung Hoa.
- Khổng Tử chấn hưng Nho giáo ở Trung Hoa.
- Chúa Jésus mở Thiên Chúa giáo ở Do Thái.

Các tôn giáo kỳ này cứu độ được 2 ức nguyên nhân.

Như vậy, số nguyên nhân còn bị đọa trần là 92 ức.

■ Đức Chí Tôn mở lòng đại từ đại bi lần chót, khai **Tam Kỳ Phổ Độ** tại nước Việt Nam, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài, kéo dài 700 ngàn năm, để tận độ 92 ức nguyên nhân còn bị đọa trần.

Đây là lần cứu độ chót, nếu các nguyên nhân không giác ngộ tu hành, không trở về được cõi TLHS thì không còn kêu ca hay trách móc vào đâu được nữa.

ĂN CHAY

- Định nghĩa - Trai kỳ - Trường trai.
- Ích lợi của việc ăn chay.
- Giải đáp một số câu hỏi về ăn chay.
- Giải thích vài từ ngữ đã dùng.

I. Định nghĩa - Trai kỳ - Trường trai.

1. Định nghĩa:

Ăn chay là ăn các loại thực phẩm phát xuất từ thảo mộc hay được chế biến từ thảo mộc.

Thí dụ: Ăn các loại rau cải, hoa quả, củ đậu, tàu hủ, tương chao, các loại nấm, v.v...

Trái với Ăn chay là Ăn mặn.

Ăn mặn là ăn các loại thực phẩm phát xuất từ động vật hay được chế biến từ động vật. Động vật là nói chung các loài vật cử động: bò, bay, máy, cựa.

Thí dụ: Ăn thịt heo, gà vịt, bò, cá, tôm, cua, ba tê, lạp xưởng, hột vịt lộn, cá mèi hộp, v.v....

2. Trai kỳ:

Chữ "**chay**" do chữ Hán là "**trai**" nói trại ra. Trai có nghĩa là trong sạch, thanh tịnh.

Trai kỳ là ăn chay kỳ, tức là ăn chay một số ngày nhất định trong mỗi tháng âm lịch, những ngày còn lại thì được ăn mặn.

Có hai loại trai kỳ: Lục trai và Thập trai.

- **Lục trai** là ăn chay mỗi tháng 6 ngày, đạo Tiên gọi là Nguơn Thủy Lục trai, do Đức Nguơn Thủy lập ra.

Sáu ngày chay qui định trong tháng âm lịch là: 1, 8, 14, 15, 23, 30.

Nếu tháng âm lịch thiếu, không có ngày 30 thì ăn chay ngày 29 thế vào cho đủ 6 ngày chay.

- **Thập trai** là ăn chay mỗi tháng 10 ngày, đạo Phật gọi là Chuẩn Đề Thập trai, do Đức Phật Chuẩn Đề lập ra.

Mười ngày chay qui định trong tháng âm lịch là: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30.

Nếu tháng âm lịch thiếu, không có ngày 30 thì ăn chay ngày 27 thế vào cho đủ số 10 ngày chay.

3. Trường trai:

Trường trai là ăn chay trường, tức là ăn chay hoài từ ngày này qua ngày khác (không có ngày nào ăn mặn).

Theo Tân Luật, các tín đồ còn trong cấp Hạ thừa thì ăn chay kỳ tức là ăn 6 ngày hoặc 10 ngày trong tháng; còn các tín đồ trong bậc Thượng thừa thì ăn chay trường.

Trong bậc Hạ thừa, ăn chay 6 ngày trong một tháng là giai đoạn tập sự để quen dần với việc ăn chay, không nên giữ hoài như vậy, mà sau đó phải ráng tiến lên ăn chay 10 ngày trong một tháng thì mới được nhìn nhận là tín đồ thiết thọ chánh thức của Đạo Cao Đài, mới thọ hưởng được các bửu pháp khi qui liễu, tức là các phép bí tích độ hồn trong cơ tận độ của Đức Chí Tôn; nếu còn ăn chay 6 ngày trong một tháng thì không hưởng được những điều này và tang lễ chỉ làm bạt tiến mà thôi.

(Làm bạt tiến là làm lễ để cử dâng lên các Đấng thiêng liêng xin cứu giúp vong hồn cho được siêu thăng).
(Xem Chương chót: Tang lễ)

Hai bậc tín đồ: 10 ngày chay và 6 ngày chay trong một tháng, chỉ khác nhau có 4 ngày chay, mà quyền lợi trong Đạo rất khác biệt nhau. Chúng ta rất nên lưu ý.

Ăn chay nửa năm: Đối với người ăn chay 10 ngày trong một tháng, nếu ăn chay thêm 3 tháng có rằm lớn

trong 1 năm (tức là tháng giêng, tháng 7 và tháng 10) thì tổng cộng ăn chay được nửa năm trong một năm.

(Ăn chay luôn 3 tháng thì được 90 ngày, còn lại 9 tháng, ăn chay mỗi tháng 10 ngày thì được 90 ngày. Tổng cộng ăn chay được: 90 ngày + 90 ngày = 180 ngày, tức là nửa năm).

4. Ngũ vị tân còn gọi là Ngũ huân:

Ngũ vị tân là 5 thứ có vị cay nồng và mùi hôi. (Tân là cay). Ngũ vị tân gồm: hành, hẹ, tỏi, kiệu, nén.

Bên Phật giáo, khi ăn chay thì cứ Ngũ vị tân.

Tu theo Tiên giáo, khi ăn chay, không kiêng cử các thứ này, hễ là thảo mộc thì được ăn.

Trong Thánh Ngôn Sư Tập, Quyền 1, đàn cơ ngày 16-1-1926, ông Quý Cao giảng cơ gọi Ngũ vị tân là Ngũ kỵ, tức là 5 thứ cấm kỵ không cho ăn đối với Phật giáo.

Ông Quý Cao viết rằng:

"Ngũ kỵ là: hành, tỏi, sả, ớt, tiêu.

Theo Phật giáo thì kỵ, Tiên giáo thì không.

Phật vì tích Mục Liên Thanh Đề gọi là uế vật, là phi.

Tiên đạo cho dùng các thảo mộc, chẳng kỵ vật chi."

Trong quyển sách Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết về việc này như sau:

"Trong Trời Đất không có chi là tuyệt đối, thì sự ăn chay tất nhiên cũng không nên tuyệt đối.

Cái nguyên tắc của sự ăn chay là ăn toàn những chất thuộc thảo mộc, thì năm thứ: hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu, gọi là Ngũ huân, vẫn là thảo mộc.

Có cử chẳng là những bậc công cao quả dày, tham thiền nhập định, vì nó có tính cách kích thích và thương tổn tinh thần.

Người mới học đạo cần phải lao động trong trường công quả thì chưa buộc phải kiêng cử, nhưng ai kiêng cử được cũng nên.

Vậy, việc ăn chay cũng như việc tu hành, không nên thái quá mà cũng không nên bất cập."

5. Người ăn chay trường có phải cứ trâu thuốc không?

Để giải đáp vấn đề này, chúng ta phân bực tu Thượng thừa ra hai nhóm:

1. Các Chức sắc còn nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh.

Nhóm này hoạt động gần gũi với nhơn sanh, đi đứng nhiều, giao tiếp nhiều, nên Tân Luật không bắt buộc phải cứ Ngũ vị tân và không cấm ăn trâu hút thuốc. Tuy nhiên, nên cứ Ngũ vị tân vì cái hại của nó là làm cho tánh của mình thêm nóng nảy, cũng như cần phải cứ ăn trâu và hút thuốc vì nó gây thêm phiền toái và làm hại sức khỏe. Đã là Chức sắc của Hội Thánh thì nên kiêng cử các thứ kể trên để làm gương tốt cho nhơn sanh.

2. Nhóm tu thượng thừa luyện đạo trong Tịnh Thất.

Trong Tân Luật, phần Tịnh Thất, điều thứ 6 có ghi:

"Nhập Tịnh Thất rồi phải tuyệt trâu thuốc và không được ăn vật chi ngoài mấy bữa cơm."

Ngũ vị tân làm cho linh hồn yếu ớt; ăn trâu, hút thuốc thì hại kim đơn. Hành giả tu thiền định, luyện đạo cần phải kiêng cử tuyệt đối các thứ kể trên.

II. Ích lợi của việc ăn chay:

1. Ăn chay thì giữ được Ngũ Giới Cấm dễ dàng:

Ngũ Giới Cấm là giới luật rất quan trọng đối với người tu ở bậc thượng thừa. Không giữ tròn Ngũ Giới Cấm thì không thể đắc đạo được.

Người ăn chay trường thì giữ được Ngũ Giới Cấm dễ dàng, vì:

- Ăn chay trường thì tránh được sát sanh trong sự ăn uống. Đã không nỡ giết hại sanh vật để ăn thịt thì cũng đâu nỡ giết chúng để làm trò chơi. (Bất sát sanh)

- Hễ không ăn thịt thì cũng dễ cử rượu, vì rượu thịt luôn luôn đi kèm nhau như bóng với hình. (Bất tửu nhục)

- Không ăn thịt uống rượu thì lòng dục lắng xuống, nên không nghĩ đến tà dâm, phá hại gia cang của người. (Bất tà dâm)

- Nhờ ăn chay trường mà lòng tham vật chất không có cơ hội nảy nở. Đã tu rồi thì còn cầu chi tiền tài, của cải, vì khi chết, linh hồn đâu có đem theo được các thứ đó, chỉ đem theo công đức và tội lỗi mà thôi. Do đó việc trộm cướp hay gian lận tài vật rất ít khi xảy ra. (Bất du đạo)

- Nhờ ăn chay trường mà tâm hồn trở nên thanh cao, tránh được việc nói dối lường gạt người, gây đau khổ cho người mà đem lợi lộc về cho mình. (Bất vọng ngữ)

2. Ăn chay dễ thanh lọc bản thể, tinh khiết chơn thần:

Những thức ăn mặn là huyết nhục của các loài động vật nên chỉ bổ dưỡng cho thể xác con người, vì thể xác con người cũng là huyết nhục.

Các thức ăn chay là rau đậu, trái cây, ngũ cốc; các thứ này nhờ hấp thụ trực tiếp ánh sáng mặt trời, dưỡng khí, đạm khí của không khí, lại hấp thụ các chất khoáng trong lòng đất, nên các thức ăn chay có hai tác dụng bổ dưỡng:

- Bổ dưỡng xác thân nhờ những chất khoáng hấp thu trong đất và đạm khí trong không khí.

- Bổ dưỡng chơn thân nhờ hấp thu ánh sáng và dưỡng khí.

Như thế, chúng ta phải nhận rằng, với chế độ ăn chay đầy đủ gồm nhiều rau đậu và trái cây, ăn chay rất tốt so với ăn mặn, vì nó bổ dưỡng cả thể xác và chơn thân.

Người ăn chay trường lâu năm tạo được vùng hào quang trong sáng nơi đỉnh đầu, chơn thần cũng được trong sáng, tinh tấn, nên nhẹ nhàng hơn không khí. Đến kỳ thoát xác, chơn thần xuất ra khỏi thể xác một cách dễ dàng và bay khỏi bầu không khí đến các cõi thiêng liêng.

Người ăn mặn thì chơn thần mờ tối, trọng trược, vì ăn huyết nhục của thú cầm, nên nặng nề, không thể bay thoát khỏi bầu khí quỵên được.

Thánh ngôn của Đức Chí Tôn dạy rõ rằng:

"Nó (chơn thần) vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điện quang. Cái chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ hơn không khí, ra khỏi ngoài càn khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chỉ Thánh, chỉ Tiên, chỉ Phật, mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thần tinh khiết.

Nếu như các con còn ăn mặn, luyện đạo rui có ăn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng. Như rui bị huòn

thì đến khi đắc đạo, cái trước khi ấy vẫn còn, mà trước khi thì lại là vật chất tiếp diễn, thì chưa ra khỏi lần không khi đã bị sét đánh tiêu diệt.

Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thế mà làm một bậc Nhơn Tiên thì kiếp đạo trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy mà Thầy buộc các con phải trường trai mới đăng luyện đạo." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 20)

Bát Nương giảng cơ giải về cõi Âm Quang, cho biết: Muốn qua khỏi cửa Âm Quang thì phải ăn chay trường.

"Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi qui Thiên, phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhứt sợ của các chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm. Có nhiều hồn chưa qua khỏi đăng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy chơn thân thanh trước. Chỉ Tôn buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy." (TNHT1-2 hợp nhứt, B 159)

3. Ăn chay là luyện tập Bi, Trí, Dũng:

- Loài vật nào cũng biết ham sống sợ chết như người, biết chỗ nguy hiểm thì tránh né hay trốn chạy để bảo tồn sự sống. Khi sắp bị giết chết, chúng biết sợ sệt và rên la đau đớn. Không giết hại chúng nó để ăn thịt là thể hiện lòng thương yêu, đức tánh từ bi. Do vậy, việc ăn chay là để tập cho tánh BI càng ngày càng phát triển.

- Khi ăn chay, chúng ta mới sáng suốt nhận định rằng, loài thú vật cũng được Thượng Đế ban cho nó sự sống như con người, nó chỉ là đàn em kém tiến hóa hơn con người mà thôi. Sau nhiều lần chuyển kiếp, chúng nó cũng sẽ tiến hóa lên thành người như chúng ta. Do đó, không giết hại chúng là để phát triển đức tánh sáng suốt trong con người chúng ta, tức là phát triển thể TRÍ.

- Trước sự hấp dẫn của các món rượu thịt thơm ngon, cũng như sự mời mọc nài ép của bạn bè, ta can đảm từ khước, tức là ta có hùng tâm dũng chí, không để dục vọng thấp kém lôi kéo. Như vậy, ta có được cái DŨNG.

Vậy, sự ăn chay là để phát triển ba đức tánh: BI, TRÍ, DŨNG trong con người chúng ta, để cuối cùng, ba đức tánh ấy phát triển rực rỡ cao tột thì đắc thành Tiên Phật.

4. Ăn chay là để tránh quả báo luân hồi:

Việc giết hại mạng sống của con vật tạo thành một ác nghiệp. Sau này, hồn của con vật ấy sẽ đòi chúng ta phải trả món nợ sát mạng đó, và theo luật công bình thiêng liêng, chúng ta phải luân hồi tái kiếp để đền trả mỗi nợ oan nghiệt ấy.

Còn việc ăn chay, tuy cũng có giết hại mạng sống loài thảo mộc, nhưng tội này nhẹ hơn nhiều so với việc giết hại thú vật, vì loài thảo mộc kém tiến hóa rất nhiều so với thú cầm.

Hơn nữa, việc sát hại thảo mộc để nuôi sống xác thân của chúng ta, được chúng ta đền trả lại bằng xác thân của chúng ta khi chết. Khi chết, xác thân của chúng ta được vui chôn trong lòng đất, rồi dần dần sẽ tan rã thành những chất bổ dưỡng nuôi sống thảo mộc. Khi sống thì ta ăn thảo mộc, khi chết thì thảo mộc ăn lại xác thân ta. Thế là hòa, không ai nợ ai. Như vậy, việc ăn chay giúp chúng ta không mắc nợ oan nghiệt, mà không mắc nợ oan nghiệt thì thoát khỏi luân hồi.

5. Ăn chay để kèm chế Lục dục Thất tình:

Ăn chay, ăn những thức ăn thanh đạm, không chứa máu thịt của loài động vật, nên làm dịu bớt bầu máu

nóng trong người, dục vọng nhờ đó cũng giảm bớt cường điệu.

Lục dục Thất tình lúc nào cũng đòi hỏi xác thân làm cho nó thỏa mãn, nhưng nhờ ăn chay, chúng ta kèm chế được nó, rèn luyện nó hướng tới mục đích thanh cao.

Thay vì chúng ta muốn giết một con gà để làm thành món ăn khoái khẩu, chúng ta nên lấy thức ăn thích hợp của gà rải cho nó ăn, để chúng ta nhìn nó đang sung sướng vui vẻ vì khoái khẩu. Chúng ta nhìn cái vui và cái sung sướng của con gà để chúng ta có được cái vui mừng cao thượng của kẻ ban ơn.

III. Giải đáp một số câu hỏi về ăn chay.

1. Ăn tôm, cua, sò, ốc được kể là ăn chay không?

Ăn tôm cua sò ốc, tức là ăn thịt các loài động vật. Chúng nó cũng có sanh mạng và sự sống. Phải bắt giết chúng nó thì mới ăn thịt được, rõ ràng ta phạm tội sát sanh, nên ăn tôm cua sò ốc dứt khoát không phải là ăn chay, mà đó là ăn mặn. Có người còn ngụy biện nói rằng vì chúng nó có máu trắng. Dù máu trắng nhưng chúng nó là loài động vật có tri giác, biết tìm thức ăn, biết chống cự hay trốn chạy ẩn núp khi mạng sống của chúng bị đe dọa.

2. Ăn chay có được dùng bơ, sữa, mật ong, trứng gà không?

Về bơ (beurre) và phô-ma (fromage), ta phân biệt hai loại: Bơ thực vật (beurre végétale) và Bơ động vật (beurre animale).

- Bơ thực vật làm bằng các chất béo của thực vật như đậu phộng, dừa, trái bơ; sữa thực vật như sữa đậu nành, sữa đậu phộng.... Bơ và sữa thực vật là thức ăn chay hoàn toàn, người ăn chay trường dùng rất tốt.

- Bơ động vật và phô-ma là hai loại được chế tạo từ sữa bò, sữa trâu. Dùng các thứ này không mang tội sát sanh, nên người ăn chay trường có thể dùng các thứ đó làm thức ăn chay. Tuy nhiên về phương diện thanh và trước thì bơ, phô-ma và sữa động vật có tính chất trước hơn các thức ăn thảo mộc.

Do đó, bên Phật giáo vẫn cho phép dùng bơ và sữa động vật làm món ăn chay.

Nó có nguyên nhân xa xưa là lúc Thái tử Sĩ-Đạt-Ta từ bỏ lối tu khổ hạnh, chuyển qua lối tu trung đạo, Ngài kiệt sức, bất tỉnh, nằm chết giấc dựa cội cây bồ đề. Có một thiện nữ được báo mộng trước, hôm ấy chuẩn bị bình bát sữa tìm đến cội bồ đề, cúng dường cho Phật. Khi Phật tỉnh lại, Phật cầm bình bát sữa uống cạn, nhờ vậy, Phật dần dần phục hồi sức khỏe.

- Về mật ong:

Mật ong do các con ong hút mật hoa hay hút chất đường rồi dùng nước miếng của nó tạo thành. Mật ong là thực phẩm hoàn toàn chay, rất bổ dưỡng, dùng cho người ăn chay trường rất tốt.

- Về trứng gà, trứng vịt, trứng cút:

Nếu các loại trứng có trống, tức là có chứa sẵn một mầm sống trong đó, để theo thời gian sẽ phát triển thành một sinh vật mới, khi dùng chúng làm thức ăn, tức là chúng ta sát hại mầm sống ấy, ắt phạm tội sát sanh.

Nếu trứng không trống, khi ta dùng thì không phạm tội sát sanh. Tuy vậy, trứng vẫn là chất trước, không làm cho chơn thần chúng ta trong sáng và thanh nhẹ, nên cần phải cẩn thận, không nên lạm dụng, tốt nhất là không nên dùng.

Đối với những vị đang lập công trong trường thi công quả, việc ăn chay trường không nên quá bảo thủ

khắc khe, nhứt là những khi đau ốm, cần phải phục hồi sức khỏe mau chóng để lo làm công quả, thì việc dùng thêm các loại bọ, sứa động vật, hay các loại trứng không trứng, là một điều có thể thông cảm được vì không phạm giới sát sanh, nhưng chúng ta vẫn nhớ rằng các thức ăn ấy có chất trực, không tốt cho chơn thần.

Một điều mà chúng ta cần lưu ý là việc ăn chay là hành động tự giác tự nguyện vì lợi ích cho bản thân của chúng ta, chứ không phải lợi ích cho Đức Chí Tôn hay Phật Mẫu.

3) Ăn chay trường có thành Tiên, Phật không?

Nếu chỉ có ăn chay trường mà không làm công quả thì không thể thành Tiên, Phật đặng. Người ăn chay trường ấy, khi chết, chơn thần và linh hồn được trong sạch nhẹ nhàng, được siêu thăng lên các cõi Trời, hưởng sự an nhàn, nhưng không có ngôi vị là Tiên, hay Phật.

Muốn thành Tiên, Phật thì buộc phải có công quả.

"Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật, muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 17)

Muốn có công đức thì phải làm công quả.

Việc ăn chay trường chỉ tạo được chơn thần trong sáng, làm công quả mới đắc thành Tiên, Phật.

Nhưng ngược lại, nếu có đầy đủ công quả mà không ăn chay trường thì cũng không thể thành Tiên, Phật được, vì chơn thần trọng trực không thể bay khỏi bầu khí quyển mà lên cõi thiêng liêng. Hơn nữa, vì ăn mặn nên còn bị linh hồn các con vật đòi các món nợ oan

nghiệt, nên chúng nó buộc chặt chơn thần người đó không cho bay lên cõi TLHS.

Cho nên, muốn đắc thành Tiên Phật thì phải có đủ hai điều kiện: 1.- Đầy đủ công quả. 2.- Ăn chay trường.

4) Ăn chay thì thanh, ăn mặn thì trực, tại sao?

Có nhiều nguyên do, kể ra sau đây:

a.- Về cấp tiến hóa:

Thảo mộc ở cấp tiến hóa thấp hơn động vật, chỉ có Sanh hồn; còn động vật thì ở cấp tiến hóa cao hơn, có được hai phần hồn là: Sanh hồn và Giác hồn. Do đó, loài động vật khi đau đớn biết rên la, khi sợ hãi biết chạy trốn.

b.- Về sự sinh sản và di truyền nòi giống:

Loài thảo mộc có nhị đực và nhị cái ở trong cùng một cái hoa hay trên cùng một thân cây, nhờ ong bướm hay gió thổi mà nhị đực rơi vào nhị cái, kết thành trái và hột để di truyền nòi giống.

Loài động vật thì con đực và con cái là hai thân thể khác nhau, chúng có lòng dục nên tìm gặp nhau giao phối, để sanh sản. Khi sanh sản thì máu huyết tiết ra dơ dáy.

Do đó, loài động vật thuộc Hậu Thiên Cơ ngẫu nên trọng trực, còn loài thảo mộc thuộc Tiên Thiên Cơ ngẫu nên thanh nhẹ.

c.- Về sự sinh sống:

Loài thảo mộc sống nhờ hấp thu ánh sáng mặt trời và hấp thu các tinh chất của không khí và của đất, nên thảo mộc chứa nhiều sinh tố và khoáng chất.

Loài động vật sống nhờ ăn thảo mộc hay ăn thịt lẫn nhau, nên thịt của nó chứa ít sinh tố và có chất độc.

Do đó, chúng ta ăn loài thảo mộc thì vừa bổ dưỡng chơn thần vừa bổ dưỡng thể xác, còn ăn thịt thú cầm thì chỉ bổ dưỡng thể xác mà lại làm cho chơn thần ô trược.

d.- Về tính dẫn điện:

Khi thoát xác, chơn thần của người ăn chay trường thì trong sáng, nhẹ nhàng, bay lên thoát qua lớp không khí dễ dàng; còn chơn thần người ăn mặn thì trọng trược mờ tối, nên không thể bay lên cao được, lại nữa, vì chơn thần trọng trược nên có tính dẫn điện tốt, dễ bị sét đánh tiêu tan khi bay lên cao.

5) Thảo mộc có mạng sống, nên ăn chay cũng sát sanh, thì hơn ăn mặn chỗ nào?

Thảo mộc là một loài trong chúng sanh, nó cũng có mạng sống, nhưng mạng sống của nó nhỏ bé hơn mạng sống của thú cầm, vì nó chỉ có một phần hồn là Sanh hồn, và ở cấp tiến hóa thấp hơn thú cầm. Do đó, việc sát hại thảo mộc ít tội tình oan nghiệt hơn sát hại thú cầm.

Vả lại, muôn loài vạn vật phải ăn mà sống. Để giải quyết cái ăn này, Thượng Đế dùng Vạn linh phụng sự Vạn linh, tức là dùng loài sanh vật này làm thực phẩm nuôi sống loài sanh vật kia, và loài sanh vật nào bị hy sinh nhiều nhất thì lại sanh hóa nhiều nhất để quân bình cuộc sống trong CKVT.

Thảo mộc và ngũ cốc là hai thứ sanh vật mà Thượng Đế dành để nuôi sống con người, nên cấu tạo cơ thể của con người không có móng vuốt và không có răng bén nhọn chom chồm. Nếu con người ăn thịt thú cầm là do dục vọng muốn tìm khẩu vị khác lạ mà thôi.

Vậy con người ăn thảo mộc là thuận Thiên ý, nhờ đó con người mới tiến hóa nhanh. Còn ăn thịt động vật là do dục vọng của con người bày đặt thêm ra, trái với Thiên ý, nên nó trì kéo con người chậm bước tiến hóa.

Việc sát hại sanh mạng của con thú để làm thức ăn nuôi sống thân ta tạo thành một oan nghiệt. Hồn con thú ấy chờ khi ta chết, sẽ đến đòi mạng và kéo níu chơn thần chúng ta không cho siêu thăng về cõi thiêng liêng.

Còn việc sát hại loài thảo mộc để làm thức ăn nuôi sống thân ta, thì ta sẽ lấy xác thân ta khi chết để làm thức ăn cho thảo mộc, sự vay trả như thế là đồng đều, nên không tạo ra oan nghiệt.

6) Ăn chay có được phép ăn bù vào ngày khác không?

Hôm nay là ngày mừng 8 nhằm ngày ăn chay, nhưng vì tiệc tùng với người đời hay vì bạn bè nài ép, nên ăn mặn, rồi qua ngày hôm sau, ăn chay bù trở lại. Việc đó thế nào?

Chúng ta thấy rõ người ấy có tinh thần muốn ăn chay cho đúng các ngày theo luật định, nhưng vì một lý do vui vẻ nên không ăn được.

Như vậy là mình quá dễ dãi với sự đòi hỏi của xác thân, xem những lời nài ép của bè bạn quan trọng hơn lời Minh thế giữ gìn Luật Đạo của mình. Đó là một sai lầm.

Việc ăn chay bù là để vớt vát lại nhưng nó chứng tỏ lương tâm mình không thắng nổi sự lôi cuốn của dục vọng thể xác. Thể xác thì thúc đẩy mình ăn uống rượu thịt vui say, mình chiều theo nó là mình yếu kém hơn nó, đầu hàng nó. Từ sự thua nhỏ dần dần dẫn tới thua lớn, và vật dục sẽ làm trì trệ bước đường tiến hóa của mình, khiến chúng ta phải bị kẹt lại trong thời kỳ Chuyển thế, không kịp bước vào Nguơn Thánh đức.

9) Nhiều người ăn chay mà lời nói còn hung dữ quá! Hành động còn thâm độc quá! Tôi không cần ăn chay, miễn tôi làm lành làm phúc là đủ rồi.

- Quả đúng như vậy. Nhưng đâu phải vì họ ăn chay mà họ trở nên hung dữ và thâm độc. Chúng ta nên nghĩ rằng: Nếu họ không ăn chay thì họ còn hung dữ và thâm độc hơn gấp bội. Nhờ ăn chay mà họ đã bớt tánh hung dữ nhiều lắm rồi đó.

Họ là người mới tập tễnh bước vào đường tu, hoặc là kẻ giả tu không chừng. Nhưng ta so sánh với họ làm gì! So sánh với người kém hơn ta thì có ích lợi gì cho sự tiến hóa của ta, của linh hồn ta? Hay chỉ để thỏa mãn tánh ích kỷ, cống cao ngã mạn của ta? Chúng ta muốn dừng lại ở mức tiến hóa này, hay muốn tiến hóa cao hơn nữa?

Tại sao chúng ta không nhìn lên các bậc chơn tu có đầy đủ đức hạnh? Chúng ta cần phải học hỏi và bắt chước các vị ấy thì chúng ta mới tiến hóa nhanh được.

10) Ăn chay thì lòng phải chay là sao?

Chay, chữ Hán là trai nghĩa là trong sạch. Lòng chay là lòng trong sạch. Đó là lòng biết quý trọng đạo đức, bác ái và công bình. Nếu ăn chay mà lòng không chay, tức là không biết ý nghĩa của việc ăn chay, hay biết mà không tin tưởng, thì không khác chi người không tiền mua cá thịt, đành phải ăn tương rau dưa muối vậy thôi, đâu có ích lợi gì cho đường đạo đức!

IV. Giải thích vài từ ngữ đã dùng.

1. Sự tích Ngũ vị tân theo Phật giáo:

Bà Thanh Đề là mẹ của ông Mục Kiền Liên, khi đến chùa lễ Phật, không mang theo cúng phẩm nên các vị tăng tiếp khách đón tiếp lạnh nhạt. Trong lúc đó, những vị mang nhiều phẩm vật đến cúng chùa thì được các tăng đón tiếp niềm nở, trà nước đầy đủ. Bà Thanh Đề đem lòng oán giận, nên sau đó, bà làm một mâm bánh bao

nhum thịt mang đến cúng dường thì các tăng thấy vậy ra tiếp đón rất niềm nở, trà nước đầy đủ.

Khi các tăng báo cáo lên Hòa Thượng trụ trì, Hòa Thượng biết rõ sự việc nên cấm ngặt chư tăng không được dùng các bánh bao này và phải đem đổ bỏ sau chùa.

Thời gian sau, nơi chỗ đổ các bánh bao nhum thịt, mọc lên 5 thứ cây có vị cay nồng và hôi hám. Đó là 5 thứ cây: hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu. Hòa Thượng trụ trì cho đó là uế vật, cấm chư tăng không được dùng làm thức ăn vì chúng kích thích lòng dục và tánh nóng nảy của con người.

2. Tam hồn:

Theo luật tiến hóa của chúng sanh thì:

- Vật chất gồm đất, đá, nước, không khí được Thượng Đế tạo ra trước tiên, sau đó, vật chất tiến hóa lên thành loài thảo mộc, được Thượng Đế ban cho một phần hồn gọi là **Sanh hồn**, làm cho thảo mộc có sự sống.

- Kế đó, thảo mộc tiến hóa lên thành loài thú cầm thì Thượng Đế ban thêm cho nó một phần hồn nữa gọi là **Giác hồn** để tạo cho nó sự hiểu biết và bảo vệ sự sống.

Vậy loài thú cầm đã có được hai phần hồn là: Sanh hồn và Giác hồn.

- Sau cùng, loài thú cầm tiến hóa lên thành người nguyên thủy và được Thượng Đế ban thêm cho một phần hồn nữa gọi là **Linh hồn** để con người có sự sống, có sự hiểu biết, có sự suy nghĩ và có tánh linh.

Như vậy con người có được Tam hồn gồm: Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn. Linh hồn là quan trọng nhất vì nhờ nó mà con người linh hơn vạn vật.

3. Tam thể xác thân.

Về phương diện tu hành, trong thân thể của con người có ba thể gọi là Tam thể xác thân.

- Thứ nhất là **thể xác**, do cha mẹ phàm trần sanh ra và được nuôi dưỡng bằng thực phẩm phàm trần.

- Thứ nhì là **chơn thần**, tức là xác thân thiêng liêng, do Đức Phật Mẫu lấy nguyên khí nơi Diêu Trì Cung tạo thành. Chơn thần này làm khuôn mẫu cho thể xác và khi xuất ra khỏi thể xác thì lấy hình ảnh của thể xác. Trung tâm của chơn thần là não bộ và cửa xuất nhập của nó là lỗ ác, đạo gia gọi là Nê hoàn cung.

- Thứ ba là **chơn linh** hay **linh hồn**, do Đức Chí Tôn lấy một điểm linh quang của Thái Cực ban cho.

Chơn linh điều khiển chơn thần, chơn thần điều khiển thể xác. Chơn linh không trực tiếp điều khiển thể xác.

THỜ PHƯỢNG

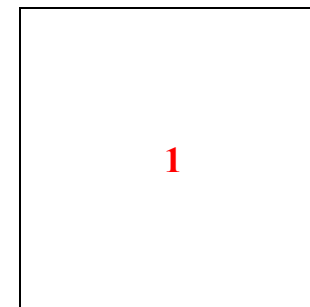
- Thiết lập Thiên bàn tại tư gia.
- Ý nghĩa cách sắp đặt trên Thiên bàn.
- Ý nghĩa Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi.
- Cách cắm nhang.
- Nghi tiết lễ Thượng tượng.
- Tính chất sự thờ phượng và nghi lễ.
- Lập bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ.
- Giải nghĩa Số văn.

I. Thiết lập Thiên bàn tại tư gia.

Khi đã nhập môn vào Đạo, người tín đồ cần phải lo thiết lập Thiên bàn tại tư gia của mình để thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

Trước hết phải chọn một chỗ trang trọng và tinh khiết nhất trong căn nhà của mình để thiết lập Thiên bàn, nhưng cũng nên lưu ý là nơi thiết lập Thiên bàn phải thuận tiện cho việc cúng kiếng của mình. Nếu lập ở nơi cao quá, mỗi lần rót nước đốt nhang cúng phải bắc thang leo lên; hay là ở phố lầu, thiết lập Thiên bàn ở tầng lầu cao nhất, nơi đó rất tinh khiết nhưng mỗi lần cúng phải đi lên mấy tầng lầu, thì việc cúng kiếng của mình có phần khó khăn, không được thường xuyên vì bản chất của con người mình với xác phàm vốn thường lười biếng.

Kế đó, chọn mua một cái khánh thờ, bên dưới có đóng bực tam cấp thì rất tốt. Kiểu khánh thờ này được nhiều người đạo ưa chuộng nên có đóng sẵn để bán nơi các cửa hàng đồ gỗ ở trong vùng có nhiều tín đồ Cao Đài.



CẤP I	4	2	3	(#1)
	6	8 7 9	5	
CẤP II	10	12	11	
CẤP III	Mỗ	Chuông		

1. Thánh tượng Thiên nhân.
4. Dĩa trái cây.
2. Đèn Thái Cực.
3. Bình bông.
6. Tách nước trà.
8. 7. 9. ba ly rượu.
5. Tách nước trắng.
10. và 11.: Cặp đèn Lưỡng Nghi.
12. Lư hương.

Đó là 12 món bắt buộc phải sắp đủ trên Thiên bàn.

Phía dưới Thiên bàn đặt: 1 cái mõ và 1 cái chuông.

Liên lạc với ông Chánh Trị Sự của Hương đạo mình để nhờ ông thỉnh một tấm Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi để thờ. Tấm Thánh tượng này do Hội Thánh in ra và được Hội Thánh trần Thần trước khi phát ra cho bốn đạo thỉnh về thờ tại tư gia.

Cách sắp đặt các món trên Thiên bàn như hình vẽ kế bên.

Không kể chuông và mõ, trên Thiên bàn có tất cả 12 món, sắp đặt theo hình chữ CHỦ (chữ Nho) 主. Chủ là làm chủ, còn đọc là Chúa: Chủ tể càn khôn vũ trụ, làm Chúa chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

1
4-----2-----3
6-8-7-9-5
10-----12-----11

(#1)

Trong Đạo Cao Đài thường dùng số 12 để chỉ những gì thuộc Đức Chí Tôn, vì số 12 là số riêng của Thầy.

Về sự thờ phượng, Đức Chí Tôn dạy như sau:

"Phần nhiều trong các con chẳng để lòng thờ kính Thầy, tưởng cho đem thờ Thầy vào nhà là chủ ý cầu một việc lợi riêng chi cho gia quyến vậy thôi, chớ chẳng hiểu là một nguồn trong sạch để rửa các lỗi phạm tục của các con.

Nhiều đứa lại còn mờ hồ, đã thờ Thầy mà chưa chắc ý rằng thờ đặng chi và mở Đạo có ích gì?

Than ôi! Đã bước chân vào đường đạo hạnh mà chẳng để công tìm kiếm học hỏi cho rõ ngọn nguồn thì làm phận sự môn đệ như thế có ích chi cho nền Thánh giáo đâu?" (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 70)

II. Ý nghĩa cách sắp đặt trên Thiên bàn:

1. Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi:

(Xem mục III: Ý nghĩa Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi).

2. Đèn Thái Cực:

Đèn Thái Cực tượng trưng ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn. Ngôi Thái Cực là một khối Đại linh quang, là

khởi điểm của càn khôn vũ trụ, mà mỗi linh hồn của chúng ta là một điểm Tiểu linh quang chiết ra từ khối Đại linh quang ấy.

Đèn Thái cực phải luôn luôn được đốt sáng, dầu có cúng hay không cúng, vì đèn Thái Cực còn tượng trưng cho cái tâm của ta, đó là ngọn tâm đăng nên phải đốt sáng luôn luôn cho cái tâm của ta thường sáng.

Bồn đạo trong nước Việt Nam chúng ta từ lâu nay đã dùng đèn dầu làm đèn Thái cực, nhưng đối với các bạn đạo đang ở các nước tiên tiến như Mỹ, Úc, Âu châu, nơi đây chánh quyền cấm sử dụng đèn dầu vì phòng ngừa hỏa hoạn, nên bồn đạo nơi đó phải dùng đèn điện làm đèn Thái cực. Đèn dầu hay đèn điện đều có trong đó đủ cả âm dương, nhưng điều quan trọng là tạo ra một đốm lửa thường sáng để tượng trưng Thái cực, chúng ta phải chăm sóc thường xuyên, khi tắt thì sửa chữa và đốt lại ngay.

"Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn khôn thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra càn khôn thế giới." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 140)

3. Cặp đèn Lưỡng nghi:

Cặp đèn Lưỡng nghi tượng trưng hai nghi Âm và Dương do Thái Cực biến hóa tạo ra. Hai nghi đó là Dương quang và Âm quang.

Khi cúng Đức Chí Tôn thì đốt lên cặp đèn Lưỡng nghi, cúng xong thì tắt, còn đèn Thái Cực thì phải đốt sáng luôn luôn.

Chúng ta từ lâu nay đã dùng đèn dầu hay đèn sáp làm cặp đèn Lưỡng nghi, nhưng đối với các bạn đạo

đang ở các nước tiên tiến như Mỹ, Âu châu, Úc châu, họ bị cấm không được dùng đèn dầu, nên phải dùng hai bóng đèn điện làm cặp đèn Lưỡng nghi.

Cặp đèn Lưỡng nghi, dùng đèn dầu hay đèn điện đều được, miễn là hai đèn đó phải cùng cỡ và có độ sáng như nhau.

[Nếu dùng đèn điện làm cặp đèn Lưỡng nghi, chúng ta dùng 2 bóng đèn tròn lớn 220V-60W, ghép nối tiếp, dây nối luồn vào bên trong chân đèn, rồi nối với nguồn điện 220V qua một công tắc điện. Đèn sẽ cháy hơi lu nhưng rất bền, không đứt, vì mỗi bóng chỉ chịu điện thế 110V.

Còn bóng đèn dùng làm đèn Thái cực thì mua bóng nhỏ 220V-3W kiểu trái ớt, ghép nối tiếp với một diode nhỏ 220V, nó cháy lu nhưng rất bền, không đứt dù nguồn điện lên xuống bất thường. Không được dùng bóng đèn chớp chớp]

4. Ba ly rượu:

Khi cúng, dùng rượu trắng tinh khiết rót vào 3 ly, mỗi ly rót 3 phân rượu.

Rượu tượng trưng KHÍ, mà Khí là chơn thần.

Đức Chí Tôn dùng rượu tượng trưng chơn thần của chúng ta là muốn chơn thần của chúng ta cường liệt như rượu mạnh vậy.

Tại sao chỉ rót 3 phân rượu vào mỗi ly?

Khi cúng đàn tại Thánh Thất, ly rượu do lễ sĩ dâng lên phải rót đủ 9 phân rượu là tại sao?

Ba ly rượu đặt hàng ngang trên Thiên bàn có ý nghĩa giống như 3 cây nhang cắm hàng ngang trong lư hương (Án Tam tài), là để tượng trưng Tam tài: Thiên, Địa, Nhơn (Trời, Đất, Người).

Ly rượu giữa tượng trưng Trời, 3 phân rượu tượng trưng Tam bửu (3 báu) của Trời là: Nhật, Nguyệt, Tinh.

Ly rượu bên tách trà tượng trưng Đất, 3 phân rượu này tượng trưng Tam bửu của Đất là: Thủy, Hỏa, Phong.

Ly rượu bên tách nước trắng tượng trưng Người, 3 phân rượu tượng trưng Tam bửu của Người là: Tinh, Khí, Thần.

Khi lễ sĩ dâng ly rượu và nhạo rượu lên trong lễ cúng Tiểu đàn hay Đại đàn tại Thánh Thất, ly rượu này có 9 phân rượu, vì số 9 (do ba số 3 cộng lại) là số căn bản của Thiên Địa Nhơn:

- Trời có trên hết là Tam thập lục Thiên (36 tầng trời), phía dưới có Cửu Trùng Thiên (9 tầng trời). Số 36 là bội số của số 9 căn bản ($36 = 9 \times 4$). - Đất có Thất thập nhị Địa (72 địa cầu). Số 72 là bội số của 9 ($72 = 9 \times 8$). - Người thì có Cửu khiếu (9 lỗ), khi tu hành thì tiến hóa lên Cửu phẩm Thần Tiên (9 bậc: 3 bậc Thần, 3 bậc Thánh, 3 bậc Tiên) cũng lấy số 9 làm căn bản.

Và lại, theo Số học, ba số: 36, 72, 9 có ước số chung nhỏ nhất là 3, có ước số chung lớn nhất là 9, cho nên, trước khi cúng thì rót 3 phân rượu, đến khi dâng Tam bửu thì rót đủ 9 phân rượu, có ý nghĩa như vừa trình bày. (Bội số là số lớn hơn nhiều lần, Ước số là số nhỏ hơn nhiều lần).

5. Tách nước trắng và nước trà:

- Tách nước trắng, đặt bên tả của Thiên bàn, tượng trưng Dương. Chúng ta dùng nước thiên nhiên như: nước mưa, nước giếng, nước sông, nước phong tên. Các thứ nước này chỉ cần lọc cho tinh khiết, trong suốt, không nầu sôi.

- Tách nước trà, đặt bên hữu Thiên bàn, tượng trưng Âm. Nên dùng loại trà tốt, thơm tho.

Khi rót nước trắng hay trà, phải rót cho đủ 8 phân.

Hai tách nước trắng và nước trà, tượng trưng Âm Dương, nên thường gọi chung là hai tách nước Âm Dương.

Nước trà còn có một ý nghĩa khác: nước trà tượng trưng THẦN, một trong Tam bửu của con người. Thần là chơn linh, linh hồn. Đức Chí Tôn dùng trà tượng trưng chơn linh là muốn chơn linh của ta điều hòa như trà vậy.

Tại sao rót 8 phân nước Âm Dương?

Tách có 8 phân nước trắng tượng trưng 8 lượng của Nghi Dương, tách có 8 phân nước trà tượng trưng 8 lượng của Nghi Âm. Hai tách nước âm dương hiệp lại tượng trưng 16 lượng, tức là 1 cân, số 1 tượng trưng Thái cực. (1 cân = 16 lượng)

Vậy, đèn Thái cực và hai tách nước âm dương tượng trưng Thái cực phân Lưỡng nghi, theo quan niệm về vũ trụ của người đông phương, cũng là quan niệm của Đạo Cao Đài.

Mặt khác, nước trà tượng trưng Thần tức là linh hồn của chúng ta. 8 phân nước trà tượng trưng Bát phẩm chơn hồn đầu kiếp xuống cõi trần làm chúng sanh. Còn 8 phân nước trắng tinh khiết tượng trưng Bát công đức thủy trong Ao Thất bửu nơi CLTG cõi thiêng liêng. (8 công đức của nước trong Ao Thất bửu là: lắng sạch, trong mát, ngọt ngon, nhẹ dịu, nhuận trơn, an hòa, uống vào thì hết đói khát lo âu, bổ khỏe các căn của xác thân).

Hai tách nước trà và nước trắng này sau khi cúng xong có thể được Chúc sắc đổ chung lại với nhau để hành pháp luyện thành Cam lồ thủy, dùng trong các bí tích: phép xác để tẩy trừ chơn thần cho được trong sạch nhẹ nhàng, và phép giải bệnh để tẩy các trược khí trong cơ thể người bệnh.

Tóm lại, tất cả những món đặt trên Thiên bàn đều có tính cách tượng trưng, để nói lên quan niệm về giáo lý và triết lý của Đạo Cao Đài.

* Cái quan trọng của hai tách nước âm dương là ở chỗ nước trà và nước trắng, chớ không phải ở cái tách hay cái chung đựng nó; tách có quai hay không quai, bằng sành sứ, nhựa hay thủy tinh đều dùng được cả.

* Tương tự như thế, cái quan trọng của ba ly rượu là ở chất rượu tinh khiết, chớ không phải nơi cái ly hay cái chung đựng rượu. Cái ly ấy có thể thấp hay có chùn cao, làm bằng ngọc quỳnh, sành, sứ, thủy tinh hay bằng nhựa, kể cả bằng kim loại, đều dùng được cả.

* Cũng tương tự như thế, cái quan trọng của đèn Thái cực là tạo ra một đốm lửa thường sáng để tượng trưng Thái cực, chớ không phải ở chỗ cái đèn làm bằng chất gì, đốt bằng dầu hay bằng điện. Cho nên các bạn đạo ở các nước Âu Mỹ dùng đèn điện làm đèn Thái cực, thiết nghĩ không có gì là sai trái.

6. Bình hoa:

Nếu chúng ta tìm đủ 5 sắc hoa tươi cắm vào bình thì rất tốt, vì bài thài Dâng hoa có câu: *Năm sắc hoa tươi xin kính lễ*. Nếu không đủ 5 sắc hoa tươi thì dùng mấy sắc hoa cũng đều tạm được. Năm sắc hoa dùng để tượng trưng Ngũ hành và Ngũ tạng của ta:

Màu hoa: Trắng Vàng Xanh Đỏ Đen

Ngũ hành: KIM THỔ MỘC HỎA THỦY

Ngũ tạng: Phế Tỳ Can Tâm Thận

Các hoa màu trắng, vàng, xanh, đỏ dễ tìm, nhưng không có hoa màu đen, nên dùng hoa màu sậm thế vào như hoa màu tím sậm hay đỏ sậm.

Năm sắc hoa tượng trưng Ngũ tạng, tức là tượng trưng cho thân thể của ta, mà thân thể của ta là TINH (một trong Tam bửu: Tinh, Khí, Thần).

Dùng Hoa tượng trưng thân thể ta vì Đức Chí Tôn muốn thấy xác thân của chúng ta tốt đẹp như cái hoa.

7. Dĩa trái cây:

Nếu có đủ 5 thứ trái cây (Ngũ quả) thì rất tốt. Ngũ quả là kết quả của các sắc hoa nên tượng trưng kết quả của việc tu hành của chúng ta.

[Chúng ta cần lưu ý là: Không được dùng trái cây giả hay bông hoa giả làm bằng nhựa để chưng cúng trên Thiên bàn, mà phải dùng bông hoa thật và trái cây thật].

Vậy, ba món trên Thiên bàn: Hoa, Rượu, Trà có ý nghĩa tượng trưng Tam bửu của con người:

- Hoa tượng trưng Tinh, tức là thể xác của ta.
- Rượu tượng trưng Khí, tức là chơn thần của ta.
- Trà tượng trưng Thần, tức là linh hồn của ta.

8. Lư hương:

Lư hương là đồ dùng bằng sành hay bằng thau, trong đó đựng tro, để cắm nhang.

Khi cúng Đức Chí Tôn thì ta đốt 5 cây nhang cắm vào lư hương này. (không bao giờ đốt 3 cây hương)

III. Ý nghĩa Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi:

1. Thiên Nhân:

Trên Thánh tượng có vẽ một con mắt trái ở trên cao hơn hết để thờ, gọi là Thiên Nhân, nghĩa là con mắt của Trời. Con mắt này hiện ra trong mây, phát ra các tia hào quang chung quanh.

Thờ Thiên Nhân có nhiều ý nghĩa sau đây:

- Chỉ vẽ 1 con mắt (chớ không vẽ một cặp mắt) vì chỉ có 1 Thượng Đế, chỉ có 1 Thái Cực. Khí Hư Vô sanh ra có 1 Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

- Vẽ con *mắt trái*, vì bên trái thuộc Dương, Đức Chí Tôn là chủ Dương quang nên mắt trái tượng trưng Đức Chí Tôn.

- Phải vẽ con *mắt mở* để chỉ rằng Đức Chí Tôn thấy rõ tất cả, biết rõ tất cả, không có gì giấu giếm được Trời. Câu nói: Hoàng Thiên hữu nhãn hay Trời cao có mắt, đều ở trong ý nghĩa ấy. Trong Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế có câu: *Càn kiện cao minh, Vạn loại thiện ác tất kiến*. Nghĩa là: Càn là Trời, ngôi Càn mạnh mẽ cao tột, sáng tỏ, ắt hẳn thấy rõ điều thiện điều ác của muôn loài.

- Thờ Thiên Nhân có ý nghĩa đại đồng. Bất cứ sắc dân nào, dân tộc nào cũng biết vẽ con mắt để thờ, nên hình con mắt không có tính cách phân biệt quốc gia, chủng tộc, nên có tính chất chung, tức là đại đồng.

Như Phật giáo vẽ hình Đức Phật Thích Ca để thờ với hình dáng người Ấn Độ; Thiên Chúa giáo vẽ hình Đức Chúa Jêsus với hình dáng người Do Thái, nên có tính cách phân biệt về dân tộc, thờ người ngoại quốc, v.v.... Vẽ hình con mắt để thờ thì tránh được các ý tưởng phân biệt trên.

Hơn nữa, Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ của toàn cả chúng sanh, không riêng cho một sắc dân nào. Khi thờ con mắt là Đức Chí Tôn muốn cho nhơn loại không còn phân biệt nhau về quốc gia hay chủng tộc, nhìn nhau là anh em một nhà, đều là con cái của Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.



(Hình Thánh tượng Thiên Nhân và Ngũ Chi)

- Ý nghĩa thiêng liêng:

Đức Chí Tôn có dạy trong TNHT, ngày 13-1-Bính Dần (dl 25-2-1926), với 5 câu chữ Nho, chép ra như sau:

Nhân thị chủ tâm, 眼 是 主 心
 Lưỡng quang chủ tể, 兩 光 主 宰
 Quang thị Thần, 光 是 神
 Thần thị Thiên, 神 是 天
 Thiên giả Ngã dã. 天 者 我 也

Giải nghĩa văn tắt:

* Con mắt là chủ của cái tâm, Thiên nhân là chủ của Thiên tâm, mà Thiên tâm là Thái Cực là Đại Linh quang, nên Trời là chủ của Thái Cực.

* Hai ánh sáng là chúa tể. Lưỡng quang ấy là Lưỡng nghi: Âm quang và Dương quang, nên làm chủ tất cả.

* Ánh sáng ấy là Thần. Thần này là chơn linh của ông Trời, tức là Đại Linh quang của Đức Chí Tôn.

* Thần ấy là Trời.

* Trời ấy là Ta vậy.

Vậy, thờ Thiên Nhân là thờ Trời.

2. Ngũ Chi:

Phía dưới Thiên Nhân là một ngôi sao lớn, đó là sao Bắc đẩu, trung tâm của CKVT. Đây là nơi ngự của Đức Chí Tôn nên phải vẽ Thiên Nhân ngay phía trên sao Bắc đẩu.

Hai bên sao Bắc đẩu có vẽ mặt trời và mặt trăng. Hợp lại là Nhật, Nguyệt, Tinh. Đó là Tam bửu của Trời.

Các Đấng ngồi bên dưới kê ra từ trên xuống dưới:

- **Đức Phật Thích Ca** ngồi giữa, đắp y vàng, ngồi kiết già trên tòa sen, là Giáo chủ Phật giáo.

- **Đức Lão Tử**, ngồi bên tay mặt của Đức Phật Thích Ca, mặc áo đạo màu xanh, tay cầm phát chú, râu bạc trắng, đầu để trần. Ngài là Giáo chủ Tiên giáo.

- **Đức Không Tử**, ngồi bên tay trái của Đức Thích Ca, mặc áo đạo màu hồng, râu bạc trắng, đầu đội mũ. Ngài là Giáo chủ Nho giáo.

Như vậy, ở hàng ngang này là hình của Ba Đấng Giáo chủ Tam giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

- **Đức Lý Thái Bạch**, ngồi hàng giữa, ngay phía dưới Đức Phật Thích Ca, có râu dài và đen, đầu đội mũ cánh chuồng. Ngài là một vị Đại Tiên Trưởng, giữ chức Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Lão Tử, cầm quyền Tiên giáo thời ĐĐTKPD. Đức Lý Thái Bạch còn được Đức Chí Tôn giao phó kiêm nhiệm Giáo Tông ĐĐTKPD.

- **Đức Quan Thế Âm Bồ Tát**, ngồi phía tay mặt của Đức Lý Thái Bạch, là vị Nữ Phật ngự trên tòa sen, đắp y màu vàng, đầu đội mũ ni, tay mặt cầm tịnh bình có nhánh dương liễu, tay trái bắt ấn. Ngài là Nhị Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Phật Thích Ca, cầm quyền Phật giáo thời ĐĐTKPD.

- **Đức Quan Thánh Đế Quân**, ngồi phía tay trái của Đức Lý Thái Bạch, ngài đội mũ, mặc áo đạo màu xanh, râu dài và đen, tay trái đang lật xem quyển Kinh Xuân Thu. Ngài là Tam Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Không Tử, cầm quyền Nho giáo thời ĐĐTKPD.

Ba Đấng: Lý Thái Bạch, Quan Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân, là Tam Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao Đài, cầm quyền Tam giáo thời ĐĐTKPD.

- **Đức Chúa Jêsu** (Gia Tô Giáo chủ), ngồi hàng giữa, ngay dưới Đức Lý Thái Bạch, tóc đen, râu ngắn đen, tay mặt chỉ trái tim bác ái tỏa hào quang. Ngài là Giáo chủ của Thiên Chúa giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

- **Đức Khương Thượng Tử Nha**, ngồi hàng giữa, ngay phía dưới Đức Chúa Jêsu, không đội mũ, râu bạc trắng, mặc áo bát quái màu vàng, tay mặt cầm cây roi Đả Thần (Đả Thần tiên), tay trái cầm cây Hạnh Huỳnh kỳ. Ngài cầm Bảng Phong Thần, đứng đầu Thần vị.

- **Bảy cái ngai**, đặt phía dưới các Đấng, sơn son thếp vàng: ngai giữa lớn nhất là ngôi Giáo Tông, 3 ngai kế dưới dành cho 3 vị Chương Pháp ba phái Thái Thượng Ngọc, 3 ngai kế dưới nữa dành cho 3 vị Đầu Sư ba phái. Bảy ngai này tượng trưng 7 Chức sắc cao cấp nhất của CTĐ cầm quyền Đạo Cao Đài trong cơ phổ độ nhơn sanh của Đức Chí Tôn.

Chúng ta đã thấy, các Đấng ngồi theo hàng ngang thì cầm quyền Tam giáo, thời Nhị Kỳ Phổ Độ và thời Tam Kỳ Phổ Độ, còn các Đấng ngồi ở giữa, theo hàng dọc từ trên xuống dưới là:

- Đức Phật Thích Ca tượng trưng *Phật đạo*,
- Đức Lý Thái Bạch tượng trưng *Tiên đạo*,
- Đức Chúa Jêsu tượng trưng *Thánh đạo*,
- Đức Khương Thượng tượng trưng *Thần đạo*.
- 7 cái ngai của 7 Chức sắc cao cấp nhất của CTĐ tượng trưng *Nhơn đạo*.

Vậy theo hàng giữa này, 4 Đấng ấy và 7 cái ngai tượng trưng **Ngũ Chi Đại Đạo**: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.

Do đó, Thánh tượng Thiên Nhân trên được gọi là: Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi.

Sự trình bày Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi của Đạo Cao Đài gồm đủ các Đấng Giáo chủ các tôn giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ và Tam Trấn Oai Nghiêm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nói lên tôn chỉ của Đạo Cao Đài là: Tam giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.

Hai bên Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi trên Thiên bàn thường có cần đôi liên chữ Nho, viết ra sau đây:

幸遇高臺傳大道
好逢玉帝御塵間

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

Đôi liên này là cặp trạng trong bài thi của Đức Chí Tôn có in trong TNHT, nghĩa là:

- May mắn gặp được Đức Cao Đài truyền ra nền Đại Đạo,
- Tốt đẹp thay gặp Đấng Thượng Đế giảng xuống cõi trần.

IV. Cách cắm nhang:

Khi chưa đốt gọi là Nhang, khi đốt rồi thì gọi là Hương, vì khói nhang tỏa mùi thơm.

Phân Tiểu Dẫn: Cách thờ phượng và cúng kiếng, nơi phân đầu của quyền Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Hội Thánh viết như sau:

Khi cúng Thầy, phải đốt cho đủ năm cây hương, cắm hàng trong ba cây gọi là Án Tam Tài, thêm hàng ngoài hai cây nữa gọi là Tượng Ngũ Khí.

THIÊN NHÂN
— 2 1 3 +
 4 5

Thứ tự cắm 5 cây hương:

Thứ tự cắm 5 cây hương giống như khi chúng ta lấy dấu: Phật, Pháp, Tăng, cúng Đức Chí Tôn.

Án Tam Tài: Án là đứng hàng ngang. Tam Tài là: Thiên, Địa, Nhơn. Án Tam Tài là ba ngôi Thiên Địa

Nhơn đứng hàng ngang. Cắm cây hương 1 tượng trưng Thiên, cắm cây hương 2 bên phía mặt của bàn thờ thuộc âm, tượng trưng Địa, cắm cây hương 3 bên phía trái bàn thờ thuộc dương tượng trưng Nhơn.

Tượng Ngũ Khí: Cắm thêm ở hàng ngoài hai cây hương 4 và 5, tất cả là 5 cây hương, tượng Ngũ Khí tức là tượng trưng 5 chất Khí, là 5 cái năng lực khởi đầu của vũ trụ. Ngũ Khí là 5 chất khí nên không hình ảnh, thuộc thời Tiên Thiên, nhưng khi ngưng kết lại thì có hình ảnh, thuộc thời Hậu Thiên, tạo thành Ngũ Hành.

Khi đứng trước bàn thờ nhìn vào lư hương, thấy đủ 5 cây hương, không có cây nào bị che khuất là đúng.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích như sau:

"Nói về năm cây nhang, từ thờ Bàn đạo để cho các Nho gia tự do giảng giải sao thì giảng, còn Bàn đạo hiểu rõ là Ngũ Khí. Chỉ Tôn dùng Ngũ Khí biến thành Ngũ Hành, vận chuyển càn khôn thế giới, tức là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Mỗi chất đều có mỗi sắc, mỗi sắc đều có mỗi Khí. Mùi vị và sanh quang của nó, chúng ta không thể hưởng được, nghe được.

Nên chi, khi làm lễ đốt đủ Năm cây hương là đúng theo phép tín ngưỡng, là qui pháp lại, mọi vật trong Ngũ Khí dâng lễ cho Đức Chí Tôn, chỉ có Người vui hưởng qui pháp ấy mà thôi. Cắt nghĩa rõ rệt ra là Ngũ Khí đó vậy. Đứng hơn nữa là trong Bát hồn vận chuyển được phải nhờ đến Ngũ Khí, cùng một ý nghĩa với: Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn."

Vậy Năm cây hương này là lễ hiến Ngũ Khí dâng lên Đức Chí Tôn. Do đó, không bao giờ được dùng nhang giả (nhang điện) cắm vào lư hương.

V. Nghi tiết lễ Thượng tượng:

Thượng tượng là đem bức Thánh tượng Thiên Nhân đặt lên bàn thờ để thờ phượng Đức Chí Tôn.

Chủ nhà liên lạc với vị Chánh Trị Sự hương đạo của mình để nhờ ông sắp đặt Lễ Thượng tượng nơi nhà mình, ấn định ngày giờ cuộc lễ và mời các Chức việc Bàn Trị Sự. Sau đó chủ nhà đến Thánh Thất thỉnh vị Lễ Sanh do Hội Thánh bổ nhiệm cầm quyền đạo tại địa phương đến khai đàn chứng lễ Thượng tượng.

Tùy theo sự sắp đặt của Bàn Trị Sự, lễ Thượng tượng có thể tổ chức vào giờ Ngọ (12 giờ trưa) hay giờ Dậu (6 giờ chiều).

Chuẩn bị: Sớ văn đề trên cái đĩa, đặt kế lư hương và một bó 5 cây nhang lấy chỉ cột lại.

Kiểm tra: bông, rượu, trà, nước trắng, cho đầy đủ.

Tất cả chia ra đứng hai bên Thiên bàn, nam tả, nữ hữu (từ Thiên bàn ngó ra). Chức sắc đứng trước, kế là Chức việc BTS, Đạo hữu, chủ nhà và gia quyến đứng chót.

Lễ Thượng tượng diễn ra như sau:

1. Gõ 3 tiếng chuông (↓↓↓): khởi lễ. Tất cả đều bắt ấn Tý.
2. Xá đàn 1 xá, tất cả bước vào đứng trước Thiên bàn.
3. ↓↓↓ Xá 3 xá, quì xuống. Người phụ lễ đốt bó nhang 5 cây trao cho vị Lễ Sanh chứng đàn.
4. ↓ Lấy dẫu: *Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng.*

Đem ấn Tý đặt giữa ngực, vừa cúi đầu vừa niệm:

- *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*
- *Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát,*
- *Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD,*
- *Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế QuanThánh Đế Quân*
- *Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.*

(mỗi câu niệm, gõ 1 tiếng chuông, cúi đầu)

5. Đồng nhi khởi tụng kinh Niệm Hương.

Dứt kinh, Chức sắc chứng đàn trao bó hương 5 cây cho phụ lễ đem cắm vào lư hương, giữa 5 cây hương đã cắm trước.

Lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy. (mỗi lạy mỗi điểm chuông)

6. Đồng nhi tụng bài Khai Kinh.

Dứt kinh, ↓ cúi đầu, không lạy. Khi tụng danh hiệu của các Đấng, điểm 1 tiếng cho mọi người cúi đầu.

7. Đồng nhi tụng Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Dứt kinh, lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, giống mục 5.

8. Đồng nhi tụng Kinh Phật giáo.

Dứt kinh, lạy 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

9. Đồng nhi tụng Kinh Tiên giáo.

Dứt kinh, lạy 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.*

10. Đồng nhi tụng Kinh Nho giáo.

Dứt kinh, lạy 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.*

11. Đồng nhi thài bài Dâng Hoa.

Dứt thài, mọi người đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện: Dâng thể xác lên Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng. (Cách cầu nguyện dâng Tam bửu: Hoa, Rượu, Trà, xem chi tiết nơi Chương 5: Cúng Tứ thời)

↓ Lạy 1 lạy 4 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy.

12. Đồng nhi thài bài Dâng Rượu.

Y như mục 11 nhưng cầu nguyện Dâng chơn thần.

13. Đồng nhi thài bài Dâng Trà.

Y như mục 11 nhưng cầu nguyện Dâng linh hồn.

14. Dâng sớ: Người phụ lễ bưng đĩa sớ trên Thiên bàn trao sớ cho Lễ Sanh chứng đàn. Vị này cầm đứng bao sớ, xá 3 xá (có điểm chuông), cầu nguyện, rút lá sớ ra, đưa cho người đọc sớ. (Đọc sớ, đến chỗ danh hiệu các Đấng thì ↓ cúi đầu).

Đọc sớ:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(*Thất thập . . . niên*)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Thời duy, Thiên vận niên, ngoạt, nhựt, ngọ thời, hiện tại Việt Nam quốc, Trấn, Châu, , Tộc, Hương, cư trụ gia đường chi trung.

Kim đệ tử . . . (phẩm tước và Thánh danh của vị Lễ Sanh chứng đàn) công đồng chư Chức sắc hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đẳng qui tại Thiên bàn tiền, thành tâm trình tấu.

HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI:

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn,
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn,

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD,

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn,

Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn,

Thập phương chư Phật, vạn chương chư Tiên, liên đài chi hạ.

Kim vì, kiết nhứt lương thần, thỉnh an Thánh tượng chi lễ, chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi, thành tâm phụng hiến.

Cần thỉnh chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, chứng minh tọa hạ.

Phục vọng Vô Trung Từ Phụ, phát hạ hồng ân, chuyển hóa vi phước, tập kiết nghinh tường, bảo hộ gia đường (tên gia chủ xin thượng tượng) diên niên hạnh phước.

Ngưỡng nguyện Đại Từ Bi vận chuyển thể cuộc tạo đắc hòa bình, trật tự an ninh, quốc thái dân an, phong điều vũ thuận.

Chư Thiên phong hiệp dữ Chưc việc, Đạo hữu nam nữ đẳng thiết triêm Thiên ân gia huệ đã.

Chư đệ tử đồng thành tâm khẩu bái căn sở thượng tấu

Dĩ văn.

Đệ tử:

(phẩm tước và Thánh danh của vị Chưc sắc chứng đàn)

Đọc số xong, người đọc đưa số cho vị chứng đàn bỏ vào bao số, vị này cầm bao số xá 3 xá, đốt số bỏ vào thố, đem đặt giữa chuông và mõ dưới Thiên bàn.

Lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, niệm chú đầy đủ.

15. Đồng nhi tụng Ngũ Nguyên.

Dứt Ngũ nguyên, tuy đã có cầu nguyện theo số văn, nhưng vị chứng đàn có thể cầu nguyện thêm cho gia chủ (vì đây là sự khích lệ rất lớn lao đối với gia đình gia chủ).

Khi cầu nguyện thêm, vị chứng đàn nên cất tiếng cầu nguyện rõ ràng vừa đủ nghe để mọi người cùng nghe cùng dâng lời cầu nguyện lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, lời cầu nguyện có thể đặt ra như sau:

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,

Nam mô Tam Tông Chơn Giáo,

Nam mô Tam Trấn Oai Nghiêm,

Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

Hôm nay, đệ tử và Bàn Trị Sự Hương đạo đến khai đàn thượng tượng tại nhà của Đạo hữu
.....

Nguyên cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Tam Trấn Oai Nghiêm, chư Phật, Tiên, Thánh, Thần ban ân lành cho Đạo hữu và toàn gia quyến, tinh thần mẫn huệ, trí não quang minh, giữ lời Minh Thệ, gìn tròn luật Đạo, lập công bồi đức, giải quả tiền khiên, gọi hưởng Thiên ân trong kỳ ba đại ân xá.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, niệm chú đầy đủ.

16. Tất cả đều đứng dậy, ↓↓↓ xá 3 xá, lui ra hai bên.

(không có quay ra sau xá chữ Khí vì đây là tư gia)

17. Đồng nhi, ban nhạc và những người hầu đàn vào lạy Đức Chí Tôn.

18. Vị Chưc sắc chứng đàn có thể thuyết đạo ngắn gọn nói về ích lợi của việc Thượng tượng, việc cúng tứ thời và bổn phận của người tín đồ đối với Đạo.

19. **Bãi đàn:** đánh 3 tiếng chuông, xá đàn, lui ra, dứt lễ.

Sau đó, tất cả tập hợp trở lại để tụng:

- Di Lạc Chơn Kinh. - Kinh Cứu Khổ.

Trước khi tụng kinh, mọi người vào quì trước Thiên bàn, thỉnh Thánh, cầu nguyện, rồi bắt đầu tụng Di-Lạc Chơn Kinh. Tụng xong thì lạy, khởi cầu nguyện.

Tiếp theo là tụng Kinh Cứu Khổ.

Trong Kinh Cứu Khổ, chỗ: cứu hộ đệ tử. . . , nên tụng cầu nguyện cho chủ nhà và gia quyến, như sau: cứu hộ đệ tử . . . (tên họ chủ nhà) và gia quyến thoát ly khổ nạn, tự ngôn Quan Thế Âm an lạc . . .

Sau cùng, đồng nhi và chư vị hầu đàn vào cầu nguyện và lạy Đức Chí Tôn. Xong, đánh 3 tiếng chuông

bãi đàn, mọi người xá đàn 1 xá. Buổi lễ Thượng tượng đã xong.

Ở các hương đạo địa phương, thông thường thì BTS còn đến cúng thời cùng gia chủ trong hai ngày nữa, tới ngày thứ ba huân kinh, mới chấm dứt.

Ngày hôm sau, tức là ngày thứ nhì, BTS cử Chức việc đến cùng với chủ nhà cúng thời Ngọ (hoặc thời Dậu), không có dâng sớ, chỉ thái bài Dâng Rượu (nếu thời Dậu thì thái bài Dâng Trà). Cúng thời xong thì tụng Di Lạc Chơn Kinh và Kinh Cứu Khổ y như ngày hôm qua.

Ngày hôm sau nữa, tức ngày thứ ba, Chức việc cũng đến cùng thời với chủ nhà. Cúng xong thì tụng Kinh Di Lạc và Cứu Khổ y như hai lần trước, nhưng bữa thứ ba này, tụng thêm Kinh Sám Hối.

Như vậy, sau lễ Thượng tượng, Bàn Trị Sự tiếp tục đến nhà, hiệp cùng gia chủ, cúng thời và tụng kinh hai lần nữa để bắt trón cho gia chủ tiếp tục cúng trong Tứ thời trước Thiên bàn tại tư gia của mình.

VI. Tính chất của sự thờ phượng và nghi lễ.

Chúng ta đã thấy trên Thánh tượng Thiên Nhân - Ngũ Chi, Đạo Cao Đài trên hết là thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, kế dưới là thờ các Đấng Giáo chủ thời Nhị Kỳ Phổ Độ và thờ Tam Trấn Oai Nghiêm thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Tuy thờ như vậy nhưng khi đọc kinh cúng thì đọc kinh xưng tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Giáo chủ Phật giáo Nhứt Kỳ Phổ Độ; kinh Tiên giáo thì xưng tụng Đức Thái Thượng Đạo Quân Giáo chủ Tiên giáo Nhứt Kỳ Phổ Độ và hóa thân của Ngài là Lão Tử thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Như vậy, sự thờ phượng phối hợp với kinh kệ của Đạo Cao Đài có tính chất xuyên suốt từ Nhứt Kỳ, qua Nhị Kỳ rồi đến Tam Kỳ Phổ Độ. Đây là thời kỳ Vạn thù qui nhứt bản mà hai thời kỳ trước là Nhứt bản tán vạn thù.

Đôi khi có một số người hiểu lầm cho rằng, Đạo Cao Đài là một tôn giáo hỗn tạp, không thuần nhứt trong cách thờ phượng và trong kinh kệ. Quả thật, nếu chúng ta chỉ nhìn riêng lẻ từng tôn giáo và từng thời kỳ phổ độ, chúng ta sẽ có kết luận như thế, nhưng nếu chúng ta có cái nhìn tổng quát xuyên suốt từ đầu đến cuối, thì thấy trong cái hỗn tạp đó, có một cái trật tự do Đấng Thượng Đế sắp đặt. Đấng Thượng Đế lâu nay không nói ra, để tự con người tìm tòi hiểu biết, nhưng con người vẫn vô minh.

Ngày nay, Đấng Thượng Đế lập Đạo Cao Đài trong thời kỳ cuối cùng trước khi đến Đại Hội Long Hoa, Đấng Thượng Đế phơi bày ra tất cả, để nhơn loại hiểu biết nguồn gốc của mình đều là con của Thượng Đế, nhìn nhau là anh em một nhà. Còn các Đấng Giáo chủ các tôn giáo chỉ là những vị lãnh lĩnh Đấng Thượng Đế giảng trần mở đạo dạy dỗ nhơn sanh trong khu vực và thời hạn qui định.

Hiểu như vậy để tiến tới sự hòa đồng các tôn giáo, trước khi Đức Di-Lạc Vương Phật giảng trần gom các đạo hữu hình làm một dưới quyền chương quản của Ngài.

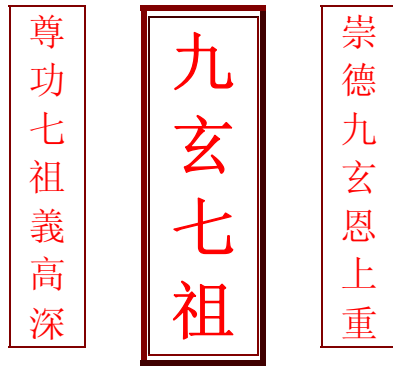
VII. Lập bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ:

Sau khi lập Thiên bàn thờ Đức Chí Tôn rồi, gia chủ nên lập thêm bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ tại nhà mình.

Thường thì bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ thiết lập gần bên Thiên bàn cho thuận tiện việc cúng kiếng.

Nếu trong nhà đã có sẵn bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ (CHTT) hay bàn thờ Tổ Tiên rồi thì nên chỉnh đốn cho đúng theo khuôn mẫu của Đạo lập nên.

Ngoài ra, khi lập Thiên bàn rồi thì những bàn thờ nhỏ trước đây như: bàn thờ Đức Quan Thánh, bàn thờ Đức Quan Âm Bồ Tát, bàn thờ Đức Mẹ Sanh, v.v... thì nên dẹp hết, vì trên Thiên Bàn đã có thờ đủ các Đấng ấy rồi.



(Nếu cha mẹ đã mất thì có thể đặt hình của cha mẹ dưới Cửu Huyền Thất Tổ để thờ chung)

Chúng ta thờ Đức Chí Tôn vì Đức Chí Tôn là nguồn gốc thiêng liêng của linh hồn của ta.

Chúng ta thờ Cửu Huyền Thất Tổ vì CHTT là nguồn gốc phàm trần của xác thân ta.

Chúng ta hiện diện trong cõi đời hiện tại đây là do hai nguồn gốc đó, nên chúng ta phải phụng thờ đầy đủ.

Bàn thờ CHTT có viết chữ Cửu Huyền Thất Tổ bằng chữ Nho đại tự, 4 chữ thẳng đứng, hai bên có đôi liễn thờ.

Xin đề nghị đôi liễn sau đây, tùy nghi gia chủ sử dụng, hoặc đổi đôi liễn khác. (Đôi liễn này tại Bùi Phú Từ).

Đôi liễn:

- *Sùng đức Cửu Huyền ân thượng trọng,*
- *Tôn công Thất Tổ nghĩa cao thâm.*

Nghĩa là:

- Kính cái đức độ của Cửu Huyền, ơn cao trọng,
- Tôn cái công nghiệp của Thất Tổ, nghĩa cao sâu.

Cách chưng bày các món trên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, lấy theo mẫu bàn thờ PHƯỚC LỘC THỌ (thờ ông bà chung) nơi hậu điện Báo Ân Từ:

2	1	3
	4	5
6	8	7

1 Đèn vọng.

2 Dĩa trái cây.

3 Bình bông.

4 Chưng nước trà

5 Ly rượu.

6 và **7** Cặp đèn nghi.

8 Lư hương (cắm 3 cây hương).

Thờ cúng Cửu Huyền, ý nghĩa: mình là cháu 9 đời, thờ các bậc Tổ Tiên 9 đời trước mình.

Thờ CHTT là để tỏ lòng kính trọng Tổ Tiên mà trong buổi sanh tiền đã dày công giáo hóa, chỉ dẫn công việc làm ăn, dạy bảo cử chỉ hành động sao cho tốt đẹp, hợp đạo đức, để phát huy sự nghiệp làm rạng rỡ Tổ Tiên.

Sau đây là bảng giải thích Hệ thống Cửu Huyền (9 đời) và Thất Tổ (7 vị Tổ) của dòng họ:

Hệ Thống CỬU HUYỀN:

1. Ông Sơ của Ông Sơ	(Cao Cao Tổ)	Thất tổ	} THẤT TỔ
2. Ông Cố của Ông Sơ	(Cao Tăng Tổ)	Lục tổ	
3. Ông Nội của Ông Sơ	(Viễn Tổ)	Ngũ tổ	
4. Cha của Ông Sơ	(Tiên Tổ)	Tứ tổ	
5. Ông Sơ	(Cao Tổ)	Tam tổ	
6. Ông Cố	(Tăng Tổ)	Nhị Tổ	
7. Ông Nội	(Nội Tổ)	Nhứt Tổ	
8. Cha	(Phụ thân)		
9. Bản thân			

VIII. Giải nghĩa Sớ văn:

Các bài văn sớ trong Đạo đều viết bằng Hán văn, tương đối khó hiểu, nên cần dịch nghĩa ra tiếng Việt.

Các bài văn sớ đều có phần đầu và câu cuối giống nhau, chỉ khác nhau phần giữa gọi là lòng sớ.

BÀI DỊCH:

Nay theo,

Vận Trời năm., tháng., ngày., giờ., hiện ở nước Việt Nam, Trấn đạo., Châu đạo., Tộc đạo., Hương đạo., đang tại nơi tư gia.

Nay đệ tử. cùng chung các Chức sắc, hiệp với các Chức việc và Đạo hữu nam nữ các cấp, quì trước Thiên bàn, thành tâm tâu bày:

TRONG CỬA HUỲNH KIM KHUYẾT CỐ:

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Đại Thiên Tôn,

Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

BA ĐẮNG GIÁO CHỦ TAM GIÁO:

- Đức Phật Thích Ca, - Đức Lão Tử, - Đức Khổng Tử.

BA TRẦN OAI NGHIÊM của ĐĐTKPD:

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát,

Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng, kiêm nhiệm

Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Đức Quan Thánh.

Đức Chúa Jésus,

Đức Khương Thượng Tử Nha,

Đức Hộ Pháp,

Mười phương chư Phật, muôn hạng chư Tiên, chư Thánh, chư Thần.(1)

(Phần lòng sớ:)

Nay vì ngày lành, giờ tốt, làm lễ thỉnh an Thánh tượng, chư Chức sắc Thiên phong nghiêm trang thiết lễ nơi đàn cúng tế, nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, lập nên nghi thức, thành tâm hiến lễ.

Kính thỉnh chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần chứng minh và ngự xuống.

Chúng con xin nghe theo và mong mỗi Đấng Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô ban xuống ơn huệ lớn lao, đổi họa làm phúc, góp tốt đón lành, bảo hộ gia đình. được hạnh phúc lâu dài.

Kính mong Đức Chí Tôn từ bi vận chuyển cuộc thế sớm được hòa bình, trật tự an ninh, nước thanh dân an, gió hòa mưa thuận.

*Các Chức sắc Thiên phong hiệp cùng Chức việc,
Đạo hữu nam nữ các cấp, xin được thăm nhuần ơn Trời,
gia tăng ơn huệ.*

(Câu cuối của sớ:)

*Các đệ tử đồng thành tâm cúi đầu lạy xuống, kính
cẩn dâng sớ tâu lên.*

Kính trình.

Ghi chú: (1)

- **Vạn chưởng:** tức là Vạn chủng: muôn loài, muôn hạng.
- **Liên đài chi hạ:** bên dưới tòa sen, là vị trí của chư Thánh chư Thần.

(#1) Khảo dị: CÁCH THỜ-PHƯỢNG VÀ CÚNG-KIẾNG được trích từ **Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo**)

CÁCH THỜ-PHƯỢNG VÀ CÚNG-KIẾNG

		1			
	3	2		4	
5		7	8		9
	10	11	12		

1- Thánh-Tượng THIÊN-NHÃN

2- Đèn Thái-Cực

3- Trái cây

4- Bông

5- Nước trà (*để bên hữu ấy là ÂM*)

6- 7- và 8- Ba ly rượu

9- Nước trắng (*để bên tả ấy là DƯƠNG*)

10- và 12- Hai cây đèn

11- Lư hương

CÚNG TỨ THỜI

- Tứ Thời là gì?
- Nghi thức cúng Tứ Thời tại tư gia.
- Bí pháp giải thoát trong Dâng Tam bửu.
- Ích lợi của việc cúng kiếng.
- Giải nghĩa các từ ngữ đã dùng.

I. Tứ Thời là gì?

Tứ Thời là 4 giờ đặc biệt trong một ngày mà tại 4 thời điểm đó, hai nguyên khí Âm và Dương của Trời Đất, hoặc là khởi sanh hoặc là cân bằng nhau.

Theo Tây phương thì một ngày đêm có 24 giờ, nhưng theo âm lịch của Đông phương thì một ngày đêm có 12 giờ và đặt tên giờ theo Thập nhị Địa chi.

Sự tương quan như sau:



Giờ Tý: từ 0 giờ đến trước 2 giờ.

Giờ Sửu: từ 2 giờ đến trước 4 giờ.

Giờ Dần: từ 4 giờ đến trước 6 giờ.

Giờ Mão: từ 6 giờ đến trước 8 giờ.

Giờ Thìn: từ 8 giờ đến trước 10 giờ.

Giờ Tỵ: từ 10 giờ đến trước 12 giờ.

Giờ Ngọ: từ 12 giờ đến trước 14 giờ.

Giờ Mùi: từ 14 giờ đến trước 16 giờ.

Giờ Thân: từ 16 giờ đến trước 18 giờ.

Giờ Dậu: từ 18 giờ đến trước 20 giờ.

Giờ Tuất: từ 20 giờ đến trước 22 giờ.

Giờ Hợi: từ 22 giờ đến trước 24 giờ (tức 0 giờ ngày kế)

- Chánh Tý là đầu giờ Tý, tức là lúc 0 giờ.

- Chánh Ngọ là đầu giờ Ngọ, tức là lúc 12 giờ trưa.

(**Chánh:** nghĩa là đứng đầu).

Tại sao có việc sụt lại 1 giờ?

Thí dụ: *- giờ Mão: thay vì là 6 - 8 giờ, thì phải sụt lại 1 giờ, tức là 5 - 7 giờ; *- giờ Ngọ: thay vì là 12 - 14 giờ, thì phải sụt lại 1 giờ, tức là 11 - 13 giờ; v.v...

Đó là khi xem ngày giờ tốt xấu trong việc gả cưới, động thổ cất nhà, gác đòn dông, khai trương cửa hàng, v.v...

Việc coi giờ tốt xấu thì phải dùng các sách coi ngày giờ của Tàu, mà người Tàu khi làm sách thì căn cứ vào giờ của Tàu tại Bắc Kinh (BK), nên khi VN dùng các sách này thì phải áp dụng giờ BK, tức là phải đổi giờ VN ra giờ BK.

Giờ BK trước VN 1 giờ, ta có bảng tương ứng:

- Giờ Bắc Kinh: 6 8 10 12 14 16 18 20

- Giờ VN: 5 7 9 11 13 15 17 19

Đổi giờ BK ra giờ VN:

- Giờ Mão BK: 6g - 8g tương ứng VN 5g - 7g.

- Giờ Ngọ BK: 12g - 14g - - VN 11g - 13g.

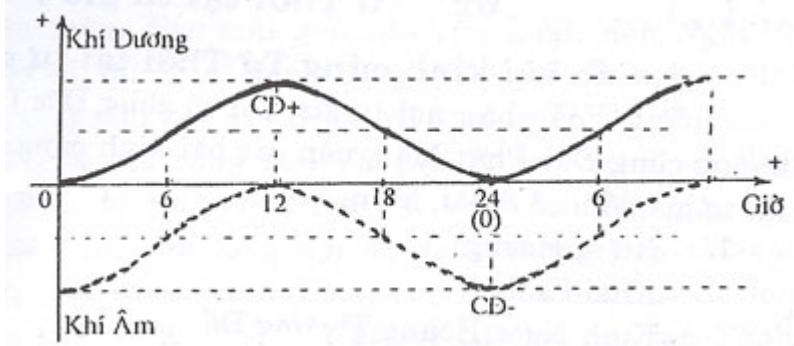
Do đó, khi coi giờ tốt xấu thì phải dùng giờ BK tức là sụt giờ VN lại 1 giờ. Việc sụt lại 1 giờ chỉ đúng ở VN, nơi các nước khác không còn đúng nữa.

Như vậy, ngoài việc coi ngày giờ tốt xấu, trong tất cả trường hợp khác ở VN thì chúng ta phải dùng giờ VN.

Giờ của VN cũng là giờ tại Tòa Thánh Tây Ninh. Đức Chí Tôn nhận Tây Ninh là Thánh địa, Tòa Thánh

Tây Ninh là Đền Thờ của Ngài nên ngày giờ tại TTTN cũng là ngày và giờ của Thiên đình.

Sự biến đổi cường độ hai khí Âm Dương trong một ngày được biểu diễn trong đồ thị sau đây:



Biểu diễn bằng đồ thị

- Đường liền: biểu diễn sự biến đổi của khí Dương theo giờ.
- Đường đứt đoạn: biểu diễn sự biến đổi của khí Âm theo giờ.

1. Thời Tý, lúc 0 giờ, khí Âm cực thịnh rồi giảm dần, khí Dương khởi sinh và cường độ tăng dần.

2. Thời Mão, lúc 6 giờ sáng, khí Âm và khí Dương cân bằng nhau. Sau đó khí Dương tiếp tục tăng và khí Âm tiếp tục giảm.

3. Thời Ngọ, lúc 12 giờ trưa, khí Dương cực thịnh, khí Âm giảm đến mức triệt tiêu và khởi sinh trở lại với cường độ tăng dần. Lúc đó, sách Nho gọi là *Dương cực Âm hồi*, nghĩa là: Dương cực đại thì Âm khởi sinh trở lại.

4. Thời Dậu, lúc 18 giờ tức 6 giờ chiều, khí Âm và khí Dương cân bằng nhau.

Sau đó khí Dương tiếp tục giảm và khí Âm tiếp tục tăng, đến lúc 24 giờ thì khí Dương giảm đến mức triệt tiêu và khởi sinh trở lại, còn khí Âm lúc đó cực thịnh.

Do đó, sách Nho gọi là: *Âm cực Dương hồi*, nghĩa là: Âm cực đại thì Dương khởi sinh trở lại.

Vào 4 thời điểm trên, hai nguyên khí Âm Dương của Trời Đất có sự biến đổi đặc biệt như thế nên gọi là giờ linh, sự cúng kiếng và cầu nguyện trong các giờ này được các Đấng tiếp nhận dễ dàng hơn vào các thời điểm khác.

II. Nghi thức cúng Tứ Thời tại tư gia:

1. Các bài kinh cúng Tứ Thời tại tư gia:

Tại Thiên bàn nơi tư gia, chỉ có cúng Đức Chí Tôn, không cúng Đức Phật Mẫu, nên các bài kinh cúng Tứ Thời tại tư gia gồm có 8 bài, kể ra:

- Niệm Hương
- Khai Kinh
- Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Kinh Phật giáo. - Kinh Tiên giáo. - Kinh Nho giáo.
- Bài Dâng Rượu hay Dâng Trà.
- Ngũ Nguyện.

Việc tổ chức cúng Tứ Thời tại tư gia, giống như cúng Thượng tượng, nhưng không có Dâng Sớ và không thài hết 3 bài Dâng Tam bửu, chỉ thài bài Dâng Rượu nếu cúng lúc 12 giờ trưa hay lúc 12 giờ khuya, và thài bài Dâng Trà nếu cúng lúc 6 giờ sáng hay 6 giờ chiều. (Còn việc tụng Kinh Di-Lạc, Kinh Cứu Khổ, Kinh Sám Hối thì tùy nghi).

2. Nên cúng Tứ Thời đúng giờ.

Nên cúng Tứ Thời đúng giờ, chỉ được xê xích trong vòng 15 phút. Mỗi thời cúng tại tư gia kéo dài

chùng 20 phút và thời cúng tại Thánh Thất kéo dài chừng 30 phút vì có động chuông trước và sau khi cúng.

Nên cúng đúng giờ qui định vì ngày giờ tại TTTN (tức là giờ VN) cũng là giờ ở Thiên đình. Vào giờ Tý, khi chúng ta cúng tại Tòa Thánh, Thánh Thất hay tư gia thì lúc ấy các Đấng thiêng liêng cũng đang châu lễ Đức Chí Tôn ở Thiên đình. Cúng đúng giờ để tất cả tín đồ Cao Đài trên khắp nước VN đồng dâng lời cầu nguyện lên Chí Tôn và Phật Mẫu thì sức cầu nguyện tổng cộng ấy rất vĩ đại, chắc chắn hai Đấng Cha Mẹ thiêng liêng ấy rất hài lòng và ban rải hồng ân cho toàn cả chúng ta rất nên tốt đẹp.

Nhớ lại khi xưa, Đức Lý Giáo Tông muốn xin Đức Chí Tôn thêm điều mật yếu vào Tân Luật, nên Ngài yêu cầu toàn cả tín đồ cố gắng cùng với Ngài cầu nguyện Đức Chí Tôn thì mới kết quả. Ngài viết trong TNHT như sau:

"Lão tâu cùng Đại Từ Đại Bi xin thêm vào Luật những điều bí mật yếu trọng ấy. Vậy chư hiền hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần tháng này thì khởi nguyện, dặn các Thánh Thất, các Đạo hữu phải để lòng thành khẩn, hiệp sức làm một với Lão mà nài xin Thánh Luật, nghe à!" (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 77)

3. Nghi thức cúng Tứ Thời tại tư gia:

Thí dụ: Cúng thời Mẹo lúc 6 giờ sáng.

Nam thì mặc quần trắng, áo dài trắng, khăn đen.

Nữ thì mặc toàn trắng giống như nam, đầu để trần.

Chăm sóc Thiên bàn cho tinh khiết, đủ bông trái.

Rót nước thiên nhiên vào chung nước trắng, đủ 8 phân; rót nước trà vào chung nước trà, 8 phân. Thời Mẹo chỉ cúng nước Âm Dương. (Nếu thời Tý hay Ngọ thì

không rót nước Âm Dương, chỉ rót 3 phân Rượu vào mỗi ly).

Đốt 5 cây nhang, cầm hai tay, đứng ngay thẳng trước Thiên bàn, xá sâu xuống 3 xá, cầm nhang vào lư hương, hàng trong 3 cây, hàng ngoài 2 cây, nhìn vào thấy đủ 5 cây hương, không cây nào bị che khuất.

1. Gõ 3 tiếng chuông khởi đầu thời cúng.

2. Xá 1 xá nhập đàn. Bước vào đứng trước Thiên bàn, hai tay bắt ấn Tý, xá 3 xá, quỳ xuống, đưa ấn Tý lên trán lấy dầu Phật Pháp Tăng, rồi đặt giữa ngực, vừa cúi đầu vừa niệm:

- Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

- Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

- Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD.

- Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

- Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

3. Tụng kinh Niệm Hương.

Khi tụng kinh, mắt nhìn lên Thiên Nhãn.

Khi tụng đến danh hiệu các Đấng thì cúi đầu.

Tụng xong, lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy (gập chậm để đủ câu niệm).

4. Tụng Khai Kinh.

Dứt bài kinh thì cúi đầu, không xá, không lạy.

5. Tụng Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Tụng xong thì lạy Đức Chí Tôn như mục 3.

6. Tụng Kinh Phật giáo.

Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm: *Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

7. Tụng Kinh Tiên giáo.

Lạy 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm: *Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.*

8. Tụng Kinh Nho giáo.

Lạy 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm: *Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thanh Thế Thiên Tôn.*

9. Thài bài Dâng Trà.

Thài xong bài Dâng Trà thì cầu nguyện hiến dâng linh hồn của mình cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.

Nhưng, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo cho biết trong Dâng Tam bửu có Bí pháp giải thoát, nên chúng ta đầu trong thời cúng nào cũng nên cầu nguyện dâng hết Tam bửu lên Đức Chí Tôn. *(Xem phần III tiếp theo)*

Chúng ta có thể nói lời cầu nguyện như sau:

"Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,

Nam mô Tam Trấn Oai Nghiêm,

Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

Con xin dâng thể xác của con, chơn thần và linh hồn của con lên Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng.

Cầu xin các Đấng thiêng liêng chứng minh."

Cầu nguyện xong, lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật, mỗi gật niệm câu chú của Thầy.

10. Tụng Ngũ Nguyện.

Lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật, niệm chú đầy đủ.

11. Đứng dậy, xá Thiên bàn 3 xá, lui ra, nam tả nữ hữu.

12. Gõ 3 tiếng chuông, xá đàn, chấm dứt thời cúng.

Trong hai thời Mẹo và Dậu, tức 6 giờ sáng và 6 giờ chiều, sau khi cúng xong, chúng ta nên lấy một cái tách (hoặc cái ly), rồi thỉnh hai chung nước Âm Dương trên Thiên bàn, kê hai miệng chung lại rồi cùng đổ vào cái tách (hoặc cái ly), đứng trước Thiên bàn, đưa tách nước Âm Dương ấy lên trán cầu nguyện.... *(Xin cho con uống tách nước Âm Dương này để thân thể con được khỏe mạnh, trí não được thông minh sáng suốt lo lập công quả phụng sự nhơn sanh)...*, xong rồi thì uống cạn tách nước này.

Ích lợi: Hai chung nước Âm Dương sau khi cúng xong, Đức Chí Tôn đã ban thanh khí vào đó nên nước ấy khác hẳn với nước thường, khi uống là đem thanh khí vào cơ thể của chúng ta, nó sẽ lần lần hóa giải trược khí trong cơ thể mỗi ngày một ít, đến lúc nào đó, trược khí tiêu mất hết, thân thể chúng ta chỉ còn thanh khí, nên dứt hết các thứ bịnh kinh niên, làm ta khỏe mạnh. Khi thực hành lâu dài, chúng ta sẽ thấy được tác dụng huyền diệu này.

Các nhà khoa học đã thí nghiệm như sau:

- Với một ly nước thường, họ quan sát bằng kính hiển vi điện tử, thấy các phân tử nước di chuyển lộn xộn, không có trật tự chi cả.

- Đặt ly nước ấy vào một chỗ mà chung quanh có nhiều người chú nguyện vào ly nước, sau thời gian chừng 15 phút, các nhà khoa học đem ly nước ấy quan sát thì thấy các phân tử nước trong ly nước bây giờ có vị trí trật tự, kết lại có dạng giống như hoa sen, hay như hoa mai.

Cho nên, hai tách nước Âm Dương sau khi cúng xong, chúng ta không nên đổ bỏ, rất uống.

III. Bí pháp giải thoát khi Dâng Tam bửu:

1. Cách cầu nguyện khi Dâng Tam bửu:

Về cách thức cầu nguyện khi Dâng Tam Bửu, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo dạy như sau:

- Hễ đưa Bông lên là dâng cái hình thể của chúng ta, ta cúi đầu cầu nguyện Đức Chí Tôn:

"Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng."

- Khi dâng Rượu thì cầu nguyện:

"Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng."

(Trí thức Tinh thần của con người là thuộc Chơn thần).

- Khi dâng Trà cầu nguyện:

"Con xin dâng cả linh hồn của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng."

+ Câu chót, chúng ta nên nguyện gồm chung lại như vậy:

"Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, do Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định."

Khi dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn, hễ dâng Bửu nào thì cầu nguyện theo Bửu nấy, dâng xong một Bửu thì lạy 1 lạy 4 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy: *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Dâng Tam Bửu cúng Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ Phật Mẫu thì cầu nguyện với Đức Phật Mẫu, dâng Bửu nào thì cầu nguyện theo Bửu nấy, lời cầu nguyện giống y như lời cầu nguyện đối với Đức Chí Tôn, nhưng thay chữ Chí Tôn bằng chữ Phật Mẫu, xong mỗi Bửu thì lạy Phật

Mẫu 3 lạy, mỗi lạy 3 gập, mỗi gập niệm: *Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.*

2. Bí pháp dâng Tam bửu:

Tại sao Đức Chí Tôn buộc tín đồ dâng Tam Bửu?

Tại sao trong mỗi thời cúng, Đức Chí Tôn buộc các tín đồ nam nữ đều phải dâng Tam bửu lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu? Điều này có phải vì lợi ích cho Đức Chí Tôn hay cho Đức Phật Mẫu không?

Trả lời: Không, mà trái lại là hoàn toàn vì lợi ích cho tín đồ, bởi vì đây là Bí Pháp giải thoát cho mỗi tín đồ.

Bí Pháp thì phải bí mật, nhưng thời ĐĐTKPD này, Đức Chí Tôn ban cho ơn huệ là Đại Ân Xá, nên Đức Chí Tôn không giấu giếm Bí Pháp nữa, Đức Chí Tôn bày ra trước mắt nhơn sanh, để nhơn sanh thấy rõ mà thực hành.

Đức Chí Tôn nhân mạnh: *"Gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi được."*

Bí Pháp đó là: Đức Chí Tôn biểu chúng ta dâng Tam bửu của chúng ta (thể xác, chơn thần, linh hồn) lên cho Đức Chí Tôn để Đức Chí Tôn lấy ba thứ đó làm phương tiện PHỤNG SỰ VẠN LINH.

Tại sao gọi đó là Bí Pháp?

Bởi vì chính nó là phương cách giải thoát chúng ta khỏi luân hồi để linh hồn sau khi thoát xác, trở về hiệp nhứt với Đức Chí Tôn, tức là đắc đạo vậy.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giải thích như sau:

"Ấy vậy, mỗi ngày, từ mơi tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước: Thân tôi không còn là của

tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn, làm tôi tớ cho vạn linh, thay thế cho Đức Chí Tôn.

Giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào chúng ta đã làm, dầu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.

Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát."

Như vậy, mỗi ngày chúng ta cúng Đức Chí Tôn, chúng ta đều cầu nguyện dâng Tam bửu (thể xác, chơn thần, linh hồn, tượng trưng bằng Bông, Rượu, Trà) là dâng toàn thể con người chúng ta cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng, tức là chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào Chí Tôn sai khiến định liệu trong công cuộc Phụng Sự Vạn Linh. Chúng ta không còn điều gì để lo lắng ngoài sự lo lắng làm thế nào thực hiện cho hoàn tất mệnh lệnh của Đức Chí Tôn giao phó.

Bí Pháp Giải thoát ấy, Đức Chí Tôn để hiển hiện ngay trước mắt nhơn sanh mà ít ai để ý suy nghĩ.

Nhưng việc thực hiện Bí Pháp này được trọn vẹn thì cũng khó khăn vô cùng. Nhưng càng khó khăn thì càng có giá trị xứng đáng. Đâu có dễ gì! Nhưng không phải là quá khó khăn để chúng ta không thể thực hiện được.

Nếu chúng ta có một Đức Tin mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn và có một tấm lòng hy sinh, quên mình thì mọi việc đều trở nên dễ dàng.

Cái tâm thân của ta đây, cả chơn thần và linh hồn nữa, chúng ta đã giao hết cho Chí Tôn, giao thật sự với đầy đủ ý nghĩa của nó, thì ta không còn gì là của ta nữa, đừng nói chi là của cha mẹ ta hay vợ con ta.

Như vậy, cái **TA** tức là cái **NGÃ** không còn nữa, thì đâu còn gì để **CHẤP NGÃ**. Đây là một phương pháp **PHÁ CHẤP** triệt để, hiệu quả hơn tất cả phương pháp khác.

Sự dâng hiến này là để Phụng Sự Vạn linh, nếu chúng ta thi hành một cách chí thành thì đủ đem chúng ta trở về cùng Đức Chí Tôn, mà không cần làm thêm một điều gì khác nữa. Trong TNHT, Đức Chí Tôn có dạy rằng:

"Trong các con có nhiều đứa làm tướng, hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thànhặng đâu mà mong.

Vậy muốn đắc quả, thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao." (TNHT1-2 hợp nhứt, B108)

Trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cấm hẳn lối tu **"Độc thiện kỳ thân"** một lối tu ích kỷ, chỉ biết lo riêng mình.

Thế pháp và Bí pháp của Đạo Cao Đài đều đặt việc **PHỤNG SỰ VẠN LINH** là trên hết.

Tóm lại, Đức Chí Tôn buộc chúng ta dâng Tam bửu cho Ngài là vì Ngài muốn chúng ta thay thế Ngài mà lo Hoằng khai Đại Đạo, Phổ độ chúng sanh, tức là lo Phụng Sự Vạn Linh, bởi vì đó là Bí pháp đặc đạo để chúng ta trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu. (Trích trong Giải Nghĩa Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo)

IV. Ích lợi của việc cúng kiếng:

1. Đức Chí Tôn có dạy rằng:

"Luôn dịp, Thầy nói cho các con biết:

Cúng Tử Thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt." (TNST. Q1 B 39)

2. Đức Quan Âm Bồ Tát cũng giảng cơ dạy rằng:

"Các em phải cúng kiếng thường.

1. Một là tập cho chơn thần được gần gũi các Đấng thiêng liêng cho đặng sáng lạn.

2. Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

3. Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

4. Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ.

Các em nhớ à!" (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 162)

3. Thất Nương DTC cũng có nói rằng:

"Lễ bái thường hành tâm đạo khởi."

Sự thờ phượng hiến dâng cũng là hình thức để thể hiện lòng tôn kính, chớ không phải vì sự thờ phượng hiến dâng ấy mà được độ rồi an bài và siêu thoát.

Nếu trong nếp sống thường nhật, bản thân mình không được trong sạch, lương thiện, hành động mình thất đức, lời nói bất nhơn, các đối xử mình tàn ác, thì dầu chạy lạt suốt đời, cúng lạy Tử thời hiến dâng lễ vật đầy chùa thất cũng không được sự hộ trì và cứu rỗi.....

- Sự lễ bái cúng lạy quì mọp, ngoài ý nghĩa trình trọng thì lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa câu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.

- Tịnh khẩu hoặc niệm Phật tụng kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.

- Nhắm mắt tham thiền, hoặc ngó ngay vào Thiên Nhân, hoặc ngọn nhang, ngọn đèn lưu ly là để trừ lần nghiệp nhãn.

- Tham thiền định ý, khép chặt tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng là để trừ lần nghiệp ý.

- Thiền định không chấp nhận mọi tiếng động vào tai là để trừ lần nghiệp nhĩ.

Tóm lại, tất cả những điều ấy là những phương pháp trợ giúp cho người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo thêm âm chất để làm vốn liếng sản nghiệp vô hình cho kiếp lai sanh hoặc cho bên kia thế giới.

Chúng ta cúng lạy Đấng Thượng Đế là để nhớ tưởng và biết ơn Đấng đã sanh ra linh hồn ta và dùng khí sanh quang nuôi nấng linh hồn và chơn thần của chúng ta.

Chúng ta cúng lạy các Đấng Tiên Phật là để nhớ tưởng tấm gương cao cả của các Đấng ấy đã hy sinh trọn đời lo cứu độ chúng sanh.

Chúng ta không nên cúng lạy với tinh thần vị kỷ, cầu lợi cho mình: cúng Phật để cầu Phật ban ơn cho mình, cúng Tiên để cầu Tiên ban phước cho mình, mà nên cúng lạy với tinh thần tôn kính các bậc phi thường và nguyện noi gương các Đấng ấy.

Có người ngoại đạo cho rằng: Chúng ta thờ phượng và cúng lạy một tấm giấy. Nói như thế thật là ngu muội đáng trách! Bởi vì mỗi ngày các nhân viên của cơ quan

nhà nước chào quốc kỳ, cái chào đó không phải là chào một miếng vải màu, mà là chào cái tinh thần của tổ quốc, cái hồn nước của chúng ta, mà có biết bao người qua bao nhiêu thế hệ đã hy sinh để bảo vệ cái tinh thần ấy, cái linh hồn của tổ quốc, của dân tộc.

Khi cúng Đức Chí Tôn, chúng ta nhìn Thiên Nhân vẽ trên tờ giấy, chúng ta không còn thấy tờ giấy nữa, mà chúng ta chỉ thấy một Đấng vô cùng cao cả, Đấng Cha lành thiêng liêng đầy tình thương yêu hơn sanh và lúc nào cũng muốn cứu vớt hơn sanh ra khỏi biển khổ trầm luân để trở về ở trong lòng Ngài.

Khi cúng Tứ Thời, chúng ta tụng kinh thì cần phải học hỏi để hiểu ý nghĩa lời kinh. Với tấm lòng kính thành, hợp với sự hiểu biết ý nghĩa lời kinh, làm cho tâm hồn ta yên lặng, bớt vọng động, bớt phóng tâm nghĩ quấy, để lần lần chúng ta kèm giữ cái tâm, cái ý, để sau cùng đạt được trạng thái định ý định tâm. Tụng kinh cũng là để cho lời kinh dạy cái tâm của ta, vì các kinh tụng đều là tâm kinh.

Mặt khác, khi chúng ta tụng kinh thì những vong linh vô hình ở chung quanh chúng ta cũng được nghe kinh, nhờ đó họ có thể sớm giác ngộ mà hưởng được ân huệ của các Đấng thiêng liêng, sớm cho đi tái kiếp.

V. Giải nghĩa các từ ngữ đã dùng:

1. Tam bửu: Tinh Khí Thần:

Có hai trường hợp: Tam bửu dâng lên Đức Chí Tôn và Tam bửu trong phép luyện đạo.

- Tam bửu dâng lên Đức Chí Tôn:

Tinh là thể xác, tượng trưng bằng cái Hoa.

Khí là chơn thần, tượng trưng bằng Rượu.

Thần là linh hồn, tượng trưng bằng Trà.

- Tam bửu trong phép luyện đạo:

Luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hiệp Thần, luyện Thần hoàn Hư.

Tinh là chất tinh túy nhứt trong thân thể để di truyền nói giống. Đối với người nam, Tinh là chất tinh trùng; đối với người nữ, Tinh là noãn châu.

Khí là chất bổ dưỡng cao cấp, theo máu đi nuôi dưỡng các cơ quan trong thân thể cho được cường tráng, nhứt là nuôi bộ não cho được minh mẫn sáng suốt.

Thần là chơn thần của mỗi người. Thể xác cường tráng tinh anh thì chơn thần thanh nhẹ và mạnh mẽ.

Tinh của con người là do máu thanh lọc và tích tụ chất tinh túy tạo thành. Theo lẽ tự nhiên thì chất Tinh này tiết ra khỏi cơ thể theo đường tinh dịch để kết hợp với noãn châu của người nữ, tạo thành thai nhi, lưu truyền nòi giống. Đó là thuận chuyển. Bây giờ nghịch chuyển, luyện cho chất Tinh này đi ngược lại, biến hóa trở lại thành chất bổ dưỡng cao cấp, gọi là Khí. Luyện được như vậy gọi là **Luyện Tinh hóa Khí**.

Luyện cho chất Khí ấy theo máu nuôi dưỡng cơ thể cho được cường tráng, nhứt là đem lên bồi bổ não bộ cho sung mãn, làm cho não bộ trở nên sáng suốt tinh anh. Não bộ là trung tâm hoạt động của chơn thần, nên chơn thần người luyện đạo nhờ vậy mà được trong sáng, mạnh mẽ, ấy là do được nuôi dưỡng bởi cái Tinh của người ăn chay trường rất thanh, nên Khí cũng rất thanh. Luyện đặng như vậy gọi là **Luyện Khí hiệp Thần**. Dùng chữ hiệp là vì mỗi người đều có sẵn một chơn thần (xác thân thiêng liêng), chớ không phải do luyện đạo mới có chơn thần.

Cái chơn thần của người chưa luyện đạo thì tầm thường yếu ớt mờ tối. Nhờ luyện đạo mà chơn thần của hành giả được trong sáng, nhẹ nhàng, mạnh mẽ, hào

quang ần ần muốn lòa, nhưng chưa huyền diệu vì chưa thể xuất ra khỏi thể xác mà vân du thiên ngoại.

Phải luyện cho cái chơn thần ấy được huyền diệu, có thể xuất ra hoặc nhập vào thể xác theo cái cửa là Nê hoàn cung, tùy theo ý muốn của hành giả. Luyện được như vậy gọi là **Luyện Thần hoàn Hư**, đắc đạo tại thể.

Nghi tiết cúng đàn tại THÁNH THẤT

- Nghi tiết cúng Đại Đàn.
- Nghi tiết cúng Tiểu Đàn.
- Nghi tiết cúng Tứ Thời.
- Nghi tiết cúng Cửu Huyền Thất Tổ.
- Giải thích các chi tiết.

I. Nghi tiết cúng Đại Đàn tại Thánh Thất:

Đại Đàn tại Thánh Thất thường cúng lúc 12 giờ trưa.

Thí dụ: Đại Đàn cúng Vía Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trần Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD ngày 18-8 âm hằng năm, tại Thánh Thất của Châu Đạo, có Chức sắc Pháp Chánh HTĐ và Chức sắc Phước Thiện tham dự.

Gần tới 12 giờ trưa, bốn đạo tỵ tập trước Thánh Thất. Đầu Tộc Đạo sắp đặt các Chức việc Bàn Trị Sự và Đạo hữu đứng có hàng ngũ chỉnh tề, nam tả nữ hữu.

6 Lễ sĩ mặc áo rộng màu xanh da trời, đội mũ trắng, chia làm 3 cặp đi vào chánh điện. Cặp Lễ xướng đứng 2 bên ngoài nghi giữ phận sự xướng lễ.

Đúng 12 giờ, cặp Lễ Xướng khởi xướng:

1. Tịnh túc thị lập. (Đều nghiêm trang đứng hầu)

2. Chấp sự giả các tư kỳ sự.

(Người được phân công phận việc nào thì đến giữ việc ấy).

Các Ban: Nhạc, lễ sĩ, đồng nhi, lễ vụ, kiểm đàn sẵn sàng thi hành phận sự trong đàn cúng.

3. Lôi Âm Cổ khởi. (Bắt đầu đánh trống Lôi Âm)

Vị Chức việc hầu trống nơi Lôi Âm Cổ Đài khởi đánh trống. Trước tiên đánh 3 tiếng trống, rồi kê 4 câu, dứt mỗi câu kê thì đánh 1 tiếng trống lớn. Bài kê chép ra sau đây:

Lôi Âm Thánh cổ triệt hư không, ↓

Truyền tấu càn khôn thế giới thông. ↓

Đạo pháp đương kim dương chánh giáo. ↓

Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung. ↓

Kế đó, Chức việc hầu trống nhịp lên mặt trống 12 tiếng trống nhỏ liên tiếp gọi là lời 12 điểm, rồi đánh tiếp 3 hồi, mỗi hồi 12 chập, mỗi chập 12 dùi, lúc đầu đánh chậm, sau đánh liên dùi thúc cho mau, sau cùng đánh chậm rãi 3 dùi (2 nhặt 1 thừa) rồi dứt.

Cặp Lễ Xướng tiếp:

4. Bạch Ngọc Chung minh. (động chuông Bạch Ngọc)

Vị Chức việc hầu chuông nơi Bạch Ngọc Chung Đài, khởi động 3 tiếng chuông, rồi kê 4 câu kê chuông. Dứt mỗi câu kê thì động 1 tiếng chuông lớn. Bài kê chuông chép ra sau đây:

Thần chung thính hướng phóng Phong Đô, ↓

Địa Tạng khai môn phóng xá cô. ↓

Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện, ↓

Sám hối âm hồn xuất u đồ. ↓

Kế đó, Chức việc hầu chuông nhịp 12 tiếng chuông nhỏ liên tiếp, rồi động tiếp 3 hồi, mỗi hồi 12 chập, mỗi chập 12 tiếng, lúc đầu đánh chậm, sau đánh thúc cho mau, cuối cùng đánh chậm rãi 3 tiếng (2 nhặt 1 thừa) rồi dứt.

5. Cung thành thứ tự Chức sắc nhập đàn.

(Các Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ đi hàng một vào chánh điện, nam bên tả, nữ bên hữu, đi vào trật tự và im lặng).

Chức sắc Pháp Chánh đi vào trước vì thuộc HTĐ.

Sau đó là Giáo Hữu Khâm Châu Đạo, Chí Thiện Quản Châu Đạo PT, Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo, Giáo Thiện Quản Tộc Đạo PT, các vị Chánh Trị Sự, Hành Thiện PT, Đầu Phòng Văn, Phó Trị Sự, Thông Sự, Thánh Thiện, các Đạo hữu từ từ đi vào chánh điện.

Nữ phái Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu cũng sắp đặt trật tự y như bên nam phái đi vào chánh điện, đứng bên phía nữ phái.

Hai bên nam nữ tạo thành hai ban đứng hầu nơi chánh điện, đứng đối diện nhau, tay bắt ấn Tý.

6. Nội Nghi, Ngoại Nghi tự vị.

CSCĐ xá đàn 1 xá, bước vào đứng trước Nội nghi, CVNN cũng xá đàn, bước vào đứng trước Ngoại nghi, nhìn lên bửu điện.

7. Thiên phong dĩ hạ các tư kỳ vị.

(Chức sắc Thiên phong sắp xuống, vị trí của ai nấy đứng).

Vị hầu chuông khắc 3 tiếng chuông lớn làm hiệu, các Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ đồng xá đàn một xá, bước vô, xoay người đứng hướng mặt lên bửu điện.

Chức sắc Pháp Chánh thì đứng trước bàn thờ Đức Hộ Pháp, tay bắt ấn Tý, nhìn vào chánh điện và đứng như vậy suốt thời cúng.

8. Nhạc tấu Quân Thiên.

Đầu tiên, nhạc và trống trời khúc nhạc Tiếp Giá, Đức Chí Tôn và các Đấng giáng đàn. Dứt trống, nhạc

đòn 5 bài hiển lễ vì là vía Đức Lý Nhứt Trần Oai Nghiêm. [Nếu Ban Nhạc của Thánh Thất thiếu Nhạc sĩ thì đòn 3 bài, hoặc là đòn 3 hiệp Ngũ đối hạ]

9. Nghệ hương án tiền. (Bước tới đứng trước bàn hương)

LSĐĐ bước vào đứng trước vị CVNN. Hai Lễ sĩ đài, một bên đặt bó hương 5 cây bó lại, chưa đốt; một bên đặt một cái lư trầm cũng chưa đốt. [Nếu không có trầm thì dùng nhang thơm cắt khúc bó lại tạo thành bó lớn đặt vào lư].

10. Giai quì. (đều quì xuống)

Chuông khắc 3 tiếng, mọi người xá 3 xá, đồng quì xuống,

Những người không có chỗ quì thì đứng hầu đàn.

11. Phần hương. (đốt nhang)

CVNN lấy bó hương 5 cây, đưa vô hai ngọn đèn của cặp Lễ sĩ đang đang dùm lại, đốt cháy, xá 3 xá, trao cho Lễ sĩ cầm đài, rồi đốt lư trầm, cũng xá 3 xá, trao cho Lễ sĩ cầm đài kia.

LSĐĐ đứng dậy, lui ra, xoay người hướng vào bửu điện, chuẩn bị điện vào nội nghi để đem bó hương cho CSCĐ cầu nguyện dâng hương lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng.

12. Điện hương.

(Lễ sĩ điện lễ dâng hương, bước đi theo hình chữ Tâm).

LSĐĐ cung tay lên ngang mày, nghe theo điệu trống, bước đi theo hình chữ Tâm 心 (cách đi lễ đặc biệt của Đạo Cao Đài), điện từ ngoại nghi vào tới nội nghi.

13. Quì. Trống đồ 3 hồi cho các Lễ sĩ quì.

Bốn Lễ sĩ dâng đài đồng quì xuống, đối diện nhau, trước vị Chức sắc chứng đàn, rồi trao bó hương cho CSCĐ, trao lư trầm cho vị Chức sắc nữ phái quì kế CSCĐ.

Khắc chuông, CSCĐ hai tay cầm bó hương đưa lên trán thỉnh Thánh và niệm:

- *Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng,*
- *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,*
- *Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát,*
- *Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ,*
- *Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân,*
- *Nam mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần.*

Các vị khác trong đàn cũng đưa ấn Tý lên trán lấy dấu Phật Pháp Tăng và niệm y như vị CSCĐ.

14. Thành kính tụng Niệm Hương chú.

(Thành kính tụng kinh Niệm Hương). Các Giáo nhi và đồng nhi tụng kinh Niệm Hương giọng Nam ai. (Ban Nhạc và các đồng nhi đều đứng trên lầu HTĐ). CSCĐ hai tay cung kính nâng bó hương lên ngang trán trong suốt thời gian đồng nhi tụng kinh. Khi tụng danh hiệu các Đấng thì khắc 1 tiếng chuông để mọi người cúi đầu.

15. Thượng hương. (Đem hương lên cắm vào lư hương)

Hai vị tiếp lễ, một cầm bó hương đem lên cắm vào giữa 5 cây hương sẵn có trong lư hương, một bưng lư

trầm đặt kế lư hương. Nhạc đánh thét, LSĐĐ đứng lên, lui ra, trở bộ quay về ngoại nghi.

16. Cúc cung bái. (Cúi mình lạy xuống)

Người hầu chung lần lượt khắc 3 tiếng chuông, toàn thể lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy.

17. Thành kính tụng Khai Kinh chú.

(Thành kính tụng bài Khai Kinh).

Nhạc gài đờn Nam ai, đồng nhi tụng Khai kinh.

Khi dứt bài thì tất cả cúi đầu, không xá, không lạy.

18. Thành kính tụng Ngọc Hoàng Kinh.

(Thành kính tụng kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế). Đồng nhi tụng kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, giọng Nam xuân.

19. Cúc cung bái.

Nhạc đánh lập ban. Lễ vụ khắc chuông. Toàn thể lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy.

20. Thành kính tụng Phật giáo Tâm kinh.

(Thành kính tụng kinh Phật giáo). (Tâm kinh là kinh dạy về Tâm pháp). Đồng nhi tụng kinh Phật giáo, giọng Nam xuân.

21. Cúc cung bái.

Toàn thể lạy Đức Phật Nhiên Đăng 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

22. Thành kính tụng Tiên giáo Tâm kinh.

Thành kính tụng kinh Tiên giáo, giọng Nam xuân.

23. Cúc cung bái.

Lạy Đức Thái Thượng 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm:
Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

24. Thành kính tụng Thánh giáo Tâm kinh.

Thành kính tụng kinh Thánh giáo, giọng Nam xuân.

25. Cúc cung bái.

Lạy Đức Khổng Thánh 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm:
Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

26. Cung hiến Tiên hoa. (Kính cẩn dâng hoa quý)

Hai Lễ sĩ sắp đặt một bên có một bình hoa nhỏ đủ 5 sắc hoa tươi, một bên có 1 trái cây, rồi LSĐĐ đồng đến đứng trước CVNN, day mặt vào nhau.

27. Quì. (4 Lễ sĩ dâng quì xuống)

28. Chỉnh Tiên hoa. (Sửa sang hoa quý)

CVNN chỉnh sửa hoa và quả cho ngay ngắn, cầm bình hoa và đĩa quả xá xuống 3 xá, rồi trao cho hai Lễ sĩ đài.

Nhạc đồ 3 hồi, LSĐĐ đứng dậy, lui ra hai bên, quay mặt hướng vào nội nghi, chuẩn bị diện dâng hoa và quả.

29. Điện Tiên hoa. (Lễ sĩ diện dâng hoa quý)

Lễ sĩ diện dâng hoa giống y như lúc Điện Hương. Lúc Lễ sĩ diện thì đồng nhi thái bài Dâng Hoa theo giọng Đào Ngũ Cung. Khi dứt thái thì Lễ điện cũng vừa tới nội nghi, day mặt vào giữa.

30. Quì. Nhạc đồ 3 hồi, LSĐĐ quì xuống.

Vị Chức sắc chứng đàn tiếp lấy bình hoa, xá 3 xá, đưa bình hoa lên trán cầu nguyện, đồng thời tất cả mọi người trong đàn cũng đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện

Dâng Hoa: *"Con xin dâng hình hài của con lên cho Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng."*

Vị Chức sắc nữ phái quì bên cạnh CSCĐ, hai tay bung đĩa trái cây, cũng xá 3 xá rồi đưa lên trán cầu nguyện, cử chỉ giống như CSCĐ nam phái.

31. Thượng Tiên hoa. (Đem Hoa đặt lên bàn thờ)

Cầu nguyện xong đưa bình hoa và đĩa trái cây cho 2 vị tiếp lễ đem lên đặt trên bàn thờ. Trong lúc đó, trống đồ, LSĐĐ đứng lên, trở bộ quay lại đi về ngoại nghi.

32. Cúc cung bái.

Nhạc đánh lập ban, toàn thể lạy Đức Chí Tôn 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm câu chú của Thầy.

33. Cung hiến Tiên tửu. (Cung kính dâng rượu quý)

Hai Lễ sĩ sắp đặt một bên có một ly nhỏ để đựng rượu, một bên có một cái nhạo rượu trắng tinh khiết, rồi 4 Lễ sĩ dâng đài đồng đến đứng trước CVNN, day mặt vào nhau.

34. Quì. LSĐĐ đều quì xuống trước CVNN.

35. Chúc tửu. (Rót rượu)

Vị CVNN cầm nhạo rót rượu vào ly, nhắm chừng đủ 9 phân rượu, hai tay cầm ly rượu nâng lên xá 3 xá rồi trao cho Lễ sĩ đài.

36. Điện Tiên tửu. (Lễ sĩ đi diện dâng rượu lên)

Công việc giống y như Điện Tiên hoa.

Đồng nhi thái bài Dâng Rượu, Lễ sĩ diện lên nội nghi.

37. Quì. LSĐĐ quì xuống trước CSCĐ.

CSCĐ tiếp ly rượu, vị Chức sắc nữ phái quì kế bên tiếp nhạo rượu, xá 3 xá, đồng đưa lên trán cầu nguyện, có khắc chuông, tất cả mọi người trong đàn cúng cũng đưa

ấn Tý lên trán cầu nguyện Dâng Rượu: *"Con xin dâng chơn thần của con lên cho Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng."*

38. Thượng Tiên tửu. (Đem rượu lên đặt trên bàn thờ)

Cầu nguyện xong, trao ly rượu và bình rượu cho tiếp lễ đem lên bàn thờ. Trống đồng, Lễ sĩ đứng lên, trở bộ quay về ngoại nghi.

39. Cúc cung bái.

Lạy Chí Tôn 1 lạy 4 gập, mỗi gập niệm chú của Thầy.

40. Cung hiến Tiên trà. (Cung kính dâng trà quý)

Hai Lễ sĩ dài sắp đặt, một bên đặt 1 bình trà, một bên đặt 1 cái tách để đựng nước trà. LSĐĐ cùng vào đứng trước CVNN.

41. Quì. LSĐĐ quì xuống trước CVNN.

42. Diễm trà. (Rót nước trà)

CVNN cầm bình trà, rót vào tách, nhắm chừng đủ 8 phân nước trà, hai tay nâng tách trà lên trán xá 3 xá, trao cho Lễ sĩ dài.

43. Điện Tiên trà. (Lễ sĩ điện trà dâng lên)

Công việc giống y như Điện Tiên hoa.

Đồng nhi thài bài Dâng Trà, Lễ sĩ điện lên nội nghi.

44. Quì. LSĐĐ quì xuống trước CSCĐ.

CSCĐ tiếp tách trà, vị Chức sắc nữ phải quì kế bên tiếp bình trà, xá 3 xá, đồng đưa lên trán cầu nguyện, có khắc chuông, tất cả mọi người trong đàn cúng cũng đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện Dâng Trà tức là dâng linh hồn, nhưng lần cầu nguyện chót này nên dâng cả Tam bửu lên Đức Chí Tôn, vì đây là Bí pháp giải thoát: *"Con xin dâng*

cả thể xác, chơn thần và linh hồn của con lên cho Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng."

45. Thượng Tiên trà. (Đem trà lên đặt trên bàn thờ)

Cầu nguyện xong, trao tách trà và bình trà cho tiếp lễ đem lên bàn thờ. Trống đồng, Lễ sĩ đứng lên, trở bộ quay về ngoại nghi.

46. Cúc cung bái. (lạy 1 lạy 4 gập giống như mục 39)

47. Sớ văn thượng tấu. (Sớ văn tâu lên)

Hai Lễ sĩ đăng đi lên nội nghi, bước thường, không điện.

48. Quì.

Hai vị tiếp lễ, 1 vị cầm đĩa đựng sớ văn, 1 vị cầm cái thố (hay cái bình) để đựng tro lúc đốt sớ, quì phía trên cặp Lễ sĩ đăng. Một vị có phận sự đọc sớ lên quì gần CSCĐ.

CSCĐ cầm sớ xá 3 xá, cầu nguyện, rồi rút tờ sớ ra trao cho người đọc sớ, còn vị CSCĐ hai tay cầm bao sớ cung kính nâng lên ngang trán và giữ tư thế nầy trong suốt thời gian đọc sớ.

49. Thành đọc sớ văn. (Thành kính đọc bài văn sớ)

Vị đọc sớ, cao giọng đọc to lên, đến danh hiệu của các Đấng thì dừng lại một chút để khắc chuông cúi đầu kính lễ.

Bài văn sớ cúng Vía Đức Lý Đại Tiên chép ra như sau:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ*(Thất thập . . . niên)***Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.**

Thời duy, Thiên vận niên, bát ngoạt, thập bát nhứt, ngo thời, hiện tại Việt Nam quốc, Trấn, Châu, Tộc, Hương, cư trụ Thánh Thất chi trung.

Kim đệ tử . . . (phẩm tước và Thánh danh của vị Chức sắc chứng đàn). . . công đồng chư Chức sắc hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đẳng qui tại điện tiền, thành tâm trình tấu.

HUYỀN KIM KHUYẾT NỘI:

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn,
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn,

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD,

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn,

Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn,

Thập phương chư Phật, vạn chủng chư Tiên, liên đài chi hạ.

Kim vì, tiết chí Trung Thu kết nhứt lương thần, chánh thị Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trần Oai Nghiêm Thánh đàn, chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng nguyện Lý Đại Tiên Trưởng, Nhứt Trần Oai Nghiêm đạt đắc trí đồng thiên tài, thảo hích man thơ, thanh danh quán thế, phụng thừa Thiên mạng, bảo thủ Đại Đạo chơn truyền, phò trì chư đệ tử đào luyện trí thức tinh thần, thật hành chánh giáo, phổ hóa nhơn sanh hiệp hòa chủng tộc, giải cứu chiến tranh khổ nạn, văn hồi trật tự an ninh, cộng hưởng thanh trị thái bình, thanh nhàn hạnh phúc.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái căn sở thượng tấu

Dĩ văn.

Đệ tử: *(phẩm tước và Thánh danh của Chức sắc chứng đàn)*

50. Cung phần Sớ văn. (Cung kính đốt sớ)

Vị CSCĐ đặt lá sớ vào bao sớ, cầm bao sớ xá 3 xá, hai Lễ sĩ dâng dùm hai ngọn đèn lại cho Chức sắc đốt sớ, thấy cháy được phân nửa thì bỏ vào thố, vị tiếp lễ đem thố đặt lên bàn thờ, hai Lễ sĩ quay trở về ngoại nghi, vị đọc sớ trở về chỗ cũ.

51. Cúc cung bái.

Mục này là lạy và niệm danh hiệu của Đấng ghi trong lòng sớ, chỗ Ngưỡng vọng hay Ngưỡng nguyện:

- Trong đàn này, Vía Đức Lý Thái Bạch: Ngưỡng nguyện Lý Đại Tiên Trưởng, nên chúng ta lạy Đức Lý 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm: *Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD.*

- Nếu lòng sớ ghi là: Ngưỡng vọng Vô Trung Từ Phụ, chúng ta lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật, mỗi gật niệm câu chú Thầy.

- Nếu lòng sớ ghi là: Ngưỡng nguyện Đức Thích Ca Mâu Ni, chúng ta lạy Đức Phật Thích Ca 3 lạy 9 gật, mỗi gật niệm: *Nam mô Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn*. v.v...

52. Thành tâm tụng Ngũ Nguyên.

Đồng nhi tụng Ngũ Nguyên, giọng Nam xuân.

53. Cúc cung bái. (Lạy Chí Tôn 3 lạy 12 gật niệm chú)

54. Hưng bình thân. (Cất mình đứng lên)

Khắc chuông. Mọi người đứng dậy, xá sâu xuống 3 xá, quay trở ra xá chữ KHÍ sau bàn thờ Đức Hộ Pháp 1 xá.

55. Cung thành thứ tự phân lập lưỡng ban.

(Cung kính, thứ tự, phân ra đứng thành hai ban)

Tất cả Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu trong đàn, lui ra 2 bên, nam tả nữ hữu, đứng trật tự thành hai ban nam nữ như lúc nhập đàn.

56. Hiệp Thiên Đài Chức sắc nhập nội nghi.

Chức sắc HTĐ đi vào nội nghi, xá 3 xá, quì, thỉnh Thánh, cầu nguyện, lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật, mỗi gật niệm câu chú của Thầy, quay trở ra xá chữ KHÍ 1 xá, xong đi trở về vị trí cũ.

Các Ban: Đồng nhi, Lễ sĩ, lễ vụ, kiểm đàn, lần lượt vào chánh điện lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gật, niệm câu chú Thầy.

Những người hầu đàn tiếp tục vào lạy Đức Chí Tôn.

Ban Nhạc quì ngay trên lầu HTĐ lạy Đức Chí Tôn sau chót.

Đến đây, xem chừng có Chức sắc thuyết đạo không?

Nếu có thì giữ im lặng nghe thuyết đạo.

Xong thì động chuông bãi đàn: Người hầu chuông nơi Bạch Ngọc Chung Đài động trước 3 tiếng chuông, rồi kê bài Kê chuông bãi đàn, kê xong 1 câu thì động 1 tiếng chuông lớn.

Bài kê chuông bãi đàn có 3 câu:

Đàn tràng viên mãn, Chức sắc qui nguyên,

vĩnh mục từ ân, phong điều vũ thuận. ↓

Thiên phong hải chúng, quốc thái dân an,

hồi hướng đàn trường, tận thâm pháp giới. ↓

Án đà ra để dạ ta bà ha. ↓

Tiếng chuông kê bãi đàn vừa dứt, cặp lễ sĩ xướng:

57. Lễ thành. (cuộc lễ cúng tế đã xong)

Nhạc đánh thét rồi dứt. Mọi người xá đàn 1 xá.

Chức sắc từ bên trong đi ra trước, đi hàng một, đi ra cũng trật tự như khi đi vào nhập đàn.

Khi ra khỏi chánh điện thì mới được xá ân Tý.

Đại Đàn tại Thánh Thất có tất cả 57 Nghi tiết.

Viết tắt:

CSCĐ: Chức sắc chứng đàn (quì tại Nội nghi).

CVNN: Chức việc quì Ngoại nghi.

LSĐĐ: Hai cặp Lễ Sĩ Đăng Đài (2 Lễ sĩ cầm đèn, 2 Lễ sĩ cầm đài)

II. Nghi tiết cúng Tiểu Đàn tại Thánh Thất:

Tiểu Đàn tại Thánh Thất thường cúng lúc 12 giờ trưa.

Các nghi tiết Tiểu đàn đơn giản hơn nhiều so với Đại Đàn, vì không lập ngoại nghi, không Chúc việc quì ngoại nghi, Lễ sĩ không điện, Nhạc Tấu Quân Thiên đồn 3 bài.

Do đó, trong Nghi tiết Tiểu đàn, bãi bỏ các mục:

- Điện hương, - Chinh Tiên hoa,
- Chúc tửu, - Điểm trà.

Tiểu đàn, bỏ bớt 8 mục, còn lại: 49 mục.

Nghi tiết Tiểu đàn tại Thánh Thất:

1. Tịnh túc thị lập.
2. Chấp sự giả các tư kỳ sự.
3. Lôi Âm Cổ khởi.
4. Bạch Ngọc Chung minh.
5. Cung thành thứ tự Chúc sắc nhập đàn.
6. Nội nghi tự vị.
7. Thiên phong dĩ hạ các tư kỳ vị.
8. Nhạc Tấu Quân Thiên. (Nhạc tiếp giá rồi đồn 3 bài)
9. Nghệ hương án tiền. *(4 Lễ sĩ đăng đài, một bên có bó hương 5 cây, một bên có lư trầm, bưng đi vào nội nghi, đi thường, không điện, đứng hai bên CSCĐ, quay mặt vào giữa).*
10. Giai quì. *(Tất cả mọi người trong đàn đều quì xuống, trống đổ cho 4 lễ sĩ đăng đài quì, lễ sĩ trao bó hương cho CSCĐ và trao lư trầm cho vị Chúc sắc nữ quì phái quì kế bên).*

11. Phần hương.
12. Thành kính tụng Niệm Hương chú.
13. Thượng hương. *(Trong lúc 2 tiếp lễ đem bó hương và lư trầm lên bàn thờ thì trống đổ cho 4 lễ sĩ đứng lên, trở bộ đi trở xuống).*
14. Cúc cung bái. (Lạy Đức Chí Tôn)
15. Thành kính tụng Khai Kinh chú.
16. Thành kính tụng Ngọc Hoàng Kinh.
17. Cúc cung bái. (Lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập niệm chú)
18. Thành kính tụng Phật giáo Tâm kinh.
19. Cúc cung bái. (Lạy Đức Nhiên Đăng Cổ Phật)
20. Thành kính tụng Tiên giáo Tâm kinh.
21. Cúc cung bái. (Lạy Đức Thái Thượng Đạo Tổ)
22. Thành kính tụng Thánh giáo Tâm kinh.
23. Cúc cung bái. (Lạy Đức Khổng Thánh).
24. Cung hiến Tiên hoa. *(4 lễ sĩ đăng đài bưng bình hoa và đĩa quả đi lên nội nghi, đi thường, không điện, vào đứng 2 bên CSCĐ, dảy vào giữa)*
25. Quì. *(4 lễ sĩ đăng đài quì xuống, trao bình hoa cho CSCĐ, và trao đĩa quả cho vị Chúc sắc nữ quì kế bên).*
26. Điện Tiên hoa. *(CSCĐ hai tay cầm bình hoa xá 3 xá, đưa lên trán cầu nguyện Dâng Hoa, mọi người trong đàn cùng cầu nguyện Dâng Hoa, rồi CSCĐ cung kính nângbình hoa lên ngang trán trong lúc đồng nhi thài bài Dâng Hoa)*
27. Thượng Tiên hoa. *(CSCĐ cầm bình hoa xá 3 xá, rồi trao cho 2 tiếp lễ đem hoa và quả lên đặt trên bàn thờ, trống đổ, 4 lễ sĩ đứng dậy, trở bộ quay lại, đi xuống).*

28. Cúc cung bái. (Lạy Đức Chí Tôn 1 lạy 4 gập, niệm chú)
29. Cung hiến Tiên tử. *(Giống như mục 24, nhưng dâng ly rượu và nhạo rượu)*
30. Quì.
31. Điện Tiên tử. *(Giống mục 26)*
32. Thượng Tiên tử.
33. Cúc cung bái. (Lạy Đức Chí Tôn 1 lạy 4 gập, niệm chú)
34. Cung hiến Tiên trà. *(Giống như mục 24, nhưng dâng tách trà và bình trà)*
35. Quì.
36. Điện Tiên trà.
37. Thượng Tiên trà.
38. Cúc cung bái. (Lạy Đức Chí Tôn 1 lạy 4 gập, niệm chú)
39. Sớ văn thượng tấu.
40. Quì.
41. Thành đọc Sớ văn.
42. Cung phần Sớ văn.
43. Cúc cung bái. *(Sau khi đốt sớ thì lạy và niệm danh Đấng ghi trong lòng sớ, chỗ Ngưỡng nguyện, hay Ngưỡng vọng: Thí dụ như:*
- Ngưỡng vọng Vô Trung Từ Phụ: chúng ta lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, mỗi gập niệm câu chú của Thầy.
- Ngưỡng nguyện Đức Hộ Pháp: chúng ta lạy Đức Hộ Pháp 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: Nam mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn. v.v...
44. Thành tâm tụng Ngũ Nguyên.

45. Cúc cung bái. (Lạy Đức Chí Tôn 3 lạy 12 gập, niệm chú)
 46. Hung bình thân.
 47. Cung thành thứ tự phân lập lưỡng ban.
 48. Hiệp Thiên Đài Chúc sắc nhập nội nghi.
 49. Lễ thành.
- Tiểu đàn cúng tại Thánh Thắt có tất cả 49 Nghi tiết.*

III. Nghi tiết cúng Tứ Thời tại Thánh Thắt:

Tại Thánh Thắt, cúng Tứ Thời vào 4 thời điểm: Tý (0 giờ), Ngọ (12 giờ), Mẹo (6 giờ) và Dậu (18 giờ).

Cúng Tứ thời tại Thánh Thắt có nghi tiết giống y như cúng Tứ thời tại tư gia, chỉ khác là lúc khởi đầu thời cúng có động chuông và kệ chuông I - II, và lúc sau cùng có kệ chuông và động chuông bãi đàn.

Diễn tiến: Đúng giờ cúng, trên Bạch Ngọc Chung Đài, vị Chức việc khởi động chuông nhưt.

Trước hết động 3 tiếng chuông, kệ 3 câu, mỗi câu động 1 tiếng chuông. Bài kệ chuông nhưt:

Văn chung khẩu hướng huệ trường càn khôn. ↓

Pháp giới chúng sanh đồng đẳng bị nạn. ↓

Án đà ra để dạ ta bà ha. ↓

Khi hết chuông nhưt, các Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu nam nữ tham dự cúng Tứ thời đi vào chánh điện, sắp hàng hai bên, nam nữ đứng đối diện nhau, tay bắt ấn Tý, chờ nghe chuông nhì.

Kệ chuông nhì, dứt mỗi câu thì động 1 tiếng:

Nhứt vi u ám tất giai văn. ↓

Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác. ↓

Án dà ra để dạ ta bà ha. ↓

Người hầu chuông nơi chánh điện gõ 3 tiếng chuông, hai bên xá đàn 1 xá, bước vào trong, nhìn lên Thiên bàn, gõ chuông 3 lần, xá 3 xá, quì xuống.

Gõ chuông lấy đầu Phật Pháp Tăng, thỉnh Thánh ...

.....

(giống y như khi cúng Tứ thời tại tư gia)

.....

Khi đến phần Dâng Tam bửu, tùy theo thời mà thái.

- Cúng khuya và trưa: thái bài Dâng Rượu.

- Cúng sáng và chiều: thái bài Dâng Trà.

- Khi cúng có Dâng sớ (sớ tân cổ, sớ tuần cửu, sớ tiểu tường, đại tường, v.v...): thái đủ 3 bài: Dâng Hoa, Dâng Rượu, Dâng Trà.

Dù thái dâng 1 bửu hay thái dâng đủ 3 bửu, chúng ta cũng cứ cầu nguyện dâng đủ Tam bửu lên Đức Chí Tôn vì đây là Bí pháp giải thoát chúng ta khỏi luân hồi:

"Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,

Nam mô Tam Tông Chơn Giáo,

Nam mô Tam Trấn Oai Nghiêm,

Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

Con xin dâng cả thể xác, chơn thân và linh hồn của con lên cho Đức Chí Tôn tùy phương sử dụng.

Cầu xin các Đấng thiêng liêng chứng minh."

Tụng Ngũ Nguyện, lạy xong đứng dậy, xá 3 xá, quay ra xá chữ Khí 1 xá, lui ra hai bên, chờ kệ chuông bãi đàn.

Đàn tràng viên mãn, Chúc sắc qui nguyên

Dứt kệ chuông bãi đàn, hai bên xá đàn 1 xá, bắt đầu đi ra, trong đi ra trước, lần lần tới ngoài. Hết.

IV. Nghi tiết cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ tại Thánh Thất:

1. Bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ tại Thánh Thất:

Đây là bàn thờ Ông Bà Chung cho các tín đồ cư ngụ trong một Tộc Đạo.

Bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ được thiết lập nơi nhà hậu của Thánh Thất hoặc hậu điện Điện Thờ Phật Mẫu.

Cách sắp đặt trên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ tại hậu điện Thánh Thất hay Điện Thờ nên theo mẫu thống nhất là bàn thờ Phước Lộc Thọ nơi hậu điện Báo Ân Từ.

Mẫu này đã được trình bày nơi Chương 4 mục VII.

2. Nghi tiết cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ:

Vào ba ngày rằm lớn, tại Thánh Thất hay Điện Thờ Phật Mẫu đều có tổ chức cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ, có một cặp lễ xướng, hai người tiếp lễ, ban nhạc và đồng nhi.

Các nghi tiết cúng tế giống y như nghi tiết CÁO TỪ TỔ trong Tang lễ.

Nghi châm chước cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ:

Cặp lễ bắt đầu xướng:

1. Tử tôn tỵ vị. (con cháu tới đứng tại vị trí của mình)

Người chủ tế đứng hàng đầu, tay bắt ấn Tý.

Tất cả những người quì tế phải mặc áo dài trắng quần trắng, nam đội khăn đóng đen, nữ để đầu trần.

2. Giai quì. (đều quì xuống). Tất cả xá 3 xá, quì xuống.

3. Phần hương. (đốt nhang)

Tiếp lễ đốt 3 cây hương, trao cho người chủ tế.

4. Nguyện hương. (cầm nhang cầu nguyện)

Chủ tế cầm 3 cây hương đưa lên trán cầu nguyện.

5. Thượng hương. (dâng hương cắm vào lư nơi bàn thờ)

Người tiếp lễ tiếp 3 cây hương đem cắm vào lư hương.

6. Cúc cung bái. (cúi mình lạy xuống)

Tất cả những người quì tế lạy xuống 3 lạy tron.

7. Chúc tửu. (rót rượu)

Người tiếp lễ lấy nhạo rót rượu vào ly rượu trên bàn thờ.

8. Cúc cung bái.

Tất cả những người quì tế lạy xuống 3 lạy tron.

9. Ai chúc. (đọc kinh tế lễ với giọng Nam ai)

Đồng nhi tụng Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu, rồi tụng tiếp ba biến Kinh Cứu Khổ. Chỗ cứu hộ đệ tử thì tụng là: cứu hộ Cửu Huyền Thất Tổ thoát ly khổ nạn... ..

10. Cúc cung bái.

Tất cả những người quì tế lạy xuống 3 lạy tron.

11. Điểm trà. (rót nước trà)

Người phụ lễ rót nước trà vào tách nước trà trên bàn thờ.

12. Cúc cung bái.

Tất cả những người quì tế lạy xuống 3 lạy tron.

13. Hưng bình thân. (cất mình đứng thẳng lên)

Tất cả những người quì tế đứng dậy, xá 3 xá.

14. Tử tôn dĩ hạ giai xuất. (Tất cả con cháu từ đó sắp xuống đều bước ra ngoài).

15. Lễ thành. (Cuộc tế lễ đã xong).

V. Giải thích các chi tiết:**1*. Nhạc tấu Quân Thiên:** 樂奏鈞天

Quân là cái bàn xoay của người thợ nặn đồ gốm. Quân Thiên là chỉ Đấng Tạo Hóa, là Thượng Đế.

Nhạc tấu Quân Thiên là những khúc nhạc tấu lên để hiến lễ Đức Chí Tôn.

Diễn tích: Quân Thiên Nhạc.

Theo Sử Ký, Triệu Giản Tư mắc bệnh, năm ngày liền không nhận ra người thân. Biển Thước đến thăm bệnh, coi mạch xong, Đồng An Vu hỏi, Biển Thước trả lời:

- Không có gì lạ cả, trước kia Tần Mục Công cũng bị bệnh như thế, 7 ngày sau mới tỉnh.

Trong lúc bị bệnh như thế, Triệu Giản Tư thấy mình đi lên chơi chốn Thiên đình, nghe tấu một điệu nhạc rất hay, xúc động cả tâm can, gọi là Quân Thiên Nhạc.

Hai ngày rưỡi sau, Triệu Giản Tư tỉnh lại, nói với một quan Đại Phu rằng: - *Dữ bách Thần du ư Quân Thiên, quảng nhạc cửu tấu vạn vũ, bất loại tam đại chi nhạc, kỳ thanh động nhân tâm.* Nghĩa là: Cùng trăm Thần ruổi chơi nơi Quân Thiên, quảng nhạc tấu 9 khúc, vạn điệu múa, không khúc nào giống khúc nào thời tam đại, tiếng nhạc làm xúc động lòng người.

Lâu nay, chúng ta thường viết NHẠC TẤU HUÂN THIÊN, nên sửa lại viết là Quân Thiên mới đúng chánh tả.

Có 3 trường hợp Nhạc tấu Quân Thiên (NTQT):

1. Cúng Tiểu đàn: NTQT chỉ đờn 3 bài:

- Ngũ đối hạ. - Long đăng. - Tiểu khúc.

2. Cúng Đại Đàn 3 Đấng Giáo chủ Tam giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm và Đức Chúa Jêsu: NTQT đờn 5 bài:

- Xàng xê. - Ngũ đối thượng.

- Ngũ đối hạ. - Long đăng. - Tiểu khúc.

3. Cúng Đại Đàn Vía Đức Chí Tôn (mùng 9 tháng giêng), và 3 ngày rằm lớn của Tam nguyên:

Nhạc tấu Quân Thiên đờn 7 bài, ý nghĩa như sau:

1. Xàng xê: nghĩa là đưa qua trộn lại, không ở một chỗ, ấy là Hỗn độn sơ khai (khi nở ra một tiếng).

2. Ngũ đối thượng: nghĩa là 5 tầng trên, trên trời có Ngũ Khí, ấy là khí thanh nổi lên làm trời.

3. Ngũ đối hạ: nghĩa là 5 tầng dưới, đó là Ngũ Hành, ấy là trọc khí hạ xuống làm đất.

4. Long đăng: nghĩa là rồng lên, ấy là Dương.

5. Long ngâm: nghĩa là rồng xuống, ấy là Âm.

6. Vạn giá: nghĩa là muôn việc đã định rồi, ấy là muôn loài vật đều có tên.

7. Tiểu khúc: nghĩa là sự nhỏ, ngắn, ấy là sự nhỏ ngắn đều có định luật và có tên.

Khi Nhạc tấu Quân Thiên thì Bát hồn vận chuyển dâng sự sống lên Đức Chí Tôn, nên chúng ta phải xem trọng giờ phút ấy, giữ mình cẩn thận, phải đứng im lặng,

ng nghiêm trang, không được nói chuyện hay đi tới lui, hoặc cử động như đập muỗi, gãi chỗ ngứa,... giữ tư tưởng trong sạch tưởng niệm Đức Chí Tôn.

Tại các Thánh Thất địa phương thường thiếu nhạc sĩ, nên không có khả năng đờn đủ 5 bài hay 7 bài theo như nghi lễ qui định, lúc đó chỉ đờn 3 bài (Ngũ đối hạ, Long đăng, Tiểu khúc); nếu như không đờn được 3 bài này thì chỉ đờn 1 bài Ngũ đối hạ, mà đờn 3 hiệp.

2*. Giải nghĩa các bài Kệ trống và chuông:

- **Lôi Âm Cổ Đài:** cái đài có đặt trống Lôi Âm, thường gọi là Lầu trống. Lôi là sấm, âm là tiếng, cổ là cái trống. Lôi âm cổ là cái trống phát ra tiếng lớn như tiếng sấm.

- **Bạch Ngọc Chung Đài:** cái đài có đặt chuông Bạch Ngọc, thường gọi là Lầu chuông.

1. Kệ trống:

C.1: *Lôi Âm thánh cổ triệt hư không.*

Tiếng trống Lôi Âm thiêng liêng thấu suốt tới cõi Hư không.

C.2: *Truyền tấu càn khôn thế giới thông.*

Tiếng trống truyền đi để tỏ bày cho cả càn khôn thế giới rõ.

C.3: *Đạo pháp dương kim dương chánh giáo.*

Giáo lý của Đạo Cao Đài hiện nay nêu cao cho mọi người biết, đây là một nền tôn giáo chơn chánh.

C.4: *Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung.*

Ánh sáng thiêng liêng chiếu sáng rực rỡ tòa Bạch Ngọc Kinh.

2. Kệ chuông Đại đàn và Tiểu đàn:

C.1: *Thần chung thính hướng phóng phóng Phong đô.*

Tiếng chuông thiêng liêng phát ra hướng đến cõi Phong đô.

C.2: *Địa Tạng khai môn phóng xá cô.*

Đức Địa Tạng Bồ Tát mở cửa phóng thích, tha các tội hèn.

C.3: *Tam kỳ vận chuyển kim quang hiện.*

ĐĐTKPD vận chuyển làm hiện ra một dải ánh sáng vàng.

C.4: *Sám hối âm hồn xuất u đồ.*

Các chơn hồn nơi cõi Phong đô sám hối tội tình thì đi ra khỏi nơi tối tăm ấy bằng con đường là dải kim quang nói trên.

3. Kệ chuông bãi đàn:

C.1: *Đàn tràng viên mãn, Chức sắc qui nguyên, vĩnh mộc từ ân, phong điều vũ thuận.*

Đàn cúng tế đã đầy đủ và trọn vẹn, Chức sắc trở lại chỗ cũ,

lâu dài gọi nhuần ơn huệ của Chí Tôn, gió hòa mưa thuận.

C.2: *Thiên phong hải chúng, quốc thời dân an, hồi hướng đàn trường, tận thâm pháp giới.*

Trời ban cho dân chúng, nước thanh dân yên, hồi hướng công đức nơi đàn cúng tế, thâm hết pháp giới.

C.3: *Án đà ra để dạ ta bà ha.*

Câu mật chú bằng tiếng Phạn, có ý nghĩa: Cầu nguyện chúng sanh được tiêu tai tăng phước, đắc thành Phật đạo, chư Phật chứng minh.

4. Kệ chuông nhứt:

C.1: *Văn chung khẩu hướng huệ trường càn khôn.*

Nghe tiếng chuông, cúi mình xuống hướng đến cái trí huệ lớn của Trời Đất.

C.2: *Pháp giới chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn.*

Nhơn sanh nơi các cõi trần cùng lên bờ giải thoát.

C.3: *Án đà ra để dạ ta bà ha.* (như trên)

5. Kệ chuông nhì:

C.1: *Nhứt vi u ám tất giai văn.*

Tất cả trong phạm vi cõi Phong đô ắt hẳn đều nghe biết.

C.2: *Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác.*

Tất cả chúng sanh đều thành bậc chánh giác (Phật).

C.3: *Án đà ra để dạ ta bà ha.* (như trên)

3*. Giải nghĩa lòng sớ (Vía Đức Lý Thái Bạch).

Nay vì đến tiết Trung Thu, ngày lành giờ tốt, chính là ngày Thánh đàn (ngày sanh) của Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng Nhứt Trấn Oai Nghiêm của ĐĐTKPD.

Các Chức sắc Thiên phong nghiêm chỉnh thiết lập đại đàn cúng tế gồm nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết làm thành nghi thức thành tâm dâng lễ.

Ngưỡng nguyện Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trấn Oai Nghiêm, đạt được trí dũng thiên tài, viết bài văn hồi đáp vua Phiên*, tiếng tăm tốt đứng trên cả một đời, vâng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn, bảo thủ chơn truyền Đại Đạo, phò hộ gìn giữ các đệ tử, đào tạo và rèn luyện trí thức tinh thần cho tài giỏi, thực hành chánh giáo, phổ độ và giáo hóa nhơn sanh hiệp hòa chủng tộc, cõi bỏ và cứu giúp các khổ nạn của chiến tranh, văn hồi an ninh trật tự, cho dân chung hưởng cảnh thái bình thanh trị, an nhàn hạnh phúc.

(* *Thảo*: viết ra. *Hịch*: hịch, bài văn đề lên án hay đề kêu gọi. *Man*: mọi rợ, chỉ nước Bắc phiên. *Thơ*: thư, văn thư.)

Nghi tiết cúng đàn tại ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU

- Tại sao chúng ta thờ Đức Phật Mẫu?
- Hai kiểu thờ tại ĐTPM.
- Nghi tiết cúng đàn tại ĐTPM.
- Nghi tiết cúng Tứ Thời tại ĐTPM.
- Giải thích các chi tiết.

I. Tại sao chúng ta thờ Đức Phật Mẫu?

Theo vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, thuở đầu tiên của càn khôn vũ trụ, trong khoảng không gian bao la, chỉ có một chất khí hỗn độn gọi là Khí Hư Vô (Hư Vô chỉ Khí), chuyển động quay cuồng, phát nổ ra một tiếng lớn (big bang), sanh ra một Đấng gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, trọn lành trọn tốt, ngôi của Ngài là Thái cực.

Đấng Thượng Đế phân Thái cực ra Lưỡng nghi: Âm quang và Dương quang. Đấng Thượng Đế chương quản Dương quang, còn Âm quang chưa có người chương quản. Thượng Đế tự hóa thân ra Đức Phật Mẫu để chương quản khí Âm quang. Từ đây mới bắt đầu có Ngôi Âm.

Đức Phật Mẫu cho hai Khí Âm quang và Dương quang phối hợp với nhau để tạo ra càn khôn vũ trụ và vạn vật. Trong vạn vật có chúng sanh. Trong chúng sanh, loài người khôn ngoan và linh thiêng liêng hơn hết vì Thượng Đế ban cho mỗi người một điểm linh hồn.

Nói riêng về con người, mỗi người chúng ta có Tam thể xác thân:

- **Xác thân phàm:** do cha mẹ phàm trần sanh ra và được nuôi dưỡng bằng thực phẩm vật chất phàm trần.

- **Xác thân thiêng liêng,** thường gọi là *chơn thân*, do Đức Phật Mẫu dùng hai nguyên khí nơi Diêu Trì

Cung tạo ra, được Đức Phật Mẫu nuôi dưỡng bằng khí Sanh quang do Thái cực phát ra.

- **Linh hồn** hay **chơn linh** là một điểm linh quang của Thượng Đế lấy ra từ khối Đại linh quang của Ngài để ban cho mỗi người, tạo ra sự sống và sự suy nghĩ hiểu biết.

Do đó, Thượng Đế là Cha của chơn linh, Đức Phật Mẫu là Mẹ của chơn thần, còn thể xác thì có cha mẹ phàm trần. Chúng ta phải thờ, trước hết là cha mẹ thể xác, kế đó là phải thờ hai Đấng Cha Mẹ thiêng liêng: Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Thờ Đức Chí Tôn, thờ Đức Phật Mẫu, thờ cha mẹ phàm trần là để chúng ta luôn luôn nhớ tưởng đến công ơn sanh thành và dưỡng dục của các Đấng ấy.

II. Hai kiểu thờ tại Điện Thờ Phật Mẫu:

Tại địa phương, ngôi nhà thờ Đức Chí Tôn được gọi là Thánh Thất, ngôi nhà thờ Đức Phật Mẫu gọi là Điện Thờ Phật Mẫu (ĐTPM). Tại Thánh địa Tây Ninh, Hội Thánh chưa xây cất Đền Thờ Phật Mẫu Trung Ương, nên tạm thời thờ Đức Phật Mẫu tại Báo Ân Từ.

1. Kiểu thứ nhứt (thờ giống như ở Báo Ân Từ):

ĐTPM thường cất có 3 gian:

- Gian chính giữa thờ: Diêu Trì Kim Mẫu (Đức Phật Mẫu), Cửu Vị Tiên Nương và Bạch Vân Động Chư Thánh.

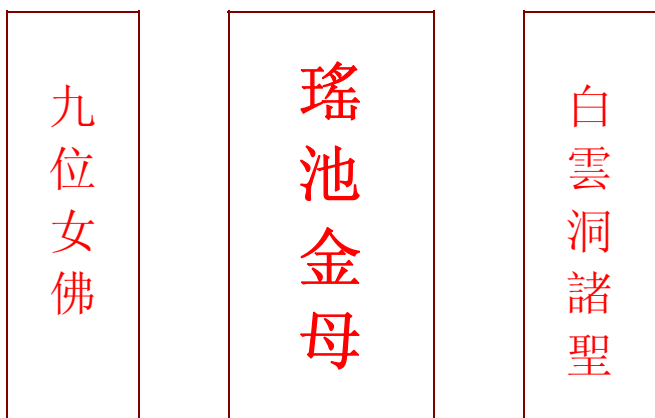
- Gian bên tả thờ: Chư Chơn Linh Nam Phái.

- Gian bên hữu thờ: Chư Chơn Linh Nữ Phái.

Các long vị đều được viết bằng chữ Nho đại tự.



1. Kiểu thứ nhứt (thờ giống như nơi Báo Ân Từ)



2. Kiểu thứ nhì (thờ giống như ở ĐTPM Trí giác Cung)

Khi nào Hội Thánh xây dựng được Đền Thờ Phật Mẫu Trung Ương thì mới có thể thông nhứt nghi lễ thờ Đức Phật Mẫu.

2. Kiểu thứ nhì (thờ giống ĐTPM Trí Giác Cung):

ĐTPM nơi Trí Giác Cung (Trường Qui Thiện cũ) không thờ Chư Chơn Linh Nam Phái và Nữ Phái, chỉ thờ Đức Phật Mẫu, Cửu vị Nữ Phật, Bạch Vân Động Chư Thánh.

- Gian giữa thờ: Điều Trì Kim Mẫu (Đức Phật Mẫu)
- Gian hữu thờ: Cửu Vị Nữ Phật (Cửu Vị Tiên Nương).
- Gian tả thờ: Bạch Vân Động Chư Thánh.

III. Nghi tiết cúng đàn tại ĐTPM:

Đại Đàn cúng Đức Chí Tôn tại Thánh Thất thường cúng lúc 12 giờ trưa. Do đó, đàn cúng Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ Phật Mẫu địa phương phải dời lại cúng lúc 6 giờ chiều, tức là 18 giờ, nhằm giờ Dậu.

Cúng Đức Phật Mẫu tại ĐTPM chỉ có một nghi tiết, không phân ra Đại đàn hay Tiểu đàn, nhưng vì Lễ sĩ đều điện lễ khi Dâng hương hay Dâng Tam bửu, từ Ngoại nghi đến Nội nghi, nên nghi tiết cúng đàn Đức Phật Mẫu có phần giống Đại đàn cúng Đức Chí Tôn tại Thánh Thất.

Nhưng khi cúng đàn Đức Phật Mẫu, về Nhạc Tấu Quân Thiên (NTQT), phân ra hai trường hợp: đờn 3 bài và đờn 5 bài.

* **NTQT đờn 5 bài:** Vía Đức Phật Mẫu ngày 15 tháng 8, ba ngày rằm lớn của ba nguơn: 15 tháng giêng, 15 tháng 7 và 15 tháng 10.

* **NTQT đờn 3 bài:** các ngày sóc vọng thường lệ.

Trường hợp NTQT đờn đủ 5 bài chỉ có nơi Báo Ân Từ, còn các ĐTPM địa phương vì Ban nhạc thiếu nhạc sĩ nên chỉ đờn 3 bài.

Khi cúng đàn Đức Phật Mẫu, tất cả Chức sắc đều không mặc áo mào Chức sắc, chỉ mặc áo dài chet trắng y như các Đạo hữu mà thôi, bởi vì tất cả đều là con của Đức Phật Mẫu, không phân biệt phẩm tước.

Trong đàn cúng Đức Phật Mẫu, mọi người đều mặc đạo phục như nhau, thể hiện một sự bình đẳng rõ rệt giữa con cái của Phật Mẫu. Nơi đây chỉ có tình MẸ CON, và tình anh chị em với nhau mà thôi.

Đặc biệt chỉ có 6 Lễ sĩ mặc áo rộng màu vàng, đội mào trắng, mang giày bó trắng, phân ra 3 cặp: 1 cặp lễ xướng đứng hai bên Ngoại nghi, 1 cặp dâng và 1 cặp đài.

Gần tới 6 giờ chiều, các ban bộ có phận sự trong đàn cúng đi vào trước để chuẩn bị các việc, còn các nam nữ tín đồ thì sắp hàng đứng phía trước Điện Thờ.

Đúng 6 giờ chiều, nơi lầu chuông, vị chấp sự khởi kệ chuông nhưt: đầu tiên động 3 tiếng chuông, kệ 3 câu, dứt mỗi câu kệ thì động 1 tiếng chuông.

Bài kệ chuông nhưt giống y như kệ chuông cúng Tứ Thời: "*Văn chung khấu hướng... ..*"

Xong kệ chuông nhưt, Lễ sĩ khởi xướng:

1. Tịnh túc thị lập. (Đều nghiêm trang đứng hầu)

2. Chấp sự giả các tư kỳ sự. (Người được phân công phần việc nào thì đến giữ phần việc ấy)

Kế tiếp kệ chuông nhì.

Người chấp sự trên lầu chuông động 3 tiếng trước khi kệ, rồi kệ xong một câu thì động 1 tiếng chuông.

Bài kệ chuông nhì: "*Nhứt vi u ám... ..*"

Cặp Lễ Xướng tiếp:

3. Cung thành thứ tự nam nữ nhập đàn.

Tất cả các tín đồ nam nữ đi vào đàn cúng, tay bắt ấn Tý, đứng day ngang. Người hầu chuông nơi nội nghi gõ 1 tiếng chuông, mọi người xá đàn 1 xá, bước vào chánh điện, quay người hướng lên bàn thờ, đứng im lặng nghiêm trang.

4. Nhạc tấu Quân Thiên.

Nhạc khởi đánh trống Tiếp Giá, rồi bắt qua đờn 3 bài như đã nói ở trên.

5. Nghệ hương án tiền.

(Bước tới đứng trước bàn hương)

Hai cặp Lễ sĩ dâng đài (LSĐĐ) đến đứng trước và hai bên Chức việc quì ngoại nghi (CVNN). Hai Lễ sĩ đài, một bên có một bó nhang 3 cây cột lại chưa đốt, một bên có lư trầm. Nếu không có trầm thì dùng nhang thơm cắt ra bó lại thành bó lớn dặt vào lư.

6. Giai quì. (Tất cả đều quì xuống)

Vị hầu chuông lần lượt khắc 3 tiếng, tất cả nam nữ đồng xá 3 xá rồi quì xuống.

7. Phân hương. (đốt nhang)

Vị quì ngoại nghi cầm bó nhang 3 cây, đốt nhang và đốt lư trầm xá 3 xá rồi trao cho cặp Lễ sĩ đài. Nhạc đánh thét cho 4 Lễ sĩ đứng dậy, lui ra, quay mặt vào chánh điện, chuẩn bị điện hương.

8. Điện hương.

LSĐĐ theo tiếng trống nhạc, điện dâng hương và dâng lư trầm từ ngoại nghi vào nội nghi.

9. Quì. LSĐĐ quì phía trước vị CSCĐ.

Lễ sĩ trao bó hương cho vị chứng đàn và lư trầm cho vị quì kế bên. Hầu chuông lần lượt khắc 3 tiếng,

CSCĐ hai tay cầm bó hương cùng với mọi người xá 3 xá, vừa xá vừa niệm 3 lần:

- *Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.*
- *Nam mô Cửu Vị Tiên Nương.*
- *Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh.*

10. Thành kính tụng Niệm hương chú.

Đồng nhi tụng kinh Niệm Hương, giọng Nam ai. CSCĐ hai tay cầm bó hương kính cẩn nâng lên ngang trán và giữ như thế trong suốt thời gian đồng nhi tụng kinh Niệm Hương. Vị quì kế bên CSCĐ cũng nâng lư trầm lên ngang trán giống như CSCĐ.

11. Thượng hương. (Đem hương lên cắm vào lư hương)

CSCĐ cầm bó hương và vị quì kế bên cầm lư trầm, đồng xá 3 xá rồi trao cho hai vị tiếp lễ, một đem bó hương lên cắm vào lư hương trên bàn thờ, một cầm lư trầm lên đặt trên bàn thờ. Bốn Lễ sĩ dâng đài lui ra, trở bộ quay trở về ngoại nghi.

12. Cúc cung bái. (Cúi mình lạy xuống)

Nhạc đánh trống lập ban, toàn thể lạy Đức Phật Mẫu 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

13. Thành kính tụng Khai Kinh chú.

Đồng nhi tụng bài Khai Kinh, giọng Nam ai.

Dứt bài kinh thì cúi đầu, không xá, không lạy.

14. Thành kính tụng Phật Mẫu Chơn Kinh.

Nhạc gài trống đờn Nam xuân, đồng nhi tụng bài Phật

Mẫu Chơn Kinh, giọng Nam xuân.

15. Cúc cung bái. (giống như mục số 12)

16. Cung hiến Tiên hoa. (Kính dâng hoa quý)

Hai Lễ sĩ đài sắp đặt một bên có một bình hoa nhỏ đủ 5 sắc hoa tươi, một bên có 1 trái cây, rồi 4 Lễ sĩ dâng đài đồng đến đứng trước vị quì ngoại nghi, day mặt vào nhau.

17. Quì. Bốn Lễ sĩ dâng đài quì xuống.

18. Chỉnh Tiên hoa. (Sửa sang hoa quý)

Vị quì ngoại nghi chỉnh sửa hoa và quả cho ngay ngắn, cầm bình hoa và đĩa quả xá xuống 3 xá, rồi trao cho hai Lễ sĩ đài.

Nhạc đồ 3 hồi, 4 Lễ sĩ đứng dậy, lui ra hai bên, quay mặt hướng vào nội nghi, chuẩn bị điện dâng hoa và quả.

19. Điện Tiên hoa. (Lễ sĩ điện dâng Hoa quý)

Lễ sĩ điện dâng hoa giống y như lúc Điện Hương. Trong lúc Lễ sĩ điện thì đồng nhi thái bài Dâng Hoa theo giọng Đảo Ngũ Cung. Khi thái tới chữ Thượng Đế thì đổi lại là: Phật Mẫu.

Cúi mong Phật Mẫu rưới ân Thiên.

Khi dứt thái, Lễ điện vừa tới nội nghi, day mặt vào giữa.

20. Quì. LSĐĐ và 2 tiếp lễ đều quì xuống trước CSCĐ.

CSCĐ tiếp lấy bình hoa, vị quì kế bên tiếp lấy đĩa trái cây, đồng xá 3 xá, rồi đưa lên trán cầu nguyện, có điểm chuông, đồng thời tất cả mọi người trong đàn cũng đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện Dâng Hoa: "*Con xin dâng hình hài của con lên cho Đức Phật Mẫu tùy phương sử dụng.*"

21. Thượng Tiên hoa. (Đem hoa quý đặt lên bàn thờ)

Cầu nguyện Dâng Hoa xong thì đưa bình hoa và đĩa trái cây cho hai vị tiếp lễ đem đặt lên bàn thờ. Nhạc đồ 3 hồi, Lễ sĩ đứng lên, trở bộ quay về ngoại nghi.

22. Cúc cung bái.

Tất cả trong đàn cúng đều lạy Phật Mẫu giống như mục 12. Lưu ý: Dâng mỗi bửu đều lạy Phật Mẫu 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm danh hiệu Phật Mẫu: Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

23. Cung hiến Tiên tử. (Cung kính dâng rượu quý)

Hai Lễ sĩ đài sắp đặt một bên có một ly nhỏ để đựng rượu, một bên có một cái nhạo rượu trắng tinh khiết, rồi 4 Lễ sĩ dâng đài đồng đến đứng trước vị quì ngoại nghi, day mặt vào nhau.

24. Quì. LSĐĐ quì xuống trước vị CVNN.

25. Chúc tửu. (Rót rượu)

Vị CVNN cầm nhạo lên rót rượu vào ly, rồi hai tay cầm ly rượu xá 3 xá, trao lại cho Lễ sĩ đài. LSĐĐ đồng đứng dậy, lui ra, quay người hướng vào nội nghi, chuẩn bị điện dâng rượu.

26. Điện Tiên tử. (Lễ sĩ điện dâng rượu quý)

Công việc giống y như Điện Tiên Hoa.

Đồng nghi thái bài Dâng Rượu, Lễ sĩ điện lên nội nghi.

27. Quì. LSĐĐ và 2 tiếp lễ đồng quì xuống trước CSCĐ.

Vị chứng đàn tiếp ly rượu, vị quì kế bên tiếp nhạo rượu, cầm lên xá 3 xá, đồng đưa lên trán cầu nguyện, có khắc chuông, tất cả mọi người trong đàn cúng cũng đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện Dâng Rượu: *"Con xin dâng*

chơn thần của con lên cho Đức Phật Mẫu tùy phương sử dụng."

28. Thượng Tiên tửu. (Đem rượu lên đặt trên bàn thờ)

Cầu nguyện xong, xá 3 xá, rồi trao ly rượu và bình rượu cho hai vị tiếp lễ đem đặt lên bàn thờ.

Nhạc đồ 3 hồi, Lễ sĩ đứng lên, trở bộ đi về ngoại nghi.

29. Cúc cung bái. (giống như mục số 22)

30. Cung hiến Tiên trà. (Cung kính dâng trà quý)

Hai Lễ sĩ đài sắp đặt, một bên đặt 1 bình trà, một bên đặt 1 cái tách để đựng nước trà. LSĐĐ cùng đến đứng trước vị CVNN.

31. Quì. LSĐĐ quì xuống trước vị CVNN.

32. Diễm trà. (Rót nước trà)

CVNN cầm lấy bình trà, rót nước trà vào tách, cầm tách trà đưa lên trán xá 3 xá, rồi trao lại cho Lễ sĩ đài. LSĐĐ đứng dậy, lui ra, quay người hướng vào nội nghi, chuẩn bị điện trà.

33. Điện Tiên trà. (Lễ sĩ điện dâng trà quý)

Công việc giống y như Điện Tiên Hoa.

Đồng nghi thái bài Dâng Trà, Lễ sĩ điện vào nội nghi.

34. Quì. LSĐĐ và 2 tiếp lễ đồng quì xuống.

Vị chứng đàn tiếp tách trà, vị quì kế bên tiếp bình trà, đồng xá 3 xá rồi đưa lên trán cầu nguyện, có khắc chuông, tất cả mọi người trong đàn cúng cũng đưa ấn Tý lên trán cầu nguyện Dâng Trà tức là dâng linh hồn, nhưng lần cầu nguyện chót này nên dâng cả Tam bửu lên Đức Phật Mẫu, vì đây là Bí pháp giải thoát:

"Con xin dâng cả thể xác, chơn thân và linh hồn của con lên cho Đức Phật Mẫu tùy phương sử dụng."

35. Thượng Tiên trà. (Đem trà lên đặt trên bàn thờ)

Cầu nguyện xong, xá 3 xá, trao tách trà và bình trà cho hai vị tiếp lễ đem đặt lên bàn thờ.

Nhạc đồ 3 hồi, Lễ sĩ đứng lên, trở bộ đi về ngoài nghi.

36. Cúc cung bái. (giống như mục số 22)

37. Số văn thượng tấu. (Số văn tâu lên)

Hai Lễ sĩ dâng đi lên nội nghi, bước đi thường, không điện,

38. Quì.

Hai vị tiếp lễ, 1 vị cầm đĩa đựng số văn, 1 vị cầm cái thố (hay cái bình) để đựng tro lúc đốt số, quì phía dưới cặp Lễ sĩ dâng. Một vị có phận sự đọc số lên quì gần CSCĐ.

CSCĐ cầm số xá 3 xá, cầu nguyện, rồi rút tờ số ra trao cho người đọc số, còn vị CSCĐ hai tay cầm bao số cung kính nâng lên ngang trán trong suốt thời gian đọc số.

39. Thành đọc số văn. (Thành kính đọc bài văn số)

Vị đọc số, cao giọng đọc lên, đến danh hiệu của các Đấng thì dừng lại một chút để khắc chuông cúi đầu kính lễ.

Bài văn số cúng Đức Phật Mẫu ngày mừng 1 thường lệ (Số lệ) chép ra như sau:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thất thập . . . niên)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Thời duy, Thiên vận niên, ngoạt, sơ nhứt nhứt, Dậu thời, hiện tại Việt Nam quốc, Trán, Châu, Tộc, Hương, cư trụ Điện Thờ Phật Mẫu chi trung.

Kim đệ tử . . . (tên họ của vị chứng đàn). . . công đồng chư thiện nam tín nữ đẳng qui tại điện tiền, thành tâm trình tấu.

HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI:

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn,
Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn,

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRÁN OAI NGHIÊM:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPD,

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn,

Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn,

Thập phương chư Phật, vạn chủng chư Tiên, liên đài chi hạ.

Kim vì, sóc nhứt lương thần, chư thiện nam tín nữ đẳng nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng Đức Kim Bàn Phật Mẫu, dĩ đức từ bi, chuyển họa vi phước, thoát ách tiêu tai, thế giới an ninh, cộng hòa nhơn loại, Tổ quốc Việt Nam đạt vinh quang, sanh chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi Đường Ngụ chi phong hóa.

Ngưỡng vọng Đức Kim Bàn Phật Mẫu, phát hạ hồng ân, hoằng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhứt, vĩnh sùng chánh giáo, giải thoát tiền khiên, triêm ngưỡng Mẫu ân tứ phước.

Ngưỡng vọng Đức Kim Bàn Phật Mẫu, cứu độ các đẳng chơn linh quá vãng tảo đắc siêu thăng, an nhàn Cực Lạc.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấn nguyện cúc cung khấu bái thượng tấu

Dĩ văn.

Đệ tử: . . . (tên họ của vị chứng đàn) . . .

40. Cung phần Số văn. (Cung kính đốt số)

Vị chứng đàn đặt lá số vào bao số, cầm số xá 3 xá, hai Lễ sĩ dâng dùm hai ngọn đèn lại cho vị chứng đàn đốt số, thấy cháy được phân nửa thì bỏ vào thố, vị tiếp lễ đem thố đặt lên bàn thờ, hai Lễ sĩ trở về ngoại nghi, vị đọc số trở về chỗ cũ.

41. Cúc cung bái. (giống như mục số 12)

42. Thành tâm tụng Ngũ Nguyên.

Đồng nhi tụng Ngũ Nguyên.

43. Cúc cung bái. (giống như mục số 12)

44. Hưng bình thân. (Cất mình đứng thẳng lên)

Mọi người trong đàn cúng đứng thẳng dậy tại vị trí của mình. Khắc chuông, mọi người đứng xá sâu xuống 3 xá, quay trở ra sau xá 1 xá để kinh khí Sanh quang.

45. Cung thành thứ tự phân lập lưỡng ban.

(Cung kính, thứ tự, phân ra đứng thành hai ban: nam và nữ)

Tất cả tín đồ trong đàn cúng, lui ra hai bên, đứng trật tự như lúc mới nhập đàn.

Các Ban: Đồng nhi, lễ sĩ, lễ vụ, kiêu đàn, những người hầu đàn lần lượt vào chánh điện lạy Đức Phật Mẫu 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *"Nam mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn."*

Riêng Ban Nhạc thì quì ngay trên lầu lạy Đức Phật Mẫu, vì còn phận sự đánh nhạc.

Người chấp sự trên lầu chuông động chuông bãi đàn.

Động trước 3 tiếng chuông, rồi kệ bài Kệ chuông bãi đàn, kệ xong 1 câu thì động 1 tiếng chuông lớn. Bài kệ chuông bãi đàn: *"Đàn tràng viên mãn, Chưc sắc qui nguyên,... .."*

Tiếng chuông kệ bãi đàn vừa dứt, Lễ xướng:

46. Lễ thành. (Cuộc lễ cúng tế đã xong)

Nhạc đánh thét rồi dứt. Mọi người xá đàn 1 xá rồi bắt đầu đi ra. Các vị bên trong đi ra trước, đi hàng một, đi ra cũng trật tự như khi đi vào nhập đàn. Khi ra khỏi chánh điện mới xá ấn Tý.

Tất cả có **46 Nghi tiết** trong lễ cúng đàn Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ Phật Mẫu địa phương.

IV. Nghi tiết cúng Tứ Thời tại ĐTPM:

Cúng Tứ Thời tại ĐTPM vào 4 thời điểm: Tý (0 giờ tức 12 giờ khuya), Mão (6 giờ sáng), Ngọ (12 giờ trưa), Dậu (18 giờ tức 6 giờ chiều).

1* Đúng giờ cúng, trên lầu chuông, vị chấp sự khởi động Chuông Nhứt.

Trước hết động 3 tiếng chuông, kệ 3 câu, mỗi câu động 1 tiếng chuông. Bài kệ chuông nhứt: *"Văn chung khẩu hướng... .."*

Khi hết chuông nhứt, các tín đồ tham dự cúng Tứ thời đi vào chánh điện, sắp hàng hai bên, nam nữ đứng đối diện nhau, tay bắt ấn Tý, chờ nghe chuông nhì.

2* Kệ chuông nhì, dứt mỗi câu thì động 1 tiếng: *"Nhứt vì u ám... .."*

3* Người hầu chuông nơi nội nghi gõ 1 tiếng chuông, hai bên xá đàn 1 xá, bước vào trong, nhìn lên bàn thờ, gõ chuông 3 lần, xá 3 xá, quì xuống.

4* Người hầu chuông lần lượt khắc 3 tiếng, mọi người đưa ấn Tý lên trán vừa xá vừa niệm 3 lần:

- *Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.*

- *Nam mô Cửu Vị Tiên Nương.*

- *Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh.*

5* Đồng nhi tụng kinh Niệm Hương, giọng nam ai.

Lạy Phật Mẫu 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *"Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn."*

6* Đồng nhi tụng Khai Kinh, giọng nam ai.

Dứt bài Khai Kinh thì cúi đầu, không xá, không lạy.

7* Đồng nhi tụng Phật Mẫu Chơn Kinh.

Lạy Phật Mẫu 3 lạy 9 gập, mỗi gập niệm: *"Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn."*

8* Đồng nhi tụng bài Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu: *"Kể từ Hồn độn sơ khai,... .."*

(Bài Tán Tụng Công Đức ĐTKM chỉ tụng khi cúng Tứ Thời, còn khi cúng đàn thì không tụng).

Lạy Phật Mẫu 3 lạy 9 gập, niệm danh hiệu Phật Mẫu.

9* Đén phần Dâng Tam bửu, tùy theo thời mà thái.

- Cúng khuya và trưa: thái bài Dâng Rượu.

- Cúng sáng và chiều: thái bài Dâng Trà.

Dù thái dâng Rượu hay dâng Trà, chúng ta cũng cứ cầu nguyện dâng đủ Tam bửu lên Đức Phật Mẫu, giống y như cầu nguyện dâng Tam bửu lên Đức Chí Tôn, vì đây là Bí pháp giải thoát chúng ta khỏi luân hồi:

Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn,

Nam mô Cửu Vị Tiên Nương,

Nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

Con xin dâng cả thể xác, chơn thân và linh hồn của con lên cho Đức Phật Mẫu tùy phương sử dụng.

Cầu xin các Đấng thiêng liêng chứng minh.

Lạy Đức Phật Mẫu 3 lạy 9 gập và niệm như trên.

10* Tụng Ngũ Nguyện.

Lạy Đức Phật Mẫu như trên.

Đứng dậy, xá 3 xá, quay ra sau xá 1 xá, lui ra đứng hai bên chánh điện như lúc mới nhập đàn. Chờ kệ chuông bãi đàn.

11* Kệ chuông bãi đàn: "Đàn tràng viên mãn,
Chức sắc qui nguyên... .."

Dứt kệ chuông bãi đàn, vị hầu chuông nơi nội nghi
khắc 1 tiếng chuông, hai bên xá đàn 1 xá, rồi bắt đầu đi
ra, trong đi ra trước, lần lần tới ngoài. Hết.



Đức Phật Mẫu, Cửu vị Tiên Nương

và 4 Tiên đồng nữ nhạc cỗi chim Thanh loan bay xuống cõi trần.
(Tượng thờ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương nơi Báo Ân Từ)

V. Giải thích các chi tiết:

1. Cửu vị Tiên Nương - Cửu vị Nữ Phật:

Cửu vị Tiên Nương là 9 vị Nữ Tiên hầu Đức Phật
Mẫu và giúp việc cho Đức Phật Mẫu.

Trong thời khai Đạo, Cửu vị Tiên Nương lập được
nhiều công quả nên đắc thành Phật vị, gọi là Cửu vị Nữ
Phật.

Nhưng, 9 Đấng ấy, khi thi hành nhiệm vụ giáo hóa
và phổ độ nhơn sanh thì xưng là Cửu vị Tiên Nương; khi
an ngự trên ngôi vị thì xưng là Cửu vị Nữ Phật.

Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương ngự tại DTC
nơi tầng trời thứ 9: Tạo Hóa Thiên của Cửu Trùng Thiên.

Trong Cửu vị Tiên Nương, các Đấng thường giảng
cơ dạy đạo là: Bát Nương, Thất Nương, Lục Nương, Ngũ
Nương. Kể từ khi Thất Nương đảm nhận nhiệm vụ giáo
hóa các nữ tội hồn tại cõi Âm Quang thì Thất Nương ít
có thời giờ rảnh để giảng cơ dạy Đạo.

2. Bạch Vân Động chư Thánh:

Bạch Vân Động là một cái động trên Mặt Trăng,
làm nơi cư ngụ cho các vị Thánh, mà Đức Thanh Sơn
Đạo Sĩ tức là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là Động
chủ.

Các vị Thánh nơi Bạch Vân Động có nhiệm vụ bảo
vệ Đức Phật Mẫu mỗi khi Đức Phật Mẫu du hành hay đi
xuống cõi trần. Cho nên khi thờ Đức Phật Mẫu, chúng ta
cũng thờ luôn Bạch Vân Động chư Thánh.

Trước khi Chí Tôn mở ĐĐTKPĐ, các vị Thánh
Bạch Vân Động được lệnh giảng sanh xuống cõi trần để
Đức Chí Tôn lập thành Hội Thánh trong buổi đầu khai
đạo.

Đối với nhơn loại thì con người không thể ở trên
Mặt Trăng vì nơi ấy không có nước và không khí, nhưng
đối với các Đấng thiêng liêng, Mặt Trăng là nơi để dừng
chân trước khi các Đấng ấy giảng xuống cõi trần (tức là
đi xuống địa cầu của nhơn loại).

3. Giải thích lòng sớ cúng Đức Phật Mẫu:

"Nay vì ngày mùng 1 giờ tốt, các vị thiện nam tín
nữ nghiêm trang thiết lập đàn cúng tế với nhang đèn,

bông trà trái cây, rượu tinh khiết làm nghi thức, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn, lấy đức từ bi chuyển hóa làm phước, thoát khỏi khổ ách, tiêu tan tai nạn, thế giới được an ninh, nhơn loại cộng hòa, Tổ quốc Việt Nam đạt được vinh quang, dân chúng an cư lạc nghiệp, phục hồi nền phong hóa như thuở vua Nghiêu vua Thuấn.

Ngưỡng vọng Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn, ban xuống hồng ân, hoằng khai Đại Đạo, độ tận chúng sanh, hiệp trí hòa tâm, tinh thần qui nhứt, vĩnh sùng chánh giáo, giải thoát khỏi các tiền khiên nghiệp chướng, chiêm ngưỡng ơn phước của MẸ ban cho.

Ngưỡng vọng Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn, cứu độ các cấp chơn linh đã quá vắng, sớm được siêu thăng, an nhàn nơi cõi Cực Lạc.

Các đệ tử đồng thành tâm cầu khẩn mong ước, cúi mình lạy xuống, tâu lên.

Kính trình."

HÀNH CHÁNH ĐẠO địa phương

- Các cấp Hành Chánh Đạo địa phương.
- Tổ chức điều hành một Thánh Thất.
- Nhiệm vụ của Đầu Tộc Đạo.
- Nhiệm vụ của Chức việc Bàn Trị Sự.
- Bổn phận của Đạo hữu.
- Luật công cử Chức việc Bàn Trị Sự.
- Phụ lục: Sắc lệnh của Đức Hộ Pháp qui định về: Lễ sĩ, Giáo nhi và Bộ Nhạc.

I. Các cấp Hành Chánh Đạo địa phương:

"Hành Chánh Đạo là cơ quan để thi hành các luật lệnh của Hội Thánh hoặc của chúng sanh dâng lên mà đã có Quyền Chí Tôn phê chuẩn, nghĩa là buộc chúng sanh phải tuân y luật pháp mà đi trên con đường đạo đức cho đặng thông dong, hòa bình, trật tự, hạnh phúc, an nhàn, tức là thật hành cả khuôn viên luật pháp cho ra thiết tướng." (*Đạo luật năm Mậu Dần 1938*)

Hành Chánh Đạo là thi hành cho đúng những qui điều trong chơn pháp để dìu độ chúng sanh lánh khỏi tội tình, hiệp về cội Đạo.

Cầm quyền Hành Chánh Đạo là phận sự của Chức sắc Cửu Trùng Đài thay mặt cho Trời mà thực thi nhơn nghĩa đạo đức để phục vụ nhơn sanh về phần vật chất tức là phần đời. Bảo thủ chơn truyền chẳng để cho Chánh giáo trở nên Phàm giáo là nhiệm vụ của Chức sắc Hiệp Thiên Đài can hệ về phần tinh thần tức là phần Đạo.

Thiết nghĩ, Chức sắc Cửu Trùng Đài được quyền sử dụng những luật lệ do nhơn sanh lập thành, nên phải gìn giữ nhắc nhở nhơn sanh tuân hành nghiêm chỉnh giáo

điều Tân luật, để khỏi bị phạm luật phạm pháp mà thất thế và lỗi đạo.

Vả lại, Chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài cũng không nên quên rằng, chính mình cũng phải chịu dưới luật lệ ấy vì nó đã thành Thiên điều tại thế rồi.

Vì thế, để xứng đáng là người hướng đạo tinh thần cho nhơn sanh, chư Chức sắc Thiên phong cần ý thức rõ vai tuồng Hành Chánh Đạo của mình, đừng vì một sự sơ suất hiểu lầm do phạm tâm lẫn áp mà **biến sự phục vụ thành quyền cai trị**, gây thống khổ cho nhơn sanh mà đắc tội với Đại Từ Phụ, sanh điều phản khắc với tôn chỉ và chủ nghĩa của nền Đại Đạo.

Để nhắc nhở chư Chức sắc Thiên phong, Hội Thánh Cửu Trùng Đài hiểu rõ vai trò Hành Chánh Đạo của mình, Hội Thánh xin giải rõ ý nghĩa, mục đích và cứu cánh của ba chữ: Hành Chánh Đạo.

1. Thích nghĩa ba chữ Hành Chánh Đạo:

Hành là làm, chánh là ngay thẳng, không xiên vẹo, nghĩa là làm cho ra thiết tướng nền chơn đạo của Đức Chí Tôn trong sứ mạng tận độ.

Hành Chánh Đạo (viết tắt HCD) thật là bao la và tổng quát vô cùng.

Tại sao nơi cửa Đạo Cao Đài lại có HCD, mà không như các tôn giáo hằng hữu ngồi yên để tịnh luyện?

Xin thưa: Đối với Đạo Cao Đài, HCD là một cơ cấu bình cán các đẳng chơn linh hạ trần nương theo đó mà hồi cựu vị. HCD có nghĩa rộng là làm sáng tỏ những điều chánh đáng của một nền tôn giáo mà Đáng để xưng là Đức Chí Tôn, Chúa tể cả vạn loại.

2. Mục đích của Hành Chánh Đạo:

Mục đích của HCD là phục vụ nhơn sanh trong tinh thần giáo hóa để giác ngộ, hầu hướng dẫn nhơn sanh lập công bồi đức, chuộc lỗi tiền khiên, qui hồi cựu vị.

Hành Chánh Đạo là một danh từ rất kêu đòi với đời, nhưng nó là một danh từ trống rỗng ở cửa Đạo về mặt uy quyền cũng như lợi lộc. Đạo Cao Đài sở dĩ có Hành Chánh Đạo là vì muốn cho có đẳng cấp trật tự đi trong lễ phải, thực hành chơn lý, để mỗi chơn linh dù lớn dù nhỏ, có phương tiện nương theo đó mà lập vị mình, hầu trở lại quê xưa hay là tiến hóa.

Chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài có phận sự phải thực thi Hành Chánh Đạo một cách công minh, nghĩa là ***chúng ta là kẻ tay sai cho tất cả sanh chúng***, nhờ ta kêu gọi diu dẫn mà họ sớm giác ngộ, cải tà qui chánh, thoát khỏi tục trần, lánh vòng phiền não sa đọa.

Chúng ta nên hiểu rằng, ***mục tiêu chánh của Hành Chánh Đạo là giáo hóa***, chứ không phải như Hành Chánh của đời là cai trị.

Các bậc Giáo chủ của các nền tôn giáo xưa kia đâu cần phải có hình thức quan lại trong khuôn khổ trị dân, để giáo Đạo đâu? Các Đấng ấy đi ta bà để khuyến dân dạy đời và thức tỉnh nhơn loại, rồi các đạo giáo ấy cũng thành hình trong sự dạy dỗ.

Vậy, chúng ta cả thầy nên nhìn vào sự giáo hóa mà tiến lên, đừng để hình thức cai trị bắt buộc phải theo đạo thì hình thức ấy chỉ là lầu đài trên bãi cát.

3. Cứu cánh của Hành Chánh Đạo:

Cứu cánh của Hành Chánh Đạo là đoạt vị tại thế trong chiều hướng tận độ chúng sanh đưa về cựu phẩm.

Chúng ta biết rằng, nhơn hồn có nhiều bậc cấp của chơn hồn, từ nguyên nhơn đến hóa nhơn và qui nhơn. Hành Chánh Đạo chẳng phải kêu gọi hàng nguyên nhơn

mà còn độ rồi hóa nhơn và trừ khử qui nhơn nữa. (Qui nhơn là tà tâm dục vọng).

Bởi có nên Đại Từ Phụ lập ra Cửu Trùng Đài để sắp xếp các đẳng linh hồn đã xuống thế, tùy theo căn nguyên biết mộ đạo tu tỉnh mà trở lại nguyên căn ở cõi vô hình hay là thượng giới.

Ngoài ra, bên qui vị, vì lẽ công bình của tạo đoan nên cũng có thành lập Tam thập lục động đối chiếu với Tam thập lục Thiên để khảo duyệt các chơn linh trước khi trở về đến Ngọc Hư Cung.

Do đó, Hành Chánh Đạo là làm thế nào cho sáng tỏ chơn lý, rạng rỡ nét công, không còn lẽ tà vạy trong hàng Chức sắc Thánh thể của Đức Chí Tôn, cũng như trong bốn đạo là con chung của Đại Từ Phụ.

Nếu mỗi mỗi trong Thánh thể của Đức Chí Tôn biết nêu cao lẽ chánh thì con đường tận độ sẽ thênh thang, cả nguyên nhơn lẫn hóa nhơn có thể trở lại ngôi xưa hay hóa kiếp để đoạt vị một cách dễ dàng, bằng ngược lại thì sẽ bị rơi vào cái bẫy khảo duyệt của chúa qui, tức nhiên là lọt vào tay của Kim Quang Sứ vậy.

Hành Chánh Đạo được tổ chức một cách chặt chẽ. Bất cứ nơi nào có ánh sáng mặt trời cũng có vết chân của các môn đồ của Thầy đến để cứu rồi nhơn loại. Nhơn loại cũng nương theo đường lối Hành Chánh Đạo mà tạo vị, lập công để chuộc tội tiền khiên, tiêu trừ nghiệt chướng.

Đức Chí Tôn dạy rằng: Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.

Ân huệ và hạnh phúc thay cho chúng sanh! Thầy đã lập một trường thi công quả hy hữu trước mắt, chúng sanh muốn tu hay chẳng muốn, sau này không còn chối cãi vì mê muội mà lạc bước sa vòng tà mị. (Trích bài

giảng Hạnh Đường của Ngài Đầu Sư Ngọc Nhươn Thanh).

Hành Chánh Đạo có một hệ thống tổ chức chặt chẽ từ trung ương ở Tòa Thánh đến các địa phương, phân cấp phân nhiệm rất rõ ràng để sự làm việc điều hòa tốt đẹp.

Trong hệ thống tổ chức Hành Chánh Đạo CTĐ, từ CỬ VIỆN đổ lên thuộc về HCD Trung Ương, từ CỬ VIỆN trở xuống thuộc HCD Địa phương.

HCD địa phương tổ chức trong nước Việt Nam gồm: Trấn Đạo, Châu Đạo, Tộc Đạo và Hương Đạo.

Trấn đạo là cấp cao nhất của HCD địa phương. Trong nước VN có nhiều Trấn đạo.

- Một Trấn Đạo có nhiều Châu Đạo. Đứng đầu Trấn Đạo là một vị Khâm Trấn Đạo, phẩm Giáo Sư, do Hội Thánh bổ nhiệm.

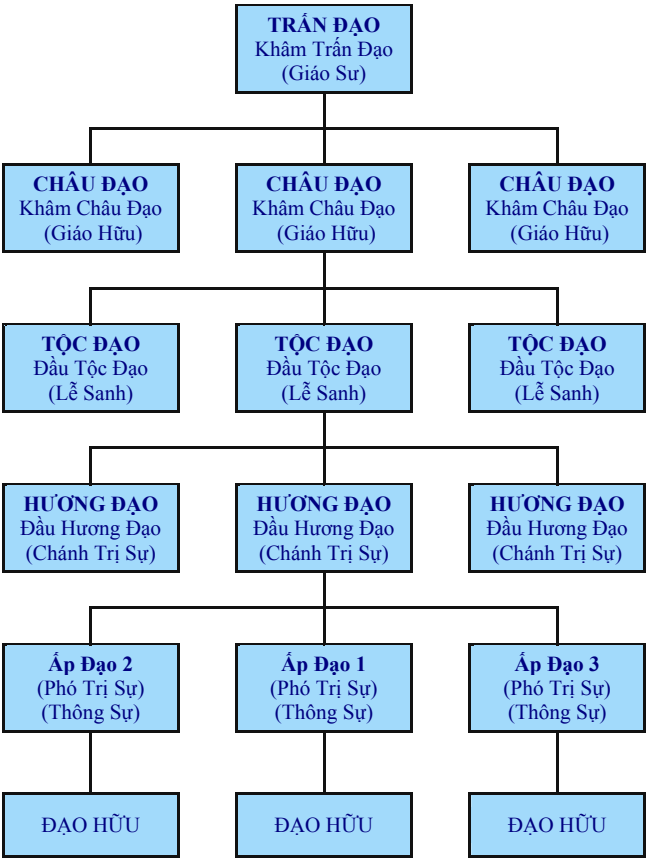
- Một Châu Đạo có nhiều Tộc Đạo. Đứng đầu Châu Đạo là một vị Khâm Châu Đạo, phẩm Giáo Hữu, do Hội Thánh bổ nhiệm.

- Một Tộc Đạo có nhiều Hương Đạo. Đứng đầu Tộc Đạo là một vị Đầu Tộc Đạo, phẩm Lễ Sanh, do Hội Thánh bổ nhiệm.

- Một Hương Đạo có nhiều Ấp Đạo, đứng đầu Hương Đạo là một vị Đầu Hương Đạo, phẩm Chánh Trị Sự, do các Chức việc Bàn Trị Sự của Hương Đạo bầu lên.

(Xem Sơ đồ tổ chức HÀNH CHÁNH ĐẠO địa phương)

HÀNH CHÁNH ĐẠO Địa Phương



- Một Ấp Đạo có 2 vị: Phó Trị Sự và Thông Sự trông coi đạo sự trong Ấp Đạo của mình. Phó Trị Sự và Thông Sự do các Đạo hữu trong Ấp Đạo bầu lên.

Như vậy, một Hương đạo chỉ có một Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo, nhưng lại có nhiều Phó Trị Sự và Thông Sự phụ trách trong các Ấp Đạo.

Đặc biệt trong Đạo Cao Đài, Hành Chánh Đạo nói riêng và các tổ chức khác của Đạo nói chung, đều phân ra hai phái NAM và NỮ.

Hai phái này có tổ chức Đạo hoàn toàn giống nhau, các cấp bậc đều tương ứng nhau, nhưng điều hành việc Đạo riêng theo mỗi phái, phái này không xen qua phái kia, quyền hành nam nữ riêng biệt.

HCD NAM PHÁI	HCD NỮ PHÁI
KHÂM TRẦN ĐẠO Giáo Sư	NỮ KHÂM TRẦN ĐẠO Nữ Giáo Sư
KHÂM CHÂU ĐẠO Giáo Hữu	NỮ KHÂM CHÂU ĐẠO Nữ Giáo Hữu
ĐẦU TỘC ĐẠO Lễ Sanh	NỮ ĐẦU TỘC ĐẠO Nữ Lễ Sanh
ĐẦU HƯƠNG ĐẠO Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự	NỮ ĐẦU HƯƠNG ĐẠO Nữ Chánh Trị Sự Nữ Phó Trị Sự Nữ Thông Sự
NAM ĐẠO HỮU	NỮ ĐẠO HỮU

Phẩm tước hay chức vụ của Chức sắc nữ phái giống y như bên nam phái, nhưng thêm chữ NỮ phía trước.

II. Tổ chức điều hành một Thánh Thất.

Mỗi Tộc Đạo cần phải xây dựng một Thánh Thất để làm nơi thờ cúng Đức Chí Tôn, các Đấng thiêng liêng và để qui tụ các tín đồ tổ chức các sinh hoạt của tôn giáo.

Vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo cai quản đạo sự trong Tộc Đạo thì cũng cai quản luôn cả Thánh Thất của Tộc Đạo.

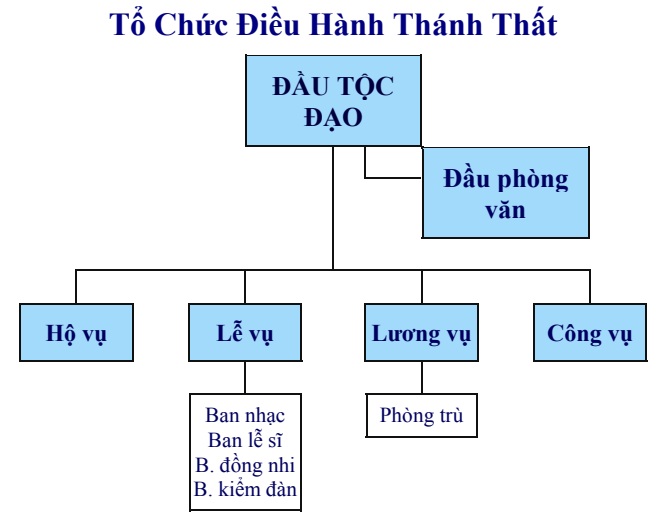
Giúp việc văn phòng cho Đầu Tộc Đạo thì có một vị Đầu Phòng Văn khoa mục do Hội Thánh bổ nhiệm.

Nếu không có Đầu Phòng Văn thì các Chức việc Bàn Trị Sự (BTS) của Tộc Đạo phải cử ra một Thơ Ký để giúp việc văn phòng cho Tộc Đạo.

Phân cai quản Thánh Thất thì có một Ban Tứ Vụ giúp việc cho Đầu Tộc Đạo.

Sơ đồ tổ chức như sau:

(Xem Sơ đồ tổ chức điều hành một Thánh Thất)



Viết tắt: - BTS: Bàn Trị Sự. - CTS: Chánh Trị Sự.
- HT: Hội Thánh. - ĐTĐ: Đầu Tộc Đạo.

*** Đầu Phòng Văn** của Văn phòng Tộc Đạo phải lập đầy đủ hồ sơ, sổ sách và giấy tờ cần thiết sau đây:

1. Hồ sơ Sắc lệnh, Thánh lệnh, Huấn lệnh của HT.
2. Hồ sơ Thánh huấn, Huấn thị, Châu tri của HT.
3. Hồ sơ văn thư của Hội Thánh gửi xuống.
4. Hồ sơ văn thư của Khâm Châu Đạo gửi xuống.
5. Hồ sơ văn thư của Đầu Tộc Đạo gửi đi.
6. Hồ sơ văn thư của Chức việc BTS gửi lên.
7. Hồ sơ Vi bằng nhóm lệ BTS hằng tháng.
8. Hồ sơ lưu chiếu các vụ kiện thưa, hòa giải.
9. Sổ nhật ký Tắm Thánh, Giải oan, Nhập môn.
10. Sổ nhật ký Cầu siêu các bồn đạo qui liễu.
11. Sổ nhật ký Khai sanh, Khai tử, Hôn phối.
12. Sổ nhật ký giấy tờ gửi đi.
13. Sổ nhật ký giấy tờ nhận được.
14. Bộ Chức việc và Đạo hữu.

Ngoài ra còn nhiều hồ sơ linh tinh khác tùy theo Tộc đạo có nhiều hay ít công việc đạo.

*** BAN TƯ VỤ của Thánh Thất:**

Ban Tư Vụ là một ban gồm có 4 vụ: Hộ vụ, Lễ vụ, Lương vụ và Công vụ. Mỗi vụ có phần hành riêng biệt.

- **Hộ vụ:** lo việc thu giữ tiền bạc của Thánh Thất do các tín đồ đóng góp để hành hương hay làm việc công ích trong Thánh Thất, giữ sổ thu xuất hằng ngày.

- **Lễ vụ:** lo việc nghi lễ, cúng Tứ thời, đàn lễ, sớ văn, quả phẩm, nhang đèn và sắp xếp các ban trực thuộc: lễ, nhạc, đồng nhi, thực hiện tang sự cho bồn đạo.

- **Lương vụ:** lo lương thực nuôi ăn Chức sắc và các nhân viên công quả. Lương vụ quản lý phòng trù (nhà bếp)

- **Công vụ:** lo việc tu bổ, bảo trì Thánh Thất và các nhà cửa làm cơ quan của Tộc đạo.

Ban Tư vụ là một bộ phận rất quan trọng trong công việc điều hành một Thánh Thất, cho nên Đầu Tộc Đạo phải chọn cử người có uy tín và kinh nghiệm trong bồn đạo, thông thường thì chọn các cựu Chức việc mà vì hoàn cảnh gia đình chưa đi cầu phong được.

Sự chọn cử phải được toàn cả Chức việc BTS trong Tộc Đạo bỏ thăm tín nhiệm, để vị ấy có đủ uy tín làm việc.

Các ban chuyên môn:

Phân Lễ vụ có các ban chuyên môn trực thuộc: Ban nhạc, Ban lễ sĩ, Ban đồng nhi, Ban kiểm đàn.

. Ban nhạc có một Nhạc sĩ cầm đầu. Nhạc sĩ này phải thi đậu cấp bằng Nhạc sĩ của Bộ Nhạc Lễ và được Hội Thánh bổ nhiệm. (Xem Phần phụ: Thánh Lệnh thành lập Bộ Nhạc)

. Ban lễ sĩ có một Lễ sĩ cầm đầu. Lễ sĩ này phải thi đậu cấp bằng Lễ sĩ của Bộ Nhạc Lễ và cũng được Hội Thánh bổ nhiệm. (Xem Phần phụ: Sắc lệnh về Lễ sĩ và Giáo nhi)

- Ban đồng nhi có một cô Giáo nhi cầm đầu.

Giáo nhi là cô giáo dạy các đồng nhi tụng kinh, đã thi đậu bằng cấp Giáo nhi và được Hội Thánh bổ nhiệm.

- Ban kiểm đàn để sắp đặt và gìn giữ trật tự trong đàn cúng. Nhon viên trong Ban kiểm đàn phải lựa chọn trong hàng Chức việc hay Đạo hữu gương mẫu.

Các con em trong nhà đạo, tuổi từ 6 đến 15, tuyển vào Ban đồng nhi. Có thể tổ chức hai ban đồng nhi: nữ và nam. Khi các em này lớn lên thì có thể đưa vào học tập trong Ban lễ sĩ hay Ban nhạc.

III. Nhiệm vụ của Đầu Tộc Đạo:

Nhiệm vụ của Đầu Tộc Đạo rất nặng nề, vì đây là cấp Hành Chánh Đạo cơ sở, làm việc trực tiếp với nhơn sanh, chịu hệ thống nhiều cấp chỉ huy, cho nên ngoài khả năng điều hành công việc, Pháp Chánh Truyền còn buộc Lễ Sanh ĐTD phải là người có đầy đủ đức hạnh mới có thể nhẫn nại vượt qua những nỗi khó khăn gặp phải.

Nhiệm vụ của Đầu Tộc Đạo có hai phần: đối ngoại và đối nội.

A. ĐỐI NGOẠI:

Đối với chánh quyền địa phương cấp quận, huyện hay cấp xã; đối với các tôn giáo bạn và các chi phái.

1. Đối với chánh quyền địa phương:

Đầu Tộc Đạo dùng sự chơn thật và hiền hòa của người tu hành tạo sự giao thiệp tốt đẹp với các quan chức của chánh quyền đời, tham gia tích cực vào các hoạt động từ thiện và các hoạt động văn hóa nâng cao dân trí, luôn luôn bày tỏ chủ trương thuần túy đạo đức tu hành của tôn giáo Cao Đài, dứt khoát không dung túng các phần tử xấu ẩn núp trong tôn giáo để gây chia rẽ hay mượn danh đạo làm chánh trị để tạo danh đời.

2. Đối với các tôn giáo bạn:

Đầu Tộc Đạo không nên chỉ trích hay bài bác các tôn giáo khác, cho rằng hiện nay chỉ có Đạo Cao Đài là chánh pháp, còn các tôn giáo khác là mạt pháp. Đây là điều tối kỵ mà nếu đụng vào thì hư hết các mối giao hảo.

Tôn chỉ **"Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt"** của Đạo Cao Đài chỉ có Đức Phật Di-Lạc mới thực hiện được và cũng không biết đến bao giờ, còn đối với người đạo chúng ta trong kiếp sanh này thật là quá lý

tuồng, cho nên điều này không làm cho các tôn giáo bạn hài lòng.

Đầu Tộc Đạo lấy tinh thần hòa đồng trong sự bình đẳng giữa các tôn giáo với mục đích chung là giáo dân vì thiện, cứu khổ ban vui, làm phương châm giao tiếp gây cảm tình với các tôn giáo bạn.

3. Đối với các chi phái của Đạo Cao Đài:

Hiện nay, những tín đồ trong các Chi phái của Đạo Cao Đài chỉ là những nạn nhân của một số ít Chức sắc tiền bối mà trước đây vì bất đồng quan điểm với Tòa Thánh Tây Ninh, quý vị này tách ra để lập Chi phái.

Đáng thương hơn nữa là họ có mặc cảm tự ti bởi Đạo Nghị Định số 8 ngày 15-7-Giáp Tuất (1934) của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp, cho rằng Chi phái là bàng môn tả đạo.

Tình thế hiện nay có nhiều đổi khác, vì từ năm 1934 đến nay trải qua gần 70 năm, việc đời Đạo biết bao thương hải tang điền, nền văn minh tiến hóa vượt bậc, thì tư duy của người đạo cũng cần phải thay đổi theo cho phù hợp với tình thế mới.

Chính Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp cũng đã nói từ năm 1957 và năm 1964 rằng:

"Về Đạo Nghị Định của Lão đối với Chi phái là phương pháp lúc trước để phổ độ nhơn sanh mà thôi, hiện giờ cửa Đạo đã mở rộng thì cơ qui như thế nào cũng thực hiện được." (TNST. Q4 B 11)

"Vậy ngày giờ đã gần đến nên Bàn đạo để lời khuyên cả Chức sắc và toàn đạo ráng thế nào thống nhứt Đạo cho được mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc." (TNST. Q4 B 33)

Việc phân chia Chi phái là một vết thương âm ỉ trong lòng của mỗi tín đồ Cao Đài có nhiệt tâm vì Thầy

vì Đạo, khi nhắc đến thì đau buốt cả tâm can, vì bao nhiêu lời dạy bảo thương yêu của Đức Chí Tôn đều bị phạm tâm bỏ chảy theo dòng sông ô nhiễm.

Người tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh mà không thương yêu được tín đồ Cao Đài của các Chi phái thì làm sao dám nói đến sự thương yêu đối với tín đồ các tôn giáo khác trong tôn chỉ qui nguyên phục nhứt. Cho nên, ưu tiên hàng đầu của Đạo Cao Đài là thực hiện cơ qui nhứt, như lời dạy của Đức Hộ Pháp, một là để có đủ sức mạnh phổ độ nhơn sanh, hai là làm gương tốt cho thế giới.

Cần mở rộng vòng tay đón mời các huynh đệ trong các Chi phái với một tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, giúp đỡ nhau như anh em một nhà. Còn nếu chúng ta vẫn giữ theo nếp suy nghĩ cũ, xem những người Chi phái như những kẻ hồi chánh, lầm đường lạc lối trở về, lại tự cho mình là kẻ bề trên, thì cơ qui hiệp biết đến bao giờ mới thực hiện được!

Cũng có nhiều vị tự cho mình là người đạo kỳ cựu nhưng họ tu lẻ phè, phát phơ theo cuộc thủy triều, không siêng năng cúng kiếng và làm công quả, thì bước đường tiến hóa của họ đi được bao nhiêu mà khoe là kỳ cựu?

Tuy rủi ở trong Chi phái nhưng có nhiều người có trí thức cao, đạo hạnh tốt, trình độ tiến hoá tâm linh đáng trọng. Dù ở vị trí nào, ở hoàn cảnh nào, cũng có thể tu hành chơn chánh được, miễn là biết giữ tâm cho chơn chánh, xa lánh điều tà vạy; nhưng nếu ở trong nghịch cảnh hoài thì sự tiến hóa ắt phải khó khăn chậm trễ, chỉ bằng chuyển đổi hoàn cảnh cho thuận chiều Thiên lý thì sự tiến hóa tâm linh ắt dễ dàng nhanh chóng.

Chúng ta cũng cần kêu gọi những tín đồ Chi phái nên đặt lợi ích chung, danh dự chung của Đạo Cao Đài, hy sinh phần nào quyền lợi cá nhân, xem phẩm tước

phàm trần là giả tạm, mà qui tụ đoàn kết với nhau trong một Hội Thánh duy nhứt, một Tòa Thánh duy nhứt, làm vui lòng hai Đấng Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, hầu tạo được phẩm vị chơn thật nơi cõi thiêng liêng.

Con đường tiến hóa tất yếu của Đạo Cao Đài là phải qui hiệp, những chướng ngại trên con đường tiến hóa này sẽ bị dẹp bỏ, ai giữ mãi tinh thần chia rẽ sẽ bị đào thải là lẽ tất nhiên không thể nào tránh khỏi.

B. NỘI DUNG:

1. Cấp trên trực tiếp của Đầu Tộc Đạo là Khâm Châu Đạo, nên tất cả Đạo sự trong Tộc đạo, Đầu Tộc Đạo phải báo cáo đầy đủ chi tiết lên Khâm Châu Đạo, gặp những việc khó khăn thì phải xin ý kiến của Khâm Châu Đạo giải quyết. Ngoài ra, Đầu Tộc Đạo còn phải làm đủ tất cả các phúc trình Đạo sự gởi lên Châu đạo, Trấn đạo và Hội Thánh ở Trung ương.

2. Đầu Tộc Đạo phải ban hành các các giấy tờ của Đạo do cấp trên gởi xuống như: Đạo lệnh, Thánh lệnh, Huấn lệnh, Thông tri, Châu tri, v.v...

3. Thiết lập các đàn cúng Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng vào những ngày Vía hay Sóc Vọng.

Sau thời cúng thì đọc Thánh Ngôn hay thuyết đạo, nhưng cần ngắn gọn vì các tín đồ đã mệt mỏi nhiều.

4. Đầu Tộc Đạo lo nhập môn cho Tân tín đồ, khai đàn, thượng tượng và dẫn giải lễ nghi thờ cúng của Đạo.

5. Đầu Tộc Đạo chủ tọa các phiên họp của các Chức việc Bàn Trị Sự và Ban Tứ Vụ của Thánh Thất, Đầu Phòng Văn làm Từ hàn lập biên bản các phiên họp.

6. Đầu Tộc Đạo cùng Chức việc BTS, Ban Tứ Vụ lo tang tế sự cho các bôn đạo trong địa phận của mình, hoặc đi thăm viếng và giúp đỡ các gia đình đạo gặp khó khăn.

7. Đầu Tộc Đạo chủ tọa việc công cử các chức vụ Bàn Trị Sự khi bị khuyết, có mời vị Pháp Chánh của Tộc đạo đến giám thị. (Xem chi tiết nơi phần sau).

8. Về quyền sửa trị và giáo hóa của Đầu Tộc Đạo:

Lễ Sanh khi đã nhậm chức Đầu Tộc Đạo (ĐTĐ) thì có quyền giáo hóa chư Chức việc và tín đồ trong Tộc đạo mình cai quản và có quyền hòa giải những sự xích mích giữa người bốn đạo.

① **Khuyến giải:** Khi có người phạm lỗi nhẹ về Thế luật hoặc thiếu hạnh kiểm làm mất tư cách người đạo, làm tổn thương đến danh thể chung của người đồng đạo thì Lễ Sanh ĐTĐ phải có bốn phận dạy khuyên cho người biết ăn năn chừa lỗi.

② **Răn phạt:** Nếu vị nào chẳng biết sửa mình chừa lỗi, lại còn tái phạm thì Đầu Tộc Đạo có quyền răn phạt bằng cách quì hương tụng kinh Sám Hối.

③ **Hòa giải:** Những việc xích mích tranh tụng thường sự giữa người đồng đạo, dầu thuộc về việc đời hay việc đạo, Đầu Tộc Đạo chẳng nên dễ dãi bỏ qua để mất hòa khí, sanh những mầm hờn giận ghét ganh, mất tình tương thân tương ái cùng nhau.

Trong trường hợp này, Đầu Tộc Đạo cần mời tất cả đôi bên đến, dùng lời lẽ đạo đức giải thích phép đời luật đạo, lời thuận lẽ êm, cân phân phải quấy, cho đôi bên hiểu rõ, rồi hòa giải cho được thuận hòa cùng nhau.

④ **Răn trị:** Người giữ đạo buộc phải tuân y luật pháp của Đạo:

- Luật có Tân Luật,
- Pháp có Pháp Chánh Truyền.

Thoảng như có vị nào phạm luật, phạm pháp về mấy khoản nặng mà Lễ Sanh ĐTĐ đáng hiểu biết hay do Chức việc BTS phúc tờ lên thì ĐTĐ chẳng nên im ỉn mà chính mình phải đích thân đến tận nơi mở cuộc minh tra cho minh bạch, hoặc mời đến văn phòng hạch vấn cho ra lẽ, rồi phúc sự lên Giáo Hữu Khâm Châu Đạo để cho người liệu phương giáo hóa, hay Khâm Châu Đạo tư tở về Hội Thánh định đoạt.

⑤ **Kiện tụng:** Thoảng như có việc kiện tụng rắc rối đại sự, ĐTĐ đã hết lời hòa giải mà chẳng được, đôi đảng vẫn cố tình tranh đua hơn thiệt, hoặc vì quyền lợi, hoặc vì danh thể cá nhân, có ảnh hưởng đến quyền dân sự, chừng đó mới buộc lòng để hai đảng kiện đến tòa án quốc gia.

Còn những vụ tranh tụng về đạo mà Đầu Tộc Đạo hòa giải không được thì nên dùng quyền điều tra riêng, với tư cách vô tư, rồi phúc sự nội vụ lên cho Giáo Hữu Khâm Châu Đạo phân xử.

Chú ý: Lễ Sanh ĐTĐ cần phải am hiểu bộ Luật lệ xử đoán đã ban hành ngày 29-5-Đinh Dậu (1957) của Ngài Hiến Pháp Chương Quân Bộ Pháp Chánh.

Để có thực lực hữu hiệu điểm tô nghiệp đạo tại địa phương được tốt đẹp, ĐTĐ phải đặt tình thương lên trên hết, thật hành bác ái, vị tha, hướng dẫn điều hành thuộc cấp. Về tâm lý, phải sửa sai những lầm lẫn trong trách vụ, vui nhận mọi ý kiến của đàn em xây dựng mới đáng bậc đàn anh, có như vậy mới đẩy mạnh guồng máy Hành Chánh Đạo được nhịp nhàng và đặc nhơn tâm, thực hành đúng câu thể Thiên hành hóa mà Hội Thánh tin giao cho mỗi vị ĐTĐ đó vậy. (Trích tài liệu Hạnh Đường Lễ Sanh)

IV. Nhiệm vụ của Chức việc Bàn Trị Sự:

Chức việc Bàn Trị Sự (BTS) gồm 3 phẩm cấp: Chánh Trị Sự (CTS), Phó Trị Sự (PTS), Thông Sự (TS), chịu dưới quyền trực tiếp của ĐTD, nên phải sát cánh cùng ĐTD trong các đạo sự tại Hương đạo. Mọi đạo sự trong Hương đạo đều phải báo cáo với Đầu Tộc Đạo.

1. Bổn phận Chức việc BTS đối với Hội Thánh.

Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy: *"Thầy dùng lương sanh mà cứu vớt quần sanh. Cả lương sanh ấy, Thầy dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước un đúc nơi lòng một khiếu từ bi cho tâm địa có tính ái vật ưu sanh theo tánh đức háo sanh của Thầy, dùng lợi khí phạm tục để độ rồi người phạm tục. Những lương sanh ấy hiệp lại làm một, lập thành Hội Thánh, là xác thân phạm, tức hình thể hữu vi của Thầy tại thế để thể Thiên hành hóa, làm gương mẫu giáo hóa diu dắt con cái của Thầy trên đường Đạo và đường Đời trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ, để Thầy tránh khỏi phải hạ trần như lúc Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ."*

Bổn phận của Chức việc BTS là phải tuân mạng lệnh của Hội Thánh truyền dạy, không được phép trái với sở định của bề trên, chẳng lấy ý riêng của mình mà can thiệp, bất tòng giáo hóa. Phải giữ lễ nghĩa khiêm cung đối với Chức sắc Hội Thánh cho vẹn toàn bổn phận làm em, dầu có người kém tài trí đi nữa, đàn em cũng chẳng nên khinh khi, vi lệnh. Khinh khi vi lệnh người tức là buộc vào mình tội bất tuân luật pháp.

Thẳng như Chức sắc bề trên cầm quyền Hành Chánh Đạo rồi có việc chi ngộ bất cập lượng, sai suyển một đôi điều không phù hợp luật thương yêu và quyền công chánh, thì bổn phận của đàn em được phép gián can với lễ độ của tình huynh đệ nhất gia, chỉ rõ những việc

khuyết điểm để cho đàn anh suy độ mà cải cách hành vi cho phù hợp nhơn tâm, thuận tòng Thiên lý. Một điều nên ghi nhớ trong Tứ Đại Điều Qui là: Dưới gián trên đừng thất khiêm cung mà lỗi đạo làm em và bị phạm luật đạo.

Tóm lại, bổn phận Chức việc BTS, đã mang danh là Hội Thánh Em, mà đối với Hội Thánh cùng Chức sắc đàn anh bề trên được như vậy thì bao giờ Hội Thánh cũng tín nhiệm đàn em có tâm vì Đạo và cũng là làm tròn sứ mạng thiêng liêng của một Chức việc đối với Hội Thánh.

2. Bổn phận Chức việc BTS đối với bổn đạo.

Chúng ta công nhận Đức Chí Tôn là Ông Cha chung của nhơn loại về phần thiêng liêng, tức nhiên nhơn loại là anh em với nhau, mặc dù khác màu da sắc tóc, cái tình huynh đệ này giữa người đồng Đạo càng thêm thâm thúy và mật thiết hơn.

Đức Chí Tôn có giảng dạy:

Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức một Cha.
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhauặng chữ hòa.

Vậy Chức việc BTS đối với bổn đạo đàn em phải hết dạ thương yêu, thành thật giúp đỡ và diu dắt đàn em trên đường Đạo cũng như trên đường đời. Phải giữ hạnh khiêm cung từ nhượng, dùng lời dịu ngọt mà dạy dỗ, nhứt là phải đối xử cho công bình, giữ mình trong sạch để nêu gương tốt cho đàn em bắt chước.

Chức việc BTS được quyền sai khiến đàn em trong phạm vi quyền hạn của mình. Phải chỗ khiến thì ôn tồn mà khiến, chẳng phải chỗ sai chớ cưỡng bách mà sai, đừng làm điều chi quá quyền mà mất niềm hòa khí cùng nhau trong tình huynh đệ của đại gia đình tôn giáo.

Chức việc BTS là người thay Hội Thánh, thân cận với nhơn sanh trong Hương đạo, thì bổn phận của mỗi vị cần phải thực thi đúng trách nhiệm của mình y theo Pháp Chánh Truyền, tóm lược sau đây:

① **Chánh Trị Sự:** Mỗi Hương đạo có một Chánh Trị Sự, thay mặt Hội Thánh làm đầu tín đồ, gọi là Đầu Hương Đạo, làm anh cả trong địa phận ấy, chịu trách nhiệm về phần Đời và phần Đạo đối với Hội Thánh.

Vì vậy, Chánh Trị Sự phải là người đầy đủ đạo hạnh, hiểu biết về Luật pháp Chơn truyền của Đại Đạo, có đủ năng lực dìu dẫn bổn đạo được trong âm ngoai êm, chăm nom giúp đỡ sanh hoạt của môn đệ Thầy, giúp khó trợ nghèo, coi cả tín đồ như em ruột.

Chánh Trị Sự cầm quyền Luật pháp và Hành Chánh Đạo. Tại sao người cầm hết hai quyền? Bởi vì CTS là **Đầu Sư Em**, nên phải kiêm cả hai quyền và làm đầu trong một Hương đạo. Trong Luật pháp, cầm CTS không được xâm phạm ranh giới của CTS khác. Ngoài ra, luật pháp còn nghiêm cấm không cho công cử CTS Nội dung, CTS Đầu văn phòng, hoặc CTS Phổ tế.

② **Phó Trị Sự:** là người thay mặt Chánh Trị Sự trong một Ấp, gọi là Tri Lý Đạo để lo về phần hành chánh đạo, đăng phép sửa đường giúp đỡ, dìu dắt, dạy dỗ chư tín đồ trong địa phận trấn nhậm.

Về mặt xã hội, giúp đỡ bổn đạo trong xóm ấp được tương thân tương trợ, gặp người hoạn nạn thì Phó Trị Sự phải sốt sắng kêu gọi bổn đạo chung tâm trợ giúp. Phó Trị Sự có quyền giáo hóa chứ không có quyền sửa trị.

Phó Trị Sự cầm quyền hành chánh tức là Chánh Trị Đạo, ở Pháp Chánh Truyền gọi là **Giáo Tông Em**. Hễ quyền trên lớn lao bao nhiêu thì quyền dưới cũng thế, nhưng Phó Trị Sự chỉ cầm quyền một Ấp đạo.

Hai vị Phó Trị Sự và Thông Sự đều đồng thể, không ai lớn ai nhỏ, cũng như Giáo Tông và Hộ Pháp, song quyền hành riêng biệt: Phó Trị Sự có quyền về Hành Chánh Đạo, còn Thông Sự có quyền về Luật lệ. Phó Trị Sự và Thông Sự đều có quyền ứng cử chức Chánh Trị Sự.

③ **Thông Sự:** là người thay mặt Chánh Trị Sự trong một Ấp, gọi là Thông Lý Đạo, để lo về phần luật lệ.

Thông Sự có quyền răn dạy người đạo phạm luật pháp của đạo bằng cách giải thích khuyên lơn, nếu đôi ba lần mà người phạm lỗi không biết ăn năn chừa cải thì Thông Sự có quyền phúc sự lên CTS khuyên giải hoặc định hình phạt sám hối. Thông Sự là người cầm luật pháp, nên trong Pháp Chánh Truyền gọi là **Hộ Pháp Em**, nghĩa là đồng quyền đồng thể, không hơn không kém, nhưng Hộ Pháp cầm quyền toàn Đạo khắp thế giới, còn Thông Sự chỉ cầm quyền trong địa phận một Ấp đạo mà thôi, vì thế mới gọi là Hộ Pháp Em. (Trích Hạnh Đường Huấn Luyện BTS)

V. Bổn phận của Đạo hữu:

Người tín đồ, tuy đã nhập môn vào Đạo Cao Đài, nhưng vẫn là một công dân của quốc gia, một thành viên của xã hội và của gia đình, nên người tín đồ Cao Đài phải có bổn phận trước hết là đối với quốc gia, đối với xã hội và sau đó là đối với gia đình. Đó là phần Nhơn đạo.

Nhơn đạo có lo tròn thì mới có thể tu hành cầu phần Thiên đạo giải thoát.

Phần Nhơn đạo của người tín đồ thì rất rõ ràng và có nhiều sách khai triển chi tiết, như là các sách thuộc Nho giáo. Ở đây, trong phần này, xin nêu ra một số bổn phận của người Đạo hữu Cao Đài trong phạm vi tôn giáo.

Trong tôn giáo Cao Đài, một Đạo hữu cần có các bốn phận căn bản sau đây:

1. Phải tuân theo và gìn giữ luật pháp chơn truyền của Đại Đạo.
2. Luôn luôn ghi nhớ lời Minh Thệ lúc nhập môn cầu Đạo và giữ mình không được thất thệ.
3. Phải tuân lời dạy của Hội Thánh và của Chức sắc bề trên, nhưng cũng phải có sự nhận định sáng suốt đúng theo lẽ đạo.
4. Phải ăn chay tối thiểu 10 ngày trong một tháng, gìn giữ Ngũ giới cấm và Tứ đại điều qui theo Tân Luật.
5. Phải năng hầu đàn tại Thánh Thất và cúng Tứ thời tại tư gia.

Vào đạo rồi chớ nên lầm tưởng rằng, nhà mình có lập Thiên bàn thờ Thượng Đế, mỗi bữa cúng Tứ thời là đủ, cần chi phải đến Thánh Thất hầu đàn, vì ở đâu cũng Thầy vậy. Nghĩ như thế rất sai. Thánh Thất là nhà thờ chung lập ra cho chư Đạo hữu tới ngày sóc vọng (mùng 1 và 15) tựu đến, trước là dâng đại lễ cúng Thầy, cùng nghe thuyết pháp, sau nữa là có dịp cho mình hội hiệp nhau để luận bàn đạo đức, cùng xe chặt mối tương thân.

Thánh Thất lại là nơi biểu hiệu nền chơn đạo của Đấng Chí Tôn, do đó mà nhơn sanh mới biết cách hành đạo cùng cách sắp đặt đạo nghi niệm thức của mình ra thế nào, do đó mà đạo dễ phổ thông. Cho nên ngày sóc vọng, chư Đạo hữu nơi nào cần đến Thánh Thất nơi đó hầu đàn cho đông đảo thì đạo mới ra vẻ thanh hành.

Nếu mỗi người cứ nói ở nhà cũng có Thầy, rồi nhà ai nấy cúng mãi, thì Thánh Thất tất phải bỏ không, ấy có phải là điều đại quan hệ cho nền đạo lắm chăng?

Điều lệ hầu đàn: Cúng tế Trời Phật quý tại lòng thành kính. Chư Đạo hữu nam nữ đến hầu đàn phải cho tinh khiết nghiêm trang.

Vậy, trước khi đến hầu đàn, phải dọn mình cho sạch sẽ, hết lòng thành kính khẩn nguyện cùng Trời Phật. Đến đàn rồi, phải giữ lễ nghi cho nghiêm trang. Trước khi chỉnh đàn, không đứng ở trước Thiên bàn mà giỡn cợt hay là nói điều chi hoại sự hay là khạc nhổ trong đàn.

Dầu chỉnh đàn rồi, dầu chưa chỉnh đàn cũng vậy, nam nữ phải cho phân biệt thứ tự hần hồi, cứ trong ngó ra thì nam tả nữ hữu, không được lộn xộn, không phép nói cười là loi, không đặt lời to tiếng nhỏ, không đặt phép đem chuyện người ngoài mà thuật lại, không đặt luận bàn quốc sự, không đặt đồn đãi điều chi huyền hoặc, không đặt nhắc chuyện bất bình buổi trước mà cãi lầy nhau, không đặt hơn thua rầy rà, không đặt nói chuyện của Đạo hữu vắng mặt, không đặt dùng lời quanh co soi bóỉ nhau, không đặt giả ý nói chơi mà kỳ trung châm chích nhau, không đặt đem đến đàn những sách vở chi khác hơn là sách vở mà Hội Thánh đã phê chuẩn.

Khi nhập đàn: Nhập đàn phải khăn đen áo dài trắng, môn đệ của Đấng Chí Tôn thì sắc phục cứ tuân theo Thánh ý, mỗi người ai phải lo phận nấy, giữ cho khỏi vô lễ với Đấng Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chỉnh đàn rồi, phải phân hàng đứng hầu lắng lặng, khi cúng phải cho đại tịnh.

Những người uống rượu lỡ thì không nên nhập đàn.

Hầu đàn thì thân thể phải cho tinh sạch, lòng dạ kính thành. Việc tinh khiết cùng chẳng tinh khiết trong mình thì ai biết nấy, chớ người nào khác hơn mình thì

không thể rõ ràng. Ai đến lỡ mà trong mình không tinh khiết thì chẳng khả nhập đàn, e mang lỗi cùng Trời Phật. (Trích *Phương Châm Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông*)

6. Học tập cho nhuần nhuyễn 4 quyển sách căn bản của Đại Đạo là:

- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.
- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.
- Pháp Chánh Truyền.
- Tân Luật.

Tại sao chúng ta phải học đạo? Học đạo để biết Đấng Thượng Đế là ai? Ta là ai? Tại sao chúng ta phải tu? Mục đích của đời sống con người là gì? v.v....

Trong các việc học thì học đạo là khó khăn nhất, vì học chữ chỉ dùng trí não để lãnh hội, còn học đạo thì dùng cả trí não và tâm hồn mới lãnh hội được.

7. Đạo hữu còn phải học tập thêm các kinh sách khác của Đạo để trau dồi kiến thức và nhờ đó được:

- củng cố và phát triển đức tin,
- từ bỏ mê tín, chỉ còn chánh tín,
- biệt phân thiện ác, chánh tà.

Sách kinh luật lệ trong Đạo chẳng khác nào ngọn đèn để soi tỏ bước đường cho người giữ đạo.

Người ít học cần năng đọc sách xem kinh, một là mở mang kiến thức cho mình, hai là đặt rõ thông đạo lý. Luật đạo là qui tắc dọn sẵn để mọi người do theo mà hành đạo cho có chuẩn thẳng, cho khỏi phạm điều giới cấm. Có người nhập môn rồi mà không lo học hỏi theo kinh sách, giữ mình theo luật lệ, mỗi ngày chỉ cúng Tứ thời là gọi đủ, rồi than phiền rằng: Vào Đạo rồi mà không thấy ai chỉ bày tâm pháp, đạo lý chi hết. Than phiền như vậy rất sai lầm, vì số bốn đạo vẫn hằng ức

hàng triệu, ai hơi đâu chỉ biểu từ người. Thiên thơ sẵn, chơn kinh sẵn, tại mình không tỉnh mà xem, để than phiền trái lẽ.

Đó là phần người ít học. Còn phần người trí thức, tuy mình tài cao trí rộng mặc dầu, chớ mới bước chơn vào cửa Đạo, không thể nào hiểu đạo cho rành, mà dầu có hiểu thông đạo lý đi nữa, cũng nên xem kinh sách nào thuở nay mình chưa đọc đến, vì kinh sách ấy có lẽ cũng giúp thêm kiến thức cho mình nhiều ít. Vả lại, tuy mình tài trí mặc dầu, chớ mới vào đạo, thế nào hiểu thấu tôn chỉ cùng luật pháp đạo mầu cho rành rẽ. Ví dụ như một người thông minh kia sang đến xứ lạ nọ, muốn biết đường sá nơi ấy cần phải hỏi thăm người bản thổ, chớ có đâu tự phụ rằng, mình là người thông thái, không cần chi phải hỏi han đến kẻ thường nhơn thiếu học.

Việc Đạo cũng vậy, mình giỏi là giỏi về phương diện khác mà thôi, chớ mới vào cửa Đạo, tức cần phải hỏi đạo nơi người thông đạo trước mình, hoặc là học cứu nơi kinh sách. Đến khi rõ thông đạo lý rành rẽ rồi, nhờ trí thức của mình ra công nghiên cứu thêm nữa, có lẽ mình sẽ trội hơn người đã chỉ dẫn cho mình trước đó, rồi mình có thể trước tác ra nhiều sách vở có giá trị hơn sách vở mà mình đã xem trong buổi nhập môn cầu đạo.

Phải xem kinh sách thế nào?

Kinh sách vẫn do các Ngài rõ thông đạo lý soạn ra, song các bậc ấy vốn cũng người phàm như mình, nên cũng có chỗ sai lầm sơ sót, vì vậy mà kinh sách tự nơi mấy vị ấy soạn ra cũng có chỗ khuyết điểm sai lầm. (Xin chớ lầm tưởng rằng, kinh điển xưa vẫn là của Thánh Tiên làm ra hết; dầu cho thiết của Thánh Tiên đi nữa, chớ lúc soạn ra kinh điển ấy, các Ngài vẫn cũng còn phàm thì tất phải còn lầm lạc).

Vả lại, kinh sách làm ra phải hợp thời tùy thế. Có nhiều quyển kinh xưa, sách cũ đối với đời trước thì rất hợp thời, mà đối với đời nay lại có lắm điều không hợp (*Tác giả [Đức Quyền Giáo Tông] không trưng bằng có ra đây là không muốn kích bác đến kinh sách nào cả*).

Vậy nên, muốn đọc kinh sách nào cho được bổ ích, ta cần biết suy nghĩ nghiên cứu, khoản nào chánh lý thì để lòng, đoạn nào mờ hồ thì chớ nên tin vội, chỗ nào hợp theo thời thế thì nghe, khoản nào nghịch với tôn chỉ thì bỏ. Chẳng nên quá tin nơi kinh sách, chớ nên tưởng rằng, kinh sách của Thánh Hiền làm ra cả thảy, nên dạy sao phải nghe nấy. Đọc sách như vậy thì nguy lắm đó!

Kinh sách có chỗ đáng tin mà có chỗ cũng không nên tin. Nếu tin hết thì phải lầm lạc. Đọc kinh sách mà không biết phân biệt điều nào hữu lý, điều nào phi lý; đọc kinh sách mà tri thức không biết mở mang, tư tưởng không biết độ lượng, thành ra đã tốn công vô ích, lại còn làm nô lệ kinh sách nữa. Như vậy, thà đừng đọc là hơn.

Sách có câu: *Tận tín thư bất như vô thư*, nghĩa là: Tin hết sách chẳng bằng không đọc sách.

Thuở nay, nhiều người quá tin nơi kinh sách điển xưa, cứ nhắm mắt tin theo từng chữ, nghe từng câu, rồi hiểu sai tin lầm, khổ tâm luyện đạo. Than ôi! đã không ăn chứng thì chớ, lại còn hại đến tinh thần là khác.

Ấy vậy, xem kinh sách để rõ thông đạo lý thì nên, chớ do theo đó mà luyện đạo thì nguy lắm, vì hiểu lầm một mảy thì cũng đủ hại cho châu thân.

Muốn luyện đạo cho ăn chứng, trước hết ta cần phải tu âm chất và lập công bồi đức cho đầy đủ, đến khi công viên quả mãn rồi, một câu tâm pháp chơn truyền của Thầy ta là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đủ cho ta hiểu đạo.

Vả lại Đức Thượng Đế có dạy rằng: *"Kinh điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi bữa ăn cơm. Chẳng có nó, kẻ ăn cơm bốc tay cũng ăn đặng."*

Ý Đấng Chí Tôn muốn nói như vậy: Kinh điển tỉ như bữa, luyện đạo tỉ như ăn cơm. Người đủ âm chất đạo đức, rõ thông kinh điển thì luyện đạo rất giản tiện, tỉ như người ăn cơm có bữa vậy. Còn người có đủ âm chất đạo đức mà không rõ thông kinh điển đi nữa, bất quá luyện đạo khó một chút vậy thôi, thế nào luyện cũng thành đặng, tỉ như kẻ ăn cơm, dầu không bữa, bốc ăn cũng xong vậy.

Tóm lại, vào cửa Đạo rồi, bất kỳ kinh xưa sách nay, thảy đều nên xem cho biết, song cần phải xét suy chiêm nghiệm, phân biệt giả chơn, thì đọc mới bổ ích.

(Trích trong *Phương Châm Hành Đạo*
của Đức Quyền Giáo Tông)

8. Bốn phận quan trọng nhất là làm công quả.

Làm công quả là làm những công việc nơi cõi trần để hưởng cái kết quả ích lợi nơi cõi thiêng liêng.

Không phải chỉ có vô Thánh Thất hay Điện Thờ Phật Mẫu làm những công việc nơi đó mới gọi là công quả. Chúng ta phải hiểu cho rộng rãi hơn, nghĩa là làm tất cả công việc giúp đời, giúp người, nói chung là cứu khổ ban vui cho chúng sanh mà không nhận tiền thù lao với tấm lòng vui vẻ tự nguyện thì gọi là công quả.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này, muốn đắc đạo thành Tiên, Phật thì phải làm công quả.

Trong TNHT, Đức Chí Tôn xác định rằng:

"Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của; còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên"

đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ." (Xem tiếp: Phương pháp tu hành trong thời Đại Ân Xá).

9. Người Đạo hữu, khi đi trên con đường đạo, gặp phải nhiều khó khăn chướng ngại thì nên xin thọ Phép Giải Oan nơi vị Giáo Hữu Khâm Châu Đạo trong những ngày mùng 1 hay 15 tại Thánh Thất. Hiệu quả của Phép Giải Oan được nói rõ trong bài Kinh Giải Oan in trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.

Ngoài ra, đối với con cháu thiếu nhi dưới 17 tuổi trong gia đình, nên đưa đến Thánh Thất thọ lễ Tắm Thánh và xin cấp cho đứa nhỏ một Giấy chứng nhận Tắm Thánh. Giấy này có giá trị đối với đứa nhỏ như là Sớ Cầu Đạo của người Đạo hữu vậy.

Ý nghĩa của việc Tắm Thánh được nói rõ trong bài Kinh Tắm Thánh. Sự Tắm Thánh này còn có ý nghĩa là tẩy rửa chơn thần của đứa bé cho trong sạch để mở mang trí thông minh của nó, học hành mau tiến bộ.

(Lưu ý: Thanh niên đủ 18 tuổi mới được nhập môn cầu đạo và được cấp giấy Sớ Cầu Đạo).

VI. Luật công cử Chức việc Bàn Trị Sự:

A. Công cử Chánh Trị Sự:

Chánh Trị Sự (CTS) phải chịu cho toàn cả Phó Trị Sự và Thông Sự trong Hương đạo xúm nhau công cử.

Đạo hữu được mời đến dự kiến để phê bình chỉ trích hoặc đồng ý với ứng cử viên, ký tên vào Vi bằng công cử, nhưng không có quyền bỏ thăm bầu cử CTS.

Hồ sơ Ứng cử viên gồm có:

1. Đơn xin ứng cử.

2. Chứng chỉ Hạnh kiểm.

3. Tờ khai lý lịch và công nghiệp.

Chỉ có Phó Trị Sự hoặc Thông Sự đương quyền mới được ứng cử chức Chánh Trị Sự. Đạo hữu không có quyền ứng cử chức CTS. Hồ sơ ứng cử phải nộp cho Đầu Tộc Đạo.

Chánh Trị Sự là người có đầy đủ đạo hạnh, hiểu biết về luật pháp chơn truyền của Đại Đạo, có đầy đủ năng lực điều dẫn bổn đạo được trong âm ngoai êm, chăm nom giúp đỡ sanh hoạt của môn đệ Thầy, giúp khó trợ nghèo, coi cả tín đồ như anh em ruột. Do đó, việc công cử một vị Chánh Trị Sự phải cho châu đáo. Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo cần quan sát kỹ lưỡng hạnh kiểm và năng lực hành đạo của ứng cử viên trước khi đem ra công cử.

Sau khi Đầu Tộc Đạo xem xét xong hồ sơ mỗi vị rồi, phải gởi danh sách cho toàn Chức việc trong Hương đạo hiểu biết và định ngày công cử, ít nhất là trước 10 ngày.

Chánh Trị Sự đắc cử mỗi nhiệm kỳ là 5 năm.

Đắc cử rồi mà vô cớ phế phạm, không trọn khóa đắc cử thì không được kể công nghiệp, mặc dù có viện lý do.

Chánh Trị Sự mãn khóa được quyền ra ứng cử và tái cử lại một khóa nữa (Thủ tục cũng như mới ra ứng cử).

Một khi có cuộc công cử Chức việc Bàn Trị Sự thì phải thành lập một Ủy Ban chứng sự, xem xét cuộc công cử hầu tránh điều gian lận trong khi đầu phiếu.

Ủy Ban này có ba nhân viên:

- Đầu Tộc Đạo sở tại làm Chủ Tọa.
- Luật Sự Pháp Chánh địa phương làm Giám Thị.

- Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo kế cận chứng kiến.

Sau cuộc đầu phiếu công cử xong, phân sự của Ủy Ban này là tuyên bố liên tên họ của người đắc cử, kế lập Vi Bằng công cử và tờ cử 3 bản y nhau, gởi về cho Khâm Châu Đạo nhờ xem xét và phê kiến, rồi giao trả cho Tộc Đạo 1 bản để hồ sơ lưu chiếu, 1 bản để hồ sơ văn phòng Khâm Châu Đạo, còn 1 bản gởi về văn phòng Lại Viện.

Đến mãn hạn kỳ 6 tháng tạm vị, nếu xét đủ tinh thần phục vụ, hạnh kiểm tốt, không phạm luật đạo, Đầu Tộc Đạo lập phúc trình và hồ sơ ứng cử, Vi bằng Công cử, Tờ cử, đính theo ba ảnh bán thân (4 x 6), Hội Thánh sẽ ban Đạo Cấp chánh vị. Đó là cuộc công cử đúng phép.

Về việc bỏ thăm bầu cử: có hai cách:

- hoặc bỏ thăm kín bằng cách viết tên người mà mình lựa chọn trên lá thăm,
- hoặc bỏ thăm hở bằng cách đưa tay.

Nhưng cách bỏ thăm kín hay hơn, cốt để tránh việc xu hướng và vị nể.

Lúc khai thăm, Chủ tọa mở các lá thăm đọc rõ từng tên cho Thờ ký ghi chép để xem ai nhiều ít. Vị nào đắc cử là chiếm được đa số thăm hơn hết, song ít nhất được 1 thăm trội hơn phân nửa tổng số thăm mới đáng.

Thí dụ: Số cử tri là 10 thì số thăm tối thiểu để đắc cử phải là: $5 + 1 = 6$ lá thăm.

Nhược bằng cuộc bầu cử lần đầu không có người chiếm đủ đa số thăm như vậy thì Chủ tọa tuyên bố tái bầu cử, ai được nhiều thăm hơn là đắc cử, khỏi luật buộc 1 thăm hơn phân nửa tổng số.

B. Công cử Phó Trị Sự và Thông Sự:

Mỗi tín đồ, sau khi đổi Số Cầu Đạo Tạm, lấy Số Cầu Đạo Thiết Thợ rồi, đều có quyền bầu cử và ứng cử chức Phó Trị Sự hay Thông Sự, nhưng nam nữ riêng biệt vì hai hệ thống Hành Chánh Đạo nam và nữ riêng biệt nhau.

Ứng cử viên Phó Trị Sự và Thông Sự phải là người Đạo hữu giữ thập trai, có đạo tâm, sốt sắng và có năng lực hành sự. Mỗi Ấp đạo chỉ có một Phó Trị Sự và một Thông Sự làm đầu. Phó Trị Sự và Thông Sự đồng thể cùng nhau, song quyền hành riêng biệt: Phó Trị Sự có quyền về Hành Chánh Đạo, còn Thông Sự có quyền về Luật lệ.

Khi công cử thì Đầu Tộc Đạo chủ tọa, Chánh Trị Sự sở tại thị chứng, Pháp Chánh làm giám thị, các Đạo hữu trong Ấp đạo làm cử tri (người bỏ thăm).

Số Đạo hữu đến bỏ thăm không được dưới 12 người.

Các văn kiện sau khi đắc cử cũng làm y như trường hợp công cử Chánh Trị Sự.

Trường hợp đặc biệt Hương đạo mới thành lập: Đề cử

Hương đạo mới phổ độ thành lập thì Đầu Tộc Đạo có quyền đề cử, nghĩa là lựa chọn trong hàng Đạo hữu, những vị nào có hạnh kiểm tốt, đạo tâm sốt sắng, để thành lập Bàn Trị Sự đầu tiên, gồm có:

- 1 Chánh Trị Sự, - 1 Phó Trị Sự, - 1 Thông Sự.

Sau khi đề cử xong, Đầu Tộc Đạo phải đệ tờ về Hội Thánh xin xác nhận mới có giá trị.

*(Trích trong tài liệu Hạnh Đường Huấn Luyện
Lễ Sanh và Huấn Luyện Bàn Trị Sự)*

VII. Phụ lục: Sắc lệnh của Đức Hộ Pháp về Bộ Nhạc, Lễ sĩ, Giáo nhi.

Để có sự hiểu biết về các Ban chuyên môn: Nhạc, Lễ và Đồng nhi, chúng tôi xin chép ra sau đây Thánh Lệnh của Đức Phạm Hộ Pháp qui định về Lễ sĩ, Giáo nhi và Thánh Lệnh thành lập các phẩm Chức sắc của Bộ Nhạc.

1. Về Lễ Sĩ và Giáo Nhi:

Văn phòng
PHẠM HỘ PHÁP

---000---

Số: 51

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhi niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

SẮC LỆNH

Nghĩ vì Tân Kinh là Kinh Tân độ đã ra, nên cần nhứt phải có Lễ sĩ và Giáo nhi dạy mấy em Đồng nhi cho thành thuộc, phòng độ rồi phần hồn của toàn con cái Chí Tôn khắp cả các nơi mà phươn đạo đã đủ huyền linh che chở,

Nghĩ vì Hội Thánh mong mỗi mở rộng con đường Thánh đức cho đoàn hậu tấn bước vào Thánh Thể của Chí Tôn đang lập vị,

Nghĩ vì trẻ em đồng nhi từ 11 năm mở Đạo đến nay đã trưởng thành nên buộc Hội Thánh định phần phong thưởng công nghiệp, nên:

SẮC LỆNH:

Từ đây mở khoa mục mỗi năm cho Lễ sĩ và Giáo nhi thi cử.

Lễ sĩ thi theo mặt kinh luật của đạo về Quan, Hôn, Tang, Tế, nhứt là về Lễ Nhạc. Buộc Lễ sĩ phải cần cho

hay một món đờn trong mấy thứ âm nhạc: Tam, Tiêu, Tranh, Đàn, Kim, Tỳ, Cò, Độc.

Giáo nhi thì phải thuộc lòng Tân Kinh và cũng phải thuộc một môn âm nhạc như Lễ sĩ.

Những Đồng nhi nam nữ có đủ giấy chứng của Tòa Thánh, lớn trên 20 tuổi mới đăng thi Lễ sĩ và Giáo nhi, và phải biết viết với đọc chữ quốc ngữ.

Mỗi năm mở khoa mục ngày rằm tháng 10 tại Tòa Thánh. Hội Thánh chia ra hai thứ Lễ sĩ và Giáo nhi:

* Thứ nhứt là những hạng Lễ sĩ và Giáo nhi trọn hiến thân cho Hội Thánh, nhứt là Giáo nhi đã tuyên thệ thủ trình hành đạo thì sẽ đăng thuyên bổ hành đạo trong các Thánh Thất bất cứ nơi nào. Hết đủ 5 năm công nghiệp thì thăng Lễ Sanh, khỏi phải cầu phong lại nữa.

Hạng Lễ sĩ và Giáo nhi này trên quyền Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh, nhưng về mặt Lễ Nhạc, Quan Hôn Tang Tế mà thôi, chớ không đăng dự vào Chánh trị đạo hay luật pháp Tòa Đạo.

* Thứ nhì là hạng Lễ sĩ và Giáo nhi ở lại gia đình, nhứt là Giáo nhi có chồng con theo thể thì không đăng vào nơi Thánh Thất nào mà hành đạo hết, duy hành đạo nơi xóm làng của mình mà thôi, lại buộc mỗi năm phải dạy ít nữa là trên 36 đứa Đồng nhi; Lễ sĩ thì dạy Nam, Giáo nhi thì dạy Nữ, chớ không đăng dạy lộn xộn Nam Nữ chung nhau. Cấm nhứt Lễ sĩ không đăng dạy Đồng nhi Nữ.

Nếu mỗi năm có một phái Chức sắc, Chức Việc sở tại nói rằng dạy thiếu và không đi hành đạo thì bị ngưng chức liền. Hội Thánh không cần minh tra lại nữa.

Hạng này tòng quyền Chánh Trị Sự và ngang quyền Phó Trị Sự, Thông Sự nhưng về mặt Lễ Nhạc, Quan Hôn Tang Tế mà thôi, chớ không đăng dự vào

Chánh trị đạo hay luật pháp Tòa Đạo. Đủ 8 năm công nghiệp đồ lên mới đăng cầu phong Lễ Sanh, nhưng do nơi thờ yêu cầu của Chức sắc và Chức Việc sở tại mới đăng.

* Lễ sĩ mặc như Lễ Sanh Nam phái, nhưng trên mũ ngay trán có Tam Sắc Đạo và Cổ pháp của Giáo Tông là Thư Hùng Kiêm, Long Tu Phiến và cây Phát Chủ thêu trên. (1)

* Giáo nhi mặc Đại phục như Lễ Sanh Nữ phái nhưng không đăng giắt bông sen trên đầu tóc, còn Tiểu phục cũng vậy nhưng trước ngực có choàng một tấm choàng đen.

Kiểu y phục này phải do nơi tiệm Linh Đức.

Kỳ dư mấy vị Lễ sĩ và Giáo nhi đương thời hành đạo trong Hội Thánh và có tờ của Hội Thánh công nhận chánh thể rồi; Hội Thánh nhứt định cấm nhứt không ai đăng xưng danh hiệu Lễ sĩ hay Giáo nhi mà không có khoa mục và cấp bằng của Hội Thánh ban cho đủ lễ.

Khai Pháp, Tiếp Thế, Tiếp Đạo HTĐ, Quyền Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Chánh Phối Sư và Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, mỗi vị tùy phận sự thi hành Sắc lệnh này.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày mùng 9 tháng 11
Bính Tý. (22 Décembre 1936)

HỘI PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng (ấn ký)

TĐ ĐPHP: Giáo nhi từ trước cho lên Giáo Thiện (CQPT) là thể theo lòng từ bi bác ái của Đức Chí Tôn mà ân tứ. Nhưng kể từ nay, Giáo nhi có thể lên Lễ Sanh, chớ không được lên Giáo Thiện vì thiếu luật tạo nghiệp cho 12 gia đình.

(1) Đạo phục của Lễ sĩ ngày nay không có Tam sắc đạo và cổ pháp Giáo Tông, nay chỉ có một bông sen trên mũ giữa trán.

2. Về các phẩm Chức sắc Bộ Nhạc:

HỘI PHÁP ĐƯỜNG

Văn phòng

---000---

Số: 25

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LỆNH

HỘI PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hội Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Chiếu y Sắc Lệnh số 51 ngày mùng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phân phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ 5 năm công nghiệp;

Nghĩ vì Ban Lễ đã định phạt thi Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đăng tiến bước lập vị.

THÁNH LỆNH:

Điều thứ 1: Trong Bộ Nhạc của Tòa Thánh có 9 phẩm ân phong như sau này:

- | | | |
|-------------|--------------|--------------|
| 1. Nhạc Sĩ | 2. Bếp Nhạc | 3. Cai Nhạc |
| 4. Đội Nhạc | 5. Quản Nhạc | 6. Lãnh Nhạc |
| 7. Đề Nhạc | 8. Đốc Nhạc | 9. Nhạc Sư. |

Điều thứ 2: Bộ Nhạc chuyên chú về tài năng nghệ thuật thi từ hạ phẩm đến thượng phẩm, mỗi cấp đều có

khoa mục đăng tuyển chọn danh nhơn điều khiển nội ban.

Trong mỗi kỳ khoa mục, vị nào đủ tài ứng thí thì được phép xin thi và mỗi khi thi đậu là mỗi lần được thăng phẩm, nhưng không được xin ứng thí vượt bậc.

Điều thứ 3: Nếu thi rớt vì không đủ tài thì ở lại phẩm cũ, chờ đủ 5 năm công nghiệp mới được cầu ân phong.

Phẩm Nhạc Sư đủ 5 năm công nghiệp thì thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân nếu có khuyết.

Điều thứ 4: Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với 9 phẩm của HTĐ hay các phẩm khác của CTĐ và Phước Thiện như sau này:

BỘ NHẠC	PH. CHÁNH	CỬU TRÙNG	P. THIỆN
Nhạc Sĩ	Luật Sư	Chánh Trị Sư	Hành Thiện
Bếp Nhạc Cai Nhạc	Sĩ Tài	Lễ Sanh	Giáo Thiện
Đội Nhạc Quản Nhạc Lãnh Nhạc	Truyền Trạng Thừa Sứ	Giáo Hữu	Chí Thiện
Đề Nhạc Đốc Nhạc Nhạc Sư	Giám Đạo Cải Trạng	Giáo Sư	Đạo Nhơn Chơn Nhơn
	Chương Ẩn Tiếp Dẫn Đạo Nhơn	Phối Sư Chánh Phối Sư	Hiền Nhơn Thánh Nhơn
	Thập nhị Thời Quân	Đầu Sư	Tiên Tử

Điều thứ 5: Chư vị: Bảo Thế Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chương quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Thượng Thống Lại Viện,

Đạo Nhơn Chương Quản Phước Thiện, Phụ Thống Lễ Viện Hành Chánh, Phụ Thống Lễ Viện PT, Nhạc Sư Bộ Nhạc, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Linh này.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 3 năm Tân Mão (4-5-1951)

HỘ PHÁP (ấn ký)

Đạo phục của các Chức sắc Bộ Nhạc:

"Ngày 22-8-Đinh Hợi (6-10-1947), quý ông Nhạc Sư Võ Văn Chở, Đốc Nhạc Đinh Văn Biện và Đề Nhạc Hồ Văn Sai có văn bản thỉnh giáo Đức Hộ Pháp về Đạo phục của Chức sắc Bộ Nhạc, được Đức Ngài bút phê, như sau:

"Bàn đạo đã dạy trước rằng, mặc sắc phục hồng (màu đỏ), áo đỏ, quần trắng, như các vị võ sĩ cừu, có viền kim tuyến bạc nơi cổ nơi tay, ngay ngực có mang ba màu đạo, chính giữa thêu hình cây đờn tỳ bà. Dưới cây đờn thì để chức tước của vị Chức sắc ấy, áo cụt khỏi tròn mà thôi. Từ Nhạc Sĩ trở lên tới Lãnh Nhạc viền kim tuyến bạc, từ Đề Nhạc đổ lên viền kim tuyến vàng."

Như vậy, Chức sắc Bộ Nhạc đều mặc đại phục y như nhau theo lời dạy trên, chỉ phân biệt tước phẩm ghi ở phía dưới cây đờn tỳ bà trên tam sắc đạo thêu nơi ngực và màu kim tuyến viền nơi cổ và nơi tay áo.

Đức Hộ Pháp không có dạy về mào và tiểu phục của Chức sắc Bộ Nhạc, nhưng trên thực tế thì Chức sắc Bộ Nhạc đội mào và mặc tiểu phục như sau:

a) Mào đại phục: Gọi là Hồn Ngươn mào có hình dáng như mào Ngưỡng Thiên của Giáo Hữu phái Ngọc nhưng thấp hơn một chút (cao khoảng 12 cm), giữa mào, ngay trước trán có Tam sắc đạo, gác xéo một cây đờn tỳ bà.

b) **Tiểu phục:** Từ Nhạc Sư đổ xuống Nhạc Sĩ đều mặc áo trắng trắng, có thắt ngang lưng một sợi dây nịt trắng như tiểu phục của Chức sắc HTĐ từ phẩm Cải Trạng đổ xuống Luật Sư. Đầu đội Bán Nguyệt mạo như cái ca-lô trắng (giống mũ của Đầu Phòng văn), ngay giữa trán có huy hiệu hình chữ nhật bằng kim khí, trên có Tam sắc đạo và cây đờn tỳ bà gác chéo.

Năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp ra Thánh Lịnh mở khóa thi tuyển Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc đăng bổ khuyết cho đủ số ứng dụng trong Đạo.

Nguyên văn Thánh Lịnh ấy chép ra dưới đây:

HỘ PHÁP ĐƯỜNG

Văn phòng

---000---

Số: 13

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Thập nhị thất niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH LỊNH

HỘ PHÁP

**Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng**

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Nghĩ vì cần mở Khoa thi Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc đăng bổ khuyết cho đủ số ứng dụng trong cửa Đạo.

Do theo lời phê của Hộ Pháp ngày 6 tháng 10 Tân Mão phân định thể thức khoa mục Nhạc Sĩ và các cấp trong Bộ Nhạc.

THÁNH LỊNH

Điều thứ 1: Khoa thi Nhạc Sĩ và Bếp Nhạc sẽ mở tại Tòa Thánh ngày rằm tháng chạp Tân Mão tại Báo Ân Từ đúng 3 giờ chiều. Những đơn xin thi phải đệ lên Văn phòng HTĐ ngày 14 tháng chạp Tân Mão là ngày chốt.

Điều thứ 2: Thể thức thi Nhạc Sĩ là: Biết cầm một cây đờn và trюн hiểu nhạc khi có Tiểu đàn và Đại đàn, nhạc trống tiếp giá.

Thể thức thi Bếp Nhạc là: Biết trюн nghi lễ và nhạc nghệ về tài tử.

Điều thứ 3: Ban Giám khảo trong cuộc thi này là:

Bảo Thế Tổng Thư Ký Chánh Trị Đạo . . . Chủ tọa.

Nhạc Sư Võ Văn Chở Giám khảo.

Giáo Hữu Thái Huồn Thanh Giám khảo.

Chí Thiện Lê Văn Phương Giám khảo.

Điều thứ 4: Vị Bảo Thế Tổng Thư Ký Chánh Trị Đạo và Chức sắc có danh sách trong Ban Giám khảo, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lệnh này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày 9 tháng 12 Tân Mão (5-1-1952)

HỘ PHÁP (*ấn ký*)

PHÁP CHÁNH

- Thành lập Bộ Pháp Chánh.
- Nhiệm vụ và quyền hành.
- Tổ chức Bộ Pháp Chánh.
- Đức Cao Thượng Phẩm dạy về Pháp Chánh.

I. Thành lập Bộ Pháp Chánh:

Khi Đức Chí Tôn lập pháp Hiệp Thiên Đài, Đức Chí Tôn giao cho HTĐ hai nhiệm vụ:

- **Nhiệm vụ thiêng liêng:** phò cơ cho Đức Giáo Tông thông công với các Đấng Tiên Phật nơi cõi thiêng liêng.

- **Nhiệm vụ phàm trần:** cầm quyền luật lệ của Đạo.

Lúc đó, HTĐ chỉ có 15 vị: Đức Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, và 12 Thời Quân.

Sau đó, ngày 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935) Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn vâng lệnh Đức Chí Tôn, giảng cơ lập 7 phẩm Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, kể ra:

- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (Instructeur)
- Chưởng Ấn (Chancelier)
- Cải Trạng (Avocat)
- Giám Đạo (Inspecteur)
- Thừa Sứ (Commissaire de justice)
- Truyền Trạng (Greffier)
- Sĩ Tãi (Secretaire Archiviste)

Đức Hộ Pháp lập thêm một phẩm Luật Sự (Agent judiciaire) theo Sắc lệnh số 34 ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1936), và muốn vào phẩm này phải thi tuyển.

Chúng ta nhận thấy tên của các phẩm Chức sắc này đều có ý nghĩa về luật pháp.

Nhờ số Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, Hội Thánh HTĐ thành lập Tòa Đạo để cầm quyền Tư Pháp

của Đạo vào năm Mậu Dần (1938), lập ra các Tòa Đạo để xử trị các Chức sắc và Đạo hữu vi phạm luật pháp của Đạo.

(Tư pháp có nghĩa là quản lý luật pháp, lập ra các Tòa án để xét xử những người vi phạm luật pháp)

Ngày 15-10-Đinh Hợi (dl 27-11-1947), Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đang đảm nhận nhiệm vụ Chương Quản Tòa Đạo, lập ra cách Tổ Chức và Nội Luật của Bộ Pháp Chánh, thì danh từ Bộ Pháp Chánh mới được sử dụng, và ngày 15-10-Đinh Hợi được xem là ngày thành lập Bộ Pháp Chánh, thay thế Tòa Đạo.

Bộ Pháp Chánh là cơ quan Trung ương tại Tòa Thánh coi về Tư Pháp của Đạo, dưới quyền Chương quản của một vị Thời Quân chi Pháp HTĐ. (Nếu không có Thời Quân chi Pháp thì Thời Quân chi Đạo hay chi Thế đều có thể nắm quyền chương quản Bộ Pháp Chánh)

II. Nhiệm vụ và quyền hành:

Bộ Pháp Chánh là cơ quan để bảo thủ luật pháp chơn truyền, diu dẫn và lập vị cho nhơn sanh trong khuôn viên đạo pháp, gìn giữ cân công bình thể Thiên hành hóa, không ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài không biết.

Bộ Pháp Chánh lập ra các Tòa đạo cốt yếu là để bình vực những người bị uất ức, trừng phạt những người phạm luật pháp, gìn giữ quyền hành phân minh, đăng cấp trật tự cho nền Hành Chánh Đạo.

Lập Tòa đạo là để răn trị kẻ phạm pháp luật, hầu tránh khỏi Thiên điều trừng trị, nếu bị thế trị thì mới mong giảm tội thiêng liêng, bằng không bị thế trị thì bị Thiên điều, có mong chi cứu rỗi.

Vậy, Pháp Chánh rất cần thiết để gìn giữ phẩm trật, địa vị của mỗi con cái Đức Chí Tôn và quyền hành phân minh trong các cơ quan của nền Đại Đạo.

Trách nhiệm trọng hệ hơn hết của Bộ Pháp Chánh là công bình, vô tư, vô vị.

Ngoài phận sự bảo vệ luật pháp chơn truyền giống như chư vị Thời Quân HTĐ, chư vị cầm quyền Pháp Chánh còn có phận sự chăm nom cả hành vi của toàn thể Chức sắc và Đạo hữu trong các cơ quan Hành Chánh Đạo và Phước Thiện trong phạm vi hành sự của mình, thì chứng các cuộc nhóm họp để giữ cho được hợp pháp.

Ngoài ra, Bộ Pháp Chánh còn được giao nhiệm vụ: Minh tra công nghiệp cầu phong và cầu thăng của tất cả Chức sắc Cửu Trùng Đài hay Phước Thiện nam nữ.

Nếu Bộ Pháp Chánh chứng nhận Chức sắc CTĐ hay PT có đầy đủ công nghiệp thì mới được đem tên vào sổ cầu phong hay cầu thăng phẩm cấp.

"Trong trường hợp điều tra, khi một Chức sắc phạm tội, Bộ Pháp Chánh có quyền tạm bãi miễn, tức là tạm thu quyền và chức của vị ấy, để đưa bị cáo nhân ra Tòa Pháp Chánh điều tra hay thẩm phán, sau khi ấy, nếu trắng án, vô tội sẽ được phục quyền chức như cũ."

(Trích trong quyển Chánh Trị Đạo của Ngài Trần Khai Pháp)

Do đó, Bộ Pháp Chánh có quyền hành rất rộng lớn, chi phối tất cả các Chức sắc CTĐ và CQPT.

Tóm tắt quyền hành rộng lớn của Bộ Pháp Chánh:

1. Bảo thủ Luật pháp Chơn truyền của Đạo:

- Luật thì có Tân Luật, Đạo luật, Luật Hội Thánh.
- Pháp thì có PCT và Đạo Nghị Định.

2. Lập các Tòa Đạo để xử trị những người vi phạm Luật pháp Đạo, từ hàng Đạo hữu đến các Chức sắc của CTĐ và Phước Thiện. (Riêng Chức sắc HTĐ vi phạm Luật Pháp thì có Ban Kỷ Luật HTĐ xử trị).

3. Minh tra công nghiệp của Chức sắc CTĐ và Phước Thiện. Việc thăng phẩm Chức sắc hoàn toàn tùy thuộc vào sự minh tra này.

III. Tổ chức của Bộ Pháp Chánh:

Bộ Pháp Chánh tổ chức các Tòa Đạo từ Trung ương đến địa phương.

Bộ Pháp Chánh bổ nhiệm các Chức sắc HTĐ (dưới Thập nhị Thời Quân) đi hành đạo về Pháp Chánh nơi các địa phương, từ Tộc Đạo đến Châu Đạo và Trấn Đạo.

* **Pháp Chánh tại Tộc Đạo** là một vị Luật Sự (đối phẩm Chánh Trị Sự).

(Theo Hiến pháp của Chức sắc HTĐ thì phẩm Luật Sự chưa được bổ nhiệm làm Pháp Chánh Tộc Đạo, nhưng vì số lượng Chức sắc Pháp Chánh quá thiếu nên phải bổ nhiệm Luật Sự làm Pháp Chánh Tộc Đạo).

* **Pháp Chánh tại Châu Đạo** là một vị Sĩ Tài (đối phẩm Lễ Sanh).

* **Pháp Chánh tại Trấn Đạo** là một vị Truyền Trạng (đối phẩm Giáo Hữu).

Đạo Lệnh số 16 ngày 13-giêng-Kỷ Hợi (dl 20-2-1959) qui định Bộ Pháp Chánh có 3 Văn phòng như sau:

1. Phòng Luận Án:

Vả lại phận sự xử đoán người phạm luật Đạo vốn do Hội Thánh CTĐ đảm nhận, nhưng trước khi xử đoán,

hồ sơ phải gửi đến Bộ Pháp Chánh để Bộ này định phải giao nội vụ đến: Hội Công Đồng, hoặc Ban Kỷ Luật phân xử.

Và sau khi phân xử rồi, Hội Công Đồng hay Ban Kỷ Luật cũng phải gửi hồ sơ đến Bộ Pháp Chánh xem lại coi có đúng theo tinh thần luật pháp chăng.

Ấy là Pháp Chánh HTĐ giúp cho Hội Thánh CTĐ áp dụng luật pháp để giữ trật tự của Hội Thánh.

2. Phòng Kiểm soát công quả hay Minh Tra Công nghiệp (MTCN) hành đạo:

Mỗi năm có một lần phong thưởng những vị dày công phụng sự chúng sanh mà chẳng vì phạm pháp luật của Đạo và quốc pháp của Đời. Pháp Chánh HTĐ có phận sự kiểm soát hồ sơ công quả của Chức sắc, Chức việc hầu làm cho sự phong thưởng được công minh.

Hai phận sự giúp cho CTĐ thưởng người có công và răn kẻ có tội đã kể ở trên, đại ý là khuyến khích người đạo đức mau thành công trên đường Đạo và cảnh tỉnh kẻ sai lầm sớm giác ngộ ăn năn.

3. Phòng Kiểm duyệt Kinh Luật (KDKL):

Ngoài PCT và Tân Luật, Hội Thánh cũng tùy trình độ tấn hóa của nhơn sanh mà ban hành những thể lệ bổ túc, hầu nâng đỡ tinh thần đạo đức của bốn đạo. Dĩ nhiên, những thể lệ ấy tạm hữu dụng trong một thời hạn, rồi có ngày nó sẽ trở nên lỗi thời.

Pháp Chánh HTĐ có phận sự kiểm duyệt thể lệ ấy và đề nghị với Hội Thánh lập thể lệ khác thích ứng hơn.

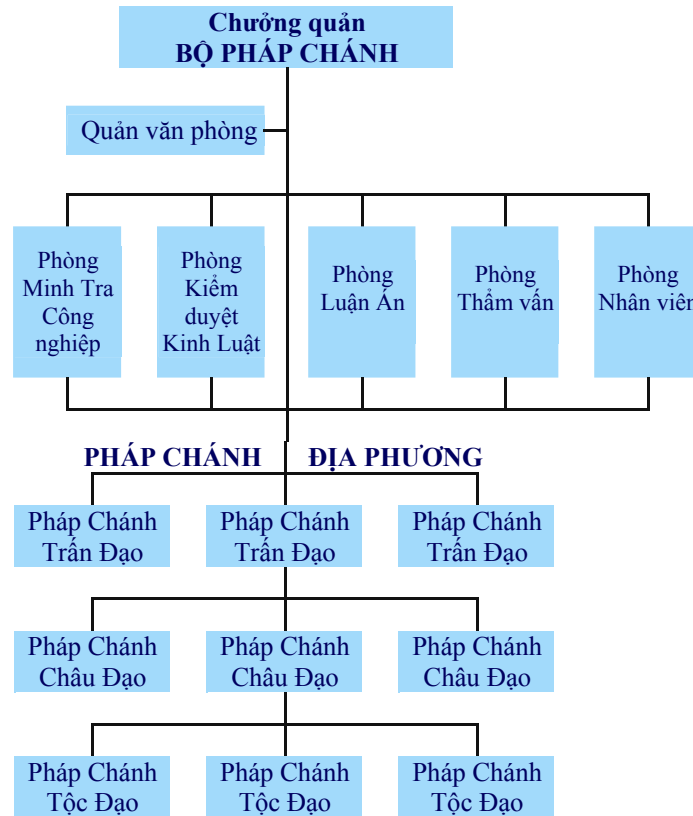
Còn những kinh sách nào có tính cách tôn thương tinh thần đạo đức, Pháp Chánh HTĐ cũng được phép đề nghị hủy bỏ.

Ngoài các Phòng kể trên, Bộ Pháp Chánh còn tổ chức thêm 2 Phòng khác nữa là:

- Phòng Thẩm vấn.
- Phòng Nhân viên.

(Xem Sơ đồ tổ chức của Bộ Pháp Chánh)

Tổ Chức của Bộ Pháp Chánh



Trong Bộ Pháp Chánh, không có phân ra hai tổ chức: nam phái và nữ phái, như trong các cơ quan khác của Đạo. Chức sắc nam nữ của Bộ Pháp Chánh đều mặc đạo phục với áo mao đều giống hệt nhau, nhưng số lượng Chức sắc nữ phái rất ít so với nam phái.

Khi Bộ Pháp Chánh có nhu cầu tuyển dụng phẩm Luật Sư, Bộ Pháp Chánh dâng tờ lên Đức Hộ Pháp Chưởng Quản HTĐ để Đức Ngài ra Thánh lệnh mở khóa thi tuyển Luật Sư, ấn định thời gian, các môn thi, ban Giám khảo.

Hồ sơ dự thi nộp tại Bộ Pháp Chánh.

Những người thi đậu kỳ thi tuyển này được gọi là *Luật Sư tập sự*. Sau thời gian 1 năm huấn luyện và làm việc, các vị này mới được công nhận là *Luật Sư chánh vị*.

IV. Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy về Pháp Chánh:

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy Pháp Chánh:

"Pháp luật vốn vô tư, đứng trong chánh giới chơn truyền, nó là Bác ái, Công bình. Thi hành luật pháp đại khái là làm cho cả chúng sanh biết tương thân tương ái trên đường sanh sống và tấn hóa.

Vậy phận sự của Pháp Chánh HTĐ là gieo rắc sự thương yêu trong toàn sanh chúng: không tư chẳng vị và giúp chúng sanh một cách cận kề, kẻ hung người bạo, kẻ tham người tà, rồi tìm phương nâng đỡ tinh thần họ trở về với chơn lý. Đó là áp dụng Luật Bác ái.

Còn như kẻ dữ nào còn muốn giữ lối tà mị, không thể sửa cải được, chừng ấy mới đem pháp luật thi hành một cách công minh, chẳng vì thương mà trọng, không vì ghét mà khinh, chẳng vì trung trực mà bình, không vì tà vạy mà bỏ. Như thế thì cân tội phước mới chói rạng.

Ấy là phương bảo tồn trật tự trước Luật Công bình.

Vậy, thực hành cái thuyết Bát ái - Công bình là phận sự của Pháp Chánh HTĐ. Thành thử có khi dùng đức để cảm hóa, có khi dùng pháp luật để khuyên răn, cầu cho kẻ sai lầm giác ngộ chơn lý.

Nhưng chúng ta cũng chẳng khá quên rằng, ngoài pháp luật của Đạo, kẻ tu hành còn phải chịu dưới hệ thống thưởng phạt của Luật Nhơn Quả: Lành thì thắng, dữ thì họa. Sự báo ứng chẳng hề sai chạy mảy may. Thiên võng khô khô sơ nhi bất lậu. Đó là một điều mà người hành đạo nên lưu tâm cho lắm." (*Hạnh Đường 1973*)

Đức Cao Thượng Phẩm dạy Chức sắc CTĐ về Pháp Chánh:

"Cũng vì lẽ ấy mà nay Đức Chí Tôn giáng trần lập Đạo, lại chia hình thể của Ngài ra hai phần để có phương kèm thúc nhau trên bước đường lập vị.

Phần CTĐ chuyên về mặt giáo hóa nhơn sanh, còn phần của HTĐ thì lo về mặt luật pháp để bảo thủ chơn truyền của Đạo. Nhờ đó nền Thánh giáo của Đức Chí Tôn khỏi phải qui thành phạm giáo.

Cũng vì lẽ quyền hành riêng biệt ấy mà khiến cho hai bên thường có phản khắc đạo quyền, bởi tánh phạm thường hay có phạm những lỗi lầm mà chẳng chịu phục thiện, đặng cải sửa cho trở nên tận thiện.

Các em đâu hiểu rằng, Chí Tôn giao quyền sửa trị Chức sắc, Chức việc và toàn đạo nam nữ cho bên HTĐ là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn dùng *hình phạm đặng làm cho giảm bớt tội vô hình*.

Nếu ai chẳng thận trọng để cho phạm vào luật pháp mà chẳng chịu pháp sửa trị của HTĐ thì rất uổng cho một kiếp tu mà không trọn phận, và đến khi rời bỏ xác

phạm rồi, làm sao có cơ hội lập công nữa! Mà một khi không lập công quả được nữa thì tội án đã phạm làm sao chuộc được, rồi mãi bị trầm luân khổ hải đời đời kiếp kiếp.

Vậy các em khá nhớ lời Bần đạo dặn mà giữ mình cho trọn phận trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này.

Thêm nữa, các em nên nhớ: Hễ khi các em đã vô tình hay cố ý mà phạm vào luật pháp thì hãy vui vẻ để cho luật pháp sửa trị đặng khỏi vương tội vô hình.

Còn những người được lệnh HTĐ để sửa trị các em là những người ơn của các em, chớ không phải người thù theo tánh phạm của nhơn sanh đã tưởng." (*TNST-Q2-B 50*)

"Chơn truyền là gốc, luật pháp là chuẩn thẳng, từ bi bác ái là đạo pháp.

Mỗi việc các em phải khá suy nghiệm cho kỹ lưỡng, phải luôn luôn nhớ rằng: ***Mình là người của chúng sanh, chớ chẳng phải chúng sanh là người của mình.***

Mảnh thân phạm đã làm con vật hy sinh đặng Đức Chí Tôn dùng để sửa đời lầm lạc ra thuần phong mỹ tục, thì phải biết nó ra thế nào rồi, giá trị hay chẳng là được trọn cùng không đó. Lại nữa, khi đã làm con vật hy sinh thì con vật ấy phải tùng theo sự điều khiển của chủ nó, nếu chẳng tuân thì sự hình phạt không tránh khỏi.

Các em có biết hữu hình là sao? vô hình là sao? Hai dạng chỉ khác nhau như hình với bóng, hình thế nào thì bóng cũng thế ấy." (*TNST-Q2- B 64*)

PHƯỚC THIÊN

- Quá trình thành lập Cơ Quan Phước Thiện.
- Các phẩm Chức sắc Phước Thiện.
- Tổ chức Cơ Quan Phước Thiện.
- Chơn pháp Phước Thiện.
- Đôi phẩm Chức sắc các cơ quan.

I. Quá trình thành lập CQPT:

Khởi đầu là Minh Thiện Đoàn do Đức Lý Giáo Tông lập ra tại làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho vào năm 1927 để Đức Lý thu nhận các tín đồ tu chơn.

Năm 1929, Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Hộ Pháp cai quản. Đức Hộ Pháp đến Phú Mỹ hai lần để cân thân, lựa chọn được tất cả 72 vị công quả.

Năm 1930, Đức Phạm Hộ Pháp mua một sở đất tại xã Trường Hòa, lập ra Phạm Nghiệp là cơ sở đầu tiên của Phạm Môn tại Tây Ninh. Tất cả 72 vị công quả nơi Minh Thiện Đoàn được nhập về Phạm Môn.

Các tu sĩ trong Phạm Môn gọi Đức Hộ Pháp là Sư phụ và xưng mình là đệ tử. Tại Trường Hòa, Đức Hộ Pháp cân thân chọn được 72 vị công quả Phạm môn.

Năm Quý Dậu (1933), một số người ganh ghét, vu cáo Phạm Môn chống đối nhà cầm quyền Pháp, nên Pháp ra lệnh đóng cửa các cơ sở lương điền, công nghệ của Phạm Môn. Đức Hộ Pháp phải cho phân tán các vị này đi xuống các tỉnh Nam Kỳ khai mở các cơ sở lương điền, công nghệ và thương mại.

Đến năm Ất Hợi (1935), Đức Hộ Pháp biến Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện với đầy đủ cơ sở lương điền công nghệ và thương mại ở khắp các tỉnh Nam Kỳ.

Năm Mậu Dần (1938), Cơ Quan Phước Thiện (CQPT) được hợp thức hóa bằng Đạo Luật Mậu Dần, chánh thức là một cơ quan của Đạo Cao Đài.

Cũng trong năm này, Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên lập Đạo Nghị Định số 48/PT ngày 19-10-Mậu Dần (dl 10-12-1938) xác nhận sự thành lập CQPT và Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT.

Nền Đại Đạo đang phát triển thì tình hình chánh trị của Việt Nam và thế giới biến chuyển, chánh quyền Pháp cấm đạo, đóng cửa Tòa Thánh, bắt Đức Hộ Pháp và một số Chức sắc cao cấp đầy đi Madagascar vào giữa năm 1941. Sau khi thế chiến thứ hai kết thúc, Nhật Bản đầu hàng, Pháp trở lại Việt Nam, chánh quyền Pháp trả tự do cho Đức Hộ Pháp, và đưa Đức Ngài trở về Tòa Thánh, vào ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946).

Đức Hộ Pháp tái thủ phận sự, củng cố trở lại nền Đạo sau nhiều năm bị đàn áp điêu tàn.

Cuối năm Bính Tuất (1946), Đức Hộ Pháp triệu tập Đại Hội Phước Thiện, thăng thưởng nhiều Chức sắc PT, rồi Đức Hộ Pháp thành lập Hội Thánh Phước Thiện có Cửu Viện giống như bên Hội Thánh Cửu Trùng Đài.

II. Các phẩm Chức sắc Phước Thiện:

Đạo Nghị Định 48 của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Cơ Quan Phước Thiện, qui định 12 phẩm cấp Chức sắc Phước Thiện gọi là Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT, với Đạo phục và dây sắc lệnh, kể ra như sau đây:

1. Phật Tử,	(Đạo phục do Đức Chí Tôn định sau)
2. Tiên Tử,	áo tràng trắng, khăn đóng vàng 9 lớp chữ nhứt, DSL vàng có gắn lệnh bài, chân mang giày trắng. (*1)
3. Thánh Nhơn,	áo tràng trắng, khăn đóng vàng 9 lớp chữ nhứt, DSL vàng có gắn lệnh bài, chân mang giày trắng. (*1)
4. Hiền Nhơn,	áo tràng trắng, khăn đóng vàng 9 lớp chữ nhứt, DSL vàng có gắn lệnh bài, chân mang giày trắng. (*1)
5. Chơn Nhơn,	áo tràng trắng, khăn đóng trắng 7 lớp chữ nhơn, (*2) DSL xanh có gắn lệnh bài, không mang giày.
6. Đạo Nhơn,	áo tràng trắng, khăn đóng trắng 7 lớp chữ nhơn, (*2) DSL xanh có gắn lệnh bài, không mang giày.
7. Chí Thiện,	áo tràng trắng, khăn đóng đen 7 lớp chữ nhơn, DSL xanh có gắn lệnh bài, không mang giày.
8. Giáo Thiện,	áo tràng trắng, khăn đen, DSL đỏ có lệnh bài.
9. Hành Thiện,	áo tràng trắng, khăn đen, DSL đỏ có lệnh bài.
10. Thính Thiện,	áo tràng trắng, khăn đen, DSL đỏ có lệnh bài.
11. Tân Dân,	áo dài trắng, quần trắng, khăn đen.
12. Minh Đức,	áo dài trắng, quần trắng, khăn đen.

(Viết tắt: DSL: dây sắc lệnh).

Lời của Nhóm Bạn Đạo Australia:

(*1) Khăn đóng vàng 9 lớp chữ nhứt, chân mang giày trắng : Đạo Nghị Định 48 không có qui định việc này. Xin đồng đạo bổ túc thêm văn kiện (Lời phê hay Thánh giáo) có liên hệ về việc này.

(*2) Khăn đóng trắng 7 lớp chữ nhơn : Đạo Nghị Định 48 không có qui định việc này. Xin đồng đạo bổ túc thêm văn kiện (Lời phê hay Thánh giáo) có liên hệ về việc này.

Phẩm Hiền Nhơn trở lên không còn phận sự trong CQPT, mà qua HTĐ giúp Hội Thánh HTĐ giữ gìn chơn pháp.

Dây sắc lệnh trong bộ Đạo phục của Chức sắc Phước Thiện luôn luôn choàng từ vai trái xuống hông mặt, ý nghĩa là thuộc về Chi Đạo của HTĐ.

Chức sắc CQPT chỉ có một bộ Đạo phục, không có đại phục và tiểu phục như Chức sắc CTĐ hay HTĐ.

Chức sắc nữ phái Phước Thiện có Đạo phục giống y như Chức sắc nam phái PT, nhưng đầu để trần, không đội khăn, phẩm nào cũng vậy.

Người muốn gia nhập vào CQPT thì trước hết phải là một Đạo hữu của Đạo Cao Đài, sau đó đến Đầu Tộc Đạo xin giấy chứng hạnh kiểm và làm giấy hiến thân trọn đời cho CQPT. Khi có đủ hồ sơ rồi thì đem nộp vào cơ sở PT mà mình muốn làm công quả tại đó, vị Chủ sở sẽ chấp hồ sơ ấy gởi lên Bàn Cai Quản và vị Quản Tộc Đạo PT.

Đạo hữu khởi đầu làm công quả nơi cơ sở PT, chưa chánh thức là người của CQPT, nên được gọi là Đạo sở. Sau thời gian 6 tháng công quả, vị Đạo sở mới được chánh thức nhập vào CQPT với phẩm khởi đầu là Minh Đức.

III. Tổ chức Cơ Quan Phước Thiện:

Tổ chức của CQPT có những nét giống như Hành Chánh Đạo của Cửu Trùng Đài, nghĩa là cũng phân làm 2 phái: nam phái và nữ phái. Hai phái này có quyền hành riêng biệt và chỉ điều hành bên phái mình mà thôi.

Đứng đầu CQPT bao gồm cả 2 phái nam và nữ là một vị Thời Quân chi Đạo của Hiệp Thiên Đài, gọi là Thống Quản CQPT.

Dưới Thống Quân CQPT là 2 vị Chương Quân nam phái và nữ phái PT, phẩm Chơn Nhơn.

Dưới mỗi vị Chương Quân là 2 vị Phó Chương Quân: Đệ I và Đệ II.

Dưới Phó Chương Quân là Cửu Viện PT: Cửu Viện PT nam phái giống y như Cửu Viện PT nữ phái, gồm 9 Viện, có tên và nhiệm vụ giống y như bên Cửu Trùng Đài: Hòa Viện, Lại Viện, Lễ Viện, Học Viện, Y Viện, Nông Viện, Hộ Viện, Lương Viện, Công Viện.

CQPT thì lo tạo tác Điện Thờ Phật Mẫu để thờ phượng Đức Phật Mẫu, còn bên Hành Chánh Đạo CTĐ thì lo xây dựng các Thánh Thất để thờ Đức Chí Tôn.

Hai tổ chức Hành Chánh và Phước Thiện song hành nhau, các chức vụ tương ứng nhau, phận sự thờ phượng tương đương nhau, do đó mà các Chức sắc CQPT đôi khi xem nhẹ mục tiêu chánh yếu của Phước Thiện là cơ quan bảo tồn, cứu khổ ban vui cho chúng sanh, làm ra thật nhiều của cải vật chất để thực hiện mục tiêu này.

(Xem Sơ đồ tổ chức của CQPT)

Tổ Chức của Cơ Quan Phước Thiện



So sánh tổ chức CQPT ở địa phương với tổ chức Hành Chánh Đạo CTĐ ở địa phương:

Cơ Quan Phước Thiện địa phương	Hành Chánh Đạo địa phương
TRẦN ĐẠO PT Quản Trần Đạo PT (Đạo Nhơn)	TRẦN ĐẠO Khâm Trần Đạo (Giáo Sư)
CHÂU ĐẠO PT Quản Châu Đạo PT (Chí Thiện)	CHÂU ĐẠO Khâm Châu Đạo (Giáo Hữu)
TỘC ĐẠO PT Quản Tộc Đạo PT (Giáo Thiện) Cai quản Điện Thờ PM	TỘC ĐẠO Đầu Tộc Đạo (Lễ Sanh) Cai quản Thánh Thất
Sở Lương điền Công nghệ Chủ Sở (Hành Thiện)	Hương Đạo Đầu Hương Đạo (Chánh Trị Sự)

VI. Đại hội Phước Thiện:

Đại Hội PT là một hội nghị mà các hội viên gồm đủ đại diện của các thành phần Chức sắc trong CQPT, kể ra:

- Các Phái viên: đại diện cho các vị trong 3 phẩm: Minh Đức, Tân Dân, Thánh Thiện.
- Các Nghị Viên: đại diện cho các vị Hành Thiện.
- Các Chức sắc PT từ Giáo Thiện đến Chơn Nhơn.

(Xem chi tiết trong Đạo Luật Mậu Dân, phần Phước Thiện)

Phận sự của Đại Hội Phước Thiện là:

1. Kiểm soát công việc hành đạo trong năm vừa qua, nhận định các ưu khuyết điểm.

2. Chương trình hành đạo trong năm tới, dự kiến mở rộng các cơ sở Phước Thiện.

3. Kiểm soát tài chánh và phỏng định số thu xuất.

4. Ý kiến về cầu phong cầu thăng của Chức sắc Phước Thiện..

Đại hội Phước Thiện mỗi năm họp một lần ngay sau ngày Ba Hội lập Quyền Vạn linh họp xong.

VII. Chơn truyền của Phước Thiện:

"Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc những kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát ít oi, hoặc giúp tay cho bên Hành Chánh thi hành luật pháp cho đặng dễ dàng trọn vẹn."
(ĐLMD)

"Phước Thiện là cơ quan tận độ, cốt để mở đường Thánh đức cho toàn sanh chúng có đủ phương thể nhập vào Thánh thể, người ngoại giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp cùng Hội Thánh.

Phước Thiện là phương bảo tồn sanh chúng, tế khốn phò nguy, vì trong đời người không có sự khổ nào bằng sanh, lão, bệnh, tử. Muốn thi hành cơ tận độ, những con cái của Đức Chí Tôn sẵn có tài tình học thức, đã được lập công nơi cơ quan khác, còn sót lại những kẻ dốt, kém, thật thà thì do nơi đâu mà lập công đoạt vị? Chỉ có CQPT mới có đủ phương thu nhập toàn thể con cái Chí Tôn qui về cửa Đạo, nên gọi là cơ Bảo tồn.

Muốn thật hành chánh nghĩa Phước Thiện, con cái Chí Tôn đối phải nuôi, rách cho mặc, tật nguyên phải bảo dưỡng, cô thế phải chở che, châu cấp người già cả, săn sóc kẻ bệnh hoạn, v.v... nói tóm lại là phải gánh mọi sự khổ trên đời này.

Và lại, đời là một trường tranh đấu vì miếng ăn chỗ ở. Muốn sống phải no, ấm, mạnh.

Phước Thiện cứu kẻ khổ, giúp kẻ nguy, dìu dắt cho có phương sanh sống, tuy không giàu mà tự toại, không sang mà thung dung, mới có thể tránh được sự tranh đấu vì lẽ sống, tức là nâng đỡ, bảo sanh cho hạng Tam dân (nông, công, thương) hưởng đủ quyền lợi mà mỗi người được quyền sống hưởng theo luật tự nhiên của Tạo hóa.

Phước Thiện là phương pháp làm cho bình đẳng giữa hai hạng người: vô sản và tư sản, hay nói cho đúng là dung hòa quyền lợi chung hưởng chánh đáng, bất phân giai cấp sang hèn, tức là hườn thuốc tự do bình đẳng bác ái.

Chơn truyền của Phước Thiện lại còn phải thay thế cho Chí Tôn và Phật Mẫu thật hành cơ cứu khổ bằng phương pháp là: làm cha những kẻ không cha, làm mẹ những kẻ không mẹ, làm anh những kẻ không anh, làm bạn những kẻ thiếu bạn, làm chồng làm vợ những kẻ không chồng không vợ, trong sự thương yêu cao quý và trong sự giúp đỡ chơn thành. Như thế mới có thể thực hành cơ quan cứu khổ để nơi mặt thế.

Nếu CQPT bảo đảm được con cái Chí Tôn đường ấy thì ân đức của Đại Đạo có thể sánh cùng Trời Đất, làm cho đời khổ trở nên đời hạnh phúc, đời loạn trở nên đời an cư lạc nghiệp thì sự hòa bình của đại đồng thể giới mới mong thành tựu đặng." (Trích Chánh Trị Đạo của Trần Khai Pháp)

"Phải cho cơm những kẻ thiếu cơm, cho thuốc những kẻ thiếu thuốc, cho hàn những kẻ không hàn chôn, chở che những kẻ bị đàn áp bất công, binh vực những kẻ bị chúng hiếp, an ủi những kẻ buồn rầu, khuyến khích những kẻ toan thôi bước, độ những kẻ khổ tâm, lau chùi nước mắt những kẻ cô độc đang khóc trước mặt mình.

Tóm lại, là phải tự hiến mình thân làm tế vật cho Đức Chí Tôn để làm tội đời cho con cái của Người sử dụng trong công việc đem hạnh phúc đến cho họ, để thực hành trọn vẹn cơ quan giải khổ của Đại Từ Phụ." (TNST-Q2-B 67)

V. Bảng đối phẩm Chức sắc các cơ quan:

(Xem Bảng đối phẩm Chức Sắc các Cơ quan)

BẢNG ĐỐI PHẨM CHỨC SẮC các CƠ QUAN

BÁT QUÁI ĐÀI	CỬU TRÙNG ĐÀI	HIỆP THIÊN ĐÀI	CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN	BỘ NHẠC	BAN THỂ ĐẠO	CƠ QUAN KHÁC
Thiên Tiên	Giáo Tông	Hộ Pháp	Phật Tử			
Nhơn Tiên	Chương Pháp	Thượng Phẩm Thượng Sanh				
Địa Tiên	Đầu Sư	Thập nhị TQ	Tiên Tử			
Thiên Thánh	Chánh Phối Sư Phối Sư	Tiếp Dẫn ĐN Chương Ấn	Thánh Nhơn Hiền Nhơn	Tiếp Lễ Nhạc Quân	Phu Tử	Thập nhị Bảo Quân
Nhơn Thánh	Giáo Sư	Cải Trạng Giám Đạo	Chơn Nhơn Đạo Nhơn	Nhạc Sư Đốc Nhạc Đề Nhạc	Đại Phu	Hộ Đoàn PQ. Hữu Phan Q. Tả Phan Q.
Địa Thánh	Giáo Hữu	Thừa Sứ Truyền Trạng	Chí Thiện	Lãnh Nhạc Quân Nhạc Đội Nhạc	Quốc Sĩ	Tổng Giám
Thiên Thân	Lễ Sanh	Sĩ Tài	Giáo Thiện	Cải Nhạc Bếp Nhạc	Hiền Tài	Phó T. Giám
Nhơn Thân	Chánh Trị Sự Phó Trị Sự Thông Sự	Luật Sự	Hành Thiện Thỉnh Thiện	Nhạc Sĩ - Lễ Sĩ - Giáo Nhi		Tả Lý Đầu Phòg Văn
Địa Thân	Đạo Hữu		Tân Dân Mình Đức			Thơ Ký

KHẢO DỊ:

Đối phẩm Hiệp Thiên Đài với các Cơ quan: Đạo Nghị Định số 8-H.T.Đ ngày 19 tháng 10 Mậu Dần quy định:

Sĩ Tài đối phẩm Lễ Sanh.
Thừa Sứ ,Truyền Trạng, Giám Đạo đối phẩm Giáo Hữu.
Cải Trạng, Chương Ấn đối phẩm Giáo Sư.
Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đối phẩm Chánh Phối Sư hay Phối Sư.
Thập Nhị Thời Quân đối phẩm Đầu Sư.
Thượng Phẩm, Thượng Sanh đối phẩm Chương Pháp.
Hộ Pháp đối phẩm Giáo Tông.

THÁNH LỆNH SỐ: 25 ngày 29 tháng 3 năm Tân Mão (4-5-1951)

Sĩ Tài đối phẩm Lễ Sanh.
Thừa Sứ ,Truyền Trạng đối phẩm Giáo Hữu.
Giám Đạo, Cải Trạng đối phẩm Giáo Sư.
Chương Ấn, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đối phẩm Chánh Phối Sư hay Phối Sư.
Thập Nhị Thời Quân đối phẩm Đầu Sư.
Thượng Phẩm, Thượng Sanh đối phẩm Chương Pháp.
Hộ Pháp đối phẩm Giáo Tông.

Đối phẩm Hiệp Thiên Đài với các Cơ quan: theo tài liệu CHÁNH TRỊ ĐẠO ấn bản năm Giáp Dần 1974:

Sĩ Tài đối phẩm Lễ Sanh.
Thừa Sứ ,Truyền Trạng đối phẩm Giáo Hữu.
Giám Đạo, Cải Trạng đối phẩm Giáo Sư.
Chương Ấn, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đối phẩm Chánh Phối Sư hay Phối Sư.
Thập Nhị Thời Quân đối phẩm Đầu Sư.
Thượng Phẩm, Thượng Sanh đối phẩm Chương Pháp.
Hộ Pháp đối phẩm Giáo Tông.

CƠ QUAN LẬP PHÁP (Ba Hội lập Quyền Vạn Linh)

- Quyền Vạn linh là gì?
- Hội Nhơn Sanh.
- Hội Thánh.
- Thượng Hội.

I. Quyền Vạn linh là gì?

Vạn linh là toàn cả các chơn linh (linh hồn) trong càn khôn vũ trụ, gồm đủ Bát hồn.

Bát hồn là tám phẩm chơn hồn trong càn khôn vũ trụ, gồm: kim thạch hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Quyền Vạn linh là quyền quyết nghị của các đại biểu của Vạn linh, tức là các đại biểu của Bát hồn.

Khi lập Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn lập ra 3 đài tương ứng với 3 quyền: Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp.

- Quyền Lập pháp là của Bát Quái Đài do Đức Chí Tôn nắm giữ.

- Quyền Hành pháp là của Cửu Trùng Đài do Đức Giáo Tông nắm giữ.

- Quyền Tư pháp là của Hiệp Thiên Đài do Đức Hộ Pháp nắm giữ.

Khi lập Đạo xong thì Đức Chí Tôn giao Quyền Lập pháp lại cho Vạn linh, vì Đức Chí Tôn cho Quyền Vạn linh được ngang bằng với Quyền Chí linh. (Chí linh là Đức Chí Tôn). Vì thế, Quyền Vạn linh lập thành Cơ quan Lập pháp của Đạo Cao Đài.

Cơ quan Lập pháp của Đạo Cao Đài là một cơ quan có nhiệm vụ lập ra hay hủy bỏ các luật pháp tu hành cho

các tín đồ Cao Đài, để các luật pháp này lúc nào cũng thích hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh.

Quyền Vạn linh lập pháp của Đạo Cao Đài thể hiện lần đầu tiên là lập thành Tân Luật, luật tu hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Muốn thực hiện Quyền Vạn linh thì phải quyết nghị qua 3 Hội:

- Hội Nhơn sanh,
- Hội Thánh,
- Thượng hội.

- **Hội Nhơn sanh** là hội nghị của các đại biểu nhơn sanh gồm: đại biểu của hạng Đạo hữu (đối phẩm Địa Thần), đại biểu của hạng Bàn Trị Sự (đối phẩm Nhơn Thần), đại biểu của hạng Lễ Sanh (đối phẩm Thiên Thần).

Hội Nhơn sanh còn là đại biểu của các hạng chúng sanh: kim thạch, thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, bởi vì trong chúng sanh thì nhơn loại tiến hóa và linh hơn tất cả, nên làm đầu chúng sanh.

Cho nên, Hội Nhơn sanh đại biểu cho 5 phẩm chơn hồn: kim thạch hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, Nhơn hồn và Thần hồn.

- **Hội Thánh** là hội nghị của các đại biểu của hàng Thánh, gồm: các Giáo Hữu (đối phẩm Địa Thánh), các Giáo Sư (đối phẩm Nhơn Thánh), các Phối Sư và Chánh Phối Sư (đối phẩm Thiên Thánh).

- **Thượng Hội** là hội nghị của các đại biểu hàng Tiên và Phật, gồm: các vị Đầu Sư (đối phẩm Địa Tiên), các vị Chương Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh (đối phẩm Nhơn Tiên), Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp (đối phẩm Thiên Tiên và Phật vị).

Ba hội này hiệp lại quyết nghị một điều gì thì đó là quyết nghị của Vạn linh, tạo thành Quyền Vạn linh.

Hội Nhơn sanh thể hiện ý nguyện của nhơn sanh nên có tánh cách dục tấn, cấp tiến, thường đi quá cao so với năng lực của nhơn sanh, nên cần phải có Hội Thánh để dung hòa và kèm chế bớt, còn Thượng Hội thì chính đốn cho hợp với Thiên điều.

Do đó, một quyết nghị mà được thông qua 3 Hội như thế thì nhứt định là xác đáng, hợp lý và hợp Thiên điều.

Cho nên, luật nào được Ba Hội lập Quyền Vạn linh quyết nghị thông qua, thì được xem là Thiên điều tại thế, không ai có quyền sửa cải. Khi có điều luật nào áp dụng lâu ngày trở nên lỗi thời thì chỉ có Quyền Vạn linh mới được sửa cải mà thôi.

II. Hội Nhơn sanh:

① Các Đại biểu của Hội Nhơn sanh gồm:

1. Các vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo.
2. Các Nghị viên.
3. Các Phái viên.

- **Lễ Sanh** làm đầu nhơn sanh, nên các vị Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo phải có mặt trong Hội Nhơn sanh.

- **Nghị viên** là đại biểu của ba hạng: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự. Lấy đơn vị bầu cử là Tộc đạo:

Các vị Chánh Trị Sự đương quyền trong Tộc đạo bầu ra 1 đại biểu Chánh Trị Sự.

Các vị Phó Trị Sự đương quyền trong Tộc đạo bầu ra 1 đại biểu Phó Trị Sự.

Các vị Thông Sự đương quyền trong Tộc đạo bầu ra 1 đại biểu Thông Sự.

Như vậy trong 1 Tộc đạo có 3 Nghị viên: 1 Chánh Trị Sự, 1 Phó Trị Sự, và 1 Thông Sự.

- **Phái viên** là đại biểu các Đạo hữu trong Tộc đạo.

Trong Tộc đạo, cứ 500 Đạo hữu thì bầu ra 1 Phái viên. Thí dụ như trong Tộc đạo có 800 Đạo hữu nam phái thì được bầu ra 2 Phái viên nam phái. (Nếu có 980 Đạo hữu thì cũng chỉ bầu ra 2 Phái viên mà thôi, vì vẫn chưa tới số 1000).

Đối với nữ phái, số Nghị viên và Phái viên bên nam phái thế nào thì số Nghị viên và Phái viên nữ phái cũng y như thế.

Nhiệm kỳ của Nghị viên là Phái viên là 3 năm.

② Tổ chức Hội Nhơn sanh:

Tất cả các Đại biểu nam nữ của Hội Nhơn sanh họp chung với nhau, chỗ ngồi phân biệt hai bên nam nữ.

1. Nghị trưởng: Thượng Chánh Phối Sư.
2. Phó Nghị trưởng: Nữ Chánh Phối Sư.
3. Từ hàn: - 1 Nghị viên nam - 1 Nghị viên nữ.
4. Phó Từ hàn: - 2 Nghị viên nam - 2 Nghị viên nữ.
5. Tất cả các Lễ Sanh Đầu Tộc Đạo, các Nghị viên và Phái viên đều là Hội viên của Hội Nhơn sanh, có quyền bàn cãi và bỏ thăm biểu quyết.

6. Một Chức sắc HTĐ được cử tới dự Hội Nhơn sanh để chứng kiến và giữ cho cuộc hội nhóm của Hội không phạm đến luật đạo. Vị này không đăng biểu quyết.

③ Phận sự của Hội Nhơn sanh:

Hội Nhơn sanh mỗi năm nhóm họp một lần vào ngày 15 tháng giêng, để bàn cãi các việc sau đây:

1. Giáo hóa nhơn sanh.

2. Liệu phương hay cho Đạo và Đòi không phản khắc nhau và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.

3. Phổ độ nhơn sanh vào cửa Đạo, diu dắt tín đồ trọn tuân các luật pháp của Đạo.

4. Sửa cải, thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của nhơn sanh không còn phù hợp.

5. Lo cho nền Đạo được điều hòa và đủ phương tiện đăng phổ thông chơn đạo.

6. Xem xét tài chánh, kiểm tra tài sản của Đạo, phỏng định số thu xuất trong năm tới.

7. Xem xét sổ cầu phong và cầu thăng của Chức việc và Chức sắc.

④ Ban Ủy viên:

Sau khi khai mạc Đại Hội Nhơn sanh, Nghị trưởng trình bày chương trình nghị sự xong thì toàn hội chọn cử ra 4 Ban Ủy viên ngành theo phái đăng thảo luận các vấn đề cho được cặn kẽ và thấu đáo:

- 1) Ban Ủy viên phái Thái.
- 2) Ban Ủy viên phái Thượng.
- 3) Ban Ủy viên phái Ngọc.
- 4) Ban Ủy viên Nữ phái.

Số hội viên của Hội Nhơn sanh được chia đều cho 4 Ban Ủy viên này.

Mỗi Ban Ủy viên cử: 1 Nghị trưởng, 1 Phúc sự viên.

⑤ Hội Ngánh thường xuyên Hội Nhơn sanh.

Mục đích của Hội Ngánh thường xuyên Hội Nhơn Sanh tại Tòa Thánh là bàn tính các điều ngoài chương trình nghị sự của Đại hội và các việc trọng hệ xảy ra

thình linh, như là việc giao thiệp cùng chánh phủ. Hội Ngánh thường xuyên của Đại Hội Nhơn sanh gồm có:

- Thượng Chánh Phối Sư: Nghị trưởng.
- Nữ Chánh Phối Sư: Phó Nghị trưởng.
- Từ hàn nam nữ của Đại hội: Từ hàn.
- Phó Từ hàn nam nữ của Đại hội: Phó Từ hàn.
- Mỗi Châu đạo chọn 1 Nghị viên nam và 1 Nghị viên nữ tham dự Hội Ngánh.
- Một Chức sắc HTĐ chứng kiến, bảo thủ luật pháp.

Hội Ngánh thường xuyên Hội Nhơn sanh nhóm mỗi năm 3 lần: mừng 6 tháng 4; 13 tháng 8; 13 tháng 10.

III. Hội Thánh:

Đại Hội Hội Thánh gồm tất cả Chức sắc nam nữ CTĐ thuộc hàng Thánh (gồm các phẩm: Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, Chánh Phối Sư) và Thập nhị Thời Quân của HTĐ với tánh cách là Hội viên, có quyền bàn cãi và bỏ phiếu, nhưng số phiếu này tính riêng.

Các Chức sắc hàm phong không được dự vào Hội viên của Đại hội này.

① Tổ chức của Đại hội Hội Thánh:

1. Nghị trưởng: Thái Chánh Phối Sư.
2. Phó Nghị Trưởng: Nữ Chánh Phối Sư.
3. Từ hàn: - 1 Chức sắc nam, - 1 Chức sắc nữ.
4. Phó Từ hàn: - 2 Chức sắc nam, - 2 Chức sắc nữ.
5. Nghị viên: Tất cả Chức sắc CTĐ nam nữ từ Giáo Hữu đến Chánh Phối Sư.

6. Thập nhị Thời Quân HTĐ phải có mặt đăng bảo thủ luật đạo không cho Hội phạm đến, cũng đồng quyền như Nghị viên.

Đại Hội Hội Thánh nhóm họp vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hằng năm.

Nơi nhóm Đại Hội Hội Thánh: giữa Tòa Thánh.

② Nhiệm vụ của Đại hội Hội Thánh:

1. Thảo luận các vấn đề của Hội Nhơn sanh dâng lên, hoặc của Thượng Hội đưa xuống đăng lập phương ban hành.

2. Lo về sự phổ độ nhơn sanh, việc châu cấp cho Chức sắc hành đạo tha phương, xem xét lại tài chánh của Đạo, kiểm thảo lại lịch trình hành đạo.

3. Bàn cãi và công nhận số phòng định thu xuất tài chánh trong năm tới.

4. Hủy bỏ, thêm bớt, sửa cải những luật lệ nào không phù hợp với sự tiến hóa của nhơn sanh.

5. Quan sát các việc có ảnh hưởng đến nền Đạo.

IV. Thượng Hội:

Thượng Hội là hội tối cao trong Ba Hội lập Quyền Vạn linh, gồm 11 Chức sắc cao cấp nhất của Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài.

Thượng Hội gồm:

- Đức Giáo Tông: Nghị trưởng.
- Đức Hộ Pháp: Phó Nghị trưởng.
- Thượng Phẩm: Nghị viên.
- Thượng Sanh: Nghị viên.
- 3 Chương Pháp: Nghị viên.
- 3 Nam Đầu Sư: Nghị viên.

- 1 Nữ Đầu Sư: Nghị viên.

Một vị Phối Sư hay Giáo Sư làm Từ hàn, không có quyền bàn cãi và bỏ thăm.

Mỗi năm, sau ngày lễ Noel, Thượng Hội nhóm thường niên trong hạn kỳ là 15 ngày.

Ngoài phiên nhóm lệ này, Thượng Hội còn nhóm 3 tháng 1 lần.

Thượng Hội nhóm trong Đền Thánh với nghi thức Khai hội và Bãi hội rất long trọng.

Khi Thượng Hội nhóm thường xuyên thì nhóm tại Giáo Tông Đường.

Phận sự của Thượng Hội:

Xem xét và phê chuẩn:

1. Các điều của Hội Nhơn sanh và Hội Thánh bàn luận về việc Đạo.

2. Các điều ước nguyện của Hội Nhơn sanh và Hội Thánh, những điều nào, hoặc của Hội Thánh, hoặc của Hội Nhơn sanh đánh đổ thì không được phép đệ lên Thượng Hội, trừ khi nào có đơn của hai ông Nghị trưởng kêu nài.

3. Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp, hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo.

Biểu quyết:

Khi đã bàn cãi xong, Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp bày tỏ ý kiến sau cùng, rồi Đức Giáo Tông cho bỏ thăm, vẫn lấy đa số làm qui tắc.

Quyền của Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại là quyền Chí Tôn nên hai vị Đại Thiên Phong này không bỏ thăm.

Nếu cả Ba Hội trong Quyền Vạn linh phản khắc nhau thì Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp hiệp lại chỉ định thế nào thì toàn đạo phải tuân theo thế ấy.

Thảng như Giáo Tông và Hộ Pháp phản khắc nhau, thì cả thầy ý kiến của hai hội dưới đều bị hủy bỏ. Chừng ấy, cả Ba Hội lập Quyền Vạn linh phải nhóm lại từ đầu để thảo luận lần thứ hai.

Trước giờ bế mạc Thượng Hội 15 phút, Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp vào đại diện mật nghị, rồi trở ra cho Thượng Hội biết rõ quyết định chung của hai vị.

KHẢO ĐI: *Danh xưng nơi Thượng Hội:*

Văn kiện: THƯỢNG HỘI NỘI LUẬT, Làm tại Tòa Thánh, ngày 22 tháng Giêng năm Nhâm Thân. (Le 27 Février 1932):

- Giáo Tông: Hội trưởng.
- Hộ Pháp: Phó Hội trưởng.
- Thượng Phẩm: Nghị viên.
- Thượng Sanh: Nghị viên.
- 3 Chương Pháp: Nghị viên.
- 3 Nam Đầu Sư: Nghị viên.
- 1 Nữ Đầu Sư: Nghị viên.

Theo tài liệu CHÁNH TRỊ ĐẠO ấn bản năm Giáp Dần 1974:

- Giáo Tông: Nghị trưởng.
- Hộ Pháp: Phó Nghị trưởng.
- Thượng Phẩm: Nghị viên.
- Thượng Sanh: Nghị viên.
- 3 Chương Pháp: Nghị viên.
- 3 Nam Đầu Sư: Nghị viên.
- 1 Nữ Đầu Sư: Nghị viên.

LƯỢC SỬ THÀNH LẬP Đạo Cao Đài

Trong chương này, chúng tôi ghi lại một cách tóm tắt các sự kiện quan trọng theo niên biểu (từ năm 1925 đến 1941) để bạn đạo có một nhận định tổng quát về sự thành lập Đạo Cao Đài của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Bạn đạo muốn biết thêm các chi tiết thì đọc các quyển sách về Lịch Sử Đạo Cao Đài.

Năm Ất Sửu (1925)

Thứ bảy, 5-6-Ất Sửu (dl 25-7-1925), lúc 9 giờ tối.

Bốn ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu họp nhau tại nhà ông Sang ở phố hàng dừa, Sài Gòn, để thí nghiệm xây bàn theo lối Thần Linh học Tây phương. Bốn ông ngồi quanh một cái bàn tròn một trụ ba chân đặt nơi hàng ba, trụ giữa của bàn được kê lên cho bàn gấp ghình, hai bàn tay xòe ra úp lên mặt bàn, im lặng định thần. Lát sau, cái bàn rung động, nghiêng qua lại gõ nhẹ lên gạch. Các ông biết là có vong linh nhập vào bàn, tuy nhiên khi ghi lại các tín hiệu nhận được thì không đọc được ra câu gì hết, có chữ Việt, có chữ Pháp lộn xộn, dường như các vong linh tranh nhau nói. Đến quá khuya mà chưa có được kết quả cụ thể nào, các ông mệt quá, đành dọn dẹp đi nghỉ, hẹn đêm mai thử nữa.

Chúa nhật, 6-6-Ất Sửu (dl 26-7-1925), khoảng 9 giờ tối.

Bốn ông vẫn bày bố y như hôm qua, nhưng chưng hoa quả và nhang đèn tươi tốt hơn. Vừa tịnh thần một lát thì có vong linh nhập bàn, liền nhíp chân bàn gõ thành

tiếng rõ ràng, không lộn xộn như đêm qua, quý ông ráp lại được 3 chữ: CAO QUỲNH LƯỢNG.

Bốn ông rất vui mừng, vì Cao Quỳnh Lượng là con của ông Cao Quỳnh Diêu, chết đã mấy năm rồi. Ông Cư thử xem có thiệt là Cao Quỳnh Lượng không, liền nói: - Nếu phải là Cao Quỳnh Lượng thì gõ bàn cho biết tên của những người đang ngồi xây bàn nơi đây. Cao Quỳnh Lượng liền gõ bàn đúng tên các vị. Ông Diêu biểu Lượng đi mời ông Nội đến. Chờ một lúc thì chơn linh ông CAO QUỲNH TUẤN (thân phụ của hai ông Diêu và Cư) nhập bàn, gõ cho bài thi: "*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,.....*"

Kết quả buổi xây bàn này thật là mỹ mãn, làm cho bốn ông suy nghĩ rất nhiều, tin tưởng là có thể giới vô hình và có thể nói chuyện với những vong linh đã khuất.

Ngày 10-6-Ất Sửu (dl 30-7-1925), lúc 9 giờ tối.

Bốn ông lại tổ chức xây bàn tại nhà ông Sang. Tối nay, chiếc bàn chuyển động khoan thai nhẹ nhàng, gõ bàn cho một bài thi, tựa là Thác vì tình: "*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,.....*" xưng tên là: Đoàn Ngọc Quế, con gái.

Ông Cư hỏi: Khi còn tại thế, Cô ở đâu? Bàn gõ đáp: Chợ Lớn. - Cô học trường nào? - Học trường đầm.

Thứ bảy, 12-6-Ất Sửu (dl 1-8-1925).

Theo lời mời của ông Cư, tối nay tổ chức xây bàn tại hiên nhà của ông Cư ở đường Bourdais, ông Cư dùng chiếc bàn vuông 4 chân, thêm một chân lên cao để bàn lắc qua lắc lại dễ dàng gõ xuống nền gạch. Đêm nay ông Diêu vắng mặt. Cô Lễ giáng bàn, 3 ông xin kết làm anh em thi hữu với Cô, Cô bằng lòng gọi: Ông Cư là Đại ca, Ông Tắc là Nhị ca, Ông Sang là Tam ca, còn Cô là Tứ muội.

Ba ông hỏi tên thật của Cô và mồ mã ở đâu: Cô gõ bàn cho biết tên Cô là V T L, mồ mã ở vườn Bà Lớn.

Chúa nhật 13-6-Ất Sửu (dl 2-8-1925).

Sáng nay, 3 ông sắm sửa nhang đèn quả phẩm đi viếng mộ Cô V T L ở vườn Bà Lớn gần Ngã Bảy, mộ xây rất đẹp, có bia mộ đề tên: Vương Thị Lễ, trên bia có hình của Cô trẻ trung rất đẹp. Ba ông bày đèn nhang quả phẩm trước mộ Cô Lễ khăn vái vong hồn Cô và mời Cô về nhà nhập bàn trò chuyện.

Thứ sáu, 10-7-Ất Sửu (dl 28-8-1925), tối.

Tại nhà ông Cự, ba ông Cự, Tắc, Sang xây bàn như thường lệ. Khi tay vừa đặt vào bàn, bàn liền chuyển động, cho bốn câu thi "Ốt cay cay ớt gấm mà cay,....." và xưng danh là "AẤẤ"

Mùng 5-8-Ất Sửu (dl 22-9-1925), tối.

Cô Vương Thị Lễ nhập bàn tiết lộ cho ba ông biết, Cô là Thất Nương của Diêu Trì Cung nơi cõi thiêng liêng, trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, còn Cô Hớn Liên Bạch là Bát Nương. Ba ông xin Cô dạy cách cầu Cửu Thiên Nương Nương. Thất Nương bảo ba ông phải ăn chay trước 3 ngày và phải có ngọc cơ mới cầu Nương Nương được. Thất Nương chỉ vẽ cho 3 ông cách cầu bằng ngọc cơ.

Mùng 8-8-Ất Sửu (dl 25-9-1925), tối.

Đấng A Ấ Ấ giảng bàn, dạy ba ông nhân đó mà làm một cái tiệc chay vào đêm Trung Thu để đãi Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu vị Tiên Nương.

Đêm 15-8-Ất Sửu (dl 2-10-1925): HỘI YẾN DIÊU TRÌ CUNG.

Ba ông Cự, Tắc, Sang thiết lễ Hội Yến DTC tại tư gia của ông Cự (134 đường Bourdais, Sài Gòn). Quý ông lập bàn hương án, chưng những thứ hoa thơm, xông trầm trọn ngày (nhà không tiếp khách). Sắp đặt tiệc ấy do bà Hiếu vâng lệnh lập thành. Trên là bàn thờ Đức Phật Mẫu, dưới đặt một bàn dài, sắp 9 cái ghế như có người ngồi vậy, chén, đĩa, muống, ly, tách, đều giống y như đãi người hữu hình. Đến giờ Tý, quý vị lên nhang đèn, quí lạy thành kính, rồi đem ngọc cơ ra cầu. Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương giáng chào mừng.

Ba ông, mỗi người đều có chuẩn bị sẵn một bài thi mừng do Thất Nương dặn trước, lần lượt ngâm lên để hiến lễ Nương Nương. Đức Phật Mẫu và 9 Cô an vị lắng nghe.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương mời ba ông ngồi chung vào tiệc cho vui. Ba ông thấy không thể chối từ nên sắp sau lưng 9 Cô ba cái ghế, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Cách chừng nửa giờ sau, như là mãn tiệc, ba ông phò cơ tái cầu. Lịnh Nương Nương và 9 Cô đề lời cảm tạ, mỗi vị cho một bài thi bốn câu, lại hứa rằng: Từ đây có ngọc cơ rồi thì tiện cho DTC Cửu Cô đến dạy việc.

Kể từ ngày này, quý ông sử dụng ngọc cơ cầu các Đấng theo lối Cầu Tiên của Đạo gia, nhận các Thánh giáo rất nhanh so với lối Xây Bàn của Thần Linh học.

Đêm 3-9-Ất Sửu (dl 20-10-1925).

Đấng AẤẤ giáng, nói với ba ông: "Tôi nói lộ Thiên cơ, trên Ngọc Hư bắt tội, xin tam vị Đạo hữu cầu Ngọc Hư Cung tha tội cho tôi. Nếu không lo cầu giùm thì tôi bị phạt." Ba ông liền đặt một bài thi khăn cầu, rồi lập bàn hương án cầu DTC xin Ngọc Hư tha tội cho ông AẤẤ.

Đêm 27-10-Ất Sửu (dl 12-12-1925).

Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ giáng đàn truyền lệnh:
"Mùng 1 này, tam vị đạo hữu vọng Thiên cầu Đạo."

Ba ông không biết Vọng Thiên cầu Đạo là làm gì, bèn cầu hỏi Thất Nương. Thất Nương trả lời: Không phải phận sự của em, xin hỏi ông AẢẢ. Ba ông không thỏa mãn, bèn cầu hỏi các Đấng khác, nhưng các Đấng ấy cũng trả lời tương tự như Thất Nương.

Đêm 30-10-Ất Sửu (dl 15-12-1925).

Ba ông cầu Đấng AẢẢ, Ngài giáng dạy: Ngày mùng 1 tháng 11 này, tam vị phải vọng Thiên cầu Đạo, tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa trời, mỗi người cầm 9 cây nhang mà vái rằng: "Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn đủ phước lành cho ba tôi cái tà quì chánh."

Đêm mùng 1-11-Ất Sửu (dl 16-12-1925): VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO.

Ba vị Cư, Tắc, Sang mặc quốc phục nghiêm chỉnh, lập bàn hương án trước sân nhà ông Cư, cạnh lề đường, mỗi ông cầm 9 cây nhang quì giữa trời cầu nguyện y như Đấng AẢẢ dạy. Lúc đó khoảng 10 giờ đêm, người hiểu kỳ bu lại xem ba ông cầu cúng gì mà lạ vậy.

Sau khi tàn 9 cây nhang, ba ông trở vô nhà, đem ngọc cơ ra cầu. Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng, viết chữ nho, ba ông không hiểu. Khi Đấng Cao Đài thăng rồi, ba ông liền cầu Đấng AẢẢ. Ngài giáng dạy: Đức Cao Đài Thượng Đế nói, tam vị chưa đủ đức tin về Ngài nên hỏi gạn lại, tam vị phải nghĩ cho thấu. Rồi Ngài cho bài thi bốn câu: "Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,....."

Đêm mùng 4-11-Ất Sửu (dl 19-12-1925).

Ba ngày sau khi Vọng Thiên Cầu Đạo, Đấng AẢẢ giáng cho ba ông bài thi:

*Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao Đài,
Bởi đức ngày xưa có buổi nay.
Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc,
Gìn lòng tu tánh, chớ đon sai.*

Như vậy là Đấng Thượng Đế đã chấp nhận lời vọng Thiên cầu Đạo của ba ông Cư, Tắc, Sang, và sẽ mở ra một mối đạo mới gọi là Đạo Cao Đài để cứu độ nhơn sanh.

Đêm mùng 9-11-Ất Sửu (dl 24-12-1925): ĐÊM NOEL 1925.

Nhân Lễ Chúa Giáng Sinh, ba ông tập hợp lại nhà ông Cư để cầu cơ. Đấng AẢẢ giáng cơ xác nhận: AẢẢ chính là Cao Đài Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát để dạy đạo tại nước Việt Nam, và Đức Chí Tôn ban lệnh cho ba ông: "Chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy khai đạo."

Đêm 18-11-Ất Sửu (dl 2-1-1926): Thầy bắt đầu dạy Đạo.

Đức Chí Tôn khởi sự dạy đạo cho ba ông Cư, Tắc, Sang và căn dặn hai ông Cư, Tắc mỗi việc chi đều phải triệt để tuân lệnh Thầy.

Ngày 27-11-Ất Sửu (dl 11-1-1926).

Ông Lê Văn Trung đến hầu đàn tại nhà ông Cư, được Đức Chí Tôn ban cho bốn câu thi.

[Ông Trung trước đó được ông Nguyễn Hữu Đắc hướng dẫn đến hầu đàn Chợ Gạo ở Phú Lâm (nhà của

ông Lê Thành Vạn), tại đây Đức Lý Thái Bạch giảng đàn, độ ông Trung, làm cho cặp mắt của ông hết bệnh, sáng trở lại].

Ngày 3-12-Ất Sửu (dl 16-1-1926).

Ông Quý Cao giảng cơ cho bài thi "*Tu như cỏ úa gặp mùa sương*" và sau đó ông giải thích về Ngũ kỵ, tức là Ngũ vị tân mà Phật giáo cấm dùng.

Ngày 5-12-Ất Sửu (dl 18-1-1926).

Hai ông Cư và Tắc vâng lệnh Đức Chí Tôn đến nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn để lập đàn. Đức Chí Tôn dạy ông Trung: "*Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy mà đạo cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy.*"

Trong dịp này, Đức Chí Tôn dạy ông Trung phải hiệp với hai ông Cư và Tắc lo việc mở Đạo.

Ngày 14-12-Ất Sửu (dl 27-1-1926).

Quý ông bạch hỏi Đức Chí Tôn về cách thờ phượng. Đức Chí Tôn dạy quý ông đến gặp ông Ngô Văn Chiêu để xem cách thức. (Ông Chiêu lúc đó ngụ tại lầu 2, số nhà 110 đường Bonard, nay là đại lộ Lê Lợi, Sài Gòn).

Nói riêng về Ngài Ngô Văn Chiêu:

- Mừng 1 Tết Tân Dậu (dl 8-2-1921), Đức Chí Tôn giảng bảo ông Chiêu ăn chay 3 năm (*Chiêu! Tam niên trường trai*), xem như ông Chiêu được Đức Chí Tôn thu làm môn đệ đầu tiên, trong lúc đó ông Chiêu đang làm Quận trưởng quận Phú Quốc.

- Ngày 13-3-Tân Dậu (dl 20-4-1921), ông Chiêu đang ngồi sau dinh Quận nhìn ra biển, chợt thấy hiện ra một con mắt lớn, chói lọi hào quang. Ông Chiêu sợ hãi,

vái: Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì.

- Vài ngày sau, ông Chiêu lại thấy Thiên Nhân hiện ra lần nữa, Ngài lại khẩn xin về Thiên Nhân như thế để thờ, thì Thiên Nhân từ từ biến mất.

- Sau đó, ông Ngô Văn Chiêu được nhà cầm quyền Pháp đổi về làm việc tại Sài Gòn. Ngài rời đảo Phú Quốc ngày 28-6-Giáp Tý (dl 29-7-1924), về tới Sài Gòn ngay ngày hôm sau, thuê nhà tại 110 đường Bonard để cư ngụ, còn gia đình của Ngài vẫn ở tại Thị xã Tân An.

Ngày 18-12-Ất Sửu (dl 31-1-1926).

Ông Lê Văn Trung lập bàn thờ Thầy rất long trọng và tổ chức lễ Khai đàn Thượng tượng. Đức Chí Tôn giảng dạy ông Trung cách sắp đặt thờ Tam Trấn Oai Nghiêm.

Ngày 30-12-Ất Sửu (dl 12-2-1926): Đêm giao thừa.

Đức Chí Tôn dạy Ngài Chiêu hiệp với quý ông lập phái đoàn đi viếng thăm nhà các môn đệ của Đức Chí Tôn trong dịp giao thừa cuối năm Ất Sửu. Ngài Chiêu làm pháp đàn, hai Ngài Cư và Tắc phò loan, ông Nguyễn Trung Hậu làm đọc giả và ông Tuyết Tân Thành làm diễn ký.

Phái đoàn lần lượt đi đến từng nhà của các môn đệ, đến mỗi nhà thì phò loan cho Đức Chí Tôn giảng dạy.

Khi phái đoàn đến nhà Ngài Lê Văn Trung thì vừa kịp đón lễ Giao thừa.

Đúng giờ Tý năm mới Bính Dần, Đức Chí Tôn giảng ban Thánh giáo đầu tiên rất quan trọng:

"Chư đệ tử nghe,

CHIÊU buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, đui dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức, đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.

TRUNG, KỲ, HOÀI, ba con phải lo thay mặt cho CHIÊU mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

BẢN, SANG, GIẢNG, QUÍ lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

ĐỨC tập cơ, HẬU tập cơ, sau theo mấy anh đặng độ người. Nghe và tuân theo."

Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên.

Đây là **ngày giờ mà Đức Chí Tôn khởi lập Đạo Cao Đài: giờ Tý mừng 1 Tết năm Bính Dần.**

Đạo lịch 1 - Năm Bính Dần (1926)

Mùng 8-1-Bính Dần (dl 20-2-1926): Lễ Vía Đức Chí Tôn.

Lễ Vía Đức Chí Tôn được tổ chức tại nhà ông Vương Quan Kỳ, Sài Gòn. Sau phần cúng lễ, quý vị lập đàn cầu Đức Chí Tôn. Ngài Chiêu làm pháp đàn, 2 Ngài Cư - Tắc phò cơ. Đức Chí Tôn giảng dạy. Nhân dịp này, Ngài Chiêu bạch xin Đức Chí Tôn lấy tên các môn đệ hiện diện hầu đàn kết thành bài thi để kỷ niệm. Đức Chí Tôn ban cho 4 câu thi: "*Chiêu Kỳ Trung độ dẫn Hoài sanh, v.v...*" trong đó có đủ tên của 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn.

Ngày 13-1-Bính Dần (dl 25-2-1926).

Tại nhà ông Cư, Đức Chí Tôn giảng dạy về ý nghĩa của Thiên Nhân, cách niệm danh Cao Đài, cách bắt ấn Tý, cách lạy, cách dâng Tam bửu (bông, rượu, trà). Bà

Hiếu được dạy cách may Thiên phục Đầu Sư phái Thượng.

Ngày 6-3-Bính Dần (dl 17-4-1926).

Đức Chí Tôn dạy 3 ông: Trung, Cư, Tắc lên nhà ông Chiêu bảo ông may Thiên phục Giáo Tông. Bà Hiếu lãnh may và làm mào. Đức Chí Tôn giảng dạy bà Hiếu từng chi tiết, dự bị phong ông Chiêu chức Giáo Tông.

Ngày 11-3-Bính Dần (dl 22-4-1926).

Đức Chí Tôn cho biết: **ông Chiêu không lãnh chức Giáo Tông được.** Sau này, Đức Chí Tôn tiết lộ: Khi Đức Chí Tôn dự bị phong ông Chiêu chức Giáo Tông thì Quỷ vương đòi thử thách ông Chiêu. Vì luật công bình, Đức Chí Tôn phải cho thử thách. Sau 5 ngày thử thách, ông Chiêu thua Quỷ vương nên đành chịu mất ngôi Giáo Tông.

Ngày 14-3-Bính Dần (dl 25-4-1926).

Ông Ngô Văn Chiêu tự ý tách riêng ra khỏi nhóm của quý ông: Trung, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức.... Đồng ý với ông Chiêu có: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý.

Ông Chiêu hiệp cùng bốn ông: Trung, Cư, Tắc, Sang từ ngày 14-12-Ất Sửu đến ngày 14-3-Bính Dần thì ông Chiêu tách ra, sự hội hiệp chỉ được 3 tháng tròn.

Ngày 15-3-Bính Dần (dl 26-4-1926).

Lễ Thiên phong Chức sắc đầu tiên tổ chức tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, khởi đúng giờ Tý ngày rằm. Đức Chí Tôn giảng phong:

- *Đức và Hậu*: phong vi Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.
- *Cư*: phong vi Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

- *Tắc*: phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

- *Trung, Lịch* đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo sắc mạng Ta. (Hai vị này đã được Đức Chí Tôn phong Đầu Sư).

- *Kỳ*: phong vi Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Giáo Sư.

- *Bán*: phong vi Tiên Đạo Công Thân Thuyết Đạo Sư.

Đặc biệt trong cuộc lễ Thiên phong này, Đức Chí Tôn trực thân của Phạm Công Tắc để đưa chơn linh Vi Hộ Pháp nhập vào xác thân của Phạm Công Tắc.

Từ cuối tháng 3 năm Bính Dần (1926).

Đức Chí Tôn cho thiết lập nhiều đàn cơ phổ độ để thu nhận tín đồ gia nhập Đạo Cao Đài. Trong vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định có 6 đàn cơ phổ độ, kể ra:

1. *Đàn Cầu Kho* tại nhà ông Đoàn Văn Bản, ông Vương Quang Kỳ chứng đàn, phò cơ: Hậu - Đức.

2. *Đàn Chợ Lớn* tại nhà Ngài Lê Văn Trung, Ngài Trung chứng đàn, phò cơ: Cao Q. Diêu - Cao Hoài Sang.

3. *Đàn Tân Kim*, Cần Giuộc tại nhà ông Nguyễn Văn Lai, ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Văn Lịch chứng đàn, phò cơ: Ca Minh Chương - Phạm Văn Tươi.

4. *Đàn Lộc Giang*, Chợ Lớn, tại chùa Phước Long của Yết Ma Giồng, chứng đàn là ông Mạc Văn Nghĩa và Yết Ma Giồng, phò cơ: Trần D. Nghĩa - Trương V. Tràng.

5. *Đàn Tân Định* tại nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ, phò cơ: Cao Quỳnh Cư - Phạm Công Tắc.

6. *Đàn Thủ Đức* tại nhà ông Ngô Văn Điều, ông Điều chứng đàn, phò cơ: Huỳnh Văn Mai - Võ V. Nguyên.

Ngày 2-7-Bính Dần (dl 9-8-1926).

Tại Vĩnh Nguyên Tự Cần Giuộc, Đức Chí Tôn giáng cơ ban Tịch đạo Chức sắc nam phái: "*Thanh Đạo tam khai thất ức niên,.....*" và phong chức cho quý ông:

- *Nguyễn Ngọc Tương*: Phối Sư Thượng Tương Thanh.

- *Nguyễn Ngọc Thơ*: Phối Sư Thái Thơ Thanh.

- *Lê Bá Trang*: Phối Sư Ngọc Trang Thanh.

- *Ngô Văn Kim*: Giáo Sư Thượng Kim Thanh.

Ngày 24-7-Bính Dần (dl 31-8-1926).

Đức Chí Tôn phong Ngài *Nguyễn Văn Tương* (Minh Sư) ở làng Hữu Đạo, Cai Lậy, chức Thượng Chương Pháp.

Ngày 29-7-Bính Dần (dl 5-9-1926).

Đức Chí Tôn phong *Hòa Thượng Như Nhân* làm Thái Chương Pháp và dạy Hòa Thượng xem lại kinh sách xưa mà lập thành Tân Luật của Đạo Cao Đài.

Đức Chí Tôn cũng phong *Hòa Thượng Thiện Minh*, học trò của Ngài Như Nhân, chức Đầu Sư Thái Minh Tinh.

Ngày 11-8-Bính Dần (dl 17-9-1926).

Đức Chí Tôn dạy Giáo Hữu Thượng Kiệt Thanh (*Nguyễn Văn Kiệt*) làm 7 cái ngại; Giáo Sư Thái Bính Thanh làm Trái Càn Khôn.

Ngày 23-8-Bính Dần (dl 29-9-1926): LẬP TỜ KHAI ĐẠO.

Đức Chí Tôn ra lệnh cho Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung, họp các môn đệ tại nhà ông Nguyễn Văn Tường ở

hẻm 237bis đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo) để lập Tờ Khai Đạo gởi lên nhà cầm quyền Pháp.

Có tất cả 247 môn đệ ký tên trong buổi họp, nhưng khi ký vào Tờ Khai Đạo thì chỉ ký tên 28 vị làm đại diện.

Tờ Khai Đạo này không phải là Đơn xin Khai Đạo, mà là Tuyên Ngôn chánh thức thành lập Đạo Cao Đài.

Vài ngày sau, lập đàn tại nhà Ngải Cư, Ngải Trung dâng Tờ Khai Đạo lên Đức Chí Tôn duyệt xét.

Đức Chí Tôn chấp thuận và căn dặn Ngải Lê Văn Trung: *"Thầy dặn con Trung, nội thứ năm tuần tới phải đến Le Fol mà khai cho kịp nghe."*

Ngày 28-8-Bính Dần (dl 4-10-1926).

Đức Chí Tôn giảng cơ cho biết: Lập ĐĐTKPD, Thầy chọn: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền và Tam thiên đồ đệ.

Thứ năm, 1-9-Bính Dần (dl 7-10-1926): Nạp Tờ Khai Đạo.

Ngải Lê Văn Trung vâng lệnh Đức Chí Tôn, sáng thứ năm 7-10-1926 (âl 1-9-Bính Dần) đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol, được Le Fol vui vẻ tiếp nhận.

Ngày 7-9-Bính Dần (dl 13-10-1926).

Ngải Cư dâng tập "Phổ Cáo Chúng Sanh" lên Đức Chí Tôn duyệt xét, được chấp thuận và cho phép ấn hành.

Ngày 10-9-Bính Dần (dl 16-10-1926).

Đức Chí Tôn phong Ngải Thái Lão Sư *Trần Văn Thụ* ở Vĩnh Nguyên Tự chức: Ngọc Chương Pháp.

Ngày 23-9-Bính Dần (dl 29-10-1926).

Đức Chí Tôn giao quyền thưởng phạt các Chức sắc cho Đức Lý Thái Bạch. *Ngày này được xem là ngày Đức Chí Tôn giao Đức Lý Thái Bạch làm Giáo Tông ĐĐTKPD.*

Ngày 12-10-Bính Dần (dl 16-11-1926): trước Lễ Khai Đạo 3 ngày.

Đức Chí Tôn dạy lập Lễ Khai Đạo nơi Thánh Thất Gò Kén trong 3 ngày: 14, 15 và 16-10-Bính Dần.

Đức Chí Tôn phong thường 3 vị: *Trang, Tương, Thơ* lên làm Chánh Phối Sư ba phái.

Ngày 14-10-Bính Dần (dl 18-11-1926): ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO.

Đức Chí Tôn lập Tịch đạo nữ phái và phong:

- Bà *Lâm Thị Thanh*: phong vi Giáo Sư Hương Thanh.

- Bà *Ca Thị Thê*: phong vi Giáo Hữu Hương Thê.

* Đêm nay giờ Tý, 15-10-BD, khởi ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO.

Ngày 16-10-Bính Dần (dl 20-11-1926), đêm.

Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền CTĐ.

Ngày 5-11-Bính Dần (dl 9-12-1926).

Ngải Thượng Chương Pháp *Tương* qui vị tại làng Hữu Đạo, quận Cại Lậy, Mỹ Tho, lúc đó Ngải được 48 tuổi.

Ngày 12-12-Bính Dần (dl 15-1-1927).

Đức Chí Tôn phong:

- Ngài *Trần Đạo Quang*: Quyền Thượng Chương Pháp.

- Ngài *Dương Văn Nương*: Đầu Sư Thái Nương Tinh. (Còn Ngài Đầu Sư Thái Minh Tinh bị Đức Lý cách chức).

Ngày 13-12-Bính Dần (dl 16-1-1927).

Tân Luật lập xong, 3 Chánh Phối Sư thay mặt Hội Thánh, đủ 6 bàn tay cầm bộ luật dâng lên 3 Đầu Sư, 3 Đầu Sư cũng đủ 6 bàn tay tiếp luật rồi dâng lên 3 Chương Pháp, 3 Chương Pháp tiếp luật dâng lên Đức Lý Giáo Tông, đặt tại tượng của Ngài.

Ngày 14-12-Bính Dần (dl 17-1-1927).

Đức Lý Giáo Tông mượn hai vị Đầu Sư lên đại diện cầm bộ luật nơi tượng của Ngài, đem giao cho Hộ Pháp. Đức Hộ Pháp khi đưa Luật thì nói: Kỳ một tháng nạp lại.

Cũng ngày này, Đức Chí Tôn tiết lộ cho biết:

"- Ông *Nguyễn Ngọc Thơ* là chơn linh *Từ Hàng Bồ Tát* giáng trần. - Ông *Dương Văn Nương* là chơn linh của *Văn Thủ Bồ Tát* giáng trần."

Đạo lịch 2 - Năm Đinh Mão (1927)

Ngày mừng 1-1-Đinh Mão (dl 2-2-1927): Tết Đinh Mão.

* Đức Chí Tôn kiểm điểm một năm truyền đạo, độ được 4 muôn môn đệ (40 000 tín đồ).

* Đức Lý Giáo Tông lập Pháp Chánh Truyền nữ phái Cửu Trùng Đài.

* Ngài Thượng Chương Pháp Tương giáng cơ un đúc tinh thần của chư Chức sắc Thiên phong.

Ngày 12-1-Đinh Mão (dl 13-2-1927).

Đức Chí Tôn giáng cơ lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, phong chức cho Thập nhị Thời Quân.

Ngày 18-1-Đinh Mão (dl 19-2-1927).

Đức Lý quyết định trả chùa Gò Kén cho HT Như Nhân, dạy Hội Thánh mua đất cất Tòa Thánh. Chỉ mua đất ở Tây Ninh vì Tây Ninh là Thánh địa. Đức Chí Tôn cũng định quyết: ***Chỉ chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi.*** Đức Lý gợi ý chỉ chỗ, Hội Thánh đi xem đất để mua.

Đức Lý dạy làm con dấu cho 3 Chương Pháp và 3 Đầu Sư.

Ngày 23-1-Đinh Mão (dl 24-2-1927).

Hội Thánh xem đất xong, tối lại cầu Đức Lý. Đức Lý khen, nói đất ấy là Thánh địa vì có Lục Long Phò Ấn.

Ngày 27-1-Đinh Mão (dl 28-2-1927).

Đức Lý Giáo Tông dạy kích thước xây cất Tòa Thánh, và phải mua Bàu Cà Na để làm Động Đình Hồ.

Ngày 20-2-Đinh Mão (dl 23-3-1927).

Hội Thánh trả chùa Gò Kén cho H.T. Như Nhân, thỉnh cốt Phật Tổ và ông Sa Nặc về đất mới mua. Công cuộc này, Đức Cao Thượng Phẩm gánh vác, đứng ra chỉ huy. Đức Cao Thượng Phẩm nhờ số công quả người Miên phá rừng, đốn cây, xây cất Tòa Thánh tạm, Hậu điện, Đông lang, Tây lang, trù phòng, đào giếng, vv . . .

Ngày 2-5-Đinh Mão (dl 1-6-1927).

Đức Chí Tôn báo cho biết: "*Cuối kỳ tháng 6 đây thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền đạo.*" Tất cả các

đàn cơ phổ độ đều bể lại, chỉ còn cơ bút tại Tòa Thánh mà thôi.

Ngày 14-5-Đinh Mão (dl 13-6-1927).

Ngài Ngọc Chương Pháp Trần Văn Thụ đăng Tiên.

Ngày 29-6-Đinh Mão (dl 27-7-1927).

Đức Phạm Hộ Pháp sang Nam Vang mở đạo. Ngài ngụ tại nhà ông Cao Đức Trọng, lập đàn cơ, Đức Chí Tôn giáng thân nhận môn đệ, phong Chức sắc cho nhiều vị:

- Lê Văn Bảy, Giáo Hữu phái Thượng, v.v...
- Trần Kim Phụng, Nữ Giáo Hữu Hương Phụng, v.v...

Nhờ số Chức sắc nam nữ đầu tiên này, Đức Hộ Pháp lập "*Cơ quan Truyền giáo Hải ngoại*", thường gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo, cử Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh làm Chủ Trưởng, trụ sở đặt tại Nam Vang, dưới quyền chương quản của Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Đạo lịch 3 - Năm Mậu Thìn (1928)

Ngày 19-10-Mậu Thìn (dl 30-11-1928).

Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương đăng Tiên.

Đây là vị Thờ Quân của HTĐ đã qui vị đầu tiên.

Đạo lịch 4 - Năm Kỷ Ty (1929)

Ngày 1-3-Kỷ Ty (dl 10-4-1929).

Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư đăng Tiên, lúc 11 giờ trưa, Ngài được 42 tuổi.

Ngày 8-3-Kỷ Ty (dl 17-4-1929).

Đức Lý Giáo Tông thăng bà Phôi Sư Hương Thanh lên phẩm Nữ Chánh Phôi Sư.

Ngày 15-5-Kỷ Ty (dl 21-6-1929).

Đức Chí Tôn duyệt và chấp thuận cuốn Đại Đàn Nghi Tiết và 3 bài Dâng Tam Bửu mới do Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao Quỳnh Diêu đặt ra, nhưng đến ngày 17-6-Canh Ngọ (dl 12-7-1930), Ngài Thượng Đầu Sư mới ban hành.

Ngày 12-12-Kỷ Ty (dl 11-1-1930).

Đức Chí Tôn thăng phẩm cho Ngài Cao Quỳnh Diêu vào chánh vị Bảo Văn Pháp Quân.

Đạo lịch 5 - Năm Canh Ngọ (1930)

Ngày 3-10-Canh Ngọ (dl 22-11-1930).

Đức Lý Giáo Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập 6 Đạo Nghị Định, từ Đạo Nghị Định 1 đến 6.

Đặc biệt trong Đạo Nghị Định 2, Đức Lý ban cho Đầu Sư Thượng Trung Nhựt cầm quyền Giáo Tông tại thế.

Ngày 30-11-Canh Ngọ (dl 18-1-1930).

Đức Lý Giáo Tông ban cho Thập Hình để Tòa Đạo xử phạt Chức sắc và Đạo hữu vi phạm luật pháp của Đạo.

Đạo lịch 7 - Năm Nhâm Thân (1932)

Ngày 13-3-Nhâm Thân (dl 18-4-1932).

Ngài Ngô Văn Chiêu qui liễu khi ngồi xe du lịch qua phà Cần Thơ, định đi về Tân An. Năm đó, Ngài 55 tuổi. Đám tang của Ngài tổ chức rất long trọng tại Cần Thơ.

Ngày 18-5-Nhâm Thân (dl 21-6-1932).

Ngài Bảo Văn Pháp Quân theo lệnh của Đức Hộ Pháp, viết bài **"Kinh Tán Tụng Công Đức DTKM"** lấy ý từ bài thi của Phật Mẫu Từ Hồn độn, Chí Tôn hạ chỉ,...

Đạo lịch 8 - Năm Quý Dậu (1933)

Ngày 26-2-Quý Dậu (dl 21-3-1933).

Bà Đoàn Thị Diễm giảng cơ bắt đầu viết **Nữ Trung Tụng Phận**. Đức Hộ Pháp và Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh phò loan. Về sau, Ngài Cao Tiếp Đạo thế Ngài Tiếp Thế phò loan.

Ngày 1-10-Quý Dậu (dl 18-11-1933).

Ông Phạm Văn Màng, Cai sở Bàu Sen thuộc Phạm Môn, mất tại Sở Quảng nghệ do bệnh nặng, hưởng được 46 tuổi. Thần Hoàng làng Long Thành báo cho biết ông Màng đắc Thánh vị, gọi là Phối Thánh Phạm Văn Màng.

Ngày 29-12-Quý Dậu (dl 12-2-1934).

Bát Nương và Lục Nương giảng cơ báo cho biết Ngọc Hư Cung trở pháp, truất quyền của CTĐ, giao cho HTĐ cầm quyền nền Đạo, bởi vì: *"Cửu Trùng không kế an thiên hạ, phải để Hiệp Thiên đứng trị vì"*. Đức Quyền Giáo Tông biết rằng nhiệm vụ của Đức Ngài sắp chấm dứt.

Đạo lịch 9 - Năm Giáp Tuất (1934)

Ngày 16-7-Giáp Tuất (dl 25-8-1934).

Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp hợp nhau lập thành hai Đạo Nghị Định 7 và 8.

Đạo Nghị Định 8: *"Những Chi phái nào do bởi ĐĐTKPD làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh của Hội Thánh thì cả chúng sanh chẳng đáng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là Bàng môn Tả đạo."*

Ngày 13-10-Giáp Tuất (dl 19-11-1934).

Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đăng Tiên tại Giáo Tông Đường, lúc đó Đức Ngài được 59 tuổi.

Sau đó, Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông hữu hình cho Đức Phạm Hộ Pháp, nên Đức Hộ Pháp xưng là: **Chưởng Quân Nhị Hữu Hình Đài, Hiệp Thiên và Cửu Trùng**.

Đạo lịch 10 - Năm Ất Hợi (1935)

Ngày 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935).

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) vâng lệnh Đức Chí Tôn giảng cơ lập 7 phẩm Chức sắc HTĐ từ Sĩ Tài đến Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, dưới Thập nhị Thời Quân, để giúp chư vị Thời Quân cầm quyền Tư Pháp của Đạo.

Ngày 23-7-Ất Hợi (dl 21-8-1935).

Đức Phật Mẫu, Cửu vị Tiên Nương DTC, Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Phật Thích Ca, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho Kinh Tận Độ (Tân Kinh), từ ngày này đến mừng 4 tháng 8 Ất Hợi mới chấm dứt.

Đạo lịch 11 - Năm Bính Tý (1936)***Ngày 1-11-Bính Tý (dl 14-2-1936).***

Đức Hộ Pháp tiếp nối công việc xây cất Tòa Thánh.

Đức Ngài huy động 500 công quả hiến thân Phạm Môn làm lực lượng công thợ nông cật, các Đầu Họ PT trong 21 tỉnh Nam phần VN lo lương thực chở về Tòa Thánh, các Khâm Châu và Đầu Tộc Đạo lo quyên góp tiền bạc của bốn đạo đưa về mua vật liệu xây dựng. Đức Hộ Pháp nói: Chỉ cần mỗi Đạo hữu góp 1 đồng thì Hội Thánh đủ tiền cất Tòa Thánh và nhứt định kỳ này thành công.

Đạo lịch 13 - Năm Mậu Dần (1938)***Ngày 16-1-Mậu Dần (dl 16-2-1938).***

Hội Thánh lập Đạo Luật năm Mậu Dần, Đức Hộ Pháp phê chuẩn, và giao trở lại cho Hội Thánh ban hành.

Ngày 19-10-Mậu Dần (dl 10-12-1938).

Đức Phạm Hộ Pháp hợp với Đức Lý Giáo Tông lập Đạo Nghị Định số 48 thành lập Cơ Quan Phước Thiện.

Đạo lịch 16 - Năm Tân Ty (1941)***Ngày 4-6-Tân Ty (dl 28-6-1941).***

Lính mật thám Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp.

Ngày 17-6-Tân Ty (dl 11-7-1941), lính mật thám Pháp lại vào Tòa Thánh bắt thêm 4 vị Chức sắc nữa là: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phần Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, đồng

thời ở Sài Gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.

Ngày 4-6 nhuận-Tân Ty (dl 27-7-1941), nhà cầm quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc lưu đầy sang đảo Madagascar ở Phi Châu.

...

TÔN CHỈ của ĐẠO CAO ĐÀI

- Định nghĩa.
- Tam Giáo qui nguyên.
- Ngũ Chi phục nhứt.
- Kết luận.

I. Định nghĩa.

Tôn chỉ là nguyên tắc chánh yếu để một đoàn thể theo đó hoạt động. Tôn chỉ của Đạo Cao Đài là: Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt. Câu này thường thấy nơi phần đầu của bài Sớ văn thượng tấu.

Tam giáo qui nguyên là ba nền tôn giáo trở về gốc. Cái gốc đó là chơn lý tuyệt đối hằng hữu, thường gọi là Thượng Đế. Tam giáo gồm: Nho, Thích, Đạo, tức là Nho giáo hay Khổng giáo, Thích giáo hay Phật giáo, Đạo giáo hay Lão giáo hay Tiên giáo.

Ngũ Chi phục nhứt là năm nhánh đạo trở lại thành một. Một đó là Đại Đạo, Một đó cũng là Thái Cực. Ngũ Chi tức là Ngũ Chi Đại Đạo, năm nhánh của nền Đại Đạo, gồm: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo.

Chữ **NGUYÊN** là gốc và chữ **NHỨT** là một, đều chỉ Đấng Thượng Đế, vì Ngài là gốc của các nền tôn giáo và là **một** ngôi Thái Cực tuyệt đối.

Nói Tam giáo qui nguyên là nói trong phạm vi Á Đông, nơi mà Tam giáo (Nho, Thích, Đạo) mở ra để giáo hóa nhơn sanh trong vùng Á Đông này.

Nói Ngũ Chi phục nhứt là nói toàn thể thế giới, gồm tất cả các tôn giáo (Vạn giáo), trong đó có Tam giáo.

Tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài là: Tam giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, nghĩa là: nơi cõi Á Đông thì đem ba nền tôn giáo (Nho, Thích, Đạo) trở về nguồn gốc của nó và trên toàn thể giới thì đem năm nhánh đạo hợp lại thành một nền Đại Đạo duy nhứt.

Đây là một công cuộc vĩ đại của Đức Chí Tôn, phục hưng toàn bộ chơn truyền của tất cả tôn giáo, qui hiệp tất cả giáo lý và triết lý của tất cả tôn giáo vào một mối duy nhứt lập thành một hệ thống giáo lý mới và triết lý mới phù hợp mức tiến hóa cao của nhơn sanh và dung hợp được tất cả các giáo lý cũ và các triết lý cũ.

II. Tam giáo qui nguyên.

Các tôn giáo đã lập ra từ trước tới nay đã thất chơn truyền và lỗi thời, không còn thích hợp với mức tiến hóa cao của nhơn sanh ngày nay. Vả lại, có một số tôn giáo qui phạm rõ rệt, bị những nhà lãnh đạo tôn giáo hiểu chiến lợi dụng, gây thành những cuộc chiến tranh tàn khốc, giết hại nhiều người, được nguy trang dưới dạng Thánh chiến.

Đức Chí Tôn đến qui nguyên Tam giáo như thế nào?

Ngày nay, Đức Chí Tôn đến đem ba tôn giáo hiệp nhứt, tạo một tòa lớn lao vĩnh viễn cho nhơn sanh nương vào đó mà lánh cơn khổ nạn sâu. Ba nhà tôn giáo ấy tuy đồ sập nhưng Đức Chí Tôn vì lòng từ bi, chọn lựa cái nào còn dùng đáng thì lấy, cái nào hư nát thì bỏ ra, như cột, kèo, xuyên, trính, ngói, gạch, cái nào còn nguyên thì dùng, cái nào bể nát hư hao, bị mối ăn thì bỏ ra, cây nào cong vạy thì uốn lại, trừ ra uốn không nổi mới bỏ. Đức Chí Tôn lấy các vật ấy ráp lại thành một Tòa Đại Đạo cho nhơn sanh sùng bái tu hành, là tòa nhà ngày nay đó.

Chúng ta đều biết rằng, tất cả các tôn giáo, các chi phái đạo hiện hữu đều là những phương tiện để thực hiện mục tiêu là dẫn dắt nhơn sanh tiến hóa đi đến chỗ Chân Thiện Mỹ. Nhưng con người vì vô minh, mê chấp, nên phân biệt đạo ta đạo người, đạo của ta cao, đạo người thấp, chỉ có đạo ta mới là chánh đạo.

Còn các vị Giáo chủ đều là những Đấng Tiên, Phật cao trọng, lãnh lĩnh Đức Chí Tôn giảng trần mở đạo, vào các thời kỳ khác nhau, ở các địa phương khác nhau, để mở trí khai tâm cho nhơn loại, hầu lo tu tâm sửa tánh, tiến hóa lần lần để trở về cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Các mối đạo đó chỉ là những phương tiện, như cái thang bắc lên mây xanh, để con người biết lối trèo lên từ từ mà trở về quê xưa cảnh cũ. Con người còn nhiều mê muội, chưa hiểu chơn lý, nên sanh đổ kỵ ty hiềm, chấp ta ngã mạn, đi đến chỗ chia rẽ phân biệt giữa các tôn giáo, không thực thi đúng tinh thần Bác ái và Công bình, và những điều giảng dạy chơn chánh của các Đấng Giáo chủ, làm cho các mối đạo qui phạm và hỗn loạn.

Đạo không còn hướng dẫn được người đời, khiến cho đời càng thêm hỗn loạn, mất hết đạo đức, nên luôn luôn xảy ra chiến tranh giết chóc lẫn nhau, chỉ vì tham vọng.

III. Ngũ Chi phục nhứt.

Đức Chí Tôn dạy:

"Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước *Càn vô đắc khán*, *Khôn vô đắc duyệt*, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tu phương mình mà thôi. Còn nay, nhơn loại đã hiệp đồng, *Càn khôn dĩ tận thức*, thì lại

bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt." (TNHT)

Theo lời Thánh ngôn trên đây của Đức Chí Tôn thì ngày nay, Đức Chí Tôn phục nhứt năm nhánh đạo, lập thành nền Đại Đạo do Đức Chí Tôn đích thân chương quản, vì 3 lý do sau đây:

1. Ngày xưa, nhơn loại chưa văn minh, việc đi lại từ nơi này đến nơi khác rất khó khăn và mất nhiều thời gian, sự thông tin liên lạc giữa dân tộc này với dân tộc khác cũng rất khó khăn. Do đó, Đức Chí Tôn mở ra cho mỗi địa phương một mối đạo để độ rỗi nhơn sanh vùng đó. Vì vậy mà có nhiều mối đạo khác nhau trên thế giới. Đó là thời Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, là giai đoạn *Nhứt bốn tán vạn thù* (Một gốc phân ra muôn sai biệt).

2. Ngày nay, nhơn loại rất văn minh, chế tạo được những phương tiện đi lại rất nhanh như máy bay, xe hơi, tàu thủy, và chế tạo được một hệ thống thông tin liên lạc rất nhanh chóng, lại chế tạo được các máy điện tử có thể dịch tiếng nói của nước này sang tiếng nói của nước khác.

Cho nên Đức Chí Tôn nói rằng, ngày nay *Càn Khôn dĩ tận thức*, Đức Chí Tôn không cần mở nhiều mối đạo như xưa mà chỉ cần mở một nền Đại Đạo duy nhứt, bằng cách qui hiệp các đạo đã lập từ trước, thống nhứt tín ngưỡng, rồi nhờ hệ thống thông tin liên lạc của thời đại văn minh hiện nay mà truyền bá nền Đại Đạo ấy ra khắp hoàn cầu.

Đức Chí Tôn có tiên tri rằng: Ngày sau, người Trung hoa sẽ thờ phụng Đạo Cao Đài đấng đẽ và người Mỹ sẽ truyền bá Đạo Cao Đài khắp hoàn cầu.

Đây là thời Tam Kỳ Phổ Độ, là giai đoạn *Vạn thù qui nhứt bốn* (Muôn sai biệt trở về một gốc).

3. Thời xưa, mỗi mỗi Đạo thì có một Giáo chủ, khi vị Giáo chủ ấy thoát xác trở về cõi thiêng liêng thì mỗi đạo ấy lần lần bị người phàm tranh cãi, trở nên phàm giáo. Các phàm giáo chống báng nhau, đạo mình chánh, đạo kia tà, gây ra nhiều cuộc chiến tranh tôn giáo tàn khốc.

Ngày nay Đức Chí Tôn qui hiệp tất cả tôn giáo trong Ngũ Chi vào một nền Đại Đạo duy nhất, do Đức Chí Tôn làm Giáo chủ, lập thành **năm nấc thang** tiến hóa cho nhơn sanh đắc đạo. Năm nấc thang tiến hóa đó là: Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật. Người tu có công đức ngang bằng với nấc tiến hóa nào thì sẽ được Đức Chí Tôn ban cho phẩm vị tương ứng trong nấc ấy.

Lại nữa, kỳ này, Đức Chí Tôn không đầu thai xuống phàm để mang xác phàm, mà Đức Chí Tôn vẫn ngự trên Bạch Ngọc Kinh, dùng huyền diệu cơ bút, giáng điển xuống trần mở đạo và nắm giữ mỗi đạo. Nhờ vậy, nền Đại Đạo sẽ mãi mãi là Chánh truyền, không bao giờ bị phàm hóa.

Đức Hộ Pháp đọc diễn văn tại Tòa Thánh ngày 14-2-Mậu Thìn (dl 5-3-1928), thuyết giảng về Ngũ Chi phục nhứt:

"Với các nguyên nhân thì Ngũ Chi tỉ như một cái thang năm nấc bắc cho mình leo lên địa vị ngang bậc cùng Thầy, tức là Phật phẩm đó vậy. Chưa ai nhảy một nháy mà lên cho tới tầng lầu 5 thước bề cao, mà như ai để sẵn một cái thang năm nấc, mình có thể lần lần mà leo lên đặng. Thầy hiệp Ngũ Chi đặng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác một trường học phàm kia vậy, lần lần bước đến đặng đoạt thủ địa vị của mình. Hễ ngồi đặng phẩm nào thì địa vị mình nơi ấy, chẳng ai còn tranh giành ngược ngạo không nhìn nhận cho được.

- Mình là người tức có sẵn Nhơn phẩm, mình mới luyện Nhơn hồn theo gương của chư Thần mà chúng ta thờ phụng đó, thì tức nhiên cũng đoạt đặng đức tánh của chư Thần mà làm Thần vị của mình.

- Đặng Thần vị rồi, lại xem gương của các Thánh mà tu luyện Thần hồn của mình cho đặng Thánh đức, tức nhiên cũng đoạt được Thánh vị vậy.

- Đặng Thánh vị rồi, cũng luyện Thánh hồn mình theo tánh đức của chư Tiên mà đoạt đặng Tiên vị.

- Khi biết mình đã vững nơi Tiên vị rồi thì mình cũng cứ đào luyện Tiên hồn của mình theo gương chư Phật mà gắm ghé vào Phật vị.

Tương như có kẻ hỏi: Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật xa cách với người như Trời với Đất, khác nhau kẻ tục người thanh thì thế nào người phàm mong mỗi leo lên phẩm vị ấy cho xứng đáng? Ta lại đáp như vậy:

- Những Vật chất có một điểm Thảo mộc hồn. Như cây bông đá đó vậy.

- Thảo mộc có một điểm Thú hồn, như cây mắc cở.

- Thú hồn có một điểm Nhơn hồn, như loài cầm điều thì có: kút, cường, nhồng; tẩu thú thì có: chó, ngựa, khi; còn ngư thú có: cá ông đó vậy.

- Nhơn hồn có Thần hồn đã đành, chẳng cần phải giải.

- Thần hồn có Thánh hồn, Thánh hồn có Tiên hồn, Tiên hồn có Phật hồn.

Ấy vậy, nơi mình chúng ta đã có sẵn một điểm Thần, Thánh, Tiên, Phật hồn. Nếu ta biết làm cho chơn hồn tăng tiến lên hoài cho tới phẩm vị Tiên, Phật thì phải tập luyện tu hành và đặc kỳ truyền mới đặng."

Ngũ Chi Đại Đạo lập thành năm nấc thang tiến hóa từ thấp lên cao, nghĩa là một chương trình học tập năm

cấp lớp (Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật), có mục đích đưa người tu lần lần tiến lên đến tột đỉnh phẩm vị thiêng liêng, hiệp nhập vào khối Đại Linh Quang của Thượng Đế. Chương trình năm cấp lớp này thể hiện giáo lý thuần nhứt của Đại Đạo mà bất cứ người tu nào muốn phấn chấn hoàn nguyên đều phải trải qua năm cấp học ấy.

Ngũ Chi Đại Đạo cũng biểu tượng năm phương thức hành đạo là: Tùng khổ, Thắng khổ, Thọ khổ, Thoát khổ và Giải khổ, của năm bậc: Hiền, Thần, Thánh, Tiên, Phật, để lập thành đường lối hành đạo đi đến "Tuyệt khổ".

Như thế, Ngũ Chi Đại Đạo là năm trình độ chuyển hóa liên hợp nhứt quán trên cứu cánh giải thoát con người khỏi sự đau khổ phiền não một cách toàn diện.

Ba Chi đầu là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo để tạo lập cảnh thế giới đại đồng, lập đời thượng nguồn Thánh đức, để cho các bậc Hiền nhân, Thánh triết tạm dừng chân trong hành trình tu tiến. Hai Chi sau là Tiên đạo và Phật đạo để các bậc ấy tiếp tục tu tiến, đắc thành chánh quả, vào bậc trọn lành, thoát khỏi luân hồi, hiệp nhập vào Thượng Đế. Đó chính là cứu cánh của Đại Đạo.

IV. Kết luận.

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài quá cao siêu vĩ đại, không một người phàm nào có thể thực hiện được, chỉ có Đức Chí Tôn mới thực hiện được mà thôi.

Đức Chí Tôn ủy quyền cho Đức Phật Di-Lạc thực hiện cơ qui nhứt trong Đại Hội Long Hoa mà Ngài là Giáo chủ. Đó là cơ vạn giáo qui nhứt, không riêng gì Tam giáo, để lập đời Thánh đức, đại đồng huynh đệ. Đức Phật Di-Lạc sẽ thu các đạo hữu hình làm một mối. Những người nào không đủ trình độ vào đời Thánh đức

sẽ bị loại bỏ trong công cuộc qui hiệp và phán xét vĩ đại này.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh ngày 1-7-Mậu Dần (1938) nói về Đức Chí Tôn qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi:

" Tại sao Đức Chí Tôn không giảng bằng xác thân, lại giảng bằng huyền diệu cơ bút?

Tại thời kỳ chuyển đạo vô vi, chấn hưng Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi, nên Đức Chí Tôn giảng bằng huyền diệu cơ bút, mới qui đặng cả đại đồng Tam giáo. Bởi Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Phật Thánh Tiên giảng trần mở Tam giáo, trong buổi nhơn loại chưa hiệp đồng, ba vị Giáo chủ phải thọ sanh riêng địa phận, nên hai kỳ khai đạo ấy chỉ phổ độ trở về cự vị có 8 ức nguyên nhân; còn buổi Hạ nguồn Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ ân xá tội tình cho toàn thể chúng sanh, lại nhơn buổi văn minh nhơn loại thông đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, nên Đức Chí Tôn dùng huyền diệu giảng cơ khai đạo, chủ nghĩa là tận độ 92 ức nguyên nhân qui hồi cự vị nên gọi là cơ quan cứu thế.

Nếu Đức Chí Tôn chia chơn linh giảng thể như buổi trước, thì phải tá mẫu đầu thai, mang hình thể hữu vi, lại nữa là đạo khai trong nước Việt Nam thì phải thọ sanh làm người Việt Nam thì có thể nào chuyển ba mối đạo khắp ngũ châu và toàn thế giới đặng.

Lại nữa, các dân tộc trong vạn quốc không thể hiệp đồng sự tín ngưỡng làm một thì khó mà độ tận chúng sanh, cho nên Đức Chí Tôn giảng bằng huyền diệu cơ bút đặng làm cho các nước đề trọn đức tin rằng một Đấng Chí Linh giảng thể cứu đời, qui tụ cả khối tinh thần của nhơn loại duy nhứt, chỉ rõ bằng cơ như kỳ hội các tôn giáo tại Luân Đôn, các nước đều công nhận Đạo Cao Đài là chơn thật, có thể qui nguyên đại đồng tôn giáo.

Đức Chí Tôn tuy chẳng giáng bằng xác thân, mà lại qui tụ lương sanh lập Hội Thánh thay hình thể hữu vi cho Đức Chí Tôn và lập Quyền Vạn linh bằng quyền Chí Linh. Kỳ Hạ nguon này, dầu chúng sanh có tàn bạo hung ác thế nào cũng không làm hại xác thân của Đức Chí Tôn như các vị Giáo chủ buổi trước. Bởi quyền Vạn linh có đủ nghị lực tinh thần lập khuôn viên luật pháp, xây chuyên cơ đạo và cơ đời cho thuận theo lẽ tuần hoàn của Tạo hóa.

Đức Chí Tôn khai đạo kỳ thứ ba này giáng bằng huyền diệu cơ bút, là do Thiên thơ tiền định, chuyên đạo vô vi, hiệp Tam giáo Ngũ Chi làm một."

NHO TÔNG CHUYỂN THỂ

- Nho tông chuyển thể.
- Quốc Đạo - Nam phong.

I. Nho tông chuyển thể.

Nho tông là Nho giáo, đạo Nho. (Tông là tôn giáo).

Chuyển thể là làm cho cuộc đời thay đổi từ xấu ra tốt, từ loạn ra trị, từ hung dữ ra hiền lành đạo đức.

Nho Tông Chuyển Thể là một chủ trương lớn của Đạo Cao Đài, đối với cuộc thế, đối với nhơn quần xã hội.

Chủ trương này là dùng tinh hoa của học thuyết Nho giáo để cải tạo cuộc thế trong buổi Hạ nguơn mặt kiếp, phong hóa suy đồi, nền nếp gia đình đổ vỡ, xã hội vì danh lợi mà tranh giành sát phạt nhau dữ dội, làm cho mạnh được yếu thua, khôn còn đại mất.

Với chủ trương Nho Tông Chuyển Thể, Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài thành một cơ quan chuyển thể.

Đức Hộ Pháp trong bài thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 1-9-Đinh Hợi (1947) giải thích Nho tông chuyển thể như sau:

"Bần đạo nhớ buổi Chí Tôn mới đến tỏ danh hiệu Người, Người hứa với các môn đệ của Người buổi đầu tiên về Cơ quan chuyển thể, làm phân vân biết bao nhiêu nhà trí thức tìm hiểu hai chữ Chuyển thể nghĩa là gì?

Theo triết lý học, định nghĩa hai chữ Chuyển thể là: xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác, hoặc không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định.

Chuyển nghĩa là sửa đổi cũ ra mới. Lấy nghĩa lý đã định hẳn ra, tức nhiên chúng ta nhận thấy các khuôn luật đạo đức từ trước đến giờ để lại đều bị biếm cả, bởi vì đời

quá hung tàn bạo ngược, vô nhơn luân, tinh thần đạo đức không qui định, tâm lý loài người không tương quan cùng nhau, mất cả luật đồng sanh làm căn bản cho loài người, luật đồng sanh gần như bị hủy bỏ, bởi thấy tấn tuồng trước mắt, nào giặc giã chiến tranh giành sống mà giết hại lẫn nhau, oán kết thâm thù, loài người do nơi ấy mà biến sanh tàn ác, cái phương sanh sống đến một giai đoạn rất khó khăn và chúng ta thử xét đoán trong các kinh điển Đạo giáo đã để lại là mưa dầu nắng lửa. Trận mưa dầu nắng lửa sẽ có hiện tượng y như trong kinh đã nói. Cũng vì sự sanh hoạt khó khăn mà loài người giết hại lẫn nhau....

Đời sống đến giai đoạn khó khăn hơn nữa, những phẩm vật nuôi sống loài người càng giảm bớt thì nhơn loại còn quyết liệt chiến đấu hơn nữa."

"Nền Đạo Cao Đài là Nho Tông Chuyển Thể thì tức nhiên của toàn xã hội nhơn quần tại mặt địa cầu này, nhờ đạo Nho sửa đương chỉnh đốn thiên hạ lại. Chúng ta thấy xã hội tinh tú đạo đức của họ dường như đảo ngược lại, khủng hoảng tinh thần mà ra vậy."

Đạo Cao Đài chủ trương Nho Tông Chuyển thể, không có nghĩa là đem toàn cả học thuyết của Nho giáo ra áp dụng một cách máy móc khắt khe, vì xã hội hiện tại là dân chủ, nam nữ bình quyền, trình độ tiến hóa về khoa học kỹ thuật cũng như tinh thần rất cao so với thời kỳ của Đức Khổng Tử cách đây hơn 2500 năm.

Hơn nữa, tại sao không dùng Phật giáo hay Lão giáo, hoặc Thiên Chúa giáo để làm căn bản chuyển thể? mà phải dùng Nho giáo? Bởi vì không có học thuyết nào dạy Nhơn đạo kỹ bằng Nho giáo. Muốn cải tạo xã hội thì phải dạy Nhơn đạo, vì Nhơn đạo là căn bản, chớ không thể dạy Thánh đạo, Tiên đạo hay Phật đạo. Nhưng chỉ lấy những điểm tinh hoa của Nho giáo làm căn bản giáo dục

mà thôi, bởi vì toàn cả giáo lý Nho giáo có nhiều điểm không còn thích hợp với xã hội ngày nay.

Những tinh hoa của giáo lý Nho giáo được áp dụng ngày nay, có thể kể ra sau đây:

- Phần chung:
 - Thiên Địa vạn vật đồng nhứt thể.
 - Nhơn Nghĩa, Trung Dung.
- Phần riêng:
 - Nam thì Tam cang, Ngũ thường.
 - Nữ thì Tam Tòng, Tứ đức.
- Phương pháp thực hành chủ trương Nho Tông Chuyển Thể, trước hết thi hành ba điểm:
 - Tôn trọng Nhơn luân.
 - Sùng kính Nhơn Nghĩa.
 - Phục hưng Lễ Nhạc.

II. Quốc Đạo - Nam phong.

Quốc đạo tức là Quốc giáo, là nền tôn giáo chánh thức của một nước.

Đạo Cao Đài là quốc đạo của VN, vì Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn mở ra trên đất nước VN, cho dân tộc VN.

TNHT: *Từ thử nước Nam chẳng đạo nhà,
Nên Ta gây dựng lập nên ra.*

Đó là lời xác nhận của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Trên đất nước VN hiện nay có rất nhiều tôn giáo như: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo, Thiên Chúa giáo, đạo Tin Lành, đạo Bà La Môn, v.v.... Những tôn giáo này đều được mở ra ở các nước ngoại quốc rồi truyền vào VN, được người VN chấp nhận và tôn sùng.

Nhưng, riêng nước VN, kể từ khi lập quốc đến nay, chưa có một tôn giáo được khai mở trên đất nước VN, cho dân tộc VN. Ngày nay, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đến ban thưởng cho dân tộc VN, bằng cách mở ra trên đất nước VN, cho người VN một nền Đại Đạo gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay nói vắn tắt là Đạo Cao Đài, do Đấng Thượng Đế tá danh Cao Đài làm Giáo Chủ.

Thật là vinh hạnh cho dân tộc Việt Nam!

TNHT: *"Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm con thanh nộ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả địa cầu 68 này đáng vậy. Cốt để ban thưởng các con thì các con hưởng phần hơn đã đáng, lẽ nào Thầy đã để phần nhiều cho các nước khác sao?"*

"Thầy có hội chư Tiên Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt quốc. Các con khá nghe lời Thầy dạy, chớ khá nghịch lẫn nhau, phải đồng một lòng một dạ mà lo chấn hưng đạo đức."

"Vốn Thầy tạo lập nên Chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con vì biết Đạo là quý thì phải ân cần thận trọng, đợi đến ngày thành tựu các con mới thấy rõ Thiên cơ thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đáng, vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc sơ khai."

*"Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là **Quốc Đạo**, hiểu à!"*

Đức Chí Tôn giảng cho bài thi và bảo chép lại bằng Hán văn đề gởi cho vua Bảo Đại lúc đó, trong đó có 2 câu:

*Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong*

Nghĩa là: Nền Quốc Đạo Cao Đài ngày nay biến thành nền Đại Đạo cho cả hoàn cầu, Nền phong hóa của nước Việt Nam ngày ấy sẽ biến thành nền phong hóa của nhơn loại.

Nam phong là nền phong hóa của dân tộc Việt Nam. Nhờ thi hành chủ trương Nho tông chuyển thể của Đạo Cao Đài, nền phong hóa của Việt Nam sẽ trở nên vô cùng tốt đẹp, được dùng làm gương mẫu cho các nước trên toàn thế giới noi theo.

"Nơi đây đất VN chúng ta đã tám mươi mấy năm khổ nạn, dân sanh sống dưới quyền lệ thuộc, hầu hết đã gần quên tinh thần cổ truyền của tổ phụ để lại.

May thay cho nòi giống Lạc Hồng, là không đến nỗi phải chịu mất tinh thần cố hữu ấy, nên được Đức Chí Tôn dùng dây đất này làm Thánh Địa và định cho dân tộc Việt Thường hưởng hồng ân của Ngài trước nhứt, rồi mới cho nhơn loại trên mặt địa cầu này hưởng sau.

Theo Thánh ý của Đức Chí Tôn là muốn dùng dân tộc VN làm gương mẫu cho toàn cầu, là chỗ mà thiên hạ cho là thấp hèn, bạc nhược, lại được Đức Chí Tôn đem lên ngang hàng cùng vạn bang, mà còn cho trội hơn mặt tinh thần, do đó mới kêu là Quốc Đạo." (Trích Thánh giáo của Đức Cao Thượng Phẩm tại Báo Ấn Từ ngày 1-10-Canh Dần)

Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 30-9-Đ.Hội 1937:

"Hai chữ Quốc Đạo, lần đầu Chí Tôn viết ra làm cho Bản đạo mờ mịt. Cũng vì hai chữ Quốc Đạo mà Phạm Công Tắc chết năm 35 tuổi, thí thân đeo đuổi làm

cho ra thiết tướng. Ôi! Hai chữ Quốc Đạo là một vật mà Bản đạo tiềm tàng rồi mới hiểu. Khởi điểm biết thương nòi giống, biết thương tổ quốc, đeo đuổi mất còn với cái điều khát khao từ buổi thanh xuân đó vậy. Tự biết khôn dĩ chí gặp Đạo năm 35 tuổi, Bản đạo thấy sao mà phải khao khát thêm lạt, tại làm sao Chí Tôn biết thiếu thốn nơi tinh thần điều ấy mà cho Bản đạo.

Bản đạo ban sơ nghi hoặc, có lẽ một Đấng có quyền năng thiêng liêng biết tâm lý đang nồng nàn ao ước, đương thêm lạt khao khát, đương tiềm tàng mà đem ra cám dỗ. Hại thay! Yếu ớt đức tin, ngày nay Bản đạo ăn năn quá lẽ, 15 năm đã đăng thấy gì?

Cả toàn thiên hạ nói rằng: Nòi giống VN không có Đạo. Lạ lùng thay! chúng ta tự hỏi có thật vậy chăng? Thật quả có chớ, có nhiều Đạo quá mà thành ra không Đạo, chỉ mượn Đạo, xin Đạo của thiên hạ mà thôi.... Thành thử VN có nhiều Đạo quá mà thành ra không Đạo.

Ngày Chí Tôn tỉnh cờ đến, vì ham thi văn nên ban sơ Diêu Trì Cung đến dự bằng thi văn tuyệt bút làm cho mê mẩn tinh thần. Hại thay! Nếu chẳng phải là nhà thi sĩ, ắt chưa bị bắt một cách dễ dàng như thế. Vì ham văn chương thi phú nên Ngài ráng dạy. Chí Tôn đến ban đầu làm bạn thân, rồi dạy đạo, kể bảo Vọng Thiên cầu Đạo, rồi Ngài dạy lập Đạo.

Khi ấy, Bản đạo chưa tin ngưỡng, bởi lẽ nòi giống nước Nam còn tin ngưỡng tạp nhạp lắm, không chừa đứng, không căn bản, nói rõ là không tin ngưỡng gì hết. Bản đạo mới trả lời với Đức Chí Tôn, ngày nay Bản đạo nghĩ lại rất sợ sệt. Nếu không phải gặp Đấng Đại Từ Bi thì tội tình biết chừng nào mà kể.

"Thưa Thầy, Thầy biểu con làm Lão Tử hay Jésus, con làm cũng không đăng; Thích Ca, con làm cũng không đăng, con chỉ làm đăng Phạm Công Tắc thôi. Con

lại nghĩ con bắt tài vô đạo đức này quyết theo Thầy không bỏ, nhưng tưởng cũng chẳng ích chi cho Thầy."

Đấng ấy trả lời: - *Tắc, thăng Thầy lấy tánh đức của Phạm Công Tắc mà lập giáo, con mới nghĩ sao?*

Bần đạo liền trả lời: - Nếu đặng vậy

Ngài liền nói: - *Thầy đến lập cho nước Việt Nam này một nền Quốc Đạo.*

Nghe xong, Bần đạo từ đây hình như phiêu phiêu lên giữa không trung, mơ màng như giấc mộng. Được nghe nói cái điều mà mình thêm ước nên Bần đạo không từ chối đặng. Ôi! Quốc Đạo là thế nào? Quốc là nước, vậy nòi giống tín ngưỡng lập Quốc Đạo, Bần đạo theo tới cùng coi lập nó ra thế nào, hình tướng nào cho biết. Vì đó mà lần mò theo đuổi đến ngày nay, thấy hiện hữu cái hình trạng là Đạo Cao Đài, rồi lại đoán xét coi nó biến hình Quốc Đạo Việt Nam ra sao?

Ngài cho một bài thi, dám chắc không ai thấu đáo nổi, người coi cái gốc thì không thấy ngọn, người coi cái ngọn thì không thấy gốc, tứ văn thiệt thà hay ho cho tới các đảng phái quốc sự ngày nay cũng lợi dụng.

Từ đây nòi giống chẳng chia ba.

Tức nhiên không chia 3 Đạo, chớ không phải chia 3 Kỳ!

Thầy hiệp các con lại một nhà.

Thầy nắm chủ quyền hiệp Tam giáo, nếu nói riêng nòi giống hiệp Nam, Trung, Bắc thì vô vị lắm.

Nam, Bắc cùng rồi ra ngoại quốc.

Tức nhiên nền chơn giáo Quốc Đạo không phải của ta thôi, mà lại của toàn nhơn loại, truyền giáo Nam Bắc thành tướng rồi ra ngoại quốc, tức là tôn giáo toàn cầu.

Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.

Tam giáo, Ngài vì chủ, nắm cả tín ngưỡng và tinh thần của loài người, chính Đức Chí Tôn là Chúa tể Càn khôn thế giới, làm chúa nền Chánh giáo tại nước Nam, tức đủ quyền năng lập Quốc Đạo....

Chí Tôn nói rằng: Quốc Đạo này, Ngài qui tụ tinh thần đạo đức trí thức toàn nhơn loại cho đặc biệt, có cao có thấp, có hàng ngũ có phẩm giá; còn về phần xác thịt của loài người, mạng sống trước mặt Ngài không ai hơn ai, cả thầy sống đồng sống, chết đồng chết, đặng đem Quốc Đạo làm môi giới cả đại đồng đặng tạo tương lai loài người cho có địa vị oai quyền cao thượng."

Nếu hiểu đặng thì Thánh thể cũng vậy, Hội Thánh chư Chức sắc Thiên phong nam nữ hay toàn thể tín đồ cũng vậy, lãnh Thiên mạng đảm nhiệm trách vụ thiêng liêng Chí Tôn phú thác lập giáo, tức nhiên phải có phẩm giá, trật tự đẳng cấp. Nếu hiểu thêm ý của Ngài, khi cởi áo này ra khỏi đại diện rồi hết thầy đồng là anh em, không ai hơn ai, không ai thua ai, không khinh không trọng, đầy đủ tình yêu ái trong lòng Mẹ đem ra mà thôi. Nam nữ cũng thế. Ngày giờ nào nhơn loại cả thể gian ở mặt địa cầu này hiểu được lý lẽ chí hướng cao thượng ấy là ngày Đạo Cao Đài sẽ ra thiệt tướng."

Nước Việt Nam trong buổi Hạ nguơn, được hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho một nền Quốc Đạo Cao Đài. Người VN không nên ích kỷ, bo bo giữ lấy mỗi Đạo cao thượng của mình, mà phải truyền bá ra khắp năm châu để toàn cả nhơn loại đều được hưởng ân điển của Đấng Chí Tôn, Đại Từ Phụ của toàn nhơn loại, làm cho nền Quốc Đạo VN trở thành nền Đại Đạo của toàn nhơn loại.

*"Lo lường thấu đáo đạo huyền vi,
Ngàn tuổi chưa ai dám sánh bì.*

*Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới là kỳ!"*

(Đức Chí Tôn)

Nhờ nền Quốc Đạo Cao Đài mà dân tộc Việt Nam sẽ làm chủ tinh thần của nhơn loại, và nền phong hóa Việt Nam sẽ làm gương mẫu cho các dân tộc trên thế giới.

PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH thời ĐẠI ÂN XÁ

- Câu chuyện luyện đạo.
- Đại Ân Xá là gì?
- Hai giai đoạn tu hành.
- Phương pháp tu hành thời Đại Ân Xá.
- Cách lập Thiên vị: Tu Tam lập.
- Lập Đức * Lập Công * Lập Ngôn.

I. Câu chuyện luyện đạo.

Một bạn đạo thuộc đạo dòng, gia đình khá giả, làm nghề dạy học, nay con cái đã trưởng thành có nghề nghiệp ổn định, nên bạn có thời giờ sưu tập các kinh sách của Đạo để nghiên cứu và học tập.

Bạn muốn đi làm công quả nên thường đến Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu, nhưng bạn nhận thấy ở đó không có việc làm nào thích hợp với khả năng của bạn, và nhất là bạn thấy ở đó có nhiều người nhiều việc làm cho bạn không hài lòng, đôi khi bạn không thể ngờ là có thể có những việc phạm tục như vậy xảy ra trong cửa Đạo.

Bạn nghĩ rằng, Thánh Thất là nơi thể hiện tình thương và sự hòa hợp, cho nên khi bước vào Thánh Thất, chúng ta thấy ngay bức họa "**Tam Thánh Ký Hòa Ước**" với bốn chữ "**Bác Ái - Công Bình**", nhưng bạn ít khi thấy sự bác ái và công bình thể hiện rõ nét ở nơi đây. Hay bức họa này chỉ rằng, nơi đây là trường thi mà hai môn thi là: Bác ái và Công bình, để xem thí sinh ở đây ai đậu ai rớt.

Bạn rút về nhà nghiên cứu kinh sách. Bạn đọc qua các kinh sách của Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, rồi đọc vài quyển sách của chi phái Chiếu Minh, những

Thánh giáo Sưu tập của các chi phái khác. Bạn vẫn còn nhiều thắc mắc chưa giải tỏa được, bạn bèn tìm đọc các sách của Tam giáo. Khi đọc sách Thiên Tông, bạn rất thích thú, nhưng cảm thấy khó quá! Bạn đọc qua các sách Tiên giáo dạy về Tinh Khí Thần, bạn cảm thấy thích hợp hơn.

Bạn hỏi tôi: - Tại sao Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh có xây dựng các Tịnh Thất, mà sao không có tài liệu nào dạy cách luyện đạo?

Tôi đáp: - Tịnh Thất là phần hành của Đức Cao Thượng Phẩm HTĐ. Ngài qui Tiên quá sớm nên Ngài giao quyền lại cho Đức Phạm Hộ Pháp. Sau khi cất Tòa Thánh xong, Đức Hộ Pháp lo xây dựng các Tịnh Thất. Đức Ngài đã cất được Trí Huệ Cung và Trí Giác Cung. Tuy đã cất được hai Cung, nhưng đó là để tạo phần căn bản cho sau này, chớ Đức Chí Tôn chưa cho Đức Hộ Pháp mở Bí pháp luyện đạo. Đó là vì còn trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn. Bạn đọc kỹ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, không có chỗ nào Đức Chí Tôn cho phép tín đồ Cao Đài luyện đạo trong giai đoạn này, mà Đức Chí Tôn lại nói nhiều lần rằng: Chỉ có làm công quả phụng sự nhơn sanh thì mới đắc đạo. Xin trích Thánh Ngôn:

"Trong các con, có nhiều đứa làm tướng, hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi." (TNHT hợp nhứt, B 108)

ĐĐTKPĐ là con đường ngắn nhất mà Đức Chí Tôn mở ra cho con cái của Ngài đắc đạo. Tuy nhiên, Đức Chí

Tôn cũng không bắt buộc, tùy ý lựa chọn, muốn tu theo đường khác cũng được, miễn là giữ vững chánh tâm, đừng lầm theo đường tà quái. Ai thích đi đường vòng mà khuyên can không được thì cứ để họ đi, hơn là bắt buộc làm họ bất mãn mà sa vào vòng tà quái thì Đức Chí Tôn không đành lòng. Thà để cho họ tiến hóa chậm một chút còn hơn là để họ lọt vào tay tà quái mà bị thoái hóa thì rất uổng.

Bạn tôi hiểu biết hết các lẽ đó, nhưng dường như có một điều gì đó rất hấp dẫn, hấp với ước vọng của bạn tôi, khiến bạn tôi hướng về việc tu Thiền, mà lý do đầu tiên là để trấn an tinh thần, làm cho cái tâm bớt vọng động trước những diễn biến phức tạp của việc đời và việc Đạo.

Thời gian thâm thoát trôi qua chừng 3 năm, tôi có dịp gặp lại bạn, tôi hỏi bạn tu Thiền được 3 năm rồi, bạn đạt được những điều gì?

Bạn cho biết nhờ đếm hơi thở, bạn định được cái tâm, gìn cái ý, khi ngồi thiền, có một luồng điện chạy rần rần trong xương sống từ xương cụt lên đỉnh đầu, làm cơ thể của bạn ấm lên, xuất mồ hôi, nhờ đó bạn trục các trục khí trong người thải ra ngoài, làm cơ thể của bạn không bệnh tật, khỏe mạnh luôn luôn.

Tôi nói: - Tôi đọc sách thấy: Nếu tu được một ngàn ngày thì có ấn chứng, sao bạn không có gì hết vậy?.....

Sau đó, bạn tôi chuyển qua luyện đạo theo Tiên giáo: luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hiệp Thần, luyện Thần hoàn Hư. Nhờ tu thiền 3 năm mà bạn tôi luyện Tinh hoá Khí của giai đoạn đầu, kết quả khá dễ dàng. Giai đoạn kế là luyện Khí hiệp Thần, bạn luyện hoài mà thấy không hiệp được. Bạn nghiên cứu lại các sách xem có bí quyết gì không, cuối cùng bạn cũng luyện được Khí hiệp Thần, bạn có thể xuất chơn thần của bạn ra khỏi thể

xác. Cái chơn thần này có hình ảnh giống y như bạn, khi xuất ra thì ngồi kế bên bạn, không đi đâu được, bởi vì mỗi lần muốn đi thì dường như bị một sợi dây vô hình kéo lại, nếu muốn bứt mạnh để đi thì lực vô hình cũng giựt mạnh lại, làm cho chơn thần nhập mạnh trở lại vào thể xác.

Bạn nhứt quyết luyện cho chơn thần thoát đi được, nhưng liền đó có một giọng nói rất nhỏ nhưng rõ ràng rót vào tai bạn: *"Bao nhiêu món nợ oan nghiệt của người từ nhiều kiếp trước tạo thành các sợi dây oan nghiệt buộc chặt chơn thần của người vào thể xác, làm sao người có thể bứt ra mà đi thoát được. Người phải gỡ hết các mối dây oan nghiệt này bằng cách làm công quả phụng sự chúng sanh, để dùng công đức ấy mà hoá giải hết các oan nghiệt, lúc đó người mới có thể thoát ra đi được."*

Thế là bạn tôi thức tỉnh, chấm dứt việc luyện đạo, trở lại đời sống bình thường, lo cúng kiếng và làm công quả, tham gia rất tích cực vào các hoạt động từ thiện do địa phương hay do Thánh Thất tổ chức.

Bạn tôi đã bỏ ra gần 6 năm trời để đi một vòng, rồi lại trở về chỗ cũ, bởi vì bạn không tin tưởng 100% vào Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn trong TNHT, phải để bạn chứng nghiệm rồi bạn mới tin, mà cũng may cho bạn vì bạn có căn lành nên vẫn giữ được chánh tâm, không bị sa vào tay tà quái, có Đấng thiêng liêng nhắc nhở, kịp thời trở lại con đường chánh đạo.

Nếu bạn đạo nào có lòng hám vọng lớn lao, muốn tu gấp để trở thành người có huyền pháp, để được người khác tôn sùng, đưa lên hàng lãnh đạo, thì tà quái sẽ nương theo hám vọng đó, nhập vào để dẫn đi. Lúc đó, muốn làm Tiên, nó sẽ cho làm Tiên; muốn làm Phật, nó sẽ cho làm Phật, vì các thứ ấy là giả mà tà quái dùng để

chiều theo thị hiếu của người đời mà mê hoặc người đời, tới chừng thức tỉnh biết là giả thì đã quá muộn.

Chúng ta phải tin tưởng tuyệt đối vào lời dạy bảo của Đức Chí Tôn và thực hành đúng theo đó, thì mới mong tâm linh tiến hóa nhanh chóng. Chúng ta chỉ có một cuộc đời, không thể đem ra mà thử nghiệm hoài cho được.

II. Đại Ân Xá là gì?

Đại Ân Xá hay Đại Xá là Đức Chí Tôn ban ơn huệ lớn lao bằng cách tha thứ tội lỗi cho những kẻ có tội.

Kể từ ngày khai ĐĐTKPĐ, tức là khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn mở ra một thời kỳ Đại Ân Xá cho các đẳng linh hồn trong căn khôn thể giới và cho toàn cả chúng sanh, để chúng sanh tu hành dễ bề đắc đạo. Cho nên ĐĐTKPĐ cũng được gọi là Đại Ân Xá Kỳ Ba.

Muốn hưởng được sự ân xá này, mỗi người phải biết thành tâm hối lỗi, ăn năn sám hối tội tình, cải tà qui chánh, lập lời Minh Thệ, nhứt quyết tu hành, lập công bồi đức. Những tội lỗi của họ đã chồng chất từ nhiều kiếp trước được Ôn Trên cất giữ lại (không đem ra trừng phạt) và cho họ làm một tân dân (người dân mới) trong cửa Đạo, nhờ vậy người nhập môn hành đạo rảnh nợ tiền khiên, chỉ lo trau dồi Đạo hạnh, lập công bồi đức, để sau cùng lấy công đức trừ dứt tội tình, thì có thể đắc đạo trong một kiếp tu.

Ngày khai Đạo Cao Đài là ngày 15-10-Bính Dần (1926) là ngày khởi đầu thời Đại Ân Xá Kỳ Ba.

Đức Chí Tôn ban cho nhơn loại các đặc ân sau đây:

1. Tha thứ tội lỗi ở các kiếp trước của những người biết hồi đầu hướng thiện, nhập môn cầu đạo, lập Minh Thệ với Đức Chí Tôn, nhứt tâm tu hành. Cho nên trong Kinh Giải Oan (KGO) và Kinh Cầu Bà con Thân bằng

Cổ hữu đã qui liễu (KCBCTBCHĐQL) có các câu sau đây:

*May đặng gặp hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.*

(KGO)

*Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ căn.
On Tạo hóa tha tiền khiên trước,
Đưa linh phan tiếp rước nguyên nhân.*

(KCBCTBCHĐQL)

2. Đức Chí Tôn đặc ân cho các tín đồ Cao Đài, khi chết, linh hồn được Cửu vị Tiên Nương hướng dẫn đi lên 9 tầng Trời của Cửu Trùng Thiên, mỗi nơi đều được quan sát các cảnh Trời đẹp đẽ mà dưới thế gian không bao giờ có, đến bái kiến các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, đến Minh Cảnh Đài để xem xét tất cả hành vi thiện ác của mình đã gây ra trong suốt kiếp sống nơi cõi trần, đến DTC ở tầng Trời Tạo Hóa Thiên để bái kiến Đức Phật Mẫu, rồi tiếp tục đi lên Ngọc Hư Cung bái kiến Đức Chí Tôn để cây Cân công bình thiêng liêng của Tòa Tam Giáo cân tội phước.

Phước nhiều thì được phong thưởng bằng phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng. Nếu tội nhiều thì bị đưa đến cõi Âm Quang, vô Tịnh Tâm Xá mà định tâm tịnh trí xét mình, cầu nguyện Đức Chí Tôn độ rỗi. Tại đây có Thất Nương DTC giáo hóa các nữ tội hồn và Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn.

3. Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa ngục. Các tội hồn không còn bị hành hình thảm khốc nơi Địa ngục như trước nữa, mà được đưa đến cõi Âm Quang để học Đạo, cầu khẩn Đức Chí Tôn cứu rỗi, chờ ngày tái kiếp trở lại cõi trần để trả cho xong nghiệp quả.

4. Đức Chí Tôn cho mở cửa Cực Lạc Thế Giới để rước những người đầy đủ công đức đắc đạo. Nếu người nào quyết chí tu hành, chỉ trong một kiếp tu cũng có thể đắc đạo. *"Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại trong càn khôn thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng."*

*Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây phương.*
(KGO)

5. Những người bị tội Tận đọa Tam đồ bất năng thoát tục được ân xá, những người bị tội Ngũ Lôi tru diệt, cũng nhờ Đại Ân Xá này mà được Đức Phật Mẫu huân lại chơn thần, tất cả đều đặng tái kiếp lập công chuộc tội.

Thời kỳ Đại Ân Xá không phải kéo dài đến thất ức niên (700 000 năm) mà chỉ được giới hạn trong khoảng thời gian từ ngày Khai Đạo cho đến khi Đức Di-Lạc Vương Phật mở Đại Hội Long Hoa là chấm dứt, vì đã bước vào một thời kỳ tiến hóa khác của nhơn loại.

Chúng ta hôm nay gặp Đạo Cao Đài, được làm môn đệ của Thượng Đế, là một duyên may ngàn năm một thuở, nếu không mau mau bước chân vào cửa Đạo lo việc tu hành, lập công bồi đức, cứ để dần dà ngày tháng trôi qua, có mong chi đắc đạo trở về ngôi vị cũ.

III. Hai giai đoạn tu hành:

Trong công việc tu hành, phải trải qua 2 giai đoạn:

- Giai đoạn làm công quả.
- Giai đoạn luyện đạo.

1. Giai đoạn làm công quả.

Làm công quả là làm tất cả công việc có tính cách giúp người giúp đời mà không nhận sự đền đáp bằng tiền bạc hay vật chất nơi cõi trần này, mà chỉ mong nhận

được kết quả tốt đẹp cho phần linh hồn nơi cõi thiêng liêng.

Trong việc công quả này, trước hết là phải lo phổ độ nhơn sanh bỏ ác theo lành, nhập môn vào Đạo, và tiếp theo là lo giúp đỡ nhơn sanh về đời sống vật chất và tinh thần, gọi chung là phụng sự nhơn sanh. Giai đoạn làm công quả này còn được gọi là: *Ngoại giáo công truyền*.

Chúng ta tùy theo khả năng và sở thích, có thể lựa một trong ba cơ quan để làm công quả sau đây:

a) Cửu Trùng Đài:

Chúng ta làm công quả đi từ phẩm thấp nhất là Đạo hữu, lần lần lên Chức việc Bàn Trị Sự. Khi đủ công nghiệp thì cầu phong lên hàng Lễ Sanh, rồi tiếp tục làm công quả để tiến lên hàng Thánh thể của Đức Chí Tôn, sau cùng được thăng lên các phẩm cao cấp là: Đầu Sư, Chương Pháp, đứng vào Tiên vị. Làm công quả để tiến hóa như vậy gọi là đi theo phẩm trật Cửu phẩm Thần Tiên hay Cửu Thiên Khai Hóa. Trong số các Chức sắc tiền bối, Ngài Đầu Sư Ngọc Nhươn Thanh (1906-1985) đã làm công quả trong hơn 30 năm, đi từ phẩm Đạo hữu, rồi Chánh Trị Sự và sau cùng lên tới phẩm Đầu Sư.

b) Hiệp Thiên Đài:

Nếu chúng ta muốn làm công quả nơi HTĐ thì phải thi tuyển vào phẩm Luật Sự của Bộ Pháp Chánh, rồi dần dần lập công, thăng lên phẩm Sĩ Tài, đi hết 7 phẩm cấp của Bộ Pháp Chánh là đến Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, sau cùng có thể tiến lên phẩm vị Thời Quân khi có công phổ độ một nước, và được ân phong đặc biệt của Đức Chí Tôn.

c) Cơ Quan Phước Thiện:

Nếu muốn lập công nơi CQPT, chúng ta phải xin giấy chứng nhận do Bàn Trị Sự và Tộc Đạo nơi mình ở

cấp cho, rồi nạp hồ sơ vào cơ sở Phước Thiện mà mình muốn lập công, làm Tờ Hiến Thân vào Hội Thánh Phước Thiện.

Người mới vào làm công quả nơi cơ sở lương điền hay công nghệ của CQPT thì gọi là Đạo sở. Sau thời gian 6 tháng thì được vào Minh Đức, là phẩm thấp nhất trong Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của CQPT. Làm công quả nơi CQPT gọi là tiến hóa theo Thập nhị đẳng cấp th. liêng.

* Ngoài ra những vị Đạo hữu nào có tay nghề chuyên môn đặc biệt như nghề đờn, nghề xây dựng,... thì có thể xin lập công quả nơi các cơ quan chuyên môn của Đạo như: Bộ Nhạc Lễ, Ban Kiến Trúc, v.v....

2. Giai đoạn tu luyện.

Khi đã lập công bồi đức đầy đủ rồi thì mới được tuyển vào Tịnh Thất, có Tịnh chủ dạy cho luyện đạo.

Trong phép luyện đạo của Đạo Cao Đài, Tịnh chủ dạy cho cách luyện Tam bửu Tinh Khí Thần hiệp nhất, để được Tam hoa tụ đỉnh, Ngũ khí triều nguồn, tạo được chơn thần huyền diệu, có thể xuất nhập thể xác tùy ý mà vân du đến các cõi thiêng liêng. Ấy là đặc đạo tại thế.

Nhưng làm sao biết được có công đức đầy đủ?

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích: " Trước khi vào tịnh thì phải có đủ Tam Lập: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn.

Nơi cửa Đạo đặt ra việc chi đều hữu ích cả, mượn Thể Pháp tượng trưng mới đoạt Bí Pháp. Trước kia Bần đạo lập Phạm Môn tại Tòa Thánh tượng trưng của Phật độ sanh hồn, tức nhiên gọi **Phật**; Minh Thiện Đàn mở tại Khố Hiến Trang, Bần đạo khai Thể Pháp tại đó, gọi là **Pháp**, Phước Thiện ngày nay đã ra thiết hiện, tức nhiên ra mặt xã hội, gọi là **Tăng**, thì nó sẽ bành trướng vận chuyển lưu hành cùng khắp xã hội nhưn quần, nghĩa là

phải phụng sự toàn thể chúng sanh, tế khổ phò nguy, đi Đầu Họ Đầu Quận làm hậu thuẫn cho Hội Thánh CTĐ, lo cơ tận độ, *chỉ có công phổ độ mới giải quả tiền khiên*. Ai không xuất thân hành đạo, tức là không có công phổ độ thì không vào tịnh được, vì không đủ Tam Lập.

Trước khi xin vào, phải nạp tất cả giấy tờ hành đạo, lai lịch từ thuở nhỏ đến trưởng thành, ở ngoài Đời không án tiết, trong cửa Đạo cũng vậy, trọn từng luật pháp Đạo và trường trai mới được, rồi giao cho Pháp Chánh minh tra về Thể Pháp đủ bằng chứng.

Chi Pháp phải giữ hồ sơ của mỗi người, còn nhiều điều trọng yếu về vô vi, không thể gì Chi Pháp biết đặt, chiếu văn kiện thì đầy đủ lắm vậy, Chi Pháp chỉ biết văn bằng hiện hữu về mặt hữu hình mà thôi.

Khi minh tra đủ lẽ, mới giao cho *Hộ Pháp cân thân, nếu vị nào đủ Tam Lập thì vào tịnh được, bằng thiếu thì trở lại đi Đầu Họ, Đầu Quận, đi hành đạo nữa*.

Nói rõ là phải có Hộ Pháp trực thân khai khiếu mới biết đặt đủ hay thiếu Tam Lập, còn không thì ngồi tịnh, bụng lớn vô ích." (Trích Diễn Văn và Thuyết đạo ĐHP trang 163)

Chú thích:

CÂN THÂN: Cân thân là Đức Hộ Pháp trực chơn thần của một vị công quả để Đức Ngài dùng cặp mắt thiêng liêng xem xét tánh chất của vị công quả đó. Có tất cả 12 tánh chất:

- | | | | |
|---------|---------|---------|----------|
| 1. Hạnh | 4. Lực | 7. Thân | 10. Căn |
| 2. Đức | 5. Tinh | 8. Tín | 11. Kiếp |
| 3. Trí | 6. Thần | 9. Mạng | 12. Số. |

Đức Hộ Pháp chỉ cần 4 tánh chất đầu. Thí dụ nếu có được:

- | | |
|------------------|------------------|
| 1. Hạnh : 5 điểm | 3. Trí : 4 điểm. |
| 2. Đức : 6 điểm | 4. Lực : 7 điểm. |

Tổng cộng: 22 điểm, chia 4 để lấy trung bình = 5,5 điểm.

Như vậy là đậu, tức là xem như đủ Tam lập.

Giai đoạn học Bí pháp luyện đạo trong Tịnh Thất còn được gọi là: *Nội giáo vô vi*, hay *Tâm pháp bí truyền*.

IV. Phương pháp tu hành thời Đại Ân Xá:

Tuy Đức Phạm Hộ Pháp đã dự bị Tịnh Thất để lo về phần luyện đạo, nhưng trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn miễn cho phần luyện đạo, nghĩa là: các môn đệ của Đức Chí Tôn chỉ lo làm công quả, phụng sự nhơn sanh, đến khi thoát xác thì Đức Chí Tôn sẽ căn cứ trên Bộ Công quả của mỗi người (do chư Thần, Thánh biên chép) mà Đức Chí Tôn sẽ ban những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn:

"Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc đạo cũng chẳng là tại nơi các con muốn cũng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ." (TNHT 1-2 hợp nhất, B 17)

Tuy Đức Chí Tôn không nói trắng ra là bỏ môn luyện đạo, nhưng Đức Chí Tôn cấm chúng ta luyện đạo, và lập một trường thì công quả cho chúng ta đắc đạo. Điều này đã quá rõ rồi. Cho nên, nếu trong chúng ta có người còn lo ngồi thiền luyện đạo trong thời kỳ Đại Ân Xá này thì chỉ mất thời giờ quý báu của đời sống một cách vô ích.

Tùy theo công quả nhiều ít mà Đức Chí Tôn lập ra 4 cấp giải thưởng: Thần, Thánh, Tiên, Phật. Công quả càng nhiều thì phẩm vị càng cao.

Trong thời kỳ này, khi chúng ta lo làm công quả phụng sự nhơn sanh thì giống y như là chúng ta ký hợp đồng làm mướn cho Đức Chí Tôn, không phải để lấy tiền, mà là để đổi lấy phẩm vị thiêng liêng, bằng cách phụng sự các con cái của Người về tất cả các phương diện: đời sống vật chất, tinh thần và linh hồn.

Nhưng điều quan trọng trước tiên là phải tìm cách phổ độ, đem con cái của Người từ đường dữ trở lại đường lành, nhập môn vào cửa Đạo, ăn chay hành thiện.

- Về Đời sống vật chất: Đói phải cho ăn, rách phải cho mặc, lạnh phải cho mừng mền, bệnh phải cho thuốc,... v.v.... Đó là việc làm của các vị công quả trong CQPT.

- Tinh thần đau khổ, buồn chán, thì phải có người an ủi, vỗ về, giải thích cho biết con người nơi cõi trần phải chịu trong vòng Tứ Khổ và lẽ luân hồi quả báo, cố gắng vượt qua để rồi sẽ gặp điều vui sướng tốt đẹp. Đó là công việc giáo hóa của các Chức sắc CTĐ.

Hai phần trên gọi là **Độ Sanh**, tức là cứu giúp về phần đời sống của thể xác, đến khi chết còn phải **Độ Tử** nữa, tức là cứu giúp phần linh hồn.

- Khi nhơn sanh có người chết thì Bàn Trị Sự hương đạo và bôn đạo làm công quả phải lo kinh kệ độ hồn, cầu siêu, làm các phép bí tích, v.v... rồi phải lo chôn cất, xong rồi phải làm Tuần cửu, Tiểu tường và Đại tường mãn tang.

Lo cho các con cái của Đức Chí Tôn được như vậy mới là trọn vẹn, và chắc chắn Đức Chí Tôn sẽ trả công cho chúng ta rất xứng đáng.

V. Cách lập Thiên vị: tu Tam lập.

Thiên vị là phẩm vị nơi cõi Trời, tức là phẩm vị nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Tam lập là ba điều lập nên, không bao giờ hư hoại, nên được gọi là **Tam bất hủ**, được truyền mãi về sau.

"Con người sanh ra trên mặt địa cầu này mà không có Tam lập (Lập đức, Lập công, Lập ngôn) thì giá trị con người không có gì hết. Tam lập ấy quyết định cho ta, ta phải có mối sống chung với xã hội như quần được.

Nếu con người không có Đức thì làm sao xử sự trong gia đình và ngoài xã hội được.

Người không có Công thì ở với ai cũng không được. Người ta làm ngã ngựa, còn mình ngồi đó hả hê hưởng, không làm gì có nghĩa với người, với đời thì sống với ai?

Cũng như người ta chon chất thật thà, hiền lương đạo đức, còn mình thì xảo ngữ, lường gạt, không chút dạ nhưn từ, thì dầu cho người có tài tình đến mấy mà thiếu ba điều đó thì không thể gì sống với ai được hết, như vậy thì địa vị mình tại mặt thế này chưa rồi." (TĐ.ĐPHP)

Muốn lập phẩm vị cho mình nơi cõi thiêng liêng trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn thì chúng ta phải tu Tam lập. Đức Chí Tôn đã miễn cho môn luyện đạo, nên người tín đồ Cao Đài chỉ cần đủ Tam Lập là đắc đạo.

Sau khi chấm dứt thời kỳ Đại Ân Xá, tín đồ có đủ Tam Lập phải vô Tịnh Thất luyện đạo thì mới đắc đạo.

Trong Tam Lập, ba Lập ấy tương quan mật thiết với nhau, khó tách rời ra được, vì nếu tách riêng ra thì không thể thi hành. Cho nên, khi nói Lập đức hay nói Lập công thì chúng ta ta ngầm hiểu là phải bao gồm cả Tam lập.

Trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ đã qui liễu, có câu:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,
Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa.*

Chữ **Lập đức** trong câu kinh này, chúng ta phải hiểu bao gồm cả Tam lập: lập đức, lập công, lập ngôn.

Câu kinh trên cho chúng ta biết rằng, một người dù nam hay nữ, nếu quyết chí tu hành, phứt bỏ việc đời, hiến thân hành đạo, miệt mài lập đức bồi công, thì nhứt định sẽ cứu được Cửu Huyền Thất Tổ và cứu được cả linh hồn của cha mẹ thoát khỏi cảnh đọa đày và được siêu thăng lên cõi thiêng liêng hằng sống.

Có ba chứng minh sau đây của ba vị: - Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, - Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, - Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu.

① Bài Thánh ngôn Đức Chí Tôn dạy Bà Hương Hiếu đi hành đạo, ngày 7-giêng-Bính Dần (1926):

Đức Chí Tôn dạy Bà Hương Hiếu đi hành đạo, phổ độ nhưn sanh. Bà Hương Hiếu bạch với Thầy rằng:

- Má con mắc ở xa, làm sao con đi độ được?

Thầy: - Hiếu! Con biết một lòng tu niệm đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ rồi, huống là mẹ con, để Thầy định đoạt, con đừng lo buồn. (Trích ĐS. I. 36)

② Trong một đàn cơ, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hỏi Bát Nương:

- Bát Nương vui lòng cho biết: Thân phụ và thân mẫu của Qua có được siêu thăng không? Giờ đây ở đâu?

Bát Nương đáp: - Em chỉ nói bằng thơ, nếu anh giảng trúng thì nói nữa, còn trật thì lui.

Đức Quyền Giáo Tông năn nỉ: - Nếu Qua nói trật thì Em thương tình mà chỉ dẫn để cho Qua học thêm với.

Bát Nương nói:

*Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc,
Bá phụ cùng bá mẫu đặng an.*

Đức Quyền Giáo Tông nói:

- Như vậy là thân phụ và thân mẫu của Qua trước ở cõi Bạch Y Quan, nay đã sang ở yên nơi Cực Lạc Thế Giới.

- Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của anh nên bá phụ và bá mẫu siêu thăng nơi Cực Lạc.

③ Thân mẫu của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu xin phép Đức Chí Tôn giáng cơ để tỏ cho Ngài Hậu biết, nhờ công quả của Ngài mà Bà được siêu thăng lên Đông Đại Bộ Châu.

Ngày 19-2-1929 (âl 10-1-Kỷ Tỵ). Phò loan: Bảo Pháp-Hiến Pháp.

Mẹ mừng con, Mẹ cảm ơn con đó.

Con đâu rõ đặng, ngày nay Mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp. Nay Mẹ đặng vào Đông Đại Bộ Châu. Ấy cũng nhờ ơn của Chí Tôn rất thương mà cho Mẹ vào phẩm ấy. Mẹ chẳng biết lấy chi mà thông công cho hai con và các cháu, nên mới dụng huyền diệu mà Mẹ đã cầu xin Chí Tôn ban cho Mẹ đặng cho con cùng cháu hay rằng, Đức Chí Tôn đã giữ lời hứa cùng con. Nay Mẹ đến khuyên hai con khá lo sao cho tròn phận sự, ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đáp Ôn Trên đã hết lòng vì cả nhà ta. Nếu con có lòng ấy thì Mẹ rất vui lòng đó, con hiểu....

Mẹ rất vui thấy lòng con nên Mẹ mới xin phép Chí Tôn đến đây tỏ ít lời cho con hiểu. Vậy con khá an lòng mà lo Đạo, chớ nên vì việc nhỏ mà nao chí nghe!

Tôi chào nhị vị Thánh (nói với Nghĩa và bác vật Lang). Tôi chẳng biết lấy chi cảm cảnh cho bằng dùng vài lời nhắc đây: Xin nhị vị khá hết lòng lo hiệp tác mà nâng cao địa vị mình càng ngày cho tốt phẩm.

Tôi đây chẳng chỉ xứng phận mà cũng nhờ ơn Chí Tôn thương tưởng thay! Ấy cũng nhờ sức con mới đặng vậy, không thì biết sao mà kể xiết.

Ấy đó, công của nhị vị càng dày thì Chí Tôn càng yêu dấu. Xin khá để hết tâm chí mà hành phận sự. Ấy là lời tôi xin nhị vị khá để ý. *(Hỏi về việc ông thân tôi, Ngài Bảo Pháp hỏi.)*

- Mẹ không dám nói. Thôi Mẹ lui.

*(Trích Thánh Ngôn chép tay
của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu)*

Ba câu chuyện của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đã minh chứng câu: Nhứt nhơn đắc đạo Cửu Huyền thăng. (một người tu hành đắc đạo thì Cửu Huyền Thất Tổ của người đó đều được siêu thăng).

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải về Tam Lập, trích ra sau đây:

"- Minh học để biết Đạo là Lập Đức, nói Đạo cho thân tộc mình biết là Lập Công, độ toàn nhơn loại là Lập Ngôn. Có làm đủ ba điểm đó mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa."

"- Lập Đức thì phải nhớ đạo lý. Lập Công thì phụng sự nhơn sanh. Lập Ngôn thì để hết trí óc tìm hiểu về triết học tinh thần, tìm tòi mọi lẽ cao sâu để thuyết minh Chánh giáo."

"- Phương pháp Tam Lập, nói rõ ra là chỉ đem mảnh thân này làm tế vật cho Đức Chí Tôn dâng phụng sự nhơn loại. Nếu giải rõ rất nhiều chi tiết, để có dịp Bản đạo sẽ thuyết minh hoặc viết sách in ra cho học hỏi."

"Còn mấy em đây là trung phẩm chi nhơn, giáo nhĩ hậu thiện, mấy em tạo thiện đức được là biết nghe lời Hội Thánh. Người ta có tài thì làm việc hay, còn mình dở thì làm việc thường."

Bản đạo tỉ dụ một việc thường để cho mấy em dễ hiểu. Phận mình đốt thì làm theo đốt. Muốn tạo thiện đức, thiện công, thiện ngôn, là như vậy:

Mình nghe đâu có cất chùa, thì mình tự tính đi đến đó xin làm công quả. Mình nghe đâu đó bị tai nạn khôn khổ thì trong đêm ấy nằm tính và thương xót, nghe chỗ đó bị tai nạn, mình định sáng ngày mai, rủ anh em hay tự mình đi, dầu sáng ngày tầm sắp chín hoặc có mối lợi gì đó cũng bỏ đi, để đến trợ giúp tai nạn. Đó là thiện đức, nghĩa là khi mình tính.

Khi đến, mình nói như vậy: "Thưa anh, tôi nghe anh bị tai nạn, tôi đến để xin phép giúp anh một ngày, hoặc là vác một cái cây, hoặc giúp một đồng bạc, vậy thì anh vui lòng cho tôi giúp với một nghĩa mọn." Khi mình nói là Thiện ngôn, khi mình làm là Thiện công. Chớ không phải ý có tiền rồi nói sỗ sàng: "Đây tôi cho anh một đồng mua gạo ăn đỡ đói." Như vậy là chưa Thiện ngôn.

Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài, trong buổi đầu là thời kỳ Đại Ân Xá, nên Đức Chí Tôn lập một trường thi công quả (hay trường thi công đức) cho nhơn sanh đắc đạo. Đức Chí Tôn miễn cho môn thi luyện đạo vì môn này rất khó, chỉ cần có đủ công quả là Đức Chí Tôn cho đắc đạo.

Việc lập công quả hay công đức là thuộc về Tam Lập, vì Lập đức, Lập công và Lập ngôn gắn liền nhau, không thể tách rời ra từng phần được. Do đó, thi Lập công quả hay thi Lập công đức chính là thi Tam Lập.

Người tín đồ Cao Đài là những sĩ tử tham dự kỳ thi này, nên cần phải luyện tập ba môn thi nói trên cho hay cho giỏi. Làm bài trúng, được điểm cao, được chấm đậu thì Đức Chí Tôn ban thưởng cho các phẩm vị tương xứng.

Nếu các sĩ tử không lo rèn luyện các môn thi chánh thức này, lại xem thường nó, rồi rèn luyện các môn khác không sử dụng trong kỳ thi như môn Luyện đạo, thì rất uổng phí thời gian cho một kiếp sanh may duyên gặp Đạo.

Trong kiếp sanh này, muốn đắc đạo tức là thi đậu thì phải lo học tập và thực hành Tam Lập. Việc này cũng rất khó khăn, nhưng không phải không làm được, muốn thực hiện thì phải có một quyết tâm lớn, một ý chí kiên cường nhẫn nại và một tấm lòng hy sinh.

- Quyết tâm là để không lùi bước trước khó khăn, vượt qua các thử thách do bọn Tà quyền gây nên.

- Ý chí kiên cường nhẫn nại là để thắng dục vọng thấp kém, tình cảm yếu hèn của mình, kềm hãm lục dục thất tình, hướng chúng vào đường cao thượng.

- Lòng hy sinh là để thắng cái Ta hẹp hòi ích kỷ. Hy sinh là để hiến dâng tất cả những gì quý báu của đời mình cho Đạo pháp, cho nhơn sanh. Sự hy sinh đó sẽ làm dứt hết các phiền não, đem lại cho tâm hồn sự an lạc nhẹ nhàng.

TNHT: ĐĐTKPD chẳng khác chi một trường thi công quả. Nếu biết ăn năn trở bước lại con đường sáng sửa, giới tâm, trau đức, đứng đến hội diện cùng Thầy thì

mới đạt đến địa vị thanh cao trong buổi chung qui đó.
(TNHT 1-2 hợp nhứt, B 48)

VI. Lập đức:

Nói riêng về việc Lập đức, trong Đạo Cao Đài, muốn lập đức cho được trọn vẹn thì phải theo con đường Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Cơ Quan Phước Thiện.

Trong Con Đường thiêng liêng hằng sống, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải như sau:

"Lập vị mình theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, tức là theo Hội Thánh Phước Thiện. Nơi đây, ngoài việc ăn chay, giữ gìn luật đạo, tùng theo chơn pháp của Đức Chí Tôn, còn phải dùng đức để lập vị mình.

Muốn lập đức, phải đi từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, v.v...

Lập đức là gì? là dùng sự thương yêu để cứu độ chúng sanh, mà Đức Chí Tôn đã có nói: *"Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh."*

Các đẳng chơn hồn tái kiếp đang chơi vui trong Tứ Khổ. Muốn thoát khổ, họ phải thọ khổ, có thọ khổ mới thắng khổ. Người tu đi theo Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng là dạy người ta thọ khổ để thắng khổ. Muốn dạy người ta thọ khổ, trước hết mình phải thọ khổ đã. Muốn thọ khổ thì không gì hay hơn là dùng đức thương yêu. Cho nên bậc thứ nhứt của Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng là Minh Đức. Có thương yêu mới thọ khổ được. Ta thương cha mẹ ta, ta mới chịu khổ mà bảo dưỡng cha mẹ lúc tuổi già, ta thương con ta, ta mới lo tảo lo tần nuôi nó khôn lớn, ta thương những người cô thế tật nguyền, ta mới tâm phương giúp đỡ họ, mà tâm phương giúp đỡ họ là thọ khổ đó vậy.

Thọ khổ rồi mới thắng khổ. Thọ khổ không phải một ngày một bữa, mà phải thọ đến nơi đến chốn, nghĩa là nuôi cha mẹ cho đến tuổi già, lo cho con từ bé cho tới lúc nó tự lo cho nó được. Hai điều đó còn dễ, đến lo cho thiên hạ hết khổ mới khó, vì khi lo cho người này thì lại đến người khác, và cứ như vậy, trọn kiếp sanh mới gọi là thắng khổ.

Có thắng khổ mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng."

Có học mới biết phương Lập đức. Đức có Đại đức và Tiểu đức. Đại đức như nước biển cả, thăm đều khắp muôn vật. Tiểu đức như nước trong ao, thăm có giới hạn. Tiểu đức chỉ cảm hóa ít người; Đại đức bao trùm cả thiên hạ.

Muốn Lập đức thì nên lấy bố thí làm phương tiện.

Bố thí gồm: thí tài, thí công, thí ngôn, thí pháp.

- Thí tài là đem tiền của ra giúp khó trợ nghèo.
- Thí công là đem sức lực ra làm việc giúp người.
- Thí ngôn là đem lời nói mà giúp ý kiến hay cho người để giải quyết những khó khăn của người.
- Thí pháp là đem lẽ Đạo thuyết minh để cảm hóa, giáo dục người trở nên lành. Những cách bố thí trên, chỉ có Thí pháp là có nhiều công đức hơn cả.

Giúp người đói, giúp người hết khổ hay thoát khỏi tai nạn, cũng chỉ qua một thứ mà thôi, duy chỉ có đem đạo lý ra hóa độ người dữ ra hiền, người mê muội ra giác ngộ, lo tu hành để thoát vòng sinh tử luân hồi thì công đức ấy đời đời chẳng mất.

Lập đức phải đứng trên quan điểm VÔ NGÃ, tức là quên mình mà lo cho người, chẳng cầu người trả, chẳng nghĩ đó là công đức do ta làm.

Muốn lập đức trên phương diện Thí pháp, cần phải có quyết tâm lớn trên đường tu học. Phải học cho thông, phải hiểu cho rành, quán thông từ Nhơn đạo đến Thiên đạo. Phải cầu bậc cao minh mà thọ giáo. Chớ nên tự mãn, mới học nhom nhem nửa câu mà tự cho rằng mình biết hết, rồi đem cái biết thô thiển đó truyền thụ cho người thì tai hại vô cùng, không lập đức được mà lại còn tổn đức.

Ngày nào học thông chánh lý, lòng thông suốt, trí hiểu rành, chẳng còn gì trái với chơn ý của Thánh nhân, ấy là thể theo Thánh nhân mà nói lại lời của Thánh nhân.

Nếu là kẻ mê tín thì ta lấy Chánh tín mà độ họ; nếu là kẻ tư dục thì ta đem công lý giải bày; nếu là kẻ tham lam thì ta đem việc Thí tài mà giảng giải; nếu là kẻ sân hận thì ta đem pháp nhẫn nhục mà độ; nếu gặp kẻ chẳng may lạc vào Tả đạo Bàng môn thì ta đem Chánh đạo mà khai hóa; nếu là người si mê thì ta đem Chánh lý mà mở mang trí tuệ cho họ.

Giáo dục có nhiều phương pháp, phải tùy duyên mà hóa độ, tùy bệnh mà lập phương trị liệu, bệnh nào thuốc nấy. Chữa bệnh về thân xác thì có lương y; chữa bệnh về Tâm thì chỉ có Thánh nhân. Thánh nhân chữa cả Tâm lẫn thân, thân tâm hiệp trị. Nếu thân chưa trị thì Tâm khó trị. Vì vậy nên thân Tâm phải hiệp trị.

Khi lập đức thì phải lập từ đức nhỏ đến đức lớn.

Đức nhỏ là hóa độ người trong nhà. Đức lớn là cảm hóa nhiều người trong thiên hạ. Đức lớn là đức của bậc Thánh nhân, đức nhỏ là đức của bậc Sĩ, bậc Hiền.

Đức lớn sáng soi khắp Trời Đất, chói lọi như ánh Thái dương, nên gọi là Minh Minh Đức. Có Minh Minh Đức mới xây dựng được một thể hệ tươi đẹp, mới đào tạo được giống dân mới gọi là Tân Dân. Tân Dân cũng là thân dân, là thương người như thương mình hay như

thương người thân của mình. Vua Nghiêu hằng nói với quần thần: "Các Khanh hãy thương yêu dân như thương yêu Trẫm, dân đói là Trẫm đói, dân rét là Trẫm rét."

Như vậy, đời sao không thanh trị? Quần thần khi nghe lời nói của Đấng Minh quân như thế thì ai mà chẳng xúc động. Toàn thể quốc dân nghe được lời nói của vua như thế thì ai mà chẳng động lòng. Động lòng vì Đức cả, Nhân lớn, nên cả thầy đều lo tích Đức tu Nhân, mọi người đều no cơm ấm áo. Chẳng còn nghèo, chẳng còn đói, thì đâu còn cảnh trộm cướp, mà chỉ đua nhau làm Nhân, làm Nghĩa, nên nhà nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi, người người thanh thoi mà an hưởng cảnh thanh bình trời Nghiêu đất Thuần.

VII. Lập Công:

Lập Công là đem sức lực và sự hiểu biết của mình ra làm việc phụng sự nhơn sanh.

Việc Lập Công chia làm 3 phần: Công phu, Công quả, Công trình.

Phần Công quả là quan trọng hơn cả, vì Đức Chí Tôn có nói nhiều lần rằng: Đức Chí Tôn mở ĐĐTKPD là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đặc đạo. Đặc đạo cùng chẳng là do công quả. Muốn làm giàu thì phải tìm cách làm ra của cải cho nhiều, muốn làm Tiên Phật thì phải có công quả.

Công quả muốn được chánh danh và đúng nghĩa thì phải là công quả xuất phát từ lòng tự giác tự nguyện, thiết tha với nó, xem nó là nguồn sống, là mục đích của đời mình.

Mỗi người tùy theo khả năng chuyên môn mà làm công quả. Trong đạo có biết bao nhiêu công việc, đủ mọi ngành nghề, đủ mọi trình độ, từ lao động trí thức cho đến

lao động chân tay, ai có sở trường trong công việc nào thì xin vào làm công việc đó cho đạt được mau chóng nhiều kết quả tốt đẹp.

TNHT: *"Vậy Thầy khuyên các con, đứa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sùt sè theo thói nử nhi, vậy cũng uổng cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm."* (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 74)

Và Đức Chí Tôn cũng có hứa rằng: *" Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần."*

Hành đạo nơi CTĐ chủ yếu là Lập công để lập Thiên vị của mình nơi cõi thiêng liêng. Muốn Lập công cho kết quả mỹ mãn, người tín đồ cần lưu ý các điều sau đây:

- Thứ nhứt, tự rèn luyện khả năng hiểu biết đạo lý để dẫn dắt người chưa biết đạo hay chưa hiểu đạo đi vào con đường đạo đức như mình. Đó là tự giác nhi giác tha, tức là mình tự giác ngộ lấy mình rồi sau giác ngộ người khác.

- Thứ nhì, phải gìn giữ sức khỏe cho được tráng kiện, dẻo dai, để làm điều thiện không mệt mỏi, phụng sự Đạo và nhơn sanh không ngừng nghỉ và đặc lực.

Nếu đau ốm liên miên, chẳng những mình không lập công được mà lại để cho nhơn sanh giúp lại mình, tự nhiên mình phải mất phần công đức hay mang nợ nhơn sanh.

1. Công phu:

Phần Công phu gồm hai việc:

- Học tập kinh sách để thông hiểu giáo lý và luật pháp của Đạo.

- Cúng Đức Chí Tôn vào Tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.

a. Học tập kinh sách Đạo:

- Kinh thì có Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo.

- Luật thì có Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Bát Đạo Nghị Định, Đạo Luật năm Mậu Dần, Luật Hội Thánh.

- Giáo lý thì có các sách: TNHT 1 và 2, Thánh Ngôn Suu tập, Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Giáo lý của Tiếp Pháp Trương Văn Trảng, Thiên Đạo của Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, v.v...

Việc học tập kinh sách có mục đích mở mang thể Trí của tín đồ.

b. Cúng Đức Chí Tôn vào Tứ thời:

Chúng ta cố gắng cúng Đức Chí Tôn nơi Thiên bàn tại nhà chúng ta vào Tứ thời: Tý, Mẹo, Ngọ, Dậu. Nếu còn bồn phận lo lắng nhiều về công quả thì cũng phải ráng cúng mỗi ngày được 2 thời.

Việc Tứ thời Công phu này rất quan trọng, vì lúc đó chơn thần chúng ta hấp thụ thanh điển của Trời.

Như vậy, việc công phu hằng ngày giúp cho người tín đồ sớm mở được Trí huệ, tức là cái trí càng ngày càng thêm sáng suốt.

2. Công quả:

Tất cả việc làm giúp người giúp đời mà không nhận sự đền đáp, phụng sự Đạo, phụng sự nhơn sanh, dù phạm vi nhỏ hay lớn, đều gọi là Công quả, vì những việc này tạo ra kết quả tốt đẹp cho linh hồn nơi cõi thiêng liêng.

Công quả muốn được chánh danh và đúng ý nghĩa của nó thì phải là công quả phát xuất từ lòng tự nguyện, thiết tha với nó, xem nó là mục đích của đời mình.

Thường thấy nơi thế gian này có những thứ công quả mà người có tiền mượn làm, người không tiền đi làm giùm. Nếu giá trị công quả ấy đúng với lẽ công bình của Tạo hóa thì Thái tử Sĩ Đạt Ta ngày xưa có thể mở kho đem các vật báu ra mượn người khác làm giùm cho mình đắc đạo, cần chi phải bỏ ngôi Thái tử, đi chu du thí pháp.

Cái giá trị của Công quả là phải từ tận đáy lòng, thiết tha phát khởi mà làm, dầu có phương tiện hay hoàn cảnh giàu sang, dầu trong cảnh nghèo nàn túng bần, mà tận đáy lòng mình thiết tha với công quả thì công quả ấy mới có giá trị cao và bền vững.

Điều cần nhứt trong việc lập công quả là không nên khoe khoang cho người ngoài biết, nên làm việc âm thầm để công quả ấy là âm chất hay âm công thì người làm mới hưởng được trọn vẹn nơi cõi thiêng liêng.

Mình phải vừa làm công quả, vừa kêu gọi người khác làm chung với mình, chớ không phải đưa ra giải pháp cho người khác làm, trong lúc đó mình đi làm việc khác.

Làm công quả phụng sự nhơn sanh là thể hiện đức tánh Từ Bi. Càng làm công quả thì thể Bi trong mỗi người chúng ta càng phát triển và phải tiếp tục làm cho nó phát triển mãi, để cuối cùng hòa nhập được vào khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn.

3. Công trình:

Công trình là việc lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ giới luật như: Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy, Thế Luật, việc ăn chay kỳ hay ăn chay trường.

Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ, hùng dũng mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham muốn của thể xác, do lục dục và thất tình xúi giục gây ra.

Thể xác lúc nào cũng muốn tự tung tự tác, sung sướng thoải mái, chớ đâu chịu bó mình trong Giới luật.

Do đó, việc lập hạnh tu hành là thể hiện cái Dững của con người. Cần phải dững cảm chiến thắng sự đòi hỏi buông lung của thể xác. Không có chiến thắng nào về vang hơn chiến thắng được dục vọng của mình.

Tóm lại:

- Công quả là thể hiện đức BI,
- Công phu là thể hiện đức TRÍ,
- Công trình là thể hiện đức DỮNG.

Tam công: công phu, công quả, công trình, liên hệ mật thiết nhau, quan trọng như nhau, giống như Bi, Trí, Dững, không thể tách rời, không thể bỏ sót phần nào được, mà phải phát triển song song nhau thì sự tiến hóa tâm linh mới nhanh chóng và mau đắc quả.

VIII. Lập Ngôn:

Lập Ngôn là nói lời chơn thật, chánh đáng, có đạo đức để người nghe phát tâm theo đạo tu hành.

Lời nói thốt ra từ cửa miệng gây ra Khẩu nghiệp.

Trong Tam nghiệp: Thân nghiệp, Ý nghiệp, Khẩu nghiệp, thì Khẩu nghiệp dễ mắc phải nhứt, vì lời nói không mất tiền mua, nên người ta cứ phát ngôn bừa bãi. Nhưng người tu nên nghĩ rằng: lời nói không tốt sẽ gây ra Khẩu nghiệp, cũng nặng nề như Thân nghiệp và Ý nghiệp.

Cho nên khi nói ra lời nào, phải suy nghĩ cho cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật không, có gây thiệt hại hay phiền giận cho ai không.

Bên Tây phương có một câu cách ngôn làm lời khuyên rất quý báu: "*Trước khi nói hãy uốn lưỡi bảy lần*"

(Il faut tourner sept fois sa langue dans sa bouche avant de parler)

Nho giáo có dạy rằng: *"Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ táng bang."* (Một lời nói có thể làm nước hưng thịnh, một lời nói có thể làm nước mất). Câu nói này để cảnh giác các vị vua khi nghe lời tâu cáo của quần thần, phải phân biệt lời nào trung quân ái quốc xây dựng đất nước, lời nói nào sàm nịnh của kẻ gian thần hại nước.

Nhứt tinh cho hỏa năng thiêu vạn khoảnh chi sơn, bán cú phi ngôn ngộ tổn bình sanh chi đức. (Một đốm lửa nhỏ có thể đốt cháy muôn khoảnh núi rừng, nửa câu nói bậy làm hại cả đức bình sanh).

Đức Chí Tôn cũng thường dạy: *"Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể."* (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 144)

Người tín đồ Cao Đài muốn Lập Ngôn đúng đắn thì phải nghiêm chỉnh tuân theo giới cấm thứ 5 trong Ngũ Giới Cấm: Ngũ bất vọng ngữ.

"Ngũ bất vọng ngữ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bầy lời người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng thô tục, chửi rủa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa."

Tóm lại, muốn tạo được ngôi vị thiêng liêng cho mình thì chúng ta phải tu Tam lập, tức là phải Lập đức, Lập công, Lập ngôn, rồi lo công phu, công quả, công trình, nói tóm một lời là: *Lập thân hành đạo, Xả thân giúp đời.*

Việc xả thân giúp đời có hai sở dụng:

▪ **Trả quả:** trả dứt hết các món nợ oan nghiệt mà mình đã gây ra từ nhiều kiếp trước.

▪ **Lập vị thiêng liêng:** công quả càng dày thì địa vị thiêng liêng càng cao trọng.

Tu Tam lập là phương pháp tu cốt yếu của Đạo Cao Đài trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

Khi chúng ta tụng Ngũ Nguyên trong mỗi thời cúng Đức Chí Tôn là chúng ta nguyện tu Tam lập:

▪ **Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai:** Muốn hoằng khai Đại Đạo thì phải thuyết giảng giáo lý, viết sách truyền bá cho mọi người biết, đó là **Lập ngôn**.

▪ **Nhi nguyện phổ độ chúng sanh:** đó là **Công quả**.

▪ **Tam nguyện xá tội đệ tử:** Muốn được Đức Chí Tôn xá tội thì phải lập hạnh gìn giữ giới luật tu hành nghiêm chỉnh để không gây thêm tội lỗi mới, đó là **Công trình**.

▪ **Tứ nguyện thiên hạ thái bình:** Chúng ta thành tâm cầu khẩn Đức Chí Tôn và Phật Mẫu ban ơn cho thế giới được hòa bình, nhơn sanh an lạc, đó là **Công phu**.

▪ **Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh:** Muốn được an ninh thì chúng ta phải hành động thể nào cho hợp lòng người, thuận đạo Trời, đó là **Lập đức**.

LUẬT CÔNG BÌNH thiêng liêng

- Nhân Quả.
- Luân hồi.
- Quả báo.
- Nhồi quả.

I. Nhân Quả: Luật công bình thiêng liêng.

Nhân hay Nhơn là cái nguyên do, cái có; Quả là cái trái, kết quả. Nhơn Quả là Nhân nào thì Quả vậy.

Nhân ví như cái hạt, Quả ví như cái trái. Hễ gieo hạt dưa thì mọc lên cây dưa, cho ra trái dưa; gieo hạt đậu thì mọc lên cây đậu chứ không thể mọc lên cây dưa, rồi cây đậu sanh ra trái đậu.

Cho nên sách Nho nói: *Chứng qua đắc quả, chủng đậu đắc đậu* (Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu). Luật ấy không bao giờ sai chạy, đó là Luật Nhân Quả.

Một cái nhân tạo ra cái quả, quả này tạo ra nhân mới, nhân mới lại tạo ra quả mới, cứ thế tiếp diễn mãi. Nếu như muốn không có quả thì đừng tạo nhân.

Luật Nhân Quả thể hiện sự công bình của Trời Đất.

Đấng Thượng Đế chí công vô tư, không vì thương mà thưởng, không vì ghét mà phạt. Đấng ấy lập ra Luật Nhân Quả và cầm cân Công bình thiêng liêng để cho Luật Nhân Quả tác động một cách chính xác công bình.

Trong sách Minh Tâm Bửu Giám có viết: *"Thiên địa vô tư, Thần minh thì sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phúc, bất vị thất lễ nhi giáng họa."* Nghĩa là: Trời Đất không riêng (công bình), chư Thần sáng suốt thường xem xét, chẳng vì hưởng tế lễ mà ban cho điều tốt lành, chẳng vì thất lễ mà gieo xuống tai họa.

Thượng Đế và các Đấng thiêng liêng là những Đấng chí công vô tư, không đem phúc đến cho ai, cũng không đem họa đến cho ai. Các Đấng ấy chỉ giữ Luật Nhân Quả làm Luật công bình thiêng liêng, cho thể hiện một cách đúng lẽ công bình đi từ Nhân tới Quả.

Tất cả những sự chi đưa đến cho mình, dầu việc ấy có xấu có tốt, vui buồn, lành dữ, đều là Quả do cái Nhân mà mình đã tạo ra trong quá khứ hoặc xa hoặc gần. Mỗi việc mình làm là Nhân, Nhân lành hay Nhân dữ, trong đó bao gồm cả lời nói, ý nghĩ và hành động, thì cái Quả liền tượng hình ra theo cái Nhân ấy, để đến lúc đúng hạn kỳ thì nó báo đáp phát ra.

Trong Luật Nhân Quả, thời gian đi từ Nhân tới Quả không nhất thiết phải xảy ra ngay, có thể xảy ra một thời gian sau trong một kiếp sống hay có thể xảy ra trong nhiều kiếp, nhưng nhất định phải xảy ra, Quả luôn luôn tương xứng với Nhân, không bao giờ sai chạy.

- Nếu Nhân và Quả xảy ra ngay trong một kiếp sống thì gọi là: Hiện kiếp Nhơn quả, cũng gọi Báo ứng nhân tiền.

Một người lúc trẻ làm nhiều việc gian ác, đến khi trở về già thì phải chịu cảnh khốn cùng, tù nhục, đau đớn ê chề, rồi mới chết. Đó là Báo ứng nhân tiền xảy ra trong một kiếp.

- Nếu Nhân ở kiếp trước mà Quả báo ứng xảy ra trong kiếp hiện tại thì gọi là Tiền kiếp Nhân quả.

- Nếu Nhân trong kiếp hiện tại mà Quả báo sẽ xảy ra trong kiếp sau thì gọi là Hậu kiếp Nhân quả.

Có Luật Nhơn quả mới có sự Luân hồi, hay nói cách khác, Luân hồi là hệ quả của Luật Nhân quả. Vì gieo nhân trong kiếp trước mà chưa trả được nên phải chịu luân hồi, đầu kiếp trở lại để trả quả.

Trong xã hội, chúng ta vẫn thường thấy có nhiều người giàu sang danh vọng, nhưng họ lại nghiêng ngàng hồng hách, chỉ biết mưu lợi hại người, làm điều gian ác, dối trên lừa dưới, thế mà họ vẫn lên chức đều đều, giàu có thêm lên, mặc cho người đời nguyên rủa.

Đừng nghĩ rằng Luật Nhơn quả sai! Những người đó được vậy là vì cái Quả lành của họ đã tạo ra từ nhiều kiếp trước vẫn còn để họ hưởng, nhưng họ không biết tội bởi cái Quả lành đó trong kiếp này, đến chừng hưởng hết Quả lành thì sẽ bắt đầu trả quả, và sự trả quả đó có thể xảy ra trong những ngày cuối đời của họ hay trong kiếp sau, nhưng nhứt định là phải trả, không trốn tránh vào đâu cho được.

KSH: *Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lãng loạn đặng mạng giàu sang.*

TNHT: *Ức lòng dễ tỏ đặng cùng ai!
Hiền đức mà sao chịu khổ hoài.
Lão nói tỏ tường cho đó hiểu,
Cũng là vay trả luật xưa nay.*

Các ngoại đạo tà kiến thấy người làm điều thiện mà lại sanh vào đường ác, kẻ làm ác lại sanh vào nẻo thiện, liền cho rằng Nhân Quả đều không, thậm chí còn bài bác và cho rằng tất cả đều không.

Người làm thiện mà phải sanh vào nẻo ác là vì ác quả của đời trước vẫn còn dây dưa chưa dứt nên phải chịu nốt, Nhân thiện hiện tại sẽ sanh Quả thiện tương lai. Đây là đạo lý Tam thể Nhân quả mà Đức Phật đã nói trong kinh Thiện Ác Nghiệp Báo.

Trong kinh Nhơn Quả cũng có viết rằng: Muốn biết cái Nhân đã qua, hãy xem cái Quả hiện tại; muốn biết cái Quả tương lai, hãy xem cái Nhân hiện tại.

Nhơn nào Quả nấy, chắc chắn không bao giờ sai, chỉ có thời gian báo ứng lâu hay mau mà thôi.

Chúng ta là người phạm không bao giờ biết được thời gian báo ứng đó lúc nào xảy ra, cho nên đừng nên lộng ngôn mà phê phán sai lầm, than Trời trách Đất, mà mang trọng tội cùng các Đấng thiêng liêng.

Khi đã biết rõ Luật Nhân Quả rồi, mỗi người muốn cho đời mình được may mắn tốt lành, thì ngay từ bây giờ phải tạo ra cái Nhân lành: Thân làm điều lành, Khẩu nói điều lành, Ý nghĩ trong sạch. Thấy thì dễ nhưng luôn luôn chúng ta bị Tam độc (Tham, Sân, Si) phản kháng, rồi dục dõm lôi cuốn chúng ta theo nó để tạo ra Nhân xấu:

- Lòng tham làm giảm giá trị con người, làm tinh thần lụn bại, như tham lam của cải tiền tài, tham công danh sự nghiệp bất chánh, tham mê tửu sắc tài khí. Cái lòng tham ấy mỗi khi dấy động, nó tạo ra lớp mây mù che lấp lương tri, làm cho ta không còn phân biệt phải trái, liêm sỉ, miễn làm sao cho thoả mãn lòng tham dục.

- Tánh sân giận nổi lên thì sanh ra si mê ám muội, xúi giục con người hành động theo lục dục thất tình thấp hèn, tạo ra biết bao nhiêu điều ác.

Cho nên, Đạo Cao Đài đưa ra các giới luật như: Ngũ giới cấm, Tứ đại điều qui, v.v... là để ngăn chặn không cho Tham Sân Si dấy lên xúi giục ác hành.

Hiểu biết rõ Luật Nhân quả, chúng ta có được những lợi ích sau đây:

- Không còn mê tín dị đoan, không cầu cúng xin xỏ Thần quyền.
- Tin tưởng mình là tác nhân chủ động tạo ra số phận của mình.
- Không chán nản, trên không trách Trời, dưới không trách người, chỉ nên trách mình.

II. Luân hồi:

Luân là cái bánh xe, hồi là quay trở lại. Luân hồi, nghĩa đen là xoay tròn như cái bánh xe, quay đi rồi trở lại, mãi mãi như thế.

Luân hồi là một tín thuyết đã có từ thời thái cổ của nước Ấn Độ, với đạo Bà-La-Môn, cho rằng linh hồn của một sinh vật, sau khi sinh vật chết, linh hồn trở lại đầu thai vào một sinh vật khác và cứ thế tiếp diễn mãi.

Đức Phật Thích Ca mở đạo Phật thời Nhị Kỳ Phổ Độ, lấy thuyết Luân hồi làm giáo lý căn bản.

Đức Phật nói: Kiếp sống của con người sanh ra rồi chết, chết rồi đầu thai trở lại, tức là sanh sanh tử tử cứ thế nối tiếp nhau, như cái bánh xe quay tròn không bao giờ ngừng nghỉ.

Sự Luân hồi chỉ là thể hiện của Luật Nhân quả, có Nhơn thì phải có Quả, hết Nhơn thì hết Quả, dứt luân hồi.

Con người sống nơi cõi trần có ba thể gọi là Tam thể xác thân:

- Xác thân phàm bằng vật chất (thể xác): Giả thân.
- Xác thân thiêng liêng: Chơn thần hay Chơn thân.
- Một điểm linh quang do Đức Chí Tôn ban cho gọi là Linh hồn để điều khiển chơn thần và thể xác.

Khi một con người nơi cõi trần chết đi, thể xác sẽ tan rã biến trở lại thành đất, còn chơn thần và linh hồn thoát ra khỏi thể xác, trở về cõi thiêng liêng, mang theo:

- Những điều học hỏi và kinh nghiệm.
- Những công đức và tội lỗi đã gây ra.

Nơi cõi thiêng liêng, chơn thần và linh hồn được đưa đến trước Minh Cảnh Đài xem lại khúc phim của cuộc đời mình, từ lúc mới sanh cho đến lúc chết, các

hành vi thiện ác cùng lời nói đều hiện lên đủ cả, không sót một thứ gì, để nơi đây, cây Cân Công bình thiêng liêng cân tội phước và định phận:

- Nếu công đức nhiều hơn tội lỗi thì linh hồn và chơn thần sẽ được ban thưởng bằng những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tương xứng.
- Nếu công đức ít mà tội lỗi nhiều thì linh hồn và chơn thần bị đưa trở lại cõi trần để đầu kiếp mà trả quả, và cũng để lập công chuộc tội.

Những công đức, tội lỗi và kinh nghiệm học hỏi được trong kiếp sống tạo thành hột giống luân hồi rút vào trong chơn thần, tạo thành cái Nhân, quyết định kiếp tái sinh có đời sống sang hèn, hạnh phúc hay khổ đau, làm quan hay dân, v.v... ấy là cái Quả do Nhân tạo ra.

Linh hồn và chơn thần cứ mãi luân chuyển như thế, lên lên xuống xuống, không bao giờ dứt. Đó là Luân hồi.

Muốn thoát khỏi Luân hồi thì phải làm sao?

- Phải tu, tu để dứt Nhân xấu, tạo Nhân lành: Nhân xấu thì Quả xấu tức là phải Luân hồi, Nhân lành thì hưởng Quả lành tức là đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi thiêng liêng, ấy là thoát khỏi Luân hồi.

Giáo lý về luật Nhân quả và Luân hồi cho chúng ta lòng tự tin, tự thấy mình là chủ nhân của đời mình, mình làm ra cái gì thì mình hưởng thụ cái đó, không ai giành giật với mình, mình tạo ra Nhân gì thì mình hưởng Quả nấy, chớ không ai đem họa hay phước đến cho mình.

Chúng ta phải cố gắng kèm hãm lục dục thất tình, xa lìa tam độc, để cho tư tưởng, lời nói, hành động của mình được chơn chánh, thiện lương, tức là mình gieo Nhân lành, thì nhứt định tương lai của mình sẽ hưởng được Quả lành, trái ngọt, đời mình sẽ được sung sướng hạnh phúc.

Còn muốn thoát khỏi luân hồi, chúng ta phải rửa sạch các Nhân xấu từ các tiền kiếp lưu lại, bằng cách chịu đựng các sự trả quả, rồi lo lập công phụng sự non sanh lấy công chuộc tội, các Nhân xấu lần lần tiêu hết, mà khi Nhân hết thì không có Quả, tức nhiên thoát khỏi luân hồi.

III. Quả báo:

Quả báo là cam nhận chịu cái kết quả đau khổ báo đáp lại để đền trả cái Nhân xấu mà mình đã gây ra lúc trước hay trong kiếp trước.

Quả báo còn được gọi là **Nghiệp báo**.

Nghiệp là cái lực vô hình do cái Nhân sanh ra, để nó thúc đẩy tạo thành cái Quả.

Chúng ta là người phạm nên vô minh, không biết kiếp trước đã tạo ra những Nhân gì, thiện hay ác, nhưng ngày nay trong kiếp sống này, khi chúng ta tự nhiên gặp được một việc may mắn bất ngờ, như đang hoạn nạn gặp quý nhân đến giúp đỡ; hoặc là đang sống yên lành bỗng nhiên bị người vu oan giá họa, thì chúng ta phải hiểu rằng: đó là Nghiệp báo từ cái Nhân thiện hay Nhân ác của mình ở trong kiếp trước.

Kinh Cẩn Ứng cũng có viết rằng: *"Họa phúc vô môn, duy nhân tự triêu, thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình."* Nghĩa là: Họa và phúc không có cửa, tự nơi người rước lấy, cái quả báo của thiện và ác như bóng theo hình.

Khi gặp Quả báo xấu, chúng ta phải gồng mình chịu đựng, chớ nên than van, vì nó do chính mình tạo ra cái Nhân xấu mà có. Đó là Trả quả.

Sự trả quả này hoàn toàn nằm trong Luật Nhân quả, là Luật Công bình thiêng liêng, gieo nhân nào thì gặt quả nấy.

Đức Lý Giáo Tông giảng cơ dạy về Trả quả như sau:

LÝ GIÁO TÔNG

*Trái oan chưa dứt thuở nào thôi,
Muốnặng phi thăng, ráng trả rồi.
Cượng lý tu hành cho thoát tục,
Tiền vay nợ hỏi, số ai bơi?*

Đây Lão nhắc về lời của Đức Chí Tôn dạy về cách Trả quả như vậy:

"Các con ôi! Phải ráng vui lòng mà chịu điều cực khổ. Hễ Thầy thương các con chừng nào thì hành hạ các con chừng nấy. Bởi vậy khi các con hiến thân hành đạo với Thầy, đã lĩnh cho Thần Thánh bắt các con trả quả cho đủ kiếpặng trừ cho kịp kỳ này. Bởi các con phải chịu luật luân hồi, vì có mà phải chịu điều khổ sở như vậy, các con chớ than phiền, chính theo lời thề của các con thì Thầy hành các con cho đúng lẽ, vậy mới xứng đáng là môn đệ của Thầy. Có nhiều đứa vì không rõ luật Thiên điều, cứ than van mãi."

Vậy, chớ hiền hữu hiền muội nghe Ôn Trên dạy đành rành, nợ thì phải trả, chớ không chạy đâu được. Dầu cho một vị Đại La mà phạm luật Thiên điều thì cũng phải tái kiếp mà đền bù cuộc trả vay.

** Thế nào gọi là Trả quả?*

- Là nhận chịu cái nợ tiền khiên đã kết nạp nhiều kiếp, chí quyết trả cho xong mà không vay thêm nữa.

** Có hai cách Trả quả:*

- Một là quả báo về tinh thần, ở phạm vi tư tưởng, buồn bã, âu sầu.

- Hai là quả báo về xác thịt: tật bệnh, đói rét, khôn nản.

** Quả lại chia ra ba ảnh hưởng:*

- Một là quả báo các nhân do mình tạo ra.
- Hai là quả báo của chủng tộc do nòi giống tạo ra.
- Ba là quả báo do quần chúng của mỗi người trong xã hội gây ra.

Vậy muốn dứt các dĩ vãng là kết quả của hiện tại âu sâu thống khổ thì phải lấy cái hiện tại mà tạo cái tương lai cho được rực rỡ về vang, rồi lấy cái tương lai đó mà tạo một cơ sở vững vàng muôn kiếp, tức là đi tới chỗ trường sanh bất tử đó vậy.

IV. Nhồi quả:

Nhồi là nhét thêm vô rồi dồi lên đập xuống nhiều lần. Quả ở đây là ý nói cái quả xấu báo đáp lại cái nhân xấu đã gây ra từ nhiều kiếp trước.

Nhồi quả là những nhân xấu nghiệp xấu từ nhiều kiếp trước dồn lại báo đáp trong một kiếp này mà thôi.

Đối với người tu hành chơn chánh, lo lập công bồi đức để trả cho dứt các nghiệp xấu cũ của nhiều kiếp trước, lại phải cố gắng giữ mình không gây ra các oan nghiệt mới thì Đức Chí Tôn sẽ cho dồn các nghiệp xấu lại để trả dứt trong kiếp này thì mới có thể thoát khỏi cõi trần để trở về cùng Đức Chí Tôn. Cách trả dứt các nghiệp trong một kiếp như vậy gọi là Nhồi quả.

Như trong bài Thánh Ngôn của Đức Lý Giáo Tông, Đức Lý có nhắc lại lời của Đức Chí Tôn: "bắt các con trả quả cho đủ kiếp đặng trừ cho kịp kỳ này", đó là Đức Chí Tôn cho chúng ta Nhồi quả.

Nhồi quả là một cách trả quả rất nặng nề, nhưng là phương giải thoát. Cho nên người biết đạo nên luôn luôn vui chịu những hoạn nạn tai ương dồn dập đến cho mình.

Nếu thấy một bậc chơn tu nào mà bị hoạn nạn tai ương dồn dập liên tiếp xảy ra rất khổ sở thì chúng ta chẳng nên lấy làm lạ mà phàn nàn, bởi vì người ấy đang chịu nhồi quả để có thể đắc đạo trong một kiếp tu.

Đây là một đặc ân của Đức Chí Tôn trong kỳ Đại Ân Xá này, cho nhồi quả đặng mau hết nghiệp để có thể trở về cùng Đức Chí Tôn.

Nếu Đức Chí Tôn không cho nhồi quả trong một kiếp tu thì biết đến bao giờ các môn đệ của Ngài mới trả hết nghiệp, bởi vì nếu để trả quả từ từ thì mỗi kiếp trả quả lại tạo thêm nghiệp mới, thì phải mang nghiệp trần triền miên mà chịu luân hồi mãi mãi.

Chính vì thế mà chúng ta thấy nhiều Chức sắc Thiên phong, càng tu, càng lập công quả thì bản thân và gia đình càng gặp nhiều nỗi éo le ngang trái, điều đứng khổ sở, hết đau bệnh tới tai nạn, khiến cho người đời biếm nhẽ rằng càng tu càng bị hoạn nạn tai ương.

Nếu tâm đạo vững vàng, một lòng tin tưởng Đức Chí Tôn, can đảm gánh chịu những quả báo tiền khiên, cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban cho ơn huệ để đủ sức chịu đựng nghịch cảnh, thì dần dần tại nạn cũng giảm bớt, tâm tu tăng tiến và cuối cùng thì trả hết nghiệp, được đắc đạo, trở về cùng Đức Chí Tôn.

TNHT: *Vì muốn tu thân nhồi quả trước,
Gắng công sau sẽ đến cùng Ta.*

Chúng ta biết có hai trường hợp nhồi quả sau đây:

1. Trường hợp Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương.

Đức Chí Tôn cho nhồi quả theo bài thi sau đây của Đức Chí Tôn ban cho Ngài Ca Bảo Đạo:

*Thấy con gia đạo tợ tờ cuộn,
Chạnh đến lòng Thầy dạ wớm tuôn.*

*Ngặt nỗi vợ nhà đau đã dưới,
Khật khùng con trẻ nói luông tuông.
Khiến nên mai đánh khơi màu trắng,
Cho đến tòng lâm trở sắc buồn.
Công quả đã đành công quả đủ,
Nay đem ba kiếp dập dồn luôn.*

Qua bài Thánh ngôn trên, Đức Chí Tôn cho Ngài Ca Minh Chương nhờ quả ba kiếp khiến Ngài bị bệnh, vợ đau, con gái khật khùng, dồn vào một kiếp này đang trả xong quả, sạch nợ tiền khiên, hầu trở về ngôi vị thiêng liêng.

2. Chánh Trị Sự Miên, quê ở Phú Mỹ, Mỹ Tho.

Ông Miên làm Hương Cả ở làng Phú Mỹ, nhập môn vào Đạo Cao Đài, lập công bồi đức, lên được phẩm Chánh Trị Sự. Ông rất hiền, nhưng sau đó, ông bị điên khùng luôn, không ai chữa trị được.

Vợ của ông đưa ông về Tòa Thánh, vô Hộ Pháp Đường cầu xin Đức Phạm Hộ Pháp giải bệnh, được Đức Ngài nhận lời.

Đức Ngài hành pháp giải oan, bệnh ông Miên giảm dần và gần như hết bệnh. Đức Phạm Hộ Pháp dặn ông Miên không được ra ngoài, chỉ ở quanh quẩn trong Hộ Pháp Đường mà thôi.

Vợ ông Miên cũng là một Nữ Chánh Trị Sự, thấy ông Miên hết bệnh, cả mừng, xin cho rước ông Miên về gia đình ở Phú Mỹ để an dưỡng và dễ bề săn sóc.

Đức Phạm Hộ Pháp nói:

- Coi vậy chớ ảnh chưa mạnh đâu, chị có về thì về, cứ để ảnh ở đây một thời gian nữa.

Bà vợ cứ năn nỉ hoài để rước ông Miên về, buộc lòng Đức Ngài phải cho. Bà đưa ông Miên trở về xứ.

Lạ lòng thay, về nhà ở Phú Mỹ một thời gian ngắn thì bệnh của ông Miên tái phát trầm trọng và chết, không thầy thuốc nào trị được.

Gia đình báo tin cho Đức Hộ Pháp. Đức Phạm Hộ Pháp nói với các anh em Phạm Môn:

- Anh Miên trả quả ba kiếp nhờ một đó. Lúc bị bệnh, ảnh thường diễn đạt ba hình thức, mỗi hình thức là một kiếp:

Kiếp thứ nhất: ông đang đi thì đứng lại, lấy thế rồi cung tay xoay người từ trái qua phải, rồi buông hai tay, giống như là quăng lưới chài cá. Đó là kiếp chài lưới.

Kiếp thứ nhì: một tay như cầm mõ, một tay như cầm dùi, miệng niệm Nam mô, tay làm bộ điệu gõ mõ. Ấy là kiếp thứ nhì làm thầy chùa.

Kiếp thứ ba: ông hay lượm lá cây, giấy, ngòi vẽ vẽ lên đó, ấy là kiếp làm đồ nho viết liễn.

Nay gặp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, may duyên làm môn đệ Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn cho nhờ quả để trả cho dứt nghiệp mà về, nên mừng cho ông được giải thoát.

(Viết theo lời kể của ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai).

THIÊN ĐẠO & NHƠN ĐẠO

- Thiên đạo.
- Nhơn đạo.
- Thánh Ngôn dạy về Thiên đạo và Nhơn đạo.

I. Thiên đạo.

Thiên là Trời, là Thượng Đế, Đức Chí Tôn. Đạo là tôn giáo. Thiên đạo dịch ra tiếng Việt là đạo Trời.

Chữ Thiên đạo, tùy theo trường hợp mà chúng ta hiểu nghĩa. Chúng ta có thể gặp 3 trường hợp sau đây:

1. Thiên đạo là đạo do Đấng Thượng Đế lập ra và làm Giáo chủ.

Đạo Cao Đài là Thiên đạo vì do Đức Chí Tôn dùng cơ bút lập ra và Đức Chí Tôn làm Giáo chủ.

Cũng như Thích giáo, là đạo do Đức Phật Thích Ca lập ra và làm Giáo chủ.

2. Thiên đạo là nói bao gồm các đạo tu hành để giải thoát linh hồn con người ra khỏi luân hồi, đưa linh hồn đến cảnh Cực Lạc Niết Bàn hay cõi TLHS.

Như vậy, Thiên đạo bao gồm Tiên đạo và Phật đạo.

Muốn đạt đến Tiên đạo và Phật đạo thì phải trải qua: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo. Nhưng Nhơn đạo là căn bản, bởi vì làm tròn được Nhơn đạo thì mới đạt được Thần vị hay Thánh vị tùy theo mức độ cao thấp.

TNHT: *Rằng ở đời thì Nhơn đạo trọn,
Trọn rồi, Thiên đạo mới hoàn toàn.*

3. Thiên đạo là đạo Trời, đứng trên Phật đạo.

Đó là nấc thang tiến hóa cuối cùng để chư Phật tu hành tiến hóa lên thành Thượng Đế và nhập vào khối Đại linh quang của Thượng Đế.

II. Nhơn đạo:

Nhơn đạo là đạo làm người, đạo ở đời, nên nó cũng được gọi là Thế đạo.

Đó là những nguyên tắc và bổn phận mà con người phải tuân theo trong đời sống đối với gia đình và đối với quốc gia, xã hội. Nhờ Nhơn đạo, con người mới xứng đáng phẩm người, mới có giá trị là thượng đẳng chúng sanh.

Nếu nói chung cho cả nam và nữ thì Nhơn đạo gồm Bát đức, tức 8 điều: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si.

Đó chính là Bát bửu trong cái túi Bát bửu nang mà Đức Phật Mẫu giao cho 100 ức nguyên nhân đem theo khi đầu thai xuống cõi trần, và căn dặn rằng: Nếu nguyên nhân nào làm mất một món báu thì không thể trở về với Đức Phật Mẫu được.

Nhưng đối với Nho giáo thì phân ra: Nhơn đạo của người nam khác Nhơn đạo của người nữ:

- Nam thì Tam Cang và Ngũ Thường.

- Nữ thì Tam Tòng và Tứ Đức.

Không có tôn giáo nào dạy về Nhơn đạo kỹ lưỡng và chi tiết bằng Nho giáo.

Người là Tiểu linh quang, Trời hay Thượng Đế là Đại linh quang; nên con người là một phần tử nhỏ của Thượng Đế. Thượng Đế cho con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa, học hỏi mãi mãi và tiến hóa mãi mãi, tới mức cùng tốt thì trở thành Thượng Đế và hiệp nhứt vào Thượng Đế.

Muốn đạt được như thế, con người phải trải qua năm cấp tiến hóa:

- Cấp tiến hóa thứ 1 là Nhơn đạo tiến lên Thần đạo,

- Cấp tiến hóa thứ 2 là Thần đạo tiến lên Thánh đạo,
- Cấp tiến hóa thứ 3 là Thánh đạo tiến lên Tiên đạo,
- Cấp tiến hóa thứ 4 là Tiên đạo tiến lên Phật đạo,
- Cấp tiến hóa thứ 5 là Phật đạo tiến lên Thiên đạo.

Trong năm cấp tiến hóa đó, Nhơn đạo là căn bản. Không hoàn thành Nhơn đạo thì không mong chi bước lên các cấp tiến hóa cao hơn.

Thánh nhơn khi xưa có nói rằng: *Dục tu Tiên đạo, tiên tu Nhơn đạo, Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỹ*. Nghĩa là: Muốn tu Tiên đạo, trước tu Nhơn đạo, Nhơn đạo không tu, Tiên đạo xa vời lắm vậy.

ĐĐTKPD mở ra kỳ này là Đức Chí Tôn dựng lên một cái thang 5 nấc để cho người tu từ từ tiến lên mà đoạt vị. Hễ công đức tu hành đạt đến mức nào thì Đức Chí Tôn chấm cho mức ấy với những phẩm vị cao trọng tương xứng.

TNHT: Thầy dạy Nữ phái biết trọng Tam tòng Tứ đức, Nam phái Tam cang Ngũ thường. Hễ Nhơn đạo thành là phù hợp Thiên đạo, nghe à! (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 104)

TNHT: *Buông trôi ví chẳng tròn Nhơn đạo,
Còn có mong chi đến đạo Trời.*

III. Thánh ngôn dạy về Thiên đạo - Nhơn đạo.

Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ đêm 25 và 28 tháng giêng năm Nhâm Thìn (dl 20 và 23-2-1952) dạy về Nhơn đạo (tức Thế đạo) và Thiên đạo, trích trong Luật Tam Thể, chép ra như sau: (Xem TNST 3, Bài 107 -108)

Đêm nay, Bần đạo giải về Thế đạo là gì?

Hắn mấy em đã rõ đại cương về Thế đạo là:

- *Nam thì Tam cang, Ngũ thường,*
- *Nữ thì Tam tòng, Tứ đức.*

Song đó chỉ là thể của Nhơn đạo hữu hình mà thôi.

Nếu mấy em hằng ngày tâm niệm có bấy nhiêu đó thôi thì làm sao trọn vẹn được.

Trong Thế đạo phải phân tách ra làm hai pháp lý:

- Một là Thể pháp Thế đạo,
- Hai là Bí pháp Thế đạo.

Tam cang Ngũ thường, Tam tòng Tứ đức là thể đăng làm sở hành cho mặt Thể pháp Thế đạo mà thôi, lấy đó làm chánh đề mà đi.

Bây giờ muốn giữ **TAM CANG, NGŨ THƯỜNG** thì phải làm thế nào?

- **Quân Thần cang:** Vua là kẻ chăn dân. Vậy bốn phận ấy là phải lập trên những hành tàng để cứu giúp dân cho khỏi điều thống khổ. Ấy là công việc của Cơ Quan Phước Thiện bây giờ đó. Tôi thì phải tỏ dạ trung thành đăng vừa giúp vua mà làm cho bá tánh an cư lạc nghiệp, tức là bốn phận của hàng Thánh thể đó vậy.

- **Phụ tử cang:** Cha là người thay quyền Chí Tôn trong một tiểu gia đình, tức nhiên là phải biết mình có bốn phận giáo hóa, dưỡng dục, tức nhiên là một Hội Thánh nhỏ trong một gia đình. Vậy con phải trọn hiếu, tức nhiên không làm điều nhục tổ hồ tông, tức là bốn phận của một tín đồ, hay nói đúng hơn là một môn đệ xứng đáng của Đức Chí Tôn đó vậy.

- **Phụ phụ cang:** Chồng là người cầm lái giữ lái đăng đưa một tiểu gia đình đến chỗ đạo đức thanh bạch, tức nhiên là bốn phận của cơ quan Hành Chánh đó vậy. Vợ là người tòng theo chồng để giúp an sự nghiệp, tạo

nên hạnh phúc gia đình, tức là bổn phận của Bảo Cô đó vậy.

Về **NGŨ THƯỜNG** thì:

- **Nhơn**: là phải biết nghĩa đồng sanh, biết tình đồng hưởng Âm Dương chi khí, chẳng để lòng sái loạn chơn truyền, tức phải trọn vâng theo luật Công bình Bác ái.

- **Nghĩa**: là phải biết trọn phận người để tạo nên danh trọng giá cao, tức là phải giữ phẩm hạnh mà nhìn rõ của chung đồng hưởng.

- **Lễ**: là giữ hạnh nét đúng đắn để tạo nên một nhơn phẩm, biết nhường biết nhịn, tức nhiên là phải giữ trọn hạnh đạo đó vậy.

- **Trí**: là phải thông hiểu việc thế mà đi, không để tên tuổi phải bị lời chê tiếng nhẽ, tức nhiên là phải trọn vâng Luật pháp Chơn truyền đó vậy.

- **Tín**: là phải đúng lời đúng hẹn, tức là phải danh chánh ngôn thuận, thuyết hành phải được giống in nhau, tức là phải trọn thể đó vậy.

Đó là mặt Thể pháp Thế đạo.

Còn mặt Bí pháp Thế đạo là phương tâm ra định hướng để ven giữ Tam tạng Ngũ thường, tức nhiên là trọn phận Nhơn đạo. Ấy là kết quả do Thể pháp mà nên.

Nói chung về Bí pháp Thế đạo, tức nhiên là phương giúp đời an nhàn đạo đức đó vậy.

Về Tam tòng Tứ đức là phận của Nữ phái:

- **Tùng phụ**: như người con phải trọn giữ tiết trinh, cũng như kẻ tín đồ phải giữ tròn danh đạo.

- **Tùng phu**: như bóng tùy hình, tức nhiên là phải ví mình như một trong Thánh thể, tòng Hội Thánh vậy.

- **Tùng tử**: là phải vì đám hậu sanh mà quên mình đặng tạo thành sự nghiệp tương lai cho chúng, tức nhiên là bổn phận của Chức sắc vậy.

- **Công, Dung, Ngôn, Hạnh**: tức là việc làm cho nhơn sanh thoát khổ, lời nói để đưa đường giáo hóa, hành vi cử chỉ đáng treo gương mặt thể, phải biết nâng cao giá trị của Thánh thể Chí Tôn, nét na đậm thâm, giữ trọn thương yêu, tức nhiên là làm nền móng cho Đại đồng thế giới.

Đó là Thể pháp.

Kẻ đã trọn về mặt Thể pháp, tức nhiên hiểu biết Bí pháp, vì Bí pháp không chỉ lạ hơn là phương pháp bí yếu để nâng cao giá trị cho Thế đạo. Nói rõ hơn nữa là phương làm cho đời trở nên tận thiện tận mỹ. Nói theo Nhơn sanh Triết lý thì Bí pháp là kế hoạch nâng cao đời sống trong Nhơn Nghĩa đó vậy.

Đêm nay, Bàn đạo giải về Thiên đạo.

Trong Thiên đạo cũng có Thể pháp và Bí pháp của Thiên đạo.

Về Thể pháp của Thiên đạo, tức nhiên là những nơi để học hỏi, để un đúc tinh thần trong khuôn viên Chánh pháp. Trong Thể pháp của Thiên đạo có ba thời kỳ:

- Thứ nhất là thời kỳ khai thác
- Thứ nhì là thời kỳ luyện tập
- Thứ ba là thời kỳ thi hành.

Trong thời kỳ sau này mới thường gặp những cơ khảo đảo đặng thử thách tinh thần.

Về thời kỳ thứ nhất, là những tạo tác, nơi qui hợp đức tin cho con cái Chí Tôn, tức là các Đền thờ đó vậy. Khi một môn đệ đã nhập môn tòng giáo thì phải do nơi các Đền thờ đặng tụ hiệp đức tin. Đó là bước đầu tiên

của Thể pháp Thiên đạo. Do đó, sự cúng kiếng niệm kinh là điều trọng yếu vậy.

Qua thời kỳ thứ nhì, là đem đức tin đã trụ được đăng tập luyện tâm tánh và khởi lập công trừ quả, đăng tự giải khổ cho mình và giúp phương cứu khổ cho toàn nhơn loại. Ấy là phương luyện tánh thành tâm niệm đó vậy.

Qua thời kỳ thứ ba, là thi thố những đức tin hầu lấy phương giải khổ mà đem gieo truyền hột giống thương yêu. Ấy là phương cứu khổ đó vậy.

Trong lúc này, tinh thần hay gặp những chướng ngại, hoặc làm cho nao núng tan rã đức tin, hoặc theo đường quỉ mị, chia phe phân phái mà gây nên Tả đạo Bàng môn, như đã xảy ra đó.

Trong ba thời kỳ: thứ nhứt là Lập Ngôn, thứ nhì Lập Công, thứ ba Lập Đức. Đó là Thể pháp của Thiên đạo.

Khi đã trọn phần Thể pháp rồi, liền bước qua mặt Bí pháp, là phương tu tâm sửa tánh, hầu lập thành chơn khí thanh khiết mà hiệp với chơn thần, đăng tiếp chơn linh, để giải phương cứu khổ thêm bề siêu lý diệu chơn.

Ấy là phương tầm hiểu chơn truyền chánh pháp đó vậy. Khi đã vẹn sạch Tinh, Khí, Thần thì là đắc Pháp đó vậy.

Mấy em đã học về khoa Bí pháp khẩu tụng, vậy khá đề tâm học hỏi cho được tâm truyền thì công phu của mấy em đã được phần thưởng vô giá đó.

Nói về Thiên đạo tức là luận về vũ trụ triết lý, tức là nói về Không gian. Còn Thế đạo là luận về nhơn sanh triết lý, tức là nói về Thời gian đó.

Mấy em khá hiểu cho lắm mới được. Phải đề tâm suy nghiệm đó nghe!

TU THÂN

- Tu thân theo Nho giáo.
- Tu thân phải làm gì?
- Đức Chí Tôn dạy về Tu thân.

I. Tu thân theo Nho giáo:

Tu là sửa, Thân là thân mình. Tu thân là sửa chữa bản thân mình cho được ngay chánh, hợp theo đạo đức.

Muốn Tu thân thì trước hết phải giữ cái tâm mình cho được ngay chính. Tâm không ngay chính thì làm sao sửa mình cho ngay chánh được.

Trong Bát điều mục của Nho giáo thì Tu thân là trung tâm điểm, nên quan trọng hơn tất cả.

Muốn Tu thân, phải: Cách vật, Trí tri, Thành ý và Chánh tâm. Tu thân được rồi thì mới có thể: Tề gia, Trị quốc và Bình thiên hạ. Bốn điều mục trước là điều kiện để Tu thân, và ba điều mục sau là hệ quả của việc Tu thân.

"Người quân tử cần phải có học, mà sự học của mọi người là cốt ở sự sửa mình (Tu thân), cho nên sách Đại Học nói rằng: *"Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ Tu thân vi bản"*. Nghĩa là: Từ vua cho đến dân, ai cũng phải lấy sự Tu thân làm gốc. Muốn sửa mình cho thành người có đức hạnh hoàn toàn thì trước hết phải giữ cái tâm của mình cho chánh (Chánh tâm), cái ý của mình cho thành (Thành ý), rồi mới Cách vật Trí tri được, nghĩa là hiểu rõ các sự vật và biết đến cùng cực cái biết.

Giữ cái tâm của mình cho chánh, là đừng để cho sự tức giận, sợ hãi, sự vui say, ưu hoạn, làm cho cái tâm của mình chệch lệch, làm cho mình không hiểu rõ cái nghĩa lý ngay thẳng. Khi đã bị những sự ấy làm loạn cái tâm của mình thì mắt trông không thấy, tai nghe không hiểu,

ăn không biết mùi, bởi thế cho nên bao giờ ta cũng phải giữ cái tâm cho chánh.

Giữ cái ý của mình cho thành tức là mình không dối mình, dối với việc gì cũng cứ thành thật, như ghét mùi thối, yêu sắc đẹp, nghĩa là ý mình thế nào thì cứ thực bày tỏ ra như thế, chớ không dối trá chút nào. Được như thế mới là khoái tức. Bởi thế người quân tử phải giữ cẩn thận tư tưởng của mình trong khi ngồi một mình đối với mình.

Tâm đã chánh, ý đã thành thì tự nhiên cái lương tri lương năng của mình tức là cái Minh đức trở nên hiển huệ, xem xét điều gì cũng hiểu rõ chỗ sâu xa, làm điều gì hay là đối phó với cảnh huống nào cũng đắc kỳ trung, cũng có điều hòa, có bình hành, rất hợp đạo lý.

Trong việc Tu thân, Khổng giáo lấy sự Thành ý làm trọng yếu hơn cả. Nên Tăng Tử nói: Phú nhuận ốc, đức nhuận thân, tâm quảng thể bản, cổ quân tử tất thành kỳ ý. Nghĩa là: Giàu thì hiển hiện ra ở nhà, có đức tốt thì hiển hiện ra ở người, trong bụng rộng rãi thì thân thể có vẻ ung dung thơi thới. Bởi thế người quân tử phải giữ cái ý của mình cho thành thật. Cái ý ở trong mà thành thật thì cái đức hiển hiện ra ngoài thân thể.

Việc Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ đều bởi đó mà ra cả." (Theo Nho giáo của Trần Trọng Kim)

II. Tu thân phải làm gì?

Trong công việc Tu Thân, nên ghi nhớ các điều:

* Thấy người làm thiện thì xem xét lại mình có thiện không? Thấy người làm ác thì cũng phải xem xét lại mình có ác không?

* Mình không sửa mình để dạy người là nghịch; còn sửa mình cho ngay chính để dạy người là thuận.

* Có lỗi mà không sửa, ấy là người lỗi vậy.

* Vui thấy người thiện, vui nghe sự thiện; vui nói lời thiện, vui làm điều thiện.

* Người nói những điều xấu của ta là thầy ta; kẻ nói những điều hay của ta là hại ta.

* Thuốc hay đắng miệng, lời ngay thật ích lợi cho việc sửa mình.

* Có cha mẹ mà không báo đáp, lại muốn con cái phải hiếu thảo với mình, là không biết lượng xét.

* Có anh mà không biết kính trọng, lại đòi em phải vâng lời mình, là không biết lượng xét.

* Muốn xét người, trước phải xét mình; mình nói xấu người tức là mình tự xấu.

* Tự mãn là hỏng, tự kiêu là khờ, tự hại ấy là nhẫn.

* Người không phải chớ giao thiệp, vật không phải nghĩa chớ lấy, giận không phải chỗ chớ nên, việc không phải lẽ chớ nói.

* Cẩn thận thì không lo, nhường nhịn thì không nhục, bình tĩnh thì thường yên, tiết kiệm thì thường đủ.

Muốn sửa mình thì phải giữ theo Đạo. Muốn giữ theo Đạo thì phải có lòng Nhân. Nhân là đức căn bản sanh ra các đức tốt khác, là đầu của các điều thiện.

Vào đạo Tu thân, phải xem kinh đọc sách đạo, học tập Thánh ngôn Thánh giáo để thanh lọc tư tưởng, gội rửa tánh xấu, hầu xa lìa những ngôn ngữ tổn đức thất nhơn tâm, tránh không làm những điều tội lỗi, tập làm những điều nhân việc thiện, ban đầu hơi ngỡ ngàng đối với người đã quen tánh cũ, nhưng phải cố gắng bền chí thanh lọc ngày ngày tháng tháng trong câu: *Nhật tu nguyệt tăng, hay Nhật nhu nguyệt nhiễm.*

Dòng nước sông mức vào trong chậu, để yên sẽ được lắng trong phần trên, thái hồi phân căn cẩu. Người tu hành siêng năng bền chí thanh lọc trau sửa bản tâm bản tánh, lần hồi sẽ trở nên thuần lương thánh thiện.

Phật Tiên Thần Thánh ngày nay, ngày xưa được trọn lành trọn tốt đều phải trải qua những giai đoạn thanh lọc ấy. Có nhiều bậc Phật Tiên Thần Thánh trước kia cũng mang thể xác làm người, cũng lâm vấp những thói hư tật xấu như ai, nhưng nhờ biết khiêm tốn học hỏi, biết phục thiện để chữa lỗi, thâm nhận lời lành, ý hay, lẽ tốt để trau sửa bản tâm, rèn luyện bản tánh, mới có thể tiến hóa lần lần từ kiếp người đến hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đức tánh khiêm tốn, tinh thần phục thiện là món bửu bối quý giá để giúp người tu thân hành đạo có được những cử chỉ khả ái, tác phong dễ thương, tư cách đức độ, việc làm nhân từ khả dĩ gây được bầu không khí hiền hòa với những người đối diện. Đó là TU vậy.

Tu là sửa đổi từ dữ ra hiền, từ hư được nên, sửa đổi từ xấu thành tốt, từ phạm nhân ra Thánh nhân.

Tu cũng là tu bỏ những chỗ hư hỏng thiếu sót để được hoàn mỹ chí thiện chí nhân vậy.

Nếu không sửa đổi cải thiện, nếu không khiêm tốn học hỏi điều lành, nếu không phục thiện để nhận chỗ sai hầu chữa cải thì dầu tu trọn đời mãi kiếp, phạm nhân vẫn là phạm nhân, luân hồi chuyển kiếp vẫn trong vòng chuyển kiếp luân hồi.

III. Đức Chí Tôn dạy về Tu thân:

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về Tu thân, phải thực hành hằng ngày hằng bữa và liên tục:

"Phải thường hỏi lấy mình, khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa và lương tâm có điều chi cần rút chằng. Nếu phận sự còn

nét chưa rồi, lương tâm chưa được yên tịnh thì phải biết cải hóa, rằng sức chuộc lấy lỗi lầm đã làm thì các con có lo chi chẳng bì bức Chí Thánh.

Thầy mong mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình thì lấy làm may mắn cho nền Đạo, rồi các con sẽ được thông dong treo gương cho kẻ khác." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 69)

Hạnh Đường Huấn Luyện Lễ Sanh đặt ra 10 câu tự hỏi sau đây để giúp cho việc Tu Thân:

"Vậy mỗi buổi tối, chúng ta nên kiểm điểm sự hành động của ta trong ngày và tự hỏi:

1. Ta có ích kỷ không?
2. Ta có phạm Ngũ giới cấm không?
3. Ta có làm việc chênh mảng không?
4. Ta có làm ngơ trước một điều thiện nhỏ nào không?
5. Ta có làm điều gì phạm danh giá người không?
6. Ta có làm hại ai không?
7. Ta có xúi giục người làm quấy không?
8. Ta có làm gì trái luật nước không?
9. Ta có làm gì trái thuần phong mỹ tục không?
10. Ta có làm điều gì bất công không?

Mỗi ngày cứ tập xét mình như vậy mãi, hễ nhận thấy mình đã làm điều chi thuộc 10 câu tự vấn ấy, tức khắc phải lo chữa cải, mỗi ngày cải tiến một ít, lần lần ta sẽ hoàn toàn quay về với lẽ phải.

Ngoài những phương pháp tu dưỡng cao siêu riêng dành cho bậc thượng thừa, những qui tắc vừa kể trên đây rất hợp với chư thiện tín, mà vấn đề không có điều chi bó buộc khó khăn và cũng không một mảy may nào gọi là yếm thế, dị đoan, mê tín."

CÁCH XUNG HỒ

- Cách xung hồ.
- Hạnh khiêm nhường.

I. Cách xung hồ.

Trong Đạo Cao Đài, cách xung hồ giữa Chức sắc và tín đồ cần phải có tánh cách khiêm tốn và có vẻ đạo, nên Hội Thánh ban hành Huấn Lệnh dạy rõ sau đây:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

(Nhị thập thất niên)

Số: 211/ CV.

TÒA THÁNH TÂY NINH

HUẤN LỆNH

THÁI, THƯỢNG, và NGỌC CHÁNH PHỐI SỰ

Gởi cho chư vị Thiên phong Chức sắc, toàn đạo.

Chư Hiền huynh, Hiền tỷ,

Nhận thấy công văn về mặt Đạo, có một phần ít Chức sắc không mấy rành cách xung hồ cùng nhau cho y một khuôn khổ.

Muốn bỏ khuyết điều ấy và do nơi sự đề nghị của Hội Thánh, Đức Hộ Pháp đã phê chuẩn Huấn Lệnh này, xin chư Hiền huynh, Hiền tỷ do theo các danh từ xung hồ cùng nhau kể dưới đây mà dùng trong các công văn của Đạo.

- Giáo Tông và Hộ Pháp xưng: **Bản đạo**.
- Chưởng Pháp và Đầu Sư xưng: **Tinh tế**.
Tinh là tinh vi, thuần túy, Tế là tế độ chúng sanh.
- Chánh Phối Sư và Phối Sư xưng là: **Tiện minh**.

Tiện là tiếng khiêm tốn, ám chỉ là còn thiếu kém tài đức.

Minh là sáng, minh mẫn, lấy trí khôn mà xét đoán việc hành sự.

4. Giáo Sư xưng là **Tiện hiền**.

Chữ Tiện, như đã giải ở trên. Chữ Hiền, là hiền đức, hiền lành. Đức Chí Tôn đã ban cho 72 Giáo Sư là Thất thập nhị Hiền thì tính cách xung hồ của Giáo Sư có chữ Hiền, hiểu nghĩa trắng, thiết tưởng cũng không quá đáng.

5. Giáo Hữu xưng là **Tiện đệ**.

Chữ Tiện, như đã giải ở trên. Chữ Đệ là em, mà có nghĩa trong số Tam thiên Đồ đệ của Đức Chí Tôn ban cho.

6. Lễ Sanh xưng là **Thiểu phẩm**.

Thiểu là ít, là nhỏ, xưng là chức nhỏ một cách khiêm cung. Lễ Sanh là người có hạnh đức hơn hết trong chư môn đệ của Đức Chí Tôn mà dùng chữ khiêm tốn xưng mình thì giá trị càng cao.

Luận một cách tổng quát, Chức sắc nhỏ đối với Chức sắc lớn hơn, có thể gọi là **Hiền huynh**, còn mình tự xưng là **Tiện đệ**, còn bề trên xưng với cấp dưới thì tự gọi là **Tiện huynh**, kêu em là **Hiền đệ**.

Luận về hai tiếng: Ông và Ngài hay dùng thường thức trong Đạo:

- Từ Tín đồ đến Giáo Hữu thì dùng chữ **ÔNG**.
- Từ Giáo Sư trở lên mới dùng chữ **NGÀI**.
- Trong việc liên quan giữa gia đình thân thuộc thì cứ giữ tiếng xung hồ như xưa nay: cô, bác, cậu, dì, anh, chị, em, cháu,....

Đặc biệt, riêng về Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp thì phải đề trên các văn kiện:

Bạch Đức Giáo Tông hay

Bạch Đức Hộ Pháp,

Kế đó là: Bạch Đức Ngài, dài theo câu chuyện nếu lập đi lập lại thì đề Bạch Đức Ngài luôn.

Trên văn kiện chánh thức gởi cho Chức sắc cấp trên thì phải đề chức phẩm.

Thí dụ như: Giáo Hữu mà gởi cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư thì đề:

Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh, Khâm Châu Đạo Cần Thơ,

Kính gởi: **Ngài Quyền Ngọc Chánh Phối Sư.**

Hàng dưới cách khoảng thì đề:

Kính Ngài Quyền Ngọc Chánh Phối Sư,

Rồi trong văn kiện thì xưng hô như cách đã chỉ trên, hoặc dùng tiếng chung mà gọi người là **Hiền huynh**, xưng là **Tiện đệ**.

Bên nữ phái, trên đối với dưới thì xưng là **Tiện tỷ**, gọi em là **Hiền muội**, dưới đối với trên thì gọi bề trên là **Hiền tỷ**, xưng mình là **Tiện muội**.

Vậy, từ đây, xin chư vị Chức sắc nam nữ tuân theo Huấn Lệnh này, tùy giai cấp mà xưng hô cùng nhau và ban hành cho toàn Đạo đăng rõ.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 15-7-Nhâm Thìn
(dl 3-9-1952).

Nữ Chánh Phối Sư (ấn ký)	Q.Thái CPS (ấn ký)	Q.Thượng CPS (ấn ký)	Q. Ngọc CPS (ấn ký)
Hương Hiếu	Thái Khí Thanh	Thượng Sáng Thanh	Ngọc Non Thanh

II. Hạnh khiêm nhượng.

"Khiêm nhượng là hạ mình để nhường người, để tặng người trên mình.

Kẻ tài sơ mà biết khiêm nhượng, người tài giỏi mới vui dạ dặt dìu chỉ bảo. Người học giỏi biết khiêm nhượng, kẻ tài sơ mới đem lòng mến phục. Nên biết rằng đầu mình tài cao trí sáng bậc nào cũng có người khác giỏi hơn mình.

Vả lại, nếu đem cái học lực hữu hạn của ta mà so sánh với biển Thánh mênh mông, rừng nhu thăm thẳm thì có thấm tháp vào đâu mà hòng tự đắc?

Vì vậy mà Thánh hiền xưa đã nói: Học chừng nào càng thấy mình dốt chừng nấy.

Thánh hiền xưa thì vậy, còn người đời nay phần nhiều hể mở miệng ra là khoe mình giỏi, không đợi ai khen. Cái tánh tự kiêu ấy làm cho con người như mù quáng, nên hể việc chi của mình làm, lời chi của mình nói, đều cho là phải cả, rồi hui hui tự đắc. Người như vậy không bao giờ thấy chỗ lỗi của mình mà sửa đổi, hoặc chỗ dở của mình mà học hỏi cho hay.

Người tài giỏi chẳng cần khoe khoang, người ta cũng biết; kẻ dở mà cố khoe khoang, người ta đã không mến phục lại còn khinh bỉ là khác." (Trích B 12 Huấn Luyện Lễ Sanh)

"Đức Chí Tôn hằng dạy môn đệ của Ngài qua một đoạn Thánh giáo như sau:

Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đăng độ rồi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhượng là thế nào! Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ.

Hạnh khiêm nhượng là hạnh của mỗi đấng phải noi theo gương Thầy, mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhượng sao cho bằng Thầy.

Đức Không Thánh hằng dạy chư môn đệ:

Dầu mình có thông minh đến bậc nào cũng phải xem mình như ngu dốt; dầu mình có công cao hơn thiên hạ cũng phải nhường người; dầu mình có sức mạnh hơn đời cũng coi mình như mềm yếu; dầu mình giàu có đầy bốn biển cũng coi mình như nghèo nàn vậy.

Ấy là hạnh khiêm nhượng của các bậc cổ nhân như thế là phương hay để giữ gìn thực lực của mình, không để cho tánh kiêu sa phóng túng, tính tự đắc tự kiêu là cái nhược điểm của tâm lý thường tình xô đẩy vào nẻo quấy, có hại cho tinh thần đạo đức.

Phàm làm người có tài năng là nhờ có tâm đức trước hết, nếu không khéo giữ gìn được tâm đức mà tự đắc tự kiêu thì tài năng quán thế cũng trở nên tối tăm tiêu tán, lắm khi còn đưa mình đến nơi hoạn nạn là khác....

Chỉ có tinh thần đạo đức là đáng cho chúng ta trông cậy mà khỏi sợ bị lầm lạc. Tinh thần đạo đức lấy nhỏ nhen, khiêm nhượng làm cốt yếu.

Thế nên qua các giáo điều của Thánh nhân lưu truyền giác thế đều khuyên dạy nên học tánh khiêm cung hòa nhã để làm phương hay xử thế, tiếp vật cho được ôn nhu dè dặt, mới tránh khỏi sai lầm.

Ví bằng tự kiêu tự đắc, tức là buông trôi theo mặt sóng của thế tình, sao cho khỏi vùi dập mảnh thân phàm mà nhiều phen khốn đốn.

Hạnh khiêm nhượng là hạnh bảo vệ thân tâm quý báu nhứt, vì hễ làm người bắt đầu tự kiêu là bắt đầu bước trên đường nguy vong đó vậy.

Đời sống khiêm tốn là đời sống thanh cao khoáng đạt nhứt, có thể bảo tồn được thân tâm dù trải qua bao nhiêu sự tàn phá của thời gian....

Vì vậy, đức tánh khiêm nhượng là đáng cho ta quan tâm hơn hết." (Trích Hạnh đường Huấn luyện Lễ Sanh)

MA KHẢO

- Khảo thí: - Công quả. - Đạo đức.
- Ma khảo: - Nội khảo. - Ngoại khảo. - Thuận khảo. - Nghịch khảo.

I. Khảo thí:

Khảo là thử thách khả năng để xem xét trình độ. Thí là thi. Khảo thí là mở ra một cuộc thi để xem xét khả năng và trình độ của thí sinh.

1. Trường thi công quả:

TNHT: *"Một trường thi công quả, các con muốn đến đứng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi."*

Có trường thi công quả tất có cơ khảo thí theo phép công bình thiêng liêng. Nếu muốn đoạt thủ địa vị nơi trường thi ấy, người hành đạo phải có **công quả xứng đáng** và **đức hạnh hoàn toàn**. Chịu thử thách mà không sa ngã mới đáng đứng và hàng Tiên Thánh.

Đức Chí Tôn mở trường thi công quả và giao cho Đức Di-Lạc Vương Phật làm chủ khảo chấm thi đậu rớt.

Cho nên, mỗi tín đồ Cao Đài đều có một cuốn Bộ công quả, mỗi khi làm được một công quả nào thì chư Thần Thánh biên chép vào cuốn Bộ ấy, để sau khi qui liễu, Đức Di-Lạc xem xét Bộ công quả mà chấm thi đậu rớt.

Kinh Tiểu Tường có câu:

Bộ công Di-Lạc Tam Kỳ độ sanh.

Ấy là khảo thí về công quả.

Ngoài ra Đức Chí Tôn còn khảo thí về đạo đức, hay hạnh đức của tín đồ nữa, bởi vì muốn được vào Tiên tịch thì phải có hai điều kiện:

- Công quả xứng đáng,

- Hạnh đức hoàn toàn.

2. Trường thi đạo đức:

TNHT: *"Thầy đã nói: Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, nó hằng thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đáng là đạo đức của các con."*

Thầy lại khuyên các con gìn giữ bộ thiết giáp cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 26)

Cuộc khảo thí này là về phần đạo đức, Đức Chí Tôn giao cho bọn Ma vương làm giám khảo, mà Đức Chí Tôn nói bọn nó là lũ hổ lang.

Cho nên, cuộc thi này rất khó khăn, bởi vì lũ Ma vương luôn luôn ở kề cận thí sinh, ý muốn đánh rớt thí sinh hơn là muốn cho thí sinh thi đậu, nên bày ra nhiều thứ cạm bẫy để lừa gạt thí sinh.

Luật công bình thiêng liêng không để thầy làm giám khảo cho trò, vì e ngại thầy thương trò mà nương tay không nỗ lực đánh rớt, nên phải giao cho người khác.

Đức Chí Tôn đã dạy dỗ chúng ta đủ các môn học, rèn luyện chúng ta cho hay cho giỏi, để rồi đến kỳ thi thì giao cho:

- Đức Di-Lạc làm giám khảo chấm thi công quả.

- Ma Vương làm giám khảo chấm thi đạo đức.

Có như vậy, việc chúng ta thi đậu mới có giá trị cao, mới xứng đáng làm môn đệ của Đức Chí Tôn, mới được Đức Chí Tôn ban thưởng cho những phẩm vị cao quý thiêng liêng.

II. Ma khảo:

Ma khảo là ma qui thử thách tâm đức, phẩm hạnh của người tu để xem có xứng đáng đắc đạo cùng chăng.

Thường thì Chánh Tà tương khắc. Hễ Đạo khai thì Tà khởi. Đạo không ma khảo, Đạo khó thành; ma không Đạo khai, ma không được dịp mở cơ thành vọng.

Ma khảo có nhiều cách, đại khái như:

- Mạo danh Tiên Phật, dối ban huyền diệu cốt mê hoặc người tu phải xa đường chánh giáo.
- Giục người thấy sắc đẹp mê sa, thấy tiền bạc hay danh lợi thì ham muốn.
- Hóa ra nhiều việc lạ lùng quái gở làm cho người tu sợ hãi mà bỏ dở công phu.
- Chiêu theo sở dục của con người mà cám dỗ, tức là đánh ngay chỗ yếu của mỗi người.
- Bày bố những khó khăn gay cấn nguy hiểm làm cho người tu thôi chí ngã lòng.

Các Đấng Tiên, Phật đều nói trước rằng: *"Vô ma khảo bất thành Đại Đạo, Đạo bất khảo bất thành Phật."*

Xưa, Đức Chúa Jésus, Đức Phật Thích Ca, trước khi thành đạo, phải chịu cho Satan, Quỷ vương, khảo đảo đủ cách, khi không lay chuyển được thì Quỷ vương mới chịu phục và các Đấng ấy mới thành đạo.

Đức Khổng Tử cũng bị khảo đảo 7 ngày giữa biên giới nước Trần và nước Thái. Đường Tam Tạng và ba đồ đệ cũng bị 81 tai nạn khảo đảo mới được thành Phật.

Vượt qua được một lần khảo đảo là trình độ tâm linh tiến hóa lên một bậc. Cho nên, nhờ Ma khảo mà các Đấng định phẩm vị cho người tu hành.

Từ cổ chí kim, chư Phật, Tiên, Thánh đều phải trải qua con đường Ma khảo mới chứng được Đạo. Người tu mà chưa biết Ma khảo thì chưa biết giá trị tu hành.

Chúng ta tin chắc rằng, mỗi lần bị khảo mà không ngã là mỗi lần chúng ta được lên một nấc thang tấn hóa đó, nhưng không phải chỉ bị Ma khảo một hay hai lần là đủ, mà chúng ta sẽ bị Ma khảo nhiều lần, bởi vì con đường tấn hóa của chúng ta có nhiều cấp bậc.

Mặt khác, thời ĐĐTKPĐ, cửa Đạo mở rộng, nhưng chân giả khó phân. Có người chơn tu, có người mượn danh Đạo tạo danh đời, làm cho những người chơn tu bị mắc oan. Cho nên các Đấng thiêng liêng cho Ma khảo để lựa chọn người chơn tu, loại ra những kẻ giả tu. Kẻ giả tu, sau cơn thử thách thì họ đều hiện rõ cái nguyên hình giả tạo.

Đức Chí Tôn cũng đã có nói trước rằng: *"Thầy làm ra mặt các con coi."*

Cho nên, nếu không có Ma khảo thì làm sao phân biệt hai điều chơn giả, chánh tà?

Vậy người tu hành phải chịu luật khảo thí và phải kiên tâm trì chí lướt qua mọi cơn thử thách.

Về Ma khảo, có thể chia ra 4 cách khảo:

- | | |
|---------------|----------------|
| - Nội khảo, | - Ngoại khảo, |
| - Thuận khảo, | - Nghịch khảo, |

1. Nội khảo:

Khi cầu đạo rồi, quyết tâm từ bỏ đường đời để lập thân hành đạo thì người tu thường bị tai nạn, hay bệnh hoạn,... Do đó, nhiều người rất sợ, không muốn vào Đạo và lại còn biếm nhẽ rằng, người tu hành đạo đức mà sao bị tai nạn liên liên! Điều này không có gì là nghịch lý, khi chúng ta hiểu Đạo thì sẽ thấy rất rõ ràng.

Đức Chí Tôn cũng có dạy trước rằng:

*Ức lòng dễ tỏ đặng cùng ai,
Hiền đức mà sao chịu khổ hoài.
Lão nói tỏ tường cho đó hiểu,
Cũng là vay trả luật xưa nay.* (TNHT)

Chúng ta tự hỏi tại sao có chuyện kỳ lạ như vậy?

Bởi vì các chủ nợ oan nghiệt thấy vị này tu hành rồi, e sau này đắc đạo thì rất khó đòi được nợ, nên xúm nhau đến đòi nợ liên liên.

Người tu cần phải lập chí nhẫn nại, cam lòng chịu đựng, không trách móc than van, không oán hờn, vì các món nợ oan nghiệt ấy là của mình và do mình gây ra từ nhiều kiếp trước. Chúng ta cần trụ vững đức tin nơi Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, ráng lo lập đức lập công để tiêu trừ bớt oan khiên nghiệp chướng, vượt qua các cơn khảo đảo. Dần dần, các oan nghiệt sẽ bớt đi, và con đường đạo sẽ được êm chơn tiến bước.

2. Ngoại khảo:

Khi mới bước chân vào đường Đạo thì thường bị thân nhân phản đối, bạn bè hủy báng, hàng xóm chê cười, v.v... đều thuộc ngoại khảo. Có khi bị người lấy oán báo ơn, bị xuyên tạc, bị hàm oan, bị vu khống, v.v... khiến người tu không đủ kiên nhẫn để nhịn nhục, nên nổi giận chống đối quyết liệt.

Người tu phải ráng giữ vững đức tin, dùng sự ôn hòa và tận tụy giúp đỡ mọi người, nhứt là những người chỉ trích mình hay làm hại mình, cầu xin Ông Trên hộ trì giúp sức cho mình sớm vượt qua cơn khảo đảo.

Đức Chúa đã nói: Kẻ nào đánh vào má bên trái của ta, ta đưa má bên phải cho nó đánh luôn một thể.

Đức Phật Di-Lạc cũng có nói: Có người chửi vào mặt Lão chuyết, Lão chuyết cười hì hì; nếu nhỏ nước

miếng vào mặt ta, cứ để vậy cho nó khô, khỏi cần phí công lau chùi, làm cho kẻ nhỏ cũng được vui.

3. Thuận khảo:

Có hai mặt: Thánh và phàm.

- **Mặt Thánh:** Được bậc bề trên khen thưởng, được kẻ hậu học ủng hộ, dần dần trở nên đắc ý, hợm mình, rơi vào con đường danh của Đạo mà trở thành ngạo mạn, bỏ quên phần đạo tâm ở phía sau lưng.

Khi được bậc trên thương yêu, hậu học xem trọng, thì càng phải tự cảnh tỉnh lấy mình. Tài bao nhiêu, đức bao nhiêu mà được ân sủng như vậy? Trong lòng phải luôn luôn cảm tạ ơn đức của các bậc huynh tỷ bề trên, thương yêu đoái hoài đến đàn hậu học, khiêm tốn nhúng nhường, nâng đỡ đàn hậu học, làm gương mẫu cho đàn em noi bước. Đó là cách biến Thuận khảo thành bậc thang tiến hóa của tâm hồn.

- **Mặt phàm:** Buôn bán phát đạt, thăng quan tiến chức, thành công mọi mặt, vợ chồng nặng tình ân ái khó lìa. Trong hoàn cảnh hân hoan đắc ý như thế, người tu dần dần trọng phàm khinh Thánh, biến tu đạo thành tu đời, mà quên đi lời Minh thệ lúc ban đầu.

Muốn thoát vòng tục lụy này, người tu phải biết rằng, những cái thành công đắc ý đó là do cái nhân tốt mà mình đã gây ra trong kiếp trước. Nếu không lo vun trồng cái nhân tốt ấy, thì chỉ hưởng một thời gian rồi hết. Cho nên càng đắc thế càng giàu sang thì càng phải lo lập công đức, tôn kính Thần Thánh, giúp đỡ mọi người về vật chất hay về tinh thần trong một tình thương yêu chơn thật.

4. Nghịch khảo:

Có hai mặt: Thánh và phàm.

- **Mặt Thánh:** Người tu gặp các bậc bề trên vô tình, có công không được thưởng, vô cớ bị phiền trách, đối với cấp dưới thì không được hậu học kính trọng. Bao lâu khổ công hy sinh lo cho Đạo nghiệp, nay bị nghịch cảnh khảo duột, làm người tu nản lòng thối chí.

Khi gặp Nghịch khảo như thế, chớ nên sanh lòng căm hờn, mà nên luôn luôn xét lấy mình, vì Đạo thuộc vô vi, tấm lòng son sắt có Trời cao soi xét, việc khen thưởng hay chê bai nơi cõi trần này là không đáng kể. Luôn luôn giữ lòng trong sạch không dối, càng bị hàm oan, càng chịu đựng trong quyết tâm tu hành thì càng được cao thăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.

Gương xưa như nàng Thị Kính, rồi sãi Kinh Tâm, chịu hàm oan khổ nhục biết bao nhiêu mà kể, nhưng vẫn âm thầm chịu đựng, không than không oán, vẫn quyết lòng tu niệm, mới đắc thành Phật vị.

- **Mặt phàm:** Khi phát tâm hành đạo, cha mẹ không thích, vợ con ngăn cản,... ..., việc làm không thuận, cấp trên khinh khi, cấp dưới lòn mặt, đó là Nghịch khảo.

Gặp cảnh này, ta phải an phận, kiên nhẫn lấy đức cảm hóa mọi người, rồi dần dần hoàn cảnh cũng thay đổi, trở nên thuận bề vui vẻ.

Sau khi cầu đạo lo việc tu hành thì việc làm ăn thất bại, vợ chồng gây gỗ, con cái bất bình,... đều thuộc về Nghịch khảo.

Người tu phải hiểu thấu suốt lý nhơn quả. Vợ chồng hay con cái đều là duyên nợ, duyên tốt hay xấu, dài hay ngắn, đều là nhân đã kết tập từ kiếp trước. Tiền tài, nhà cửa, ruộng đất, chỉ là thân ngoại vật, sinh ra không mang đến, chết rồi cũng không mang theo được.

Hiểu rõ như thế, thì sự vinh hoa, đắc thất như một giấc chiêm bao. Trong lòng cứ thản nhiên như đám mây bay trên trời, hay như dòng nước chảy.

Đường đạo đã trải qua, chúng ta thấy rõ việc tu hành gặp không biết bao nhiêu trở lực, nào là người hữu ý hay vô tình kích bác, cho đến bà con cật ruột cùng bạn thân yêu buổi trước mà nay thấy chúng ta tu hành, họ cũng đem lòng nhạo báng, nào là kẻ gây điều khó để mong phá hoại việc tu.

Chúng ta lại gặp nhiều nghịch cảnh: tiền tài thiếu thốn, tật bệnh triền miên, hoặc những nổi bất bình, những điều thống khổ, để khiến chúng ta ngã lòng thối bước, nếu không nhẫn nại và vững đức tin.

Phần trên vừa trình bày chi tiết tất cả hình thức Ma khảo người tu, nhưng không phải người tu nào cũng bị Ma khảo như các trường hợp kể trên. Ma chỉ khảo chỗ nào yếu kém của người tu mà thôi. Đây có thể xem là cái tài giỏi của Ma vương, vì nó biết người tu này yếu chỗ nào, người tu kia yếu chỗ kia, để mà khảo đúng ngay chỗ đó cho người tu dễ rớt.

Trong các đề tài: danh, lợi, quyền, nộ, ô, ai, dục, tửu, sắc, tài, khí, người tu yếu về chữ nào thì nó biết nó khảo ngay thứ đó. Người tu nào còn ham tiền thì nó dùng tiền vàng để thử, người tu nào còn ham sắc thì nó dùng sắc đẹp để thử, người tu nào còn háo danh thì nó dùng chức này tước nọ để thử, vv . . .

Ma không hình tướng, tùy theo lòng ham muốn của người mà nó hiện ra, nếu thấy sắc dục lòng tà thì bị con ma sắc thừa cơ làm hại. Nếu chưa làm chủ được tánh nộ thì mỗi khi phát nộ, nghiêng răng trợn mắt, đỏ mặt tía tai, nói năng bấu lấu, . . . thì đó là hiện thân của con ma nộ vậy.

Con người nơi cõi trần tiêm nhiễm quá nhiều vật chất qua nhiều kiếp, nên lục dục thất tình luôn luôn dấy động. Nhờ Ma khảo mà biết được chỗ yếu kém của mình

để cố gắng sửa đổi, dần dần bản tánh hóa thuần mà hợp với Thiên tánh.

Mỗi khi bị khảo, không nên sanh lòng oán hận, mà phải thuận tùng tiếp nhận, nhẫn nại vượt qua, vì mỗi lần khảo là mỗi lần bớt được một số nợ oan nghiệt của kiếp trước. Một khi đã vượt qua một cơn khảo đảo thì đường Đạo dễ đi hơn.

Tóm lại, cơ Đạo có Nội khảo, Ngoại khảo, Nghịch khảo, Thuận khảo, là những phương pháp trui rèn lòng người tu hành cho ra cao thượng. Vàng không trui lửa, ai biết vàng cao; ngọc chẳng giồi mài, ai hay ngọc quý.

Trong các cơn khảo đảo, người tu cần phải giữ hai điều cốt yếu sau đây:

- Giữ vững đức tin, tin tưởng mạnh mẽ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, là hai Đấng Cha Mẹ chung thiêng liêng.

- Giữ chặt cái tâm, không vọng động, cho an nhiên thanh tịnh, không ham không muốn, không gì hết ráo, thì mọi sự thử thách của quỷ ma chỉ như luồng gió thoảng.

Mỗi lần bị Ma khảo, mỗi lần vượt qua là mỗi lần đạo tâm tiến lên một bậc cao hơn, và lần lần tiến hóa lên những bậc cao dần, cuối cùng thì được trở về ngôi vị cũ nơi cõi TLHS.

NHƠN SANH QUAN

- Nguồn gốc của loài người.
- Con người có linh hồn không?
- Con người khi chết đi về đâu?
- Đầu thai và chuyển kiếp.
- Địa vị con người trong vũ trụ.
- Quan niệm về Thượng Đế.
- Quan niệm về Quỷ vương.
- Thiên đàng và Địa ngục - Cõi Âm quang.
- Quan niệm đúng đắn về cuộc sống.
- Phần kết.

Nhơn sanh quan (Nhân sinh quan) là một hệ thống tư tưởng triết học xem xét về nguồn gốc của con người, sự sống sự chết, mục đích và ý nghĩa của đời sống con người.

Nhân sinh quan của Đạo Cao Đài thuộc về triết học Duy Linh Duy Nhất, vượt lên trên triết học Duy Tâm và Duy Vật, mà còn dung hợp được hai quan niệm này.

Nhân sinh quan của Đạo Cao Đài sẽ giải đáp một cách minh bạch các vấn đề sau đây:

Nguồn gốc của loài người. Con người từ đâu tới?

Con người có Linh hồn không? Linh hồn là gì?

Khi thể xác chết đi, Linh hồn xuất ra đi đâu?

Con người đầu thai xuống cõi trần bằng cách nào?

Thượng Đế là ai? Thượng Đế và con người.

Quỷ vương là ai? Thiên đàng và Địa ngục.

Mục đích cuộc sống của con người.

I. Nguồn gốc của loài người.

Đạo Cao Đài xác nhận rằng, loài người nguyên thủy có được là do sự tiến hoá của loài khỉ vượn thuộc

lớp động vật cao cấp mà thành. Điều này được chứng minh bằng Định luật Tiến hóa của chúng sanh và của Bất hồn.

1. Luật Tiến hóa của chúng sanh.

Chúng sanh là các loài sanh vật, tức là các loài vật có sự sống được sanh ra trên mặt Địa cầu này, gồm: Vật chất Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm và Nhơn loại.

Khởi thủy, quả Địa cầu của chúng ta chỉ là một khối lửa văng ra từ Mặt Trời. Theo thời gian, khối lửa ấy nguội dần, tạo ra một lớp vỏ đất đá bao bọc bên ngoài. Đến lúc nhiệt độ hạ xuống khá thấp, lớp hơi nước được tạo thành bao bọc chung quanh Địa cầu, gây ra những đám mưa lớn rơi xuống, tạo nên các sông ngòi và biển cả.

Nước của sông và biển làm ổn định nhiệt độ của Địa cầu, nên sanh vật bắt đầu xuất hiện trong nước.

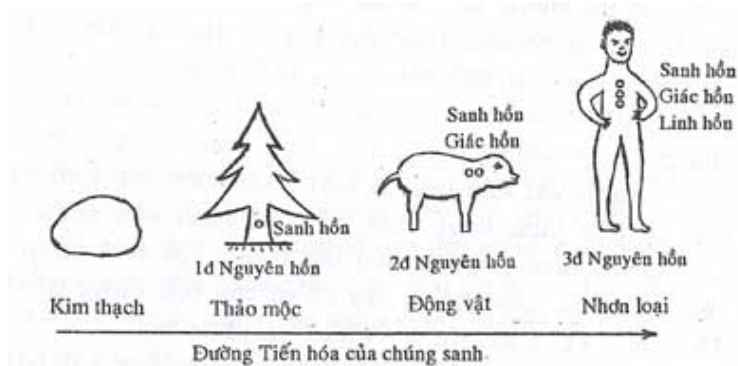
Sanh vật đầu tiên là loài Thảo mộc đơn giản chỉ có một tế bào (đơn bào). Dần dần nó sanh sản thêm bằng cách phân bào, rồi tiến hóa lên thành các loại nấm, rong rêu, tiến hóa tiếp thành cây cỏ và cây cối. Càng tiến hóa, Thảo mộc càng to lớn, rắn chắc và phức tạp.

Một thời gian dài tiếp theo, loài động vật bắt đầu xuất hiện. Động vật đầu tiên xuất hiện trong nước, có cơ cấu đơn giản chỉ một tế bào (đơn bào). Dần dần nó sanh sản và tiến hóa lên thành các loài sứa, loài cá, rồi tiến hóa thành các loài động vật sống trên cạn có chân, tiến hóa lên nữa thành loài thú chạy, thú bay. Loài động vật có trình độ tiến hóa cao nhất là giả nhân thuộc loài khỉ vượn.

Trong loài khỉ vượn, ở cấp thấp chúng có thân hình nhỏ và có đuôi. Chúng tiến hóa lên thành loài khỉ vượn cao cấp gọi là giả nhơn, có thân hình to lớn không đuôi.

Một thời gian dài tiếp theo, loài giả nhơn tiến hóa lên thành loài người nguyên thủy. Giả nhơn còn di chuyển bằng bốn chi, tiến hóa lên thành người nguyên thủy thì đi bằng hai chân sau, hai chi trước trở thành hai tay để cầm bắt và hái lượm trái cây. Hình vóc cũng lần lần biến đổi, tương đi đứng thẳng, lông trên thân thể rụng dần, cái đầu nở to, bộ óc phát triển lớn dần.

Chúng ta có thể tóm tắt sự tiến hóa của chúng sanh bằng hình vẽ sau đây:



(hình vẽ sự tiến hóa của chúng sanh với 3 nguyên hồn)

- Loài Kim thạch có sự sống chưa thể hiện rõ rệt, nó chỉ là sự liên kết của các tế bào tạo thành tinh thể rắn chắc. Loài kim thạch hoàn toàn không có tri giác.

- Loài Thảo mộc, được Thượng Đế ban cho một điểm nguyên hồn để làm Sanh hồn, tạo nên sự sống. Điểm nguyên hồn này được Đấng Thượng Đế rút ra từ khối Đại hồn (Đại Linh Quang) của Ngài.

Loài Thảo mộc chỉ có sự sống mà chưa có tri giác.

Loài Thảo mộc cấp cao thì lá biết khép lại khi đêm xuống hay khi bị đụng chạm, như cây su đũa, cây mắc cở; vài loại Thảo mộc có cánh hoa phát ra mùi thơm để dụ côn trùng bay đến rồi khép các cánh hoa ấy lại để bắt côn trùng mà hút thịt và máu. Như thế, chúng đã có

chút ít tri giác nhưng rất thô sơ, gần như chỉ là những phản xạ tự nhiên.

- Tiến lên là loài Động vật, được Thượng Đế ban thêm cho một điểm nguyên hồn nữa để làm Giác hồn, tạo ra sự hiểu biết, như đau đớn biết la, sợ hãi biết chạy trốn, biết đi tìm thức ăn thích hợp, biết tìm chỗ ẩn trú an toàn, biết nuôi con, có chút ít trí nhớ nhưng rất sơ sài.

- Tiến lên đến phẩm Nhơn loại, là đẳng cấp cao nhất của chúng sanh, được Thượng Đế ban thêm cho một điểm nguyên hồn nữa để làm Linh hồn, lúc đó sự hiểu biết mới được hoàn toàn.

Nhờ linh hồn, con người có được sự hiểu biết, sự suy nghĩ, phán đoán, biết được lẽ phải trái và có tánh linh.

Đến đây, con người có đủ Tam Hồn: Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn.

Những con thú mới tiến hóa lên làm người thì còn khờ khạo ngu ngây, độc hiểm, hình dáng thô kệch xấu xí, nếu chịu học hỏi tiến hóa thì chuyển kiếp đôi ba chục lần cũng đáng minh mẫn khôn ngoan và có thân hình tốt đẹp.

2. Luật Tiến hóa của Bát hồn:

Tất cả chơn linh trong CKVT, gọi là Vạn linh, được chia làm 8 bậc tiến hóa cao thấp khác nhau, gọi là Bát hồn hay Bát phẩm Chơn hồn, kể từ thấp lên cao:

- | | |
|-------------------|---------------|
| 1. Kim thạch hồn. | 5. Thần hồn. |
| 2. Thảo mộc hồn. | 6. Thánh hồn. |
| 3. Thú cầm hồn | 7. Tiên hồn. |
| 4. Nhơn hồn | 8. Phật hồn. |

- Sự Tiến hóa trong giai đoạn đầu từ Kim thạch hồn lên Nhơn hồn là sự Tiến hóa tự nhiên, do sự thúc đẩy Luật Tiến hóa, và sự tiến hoá đi lên dần dần theo từng

cấp bậc, không có sự nhảy cấp và cũng không có sự thoái cấp.

- Sự Tiến hóa trong giai đoạn tiếp theo, từ Nhơn hồn lên đến Phật hồn là do sự tu luyện của Nhơn hồn, nên Nhơn hồn có thể tiến hóa rất nhanh, một kiếp tu có thể vượt lên hai cấp, ba cấp hay bốn cấp, để đến Phật hồn; nhưng cũng có thể thoái hóa xuống loài Cầm thú khi Nhơn hồn không tu mà lại phạm vào tội đại ác.

* Con người nhờ có trí não khôn ngoan hiểu biết, phân biệt được điều hay lẽ dở, thiện ác, chánh tà, có lương tâm kềm chế, có lục dục thất tình xúi giục. Nếu biết bỏ ác theo lành, cải tà qui chánh, chế ngự lục dục thất tình và chuyển hóa chúng theo đường Thiên lý thì con người sẽ tiến hóa đi lên, tùy theo công đức nhiều ít mà đạt được các phẩm: Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

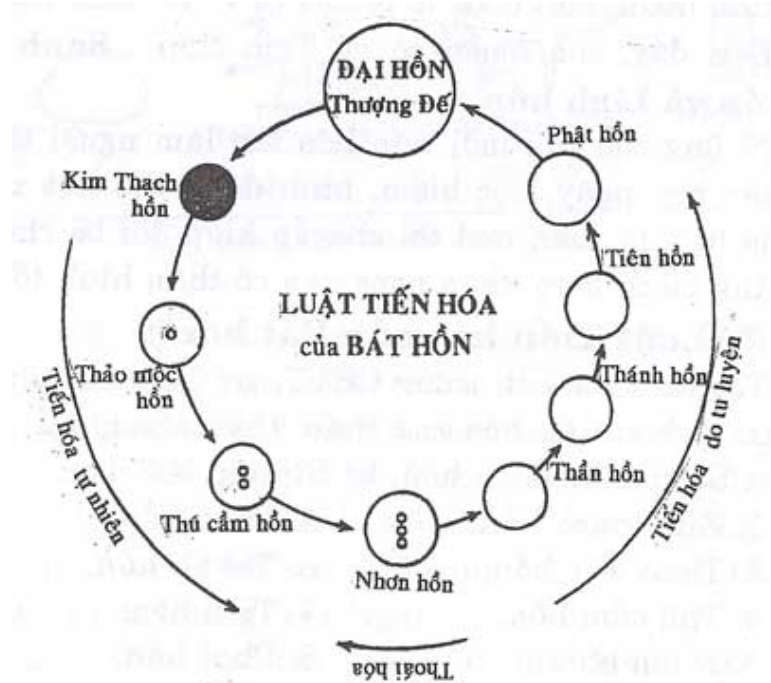
* Nếu ngược lại, con người bỏ chánh theo tà, bỏ lành làm ác theo vật dục thấp hèn thì Nhơn hồn bị thoái hóa xuống Cầm thú, mang lông đội sừng mà đền tội lỗi.

Sự Tiến hóa đi lên của Nhơn hồn, khi đã đến Phật hồn rồi thì chưa phải là đến mức tối cao của nấc thang tiến hóa. Phật hồn còn phải tiếp tục tu luyện để tiến hóa lên mức tối cao là Thiên hồn, tức Đại hồn của Thượng Đế.

Tới đây là đi giáp một chu trình tiến hóa của Bát hồn, bởi vì Bát hồn xuất phát từ Thiên hồn (Đại hồn, Đại Linh Quang), đi chu du giáp một vòng tiến hóa, nay trở về hiệp nhập vào Đại hồn.

Sự tiến hóa từ loài khỉ vượn cao cấp (giả nhơn) lên phẩm người, phù hợp với sự khám phá của các nhà khoa học và khảo cổ với chứng tích là các bộ xương hóa thạch của vượn-người, rồi người-vượn, và sau cùng tiến hóa thành người nguyên thủy, thủy tổ của nhơn loại.

Nhiều người phủ nhận nguồn gốc con người là sự tiến hóa từ loài vượn cao cấp, cho rằng như vậy là hạ thấp phẩm giá của con người, nhưng đây là sự thật đúng theo luật Tiến hóa của Càn Khôn, đúng theo Luật Tiến Hóa của Bát Hồn.



Luật tiến hóa của Bát hồn

3. Con người từ đâu tới? Ba hạng người.

Nhơn loại được chia làm ba hạng người, căn cứ theo nguồn gốc: đó là Nguyên nhơn, Hóa nhơn, Quí nhơn.

a. Hóa nhơn:

Hóa nhơn là những người do sự tiến hóa đi lên từ loài Thú cầm. Đa số trong nhơn loại đều là Hóa nhơn.

Tuy Hóa nhơn có đủ Tam hồn, nhưng ý thức còn rất ngu khờ, lại mới thoát ra từ Thú cầm, nên tánh tình còn hung dữ thô lỗ, hình dáng còn thô kệch xấu xí, chưa đủ khôn ngoan và kinh nghiệm để xây dựng đời sống tiện nghi tốt đẹp.

Đó là loài người nguyên thủy, còn trong tình trạng ăn lông ở lỗ. Thời gian này kéo dài khá lâu.

Thượng Đế thấy vậy mới cho các Nguyên nhơn khôn ngoan và tốt đẹp giáng trần để khai hóa các Hóa nhơn.

b. Nguyên nhơn:

Thượng Đế cho các Nguyên nhơn đầu kiếp xuống trần, nhập vào bào thai của các Nữ Hóa nhơn, để được sanh ra làm người, gọi là Nguyên nhơn.

Các Nguyên nhơn lớn lên có hình dáng tốt đẹp, giữ được Thiên tánh, chưa nhiễm trược trần, trí não thông minh sáng suốt, đứng ra lãnh đạo và giáo hóa các Hóa nhơn cho được hiểu biết, tiến bộ, thoát khỏi đời sống dã man ăn lông ở lỗ, xây dựng một xã hội trật tự tiến bộ.

Theo sử sách xưa để lại, chúng ta biết:

- Hữu Sào dạy dân kết cây làm tổ để ở, tránh nguy hiểm do thú dữ gây ra.

- Toại Nhân dạy dân khoan cây lấy lửa, dùng lửa nấu chín thức ăn.

- Phục Hy dạy dân nuôi thú vật để sai khiến làm lưng, chế ra lưới để bắt cá bắt chim, chế đàn cầm đàn sắt để dạy dân lễ nghĩa, qui định phép gả cưới để tạo thành gia tộc, chế ra Bát Quái để chỉ cái lẽ Âm Dương biến hóa của Trời Đất cho dân biết thuận tòng Thiên lý.

- Thần Nông dạy dân làm cày bừa, phát triển nghề nông, gieo trồng Ngũ cốc, tổ chức chợ búa để dân hội họp trao đổi hàng hóa, chế ra lịch để dân biết năm tháng

mà gieo cấy, ném thử các thứ cây cỏ để chế thuốc trị bệnh.

- Huỳnh Đế (Hoàng Đế) chế ra xe thuyền để đi lại và vận chuyển hàng hóa, chế ra áo mũ để phân định tôn ti trật tự, chế ra văn tự để ghi chép.

Những vị kể trên chỉ là điển hình của các Nguyên nhơn có công giáo hóa dân chúng, đem lại nhiều lợi ích cho nhơn sanh, nên được nhơn sanh biết ơn, tôn lên làm vua.

Theo Thánh giáo thì Thượng Đế cho tất cả 100 ức Nguyên nhơn giáng trần ở khắp nơi trên thế giới, trong đủ các sắc dân. Đã có 8 ức Nguyên nhơn làm xong nhiệm vụ, giữ được bản tánh thiên lương, nên đã trở về cùng Đức Chí Tôn, còn lại 92 ức Nguyên nhơn bị nhiễm nhiều thứ ô trược nên vẫn còn trầm luân nơi cõi trần.

(1 ức = 100 ngàn; 92 ức = 9 triệu 200 ngàn)

c. Quỷ nhơn:

Những Hóa nhơn và những Nguyên nhơn ác hành, phạm Thiên điều, linh hồn bị đọa vào Quỷ vị, thành ra các Quỷ hồn. Các Quỷ hồn đầu kiếp lên làm người nơi cõi trần để trả quả, được gọi là Quỷ nhơn.

Vậy, nhơn loại đến Địa cầu này có 2 nguồn gốc:

- Một là Thú cầm tiến hóa lên làm Người, gọi là Hóa nhơn, đó là người nguyên thủy, Thủy tổ loài người.

- Hai là từ cõi Trời, được Thượng Đế cho giáng sanh xuống làm Người nơi cõi trần, gọi là Nguyên nhơn.

Phần lớn trong nhơn loại đều là Hóa nhơn. Số Nguyên nhơn hiện nay còn lại nơi cõi trần là 92 ức. Số Quỷ nhơn trong nhơn loại cũng khá nhiều, vì đây là thời Mạt Kiếp sắp chấm dứt để bước vào Đại Hội Long Hoa, nên Đức Chí Tôn cho tất cả các Quỷ hồn đầu kiếp để thực hiện sự trả quả gấp rút và rõ ràng.

II. Con người có linh hồn không?

Ba Thể của con người:

Con người khi mới được sanh ra, hài nhi biết tìm vú mẹ để bảo tồn sự sống, khi đau biết khóc, khi đói biết la, khi khát biết uống; lớn lên một chút thì khi vui biết cười, khi giận biết la hét. Cái hiểu biết tự nhiên đó, không ai dạy mà biết, là do linh hồn của đứa bé mà Thượng Đế đã ban cho. Nếu phủ nhận linh hồn thì cái hiểu biết tự nhiên đó của hài nhi do đâu mà có?

Khi lớn lên hơn nữa, đứa trẻ nhờ sự thông minh sáng suốt mà biết được lẽ phải quấy, lẽ thiện ác; khi làm điều thiện thì nó vui vẻ, khi làm điều ác thì nó bị lương tâm cắn rứt. Cái lương tâm ấy do đâu mà có? Nó chính là sự thể hiện của linh hồn đứa trẻ và cái sự thông minh sáng suốt ấy cũng là do linh hồn của nó mà ra.

Khi đứa trẻ vào trường, học những điều khôn ngoan của người xưa truyền lại, nhờ có trí nhớ, nó thu thập được các điều đó để trở nên khôn ngoan hiểu biết thêm, trí não mở mang. Cái hiểu biết do học tập mà có là của trí não, thuộc về Chơn thần, một thể trung gian giữa Thể xác và Linh hồn.

Mặt khác, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này bằng cách dùng huyền diệu cơ bút để thông công giữa Ngài và nhơn loại ở thế giới hữu hình. Ngài muốn cho nhơn loại thấy rằng, ngoài thế giới vật chất hữu hình, còn có một thế giới siêu tuyệt hơn, thuộc về vô hình của các Đấng Thần Thánh Tiên Phật.

Hiện tượng Thông Linh học đã được nhơn loại khám phá từ giữa thế kỷ 19 với việc xây bàn nói chuyện với các Vong linh người chết của văn hào Victor Hugo tại đảo Jersey của nước Anh.

Ở Việt Nam, trong giới bình dân, người ta biết dùng một mảnh ván hòm để xây cơ ma, nói chuyện với các vong linh người đã chết. Việc làm này rất dễ dàng, ai nghi ngờ không có Linh hồn, đều có thể thử nghiệm được.

Nhưng một số người vẫn ngoan cố nói rằng Linh hồn ở đâu mà họ không thấy?

Vậy, chúng ta cũng hỏi lại rằng: Chúng ta có thấy được nguyên tử không? Có thấy con vi khuẩn không? Chắc là chưa ai thấy được, nhưng chúng ta tin chắc rằng có nguyên tử, có vi khuẩn, bởi vì các nhà bác học đã nghiên cứu tìm ra được nó, với những hệ quả rõ rệt của nó và công bố lên cho mọi người đều biết.

Tương tự như thế, vấn đề Linh hồn cũng không ai thấy được, nhưng các nhà khoa học về Thông Linh đã nghiên cứu phát hiện ra với các hệ quả rõ rệt, và các nhà tu luyện có huệ nhãn đã thấy biết được rõ ràng, nên công bố lên cho mọi người đều biết, thì đương nhiên chúng ta phải tin đó là sự thật.

Trong Giáo lý của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy chúng ta biết rằng, con người có ba Thể:

- Thể xác, thuộc về vật chất hữu hình.
- Linh hồn, thuộc về vô vi vô hình.
- Chơn thần, thuộc về bán hữu hình, làm trung gian cho Linh hồn và Thể xác.

1. Thể xác: Độ nhứt xác thân, Xác thân phàm.

Thể xác con người được gọi là Độ nhứt xác thân, hay Xác thân phàm, do tinh huyết của cha mẹ phàm trần tạo nên, lớn lên và được nuôi dưỡng bằng thực phẩm vật chất. Đến khi già nua, tế bào không còn hoạt động được nữa thì chết, thể xác thối rã biến thành vật chất trở lại.

Như thế, thể xác phàm không bền, chỉ sống được một khoảng thời gian rồi chết, nên gọi nó là Giả thân, xác thân giả tạm. Phật giáo cho rằng, xác thân phàm do Tứ đại giả hiệp, nên nó là huyễn, chỉ tồn tại một thời gian rồi phải rã tan để trở về cát bụi.

2. Chơn thần: Độ nhị xác thân, Xác thân thiêng liêng.

"Chơn thần là gì? Là Nhị xác thân (Périsprit), là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm níu kéo.

Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật, là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu, khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 2)

"Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân: Một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.... Khi nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập." (TNHT 1-2, B 20)

Cái Chơn thần của mỗi người có được là do Đức Phật Mẫu lấy hai nguyên khí Âm quang và Dương quang nơi Diêu Trì Cung, kết hợp tạo thành.

Còn Linh hồn là điểm Linh quang do Đức Chí Tôn ban cho. Đức Phật Mẫu thấu điểm Linh quang này, rồi tạo ra cho nó một Chơn thần (Xác thân thiêng liêng) bao bọc Linh hồn, tạo thành một con người nơi cõi thiêng liêng. Như vậy, một người nơi cõi thiêng liêng có hai thể: Linh hồn và Chơn thần.

Khi một người nơi cõi thiêng liêng được phép đầu kiếp xuống cõi trần thì Chơn thần và Linh hồn đi xuống nhập vào hình hài đứa bé vừa lọt khỏi lòng mẹ, làm cho đứa bé giựt mình phát ra tiếng khóc chào đời. Chơn thần sẽ làm khuôn viên cho thể xác đứa bé lớn lên, còn Linh hồn tạo ra sự hiểu biết và bảo tồn sự sống cho đứa bé.

Do đó, hình ảnh của thể xác đứa bé là hình ảnh của Chơn thần đứa bé, từ khi ấu thơ đến khi trưởng thành hay đến lúc già.

Khi thể xác chết thì Chơn thần và Linh hồn xuất ra khỏi thể xác, bay trở về cõi thiêng liêng. Chơn thần mang lấy hình ảnh của thể xác như khuôn in rập.

Cái Chơn thần của người chết có khi hiện hình cho người phàm thấy được, thường gọi đó là Ma hay Hồn Ma, khi thì biến mất, nên Chơn thần thuộc về bán hữu hình, nghĩa là có thể thấy được và có thể không thấy được.

Chơn thần được Đức Phật Mẫu tạo ra bằng hai nguyên khí Âm quang và Dương quang, nên Chơn thần có thể đi xuyên qua vật chất, không có gì cản trở được nó. Ánh sáng còn bị vật chất cản trở, nhưng Chơn thần thì giống như từ trường, đi xuyên suốt qua vật chất dễ dàng.

Đối với người sống, Chơn thần ẩn trong thể xác phàm, trung tâm của nó là óc (não bộ), và cửa xuất nhập của nó là lỗ ác, tức là Nê Hườn Cung.

Chơn thần liên hệ thể xác qua 7 dòng từ điện. Nhờ 7 dòng từ điện này, Chơn thần ra lệnh điều khiển thể xác, cũng do nơi đó, thể xác đòi hỏi Chơn thần làm cho nó thỏa mãn, khiến nên thể xác gây ra nhiều mối oan nghiệt, nên 7 dòng điện từ này được gọi là **7 Dây Oan nghiệt**.

Đức Chí Tôn ban cho phép Đoạn căn là để cắt đứt 7 Dây Oan nghiệt này, để Chơn thần bút ra khỏi thể xác, không còn bị thể xác níu kéo, mà trở về cõi thiêng liêng.

3. Chơn linh: Linh hồn, điểm Linh quang.

"Thầy đã nói rằng, nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đáng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét. Bởi vậy, một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, cái Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn là Lương tâm đó." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B144)

"Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhơn cách thì rất uổng cái điểm Linh quang của Thầy để vào Xác thân của các con lắm. Các con nghe à!" (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 108)

Chơn linh, tức là Linh hồn, là điểm Linh quang của Thượng Đế chiếu ra từ khỏi Đại Linh quang của Ngài, ban cho mỗi người để tạo nên sự sống, gìn giữ sự sống, tạo ra sự hiểu biết và tánh linh.

Con người có đủ Tam hồn: Sanh hồn, Giác hồn, Linh hồn. Cái Linh hồn ấy mới quan trọng hơn cả, vì nhờ nó mà phân biệt con người với thú cầm.

Chơn linh (Linh hồn), ngự trong Chơn thần, Chơn thần ở trong Xác phàm và rập khuôn theo Xác phàm.

Đối với một người đang sống nơi cõi trần, Chơn linh ngự tại Tim (Tâm), bởi vì trái tim là nơi điều hành và ban phát sự sống cho toàn cơ thể. Do đó, Chơn linh

được gọi là Lương tâm, Phật giáo gọi Chơn linh là Tâm, cũng do đó.

Khi Chơn linh và Chơn thần xuất ra khỏi thể xác thì trái tim ngưng đập, thể xác chết.

Khi đó, Chơn thần và Chơn linh bay trở về cõi thiêng liêng, trở thành một người nơi cõi thiêng liêng.

Vậy, một người nơi cõi thiêng liêng chỉ có 2 thể:

- Một là Chơn thần, tức là Xác thân thiêng liêng.
- Hai là Chơn linh, ngự trong Chơn thần điều khiển Chơn thần.

Còn đối với một người sống nơi cõi phàm thì ngoài hai thể trên, còn có một thể nữa là: Xác thân phàm.

Vậy một người nơi cõi phàm trần có 3 thể:

- Thể xác phàm, Đệ nhứt xác thân, do cha mẹ phàm sanh ra, được nuôi dưỡng bằng thực phẩm vật chất phàm trần.
- Chơn thần, Đệ nhị xác thân, Xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu tạo nên. Do đó, Đức Phật Mẫu là Mẹ Chơn thần của toàn nhơn loại, nên gọi Đức Phật Mẫu là Đại Từ Mẫu.
- Chơn linh, Linh hồn, điểm Linh quang, do Đức Chí Tôn ban cho để tạo sự sống, sự khôn ngoan hiểu biết. Do đó, Đức Chí Tôn là Cha Chơn linh của nhơn loại nên gọi là Đại Từ Phụ.

Tóm lại, Chơn linh ngự trị trong Chơn thần, Chơn thần ẩn trong thể xác và làm khuôn cho thể xác.

Chơn linh điều khiển Chơn thần, Chơn thần điều khiển thể xác qua 7 dòng điện từ gọi là 7 Dây Oan nghiệt. Thể xác thường hay đòi hỏi Chơn thần làm cho nó thỏa mãn và xúi giục Chơn thần đi vào đường vật chất, cũng do theo 7 Dây Oan nghiệt này.

Chơn linh thường ngăn cản không cho Chơn thần chiều theo các đòi hỏi của Thể xác, nhưng nếu Chơn linh yếu đuối không đủ sức kềm chế Chơn thần, để Chơn thần nghe theo sự lôi cuốn của Thể xác, lúc đó con người đi vào vòng vật dục tội lỗi. Khi Thể xác chết, Chơn linh và Chơn thần phải bị đày đọa theo Luật Nhân Quả.

III. Con người khi chết đi về đâu?

Như phần II vừa trình bày, con người chết không phải là hết, chỉ có thể xác chết, còn Linh hồn và Chơn thần thì bất tiêu bất diệt, xuất ra khỏi thể xác trở về cõi thiêng liêng, vì nơi đây là cõi chơn thật của Linh hồn.

Để giải đáp vấn đề: Con người khi chết đi về đâu?

Chúng ta phân ra 3 trường hợp với 3 nhóm người:

- Người không có tín ngưỡng tôn giáo.
- Người tín đồ Cao Đài giữ đúng Luật Đạo
- Người tín đồ của các tôn giáo khác.

1. Đối với người không tín ngưỡng:

Trong TNHT, Đức Chí Tôn dạy như sau:

"Các con đã sanh tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thấy hỏi: Các con chết rồi, các con ra thế nào? Các con đi đâu? Chẳng một đũa nào hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy.

Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người, phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn năm, muôn muôn lần mới đến địa vị nhơn phẩm.

Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế Vương nơi trái Địa cầu này, chưa đặng vào hạng chót của Địa cầu 67. Trong Địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy.

Cái quý trọng của mỗi Địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đế nhứt cầu, Tam thiên Thế giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu, qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam thập lục Thiên; vào Tam thập lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặng đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy.

Các con coi đó thì đủ hiểu, các phẩm trật của các con nó nhiều là dường nào, song ấy là phẩm trật Thiên vị.

Vậy Thầy lại dặn các con: Nếu kẻ không tu, làm đủ bốn phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy.

Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại Càn khôn Thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 65)

Những người không có tín ngưỡng tôn giáo, khi chết đi, Linh hồn và Chơn thần chưa thể xuất ra khỏi thể xác được vì bị 7 Dây Oan nghiệt ràng buộc níu kéo, phải chờ đợi một thời gian để cho thể xác tan rã, Chơn thần mới bứt rời các sợi Dây Oan nghiệt, để cùng Linh hồn bay lên cõi Trung giới. Tại đây có Minh Cảnh Đài hay Đài Chiếu Giám để Linh hồn và Chơn thần nhìn vào tấm kiếng huyền diệu, xem lại tất cả hành vi lời nói của mình trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, để định rõ tội và phước, có cây Cân Công bình thiêng liêng và các Đấng cân phân tội phước cho mỗi Linh hồn.

- Nếu phước nhiều tội ít thì được chuyển kiếp lần lượt theo các nấc thang tiến hóa mà Đấng Thượng Đế đã dạy trong bài Thánh ngôn nêu trên, tức là tiến hóa theo Thất thập nhị Địa, lên Tam thiên Thế giới, rồi Tam thập lục Thiên, vv...

- Nếu phước ít tội nhiều thì Chơn thần và Linh hồn được đưa đến cõi Âm Quang để tịnh tâm xét mình, thấy được các tội lỗi mà mình đã gây ra để ăn năn sám hối.

Cõi Âm Quang mới được lập ra trong thời ĐĐTKPD thay thế cõi Địa ngục, bởi vì cõi Địa ngục trước đây là nơi giam giữ và hành phạt các tội hồn, nay Đức Chí Tôn thể lòng từ bi ra lệnh đóng Địa ngục, ân xá các tội hồn, không cho hành phạt các tội hồn nữa, mà đưa đến cõi Âm Quang để học đạo. Nơi đây, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn, và Thất Nương Diêu Trì Cung giáo hóa các nữ tội hồn. (Xem: Cõi Âm Quang).

Những tín đồ Cao Đài thất thế, không giữ tròn Luật Đạo, hoặc những tín đồ của các tôn giáo khác mà không giữ giới luật tu hành thì cũng được đưa đến cõi Âm Quang để học đạo, tịnh tâm xét mình. Khi đã biết ăn năn sám hối, các Đấng sẽ cho đầu kiếp trở lại cõi trần để trả quả và cũng để lo tu hành, lập công bồi đức mà trừ tội lỗi.

2. Đối với các tín đồ Cao Đài:

Đối với các tín đồ Cao Đài giữ tròn lời Minh Thệ, gìn giữ Luật Đạo, ăn chay được 10 ngày mỗi tháng, sau khi chết, Linh hồn và Chơn thần được hưởng ơn huệ của Đức Chí Tôn trong Đại Ân Xá kỳ ba này.

Linh hồn và Chơn thần hưởng được các phép Bí tích như: phép Xức và phép Đoạn căn cắt đứt 7 dây Oan nghiệt. Do đó, Chơn thần và Linh hồn xuất ra khỏi thể xác dễ dàng, được hướng dẫn đi vào Cửu Trùng Thiên, từ tầng Trời thứ nhứt lên đến tầng Trời thứ chín, do Cửu vị Tiên Nương DTC hướng dẫn đưa đi, đúng y theo 9 bài kinh Tuần Cửu. Ở mỗi tầng Trời đều có các Đấng đón tiếp, giảng giải đạo lý.

Khi đến tầng Trời thứ 9 là Tào Hóa Thiên thì được vào DTC bái kiến Bà MẸ thiêng liêng là Đức Phật Mẫu.

Đến Tiểu Tường thì Chơn thần và Linh hồn được đưa lên tầng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, vào Ngọc Hư Cung bái kiến Đức Chí Tôn, rồi đến Tòa Tam Giáo thiêng liêng để cây Cân Công bình cân tội phước. Nếu phước đức nhiều thì được Đức Chí Tôn ban cho phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật tương xứng, nếu tội nhiều thì cầu xin Đức Chí Tôn cứu vớt để ở lại cõi thiêng liêng tu luyện thêm, hoặc cho tái kiếp xuống trần để trả cho xong nghiệp quả.

"Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dầu gây lắm tội tình mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm Quang, lại còn hưởngặng nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn hưởng tự hối hay đặng giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi."
(TNHT 1-2 B 165)

3. Đối với tín đồ các tôn giáo khác:

Đối với các tín đồ của các tôn giáo khác thuộc Nhị Kỳ Phổ Độ, con đường tiến hóa do các vị Giáo chủ thời đó đặt ra nay đã bị bế lại, vì đã chuyển qua thời ĐĐTKPD.

Đối với các tín đồ này, họ sẽ đi theo con đường tiến hóa qua Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới. Công đức tu hành của họ đạt được mức nào thì họ sẽ được đưa thẳng lên đẳng cấp tiến hóa tương xứng. Vì họ có công tu luyện nên họ được vượt cấp tiến hóa, chớ không phải đi từ từ lên từng cấp bậc như những người không có tín ngưỡng và tu hành.

Tóm lại, dù Linh hồn đi theo con đường tiến hóa nào, qua Cửu Trùng Thiên hay qua Thất thập nhị Địa,

điểm cốt yếu vẫn là công đức lập được trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần, chính cái công đức này mới định đoạt phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật cho Linh hồn.

Các Linh hồn tội lỗi chất chồng, dù đi trên đường tiến hóa nào, dù được hưởng nhiều ân huệ, được cầu siêu nhiều lần, dù có được làm đám tang lớn lao, ngôi mộ xinh đẹp to lớn bao nhiêu đi nữa, rốt cuộc cũng phải đến cõi Âm Quang mà thôi.

Chỉ có tu hành chơn thật, trau tâm sửa tánh, lập đức bồi công, thì mới có thể vượt đẳng cấp tiến hóa, sớm trở về cùng Đức Chí Tôn.

Đặc biệt trong thời Đại Ân Xá kỳ ba này, Đức Chí Tôn cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Đức Chí Tôn đặng.

IV. Đầu thai và Chuyển kiếp:

1. Sự giáng trần của Nguyên nhơn:

Một điểm nguyên hồn do Đức Chí Tôn chiết ra từ Đại hồn của Ngài, chưa phải là một Nguyên nhơn, vì chưa có xác thân thiêng liêng (chơn thần). Điểm nguyên hồn này phải được Đức Phật Mẫu thu nhận, rồi Phật Mẫu dùng hai nguyên khí Âm quang và Dương quang nơi DTC tạo ra cho nó một chơn thần bao bọc nguyên hồn thì mới trở thành một Nguyên nhơn nơi cõi thiêng liêng.

Như thế, một Nguyên nhơn nơi cõi thiêng liêng phải có hai thể: Linh hồn và Chơn thần.

Khi Nguyên nhơn được lệnh giáng sanh xuống cõi trần, Nguyên nhơn được hướng dẫn đi xuống, qua các tầng trời thấp dần. Ở mỗi tầng trời, Nguyên nhơn dùng tinh khí của từng trời đó làm một lớp bao bọc thêm bên

ngoài Chơn thần để Chơn thần nặng hơn thì mới đi tiếp xuống các cõi thấp hơn được.

Khi đến cõi trần, Nguyên nhơn sẽ đến với một bà mẹ đang mang thai và chờ đợi ở đó. Sự đến của Nguyên nhơn với bà mẹ theo luật hấp dẫn Đồng Khí tương cầu, nghĩa là bà mẹ đạo đức thì mới hấp dẫn được các Chơn linh đạo đức.

Khi bà mẹ vừa sanh hài nhi lọt khỏi lòng mẹ, Linh hồn và Chơn thần của Nguyên nhơn liền nhập vào thể xác hài nhi, làm cho hài nhi rung động mạnh, phát ra tiếng khóc và bắt đầu hít thở không khí. Chơn thần sẽ làm khuôn viên định hình hài cho đứa bé và cùng lớn lên với hình hài ấy, còn Linh hồn thì tạo sự sống cho hài nhi, và những hiểu biết để hài nhi bảo tồn sự sống.

2. Chuyển kiếp đầu thai:

Một người nơi cõi trần, khi thể xác chết thì Linh hồn và Chơn thần xuất ra, rời bỏ thể xác, đi trở về cõi thiêng liêng. Nơi đây, Linh hồn và Chơn thần được xem xét tội phước và định phận.

Nếu được cho chuyển kiếp đầu thai trở lại cõi trần thì diễn tiến như sau:

Trước hết, các vị Phật nơi tầng Trời Tạo Hóa Thiên như: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chương Hậu Phật, Thủ Luân Phật, v.v... lãnh nhiệm vụ nơi Đức Phật Mẫu, dùng Chơn thần cũ của người đó làm chất liệu để nắn đúc ra một Chơn thần mới với hình ảnh tốt đẹp hay xấu xí tùy theo cái nghiệp của Chơn thần cũ và trình độ tiến hóa của Linh hồn. Nếu Linh hồn đã tiến hóa cao thì hình ảnh của Chơn thần mới tốt đẹp, trái lại, nếu Linh hồn kém tiến hóa thì hình ảnh của Chơn thần mới xấu xí.

Chúng ta lưu ý rằng, Linh hồn chỉ là một điểm Linh quang nên không thay đổi, còn Chơn thần thì có

hình ảnh thay đổi tùy theo trình độ tiến hóa của Linh hồn.

Linh hồn và Chơn thần được đưa xuống cõi trần, đến với một bà mẹ đang mang thai theo luật hấp dẫn đồng khí tương cầu. Khi hài nhi vừa được sanh ra khỏi lòng mẹ, Linh hồn và Chơn thần liền nhập vào thể xác hài nhi qua cái cửa Nê Huồn Cung, nơi mở ác, làm cho thể xác của hài nhi rung động, bật ra tiếng khóc, bắt đầu hít thở không khí, và cũng bắt đầu một kiếp sống mới nơi cõi trần.

Kể từ đó, Thể xác, Chơn thần và Linh hồn đưa bé có đời sống độc lập đối với bà mẹ và lớn lên dưới sự điều khiển của Linh hồn.

Trong Thuyết đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giảng về Bí Pháp, có nói:

"Con dương trùng (tinh trùng) của cha nhập vô ôm khít với âm trùng (noãn châu) của mẹ, dương trùng của cha tạo biến hình hài xương cốt chúng ta, còn âm trùng của mẹ biến ra máu thịt của chúng ta đó vậy. Hai con vì trùng ấy ôm khít lại với nhau thành tượng biến hình hài. Hai tinh trùng hiệp lại khác hẳn với cái hình tướng tinh trùng đơn sơ, khi nhập vào, hai con làm thành một."

Buổi tượng hình chúng ta thì Chơn thần của chúng ta còn ở ngoài thân, ngoài cốt hài của chúng ta. Nó lơ vẩn hoặc là quanh theo bà mẹ, ở dựa bên, nhất là bà mẹ đi nơi nào, nó đều theo nơi đó. Chơn thần theo người mẹ có chữa. Nếu người mẹ có đạo đức, dám chắc đi đâu chưa có sự gì rủi ro đến thiệt hại. Bởi có cho nên đưa con theo mãi, theo cho đến khi tượng hình chúng ta ra khỏi lòng bà mẹ, Chơn thần ấy mới nhập vô ảnh hài đó, làm khuôn viên cho ảnh hài đó."

"Ngộ nghĩnh thay, nếu chúng ta ngó thấy tinh thần chúng ta đầy đủ đạo đức chừng nào thì Chơn thần ảnh hài càng ngày càng đẹp, càng tăng tiến."

Một vấn đề đặt ra là khi đứa bé lớn lên, tại sao nó không nhớ được các việc trong tiền kiếp của nó?

Việc ghi nhớ các việc đã qua trong kiếp sống là do nơi trí não thuộc về Chơn thần.

Như đã trình bày ở trên, chư Phật nơi Tào Hóa Thiên dùng cái "Chơn thần cũ" nắn đúc lại thành cái "Chơn thần mới", rồi phủ lên đó một tấm màn bí mật che lấp hết các ký ức cũ. Các ký ức cũ vẫn còn đầy đủ, không bao giờ mất, rút vào trong bộ nhớ ở trong Chơn thần, nhưng bị che kín bởi một màn bí mật, làm cho đứa bé không thể nhớ được tiền kiếp của nó. "Chơn thần mới" chỉ là biến tướng của "Chơn thần cũ" do phép huyền diệu của Phật Mẫu tạo ra để che giấu những sự việc trong tiền kiếp, đồng thời định ra hình ảnh mới cho thể xác trong kiếp sống mới thích hợp với trình độ tiến hóa của Linh hồn.

Khi đứa bé trưởng thành, nếu biết cách công phu tu luyện thì nó có thể mở được tấm màn bí mật nói trên, sẽ biết rõ tiền kiếp của mình. Được như thế gọi là đạt được trí huệ, tức nhiên đắc đạo tại thế.

V. Địa vị của con người trong vũ trụ:

Thượng Đế đã tạo ra con người với một hình ảnh tốt đẹp thiêng liêng. Cho nên, mỗi một con người nơi cõi trần này đều là một Tiểu Thượng Đế.

Trời có gì thì con người có nấy. Trời là Đại Vũ trụ thì người là Tiểu Vũ trụ, Trời là Đại Thiên Địa thì người là Tiểu Thiên Địa, Trời là Đại Hồn thì người là Tiểu Hồn, Trời là Đại Linh quang thì người là Tiểu Linh

quang. Cho nên, con người đứng vào hàng Tam Tài (Thiên, Địa, Nhơn) cùng với Trời Đất.

Địa vị của con người rất quan trọng trong vũ trụ. Nếu vũ trụ không có con người thì vũ trụ không hoàn toàn, bởi vì vũ trụ là một đại hòa điệu của Thiên Địa Nhơn, nếu thiếu một yếu tố thì sự hòa điệu không còn nữa.

Tam Tài là gốc của muôn vật: Trời sanh ra, Đất nuôi dưỡng, Người làm nên.

Một Nhất Nguyên sinh thành là Trời, là Thượng Đế, nhưng Tam Tài đồng nhất thể. Như thế đủ thấy địa vị con người trong CKVT rất là trọng đại, rất là cao cả.

"Khai Thiên Địa là Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói, một Chơn thần mà biến ra càn khôn thế giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy rồi mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần Thánh Tiên Phật." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 44)

Con người cần phải biết rõ địa vị quan trọng và cao cả của mình trong CKVT, để xây dựng một đời sống cao thượng xứng đáng với phẩm vị mình, thuận tòng Thiên lý để được tiến hóa nhanh.

VI. Quan niệm về Thượng Đế:

Dù phủ nhận hay nhìn nhận sự hiện hữu của Thượng Đế, thì Thượng Đế vẫn là **Chơn lý tuyệt đối, tối thượng, hằng hữu**, là nguyên lý độc nhất tạo dựng CKVT và vạn vật. Ngài là Đấng Chí Tôn tối cao tối đại, toàn tri toàn năng, toàn giác, toàn thiện toàn mỹ.

* Thượng Đế là vua của Nhựt, Nguyệt, Tinh, là Đấng sáng tạo ra càn khôn vũ trụ và vạn vật, nên gọi Ngài là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

* Thượng Đế là chủ của chư Thần Thánh Tiên Phật. Ngài là vị Phật lớn nhứt trong các vị Phật, là vị Tiên lớn nhứt trong các vị Tiên, là vị Thánh lớn nhứt trong các vị Thánh, là vị Thần lớn nhứt trong các vị Thần, nên gọi Ngài là Đấng Đại Thiên Tôn.

* Thượng Đế là CHA của vạn linh, tức là Cha của Bát hồn. Do đó, vạn linh gọi Thượng Đế là **Đại Từ Phụ**; còn Phật Mẫu là MẸ của chơn thần vạn linh, nên vạn linh gọi Đức Phật Mẫu là **Đại Từ Mẫu**.

* Thượng Đế là Chơn lý tối thượng vì "Khí Hư Vô sanh ra có MỘT Thầy". Chỉ có 1 Thượng Đế, chỉ có 1 ngôi Thái Cực, nên gọi là tuyệt đối.

Do đó, trong CKVT này, không ai lớn hơn Thượng Đế, tất cả đều do Thượng Đế hóa sanh, nên Thượng Đế là Đấng tối thượng, hay tối cao tối đại.

CKVT chịu luật thành trụ hoại không, và khi vũ trụ bị diệt thì Thượng Đế sẽ tái tạo một CKVT mới tiến hóa và tốt đẹp hơn. Nói là CKVT bị diệt chớ thực sự nó không tiêu mất, mà Đấng Thượng Đế chỉ biến đổi hình thể của nó để thích hợp với sự tiến hóa mới.

Toàn tri là biết tất cả, biết đến cùng tận, đủ các phương diện. Toàn năng là làm được tất cả và làm giỏi hơn tất cả.

1. Con người là một Tiểu Thượng Đế:

Con người là một chiết linh của Thượng Đế, là một Tiểu Linh quang của khối Đại Linh quang. Như vậy, con người chính là một Tiểu Thượng Đế, hay nói nôm na, mỗi người chúng ta là một Ông Trời Con.

Thượng Đế cho chúng ta xuống trần là để nương theo xác thân phàm mà học hỏi và tiến hóa. Nếu chúng ta tiến hóa nhanh, tức là thi đậu sớm thì sẽ trở về sớm; còn nếu chúng ta tiến hóa chậm, hoặc thoái hóa, tức là chúng ta thi rớt, phải học lại để thi lại, thì phải trở về chậm.

Như thế, con người là một Linh tử trong CKVT, có một đời sống miên viễn bất tận, luôn luôn thay đổi để tiến hóa, tức là chuyển luân qua các cõi giới để học hỏi đủ các thứ bài học mà tiến hóa, và mức tiến hóa cuối cùng là trở thành Thượng Đế để hòa nhập vào Thượng Đế.

2. Sự bình đẳng giữa Nam và Nữ:

Đức Chí Tôn có triều chánh uy nghi, nên khi châu lễ Đức Chí Tôn, chúng ta phải mặc phẩm phục áo mũ như chôn triều đình. Còn đối với Đức Phật Mẫu là Bà Mẹ thiêng liêng, nên tất cả con cái, dù phẩm tước lớn nhỏ thế nào, cũng đều là con của Mẹ, nên chỉ đến với Mẹ với tư cách là một đứa con mà thôi.

Do đó, khi châu lễ Đức Phật Mẫu, tất cả Chức sắc nam nữ đều không mặc phẩm phục, chỉ mặc áo dài trắng bình thường, vì ai cũng như ai, đều là con của Phật Mẫu, và chúng ta thấy ở đây có một sự bình đẳng hoàn toàn.

Trong Đạo Cao Đài, sự bình đẳng giữa nam và nữ được thể hiện rất rõ rệt mà không có một nền tôn giáo nào từ trước tới nay có được.

Đối với CTĐ và CQPT, hễ Nam phái có phẩm tước nào thì Nữ phái cũng có phẩm tước đó, quyền hành ngang bằng nhau. Chức sắc Nữ phái chỉ điều hành tín đồ Nữ phái; Chức sắc Nam phái thì điều hành tín đồ Nam phái. Quyền hành Nam Nữ riêng biệt, không xen lẫn nhau.

"Bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ. Nam biết thành Tiên Phật, chớ Nữ lại không sao? Thầy đã nói: Bạch

Ngọc Kinh có cả Nam lẫn Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều." (Trích trong PCT)

VII. Quan niệm về Quỷ vương.

Quỷ vương, hay Ma vương, là vua của loài ma quỷ.

Các linh hồn quỷ vị đều thuộc quyền của Quỷ vương. Những người mà khi sống làm điều đại nghịch, đại ác, phạm Thiên điều thì khi chết, linh hồn bị đọa vào quỷ vị, làm Quỷ hồn, tức là làm tay chân cho Quỷ vương. Quỷ hồn đầu kiếp lên cõi trần làm người thì gọi là Quỷ nhân.

Quỷ vương còn được gọi là: Kim Quang Sứ, Lucifer phản nghịch; Thiên Chúa giáo gọi là Satan.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo Con đường TLHS, Ngài giải rõ căn cội của Kim Quang Sứ, chép ra sau đây:

"Khi ở Ngọc Hư Cung, Linh Tiêu Điện, Bần đạo đăng Thánh linh của Đức Chí Tôn sai qua mở cửa CLTG. Buổi ban sơ ấy, tinh thần của Bần đạo còn hoang mang, không biết sao lại còn có bốn phận đi mở CLTG nữa. CLTG là gì? Sao lại phải đi mở? Bần đạo tự hỏi. Tới chừng đi rồi mới biết tình trạng các đẳng chơn linh đã đoạt vị trong CKVT chịu nạn khảo thí do Kim Quang Sứ.

Kim Quang Sứ đã đăng Đức Chí Tôn cho làm Giám khảo kỳ thi Hạ nguơn Tam chuyển, qua Thượng nguơn Tứ chuyển này. Kim Quang Sứ là ai?

Bên Thánh giáo Gia Tô gọi là Quỷ vương đó vậy.

Kim Quang Sứ là một vị Đại Tiên có quyền hành đem ánh sáng thiêng liêng Đức Chí Tôn chiếu diệu trong CKVT. Vị Đại Tiên ấy đã găm ghé bước vào Phật vị.... ..

Vì người hám vọng, tự tôn tự đại, muốn cầm quyền lực để điều khiển CKVT, chưa đoạt đăng, mà Ngọc Hư Cung đã biết tinh thần của Kim Quang Sứ muốn phản phúc, dám đối diện cùng Đức Chí Tôn, mà Ngọc Hư Cung đã biết, cho làm Thống Đốc một thế giới của chúng ta đương thời bây giờ, thế giới địa hoàn này, nếu như người không có tự kiêu tự đại, cái chức tước làm Thống Đốc một thế giới cũng không phải là hèn gì, nhưng người không vừa lòng, phản lại, mới bị đọa vào Quỷ vị.

Ngày giờ này, Kim Quang Sứ đã đăng ân xá, cũng như các đăng chơn linh được ân xá, trong Quỷ vị cũng được hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn ân xá. Vì có cho nên vị Quỷ Chúa ấy lãnh một phận sự tối trọng tối yếu là làm giám khảo, duyệt chư Tiên đoạt phẩm vị Phật.

Vì có cho nên, người có giảng cơ buổi Đạo đương bình tịnh, cả Thánh Thể Đức Chí Tôn đương hòa ái với nhau, không có tâm tánh gì phản động, chưa có một mây may gì gọi là loạn, họ còn giữ theo nề nếp chơn truyền của Đức Chí Tôn, mà thỉnh không Kim Quang Sứ giảng cơ cho một bài thi, chẳng khác nào như tìm đến Thánh Thể của Chí Tôn mà liệng một tối hậu thư.

Bài thơ ấy như vậy:

*Cửu phẩm Thần Tiên nể mặt Ta,
Thích Ca dầu trọng khó giao hòa.
Cửa Kinh Bạch Ngọc năng lui tới,
Đường Đạo Tây phương thử chánh tà.
Chỉ đá hóa vàng đơn miệng thế,
Treo gương trí huệ giục phồn hoa.
Lấy chơn thay giả tô Thiên vị,
Thắng bại phạm tâm liệu thế à!*

KIM QUANG SỨ

Ngó thấy quyền của người ta như thế đó.

Hại thay, đường đi từ Ngọc Hư Cung qua CLTG buổi nọ bị Kim Quang Sứ ngăn đường không cho đi qua....

Đáng mà dám đưa tay cho kẻ thù định phận, quyền năng dường ấy, để khảo duyệt toàn con cái của Người, tức nhiên khảo duyệt Người, mà Người không có nao không có sợ, thì chúng ta đủ biết quyền phép của Đức Chí Tôn hơn quyền phép của Kim Quang Sứ nhiều lắm.

Đối với tinh thần nhơn loại đương nhiên bây giờ, đáng lẽ Đức Chí Tôn gìn giữ kỹ càng lắm, nhưng Người không cần để tâm gìn giữ cho kỹ lưỡng điều đó mà chớ.

Bởi có cho nên khi mở Đạo tại Từ Lâm Tự, Ngài đến, cầm cơ viết tên của Ngài, rồi Ngài liền thăng. Ngài cho Quỷ đến đăng phá, phá cho tiêu nền chơn giáo của Ngài. Ngài đã cho phép nó làm, nó vẫn thi hành chớ không sợ sệt e lệ gì cả.

Kim Quang Sứ đã thi hành trong hai mươi mấy năm, cả Thánh Thể Đức Chí Tôn và toàn con cái của Ngài nam nữ đang bị tay Kim Quang Sứ tàn hại, đủ mưu chước, đặt hại cho thất đạo, không có một điều gì, một mưu chước gì mà nó không dùng, đặt tàn phá Thánh thể Đức Chí Tôn, nhưng không phải dễ, dầu quyền lực của Kim Quang Sứ bao nhiêu đi nữa cũng chưa qua khỏi cái mức mà Đức Chí Tôn đã gạch sẵn cho con cái của Ngài đi, thì chúng ta ngó thấy đủ bằng cơ đoạt đăng.

Ngộ nghinh thay, tuy biết hay là không biết, Đức Chí Tôn cho Kim Quang Sứ thử con cái của Ngài đăng bỏ cái phạm lấy cái Thánh... ..

Đức Chí Tôn có thể định được cho mình, mà chính mình phải lập quyền do tài đức của mình; Đức Chí Tôn có thể định vị cho mình, mà mình phải lấy đạo đức của mình mà lập phẩm vị, tức nhiên mình phải chịu khảo duyệt, phải thi thố cho đậu mới đoạt phẩm vị cao siêu của

mình, rốt phải chịu đọa lạc, không thể chối cãi được. Giám khảo ấy rất khó. Huống chi Kim Quang Sứ tự tôn tự đại, không có một chơn hồn nào tới lo lót Kim Quang Sứ đăng cho tôi đoạt được đâu!"

Trên đây là lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp cho biết lai lịch của Kim Quang Sứ, và vì sao Kim Quang Sứ bị đọa vào Quỷ vị để làm Chúa Quỷ.

Theo Thiên Chúa Giáo thì Quỷ vương được gọi là Satan. Satan xuất hiện ngay sau khi Thiên Chúa tạo ra Adam và Êva, mà hình ảnh của nó là con Rắn rất khôn ngoan quỷ quyệt, nhiều mưu chước, nói dối, cám dỗ con người làm điều tội lỗi, chống lại Thiên Chúa. Bà Êva đã bị Satan cám dỗ, hái trái cấm để ăn, rồi chia cho Adam cùng ăn, nên bị tội đối với Thiên Chúa. Đó là tội Tổ tông.

Đức Jésus, sau khi chịu phép Giải oan với Thánh Jean rồi, Thiên Chúa khiến Ngài đến nơi đồng vắng để chịu cho Ma quỷ cám dỗ. Ngài đã kiêng ăn 40 ngày đêm.

Quỷ Satan cám dỗ đến gần Ngài, nói: Nếu ngươi phải là con của Thiên Chúa thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. Đức Jésus đáp: Có lời chép rằng, người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Thiên Chúa.

Ma quỷ bèn đem Ngài vào nơi Đền Thánh, đặt Ngài trên nóc đền thờ rồi nói: Nếu ngươi phải là con của Thiên Chúa thì gieo mình xuống đi, vì Chúa sẽ truyền các Thiên sứ đến gìn giữ ngươi và đỡ ngươi trên tay. Đức Jésus nói: Ngươi đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.

Ma quỷ lại đem Ngài lên núi cao, chỉ cho Ngài thấy các nước thế gian cùng sự vinh hiển của các nước ấy và nói: Nếu ngươi quỳ xuống trước mặt ta mà thờ lạy ta thì ta sẽ cho ngươi hết thấy mọi sự này. Ngài liền nói với

Ma quỷ: Hỡi Quỷ Satan, ngươi hãy lui ra, vì có lời chép rằng, ngươi phải thờ phượng Thiên Chúa là Đức Chúa Trời của ngươi và chỉ hầu việc một mình Thiên Chúa mà thôi.

Ma quỷ bèn bỏ đi. Thế là Đức chúa Jésus đã thắng mọi cám dỗ của Quỷ vương Satan. Liền đó có các Thiên Thần đến hầu việc Ngài.

Sau đó, Đức chúa Jésus khởi làm nhiệm vụ của Ngài là đi rao truyền Đạo Thánh và thu nhận 12 Thánh Tông Đồ, phổ độ và giảng dạy giáo lý của Đạo Thánh.

Thật ra, Kim Quang Sứ, Satan hay Quỷ vương cũng do nguon linh của Đức Chí Tôn mà xuất hiện ra, nhưng vì phản phúc, tự tôn tự đại và ác hành mà bị đọa vào Quỷ vị. Tài phép của Quỷ vương cao cường lắm, chỉ kém hơn chút ít quyền năng của các Đấng Tiên, Phật mà thôi. Đức Chí Tôn có Tam thập lục Thiên thì Quỷ vương lập thành Tam thập lục Động, rồi nó biến Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên để dối gạt người tu, các danh hiệu Thần, Thánh, Tiên, Phật, cả đến danh hiệu của Đức Chí Tôn, Quỷ vương đều mạo nhận hết, duy chỉ có cái ngai của Đức Chí Tôn là nó không dám lên ngồi mà thôi. Sở dĩ Quỷ vương được như thế là vì Đức Chí Tôn ban cho nó cái quyền to tát ấy để nó làm Giám khảo, khảo duot và thử thách tất cả chơn linh đang đi trên con đường tu hành tiến hóa, để chấm thi đậu rớt. Như vậy người thi đậu mới về vang, xứng đáng được ban thưởng các phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật, còn nếu rớt thì phải tái kiếp luân hồi, học lại các bài học ấy, tới chừng nào thi đậu mới thôi.

Quỷ vương thuộc khối ác trực, còn Tiên Phật thuộc khối thiện thanh, cả hai khối đối nghịch nhau, cũng như Âm với Dương, một bên có khuynh hướng tri xuống, một bên có khuynh hướng kéo lên, cả hai bên tạo thành

hai lực đối kháng rất cần thiết để thúc đẩy sự tiến hóa của CKVT. Hai khối đó sẽ hiện hữu mãi mãi, miên viễn bất tận với Định luật Tiến hóa của Càn Khôn, vì nếu một trong hai khối mất đi, sự cân bằng lực không còn nữa thì Luật Tiến hóa không thể hoạt động được, thì đó là sự sụp đổ và hủy diệt của CKVT.

VIII. Thiên Đàng - Địa Ngục - Cõi Âm quang.

- **Thiên đàng** hay Thiên đường là cõi Trời, cõi có đầy đủ các sự tốt đẹp và an lạc, hạnh phúc, nơi đó con người sống vui vẻ đời đời, không có sự chết, không có sự lo âu phiền não, nên cũng gọi là cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Đây là cõi để cho các Linh hồn mà trong kiếp sống nơi cõi trần đã lập được nhiều công đức, trở về nơi đó để an nghỉ và vui hưởng.

Cõi TLHS có rất nhiều tầng lớp từ thấp lên cao, càng lên cao thì càng thanh nhẹ và tốt đẹp.

Trong cõi TLHS, bên dưới là Cửu Trùng Thiên gồm 9 tầng Trời dành cho Cửu phẩm Thàn Tiên, tiếp lên trên là tầng Trời thứ 10: Hư Vô Thiên, tầng Trời thứ 11: Hội Nguơn Thiên, tầng Trời thứ 12: Hồn Nguơn Thiên.

Ba tầng Trời này gọi chung là cõi Phật, cõi Niết Bàn, nơi đó có CLTG mà thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà làm Giáo chủ. Lên cao tiếp tục, ta có Tam thập lục Thiên, tức là 36 tầng Trời và cao nhất là Bạch Ngọc Kinh, nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. (Xem chi tiết trong phần Vũ trụ quan nối tiếp phía sau).

- **Địa Ngục**, theo quan niệm xưa, là nhà ngục ở dưới đất để giam giữ và trừng phạt các tội hồn. (Tội hồn là những linh hồn của những người mà trong kiếp sanh nơi cõi trần đã phạm nhiều tội ác). Nơi cõi Địa ngục có

những hình phạt rất ghê gớm, đọc trong Kinh Sám Hối thì rõ.

Nhưng hễ có thưởng thì phải có phạt, luật công bình định vậy. Hễ có Thiên đường thì phải có Địa ngục. Thiên đường và Địa ngục là thể hiện sự thưởng phạt công bình trong Luật Nhân Quả.

Có công đức thiện lành thì được thưởng bằng những phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiên đường, còn tội lỗi gian ác thì bị phạt tù đầy nơi cõi Địa ngục.

Thiên đường và Địa ngục là hai đối trọng cần thiết trong cân cân công bình thiêng liêng của Tạo hóa và cũng là hai thể lực cần thiết, giống như hai khối ác trước của Qui vương và khối thiện thanh của Tiên Phật, để thúc đẩy sự tiến hóa của vạn vật trong CKVT.

Nhưng từ khi mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá, Đức Chí Tôn cho đóng cửa Địa ngục, không cho hành phạt các tội hồn, lại mở rộng cửa Trời để đón tiếp những người đầy đủ công đức đắc đạo trở về.

Đối với các tội hồn thì Đức Chí Tôn lập ra cõi Âm Quang ở giữa Thiên đường và Địa ngục để đưa các tội hồn đến cõi Âm Quang học đạo, định tâm tĩnh trí xét mình, nhìn lại những hành động sai trái lỗi lầm của mình trong lúc sống nơi cõi trần mà ăn năn sám hối.

Nơi cõi Âm Quang có các Đấng Phật Tiên đến đây để giáo hóa, an ủi các tội hồn, giảng giải cho biết rõ hai đường thiện ác, chánh tà. Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát lãnh phần giáo hóa các nam tội hồn, Thất Nương Diêu Trì Cung lãnh phần giáo hóa các nữ tội hồn.

Tại cõi Âm Quang chỉ có giáo hóa chứ không có trừng phạt, khác hẳn cõi Địa ngục trước đây, vì hưởng được thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

Thất Nương giảng giải về cõi Âm Quang như sau:

"Em nên nói rõ Âm Quang là gì trước đã, rồi thì mấy chị mới hiểu được. (Em là tiếng tự xưng của Thất Nương)

Âm Quang là nơi Thần Linh Học gọi là Trường Đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là Tịnh Tâm Xá, nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đứng tịnh tâm xét mình coi trong kiếp sanh có bao nhiêu phước tội. Vậy nơi ấy là nơi xét mình. Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm Quang.

Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dẫu gây lắm tội tình, mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rồi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm Quang, lại còn hưởng được nhiều ân huệ của Chí Tôn, là các chơn hồn được tự hối hay là được giáo hóa mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ hay là con cái của các chơn hồn cầu rồi.

Ôi! Tuy vậy, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy. Đó là mấy đạo hữu tin đồ thất thế. Em trông thấy bắt đầu lòng, phái Nữ lại là phần đông hơn hết.

Thưa cùng mấy chị, Em xin nhắc nhở điều này:

Ngày Hội Ngọc Hư được lo tiếp pháp của Tây phương Cực Lạc, Em đã được nghe thấy những lời của Địa Tạng Vương Bồ Tát than thở rằng: Ngài là Phật, nên khó gần gũi các hồn Nữ phái mà khuyên giáo cơ giải thoát mê đồ. Bởi có, nơi Âm Quang, Nữ hồn còn bị luyện tội nhiều hơn Nam phái bội phần.

Em lại nghe Người ước rằng: Chớ chi có một Đấng Nữ Tiên dám đảm đương đến phổ tế mới mong tận độ chư vong linh của Phong Đô thoát kiếp.

Em mới để dạ lo lường, cả lòng lân ái đến đó.

Em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hồn chịu sâu thâm lạ thường. Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây mấy chơn hồn có bề để tránh khỏi cửa Âm Quang hãm tội." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 165)

Nói tóm lại, khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926) thì Đức Chí Tôn Đại khai Ân Xá, cho đóng cửa Địa ngục, giải phóng hết các tội hồn nơi đó, cho đi đầu kiếp nơi cõi trần để trả quả, đồng thời Đức Chí Tôn cho mở riêng một cõi giữa Thiên đường và Địa ngục, gọi là cõi Âm Quang thuộc DTC, để cho các linh hồn tội lỗi đến đó định tâm định trí, xét nét lỗi lầm của mình, mà ăn năn sám hối, cầu xin Đức Chí Tôn độ rồi. Nơi đây chỉ có giáo hóa chớ không có hình phạt, để các chơn hồn giác ngộ, thấy rõ thiện ác, chánh tà.

Nơi cõi Âm Quang, các chơn hồn nào biết ăn năn sám hối tội tình, biết lẽ thiện ác, chánh tà thì được cho đi đầu kiếp để trả cho xong nghiệp quả và lo tu hành để lập công trừ tội.

IX. Quan niệm đúng đắn về cuộc sống:

Một con người nơi cõi thiêng liêng có một điểm Linh quang gọi là Chơn linh hay Linh hồn do Đức Chí Tôn ban cho và một Xác thân thiêng liêng gọi là Chơn thân, do Đức Phật Mẫu tạo thành. Do đó, nguồn gốc căn bản của con người là ở nơi cõi thiêng liêng, và cõi thiêng liêng này mới chính là cõi sống chơn thật của con người.

Khi con người được phép đầu thai xuống cõi trần thì có thêm một xác thân phàm do cha mẹ phàm trần tạo ra để có một đời sống nơi cõi phàm trần.

Như vậy, cuộc sống toàn thể của một con người trong CKVT gồm có hai giai đoạn nối tiếp luân phiên mãi mãi với nhau cho đến bất tận:

- Thời gian đầu, con người sống nơi cõi thiêng liêng an nhàn tự tại, tiêu diêu cực lạc. Nhưng vì nhu cầu học hỏi tiến hóa, người đó làm một chuyến du học xuống cõi trần.

- Người đó sẽ được cha mẹ phàm trần tạo ra một xác thân phàm để được sống nơi cõi phàm trần mà học hỏi, làm việc, chứng nghiệm, tiến hóa.

Nơi cõi phàm trần, các nền tôn giáo là những trường Đại học đạo đức, cõi đời là trường thi công quả, giải khổ và thoát khổ là đề tài luận án của Phật Tiên.

Khi xác phàm đã già nua, không hoạt động được nữa, đến lúc sắp hư hoại thì người đó (Chơn thần và Linh hồn) rời bỏ xác phàm, trở về cõi thiêng liêng là nơi quê cũ, chấm dứt một chuyến đi du học xa đầy hấp dẫn.

- Linh hồn và Chơn thần trở về, đến trình diện với hai Đấng CHA MẸ thiêng liêng, để báo cáo thành quả đạt được trong chuyến du học, trình ra những cấp bằng đạt được. Đức Chí Tôn sẽ khen thưởng bằng cách ban cho những phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật tương xứng.

Còn nếu Linh hồn và Chơn thần thi rớt, không đạt được bằng cấp nào, lại còn mắc nhiều món nợ nơi cõi trần thì Linh hồn và Chơn thần được lưu lại cõi thiêng liêng một thời gian để quán xét, suy nghiệm những việc thất bại đã qua, rút kinh nghiệm, để rồi được trở xuống cõi trần một chuyến du học nữa, học lại các bài học cũ, thi cho đậu, và lo trả xong các món nợ đã vay trong chuyến trước.

Đời sống của con người nơi cõi thiêng liêng mới thật là đời sống chánh thức, thiết thực, còn đời sống nơi cõi trần chỉ là một giai đoạn ngắn (để du học, công tác) trong toàn thể cuộc sống bất tận của con người.

Đó mới thật là một quan niệm đúng đắn duy nhất về cuộc sống của con người trong CKVT, vì nó đứng trên cái nhìn toàn diện, sinh động và rõ ràng.

- Đời sống nơi cõi thiêng liêng là để nghỉ ngơi, an hưởng, hay để suy nghĩ, và sắp đặt kế hoạch cho một chuyến công tác hay du học mới sắp tới.

- Đời sống nơi cõi phàm trần là để học hỏi, làm việc, kinh nghiệm, thử thách và tiến hóa.

Tại sao con người cần phải xuống cõi phàm trần này để học hỏi và tiến hóa? Không thể ở cõi thiêng liêng học hỏi và tiến hóa được sao?

Bởi vì nơi cõi trần này có đủ các bài học từ trực đến thanh, từ ác đến thiện, từ tà mị gian dối đến chánh trực chơn thật, con người sẽ được học đầy đủ và chiêm nghiệm. Và lại, nơi cõi trần, khí ô trược có đến hai phần, còn khí thanh khiết chỉ có một phần, nên xu hướng vật chất mạnh gấp đôi xu hướng tinh thần, mà nếu con người biết đè nén lòng vật dục để lo phụng sự nhơn sanh thì sẽ đoạt được công quả rất lớn, nhứt định sẽ tiến hóa vượt bậc mau chóng.

Do đó, đời sống của con người nơi cõi phàm trần có bốn mục đích chánh yếu sau đây:

1. Học hỏi: Học sao cho thông hiểu tất cả những gì mà Đức Chí Tôn đã bày ra nơi cõi trần để làm nấc thang tiến hóa cho các đẳng chơn hồn.

2. Lập Công quả: Nhìn thấy các bạn đồng sanh đang sống lạc hướng, lặn ngụp trong sông mê bể khổ, chìm đắm trong chôn danh lợi quyền, mãi miết đi trên

đường vật dục, thì ta phải làm thế nào để giúp cho các bạn ấy thức tỉnh và giác ngộ, hiểu biết như ta, để trở lại con đường chơn chánh, đi đúng mục tiêu tiến hóa. Ta phải đem hết khả năng của mình ra để giúp đỡ và dẫn dắt họ.

3. Trả nợ: Nếu trong kỳ du học trước, ta đã gây ra nhiều nợ nần oan trái, thì trong kỳ du học này, nhứt định ta phải trả cho xong các nợ cũ dù phải đau khổ hy sinh.

4. Không gây nợ mới: Kinh nghiệm về sự trả nợ rất đau khổ, ta không nên gây thêm một món nợ oan nghiệt nào hết. Các điều răn cấm, các giới luật tu hành là những rào chắn rất hiệu quả để ngăn chặn không gây thêm nợ.

Thực hiện được bốn điều trên đây, thì chuyến du học này chắc chắn đạt được thành công mỹ mãn.

Hai Đấng CHA MẸ thiêng liêng chắc chắn sẽ rất hài lòng và các bạn thiêng liêng sẽ đón tiếp ngày trở về của ta thật vinh hiển huy hoàng.

X. Phần kết:

Nhơn sanh quan của Đạo Cao Đài đã giải quyết được các điểm chánh yếu mà từ xưa tới nay, các phái Triết học Duy Tâm và Duy Vật đã tồn nhiều thời giờ và giấy mực bàn cãi rất nhiều mà chưa đạt được một kết luận dứt khoát hợp lý nào thỏa mãn được các phái.

* Về nguồn gốc của loài người, con người từ đâu tới?

Người nguyên thủy (Thủy tổ loài người) là các Hóa nhân do loài vượn cao cấp (vượn-người) tiến hóa mà thành.

Cái nguồn gốc này không có gì để làm cho chúng ta xấu hổ, vì mọi vật từ cõi thiêng liêng đến cõi phàm trần đều nằm trong Luật Tiến hóa của Thượng Đế.

Chính Đức Phật Thích Ca mà ai ai cũng đều sùng bái, có những kiếp là Hóa nhân. Đức Phật có thuật lại, tiền thân của Đức Phật trong nhiều kiếp là loài cầm thú.

Hóa nhân xuất hiện trước, lần lần đông đảo rồi Thượng Đế cho một số Nguyên nhân đầu kiếp xuống trần, do các Nữ Hóa nhân sanh ra, để khai hóa các Hóa nhân.

Nguyên nhân là những người được Đức Thượng Đế và Đức Phật Mẫu tạo ra từ lúc Khai Thiên, được Đức Chí Tôn cho đầu kiếp xuống trần, ngoài nhiệm vụ khai hóa các Hóa nhân, Nguyên nhân còn phải lo học hỏi và tiến hóa.

* Con người có Linh hồn không?

Điều này không còn gì để nghi ngờ nữa, bởi vì khoa Thần Linh học hiện nay trên thế giới đã chứng minh sự hiện hữu của Linh hồn trong mỗi con người.

Hiện tượng xây cơ ma trong giới bình dân cũng chứng tỏ được người chết không phải là hết, mà Linh hồn người chết vẫn tồn tại, nên người chết có thể nói chuyện được với người sống qua trung gian của cây cơ.

Trong Đạo Cao Đài, hiện tượng Cơ Bút chứng tỏ rằng có Đấng Thượng Đế, có các Đấng Thần Thánh Tiên Phật, có thể giới vô hình rất huyền diệu mà trí não phàm tục của con người không thể hiểu thấu được.

Con người có ba thể: Thể xác (hữu hình), Chơn thần (bán hữu hình) và Linh hồn (vô hình). Chơn thần làm trung gian cho Thể xác và Linh hồn.

Đấng Thượng Đế đã dạy cho chúng ta biết rõ về Chơn thần. Đây là điểm rất mới trong Giáo lý của Đạo

Cao Đài, nhờ đó có thể giải rõ các hiện tượng của con người từ vật chất đến tinh thần, từ hữu hình qua vô hình.

Con người nơi cõi thiêng liêng (vô hình) chỉ có hai thể: Linh hồn và Chơn thần.

*** Con người khi chết đi về đâu?**

Khi Thể xác chết, nó sẽ thối rã và lâu ngày sẽ trở thành đất, còn Chơn thần và Linh hồn sẽ xuất ra khỏi thể xác để đi về cõi thiêng liêng, đến trình diện với hai Đấng Phụ Mẫu thiêng liêng là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Đức Chí Tôn xem xét các việc làm phước và tội mà Linh hồn và Chơn thần đã gây ra trong kiếp sống nơi cõi trần để khen thưởng hay bắt đi đầu kiếp mà trả quả.

Chừng nào Linh hồn và Chơn thần làm được những việc hoàn toàn tốt đẹp nơi cõi trần, xứng đáng là một Tiểu Thượng Đế thì khi trở về, Đức Chí Tôn sẽ khen thưởng xứng đáng và được hội hiệp cùng Đức Chí Tôn.

Con người là một Linh tử trong CKVT, có một đời sống miên viễn bất tận. Đời sống này bao gồm hai giai đoạn nối tiếp luân phiên nhau mãi mãi đến vô cùng:

- Đời sống nơi cõi thiêng liêng để nghỉ ngơi, an hưởng và suy nghiệm.
- Đời sống nơi cõi phàm trần là để học hỏi, lập công quả, tu luyện, để được tiến hóa nhanh.

Như thế thì mục đích của đời sống con người là để học hỏi và tiến hóa, tiến hóa mãi không ngừng, để cho Càn khôn cùng tiến hóa mãi mãi như các sự vận chuyển của các tinh cầu trong CKVT.

VŨ TRỤ QUAN

- Phần HỮU HÌNH của VŨ TRỤ:
 - o Sự hình thành vũ trụ.
 - o Vũ trụ của Đức Thượng Đế.
 - o Vũ trụ có vô thủy vô chung không?
 - Sự hủy diệt vũ trụ.
 - Sự tái tạo vũ trụ.
 - o Địa vị của địa cầu chúng ta trong CKVT.
- Phần VÔ HÌNH của VŨ TRỤ:
 - o Tam thập lục Thiên.
 - o Cửu Trùng Thiên và Thập nhị Thiên.
 - o Tứ Đại Bộ Châu.
- Tổng kết.

Vũ trụ hay Võ trụ có nghĩa bao gồm cả không gian và thời gian. Thường nói: Càn khôn vũ trụ (CKVT) nghĩa là khắp Trời Đất, khắp không gian và thời gian suốt từ xưa đến nay.

Mỗi vũ trụ gồm nhiều thế giới, mỗi thế giới là một địa cầu. Địa cầu của Nhơn loại chúng ta đang ở chỉ là một phần rất bé nhỏ trong toàn cả CKVT bao la của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Vũ trụ quan là một hệ thống tư tưởng trình bày về sự hình thành của vũ trụ, và những biến đổi của nó.

Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài giải đáp một cách minh bạch các vấn đề về vũ trụ sau đây:

- Sự hình thành của vũ trụ hiện hữu như thế nào?
- Vũ trụ hiện hữu có giới hạn không? Gồm có bao nhiêu ngôi sao?
- Vũ trụ có vô thủy vô chung không?
- Những khám phá của khoa học ngày nay có phù hợp với Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài không?

- Địa vị của Địa cầu Nhơn loại chúng ta trong CKVT.

Đó là những vấn đề then chốt về Vũ trụ mà Triết lý Cao Đài sẽ đề cập đến với nhiều mới lạ chưa từng thấy.

Theo Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài thì Vũ trụ hiện hữu của chúng ta có hai phần:

- *Phần Hữu hình thấy được.*
- *Phần Vô hình không thấy được.*

Phần HỮU HÌNH của VŨ TRỤ:

1. Sự hình thành Vũ trụ:

Sự hình hành Vũ trụ được Đức Chí Tôn giảng dạy, tóm gọn trong hai đoạn Thánh Ngôn sau đây:

"Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn khôn Thế giới. Thầy lại phân Tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là chúng sanh." (TNHT hợp nhứt, B 140)

"Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn khôn Thế giới này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không có Thầy." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 22)

Khởi thủy của CKVT là khoảng không gian mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông hỗn độn, gọi là thời kỳ Hỗn Nguyên. Không gian ấy là Vô Cực và khí Hồng Mông ấy là Hư Vô chi khí hay khí Hư Vô.

Trong Vô Cực ấy có một cái Lý thiên nhiên vô cùng huyền diệu, rồi lại có thêm một cái Khí tự nhiên

nữa. Lý với Khí ấy như là âm với dương trong buổi Hồng Mông.

Lý Khí ấy lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lâu đời nhiều kiếp, thành ra một khối tinh quang rất đầy đủ các sự tốt đẹp. Chừng đúng ngày giờ, khối ấy nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội, rung động cả không gian, liền có một khối Đại Linh Quang từ trong tiếng nổ ấy sanh ra lẫn lộn quây quần giữa chốn không trung, bắn tủa hào quang chiếu diệu rạng ngời, trùng trùng điệp điệp, rực rỡ chói lòa khắp cả mọi nơi.

Khối Đại Linh Quang ấy chính là Chúa Tể của CKVT đã được biến hóa ra và ngôi của Ngài là Thái Cực.

Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có Thái Cực, trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành thống chủ cả CKVT, lấy cơ thể âm dương mà phân thành lỏng trước, làm máy động tịnh để gom tụ khí Hư Vô, hóa sanh muôn loài vạn vật. Máy âm dương ấy cứ vùn vùn xoay chuyển, không ngưng nghỉ, để dưỡng dục chúng sanh, bảo tồn Thiên Địa.

Khắp trong Vũ trụ, có biết bao là quả tinh cầu, có quả trước, có quả thanh, có bậc cao bậc thấp, cái sáng cái tối, thấy đều tuân theo máy Thiên Cơ mà chuyển xoay trật tự: cái lại cái qua, cái lên cái xuống, không bao giờ ngưng nghỉ đặng. Tinh cầu nào cao thanh khinh phù thì vượt qua mấy cõi khác mà lên ngất trên thượng tầng không khí.

Địa Cầu của nhơn loại là Địa Cầu vật chất hữu hình trọng trước, nhưng cũng còn thuộc bậc khá, vì bên dưới còn có nhiều Địa Cầu trọng trước hơn nữa. Những Địa Cầu này nặng chìm xuống đáy sâu của Vũ trụ, nên rất tối tăm mờ mịt, âm khí nặng nề, thăm sâu buồn bã góm ghê!

1. Hư Vô chi Khí:

Thời nguyên thủy, cả không gian có một chất khí Hồng Mông hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, hiện hữu mà không biết được nguồn gốc có từ hồi nào và do đâu. Khí ấy được gọi là Hư Vô chi Khí tức là Khí Hư Vô.

Khí Hư Vô ấy còn được gọi bằng nhiều danh từ khác nữa: Khí Hồng Mông, Khí Vô Vi, Khí Tiên Thiên, Khí Hạo Nhiên.

Phật giáo gọi Khí Hư Vô là Chơn Như.

Lão giáo gọi khí ấy là Đạo.

Nho giáo gọi khí ấy là Vô Cực.

2. Thái Cực:

Khí Hư Vô lần lần ngưng kết, đông tụ lại với nhau lâu đời nhiều kiếp, chừng đúng ngày giờ thì nổ ra một tiếng lớn rung động cả không gian, sanh ra một khối Đại Linh Quang phát ra hào quang chiếu diệu.

Khối Đại Linh Quang ấy là Đại Hồn của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, tuyệt diệu tuyệt huyền, biến hóa vô cùng, nắm trọn quyền hành tạo hóa. Khối Đại Linh quang ấy cũng được gọi là Thái Cực. Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực, tuyệt đối, duy nhất.

3. Lưỡng Nghi - Tứ Tượng - Bát Quái:

Ngôi Thái Cực lấy cơ thể của mình mà phân định ra Lưỡng Nghi: Nghi Âm và Nghi Dương. Hai Nghi ấy chính là Khí Dương quang và Khí Âm quang, là hai khối năng lượng vĩ đại vô cùng vô tận mang hai tánh chất đối nghịch nhau, nhưng lại có ái lực với nhau.

Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế chủ trương quản khí Dương quang, còn khí Âm quang chưa có ai chủ trương

quản, vì lúc bấy giờ chỉ có duy nhất một Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế được hóa sanh ra trước tiên mà thôi.

Ngài liền hóa thân ra Đức Phật Mẫu và giao cho Đức Phật Mẫu chương quản khí Âm quang.

Vũ trụ từ đây bắt đầu có hai khí: Dương quang và Âm quang do hai Đấng đầu tiên chương quản là Đức Thượng Đế và Đức Phật Mẫu. (Đức Phật Mẫu chỉ là một hóa thân của Đức Thượng Đế).

Trong công cuộc sáng tạo ra CKVT, Đấng Thượng Đế làm tới đâu và cần người chương quản thì Ngài dùng quyền pháp vô biên của Ngài mà hóa thân ra người ấy để làm nhiệm vụ do Ngài sắp đặt.

Hai khí Dương quang và Âm quang xoay chuyển không ngừng, đun đẩy cho rộng lớn thêm ra mãi để tạo thành Tứ Tượng. Tứ Tượng là bốn tượng: Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm.

Tứ Tượng tiếp tục xoay chuyển, càng rộng ra thì tốc độ xoay chuyển càng lớn, tạo thành Bát Quái gồm: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Bát Quái tiếp tục xoay chuyển, càng rộng thêm ra, tốc độ quay càng lúc càng lớn, để rồi đun đẩy va chạm nhau, phát sanh nhiệt độ rất lớn, hàng triệu độ, tạo nên một áp lực bên trong vô cùng to lớn, càng lúc càng tăng, rồi phát ra tiếng nổ dữ dội, bắn phá ra chung quanh các quả cầu lửa to lớn bay khắp không gian, quay cuồng dữ dội, tạo ra các Mặt Trời.

4. Mặt Trời - Địa Cầu - Mặt Trăng:

Các quả cầu lửa là các Mặt Trời tiếp tục cháy sáng và quay tròn dữ dội, rồi tiếp tục bắn phá ra chung quanh các quả cầu lửa nhỏ hơn, quay quanh Mặt Trời, để rồi nguội dần, tạo thành các Địa cầu. Các Địa cầu này là những Hành tinh của Mặt Trời.

Có những Địa cầu lớn, lúc chưa nguội, lại quay nhanh, văng ra các quả cầu nhỏ hơn nữa, rất mau nguội, tạo thành các Vệ tinh hay còn gọi là Mặt Trăng, quay chung quanh Địa cầu.

Tóm lại:

- Các Mặt Trăng quay quanh Địa cầu, tức là Vệ tinh quay quanh Hành tinh.

- Hệ thống Địa cầu và Mặt Trăng (Hành tinh và Vệ tinh) cùng quay chung quanh Mặt Trời.

- Hệ thống gồm Mặt Trời, các Địa cầu, các Mặt trăng được gọi là Thái Dương Hệ. Các Thái Dương Hệ đều quay quanh một Tâm điểm, gọi là Tâm của Vũ trụ.

Theo Khoa Học Thiên Văn, Thái Dương Hệ của chúng ta gồm có 9 Hành tinh quay chung quanh Mặt Trời. (Khi Hành tinh quay thì nó vẫn mang theo các Vệ tinh quay theo).

Sau đây là thứ tự và khoảng cách của Hành tinh với Mặt Trời từ gần đến xa:

(Khoảng cách từ Mặt Trời đến Địa cầu của chúng ta là 150 triệu kilômét, được dùng làm đơn vị Thiên văn, viết tắt đvtv, để đo khoảng cách từ các Hành tinh khác đến Mặt Trời: 1 đvtv = 150 triệu km)

Theo tài liệu trong quyển "Tìm hiểu Hệ Mặt Trời", chúng ta có bảng sau đây:

TT	Hành tinh	Khoảng cách đến Mặt trời	Độ lớn: đường kính	Khối lượng riêng g/cm ³	Số Vệ tinh
1	Thủy tinh	0,39 đvtv	4878 km	5,4	0
2	Kim tinh	0,72 đvtv	12104 km	5,2	0
3	Trái đất	1,00 đvtv	12756 km	5,5	1

4	Hỏa tinh	1,52 đvtv	6787 km	3,9	2
5	Mộc tinh	5,20 đvtv	142984 km	1,3	16
6	Thổ tinh	9,55 đvtv	120536 km	0,7	22
7	Thiên tinh	19,21 đvtv	51118 km	1,2	15
8	Hải tinh	30,10 đvtv	49528 km	1,6	8
9	Diêm tinh	39,40 đvtv	2284 km	2,0	1

2. Vũ trụ của Đức Thượng Đế:

Trong khoảng không gian bao la vô cùng tận, có rất nhiều vũ trụ được hình thành, mà Vũ trụ của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chỉ là một phần tử.

Vũ trụ này được tượng trưng bằng Trái Càn Khôn thờ nơi BQĐ của TTTN, mà Đức Thượng Đế dạy Ngài Giáo Sư Thái Bình Thanh làm, trong bài Thánh Ngôn sau đây:

"Bính! Thầy giao cho con lo một Trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười.... Một trái như Trái Đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm 3 thước 3 tấc, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đúng, vì là cơ mầu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Càn khôn ấy.

Thầy kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải Tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới đều là Tinh tú. Tính lại 3072 ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ.

Con giờ sách Thiên văn tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu, vẽ Con Mất Thầy, hiểu chăng?

Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đựng trong một ngọn đèn cho nó thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện rất quý

báu cho cả nhơn loại Càn khôn Thế giới đó, nhưng mà làm chẳng kịp thì con tùy tiện làm thế nào cho kịp Đại Hội, nghe à!" (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 33)

Theo bài Thánh Ngôn trên đây, Vũ trụ của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế gồm có hai phần: phần Vô hình và phần Hữu hình.

- **Phần Vô hình** gồm: Tam thập lục Thiên (36 tầng Trời) và Tứ Đại Bộ Châu (4 Bộ Châu lớn) ở không không trên thượng tầng không khí. (Xem chi tiết nơi phần sau)

- **Phần Hữu hình** gồm: Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu) và Tam thiên Thế giới (3000 Thế giới), tổng cộng là 3072 ngôi sao. (Bởi vì khi chúng ta nhìn lên bầu trời thấy các Hành tinh, Vệ tinh và các thế giới đều là những ngôi sao)

Địa cầu mà nhơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu số 68 trong Thất thập nhị Địa.

Mặt khác, các nhà Thiên văn trên thế giới đã dùng các kính Viễn vọng, kính Thiên văn quang phổ,... đã tìm thấy hàng triệu ngôi sao ở trong nhiều dãy Thiên hà.

Vậy, Vũ trụ của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có 3072 ngôi sao thì chỉ là một phần tử trong khoảng không gian bao la vô tận mà khoa Thiên văn đã khám phá được.

Như thế thì bên ngoài Vũ trụ của chúng ta còn có biết bao Vũ trụ khác, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn so với vũ trụ của chúng ta.

3. Vũ trụ có Vô thi Vô chung không?

Vô thi hay Vô thủy là không có chỗ bắt đầu, tức là không có nguồn gốc. Vô chung là không có chỗ tận cùng.

Vũ trụ là một thực thể nên cũng phải nằm trong Định luật: thành, trụ, hoại, không, giống y như các thực thể khác. Hễ có sanh thành ắt phải có lúc hoại diệt trở về không, để rồi sau đó được tái tạo trở lại, rồi sau một thời gian thì bị hủy diệt, và cứ thế tiếp diễn mãi trên con đường tiến hóa vô cùng tận. Nhưng trong khoảng thời gian từ lúc sanh thành cho đến lúc bị hoại diệt, lâu hay mau là tùy theo thực thể.

Đối với một Vũ trụ thì khoảng thời gian ấy rất dài, có thể đến hàng tỷ năm, khó có thể tưởng tượng nổi, nên có nhiều người cho rằng Vũ trụ này là Vô thi Vô chung.

Thật ra, như trong phần trình bày trên, Vũ trụ có khởi đầu, và mức khởi đầu đó là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức là Thái Cực, bởi vì chính Đấng Thượng Đế ấy đã tạo hóa ra CKVT và vạn vật hiện hữu.

Lại hỏi: Ai sanh ra Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế?

Đáp: Khí Hư Vô sanh ra Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đến đây, sự tìm hiểu của chúng ta phải dừng lại, vì nếu tiếp tục hỏi nữa thì không có cách nào giải đáp được.

Chúng ta, cả Vũ trụ của chúng ta đang đi trên con đường tiến hóa, tiến hóa mãi cho đến vô tận vô biên, chớ không phải chúng ta đi trên con đường tròn, không có điểm đầu tiên và không có điểm cuối cùng, vì khi đi trên vòng tròn thì không phải là **tiến hóa**, mà chỉ là sự **biến hóa** tuần hoàn theo một chu kỳ nhứt định.

Khác nhau ở chỗ *Tiến hóa* chớ không phải *Biến hóa*.

SỰ HỦY DIỆT VŨ TRỤ:

Trong Vũ trụ, ánh sáng phát ra từ các Mặt Trời do các phản ứng nhiệt hạch của vật chất trong Mặt Trời bức xạ ra ngoài. Ánh sáng này sưởi ấm các Hành tinh, được

các Hành tinh, các Vệ tinh chung quanh và vạn vật hấp thụ, tạo ra các phản ứng sinh hóa duy trì sự sống.

Sự phát xạ ánh sáng liên tục của Mặt Trời làm khối lượng Mặt Trời giảm dần theo thời gian, đến lúc nào đó, hàng tỷ năm sau, Mặt Trời cũng phải tắt. Nhiệt độ trong Thái Dương Hệ sẽ giảm xuống rất nhanh đến Không độ tuyệt đối (0°K) tức là 273°C âm dưới Không độ bách phân.

$$(0^{\circ}\text{K} = -273^{\circ}\text{C})$$

Các Thái Dương Hệ khác cũng ở trường hợp tương tự, sẽ lần lần tắt hẳn. Cả bầu Vũ trụ chìm trong cảnh vô cùng tối tăm và lạnh lẽo, nhiệt độ hạ xuống rất nhanh, tất cả sinh vật đều chết hết, biến thành vật chất đông lại thành những khối cứng. Đó là một cuộc Đại Tận thế của Vũ trụ. Nó nằm trong Định luật tự nhiên, hễ có tạo thành thì ắt phải có lúc bị hủy diệt.

Sau khi nó bị hủy diệt thì nó lại bắt đầu hình thành một Vũ trụ mới, đó là sự tái tạo Vũ trụ.

Đời sống của một Vũ trụ rất lâu dài, kể từ lúc nó được hình thành cho đến khi nó bị hủy diệt, kéo dài đến hàng tỷ năm, trong lúc đó, đời sống của một đời người nơi cõi trần lấy 100 năm làm kỳ hạn thì chẳng đáng kể gì.

SỰ TÁI TẠO VŨ TRỤ:

Khi các Mặt Trời của Vũ trụ tắt hẳn, nhiệt độ hạ xuống đến Không độ tuyệt đối hay thấp hơn nữa, vạn vật đông cứng và co lại làm cho trường hấp dẫn vạn vật giữa các hệ thống vật chất tăng lên gấp nhiều lần, khiến cho chúng hút nhau rất mạnh.

Các Vệ tinh bị hút rơi vào Hành tinh, các Hành tinh bị hút mạnh rơi vào Mặt Trời, các Mặt Trời đã tắt bị hút

manh rơi vào Tâm Vũ trụ. Càng đến gần, lực hút trở nên rất mạnh, (vì lực hút tỷ lệ nghịch với bình phương của khoảng cách), làm cho vận tốc rơi càng lúc càng tăng, lớn đến mức khủng khiếp, bằng vận tốc của ánh sáng (300 ngàn cây số trong 1 giây).

Các Hệ thống va chạm vào nhau vô cùng mãnh liệt, tạo ra một sức nóng khủng khiếp, nhiệt độ tại trung tâm vũ trụ tăng lên đến hàng triệu độ, mọi thứ vật chất đều bị đốt cháy biến thành hơi tức là biến thành chất khí, chúng quay cuồng hỗn độn, tạo ra một áp lực vô cùng lớn, đến một lúc nào đó thì gây ra tiếng nổ ghê gớm, làm bắn phá từ trung tâm vũ trụ ra chung quanh những quả cầu lửa to lớn, để tạo thành các *Mặt Trời mới*. Các *Mặt Trời mới* lại tiếp tục bắn phá ra chung quanh, tạo ra các *Hành tinh mới* quay quanh *Mặt Trời mới*. Các Hành tinh lớn lại bắn phá ra tạo nên các *Vệ tinh* quay quanh Hành tinh.

Thế là một *Vũ trụ mới* được thành hình và bắt đầu hoạt động trong một vận hội mới với trình độ tiến hóa mới, một đời sông mới.

Các *Vệ tinh* có kích thước nhỏ thì nguội trước, kế đó là các *Hành tinh* nguội dần, vật chất bên ngoài đông tụ lại thành lớp vỏ cứng bao bọc hành tinh. Khi nhiệt độ hạ xuống đến mức thích hợp, hơi nước bao quanh hành tinh tạo ra các trận mưa dữ dội, nước mưa rơi xuống thành sông ngòi và chảy vào những chỗ trũng thấp tạo thành biển.

Trên Hành tinh Địa cầu, khi có nước và ánh sáng Mặt Trời rọi đến thì xuất hiện sự sống, các sinh vật bắt đầu nảy sanh. Đầu tiên là các sinh vật đơn giản chỉ có một tế bào xuất hiện trong nước, lần lần tiến hóa lên cấp cao hơn và phức tạp hơn, theo Định luật Tiến hóa của Vũ trụ: Vật chất Kim thạch tiến hóa lên loài Thảo mộc, Thảo mộc tiến hóa lên Thú cầm, Thú cầm tiến hóa lên nhơn

loại. Rồi loài người lo tu hành, giúp người giúp đời, lần lần tiến hóa lên các phẩm Thần Thánh Tiên Phật.

Tóm lại, Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài quan niệm rằng Vũ trụ không phải là Vô thi, vì nó có khởi đầu. Điểm khởi đầu đó là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì Đấng ấy đã tạo dựng ra CKVT và vạn vật.

Vũ trụ cũng không phải là Vô chung (không có mức cuối cùng), vì Vũ trụ có lúc tự hủy diệt và mức cuối cùng của nó là cuộc Đại Tận thế, để rồi sau đó được tái tạo, khởi đầu hình thành một Vũ trụ mới tiến hóa hơn, và cứ thế tiếp diễn mãi trên con đường Tiến hóa vô cùng tận.

4. Địa vị Địa cầu chúng ta trong CKVT.

Vũ trụ Hữu hình gồm có: Tam thiên Thế giới (3000 Thế giới) và Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu).

Tam thiên Thế giới thanh nhẹ hơn Thất thập nhị Địa, nên chiếm phần trên của Vũ trụ, Thất thập nhị Địa trọng trực hơn nên ở phần dưới của Vũ trụ.

Trong Tam thiên Thế giới cũng như trong Thất thập nhị Địa, các quả tinh cầu thanh nhẹ thì ở bên trên, các quả nặng trực thì ở bên dưới. Càng lên cao thì càng thanh nhẹ trong sáng, càng xuống thấp thì càng nặng trực tối tăm.

Các Địa cầu trong dãy Thất thập nhị Địa được đánh số từ 1 đến 72, số 1 thì thanh nhẹ nhứt và số 72 thì nặng trực nhứt. Địa cầu của nhơn loại chúng ta là Địa cầu 68.

Phía dưới Địa cầu 68 của chúng ta có 4 quả Địa cầu: 69, 70, 71, 72 rất trọng trực, chìm đắm trong cảnh tối tăm nên được gọi là U Minh Địa. Trình độ tiến hóa của 4 Địa cầu này còn rất kém so với Địa cầu 68 của chúng ta.

Nhưng trình độ tiến hóa của Địa cầu 68 lại kém xa so với Địa cầu 67. Càng đi lên thì càng tiến hóa.

"Đứng bậc Đế Vương nơi trái Địa cầu 68 này, chưa đứng vào bậc chót của Địa cầu 67. Trong Địa cầu 67, hơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi Địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đế nhứt cầu (Địa cầu số 1), Tam thiên thế giới, vv..". (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 65)

Sự tiến hóa đi lên hết dãy Thất thập nhị Địa thì lên Tam thiên Thế giới, và cũng tiến hóa dần từ thấp lên cao.

Địa cầu 68 của chúng ta chỉ có 1 phần thanh, mà lại có 2 phần trược, nên Phật giáo gọi Địa cầu 68 là cõi Ta-bà, vì cõi này có nhiều ác trược, người tu phải nhẫn nhịn tối đa, nhưng nếu tu hành được thì rất mau đắc quả.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh, Đức Phật nói rằng:

"Ở cõi Ta-bà này mà làm lành một ngày đêm, hơn làm lành một trăm năm nơi cõi của Phật A-Di-Đà. Tại sao vậy? Vì cõi Phật A-Di-Đà là vô vi tự nhiên, chưa đủ sự lành, không có một sự dữ nào dù nhỏ xíu như mây lông sợi tóc."

Phần VÔ HÌNH của VŨ TRỤ:

Như trong các phần vừa trình bày trên, Phần Hữu hình của Vũ trụ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế gồm có: bên trên là Tam thiên thế giới (3000 thế giới), bên dưới là Thất thập nhị Địa (72 địa cầu). Tổng cộng có tất cả là: 3072 ngôi sao.

Vũ trụ Hữu hình được tượng trưng bằng Trái Càn khôn thờ nơi Bát Quái Đài của Tòa Thánh Tây Ninh.

Sự xoay chuyển của Tam thiên thế giới và Thất thập nhị Địa luôn luôn được đều hòa, không ngừng nghỉ, cái lên cái xuống, cái qua cái lại, không bao giờ va chạm nhau. Có được như thế là do sự điều khiển của các Đấng vô hình.

Các tinh cầu và các quả Địa cầu luôn luôn được Đấng Thượng Đế ban cho thần lực (tức là năng lượng thiêng liêng) vừa đủ để giúp cho sự chuyển động duy trì đều hòa, ổn định và không ngừng nghỉ.

Cũng giống như một cái đồng hồ điện tử, cục pin cung cấp năng lượng điện cho nó chạy đều hòa và không ngừng nghỉ. Nếu pin còn điện quá yếu hay hết điện thì nó không đủ cung cấp cho đồng hồ thì đồng hồ phải chạy chậm lại hay ngừng hẳn. Cho nên, nếu Đấng Thượng Đế cung cấp thần lực cho các tinh cầu và các Địa cầu một cách không đều hòa và liên tục thì các quả cầu ấy sẽ chuyển động rối loạn hay ngừng quay, đó cũng là một cuộc Đại hủy diệt vậy.

Để điều khiển sự vận chuyển của các tinh cầu và Địa cầu chuyển động đều hòa, cũng như điều khiển cuộc tiến hóa của cả Càn khôn, Đức Thượng Đế phải lập ra một guồng máy vô hình, gồm nhiều cơ quan là các tầng

Trời và các Đấng Thần Thánh Tiên Phật để giúp tay Thượng Đế.

Phần Vô hình của CKVT không thấy được mà chúng ta biết là do Đức Thượng Đế giảng dạy qua cơ bút, gồm có:

- Tam thập lục Thiên.
- Cửu Trùng Thiên và Thập nhị Thiên.
- Tứ Đại Bộ Châu.

1. Tam thập lục Thiên:

Tam thập lục Thiên là 36 tầng Trời.

Ngôi Thái Cực ở tại Bạch Ngọc Kinh, nơi ấy là trung tâm của CKVT. Thái Cực biến hóa ra Lưỡng Nghi: Âm quang và Dương quang.

Thái Cực và Lưỡng Nghi hợp thành 3 Ngôi Trời, gọi là Tam Thiên Vị, chiếm 3 tầng Trời tại trung tâm CKVT.

Dưới Tam Thiên Vị là 33 tầng Trời (Tam thập tam Thiên). Nhập chung lại thì đủ 36 tầng Trời.

Nơi Tam thập lục Thiên là ngôi vị của chư Thần Thánh Tiên Phật..

2. Cửu Trùng Thiên - Thập nhị Thiên:

Thập nhị Thiên là 12 tầng Trời.

Cửu Trùng Thiên là 9 tầng Trời.

Dưới Tam thập lục Thiên là Thập nhị Thiên.

Trong Thập nhị Thiên, bên trên có 3 tầng Trời, là:

- Hỗn Nguơn Thiên
- Hội Nguơn Thiên
- Hư Vô Thiên.

Hai tầng Trời Hỗn Nguơn Thiên và Hội Nguơn Thiên do Đức Phật Di-Lạc chủ quản.

Hư Vô Thiên do Đức Phật Nhiên Đăng chủ quản.

Trong tầng Trời Hư Vô Thiên có Ngọc Hư Cung, là nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn, để điều hành toàn cả các hoạt động trong CKVT. Tại đây, các Đấng Thần Thánh Tiên Phật họp Đại Hội để lập Thiên Điều cai quản CKVT.

Dưới 3 tầng Trời này là Cửu Trùng Thiên, kể ra:

- Tầng Trời thứ 9: Tạo Hóa Thiên
- Tầng Trời thứ 8: Phi Tướng Thiên
- Tầng Trời thứ 7: Hạo Nhiên Thiên
- Tầng Trời thứ 6: Kim Thiên,
- Tầng Trời thứ 5: Xích Thiên,
- Tầng Trời thứ 4: Huỳnh Thiên,
- Tầng Trời thứ 3: Thanh Thiên,
- Tầng Trời thứ 2 có Vườn Đào Tiên,
- Tầng Trời thứ 1 có Vườn Ngạn Uyển.

Tầng Trời thứ 9 do Đức Phật Mẫu chủ quản.

Tầng Trời thứ 8 do Đức Từ Hàng Bồ Tát chủ quản.

Tầng Trời thứ 7 do Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát chủ quản.

Thập nhị Thiên gồm: 3 tầng Trời bên trên và Cửu Trùng Thiên bên dưới, là nơi làm việc của chư Đấng Thần Thánh Tiên Phật, có nhiệm vụ cai quản và điều hành tất cả các hoạt động của CKVT và sự tiến hóa của Vạn linh.

3. Tứ Đại Bộ Châu:

Có 2 Tứ Đại Bộ Châu: trên và dưới.

☐ Tứ Đại Bộ Châu Trên cai quản Tam thiên Thế giới, gọi là **Tứ Đại Bộ Châu Thượng**, gồm:

- Bắc Đại Bộ Châu
- Đông Đại Bộ Châu
- Nam Đại Bộ Châu
- Tây Đại Bộ Châu.

☐ Tứ Đại Bộ Châu Dưới cai quản Thất thập nhị Địa, gọi là **Tứ Đại Bộ Châu Hạ**, gồm:

- Bắc Cu Lư Châu
- Đông Thắng Thần Châu
- Nam Thiệm Bộ Châu
- Tây Ngưu Hóa Châu.

Địa cầu 68 của nhơn loại chúng ta ở trong Nam Thiệm Bộ Châu.

TỔNG KẾT về Vũ trụ quan:

Vũ trụ của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế gồm có hai phần: Hữu hình và Vô hình.

- Phần Vô hình rất quan trọng vì nó điều khiển toàn bộ các hoạt động của Phần Hữu hình. Phần Vô hình ở tại Trung tâm của Vũ trụ.

- Phần Hữu hình nằm bên ngoài Phần Vô hình, luôn luôn chuyển động xoay tròn đều hòa và liên tục, không bao giờ ngừng nghỉ.

☐ Phần Vô hình gồm:

- Tam thập lục Thiên (36 Tầng Trời),
- Thập nhị Thiên (12 Tầng Trời),
- 2 Tứ Đại Bộ Châu Thượng và Hạ.

☐ Phần Hữu hình gồm 3072 ngôi sao, chia ra:

- Tam thiên thế giới (3000 Thế giới) ở bên trên,
- Thất thập nhị Địa (72 Địa cầu) ở bên dưới.

Trong khoảng không gian bao la không cùng tận, Càn khôn Vũ trụ của Đức Chí Tôn là một khối cầu vĩ đại, trong đó có chứa 3072 ngôi sao.

Để có thể hình dung được các thành phần của Vũ trụ này, chúng ta tưởng tượng và so sánh với cái hột gà:

- Cái ngòi giữa tròn đỏ hột gà là Trung tâm Vũ trụ.
- Phần tròn đỏ hột gà là Phần Vô hình của Vũ trụ.
- Phần tròn trắng hột gà là Phần Hữu hình Vũ trụ.
- Vỏ của hột gà là biên giới của Vũ trụ.

Sau đây là Bảng Tóm tắt cơ cấu thành phần của Càn khôn Vũ trụ của Đức Chí Tôn, Hữu hình và Vô

hình, kể từ Trung tâm Vũ trụ ra đến bên ngoài, biên của Vũ trụ:

1. TAM THẬP LỤC THIÊN			
- Tam thiên vị			
- 33 tầng Trời			
2. THẬP NHỊ THIÊN			
- Hồn ngươn Thiên			
- Hội Ngươn Thiên			
- Hư Vô Thiên			
- Cửu Trùng Thiên			
3. Tứ Đại Bộ Châu Thượng:			
Bắc Đại Bộ Châu	Đông Đại Bộ Châu	Nam Đại Bộ Châu	Tây Đại Bộ Châu
:	:	:	:
:	:	:	:
☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐
4. TAM THIÊN THẾ GIỚI			
Bắc Cu Lư Châu	Đông Thắng Thần Châu	Nam Thiệm Bộ Châu	Tây Ngư Hóa Châu
:	:	:	:
:	:	:	:
☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐
5. Tứ Đại Bộ Châu Hạ:			
Bắc Cu Lư Châu	Đông Thắng Thần Châu	Nam Thiệm Bộ Châu	Tây Ngư Hóa Châu
:	:	:	:
:	:	:	:
☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐
☐	☐	☐	☐
6. THẤT THẬP NHỊ ĐỊA			
Địa cầu 68			

TẬN THẾ HỘI LONG HOA

- Định nghĩa.
- Đã có mấy lần Tận thế?
- Tiên tri Tận thế lần thứ ba.
- Mỗi lần Tận thế có Hội Long Hoa.
- Sách: Tận Thế và Hội Long Hoa.
- Phần kết.

I. Định nghĩa.

1. Tận thế là gì?

Tận là hết, thế là đời, cõi đời.

Tận thế là tiêu diệt hết cõi đời này.

Tận thế là một cuộc đại động dữ dội chưa từng thấy, với những trận động đất rất mạnh làm thay đổi bề mặt địa cầu, với những Thiên tai khủng khiếp do thủy, hỏa, phong, rồi bệnh chướng nổi lên sát hại loài người, làm cho loài người chết rất nhiều, các Đấng Tiên Phật lúc đó giáng trần, dùng huyền diệu thiêng liêng để cứu sống những người hiền lương đạo đức, thành lập cõi đời mới gọi là đời Thánh đức, chỉ gồm những người thiện lương chọn chánh.

Số người được cứu vớt sống sót chỉ bằng một phần mười (1/10) số Nhơn loại hiện nay.

Như thế, Tận thế không có nghĩa là quả địa cầu này bị tiêu diệt, Nhơn loại chết hết, mà chỉ là một cuộc biến thiên rộng lớn làm thay đổi hình thể mặt đất, tiêu diệt 9/10 Nhơn loại, làm cho cõi đời ác trước của buổi Hạ nguon Mạt kiếp trở thành cõi đời thiện thanh chọn chánh, gọi là đời Thượng nguon Thánh đức, với những người hiền lương đạo đức, theo đúng luật Tuần hoàn của Trời Đất, luân chuyển trong ba nguon: Thượng nguon,

Trung nguon, Hạ nguon, rồi bắt qua Thượng nguon của Chuyển kế tiếp.

"Chú thích về Nguon Chuyển:

Nguon và Chuyển là hai danh từ thường được dùng để chỉ những khoảng thời gian rất dài trong sự hình thành vũ trụ, vạn vật, và những giai đoạn tiến hóa của Nhơn loại. Mỗi Chuyển chia ra 3 Nguon: Thượng nguon, Trung nguon, Hạ nguon. Hiện nay địa cầu của chúng ta đã trải qua 3 Chuyển và đang ở vào cuối Hạ nguon của Chuyển thứ ba, sắp bước qua Thượng nguon của Chuyển thứ tư."

2. Hội Long Hoa là gì?

Long là rồng, hoa là cái bông. Long Hoa là một cái cây có hình dáng giống như con rồng, đơm hoa rực rỡ.

Đức Phật Di-Lạc sẽ đắc đạo tại cội cây Long Hoa này, cũng như Đức Thích Ca đã đắc đạo tại cội cây Bồ Đề.

Đức Phật Di-Lạc sẽ làm Giáo chủ một Hội thi tuyển chung kết để chọn người hiền đức dưới cội cây Long Hoa, nên Hội này được gọi là Hội Long Hoa.

Vậy Hội Long Hoa là hội thi chung kết sau một giai đoạn tiến hóa dài của Nhơn loại, để tuyển lựa những người hiền lương đạo đức, loại bỏ những kẻ hung bạo gian tà, thực hiện sự công bình thiêng liêng, để rồi sau đó sẽ chuyển qua một giai đoạn tiến hóa mới.

Sự tuyển lựa này xảy ra trong một cuộc Tận thế như đã nói ở trên.

- Những người hiền lương đạo đức là những người thi đậu, sẽ được sống sót và được thưởng bằng những phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật tùy công đức nhiều ít.

- Những người gian tà hung bạo là những người thi rớt nên họ phải bị chết hết và linh hồn của họ phải chờ

đội để nhập vào một vận hội mới mà học tập và tiến hóa, chuẩn bị một cuộc thi mới sau này.

II. Đã có mấy lần Tận thế?

Sau mỗi Chuyển là có một lần Tận thế để phán xét sự tiến hóa của nhơn loại.

Địa cầu của nhơn loại chúng ta hiện nay đã trải qua 2 Chuyển, nên nhơn loại đã bị hai lần Tận thế, và sắp đến cuối Chuyển thứ ba nên sẽ có Tận thế lần ba.

Theo các kinh sách xưa truyền lại thì:

1. Tận thế lần thứ nhất: chép trong Kinh Thánh Cựu Ước của đạo Do Thái, do trận đại hồng thủy.

Kể từ khi Thượng Đế tạo ra loài người và để cho tiến hóa, thì loài người tiến hóa theo đường vật chất, quên mất nguồn cội và đạo đức tinh thần, tội ác càng ngày càng chồng chất. Thượng Đế nhìn thấy chỉ có gia đình ông Nô-ê là còn giữ được đạo đức và công bình. Ngài ban ơn cho Nô-ê, bảo Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn, khi có nước lụt lớn thì đem tất cả gia đình lên tàu, gồm vợ, ba con trai, 3 con dâu, lương thực và các sinh vật mỗi loài một cặp trống mái.

Thượng Đế gây ra trận đại hồng thủy, nước ngập khắp mặt đất, tiêu diệt hết nhơn loại và sinh vật, chỉ còn gia đình ông Nô-ê và các sinh vật trên tàu sống sót.

Khi nước lụt rút hết, gia đình ông Nô-ê và các sinh vật rời khỏi tàu, lên mặt đất canh tác, tạo ra thực phẩm, sống và sanh sản càng lúc càng nhiều. Vợ chồng Nô-ê trở thành thủy tổ loài người sau cuộc Tận thế lần thứ nhất.

2. Tận thế lần thứ nhì: Châu Atlantide sụp đổ.

Loài người nối tiếp qua nhiều thế hệ, lần lần khôn ngoan và tiến bộ, cũng xu hướng vào đường vật chất, xa lánh đạo đức tinh thần. Càng tiến bộ khôn ngoan thì càng

tự kiêu tự đại, khinh rẻ Thánh Thần. Dấu tích của nền văn minh này còn ghi lại trong các Kim Tự Tháp ở Ai Cập.

Đến kỳ Phán xét của Thượng Đế, những giống dân vô đạo đức thì bị trừng phạt hay tiêu diệt. Do đó xảy trận động đất dữ dội làm sụp đổ châu Atlantide, tạo thành biển Đại Tây Dương. Nền văn minh Atlantide cùng với giống dân vô đạo bị tiêu diệt, nhơn loại trở lại thời kỳ bán khai.

Tóm lại, qua hai thời kỳ Tận thế được biết qua các kinh sách, chúng ta thấy, Tận thế chỉ là một cuộc Đại Phán xét của Thượng Đế đối với nhơn loại, công thưởng tội trừng. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thi hành theo đúng Luật Nhân Quả, sau những thời kỳ chuyển luân tiến hóa như định.

III. Tiên tri Tận thế lần thứ ba:

Hiện nay, giống dân da trắng đang làm bá chủ nhơn loại trên mặt địa cầu này. Giống dân da trắng không đem sự khôn ngoan và sự văn minh tiến bộ giúp đỡ các giống dân khác kém văn minh hơn, lo tổ chức xã hội cho được thuần lương đạo đức, mà lại dùng sức mạnh bắt các giống dân khác làm nô lệ cho họ, đồng thời xúi giục các giống dân và các tôn giáo gây chiến với nhau, tương tàn tương sát để họ thủ lợi.

Mặt khác, thời kỳ này lại rơi đúng vào cuộc tuần hoàn giáp mối của thế giới, ở vào thời Mạt kiếp của Hạ nguơn Tam chuyển, bước qua Thượng nguơn Tứ chuyển. Đấng Thượng Đế cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mở ra một cuộc Phán xét lần thứ ba gọi là Hội Long Hoa, để kết thúc một giai đoạn tiến hóa dài.

Loài người hiện nay rất tội lỗi, nên cuộc Tận thế kỳ ba này rất dữ dội, nhơn vật 10 phần bị tiêu diệt hết 9

phần, chỉ còn lại một phần sống sót, gồm toàn là những người hiền lương, để lập đời Thượng nguồn Thánh đức.

Xin trích ra sau đây Thánh Ngôn tiên tri cuộc Phán xét (Long Hoa Hội) kỳ ba và sự cứu độ của Thượng Đế:

* "Kỳ Hạ nguồn hầu mãi, nhơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, mười phần còn lại một mà thôi. Than ôi! buồn thôi! Nghĩ vì Thiên cơ đã định vậy, thế nào mà cải choặng, duy có mở tâm lòng từ thiện mà ăn năn sám hối, lo việc tu hành, đồng với cả quốc dân mà quy lỵ khẩn cầu coi Trời có đoái tưởng đến chăng?

Bởi thế nên Đức Ngọc Đế và chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, mới lập Hội Tam Kỳ Phổ Độặng cứu vớt chúng sanh đương linh đình nơi bể khổ. Nếu gặp thuyền Bát Nhã mà không xuống không theo thì chắc thế nào cũng chơi vơi nơi mé biển." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 79)

* "Đời quá dữ, tội tình ấy, hình phạt kia cũng đáng đó chút. Lão vì thương yêu nhơn sanh, hội mười ngày nơi Bạch Ngọc Kinh, cải cho qua nạn nhơn loại, nhưng luật Thiên điều chẳng dễ chi sửa đặng.

Nạn tiêu diệt hầu gần, hết chém giết lẫn nhau, tới buổi bình chương sát hại. Lão thấy hình phạt phải châu mày, nhưng ôm lòng ráng chịu, lạy lục khẩn cầu, chư Đạo hữu đâu rõ thấu, ngơ ngáo ngáo như kẻ mất hồn, thấy càng thảm thiết.

Lão tưởng chẳng cần phải nói chi một nước nhỏ nhoi, đã đặng danh Thánh địa là nước Nam này, mà Lão xin không đặng tội cho thành Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Huế, Hải Phòng, Hà Nội thay! Thảm! Thảm! Thảm!" (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 93)

* "Họa Âu tai Á sẽ vì nơi Thiên thơ mà sát phạt, gieo sâu để thăm cho những giống dân nào đã vì hung bạo mà gây nên nhiều điều oán thán khắp cả Càn khôn này." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 100)

* "Ngày vui vẻ của sanh linh đã mòn, họa Thiên điều đã cận, Càn khôn thế giới còn đeo đuôi dụng thất đức vô nhân mà gieo thảm chất sâu trong nhơn loại.

Họa Âu tai Á sẽ lần lượt thay phiên nhau, dụng luật Thiên đình mà diệt phạt người vô đạo. Càn khôn cũng vì đó mà phải điên đảo.

Thầy lấy đức háo sanh mở đạo lần ba mà vớt kẻ hữu phần, tránh khỏi nơi buộc ràng khổ phạt. Ai hữu phước đặng để chân vào, kẻ vô phần phải bị tà yêu cám dỗ." (TNHT 1-2 hợp nhứt, B 59)

Đức Hộ Pháp thuyết đạo tiên tri cuộc Tận thế sắp tới diễn ra như sau:

"Cơ quan chuyển thế mà Đức Chí Tôn lập trước mắt sẽ dữ dội lắm! Tấn tuồng đó vẫn còn tiếp diễn chưa dứt.

Bản đạo quả quyết rằng, sẽ còn đại động dữ dội một phen nữa nơi mặt địa cầu này. Đặng chi? đặng giống dân da trắng giao quyền cho sắc dân mới nữa là giống dân Thần thông nhơn làm chủ, cầm giềng mối toàn mặt địa cầu này. Hại thay! Luật thiên nhiên chiếu theo kinh luật thượng cổ để lại, quan sát hẩn hoi, dỡ sách ra coi thấy trước thế nào, sau thế ấy, bánh xe tiến hóa vẫn đi, xây một hướng một chiều.

Bản đạo e cho loài người mãi miệt tội lỗi đó càng nguy hại cho loài người hơn nữa, nên Đức Chí Tôn lập Đạo Cao Đài là đền thờ cao trọng, đức tin to lớn, ngự trước Thiên lương loài người mới có thể thắng cơ quan Thiên điều định trước. Chúng ta, Thánh thể của Ngài, giúp Ngài giải quyết được chăng? Nếu thoảng không được, cái hại này còn duy trì nữa.

Ngài muốn Việt Nam là Thánh địa, cho nhơn loại biết rằng nhờ đây mà giải quyết cứu thế, bảo tồn nhơn

loại là do con cái của Ngài, do nơi chúng ta. Nếu bắt lực, chúng ta có phần lỗi đó vậy." (Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Q.I tr. 80)

"Kiếp số của địa cầu này còn vĩnh cửu, chỉ thay đổi hình thể, vạn loại mà thôi, nó vẫn còn tăng tiến mãi.

Chúng ta đã ngó thấy qua chừng 100 năm trước, văn minh của con người không đạt đến mức hiện tượng như bây giờ. Cơ tấn bộ tinh thần và vật chất dữ dội nhất là trong vòng 50 năm sau. Theo đó mà tính toán lại coi, trong 500 năm nữa, nhơn loại sẽ ra sao?

Phật giáo nói, qua sắc dân da trắng, tinh thần vi chủ, tới sắc dân Thần thông nhơn, qua khỏi dân Thần thông nhơn thì có sắc dân Chí linh. Lúc đó người là Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế. Như vậy còn hai sắc dân nữa cho 500 năm sau." (Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Q.I tr.132)

Lời Đức Chí Tôn tiên tri đã quyết định hẳn hoi:

*Chừng nào đất dậy trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.*

(TNHT)

IV. Mỗi lần Tận thế có Hội Long hoa:

Như phần trên vừa trình bày, mỗi lần Tận thế là để phán xét lọc lừa người thiện kẻ ác để phong thưởng trong Hội Long Hoa.

Từ trước tới nay đã xảy ra hai lần Tận thế và hai lần mở Hội Long Hoa:

1. Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật làm Chánh Chủ khảo.

2. Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội, Đức Phật A-Di-Đà làm Chánh Chủ khảo.

3. Kỳ Tận thế lần thứ ba, Đức Chí Tôn sẽ mở Hội Long Hoa, gọi là **Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội**, Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ khảo.

Đạo ví Đời là một học đường vĩ đại, có đủ tất cả bài học từ thấp đến cao, từ ác đến thiện, từ trước đến thanh, để nhơn sanh học hỏi, chứng nghiệm, trau luyện tâm tánh để tiến hóa, mà Hội Long Hoa là cuộc thi tuyển và đề thi là đạo đức. Hội Long Hoa kỳ ba này rất quan trọng, vì là thi chung kết, chấm dứt Đệ tam Chuyển, bắt qua Đệ tứ Chuyển mà khởi đầu là Thượng Nguơn Thánh Đức.

Cho nên Hội Long Hoa kỳ ba này có một cuộc biến động dữ dội, để sàng sảy lọc lừa, tuyển chọn những người có trình độ đạo đức mà lập đời Thượng Nguơn Thánh Đức, loại bỏ những phần tử gian tà, tức những phần tử thi rớt.

Hội Long Hoa kỳ ba này cũng là Hội Điểm Đạo lần ba của Địa cầu 68, là cuộc Điểm Đạo vĩ đại và quan trọng mà tất cả chư Phật, Tiên, Thánh, Thần và những người tiến hóa đủ tiêu chuẩn đạo đức đều phải tham dự.

Sau cuộc biến động dữ dội gọi là Tận Thế đó, địa cầu 68 trở lại yên tĩnh, thời tiết trở lại điều hòa tốt đẹp, trước khi tiêu tan, nhơn loại còn lại là những tân dân hiền lương đạo đức, với hình dung tốt đẹp, mạnh khỏe, sống lâu, tạo lập một xã hội Đại đồng, cùng sống hòa bình với nhau trong tình bác ái và sự công bình. Chư Thánh Tiên Phật sẽ giáng trần tiếp tục hướng dẫn nhơn sanh tu hành tiến hóa cao thêm nữa.

Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo về Hội Long Hoa, đêm 14-1-Kỷ Sửu (1949) tại Đền Thánh, xin chép ra sau đây:

"Long Hoa Hội là gì? Long Hoa Hội là một ngày, một buổi khảo lựa của toàn thể các chơn hồn, dầu quý vị hay Thần vị cũng vậy, định khoa mục của mình đăng lập vị thiêng liêng.

Chúng ta hiểu rằng, mỗi Chuyển tức nhiên là mỗi khoa mục. Hết cuối một Chuyển, tức nhiên Hạ Nguơn, là ngày định vị của các đẳng linh hồn. Thánh giáo Gia Tô đã nói rằng: Ngày Xét Đoán cuối cùng (Jugement Général) mà kỳ thật là ngày định vị cho các chư Phật đó vậy."

"Có một điều trọng hệ đương buổi này là buổi nào nhiệt. Tại sao? Tại măn Hạ Nguơn Tam Chuyển, Thiên thơ đã định Long Hoa Hội.

Thánh giáo Đức Chí Tôn nói:

"Các con phải chung cùng nhau, tức nhiên lập Long Hoa Hội, định vị cho các chơn linh trong kỳ Hạ Nguơn Tam Chuyển này, định vị cho họ đăng mở Thượng Nguơn Tứ Chuyển cho các chơn linh."

Ngài mở Hội Long Hoa ấy, tức nhiên là Ngài định chằm đậu rớt cho các chơn linh vậy.

Vì có cho nên chúng ta ngó thấy có huyền vi bí mật nơi mặt thể này: Đức Chí Tôn đến mở Đạo ngày nay, chúng ta thấy oan gia nghiệt chướng phải trả liền buổi này, không cho thiếu, trả măn mới thôi."

Mặt khác, chúng ta quan sát Tòa Thánh Tây Ninh, thấy bao lơn nơi mặt tiền Tòa Thánh có bốn cây cột chống đỡ, phân làm hai cặp. Mỗi cặp có một cây đắp hình rồng (Long) quấn cột, một cây đắp hình bông sen (Hoa) quấn cột, nên mỗi cặp cột tượng trưng hai chữ LONG HOA. Còn trên nóc Hiệp Thiên Đài, giữa hai lầu chuông trống là tượng Đức Phật Di-Lạc ngự tòa sen đặt trên mình cạp.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo về Hội Long Hoa tại Hộ Pháp Đường, ngày 16-9-Ất Mùi (dl 31-10-1955), giảng giải bài Kinh Đại Tường, có đoạn kết, chép ra sau đây:

"Tới năm Tý sẽ mở Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị tại Tòa Thánh Tây Ninh này. Mấy em phải cố gắng làm cho kịp. Qua nói quả quyết nếu mấy em làm không kịp, qua có qui liễu trước đi nữa thì cái tội ấy về mấy em chớ không phải về Qua, nhớ điều đó. Qua cố gắng tận trung cùng Đạo, tận hiếu cùng Chí Tôn và Phật Mẫu, Qua chỉ ước cho thiêng liêng của mấy em đây nè, nó sẽ hưởng được một điều trọng yếu không biết ngày nào giờ nào, Qua không có thể vì quyền vi định trước được. Qua mơ ước làm thể nào cho dòng máu thiêng liêng của mấy em đây nó gặp mặt Đức Chí Tôn đến tại thể này, lấy một quyền năng thiêng liêng của Ông, như Ông đã đến Đền Thờ Tây Tạng kia vậy. Hết nói đến Đền Thờ Tây Tạng thờ Đức Chí Tôn, thì đều nghe hiểu.

Có lẽ Đền Thánh này Đức Chí Tôn thể nào cũng đến, lại chưa đến là vì lẽ gì? Lý do vì chưa có trọn sao đây, mấy em cố gắng đi, từ đây tới sau, cho tới ngày Long Hoa Hội, hoặc nên hư đăng thất điều gì, Qua lập Long Hoa Hội được hay chẳng, Qua phú thác nơi tay mấy em đó vậy."

V. Sách: Tận thế và Hội Long hoa:

Ông Vương Kim viết quyển **Tận Thế và Hội Long Hoa** nói về cuộc Tận Thế và cảnh đời Thượng nguơn, tóm lược và trích ra sau đây:

"Tận thế bằng cách nào? Hội Long Hoa thế nào?"

Đó là một cuộc lựa lựa lớn lao kỳ diệu của Đức Thượng Đế, mà với trí phàm của con người khó thể nghĩ

bàn, vì nó làm thay đổi cả vạn vật một cách màu nhiệm và chớp nhoáng.

Sau một cuộc lở đất long trời tối tăm mù mịt, người đứng cách nhau gang tấc cũng không thấy nhau, tiếng cây ngã, đá bay và có những tiếng khóc than thảm thiết kêu cứu, mà không ai có thể làm sao giúp nhau được.

Trong lúc đó, những cái cũ kỹ, những cái trái ngược đạo lý, những cái đảo lộn nhơn tâm và những điều không tương ứng với cơ Tạo Hóa, bên trong cũng như bên ngoài con người, thấy thấy đều bị tận diệt hết cả.

*** Về bên ngoài của con người:**

- Những loại thuộc về khoáng vật như: đao, kiếm, súng ống, bom đạn, v.v...

- Những loại thuộc về thực vật như cây có gai, cây có chất hôi, chất độc, và cây vô dụng vô ích, v.v...

- Những loài động vật độc hại như rắn, rít, sói, lang, hùm, beo, v.v...

Nói tóm lại những loại bên ngoài con người, bất kỳ thứ nào, dù khoáng vật, thực vật, động vật, hễ không có ích cho thời đó cũng như về sự cần dùng, mà ngược lại còn làm tổn hại con người, đều bị tiêu diệt hết cả.

*** Về bên trong của con người:**

Tất cả ngôn ngữ, tư tưởng và hành động bất công bất chánh, không đạo đức, đê tiện xấu xa,... mà con người đã có từ trước đều bị tiêu diệt ngay trong lúc biến thiên ấy.

Tại sao? Vì kẻ đã có bản tánh và hành vi tồi tệ chắc chắn không tồn tại, trái lại, người được tồn tại trong thời đó, nhứt định không có những chỗ xấu xa kia.

Tại sao Đức Thượng Đế có quyền tiêu diệt cả vạn vật ở quả địa cầu này? Vẫn được và càng được trong thời Mạt pháp này, bởi lẽ Ngài là một vị cầm cán cơ quan

chương quản cả vạn vật ở cõi ngũ trược ác thế này, nên chỉ lúc nào Ngài cũng có quyền chiếu theo Công lý của Luật Nhơn Quả báo ứng mà thưởng phạt vạn vật ở thế gian.

Tuy nhiên, trước khi trừng trị vạn vật và con người, về những tội lỗi hung hăng giáo quyết thì Thượng Đế cùng chư Phật, đồng ý cho các vị Thịnh Văn, Duyên Giác, La Hán, Bồ Tát và các Thần Tiên gấp rút làm phàm, cùng một khẩu hiệu, cùng một giáo pháp (song có nhiều thể thức khác nhau, tùy theo căn cơ và địa vực), để dạy dỗ, kêu réo những người có thiện căn, âm đức, mau mau hồi đầu thức tỉnh, lánh dữ về lành, hầu nhờ sự ủng hộ của chư Tiên Phật Thánh Thần, để tránh khỏi cơ tận diệt tới đây.

Đồng thời các vị thiêng liêng ấy cho người đời biết trước Hội Long Hoa sẽ mở tại miền Nam Việt Nam.

Hội Long Hoa thế nào?

Long Hoa là một hội chọn lựa những phần tử ưu tú có đạo đức chơn chánh, hiếu hạnh đầy đủ, trung nghĩa vẹn toàn, là những người tâm tánh trong sạch hiền lương, để lập cõi đời an lạc công bằng ở thời kỳ Thượng nguơn.

Trong khoảng kế cận Hội Long Hoa, tất cả loài người loài vật, cho đến thảo mộc côn trùng trên thế gian đều ở trong cảnh giết hại tàn phá lẫn nhau, và đau đớn hơn hết là con người đua nhau nôi da xáo thịt, gây nên nạn đốn đầu thê thảm!

Đến ngày Hội Long hoa, sẽ có nhiều việc nhiệm màu khó tưởng tượng nổi, nào là Tà giáo và Chánh giáo đua nhau trở tài đấu phép làm kinh Thiên động Địa, nào là loài người và thú sát hại nhau làm Thần sầu Qui khóc.

Trong cảnh ấy, hai phái Chánh giáo và Tà giáo xô nhau đến cảnh giết chóc, xương chồng tợ núi, máu chảy thành sông, mà chung qui Chánh giáo trọn thắng, nhờ Bí

pháp của Đức Phật phù trợ; còn những loại thú dữ do phép mầu của Thần Tiên hóa hiện để sát phạt những người có lòng ác độc, tuy mang lột người mà chẳng chút giống người, chỉ biết xu danh trục lợi, ích kỷ tổn nhân, nói tóm lại là lòng dạ của họ như thú vật nên bị thú vật giết hại đúng theo phản lực nhân quả.

Sau khi trừ khử xong những hạng ác nhân, Thần Tiên thu phép mầu lại, các loài thú dữ không còn nữa.

Đến đây là lúc các vị Phật Tiên Thánh Thần đồng giáng phàm, để tùy theo nhân duyên mà cứu độ, nghĩa là người có duyên với Phật thì Phật rước về cõi Phật, người có duyên với Tiên thì được Tiên rước về cõi Tiên, còn những người vào bạng Phong Thần thì làm Thần, những người kém đức hạnh hơn mấy hạng nói trên thì ở lại làm dân hay làm quan phò chúa Thánh.

Có một điều lạ như là phần nhiều và có thể nói là gần hết các vị cự thần trung quân ái quốc của Việt Nam từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần trở lại đây đều tái kiếp.

Trong cảnh Tà Chánh phân tranh, nhân vật cấu xé, Đức Phật Di-Lạc ra đời lập Hội Long Hoa, có cả chúng sanh của 3000 thế giới tham thánh như Thịnh Văn, Duyên Giác, La Hán, Bồ Tát, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, người, rồng, hổ, điểu, v.v... đều xoay quanh bửu tòa của Ngài để nghe những lời vi diệu mầu nhiệm chưa từng có.

Ngài sẽ thống nhất tất cả kinh luật lại làm một khiến cho tất cả chúng sanh không còn sự tranh chấp câu nệ đạo này chánh đạo kia tà. Ngài là vị Phật thứ năm trong năm vị Phật hiện kiếp.

Vào thời kỳ Mạt pháp này, đến lượt Ngài ra đời kế truyền Chánh pháp của Đức Thích Ca, bởi sau khi Đức Thích Ca diệt độ đến nay đã hơn 2500 năm, lời di giáo bị sai lạc tinh lý vì bị truyền qua dịch lại nhiều lần.

Nhờ Ngài mà nhơn loại có một thế giới trang nghiêm thanh lịch, an lạc phi thường. Đường đi như lót cẩm thạch, cỏ tợ nệm bông, người đẹp như Tiên, không làm có ăn, không may có mặc, cư xử với nhau rất hiền hòa và lịch sự.

Với mỹ lệ ấy, con người lại có cái đặc biệt là không cánh mà bay, sống lâu muôn tuổi, trí hóa thông minh một cách dị thường. Vì phần nhiều là người thượng cổ tái kiếp, nên phong tục tập quán được gìn giữ nghiêm minh.

Đây là nói ngay xứ Việt Nam.

Sở dĩ nước VN được cái diễm phúc như nói trên là bởi các vua chúa đến quan dân VN thời Đinh, Lê, Lý, Trần trở lại đây, phần nhiều đều qui ngưỡng về Phật đạo, Tiên đạo và Nho đạo một cách thâm thiết, trong đó có một vị vua phát nguyện sau khi thành đạo sẽ trở lại chủ trì nền đạo và phong tục VN. Nhờ công quả và công đức ấy, khiến cho thay đổi địa vị nước VN vậy, và nước VN sẽ trở thành địa điểm trung ương của đời Thượng nguơn, đó là vì tuân tợ theo định luật tuần hoàn của cơ Tạo Hóa."

VI. Phần kết:

Các Đấng thiêng liêng đã tiên tri kỳ Tận Thế này rất dữ dội, nhơn loại sẽ bị tiêu diệt 90% bởi nhiều cách:

- Chiến tranh tương tàn tương sát với vũ khí nguyên tử và hóa học tối tân, giết người hàng loạt, cùng đánh nhau rồi cùng chết hết, không có kẻ thắng người bại.
- Cuộc đại động đất dữ dội làm thay đổi hình thể mặt địa cầu, có nơi thành biển, có chỗ thành non.
- Bệnh chương sát hại lan tràn khắp nơi.

- Cuối cùng, Ngũ hành thay đổi, khí Âm tuyệt, khí Dương sanh để loại bỏ số nhơn loại có tâm tánh ô trược.

Muốn được sống sót trong Kỳ ba Tận Thế này, chúng ta phải lo lập công bồi đức cho nhiều, tu hành chơn chánh, không chút bợn nhơ, từ bỏ ác hành, dù một chút nhỏ. Chúng ta còn phải ăn chay trường để chơn thần trong sạch nhẹ nhàng mới chịu nổi khí Tiên Thiên. Nếu còn ăn mặn, chơn thần ô trược, dẫn điện, sẽ bị sét đánh tiêu tan.

Chỉ có 10 % nhơn loại là còn sống sót sau khi Tận Thế, sẽ được tham dự Hội Long Hoa. Trong số này, những người có nhiều công đức sẽ có ngôi vị là Thần, Thánh, Tiên, Phật, những người ít công đức sẽ làm tân dân trong một thế giới mới gọi là thế giới đại đồng, và địa cầu của chúng ta bước qua thời kỳ Thượng nguơn của Chuyển thứ tư, gọi là đời Thánh đức.

TANG LỄ

- Phần thứ nhất: CẦU GIẢI BỆNH.
- Phần thứ nhì: TANG LỄ.
 1. Cầu hồn khi hấp hối.
 2. Cầu hồn khi đã chết rồi.
 3. Thượng số Tân cổ.
 4. Tẩn liệm (Nhập mạch).
 5. Tẩm phủ quan - Đốt đèn trên và dưới quan tài.
 6. Thiết lập bàn vong, khay vong, linh vị.
 7. Cáo Từ Tổ - Thành phục - Tang phục.
 8. Cúng vong triều tịch.
 9. Tế điện: Chánh tế và Phụ tế.
 - Tế điện hàng Thiên Thần.
 - Tế điện hàng Nhơn Thần và Địa Thần.
 10. Lễ cầu siêu.
 11. Lễ chèo hầu tại Khách đình (phẩm Lễ Sanh).
 12. Hành pháp độ hồn: phép xác, đoạn căn, độ thăng.
 13. Lễ động quan: Khiển điện.
 14. Đưa linh cữu đến Nghĩa địa.
 15. Điều văn - Cảm tạ - Hạ huyết.
 16. Tuần cửu - Tiểu tường - Đại tường - Xả tang.
 17. Nghi tiết Tang lễ hàng Thiên Thần.
 18. Nghi tiết Tang lễ hàng Nhơn Thần và Địa Thần.
 19. Tang lễ của Đạo hữu giữ Lục trai.
 20. Tang lễ Bạt tiến.
 21. Trường hợp: -Tự tử, - Sét đánh, - Nhi đồng.
 22. Giải thích: Thuyền Bát Nhã, Dàn bắc, Dàn nam.

Lưu ý: Xin đọc giả tham khảo thêm tài liệu:

1. QUAN HÔN TANG LỄ do Hội Thánh ban hành năm 1976. Ấn bản năm Bính Thìn (1976). In tại BẠCH VÂN Ấn Quán - Cơ Quan Phát Thanh nội ô TÒA THÁNH Tây Ninh.
2. HẠNH ĐƯỜNG Tài Liệu Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Nam Nữ (Khóa CANH TUẤT 1970)

Phần thứ nhứt: CẦU GIẢI BỆNH

Cầu giải bệnh là tụng kinh cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng tha thứ oan khiên nghiệp chướng của người bệnh để được mau bình phục sức khỏe.

Theo tài liệu Hạnh Đường huấn luyện Chức Việc Bàn Trị Sự nam nữ khóa Canh Tuất (1970), Nghi lễ lập đàn cầu bệnh cho bốn đạo như sau:

Phương pháp thực hành: Hành lễ trong 3 đêm:

1. Khởi đêm thứ nhứt: Vào thời Dậu, thiết lễ cúng Đức Chí Tôn, có thượng sớ và dâng Tam bửu: Bông, Rượu, Trà, do Chánh Trị Sự dâng sớ.

Khi bắt đầu hành lễ, nên lên nhang đèn bàn thờ Ông Bà cho trong gia quyền của bệnh nhơn cầu nguyện rồi sẽ nhập đàn.

Buộc gia quyền phải cúng Thầy để cầu nguyện. Cúng xong, bái đàn thì tiếp tụng Kinh Di-Lạc và ba biến Cứu Khổ. (Trường hợp tụng Kinh Di-Lạc, một hay ba hiệp cũng được).

2. Đêm thứ hai: Cũng thời Dậu, thiết lễ cúng Thầy, không thượng sớ, chỉ đọc bài dâng Trà nhưng cũng phải có đủ Tam bửu trên bàn thờ và việc hành lễ y như đêm thứ nhứt.

3. Đêm thứ ba: Hành lễ như đêm thứ hai là xong nhiệm vụ của Bàn Trị Sự (BTS), nhưng nếu gia quyền yêu cầu tụng Kinh Sám Hối đêm chót thì Bàn Trị Sự buộc người trong gia quyền cũng như bệnh nhơn phải giữ việc ăn chay trọn ngày và đêm để tụng Kinh Sám Hối. Bàn Trị Sự khởi quì tụng Kinh Sám Hối (để trọn gia quyền quì).

BTS chưa thọ Pháp Giải Bệnh thì làm như sau đây:

Khi cúng Thầy xong (chưa bái đàn), trong gia quyền đỡ người bệnh đến trước Thiên bàn, cho bệnh nhơn lạy cầu nguyện Đức Chí Tôn, vị chứng đàn vào quì cầu nguyện Chí Tôn, thỉnh ly rượu giữa để rửa mặt cho bệnh nhơn, kế thỉnh hai tách nước (nước trắng và nước trà), cầu nguyện Chí Tôn xong, ký tế lại (nghĩa là kê hai miệng tách lại, đổ thống nhứt xuống một tách khác) rồi cho người bệnh niệm Câu Chú của Thầy mà uống.

Trừ dư, nếu có vị Chức sắc thọ Pháp Giải Bệnh thì từng người mà hành lễ.

Phần thứ nhì: TANG LỄ (LỄ SANH, CHÚC VIỆC, ĐẠO HỮU) (& các phẩm tương đương)

1. Cầu hồn khi hấp hối.

Cầu hồn khi hấp hối là tụng kinh cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng cho linh hồn của vị tín đồ đang hấp hối được nhẹ nhàng xuất ra khỏi thể xác và được cứu giúp siêu thăng về cõi TLHS.

Theo tài liệu Hạnh Đường huấn luyện Chức Việc Bàn Trị Sự nam nữ khóa Canh Tuất (1970):

Phương pháp hành lễ Cầu Hồn Khi Hấp Hối cho vị tín đồ đang hấp hối như sau:

Bàn Trị Sự lo nghi tiết cúng Thầy trước dù chưa đến giờ cúng thời.

A. Nếu ngoài thời cúng thì dâng đủ Tam bửu.

B. Nếu đúng thời cúng, tùy thời nào dâng bửu này, mặc dầu dâng một bửu nhưng phải có đủ Tam bửu trên Thiên bàn.

C. Sau khi cúng Thầy xong, vị Chánh Trị Sự chứng đàn và hai vị Chức việc (Phó Trị Sự, Thông Sự) vào lạy Thầy cầu nguyện Đức Chí Tôn rằng:

"Chúng con là Bàn Trị Sự đương quyền hành chánh sở tại, được lời thỉnh cầu của vị đến đây Cầu hồn cho vị Đạo hữu đang hấp hối, mong nhờ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, các Đấng thiêng liêng ban ân cho người được nhẹ nhàng linh hồn."

Nguyện xong lạy Thầy rồi đứng dậy.

Vị Chứng đàn lấy 2 cây đèn sáp gắn dính trên đĩa, đốt cháy, xá Đức Chí Tôn và đưa cho 2 vị Chức việc hầu

lễ cầm, vị Chứng đàn ngó ngay Thiên Nhân tịnh thần, bắt Ấn Tý vào ngực, cùng 2 vị cầm đèn đến trước đầu bệnh nhon, ngó ngay mỏ ác người hấp hối, kêu tên, nói rằng:

"Tôi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến tụng kinh cho vong hồn Đạo hữu nhẹ nhàng siêu thăng. Vậy Đạo hữu phải tịnh tâm mà nghe và phải cầu nguyện với Đức Chí Tôn ban ân lành cho."

Nói xong, đồng nghi khởi tụng bài Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối (*Ráp nhập cảnh TLHS.....*)

Tụng 3 lần, khi dứt niệm Câu Chú của Thầy 3 lần.

Đoạn vị Chứng đàn cùng 2 Chức việc cầm đèn trở lại Thiên bàn, xá Đức Chí Tôn 3 xá rồi mới tắt đèn và vị Chứng đàn mới được xá Ấn Tý.

Điều lưu ý là nếu trong khi tụng Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối mà bệnh nhon tắt hơi (chết) thì tiếp tụng luôn bài Kinh Khi Đã Chết Rồi (*Ba mươi sáu cõi Thiên tào.....*)

Lời dẫn: Hai cây đèn sáp hành lễ Cầu Hồn khi hấp hối phải để dùng liên tục trong cuộc hành lễ liên tiếp cho đến khi hết lễ mới thôi, không nên dùng vào việc khác.

2. Cầu hồn khi đã chết rồi.

Bàn Trị Sự (BTS) hành lễ y như cách hành lễ Cầu hồn khi hấp hối, nơi mục 1.

Sau đó, tang quyền hay BTS địa phương đến Đền Thánh (nếu người qui vị là Chức sắc) hay Thánh Thất để báo tử. Nơi đây sẽ đồ chuông báo tử:

- Nếu là Chức sắc thì tùy theo phẩm cấp mà đồ trống và chuông. Như phẩm Giáo Hữu và tương đương thì tại Đền Thánh, đồ 2 hồi trống và 2 hồi chuông; phẩm Lễ Sanh và tương đương thì đồ 1 hồi trống và 1 hồi chuông.

- Nếu là Chức việc Bàn Trị Sự và Đạo hữu và các phẩm tương đương thì tại Thánh Thất không đồ trống, chỉ động chuông: Nam thì động 7 tiếng chuông, Nữ thì động 9 tiếng chuông.

3. Thượng số Tân cô:

Thượng số Tân cô là dâng số lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng báo cáo một tín đồ Cao Đài phẩm vị... .. mới vừa qui liễu, cầu xin Đức Chí Tôn, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát và các Đấng thiêng liêng cứu độ vong hồn của vị ấy được siêu thăng tịnh độ.

Thượng số Tân cô có thể tại Đền Thánh, tại Thánh Thất hay tại Thiên bàn nơi tư gia người chết.

- Khi người chết từ phẩm Chánh Trị Sự xuống Đạo hữu hay tương đương thì người chứng đàn cầu nguyện là Chánh Trị Sự hương đạo sở tại.

- Khi người chết ở phẩm Lễ Sanh hay tương đương trở lên thì vị chứng đàn là Đầu Tộc, Đầu Phận Đạo hay Khâm Châu Đạo, Khâm Thành Thánh Địa. Còn các phần việc khác thì BTS sở tại hành lễ theo nghi thức qui định.

Xin chép ra sau đây mẫu Số Tân cô:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Thất thập . . . niên)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Thời duy,

Thiên vận niên, ngoạt, . . . nhựt, . . .
thời, hiện tại Việt Nam quốc, Trấn, Châu, . .
. . . Tộc, Hương, cư trụ . . . (1) . . chi trung.

Kim hữu đệ tử thọ Thiên ân
. . . công đồng chư Chức sắc, hiệp dữ Chức việc, Đạo
hữu nam nữ đẳng, qui tại . . . (2) . . . tiền, thành tâm trình
tấu.

HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI:

Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại
Thiên Tôn.

Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.

TAM TÔNG CHƠN GIÁO:

Tây Phương Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên
Tôn.

Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên
Tôn.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ TAM TRẦN OAI NGHIÊM:

Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai,

Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ.

Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Gia Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn.

Thái Công Tướng Phụ Quảng Pháp Thiên Tôn,

Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Thập phương chư Phật, vạn chương chư Tiên, liên
đài chi hạ.

Cung vi:

Tân cô chi kỳ (3) tánh, . . . (4) . . .
niên canh, . . . (5) . . . tuế, nguyên sanh tại
Châu, Tộc, Hương, nhập môn niên, . .
. . ngoạt, nhựt, tại tòng thị pháp điều Tam Kỳ
Phổ Độ, lập công bồi đức (6)

Kim triêu Thiên số chi kỳ, văn ư niên, . . .
. . ngoạt, nhựt, thời nhi chung tại
. . .

Hiếu quyền (7) khản thỉnh Thiên
phong, hiệp dữ Chức việc, Đạo hữu nam nữ đẳng qui tại .

. (2). . tiền, thành tâm cầu nguyện Đức Đại Từ Phụ, các Đấng thiêng liêng, Địa Tạng Vương Bồ Tát cứu độ vong hồn siêu thăng tịnh độ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái căn sở thượng tấu,

Dĩ văn.

Đệ tử:

Cách ghi trên sớ:

- (1) Tòa Thánh, Thánh Thất, gia đường, tùy trường hợp.
- (2) - Tại Tòa Thánh hay Thánh Thất thì ghi: điện tiền.
- Tại Thiên bàn tư gia thì ghi: Thiên bàn tiền.
- (3) Họ và tên người chết (thể danh).
- (4) Năm sanh theo âm lịch, thí dụ: Canh Ngọ, Giáp Tuất
- (5) Tuổi của người chết, ghi theo nho văn. Thí dụ: 71 tuổi thì ghi: thất thập nhứt tuế.
- (6) - Nếu là Lễ Sanh thì ghi: thọ Thiên ân Lễ Sanh Ngọc X Thanh.
- Nếu là Chánh Trị Sự thì ghi: thọ phẩm Chánh Trị Sự.
- Nếu là Đạo hữu thì bỏ trống.
- (7) Tên người qui sớ. Chữ "Hiếu quyền" dùng cho người qui sớ là: con trai, con gái. Nếu là vợ hoặc chồng, hoặc em thì dùng chữ "Thân quyền".

4. Tẩn liệm (Nhập mịch):

Sau khi dâng Sớ Tân cổ tại Đền Thánh, Thánh Thất, hay tại gia đường, thì thiết lễ Tẩn liệm.

Tất cả người trong tang quyến qui lạy Đức Chí Tôn và cầu nguyện, rồi đến chỗ người chết qui lạy xác 1 lần.

Vị chứng đàn cùng 2 vị hầu lễ đến trước Thiên bàn cầu nguyện Thầy. Đốt 2 cây đèn sáp giao cho 2 vị hầu lễ cầm, vị chứng đàn bắt ấn Tý đến đứng trước đầu người chết, ra lệnh cho đồng nhi khởi tụng Kinh Tẩn liệm (*Đây oan nghiệt dứt rồi trái chủ...*) tụng 3 lần, khi dứt niệm Câu Chú của Thầy 3 lần. Vị chứng đàn và 2 hầu lễ trở lại Thiên bàn xá Chí Tôn, rồi xá ấn Tý và tắt 2 cây đèn sáp.

Tang quyến lạy xác 1 lần nữa, rồi ban tẩn liệm khởi sự liệm xác chết và đặt vào quan tài.

Trước đó thì thân nhân người chết phải dùng nước thơm (nước nấu với lá cây mùi thơm) để lau rửa xác chết cho sạch sẽ, thay đổi quần áo, mặc đạo phục theo phẩm vị, trên mặt đắp một miếng vải trắng hình tam giác, bề đứng 33 phân, góc nhọn để trên.

Ban tẩn liệm thì lo trị quan, dùng cháo nếp trộn với bột gạch đâm nhuyễn trét các kẽ hở và các đường ván ghép, nhứt là bốn góc quan tài, để không bị xì hơi.

Nếu bọc xác chết bằng một lớp vải trắng thì gọi là: Tiểu liệm; nếu bọc xác chết thêm một lớp vải trắng nữa (tất cả bọc 2 lớp vải trắng) thì gọi là Đại liệm. Có thể bọc thêm bên ngoài một lớp nylon trong suốt.

5. Tẩm phủ quan - Đốt đèn trên và dưới quan tài.

Khi đặt quan tài ở đúng vị trí rồi thì lấy tẩm phủ quan đắp lên quan tài, kế tiếp đặt giá đèn lên trên.

Tẩm phủ quan là một tấm vải để phủ lên quan tài, có hình vuông, mỗi cạnh 12 tấc (1 thước 2 tấc), bốn bề viền ren, chính giữa thêu một Thiên Nhân lớn có 12 tia hào quang. Hình Thiên Nhân thêu theo đường chéo của hình vuông. Khi đắp tẩm phủ quan thì để cho chơn mày của Thiên Nhân về phía đầu quan tài (đầu người chết), hai góc hai bên phủ xuống hai bên hông quan tài.

Về màu sắc, Tẩm phủ quan có 5 loại theo 5 màu: vàng, xanh, đỏ, trắng, đen.

Muốn đắp tẩm phủ quan, người chứng lễ đem tẩm phủ quan đặt nơi Thiên bàn, cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn cho người chết, rồi mới đem đắp lên quan tài.

(**Việc thu hồi tẩm phủ quan:** Sau khi đồng nhi đọc Kinh Hạ huyệt, 3 biển Vãng Sanh Thần chú và niệm

xong Câu Chú của Thầy, vị chứng lễ bước tới ngang quan tài, xá Thiên Nhân trên phủ quan 3 xá rồi thu hồi tấm phủ quan)

Dùng màu sắc của tấm phủ quan để phân biệt người chết là nam hay nữ, cơ quan, 3 phái Chức sắc CTĐ kể ra:

1. Phủ quan màu trắng dành cho:

- Chức sắc và Chức việc Nữ phái CTĐ,
- Chức sắc HTĐ và Chức sắc Ban Thể Đạo.

2. Phủ quan màu vàng dành cho:

- Chức sắc CTĐ phái Thái,
- Chức sắc PT từ phẩm Hiền Nhon trở lên.

3. Phủ quan màu xanh dành cho:

- Chức sắc CTĐ phái Thượng,
- Chức sắc PT nam nữ mang dây Sắc lệnh màu xanh: Chí Thiện, Đạo Nhon, Chon Nhon.

4. Phủ quan màu đỏ dành cho:

- Chức sắc CTĐ phái Ngọc,
- BTS nam phái và các phẩm tương đương,
- Chức sắc Ban Kiến Trúc, Bộ Nhạc,
- Chức sắc PT nam nữ mang dây Sắc lệnh màu đỏ: Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện,
- Bảo thể, Đầu phòng văn.

5. Phủ quan màu đen dành cho:

- Đạo hữu nam nữ,
- Đạo sở, Minh đức, Tân Dân (PT),

- Thơ ký, Trật tự viên,

Ý nghĩa của tấm phủ quan này giống như ý nghĩa của việc thờ Thiên Nhân nơi Khách đình: Đức Chí Tôn vì quá thương yêu con cái của Ngài nên một mình Ngài rời Thiên đình đi xuống trần (nên Tam Giáo chủ và Tam Trấn không biết), không nệ chỗ uế trước, đến độ con cái của Ngài lúc chung qui hồn lìa khỏi xác, để trở về cùng Ngài.

Khi quan tài đắp tấm phủ quan màu gì thì khi lên thuyền Bát Nhã, tấm diềm treo trên thuyền Bát Nhã cũng có màu giống như thế.

▪ Khi đắp tấm phủ quan xong thì đặt giá đèn lên quan tài. Trên giá đèn, đốt đủ 9 cây đèn sáp, đủ 9 cây không dư không thiếu, thường chăm sóc đừng để tắt. Số 9 cây đèn này đúng theo 9 cây nhang đốt cháy khi hành pháp độ thăng và 9 bài Kinh Tuần cửu, có Cửu vị Tiên Nương hướng dẫn linh hồn người chết đi lên 9 tầng Trời.

▪ Phía dưới quan tài đốt một ngọn đèn để khử trừ lưu thanh.

6. Thiết lập Bàn vong - Khay vong - Linh vị.

1. Thiết lập Bàn vong:

Dùng một cái bàn đặt trước quan tài làm Bàn vong, tức là làm bàn thờ người chết, trên đó có: 1 cặp chân đèn, 1 lư hương, 1 đĩa trái cây, 1 bình bông, 1 chung rượu, 1 chung trà, 1 tấm linh vị (bài vị), 1 cây đèn, phía sau có treo hình của người chết chụp lúc sanh tiền, mặc đạo phục, và có 1 cây phướn Thượng Sanh đặt bên tay trái phía trong nhìn ra. Nếu người chết ở phẩm Lễ Sanh hay tương đương thì có thêm 1 cây lọng.

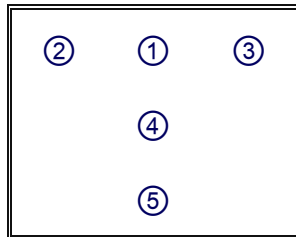
Trước Bàn vong treo một tấm phủ nghi trắng che khuất phần dưới bàn vong. Trên tấm phủ nghi này có viết

chữ nho hay đề chữ Việt cũng được, những câu nói về cái chết của con người, thí dụ như: *Qui hồi cữu vị, Sanh ký tử qui, Sanh tiền giác ngộ Tam Kỳ đạo, Tử hậu siêu thăng nhưt điểm linh*.

Bên cạnh tấm phủ nghi cần ghim vào một miếng giấy trên đó viết chữ lớn cho dễ đọc: "*Xin cầu nguyện cho: Phẩm tước, Tên họ người chết, tuổi*" để những người đến viếng tang biết mà cầu nguyện.

(Nơi phía dưới Thiên bàn, tương tự như vậy, cũng có một miếng giấy ghi: "*Xin cầu nguyện cho: Phẩm tước, Tên họ, tuổi*" người chết dán phía Bình bông, dưới cái chuông nếu người chết là nam, hay dán phía đĩa trái cây, dưới cái mõ nếu người chết là nữ, để bạn đạo cầu nguyện)

2. Khay vong:



Một cái khay hình vuông trong đó có đặt:

- ①Linh vị.
- ②Đĩa trái cây nhỏ.
- ③ Bình bông nhỏ.
- ④ Đèn vọng.
- ⑤ Lư hương nhỏ.

Khi hành lễ luôn đốt 3 cây hương cắm chung vào. Khai vong này để tượng trưng vị trí của vong linh.

3. Linh vị:

Linh vị là một miếng giấy nhỏ trên đó có đề: Tên họ người chết, phẩm vị, tuổi, ngày sanh, ngày chết, nơi chết, ngày nhập môn cầu đạo.

Khi xưa, linh vị được viết theo văn Nho, nhưng ngày nay, có nơi viết theo văn Việt cho dễ hiểu. Thí dụ như 2 linh vị bên trên, một bên văn Nho, một bên văn Việt:

LINH VỊ			LINH VỊ		
<u>Sanh</u> ư Tân Mùi niên canh Tây Ninh tỉnh Gò Dầu huyện Thanh Phước xã	<u>Cố</u> Đạo Hữu Nguyễn Văn Khá hưởng hạ thọ lục thập cửu tuế	<u>Tử ư</u> Quý Mùi niên tứ ngoạt sơ bát nhựt ngọ thời nhì chung tại Long Thành xã	<u>Sanh</u> năm Tân Mùi xã Thanh Phước huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	<u>Cố</u> Đạo Hữu Nguyễn Văn Khá hưởng hạ thọ sáu mười chín tuổi	<u>Mất</u> ngày tám tháng tư năm Quý Mùi giờ ngọ tại xã Long Thành
Nhập môn: 1-3-Kỷ Ty Tại Thánh Thất Gò Dầu.			Nhập môn: 1-3-Kỷ Ty Tại Thánh Thất Gò Dầu.		

Linh vị viết theo văn Nho Linh vị viết theo văn Việt

7. Cáo Từ Tổ - Thành phục - Tang phục.

Dọn hai mâm cơm chay: một đặt trước bàn thờ để cúng Cửu Huyền Thất Tổ, một dọn trước nhà để cúng Thần Hoàng Bản Cảnh, cần có đủ bông, rượu, trà.

Tất cả khăn tang và áo tang, xếp trật tự đặt trên một cái mâm, gọi là mâm tang phục, để trước bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ. Trên mâm tang phục đốt 2 cây đèn sáp.

Trước hết, Chúc việc và gia quyến đến Thiên bàn cúng Đức Chí Tôn, không đọc kinh, chỉ cầu nguyện cho gia quyến thọ tang. Kế đó, qua bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ thiết lễ Cáo Từ Tổ, xong rồi qua bàn vong, làm lễ Thành phục phát tang.

1. Cáo Từ Tổ:

Cáo Từ Tổ là lễ báo cáo với Tổ Tiên, trong dòng họ có một người vừa qui liễu.

Trong nghi tiết Cáo Từ Tổ có 2 Lễ sĩ mặc áo xanh đậm, mũ trắng có bông đen, đứng hai bên bàn thờ để xướng lễ, có nhạc và đồng nhi.

Nghi tiết Cáo Từ Tổ: Cặp lễ sĩ bắt đầu xướng:

1. Tử tôn tựu vị. (con cháu tới đứng tại vị trí của mình) Người chủ tế đứng hàng đầu. Tất cả bắt ấn Tý.

2. Giai quì. (đều quì) Tất cả xá 3 xá đều quì xuống.

3. Phần hương. (đốt nhang) Tiếp lễ đốt 3 cây nhang, trao cho người chủ tế.

4. Nguyện hương. (cầm nhang cầu nguyện) Chủ tế cầm 3 cây hương đưa lên trán cầu nguyện.

5. Thượng hương. (dâng hương lên) Người tiếp lễ tiếp lấy 3 cây hương đem cắm vào lư hương trên bàn thờ.

6. Cúc cung bái. (Tất cả cúi mình lạy xuống 3 lạy tron)

7. Chúc tửu. (rót rượu) Người tiếp lễ lấy nhạo rượu rót vào ly rượu trên bàn thờ.

8. Cúc cung bái. (Tất cả cúi mình lạy xuống 3 lạy tron)

9. Ai chúc. (đọc kinh tế lễ với giọng buồn rầu) Đồng nhi tụng Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu, rồi tụng tiếp ba biến Kinh Cứu Khổ.

10. Cúc cung bái. (Tất cả lạy xuống 3 lạy tron)

11. Diễm trà. (rót nước trà) Người phụ lễ rót nước trà vào tách nước trà trên bàn thờ.

12. Cúc cung bái. (Tất cả lạy xuống 3 lạy tron)

13. Hưng bình thân. (cất mình đứng thẳng lên) Tất cả những người quì tể đứng dậy, xá 3 xá.

14. Tử tôn dĩ hạ giai xuất. (tất cả con cháu từ đó sắp xuống đều bước ra ngoài).

15. Lễ thành. (cuộc tế lễ đã xong).

2. Thành phục - Phát tang.

Thành phục là lễ chịu tang để cho thân nhân người chết mặc quần áo tang.

Đem mâm tang phục qua đặt trước bàn vong.

Chức sắc hay Chúc việc mặc đại phục đến cúng cầu nguyện Đức Chí Tôn rồi mới trở lại bàn vong, chờ lễ xướng rồi lấy tang phục của người nào phát cho người nấy (trên tang phục có đề tên của mỗi người).

Nghi tiết lễ Thành phục: (có nhạc lễ)

Hai Lễ sĩ đứng hai bên bàn vong, khởi xướng:

1. Chủ nhơn tựu vị (người chủ đến đứng tại vị trí hành lễ)

2. Giai quì (tất cả đều quì xuống)

3. Phần hương (đốt nhang)

4. Nguyện hương (cầm hương đưa lên trán cầu nguyện)

5. Thượng hương (dâng hương lên cắm vào lư hương)

6. **Cúc cung bái** (Con cháu lạy xuống 3 lạy tròn)

7. **Ngũ phục chi nhơn các phục kỳ phục** (5 thứ quần áo tang, áo của người nào thì lấy mặc vào)

8. **Hưng bình thân** (đứng dậy).

9. **Quán y phục** (đội khăn tang và mặc quần áo tang vào)

10. **Giai quì** (tất cả đều quì xuống trở lại)

11. **Cúc cung bái** (Con cháu lạy xuống 3 lạy tròn)

12. **Hưng bình thân** (đứng thẳng dậy)

13. **Xuất chủ ngoại nghi.** (Tang chủ phân ra quì Nội và Ngoại nghi)

Liên đó, hành lễ Cúng vong, nghi châm chước, nên lễ sĩ không xướng Lễ thành, vì còn hành lễ tiếp tục.

3. **Cúng vong:**

Cúng vong là cúng tế vong hồn người chết.

Lễ sĩ tiếp tục xướng:

1. **Tang chủ tỵ vị.**

2. **Giai quì.**

3. **Phân hương.** (Tiếp lễ đốt hương giao người quì tế)

4. **Nguyện hương.**

5. **Thượng hương.**

6. **Cúc cung bái.**

7. **Châm tửu** (lần 1)

8. **Cúc cung bái.**

9. **Châm tửu** (lần 2)

10. **Cúc cung bái.**

11. **Ai chúc.**

(Đồng nhi tụng kinh Thể đạo tùy sự sắp đặt người quì tế: vợ tế chồng, chồng tế vợ, con tế cha mẹ)

12. **Cúc cung bái.**

13. **Châm tửu** (lần 3)

14. **Cúc cung bái.**

15. **Điểm trà.**

16. **Cúc cung bái.**

17. **Hưng bình thân.**

18. **Tang chủ dĩ hạ giai xuất.**

19. **Lễ thành.**

4. **Nói về Tang phục (Ngũ phục):**

Tang phục là quần áo tang. Theo Nho giáo, trong Tang phục có Ngũ phục: là năm loại quần áo tang dùng trong năm trường hợp để tang. Ngũ phục gồm có: Trảm thời, Tư thời, Đại công, Tiểu công, Tư ma.

Giải thích Ngũ phục:

1. **Trảm thời** 斬衰 : Trảm là cắt đứt, thời là áo tang. Trảm thời là áo tang bằng vải thô trắng thật xấu, gấu áo cắt mà không viền, bỏ xù xuống; quần xỏ lai không khâu bằng phẳng.

2. **Tư thời** 齊衰 : Tư tức là Tề: viền lại cho bằng. Tư thời là gấu áo tang có lên lai, khâu lại cho bằng phẳng; quần cũng lên lai bằng phẳng.

3. **Đại công** 大功 : Tang phục đại công dùng loại vải bớt thô hơn Trảm thời. Đại công có nghĩa là vải đã dệt gia công nhưng còn thô.

4. **Tiểu công** 小功 : Vải dệt kỹ càng tinh vi hơn đại công.

5. Tư ma 總麻 : Tư hay Ti là vải gai sợi nhỏ dùng để may đồ tang. Ma là cây gai dùng để lấy sợi dệt vải thưa. Tư ma là loại vải sợi nhỏ như tơ, tinh vi hơn Tiểu công.

Theo cổ lễ của Nho giáo, thời gian để tang và tang phục được qui định như sau:

- Tang 3 năm và 1 năm dùng Trảm thôi hay Tư thôi.
- Tang 9 tháng thì dùng tang phục Đại công.
- Tang 5 tháng thì dùng tang phục Tiểu công.
- Tang 3 tháng thì dùng tang phục Tư ma (Ti ma).

Trong Đạo Cao Đài, theo TÂN KINH, thời hạn để tang giảm bớt, đơn giản hơn cổ lễ, chỉ có 3 hạn để tang:

☐ Để tang **81 ngày**, tới Chung cửu thì mãn. (tương ứng với để tang 3 tháng theo cổ lễ).

☐ Để tang **281 ngày**, tới Tiểu tường thì mãn. (tương ứng với để tang 1 năm theo cổ lễ).

☐ Để tang **581 ngày**, tới Đại tường thì mãn. (tương ứng với để tang 2 năm hoặc 3 năm theo cổ lễ).

CÁCH THỨC ĐỂ TANG

1. Tang Cha Mẹ:

☐ *Về phần con trai:* Con thọ tang cha dùng Trảm thôi và gậy trúc (gậy bằng cây trúc hay cây tre cũng được), đến đại tường là mãn. Con thọ tang mẹ, dùng Trảm thôi và gậy vòng (bằng cây vòng đồng) đến Đại tường là mãn.

☐ *Về phần con gái:*

- Con gái xuất giá thọ tang cha mẹ dùng Tư thôi, đến Tiểu tường là mãn.

- Con gái tại gia, chưa xuất giá, dùng Trảm thôi, đến Đại tường là mãn.

Tang phục Trảm thôi bằng vải xô, cổ trệt như áo lễ, không lên tròn, đường sống lưng may lộn ra ngoài, ở phía sau lưng, trên vai may kèm một miếng vải nhỏ (ngang 10 phân, dài 20 phân) gọi là phụ bản, tỏ dấu mang sự đau xót, (tang cha thì phụ bản đặt bên vai trái, tang mẹ thì phụ bản đặt bên vai phải), quần thì sổ lai, không khâu bằng phẳng, ngang lưng quần một sợi dây bằng rơm hay bằng bẹ chuối đánh 3 tao.

Tang cha thì con trai chống gậy trúc, tang mẹ thì chống gậy vòng. Cây gậy có bề dài bằng khoảng cách từ gót chân lên tới quả tim, gốc chống xuống đất. Tục lệ giải thích việc chống gậy là để tỏ rằng, con vì quá bi ai nên yếu sức phải chống gậy mà đi. Gậy trúc tròn tượng trưng cha, người quân tử; gậy vòng có một miếng vải nhỏ hình vuông chụp xuống đầu gậy và buộc lại, tượng trưng mẹ hiền.

Con trai thì đội bức cân bao trùm đầu tóc, làm bằng tám vải vuông 8 tấc (hay 7 tấc), cổ lễ thì có đội mũ rơm (hay dùng dây chuối thay rơm) bên thành hình tròn bọc vải thô. Con gái thì dùng vải trắng xé đôi khổ vải theo chiều dài, xếp làm 4 lớp, quần trên đầu.

8. Cúng vong triều - tịch:

Đây là phần cúng cơm người chết buổi sáng và buổi chiều. Đồ ăn chay dọn lên bàn vong.

Hành lễ theo nghi châm chước, có 2 lễ xướng, nhạc và đồng nhi. Hành lễ y như mục (3) Cúng vong phần 7.

9. Tế điện: Chánh tế - Phụ tế.

Nghi Tế điện có 6 lễ sĩ hiến lễ, mặc áo lễ màu xanh đậm. Việc Tế điện và 4 bài thái hiến lễ có sự qui định khác nhau tùy theo phẩm cấp của người chết.

Ở đây chỉ nêu ra 2 trường hợp:

- Đăng điện cúng tế phẩm Lễ Sanh.

- Đăng điện cúng tế Chức việc Bàn Trị Sự, 3 phẩm: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự và phẩm Đạo hữu.

* PHẦN CHÁNH TẾ:

I. Tế điện hàng Thiên Thần: Lễ Sanh hoặc các phẩm tương đương.

Có đủ nhạc, lễ, đồng nhi. 6 Lễ sĩ mặc áo lễ màu xanh đậm, tới Thiên bàn bái lễ Đức Chí Tôn, trở lại nơi tế lễ, phân ra: 2 lễ sĩ đứng xướng tại Ngoại nghi, 4 lễ sĩ hiến lễ.

Các nghi tiết như sau:

1. Tang chủ tựu vị. (Thí dụ: con trưởng nam A đứng tại Nội nghi, con thứ B đứng tại Ngoại nghi)

2. Nghệ hương án tiền. (2 cặp lễ sĩ đăng đài đến đứng hai bên B)

3. Giai quì. (tất cả đều quì xuống)

4. Phần hương. (B đốt nhang, xá rồi đưa lễ sĩ đài, 4 lễ sĩ đứng lên)

5. Điện hương. (Nhạc gài trống đồn xuân nữ, lễ sĩ điện đi thảo chữ Đinh 丁, đồng nhi thái bài Tuần hương, lễ sĩ điện đến nội nghi)

Bài thái hiến lễ hàng Thiên Thần: Tuần Hương

Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền,
Trăm đoàn khói tỏa năm mây.
Mùi hương phưởng phất thơm bay ngút trời.

6. Quì. (lễ quì, trao hương cho A cầm, xá, cầu nguyện dâng hương)

7. Thượng hương. (Nhạc đồ cho lễ sĩ đứng lên, A trao hương cho tiếp lễ cắm vào lư hương trên bàn vong).

8. Cúc cung bái. (A và B ở nội và ngoại nghi lạy 3 lạy trơn)

9. Hiến Hoa Quả. (Cặp lễ sĩ đài trên đĩa có bình bông và đĩa trái cây, cùng cặp đăng đến đứng hai bên B)

10. Quì. (Hai cặp lễ sĩ đăng đài quì xuống, trao Hoa và Quả cho B)

11. Chỉnh Hoa Quả. (B chỉnh Hoa Quả rồi trao lại cho lễ sĩ đài. Hai cặp đăng đài đứng lên, chuẩn bị điện vào nội nghi)

12. Điện Hoa Quả. (Nhạc gài trống đồn nam ai, lễ sĩ đi thảo chữ Đinh 丁, đồng nhi thái bài Tuần Hoa, lễ sĩ điện đến nội nghi)

Bài thái hiến lễ Tuần Hoa:

Thoàn mây thuận gió cánh bướm trưng,
Sanh tử chia phối cảnh đoạn trường.
Hoa quả tinh vi xin hiến lễ,
Thề lòng thành kính, tỏ tình thương.

13. Quì. (Nhạc đồ, bốn lễ sĩ quì xuống, trao Hoa Quả cho A cầu nguyện dâng Hoa Quả cho vong linh, rồi trao cho tiếp lễ)

14. Thượng Hoa Quả. (Nhạc đồ, lễ sĩ đứng lên trở về ngoại nghi, tiếp lễ đem Hoa và Quả đặt lên bàn vong).

15. Cúc cung bái. (Hai vị A và B lạy 3 lạy trơn).

16. Hiến Tửu. (Hành lễ y như Hiến Hoa Quả)

17. Quì.

18. Chúc Tửu. (B ở ngoại nghi rót rượu, xá rồi trao cho lễ sĩ)

19. Điện Tửu. (Lễ sĩ điện, đồng nghi thái bài Tuần Tửu).

Bài thái hiến lễ Tuần Tửu:

Thoát trần roi dẫu tiếng anh phong,
Sớm tối riêng vui cảnh bá tòng.
Kê ở người đi dòng lệ đỏ,
Tửu quỳnh kính hiến nghĩa đồng song.

20. Quì.

21. Thượng tửu.

22. Cúc cung bái. (A và B lạy 3 lạy tròn).

23. Ai chúc. (Nhạc gài trống đồn xuân nữ, đồng nghi tụng bài kinh: Kinh tụng cha mẹ đã qui liễu, tới câu: *Chung ly biệt con đưa tay rót*, thì A quì nội nghi rót rượu dâng lên)

24. Cúc cung bái. (A và B lạy 3 lạy tròn)

25. Hiến trà. (Hành lễ y như hiến Hoa Quả)

26. Quì.

27. Diễm trà.

28. Điện trà. (Lễ sĩ điện, đồng nghi thái bài TuầnTrà).

Bài thái hiến lễ Tuần Trà:

Đạo đời vẹn phận đặc Thiên ân,
Lưu để Thánh danh chốn mộ phần.
Đầu vọng bái anh linh chứng hưởng,
Trà hương tạm biệt khách dương trần.

29. Quì.

30. Thượng trà.

31. Cúc cung bái.

32. Hưng bình thân.

33. Tang chủ dĩ hạ giai xuất.

34. Lễ thành.

II. Tế điện hàng Nhơn Thần, Địa Thần: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, Đạo hữu hoặc các phẩm tương đương.

Có đủ nhạc, lễ, đồng nghi. 6 Lễ sĩ mặc áo lễ màu xanh đậm, tới Thiên bàn bái lễ Đức Chí Tôn, trở lại nơi tế lễ, phân ra: 2 lễ sĩ xướng tại ngoại nghi, 4 lễ sĩ hiến lễ.

Các nghi tiết như sau:

1. Tang chủ tỵ vị. (Thí dụ: con trưởng nam A đứng tại Nội nghi, con thứ B đứng tại Ngoại nghi)

2. Nghệ hương án tiền. (2 cặp lễ sĩ dâng đài đến đứng hai bên B)

3. Giai quì. (Tất cả đều quì xuống)

4. Phần hương. (B đốt hương, xá rồi trao cho lễ sĩ đài. Nhạc đồ 3 hồi trống cho 4 lễ sĩ đứng lên).

5. Điện hương. (Nhạc gài trống đồn xuân nữ, lễ sĩ điện đi thảo chữ Đinh 丁, đồng nghi thái Tuần hương, lễ sĩ điện đến nội nghi)

Bài thái hiến lễ hàng Nhơn Thần, Địa Thần: Tuần Hương

Nghệ hương hiến, nghệ hương tiền,
Trầm đoàn khói tỏa năm mây.
Mùi hương phường phát thơm bay ngút trời..

6. Quì. (Nhạc đồ 3 hồi cho lễ quì, lễ sĩ trao hương cho A cầm hương xá 3 xá, cầu nguyện dâng hương).

7. Cúc cung bái. (A và B đồng lạy 3 lạy tròn)

8. Tiễn soạn. (Cặp lễ sĩ đài dâng cơm và đồ ăn, bốn lễ sĩ điện, đi thảo lên nội nghi, đồng nhi không thái).

9. Quì. (Hai cặp lễ sĩ dâng đài quì xuống, trao cơm và đồ ăn cho A cầu nguyện dâng lên)

10. Sơ Hiến lễ. (Hiến lễ dâng rượu lần thứ nhứt)

11. Nghê Tửu tôn sở. (Bốn lễ sĩ đến đứng trước ngoại nghi, chuẩn bị sẵn ly và nhạo rượu)

12. Quì. (Bốn lễ sĩ quì xuống trước B)

13. Châm tửu. (B cầm nhạo rót rượu vào ly, xá rồi đưa trở lại cặp đài, cả 4 lễ sĩ đứng lên, dự bị điện vào nội nghi)

14. Điện tửu. (Nhạc gài trống đồn nam ai, lễ đi chữ Đinh 丁, đồng nhi thái giọng nam ai, lễ đi được 3 bước, nhạc trở qua đồn xuân nữ, cho lễ sang Thái cực, phần Lưỡng nghi 10 bước, khi xong 9 bước thì nhạc trở qua nam ai, lễ bước ra là 10, nhạc đồn Ai châu 4 lá, lễ tới nội nghi).

**Bài thái hiến rượu lần 1:
Tuần Sơ**

Hiến tuần sơ, hề hiến tuần sơ,
Vân ám đánh hồ, long khứ viễn.
Nguyệt minh hoa biểu, hạc quì trì.
Cồn dâu hóa bể, bể hóa cồn dâu,
Cơ tạo biến đời, người vật đổi,
Sanh ly tử biệt, mạng nơi Trời.

15. Quì. (Nhạc đồ, 4 lễ sĩ quì, trao rượu cho A cầu nguyện dâng rượu lên vong linh, đưa tiếp lễ, 4 lễ sĩ đứng dậy đi xuống)

16. Cúc cung bái. (A và B đồng lạy 3 lạy tron)

17. Á Hiến lễ. (Hiến lễ lần nhì, hành lễ y như Sơ Hiến lễ)

18. Nghê Tửu tôn sở.

19. Quì.

20. Châm Tửu. (B ở ngoại nghi rót rượu, xá rồi trao cho lễ sĩ)

21. Điện Tửu. (đồng nhi thái Tuần Trung, lễ sĩ sang Lưỡng nghi, phần Tứ tượng 8 bước, khi bước thứ 7 xong, nhạc trở Ai, lễ bước ra là 8 bước).

**Bài thái hiến rượu lần 2:
Tuần Trung**

Hiến tuần trung, hề hiến tuần trung,
..... (1) nghĩa mặn nồng.
Ân thâm càng nhớ lụy khôn ngừng.
Nhứt nguyệt đôi vàng soi nhắc bóng,
Hỡi ôi! Chiều thâu thăm nơi lòng.

22. Quì.

23. Cúc cung bái. (A và B đồng lạy 3 lạy tron)

24. Ai chúc. (Nhạc gài trống đồn xuân nữ, đồng nhi tụng kinh: Kinh tụng cha mẹ đã quì liểu, tới câu: *Chung ly biệt con đưa tay rót*, thì A quì nội nghi rót rượu dâng lên.

25. Cúc cung bái. (A và B đồng lạy 3 lạy tron)

26. Chung Hiến lễ. (Hiến lễ lần chót, hành lễ y như Sơ hiến lễ)

27. Nghê Tửu tôn sở.

28. Quì.

29. Châm tửu.

30. Điện Tửu. (đồng nhi thái bài Tuần chung, lễ sĩ sang Tứ tượng, chuyển Bát quái, từ vô đến ra 7 bước).

Bài thài hiến rượu lần 3: Tuần Chung

Hiến tuần chung, hề hiến tuần chung,
Dặm cũ khách đà xa khổ não.
Nay . . (2) . . hui quạnh chốn trần gian.
Tiếng dế reo đêm sầu thất dạ,
Nguồn sông lệ chảy, ruột trăm chiều.
Oanh khóc năm canh chiu chít bạn,
Ủ ê cảnh cũ vẫn vợ tình.

31. Quì.

32. Cúc cung bái. (A và B đồng lạy 3 lạy tron)

33. Tiến trà. (Lễ sĩ chuẩn bị bình trà và cái tách đến ngoại nghi)

34. Quì.

35. Diễm trà.

36. Điện trà. (Nhạc gài trống đờn xuân nữ, châu trống lễ đi thảo, đồng nhi thài bài Tuần Trà).

Bài thài hiến lễ trà: Tuần Trà

Đơn tiện xin dâng một tác thành,
Cõi Thiên khấn vái có anh linh.
Mảnh lòng tha thiết, ai ôi thấu,
Ngó liễu trông mây để tượng hình.

37. Quì.

38. Cúc cung bái.

39. Hưng bình thân.

40. Tang chủ dĩ hạ giai xuất.

41. Lễ thành. (Lễ sĩ bái lễ)

CHÚ THÍCH: (1) và (2)

- Con tế cha mẹ, (1) đọc: Cấn muối trên cơm
- Vợ tế chồng, hoặc chồng tế vợ, (1) đọc: Tình ái cùng nhau
- Em tế anh chị ruột, (1) đọc: Huyết mạch đồng môn
- Anh em kết nghĩa, (1) đọc: Huynh đệ cùng nhau
- Con tế cha mẹ, (2) đọc: con
- Vợ tế chồng, hoặc chồng tế vợ, (2) đọc: Em hoặc Anh
- Em tế anh chị ruột, (2) đọc: em

Chánh tế xong, là tới phần TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP hành đạo của người chết.

▪ Chánh Trị Sự hay Chức việc BTS tuyên dương công nghiệp của Đạo hữu trong Hương đạo của mình.

▪ Đầu Tộc Đạo (Đầu Phận Đạo) tuyên dương công nghiệp của các Chức việc BTS trong Tộc Đạo (Phận đạo).

* PHẦN PHỤ TẾ:

Sau phần Chánh tế với đầy đủ nghi tiết, thì tới phần Phụ tế, với nghi châm chúc, nên đơn giản hơn.

Sau đây là Nghi châm chúc Phụ tế đối với hàng Nhơn Thần và Địa Thần, gồm các phẩm: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự, Thông Sự, Đạo hữu, và các phẩm tương đương.

1. Tế chủ tự vị.

2. Giai quì.

3. Phần hương.

4. Nguyện hương.

5. Thượng hương.

6. Cúc cung bái. (lạy 3 lạy)

7. Châm tửu. (lần 1)

8. Cúc cung bái.

9. Châm tửu. (lần 2)

10. Cúc cung bái. (lạy 3 lạy)

11. Ai chúc. Đồng nhi tụng kinh:

▪ Nếu là em rể anh chị thì tụng bài "Kinh tụng huynh đệ mãn phần".

▪ Nếu là bà con và bạn bè rể người chết thì tụng Kinh "Cầu bà con thân bằng cố hữu đã qui liễu"

12. Cúc cung bái. (lạy 3 lạy)

13. Châm tửu. (lần 3)

14. Cúc cung bái. (lạy 3 lạy)

15. Diêm trà.

16. Cúc cung bái. (lạy 3 lạy)

17. Hưng bình thân.

18. Tế chủ dĩ hạ giai xuất.

19. Lễ thành.

Sau phần Tế điện: Chánh tế và Phụ tế xong, đại diện của tang gia nên có bài phát biểu **cảm tạ Hội Thánh, cảm tạ chư Chức sắc, chư Chức việc, chư đồng đạo, cảm tạ các Ban Bộ lễ, nhạc, đồng nhi, cảm tạ Ban thuyền Bát Nhã.**

Nếu tang gia không có đại diện thì một Chức việc Bàn Trị Sự thay mặt tang gia đảm nhận việc này.

10. Lễ Cầu siêu.

Lễ Cầu siêu thực hiện trước bàn vong.

Tất cả tang quyến đều quì trước bàn vong.

Chức sắc, Chức việc, chư đồng đạo dự lễ Cầu siêu đứng hai bên bàn vong, dài ra trước, phân ra hai bên nam nữ, tay bắt ấn Tý.

Đồng nhi khởi tụng Kinh Cầu siêu (*Đầu vọng bái Tây phương Phật Tổ.....*), tiếp tụng Kinh Khi đã chết rồi

(*Ba mươi sáu cõi Thiên tào.....*), tụng xen kẽ như vậy 3 lần, dứt thì niệm Câu Chú của Thầy 3 lần.

Sau phần lễ cầu siêu là chư đồng đạo vào bái vong.

Khi bái vong, tay bắt ấn Tý, cầu nguyện vong linh với họ tên và tuổi ghi trên tấm giấy dán trước bàn vong, rồi quì lạy 3 lạy trơ.

Chức sắc lớn phẩm hơn người chết thì không lạy vong, chỉ niệm hương cầu nguyện trước bàn vong.

Buổi tối có tổ chức hòa nhạc trước bàn vong và luân phiên tụng Kinh Di-Lạc trước Thiên bàn.

11. Lễ chào hầu tại Khách đình.

Phẩm Lễ Sanh chết làm Lễ Tang tại Khách đình có chào hầu vào buổi tối. Các phẩm Chánh Trị Sự sắp xuống không có chào hầu.

Việc chào hầu do Ban Tổng Trạo thực hiện, thành phần gồm: - Tổng lái, - Tổng mũi, - Tổng thương, - Tổng khấu, - 12 Bá trạo. Theo Bí pháp, các vị này có phận sự chèo thuyền Bát Nhã đưa người phước đức vượt qua biển khổ, đến bờ giác, đắc đạo, đi vào cõi TLHS. Đây là Thể pháp tượng trưng Bí pháp về thuyền Bát Nhã.

Việc chào hầu diễn ra trước quan tài người chết ở phẩm vị Lễ Sanh cũng có tính cách để làm tăng thêm phần long trọng Tang lễ của một vị Chức sắc của Đạo.

Đối với Chức sắc trên phẩm Lễ Sanh, tức là từ Giáo Hữu trở lên, còn có chào đưa, nghi lễ long trọng hơn nữa.

12. Hành pháp độ hôn: phép xác, đoạn căn, độ thăng.

Sáng sớm, cúng Đức Chí Tôn vào thời Mẹo.

Cúng Đức Chí Tôn xong, dọn 2 mâm cơm: 1 để cúng Cửu Huyền Thất Tổ, 1 cúng Thần Hoàng Bản Cảnh.

Lễ Cáo Từ Tổ tại bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, nghi châm chước, có nhạc lễ và đồng nhi.

Cáo Từ Tổ xong, liền ra cúng vong tại bàn vong, nghi châm chước.

Một vị Chức sắc phẩm Giáo Hữu đến hành phép xác, phép đoạn căn và phép độ thăng cho chơn hồn người chết, do thân quyền thỉnh cầu, có sắp đặt trước.

- Phép xác là phép tẩy rửa chơn thần người chết cho hết ô trược để nhẹ nhàng bay lên cõi thiêng liêng.
- Phép đoạn căn là phép cắt đứt 7 dây oan nghiệt, không còn ràng buộc chơn thần người chết.
- Phép độ thăng là phép đưa chơn hồn người chết bay lên Cửu Trùng Thiên (9 tầng trời).

Vị Chức sắc hành pháp đến trước Thiên bàn, tay và mặt xông hương khử trược, rồi luyện 3 món: Cam lồ thủy, cây kéo và bó nhang 9 cây đốt cháy. Xong rồi giao cho người phụ lễ cầm, đến đứng trước đầu quan tài.

Hành phép xác:

Chức sắc hành pháp định thần, lấy con mắt vẽ chữ (.) ngay trên đầu kẻ chết, rồi khởi xướng tụng kinh Cầu Siêu (*Đầu vọng bái Tây phương Phật Tổ,.....*)

Khi đồng nhi tiếp tụng Kinh Khi đã chết rồi thì Chức sắc hành pháp, tay trái bắt ấn Hộ Pháp, lấy chén nước Cam lồ để ngay trên ấn, tay mặt lấy nhánh dương cầm chỉ Thiên, đứng định thần thể nào cho không còn thấy cái hòm, mà thấy thể xác người chết. Nhúng nhánh dương vào nước Cam lồ, đi vòng quanh quan tài, rải lên khắp mình người chết. Đi giáp vòng rồi trở lại đứng chính giữa ngay đầu quan tài, tiếp tụng kinh với đồng nhi

cho tới mãn hiệp kinh lần thứ. Đó là hành xong phép xác.

Hành phép Đoạn căn:

Chức sắc hành pháp đứng ngay đầu quan tài, khởi tụng kinh Cầu Siêu lần thứ nhì. Khi đồng nhi tiếp tụng kinh thì lấy cái kéo cầm nơi tay trái đưa ngay đầu quan tài. Đứng định thần để không còn thấy cái hòm mà thấy thể xác người chết có 7 sợi dây oan nghiệt phát ra. Đi vòng quanh dùng kéo cắt lần lượt 7 dây oan nghiệt nơi: (1) ngay mỏ ác, (2) ngay trán, (3) ngay cổ, (4) ngay tim, (5) ngay hông bên trái, (6) ngay dạ dưới, (7) ngay xương khu.

Trong lúc cắt, phải tưởng cái cắt mà thôi, chớ đừng tưởng cái kéo. Cắt xong thì trở lại chỗ cũ, đứng trước đầu quan tài, trao cái kéo cho người phụ lễ, rồi tiếp tụng kinh với đồng nhi cho đến mãn hiệp kinh thứ nhì.

Hành pháp Độ thăng:

Chức sắc hành pháp đứng ngay đầu quan tài, khởi tụng kinh Cầu Siêu hiệp ba. Khi đồng nhi tiếp tụng kinh thì người hành pháp, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay mặt cầm 9 cây nhang đưa ngọn lửa ngay đầu quan tài. Định thần cho thấy chơn thần người chết, hoặc nằm hoặc ngồi. Cầm 9 cây nhang vẽ bùa chữ (.) ngay trên chơn thần người chết. Truyền thần vô 9 cây nhang, cầm đưa ngay nguyệt cung (cái kiếng gắn trước đầu quan tài), định thần, kêu tên họ người chết một cách oai quyền, triệu chơn thần bảo lên ngồi trên 9 mũi nhang mà đưa lên hư không. Hễ thăng thì lên, còn trầm thì hạ.

Xong rồi giao 9 cây nhang cho người phụ lễ và đứng tiếp tụng kinh với đồng nhi cho đến mãn hiệp ba.

Dứt kinh thì niệm Câu chú của Thầy 3 lần. Xong.

Lưu ý: Nếu người chết là Chức sắc phẩm Giáo Hữu đồ lên thì việc hành pháp độ thăng thực hiện tại Tòa Thánh, có nhiều chi tiết hơn, như luyện Cam lồ thủy có Tinh Khí Thần hiệp nhứt, tạo cho người chết pháp thân huyền diệu, đi lên Cửu Trùng Thiên.

Trường hợp ở xa, không có Chức sắc hành pháp:

Cả Chức việc BTS cùng tang quyến, bùng khay vong qua cúng tại Thiên bàn, cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng ban ân và tha thứ tội tình cho người quá cố, rồi trở lại bàn vong, tụng Kinh Cầu siêu nối tiếp Kinh Khi đã chết rồi, tụng 3 hiệp, xong niệm câu chú của Thầy 3 lần, rồi bắt đầu động quan, đưa linh cữu ra thuyền Bát Nhã.

13. Lễ Động quan: Khiển điện.

Có nhạc và lễ. Trước hết là lễ khiển điện, lễ xướng:

1. Đạo giả tựu vị. (Các đạo tỳ sắp hàng từ ngoài đi vào trước bàn vong, người trưởng ban ra hiệu lệnh bằng cặp sanh lớn, đạo tỳ đi vào theo Tứ tượng và Bát quái, rất trật tự nghiêm trang)

2. Nhơn quan giả bái quan. (Các đạo tỳ đứng trật tự trước bàn vong và lạy xuống. *Nhơn quan giả* là người chôn quan tài xuống đất, cũng gọi là đạo tỳ; *bái quan* là lạy quan tài).

3. Đạo giả nhập cữu. (Các đạo tỳ đi vào đứng hai bên linh cữu).

4. Chấp sự giả triệt linh tòa. (Các vị chấp sự khiêng bàn vong đi chỗ khác, bỏ bàn vong, lấy linh vị đặt vào khay vong. *Triệt* là bỏ đi, *linh tòa* là bàn vong).

5. Đạo giả cử cữu thăng xa phát hành. (Các đạo tỳ khiêng linh cữu lên xe và khởi hành. *Cử cữu* là khiêng

linh cữu, *thăng xa* là lên xe. Xe đây là thuyền Bát Nhã đặt trên 2 bánh xe để kéo đi trên đường lộ).

14. Đưa linh cữu đến nghĩa địa.

Tang chủ bùng khay vong đến Thiên bàn xá 3 xá, rồi đi ra theo phước Thượng Sanh, linh cữu đi tiếp theo.

Khi ra đường thì trật tự đưa đám, đối với đám tang của **Lễ Sanh** và các phẩm tương đương, sắp đặt như sau:

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phước Thượng Sanh.
3. Đồng nhi tụng Kinh Đưa linh cữu, có đờn, tụng hoài cho tới khi linh cữu ra tới huyết.
4. Bàn hương án có 1 lọng và 2 lễ sớ hầu.
5. Văng lụy và tràng hoa.
6. Thuyền Bát Nhã chở linh cữu.
7. Dàn Nam.
8. Tang gia.
9. Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ đưa đám.

■ Nếu là Tang lễ của **Chức việc Bàn Trị Sự** và **Đạo hữu** thì khay vong theo phước Thượng Sanh và trật tự đưa đám giống như trên, nhưng không có (4) và (7):

- 4. là Bàn hương án, 1 lọng và 2 lễ sớ hầu.
- 7. là Dàn nam.

Nơi vùng Châu thành Thánh địa, trước khi đưa linh cữu tới Nghĩa địa Thái Bình thì thuyền Bát Nhã và đoàn đưa tang đi vào Nội Ô, dừng lại trước Báo Ân Từ, bùng khay vong vào cầu nguyện Đức Phật Mẫu, ban nghi lễ có động 1 hồi chuông.

Tiếp tục đi tới Đền Thánh, bùng khay vong vào Đền Thánh, có ban nghi lễ tiếp rước và hướng dẫn, lạy Đức Chí Tôn và cầu nguyện cho vong linh.

Khi vào và lúc ra khỏi Đền Thánh, có 1 hồi trống và 1 hồi chuông rước và đưa nếu là phẩm Lễ Sanh; còn phẩm Chức việc, Đạo hữu thì chỉ đánh 1 hồi chuông.

15. Điều văn - Cảm tạ - Hạ huyết.

Khi tới Nghĩa địa, các đạo tỳ khiêng linh cữu vào đặt trên hai cây đòn kê phía trên huyết. Vị chủ lễ đến trước linh cữu, trải chiếu ra và bày quả phẩm cúng Thần Hoàng Bồn Cảnh, tang gia quì cầu nguyện xin gởi thi hài của người quì liểu tại đây. Tang quyền lạy 3 lạy.

Thân bằng quyền thuộc đọc Điều văn (nếu có).

Đại diện tang gia nói lời cảm tạ Hội Thánh, các Ban Bộ lễ, nhạc, đồng nhi, Ban thuyền Bát Nhã và chư đồng đạo.

Tang quyền quì trước đầu huyết, tay bắt ấn Tý, đồng nhi khởi tụng Kinh Hạ Huyết (*Thức giấc mộng huỳnh lương vừa mãn,.....*) tụng 3 lần, tiếp đọc Vãng Sanh

Thần Chú 3 lần, rồi niệm Câu Chú của Thầy 3 lần.

Vị chủ lễ bước tới ngang quan tài, xá tám phủ quan 3 xá rồi thu hồi phủ quan giao cho Ban đạo tỳ.

Ban đạo tỳ bắt đầu hạ quan tài xuống huyết.

Ba ngày sau khi chôn cất, tang gia đi viếng mộ, đem theo các phẩm vật như: bông, rượu, trà, trái cây, bánh, nhang đèn, để cúng Thần hoàng Bồn cảnh, Đất đai, cầu nguyện xin gởi thi hài của người thân nơi đây. Kế đó xem ngôi mộ có đắp kín đáo không và bàn việc xây mộ.

Lưu ý: Đạo Cao Đài không theo mê tín, nên: - Không có mở cửa mả. - Không đem linh vị ra mộ để cúng. - Không rước vong về thờ. - Không đốt giấy vàng bạc.

16. Tuần cửu - Tiểu tường - Đại tường - Xả tang.

1. Tuần cửu:

Cách tính ngày để làm Tuần Cửu:

Ngày chết, đếm là 1, đếm đến ngày thứ 9 thì làm Tuần Nhứt Cửu; tiếp tục đếm tới ngày thứ 18 thì làm Tuần Nhị Cửu; v.v..., tiếp tục đếm tới ngày thứ 81 thì làm Tuần Cửu Cửu, tức là Chung Cửu.

Thư ký Lễ vụ tại Thánh Thất tính giùm các ngày này, biên vào miếng giấy, để đến đúng ngày là tang quyền tới Thánh Thất làm Tuần Cửu.

a) Làm lễ tại Thánh Thất:

Tang quyền bưng khay vong đến Thánh Thất, đưa lên lầu HTĐ, cúng thời Ngọ, có thượng sớ Tuần Cửu.

Cúng thời xong thì đem khay vong xuống đặt nơi CTĐ, nhập đàn trở lại, tụng Kinh Khai Cửu, sau đó tụng Kinh Tuần Cửu (Đệ Nhứt Cửu, Đệ Nhị Cửu,...), sau cùng là tụng Di-Lạc Chơn Kinh.

b) Làm lễ tại tư gia:

Nếu hoàn cảnh Tang gia không thuận tiện đến Thánh Thất làm Tuần Cửu thì Bàn Trị Sự tổ chức làm Tuần Cửu tại tư gia.

▪ Thiết lễ cúng Đức Chí Tôn vào thời Ngọ, dâng đủ Tam bửu, thượng sớ Tuần Cửu. Chánh Trị Sự chứng đàn và đứng sớ. Nhớ bưng khay vong để trên ghế đôn, đặt phía sau vị chứng đàn, để vong cúng Đức Chí Tôn. Cúng xong, bưng khay vong ra, bãi đàn.

▪ Nhập đàn trở lại, cầu nguyện Đức Chí Tôn, tụng Kinh Khai Cửu, tụng xong, lạy Thầy 3 lạy 12 gật, xá rồi bước ra, còn tang quyền vẫn quì. Tụng tiếp Kinh Tuần Cửu, tụng 3 lần, dứt niệm Câu Chú của Thầy 3 lần, lạy 3

lạy 12 gậy, mỗi gậy niệm chú Thầy, đứng dậy, xá rồi bước ra.

▪ Tiếp theo là Bàn Trị Sự, đồng đạo và gia quyến tụng Di-Lạc Chơn Kinh.

Trong kỳ Chung Cửu, nếu tang gia muốn cúng thêm như cúng Cửu Huyền Thất Tổ và cúng vong, tang gia phải bàn tính trước với Bàn Trị Sự để sắp đặt nhạc lễ và đồng nhi. Nghi thức Cáo Từ Tổ và cúng vong giống y như lúc trước trong phần Tang lễ.

2. Tiểu Tường và Đại Tường.

a) Làm lễ tại Thánh Thất:

Làm lễ Tiểu Tường hay Đại Tường tại Thánh Thất, nghi thức giống y như hành lễ Tuần Cửu, nhưng tụng bài Kinh Tiểu Tường hay Đại Tường.

Hiện nay nơi Thánh Thất, mỗi thời cúng Ngọ, đều có làm Tuần Cửu, Tiểu Tường, Đại Tường cho bốn đạo ở quanh vùng. Do đó, khi dâng sớ thì trong phần lòng sớ kê chung trong một sớ: tên họ, phẩm tước những người nào đến ngày này làm Tuần Cửu, Tiểu Tường, Đại Tường.

Thường thì khi làm Đại Tường nơi Thánh Thất xong, tang gia bung khay vong về nhà cúng vong tế điện luôn.

b) Làm lễ tại tư gia:

Nghi lễ giống y như làm Tuần Cửu tại tư gia, nhưng thay vì tụng Kinh Tuần Cửu thì tụng Kinh Tiểu Tường hay Đại Tường. Sau đó tụng Di-Lạc Chơn Kinh.

Tiểu Tường thì chưa mãn tang nên làm lễ bình thường, nhưng đến khi làm lễ Đại Tường tại tư gia thì làm long trọng hơn, có tế điện phần Thế đạo, mời nhiều người tới dự hơn, vì là mãn tang có lễ Trừ phục.

Khi lễ Đại Tường làm xong phần Thiên đạo, tiếp theo là tế Thế đạo luôn, có nhạc lễ và đồng nhi. Phần này làm giống y như lúc Tang lễ: Tế điện, Chánh tế và Phụ tế, như đã nói trong các phần trước.

Một vị đại diện tang quyến, đứng trước bàn vong, phát biểu lời cảm tạ chung các cơ quan và ban bộ, cùng các thân bằng và đồng đạo.

Sau lễ Đại Tường là mãn tang, có phần Trừ phục.

3. Mãn tang - Trừ phục:

Trừ phục là trừ bỏ quần áo tang. Nghi tiết Trừ phục giống như nghi tiết Thành phục, chỉ đổi vài câu xướng cho thích hợp. Hai Lễ sĩ đứng hai bên bàn vong, xướng:

1. Tang chủ tựu vị.

2. Giai quì.

3. Phần hương.

4. Nguyện hương.

5. Thượng hương.

6. Cúc cung bái.

7. Ngũ phục chi nhơn các tựu diệt phục. (Những người để tang trong Ngũ phục đến cúi bỏ tang phục)

Vị Chánh Trị Sự mặc đại phục đến gỡ bỏ khăn tang cho Tang chủ, còn những người khác chờ lễ xướng Hưng bình thân liền đứng dậy, tự cúi bỏ tang phục ra. Tất cả tang phục gom lại để đốt.

8. Hưng bình thân.

9. Giai quì. (Tất cả trở lại quì xuống trước bàn vong)

10. Cúc cung bái.

11. Hưng bình thân.

12. Chủ nhơn dĩ hạ giai xuất. (Người chủ sắp xuống đều bước ra ngoài).

13. Lễ thành.

Tiếp theo là phần đốt linh vị.

Vị Chánh Trị Sự bảo bùng khay vong đến trước Thiên bàn, chủ nhơn quì xuống cầu nguyện Đức Chí Tôn trong lễ mãn tang, xin ban ơn lành cho linh hồn người chết. Vị CTS châm đèn cây đốt linh vị, trong khi đó thì đồng nhi tụng Vãng Sanh Thần Chú 3 hiệp, rồi niệm câu chú của Thầy 3 lần. Tất cả đồng vào lạy Đức Chí Tôn.

Phần lễ Tang Tế Sự đến đây chấm dứt.

17. Nghi tiết Tang lễ hàng Thiên Thần.

Hàng Thiên Thần gồm các phẩm Chức sắc nam nữ:

- Lễ Sanh, - Giáo Thiện, - Sĩ Tả, - Hiền Tài,
- Cai Nhạc, - Bếp Nhạc, - Phó Tổng Giám.

Theo quyền Quan Hôn Tang lễ 1975 của Hội Thánh:

SƠ GIẢI: Phẩm này được hành pháp xác, chèo hầu tại Khách đình, (không chèo đưa), hành lễ tế điện theo hàng Thiên Thần, làm Tuần cửu, Tiểu tường, Đại tường, bài thài theo hàng Thiên Thần.

NGHI TIẾT HÀNH LỄ:

1. Hấp hối: Tụng Kinh Cầu Hồn khi hấp hối (Ráp nhập cảnh . . .)

2. Tắt hơi: Tụng Kinh Khi đã chết rồi (36 cõi . . .)

3. Tại Đền Thánh hay Thánh Thất: Đồ một hồi trống, một hồi chuông (báo tử).

4. Thượng sớ Tân cổ: Dâng sớ tại Đền Thánh hay Thánh Thất.

5. Nhập mạch (Tẩn liệm): Tụng Kinh Tẩn liệm (Dây oan nghiệt)

6. Di linh cữu vào Khách đình:

Vị qui liễu thuộc hàng Chức sắc nên phải di linh cữu vào Khách Đình, nếu tang chủ muốn để nơi tư gia hành tang lễ thì phải xin phép Hội Thánh.

Trật tự khi đi:

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Sanh.
3. Dàn nam.
4. Bàn hương án, 1 lọng có 2 lễ sớ mặc áo màu xanh đậm phò vong.
5. Đồng nhi theo hầu, không đọc kinh.
6. Thuyền Bát Nhã chở linh cữu.
7. Tang quyến.

7. Nơi Khách Đình:

- Bái lễ Đức Chí Tôn.
- Cáo Từ Tổ.
- Thành phục - Phát tang.
- Hành lễ Tế điện (Chánh tế) hàng Thiên Thần.
- Như có các cơ quan Đạo hoặc thân bằng cố hữu tế lễ thì Phụ tế, nghi châm chước.

8. Cầu siêu: Tụng Kinh Cầu siêu (Đầu vọng bái...), tụng xen Kinh Khi đã chết rồi (Ba mươi sáu cõi...), mỗi bài tụng 3 lần, dứt thì niệm câu chú của Thầy 3 lần.

Sau đó Ban Tổng Trạo làm lễ Chèo hầu.

Lễ chèo hầu xong, đồng nhi tụng Di-Lạc Chơn Kinh.

9. Ngày an táng:

- Hành lễ châm chước lễ Cáo Từ Tổ.
- Một vị Chức sắc hành Phép xác, Phép đoạn căn, Phép độ thăng, trong lúc đó, đồng nhi tụng Kinh Cầu siêu xen với Kinh Khi đã chết rồi, tụng 3 lần, niệm câu chú của Thầy 3 lần.
- Khiển điện.
- Di linh cữu ra thuyền Bát Nhã.
- Đi đến Báo Ân Từ, thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu (rước và đưa đều có đồ 1 hồi chuông)
- Đến Đền Thánh, cũng thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn (khi rước có đồ 1 hồi trống và 1 hồi chuông, khi đưa cũng vậy).
- Trở ra, đưa đến Nghĩa địa (đất Cực Lạc) an táng. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh cữu từ khi di linh cữu cho đến huyệt.

Trật tự đưa đám:

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Sanh.
3. Đồng nhi tụng Kinh Đưa linh cữu, có đèn.
4. Bàn hương án, 1 lọng có 2 lễ sĩ hầu.
5. Văng, lụy.
6. Thuyền Bát Nhã chở linh cữu.
7. Dàn nam
8. Tang gia.
9. Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ.

10. Tại nghĩa địa (đất Cực Lạc):

- Đại diện các cơ quan Đạo đọc Ai điệu (nếu có).
- Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyệt và Chú Vãng Sanh 3 lần, niệm câu chú của Thầy 3 lần./.

Giải tán.

18. Nghi tiết Tang lễ hàng Nhơn và Địa Thần.

* *Hàng Nhơn Thần* gồm các phẩm Chức việc nam nữ:

- Chánh Trị Sự, - Phó Trị Sự, - Thông Sự,
- Luật Sự, - Hành Thiện, - Thỉnh Thiện,
- Nhạc Sĩ, - Lễ Sĩ, - Giáo Nhi,
- Tá Lý, - Đầu Phòng Văn.

* *Hàng Địa Thần* gồm các phẩm nam nữ:

- Đạo hữu, - Thơ ký,
- Tân Dân, - Minh Đức, - Đạo sở.

Các chức vị trên đây, nếu giữ Thập trai hay Trường trai thì được làm các phép bí tích: phép xác, phép đoạn căn, phép độ thăng, được hành lễ tế điện có bài thái, được làm Tuần cửu, Tiểu tường, Đại tường.

NGHI TIẾT HÀNH LỄ:

1. Hấp hối: Tụng Kinh Cầu Hồn khi hấp hối.

2. Tắt hơi: Tụng Kinh Khi đã chết rồi.

3. Tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất:

Động chuông cảnh cáo: nam 7 tiếng, nữ 9 tiếng.

4. Thượng sớ Tân cố: Dâng sớ tại Đền Thánh hoặc Thánh Thất hay tư gia cũng được.

5. Nhập mạch (Tẩn liệm): Tụng Kinh Tẩn liệm.

Thân nhân muốn đem linh cữu vào Khách đình hay đề nơi tư gia tùy ý. Nếu muốn đem vô Khách đình thì phải xin phép Hội Thánh.

6. Thành phục - Phát tang:

- Bái lễ Đức Chí Tôn.

▪ Cáo Từ Tổ. Phải có mâm đựng tang phục đặt phía trước bàn thờ, hành lễ Cáo Từ Tổ xong thì đem mâm

tang phục qua đặt trước bàn vong, cầu nguyện. Vị Chức sắc hay Chức việc hữu trách mặc đại phục phát tang cho tang quyến.

- Hành lễ Tế điện, đọc Ai chúc:
- Chánh tế: vợ tế chồng hay con tế cha, vv
- Phụ tế: nếu có thân bằng cố hữu tế lễ thì làm nghi châm chước.

7. Cầu siêu: Tụng Kinh Cầu siêu xen Kinh Khi đã chết rồi, tụng 3 lần, niệm câu chú Thầy 3 lần. Tiếp theo sau là tụng Di-Lạc Chơn Kinh (DLCK).

8. Lễ An táng:

- Hành lễ châm chước Cáo Từ Tổ.
- Một vị Chức sắc hành Phép xác, phép Đoạn căn và Phép Độ thăng, trong lúc đó, đồng nhi tụng Kinh Cầu siêu xen với Kinh Khi đã chết rồi, tụng 3 lần, niệm câu chú của Thầy 3 lần.
- Khiển điện.
- Di linh cữu ra thuyền Bát Nhã. Đồng nhi tụng Kinh Đưa Linh cữu.
- Đi đến Báo Ân Từ: thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu (khi rước và đưa đều đồ 1 hồi chuông).
- Đến Đền Thánh: cũng thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn (khi rước và đưa đều có đồ 1 hồi chuông) (không đồ trống).
- Trở ra, đưa đến Nghĩa địa (đất Cự lạc) an táng.

Trật tự đưa đám:

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Sanh.
3. Bàn vong, theo sau là Bàn đưa.
4. Đồng nhi tụng Kinh Đưa linh cữu, có đờn.

5. Vãng lụy nếu có.
6. Thuyền Bát Nhã chở linh cữu.
7. Tang quyến.
8. Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu nam nữ.

9. Tại nghĩa địa:

- Đọc Ai điệu (nếu có).
- Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyết và Chú Vãng Sanh 3 lần, khi dứt niệm câu chú Thầy 3 lần.

Giải tán.

19. Tang lễ của Đạo hữu giữ Lục trai:

(Theo quyền Quan Hôn Tang Lễ 1975 của Hội Thánh)

Đạo hữu giữ Lục trai thuộc hàng Vong phạm, không được đổi phẩm Địa Thần.

SƠ GIẢI: Những vị này không được làm phép xác, phép đoạn căn, khi Cầu siêu thì chỉ tụng Kinh Cầu Siêu (Đầu vọng bái....) và tụng Di-Lạc Chơn Kinh mà thôi (không được tụng xen Kinh Khi đã chết rồi), được hành lễ tế điện giống như trường hợp Đạo hữu 10 ngày chay. Không được làm Tuần cữu, Tiểu tường và Đại tường. Khi tới ngày Tuần cữu, Tiểu tường, Đại tường thì thân như người qui liễu đến Thánh Thất sở tại xin làm lễ Cầu siêu.

NGHI TIẾT HÀNH LỄ:

1. **Hấp hối:** Tụng Kinh Cầu Hồn khi hấp hối.
2. **Tắt hơi:** Tụng Kinh Khi đã chết rồi.
3. **Thượng sớ Tân cổ:** Dâng sớ tại Thánh Thất hay tư gia (không được dâng sớ ở Đền Thánh).
4. **Tẩn liệm (Nhập mạch):** Tụng Kinh Tẩn liệm.

Thân nhân muốn đem linh cữu vào Khách đình hay để nơi tư gia tùy ý. Nếu muốn đem vào Khách đình thì phải xin phép Hội Thánh.

5. Thành phục - Phát tang:

- Nếu để nơi tư gia thì hành lễ Đức Chí Tôn, Cáo Từ Tổ, Thành phục, Phát tang.

Còn đem vào Khách đình thì cũng hành lễ Đức Chí Tôn trước.

- Hành lễ Tế điện (Chánh tế) giống như trường hợp Đạo hữu 10 ngày chay, nếu có thân bằng cố hữu thì làm nghi Phụ tế châm chước.

6. Cầu siêu: Tụng Kinh Cầu siêu 3 lần, không tụng xen Kinh Khi đã chết rồi. Niệm câu chú Thầy 3 lần. Tiếp theo, tụng Di-Lạc Chơn Kinh.

7. Lễ An táng:

- Hành châm chước lễ Cáo Từ Tổ.
- Tụng Kinh Cầu siêu 3 lần, niệm câu chú của Thầy 3 lần. (Không được làm các phép bí tích).
- Khiển điện.
- Di linh cữu ra thuyền Bát Nhã. Đồng nhi tụng Kinh Đưa linh cữu.
- Đi đến Báo Ân Từ: thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu. (không động chuông đưa hay rước).
- Đến Đền Thánh, cũng thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn (không động chuông đưa hay rước).
- Trở ra, đưa đi an táng nơi Nghĩa địa.

Trệt tự đưa đám:

1. Bảng Đại Đạo.
2. Phướn Thượng Sanh.
3. Bàn vong.

4. Đồng nhi tụng Kinh Đưa linh cữu, có đòn.
5. Văng lụy (nếu có)
6. Thuyền Bát Nhã chở linh cữu.
7. Tang quyến.
8. Chúc việc, Đạo hữu, thân bằng nam nữ.

8. Tại nghĩa địa:

- Đọc Ai điệu (nếu có).
- Đồng nhi tụng Kinh Hạ Huyết và Chú Vãng Sanh 3 lần, niệm câu chú của Thầy 3 lần./.

Giải tán.

So sánh Tang lễ giữa 2 Đạo hữu giữ: Thập trai và Lục trai.

Đạo hữu giữ 10 ngày chay:

Đạo hữu giữ 6 ngày chay:

Đối phẩm Địa Thân.	Vong phàm
Hưởng phép xác, đoạn căn, độ thăng.	không
Cầu siêu: có tụng Kinh Khi đã chết rồi.	không
Làm Tuần cửu, Tiểu tường, Đại tường.	không
Có động chuông khi đến Báo Ân Từ và Đền Thánh bái lễ.	không

Chỉ sai biệt có 4 ngày ăn chay trong 1 tháng mà người Đạo hữu giữ Lục trai mất đi rất nhiều quyền lợi quan trọng như: *không được làm các phép bí tích, không được làm Tuần cửu, Tiểu tường và Đại tường, và nhất là không được đối phẩm Địa Thân, chỉ được xem là Vong phàm, được lay 2 lay quì 2 lay đứng.*

20. Tang lễ Bạt tiến:

Bạt tiến là đề cử dâng lên Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng xin cứu giúp linh hồn. Có 2 trường hợp:

1. Đạo hữu hay Cựu Chức việc còn giữ Đạo nhưng ăn chay không đủ 6 ngày trong 1 tháng.

Hành lễ Bạt tiến với nghi tiết giống y như trường hợp Đạo hữu giữ Lục trai, nhưng bớt ra 2 phần:

- Khi tắt hơi không tụng Kinh Khi đã chết rồi.
- Không thượng sớ Tân cổ tại Thánh Thất. Nếu tư gia có lập Thiên bàn thì thượng sớ tại tư gia, nếu tư gia không có Thiên bàn thì thượng sớ tại nhà của một Chức việc gần đó.

2. Đạo hữu sa ngã bỏ Đạo và người ngoại Đạo:

- Phần Kinh Thiên đạo: chỉ tụng 2 bài: Kinh Cầu siêu và Vãng sanh Thần chú. Tội được tụng DLCK. Không tụng các bài kinh Thiên đạo khác.

- Phần Kinh Thế đạo: được tụng đầy đủ khi tế lễ, chánh tế và phụ tế.

* Về Cầu siêu bạt tiến, nếu ở gần Thánh Thất thì cầu siêu nơi Thánh Thất, nếu xa Thánh Thất thì thiết lễ Cầu siêu nơi tư gia của Chức sắc hay Chức việc gần đó.

* Nếu người trong thân quyến chịu nhập môn thì dễ hơn, Chức sắc cứ đến thượng tượng cho nhập môn, rồi thiết lễ tang sự luôn. (Theo Quan Hôn Tang Lễ 1975 của HT)

Hội Thánh có dặn rằng:

"Tối lại, cả Đạo hữu và tang quyến phải thành tâm tụng Di-Lạc Chơn Kinh cho tới ngày di linh cửu.

Điều trọng yếu hơn hết là trọn tang gia phải ăn chay trong mấy ngày quan tài còn tại nhà thì mới làm Bạt tiến cho linh hồn giải thoát đặng."

21. Trường hợp: -Tự tử, -Sét đánh, -Tang lễ Nhi đồng.

1. Người chết vì tự tử: không được hành lễ tang theo phép Đạo.

2. Người chết vì bị sét đánh:

Người bị sét đánh, tam thể xác thân bị tan rã, nên không thể cầu cứu vào đâu được.

Do đó, trong Tang lễ, không làm phần Thiên đạo, chỉ tế lễ theo phần Thế đạo để thân nhân tỏ lòng hiếu kính và thương tiếc mà thôi.

3. Tang lễ cho nhi đồng:

Theo tài liệu Hạnh Đường, huấn luyện Chức việc Bàn Trị Sự nam nữ năm Canh Tuất (1970) thì:

- Trẻ em từ 10 tuổi trở lên đến 17 tuổi (vì 18 tuổi là đủ tuổi nhập môn), nếu có Giấy Tắm Thánh, giữ Thập trai hay trường trai, thì làm các Nghi tiết Tang lễ giống y như Tang lễ hàng Nhơn Thần và Địa Thần.

- Trẻ em dưới 10 tuổi chết thì chỉ Thượng sớ và Cầu siêu mà thôi.

22. Tang lễ trong thời gian chư Thánh triều Thiên.

Sau ngày lễ Đưa chư Thần Thánh Tiên Phật triều Thiên mỗi năm, từ ngày 23 đến 30 tháng chạp âm lịch, các Đấng cầm quyền cai trị Càn khôn thế giới đều lên Ngọc Hư Cung châu lễ Đức Chí Tôn, để báo cáo các việc trong một năm vừa qua, và nhận nhiệm vụ trong năm tới.

Trong thời gian 7 ngày cuối năm này, các Chức sắc từ phẩm Chánh Phối Sư đổ xuống Giáo Hữu và các phẩm tương đương khi qui vị, tang lễ phải làm tại tư gia (nếu không có tư gia thì hành lễ tại Khách đình), không di linh

cửu vào Báo Ân Từ và Đền Thánh, không chèo hầu, chỉ được chèo đưa.

Còn các phẩm:

- Lễ Sanh và các phẩm tương đương,
- Chức việc BTS và các phẩm tương đương,
- Đạo hữu và các phẩm tương đương.

Khi qui liễu thì hành lễ cúng tế tại tư gia. Nếu vị nào không có tư gia thì hành lễ tại Khách đình.

Các lễ: Tế điện, Cầu Siêu, hành các phép bí tích, an táng, đều được tụng kinh như thường lệ.

23. Giải thích: Thuyền Bát Nhã, Dàn bắc Dàn nam.

1. Dàn bắc - Dàn nam:

■ **Dàn bắc** là dàn nhạc cổ, trỗi lên những bản nhạc cung Bắc. Đây là những bản nhạc cổ phóng tác theo Tàu nhưng âm điệu mang sắc thái VN. Nhạc cung Bắc gồm 6 bản: Lưu thủy trường, Xuân tình, Phú lục, Bình bán chán, Tây thi, Cổ bản. Dàn bắc thường gồm các nhạc khí:

- Trống cái - Kèn - Thanh la - Chập chả.

■ **Dàn nam** là dàn nhạc cổ trỗi lên các bản nhạc cung Nam. Đây là những bản nhạc cổ được sản xuất ở Nam VN từ thời Chúa Nguyễn, nên chịu ảnh hưởng của nhạc Chiêm thành, tứ nhạc có giọng ai, bi, oán. Nhạc cung Nam gồm 3 bài: Nam ai, Nam xuân, Đảo ngũ cung.

Dàn nam thường gồm các nhạc khí sau đây:

- Trống cơm - Kèn - Đờn cò - Cặp sanh.

Nghi thức đưa tang trong Đạo Cao Đài, đối với hàng Chức sắc Thiên phong, tùy theo phẩm cao thấp mà có Dàn nam hay Dàn bắc hoặc cả hai Dàn nam bắc theo đưa tang.

2. Thuyền Bát Nhã:

Bát Nhã là do phiên âm từ tiếng Phạn: Prajnâ, dịch ra Hán văn là Trí huệ, nghĩa là sự hiểu biết rốt ráo, thông suốt tất cả từ cõi người đến cõi trời. Từ ngữ Trí huệ chưa đạt hết ý nghĩa của chữ Prajnâ (Bát Nhã), nên các nhà tôn giáo vẫn thường dùng danh từ Bát Nhã.

Bát Nhã là trí huệ bậc nhất, vượt lên khỏi Tham, Sân, Si, dứt các mê lầm, tự mình thông đạt, tự mình hiểu biết hết các lẽ. Đạt được Trí huệ Bát Nhã là đắc đạo.

Thuyền Bát Nhã là chiếc thuyền Trí huệ do pháp nhiệm của Phật tạo nên để rước các chơn hồn đắc đạo lên cõi CLTG.

Thuyền Bát Nhã là từ ngữ để nói so sánh: Con người sống trong cõi trần ô trược nên bị tấm màn vô minh che lấp, để cho lục dục thất tình cám dỗ khiến sai. Chừng nào phá bỏ được tấm màn vô minh ấy thì vượt lên khỏi sự cám dỗ của lục dục thất tình, trở lại làm chủ chúng nó, lúc đó con người hết vô minh, tức nhiên đạt được Trí huệ, và cái Trí huệ ấy ví như chiếc Thuyền Bát Nhã, đưa con người đến cõi Cực Lạc Niết Bàn, đắc đạo thành Tiên Phật.

Trong thời ĐĐTKPĐ, Thuyền Bát Nhã do Đức Phật Di-Lạc làm chủ thuyền, rước các chơn hồn có đầy đủ công đức, vượt qua bể khổ, thoát khỏi luân hồi, đến cảnh TLHS mà Phật gọi là Cực Lạc Niết Bàn, Tiên gọi là Bồng Lai Tiên cảnh mà an hưởng những điều cực lạc.

Trong TNHT, có 4 câu thơ tả Thuyền Bát nhã:

*Khuôn thuyền Bát nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có đạo trong muôn ngời cũng đủ,
Không duyên một đũa cũng là chìm.*

Theo thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, trên sông Ngân Hà, một nhánh của biển khổ nơi cõi thiêng liêng, Đức Quan Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chèo chiếc thuyền Bát Nhã qua lại để độ sanh, rước những người đầy đủ phước đức đi qua biển khổ, đến cõi TLHS.

Theo bài thái hiến lễ Tam Nương trong Lễ Hội Yến DTC, Tam Nương cũng có nhiệm vụ chèo chiếc thuyền Bát Nhã rước người phước đức vượt qua biển khổ:

*Biển mê lắt léo con thuyền,
Chở che khách tục, cứu tuyền ngấn sông.*

Trong truyện Tây Du Ký, khi thầy trò Tam Tạng đến bến Lăng Vân, không thể đi lên cầu để qua bờ bên kia được. Đang lúc bối rối thì có vị Phật là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn chèo chiếc thuyền không đáy tới rước. Tam Tạng thấy thuyền không đáy nên không dám bước xuống, Tề Thiên Đại Thánh bồng xô Tam Tạng một cái, Tam Tạng ngã xuống nước, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đỡ Tam Tạng lên thuyền, và chèo thuyền qua sông, khi đến giữa sông thì gặp một xác người đang trôi xuống, xem kỹ thì đó chính là xác phàm của Tam Tạng. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn chúc mừng Tam Tạng, đã bỏ xác trần, đắc thành Phật vị.

Thuyền qua đến bờ bên kia, Tam Tạng nhẹ nhàng bước lên bờ cùng với ba đồ đệ. Khi quay nhìn lại, thấy con thuyền và vị Phật đều biến mất. Thế mới gọi là pháp trí huệ quảng đại đưa thầy trò lên bờ Cực Lạc.

Con thuyền không đáy ấy chính là chiếc Thuyền Bát Nhã mà người chèo là Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Bí pháp và Thể pháp của Thuyền Bát Nhã:

- **Bí pháp:** Thuyền Bát Nhã là chiếc thuyền rồng qua lại trên biển khổ nơi cõi thiêng liêng để rước những chơn hồn có đầy đủ phước đức, từ bờ bên này của biển

khổ (thử nạn) là bờ luân hồi, sang qua bờ bên kia (bỉ nạn) là bờ đắc đạo, đi vào cõi TLHS. Đây là chiếc thuyền cứu độ các chơn linh trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn.

- **Thể pháp:** Thuyền Bát Nhã được đóng bằng gỗ, có hình dáng là một con rồng vàng, đầu rồng, đuôi rồng, nơi chính giữa của mình rồng cất lên một cái nhà vàng để đặt linh cữu người chết, chở vào nghĩa địa chôn cất.

Vì có Thể pháp và Bí pháp huyền diệu như thế nên không thể gọi Thuyền Bát Nhã là chiếc "xe tang" được.

Nơi vùng Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, Thuyền Bát Nhã được đóng trên một cái khung 2 bánh cao su xe hơi, hai bên hông thuyền có gắn hai sợi dây thùng to và dài để các đạo tỳ kéo thuyền đi từ từ trên đường phố, đầu rồng và đuôi rồng lắc lư theo nhịp đi, nên từ xa nhìn vào thấy khung cảnh ấy rất ngoạn mục và huyền bí.

Năm Ất Hợi (1935), sau khi Đức Chí Tôn ban cho Kinh Tận độ thì Đức Phạm Hộ Pháp ra lệnh Ngài **Khai Pháp** Trần Duy Nghĩa làm lễ khai Thuyền Bát Nhã tại Khách Đình TTTN, tức là *khai pháp* Thuyền Bát Nhã

(Bí pháp và Thể pháp) từng Cơ Tận độ của Đức Chí Tôn.

Trong buổi lễ này, Ngài Khai Pháp đọc một bài thuyết đạo nói về sự tích của Thuyền Bát Nhã và giải thích về Chèo Thuyền, xin trích đoạn ra sau đây:

"Bản tăng vâng lệnh Đức Hộ Pháp dẫn giải cho nhơn viên hiện có trách nhiệm trọng yếu trong Bát Nhã thuyền được rõ: *Lấy theo Thể pháp, các em đây là nhơn viên của Đức Phật Di-Lạc*, tượng trưng thể pháp nơi mặt thể này, nương lấy khuôn thuyền Bát Nhã trong thời kỳ hạ nguồn hầu mãn khởi đầu thượng nguồn Tứ Chuyển.

Về hữu vi, tượng trưng đưa xác người vào nơi cực lạc giới, gọi là kiếp thoát trần; mặt khác về nhiệm mầu vô vi là Cơ Tận độ cứu rỗi 92 nguyên nhân qui hồi cực vị, cùng các chơn hồn tiền vãng hậu vãng và các chơn hồn vật loại đạt đến phẩm người, khi thoát xác được siêu thăng Thượng giới."

"Thuyền Bát Nhã có được là do Đức Phật Tổ lấy một bèn sen (một cánh bông sen) nơi CLTG, dùng Tam muội hỏa mà biến thành, ấy là bí pháp của nhà Phật.

Hai chữ Bát Nhã, Phật tông nguyên lý trong kinh gọi là Trí huệ, để mở mang sự sáng suốt cho các bậc chơn tu, cũng ám chỉ là Thuyền Từ đưa người thoát tục.

Trải qua bao kỷ nguyên, người tu đắc đạo cũng nương lấy Bát Nhã thuyền do nhiệm mầu thiêng liêng mà về nước Phật hay đến cõi Hư Vô tịch diệt."

"Thuở Hồn Độn, khi Trời Đất phân ngôi thứ rồi mà chưa có loài người, Đức Diêu Trì Kim Mẫu, đạo Minh Sư gọi là Lão Mẫu, vâng lệnh Đức Thượng Đế nhóm ngự triều Đại hội nơi Kim Bồn, phòng định **100 ức nguyên nhân** xuống trần, dùng Ngọc Lộ Kim Bàn trụ các nguyên nhân cho xuống thế lập đời.

Trước khi ấy, Lão Mẫu kê toàn cả linh căn chơn tánh dự Hội Yến Bàn Đào, ban cho mỗi vị một cái túi gọi là *Vạn Bửu Nang*, trong đó có 8 món báu là: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, và căn dặn khi xuống trần thế, rui mất một món là về cùng MẸ không đặng.

Lão Mẫu dùng Bát Nhã thuyền chở toàn linh căn và 8 món báu ấy đưa xuống lập đời. Có bài kệ rằng:

*Linh căn ngày đó xuống trần ai,
Cái cái vui mừng nhập mẫu thai.
Vì mất Bửu nang mê nghiệp hải,
Làm sao tỉnh ngộ trở hồi lai.*

Bên kia có Đại Tiên hiệu là Cù Tán Đờm hay Kim Quang Sứ, thấy Phật Mẫu cho chơn linh xuống trần thì cũng xuống trần, dẫn theo 5 chơn linh qui vị biến thành:

1. Kim là tiền bạc. 2. Mộc là sắc đẹp. 3. Thủy là rượu ngọt. 4. Hỏa là nóng giận. 5. Thổ là nha phiến.

Mỗi chơn linh qui vị đều biến ra 5 mùi vị khác nhau cho các nguyên căn say mê mà quên các Bửu nang.

Con người lớn lên thấy tiền thì ham, thấy sắc lịch thì mê, thấy rượu ngọt thì ưa, mà nó giục cho con người nóng giận và say mê nha phiến, chúc quỷ mưu tà, hằng xúi giục bày ra muôn ngàn sự khoái lạc nơi trần khổ chẳng xiết, nên các linh căn vì lưu luyến hồng trần, vui say mùi vị thế gian mà quên nguồn cội."

Nhơn thời Hạ nguyên này, do cơ bút mà biết được có 8 ức nguyên nhân đắc đạo trong hai kỳ Phổ Độ trước. Những nguyên nhân đắc đạo ấy đến tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giáng trần, chịu mạng lệnh nơi Đức Di-Lạc Vương Phật, lo cứu rỗi 92 ức nguyên nhân còn say đắm nơi trần.

Bây giờ nhắc lại Thể pháp cuộc Chèo Thuyền Bát Nhã, phận sự của nhân viên trong thuyền có:

- Tổng Lái - Tổng Mũi

- Tổng Thương - Tổng Khâu - 12 Bá Trạo.

- **Tổng Lái:** là chơn linh Hắc Sát Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của Hộ Pháp. Tổng Lái tượng trưng Bát Quái Đài.

- **Tổng Thương:** là chơn linh Huỳnh Long Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của Thượng Sanh. Tổng Thương tượng trưng cho CTĐ.

- **Tổng Mũi:** là chơn linh của Bạch Hổ Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của

Thượng Phẩm. Tổng Mũi tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài.

- **Tổng Khậu:** tượng trưng nhơn sanh, tánh tình của Tổng Khậu vô chừng, vui buồn chẳng định, và chẳng trong thời biến chuyển loạn lạc, phải chịu dưới phép sai khiến của lực dục thất tình, vì danh lợi tự đem mình đến chỗ trụ lạc, vì vật chất xa hoa quyến rũ.

- **Mười hai Bá Trạo:** Con số 12 là bí pháp, số riêng của Đức Chí Tôn. Ngài nắm Thập nhị Khai Thiên nơi tay, tức là Thập nhị Thời Thần nơi Bạch Ngọc Kinh. Còn Thể pháp là Thập nhị Thời Quân HTĐ mà chúng ta đã biết trong cửa ĐĐTKPĐ. Vậy 12 Bá Trạo tượng trưng Thập nhị Địa Chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, mà biến tướng Càn Khôn thể giới, làm cho rộng lớn thêm lên vũ trụ bao la.

Những vị vừa kể trên, vừa chèo vừa hát rập ràng, theo chơn truyền của đạo là Thể pháp. Thể pháp có hành thi Bí pháp mới tự. Ấy là dĩ huyền độ chơn.

Thể pháp và Bí pháp lúc nào cũng phải đi đôi, cũng như người có xác và hồn phải tương liên, bằng chẳng vậy, có xác không hồn là điên, có hồn không xác là vị đó vậy.

"Đức Chí Tôn là chúa tể CKVT, hoá sanh vạn vật, cầm quyền thiêng liêng cũng như hữu hình, với lòng Đại từ đại bi, chẳng nề ngôi nhìn con cái của Ngài phải chịu trầm luân khổ hải, nên Ngài dùng Bí pháp định cho Tam vị Thần xuống thế tượng trưng Thể pháp là: Tổng Lái, Tổng Mũi, Tổng Thương, lái vững khuôn thuyền Bát Nhã để độ dẫn các chơn linh: nguyên nhân, hóa nhân, quả nhân, và các chơn hồn tức là chúng sanh, dầu xiêu lạc nơi nào cũng tìm rước về hội ngộ cùng Thầy.

Trong thời kỳ Hạ nguơn Tam Chuyển bước qua Thượng nguơn Tứ Chuyển, là Đại Ân Xá Kỳ Ba, chính

Đức Chí Tôn là Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút mở Đạo Cao Đài tại nước Việt Nam, qui Tam giáo hiệp Ngũ chi, tạo đời Thánh đức, dụng Nho Tông Chuyển Thế với chủ nghĩa tận độ chúng sanh trên quả Địa cầu 68 này qui hồi cự vị, chẳng phân biệt giống nòi hay chủng tộc."

KẾT LUẬN:

"Trong nền ĐĐTKPĐ, dùng Thuyền Bát Nhã với Bí pháp mầu nhiệm thiêng liêng, vì Đức Di-Lạc Vương Phật Chương Giáo Thiên Tôn, làm chủ thuyền Bát Nhã, rước các bậc nguyên nhân từ Thất thập nhị Địa trở về. Đức Phật ngự trên thuyền, kêu gọi toàn linh căn chơn tánh của cửu nhị ức nguyên nhân hãy mau tỉnh ngộ về cửa này, nương thuyền Bát Nhã trở về Lôi Âm Tự và Bạch Ngọc Kinh mà hội ngộ cùng Thầy.

Còn Thể pháp, Đức Hộ Pháp vâng lệnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu, thọ mạng Đức Chí Tôn tạo thuyền Bát Nhã nơi mặt thế là tượng trưng Thể pháp, độ dẫn Bát hồn."

— Hết —

Khi Bản thảo này hoàn thành,
soạn giả có tâm nguyện
hiển Bản quyền cho Hội Thánh sử dụng.

Kính Biểu

Thánh Thất New South Wales thực hiện.

Thư từ đóng góp ý kiến. Xin liên lạc:

THÁNH THẤT N.S.W.

114-118 King Georges Road WILEY PARK NSW 2195 –
AUSTRALIA

Email: thanhthatnsw@yahoo.com.au
